

NGUYỄN DU

TRUYỆN
KIỀU

HÀ HUY GIÁP
GIỚI THIỆU

NGUYỄN THẠCH GIANG
KHẢO ĐỊNH VÀ CHÚ THÍCH



NHÀ XUẤT BẢN
ĐẠI HỌC VÀ TRUNG HỌC CHUYÊN NGHIỆP
HÀ NỘI — 1972



Tên sách : TRUYỆN KIỀU – NGUYỄN DU
HÀ HUY GIÁP GIỚI THIỆU
NGUYỄN THẠCH GIANG
KHẢO ĐÍNH VÀ CHÚ THÍCH

Nhà xuất bản : ĐẠI HỌC VÀ TRUNG HỌC
CHUYÊN NGHIỆP HÀ NỘI

Năm xuất bản : 1973

Nguồn sách : Thích Đức Châu

Đánh máy : hhongxuan, princess0917, ngoctinhpham,
linh_tt, Minhhanhtuc, Juicy, Searatuski, kimduyen,
kvkhuong, nhapcua, teszine, nhnhien, Cakeo, yelgre,
thuythaolien, yeuhoatigone, Zadd3I, DKH6789

Kiểm tra chính tả : Nguyễn Duy Hỷ, Đào Thị Thu Hòa,
Bouillard Huế, Võ Nữ Kim Như, Trương Đình Tý, Trần Ngô
Thể Nhân, Hoàng Thị Xoan, Ngô Thị Hà, Trần Thanh Tuấn,
Nguyễn Văn Phẩm, Trương Thu Trang

Biên tập chữ Hán – Nôm : Đỗ Văn Huy

Biên tập ebook : Thư Võ

Ngày hoàn thành : 04/05/2018

**Ebook này được thực hiện theo dự án phi lợi nhuận «
SỐ HÓA 1000 QUYỂN SÁCH VIỆT MỘT THỜI VANG
BÓNG » của diễn đàn TVE-4U.ORG**

**Cảm ơn các tác giả HÀ HUY GIÁP, NGUYỄN THẠCH
GIANG và nhà xuất bản ĐẠI HỌC VÀ TRUNG HỌC
CHUYÊN NGHIỆP HÀ NỘI đã chia sẻ với bạn đọc
những kiến thức quý giá.**

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU

BẢNG CHỮ TẮT

PHẦN THỨ NHẤT : GIỚI THIỆU VỀ NGUYỄN DU VÀ TRUYỆN KIỀU

PHẦN THỨ HAI : VĂN ĐỀ HIỆU ĐÍNH VÀ CHÚ THÍCH VĂN BẢN TRUYỆN KIỀU

I. VĂN ĐỀ HIỆU ĐÍNH VĂN BẢN

A. VĂN BẢN TRUYỆN KIỀU

1. Bản Kinh và bản Phường
2. Các bản Kiều nôm Liễu văn đường, Thịnh mỹ đường, Quan văn đường, Phúc văn đường
3. Bản quan văn đường Thành-thái Bính ngọ (1906).
4. Bản Kiều Oánh Mậu Thành-thái, Nhâm dần (1902).
5. Các bản Kiều nôm chép tay – Bản tiên-điền
6. Các bản Kiều quốc ngữ – Bản Trương Vĩnh Ký (1875).
7. Bản Aben đề Misen (Abel des Michels).
8. Bản Phạm Kim Chi
9. Bản Bùi Kỷ – Trần Trọng Kim
10. Bản Tản Đà

Mãy nhận xét về văn bản truyện Kiều

B. MỤC TIÊU, NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP HIỆU ĐÍNH

Mục tiêu hiệu đính

Nguyên tắc hiệu đính

Phương pháp hiệu đính

C. MỘT VÀI THÍ DỰ TRONG VIỆC ÁP DỤNG NHỮNG NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP HIỆU ĐÍNH

1. Câu 963-964

2. Câu 529-530

3. Câu 1857-1858

4. Câu 1091-1092

II. VĂN ĐỀ CHÚ THÍCH VĂN BẢN

A. ĐẶT VĂN ĐỀ

B. NHẬN XÉT TỔNG QUÁT VỀ VĂN ĐỀ CHÚ THÍCH

Về các loại chú thích

Về xu hướng chú thích, đại để có mấy xu hướng

Về phương pháp chú thích

Về nội dung các loại chú thích

C. YÊU CẦU VÀ THỂ LỆ CHÚ THÍCH

D. LƯU Ý BẠN ĐỌC

PHẦN THỨ BA : TRUYỆN KIỀU – KHẢO ĐÍNH VÀ CHÚ THÍCH TRUYỆN KIỀU

PHẦN THỨ TƯ : PHỤ LỤC

MƯỜI ĐIỀU LỆ NGÔN ĐOẠN TRƯỜNG TÂN THANH

TỰA ĐOẠN TRƯỜNG TÂN THANH

NGỮ VỰNG

A

Ă

Â

B

C

D

Đ

E

-

Ê
È
Í
Ò
Ó
Ô
Ù
Ó
À
Á
Ã
À
Á
Ã
À
Á
Ã
À
Á
Ã
À
Á
Ã

PHỤ BẢN

PHỤ BẢN I

PHỤ BẢN II

PHỤ BẢN IIIa

PHỤ BẢN IIIb

PHỤ BẢN IIIc

PHỤ BẢN IVa

[PHỤ BẢN IVb](#)

[PHỤ BẢN Va](#)

[PHỤ BẢN Vb](#)

[PHỤ BẢN VIa](#)

[PHỤ BẢN VIb](#)

[PHỤ BẢN VIIa](#)

[PHỤ BẢN VIIb](#)

[PHỤ BẢN VIIIa](#)

[PHỤ BẢN VIIIb](#)

[PHỤ BẢN IXa](#)

[PHỤ BẢN IXb](#)

[PHỤ BẢN Xa](#)

[PHỤ BẢN Xb](#)

SÁCH VÀ TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

[I. CÁC BẢN KIỀU](#)

[II. BÁO CHÍ](#)

[III. CÁC CHUYÊN ĐỀ NGHIÊN CỨU](#)

[IV. CÁC BỘ TỪ ĐIỂN, CÁC SÁCH TRA CỨU GỐC](#)

[V. CÁC LOẠI SÁCH VÀ TÀI LIỆU KHÁC](#)

NGUYỄN DU
TRUYỆN KIỀU
HÀ HUY GIÁP GIỚI THIỆU
NGUYỄN THẠCH GIANG
KHẢO ĐÍNH VÀ CHÚ THÍCH
NHÀ XUẤT BẢN
ĐẠI HỌC VÀ TRUNG HỌC CHUYÊN NGHIỆP
HÀ NỘI – 1973

TRUYỆN KIỀU

*Tiếng thơ ai động đất trời
Nghe như non nước vọng lời nghìn thu
Nghìn năm sau nhớ Nguyễn Du
Tiếng thương như tiếng mẹ ru những ngày.
Hỡi Người xưa của ta nay
Khúc vui xin lại so dây cùng Người !*

TỐ HỮU

LỜI NÓI ĐẦU

Truyện Kiều là tác phẩm văn học ưu tú được nhân dân ta rất ưa thích. Từ trước tới nay đã có nhiều bản nôm, bản quốc ngữ được in ra để đáp ứng nhu cầu thưởng thức, tìm hiểu truyện Kiều của nhân dân.

Vì vậy mà từng người, từng vùng đã thuộc Kiều theo các bản khác nhau, và rồi người nọ truyền cho người kia, ai cũng tin điều mình thuộc là đúng. Tình trạng đó khiến cho người ta dễ dàng không chấp nhận những bản Kiều có chỗ khác với điều họ đã thuộc. Cho nên có người đã tự tay sao chép lấy hay đứng ra trông nom việc khắc in một bản Kiều cho được vừa ý mình để thỏa chút nguyện riêng.

Có thể nói từ trước đến nay, truyện Kiều, qua mỗi lần xuất bản là qua một lần được hiệu đính lại có chỗ khác xưa... Và, mãi cho đến nay, chúng ta chưa thật vừa lòng một bản Kiều nào cả.

Bởi lẽ truyện Kiều đã đi vào quần chúng, và ngược lại quần chúng cũng đã thâm nhập vào truyện Kiều. Trong cuộc đời có nhiều lúc một chuyen đò nêu nghĩa, thì đây cũng thật « một chữ nêu tình », mỗi chữ đã mang ít nhiều tình cảm của quần chúng. Vì vậy, loại chữ này, để chữ kia là đã động đến một vần đê lớn - vần đê tình cảm của quần chúng.

Ngoài ra, bởi một lẽ nữa - mà có phần chắc là lẽ chủ yếu - là do phương pháp hiệu đính của chúng ta. Các công trình hiệu đính truyện Kiều đã xuất bản ít nhiều đều có

thiếu sót về mặt này. Chúng ta chưa vươn được lên trên mà nhìn cho thấy toàn cục truyện Kiều, cho nên việc thay chữ này dùng chữ kia, không phải là do yêu cầu của bản thân vẫn đề truyện Kiều đặt ra, mà nhiều khi do cảm tình và phán đoán chủ quan. Vì vậy, văn bản hiệu đính không chặt chẽ, thiếu cân xứng, thiếu tính hệ thống theo một phương thức hiệu đính nào. Tuy nhiên, các công trình đó đã góp phần quan trọng không những trong việc phổ biến truyện Kiều trong quần chúng mà còn đáng chú ý hơn cả là trong việc ổn định hóa và hợp lý hóa văn bản truyện Kiều ở những chỗ cần thiết.

*

Hiệu đính truyện Kiều là một công tác văn bản học, cho nên trước hết nó đòi hỏi trong mọi vấn đề tính hệ thống – hệ thống trong cái chung và ngay trong cả từng cái riêng rất cụ thể của vấn đề. Và, cả hệ thống này phải chịu sự quy định chặt chẽ của thực trạng văn bản với yêu cầu duy nhất là khôi phục lại diện mạo thực của văn bản. ¹

Song yêu cầu thực tế hiện nay của ta về truyện Kiều chủ yếu chưa phải là ở chỗ đó, mà là ở chỗ nó phải đáp ứng được những đòi hỏi khác nhau của đông đảo bạn đọc vốn đã quen với những chữ Kiều, những câu Kiều... như đã nói ở trên đây. Khảo đính văn bản truyện Kiều lần này, chúng tôi nhằm theo phương hướng đó, vì có như vậy mới tìm ra được những nguyên tắc và phương pháp xử lý đúng.

Xuất phát từ nhận thức đó, trình tự lý giải vấn đề của chúng tôi như sau :

Chúng tôi căn cứ vào :

1. *Những vấn đề lý luận chung về khoa văn bản học ;*
2. *Tình hình thực tế các văn bản Hán, nôm của ta ;*
3. *Thực trạng cụ thể của văn bản truyện Kiều ;*
4. *Nhu cầu trước mắt và lâu dài trong nhiều năm tới của quần chúng, đặc biệt là của các cán bộ giảng dạy và học sinh khoa Ngữ văn các trường đại học, các giới nghiên cứu văn hóa, văn học nói chung ;*

5. Khả năng ẩn loát của chúng ta hiện nay mà đề ra ba mục tiêu hiệu đính là :

- Tổng kết và tiếp thu những thành tựu, cố tránh những thiếu sót trong các công trình hiệu đính truyện Kiều đã xuất bản, nhằm đi đến một bản Kiều nói chung đạt đến được mức độ chính xác cao trong văn lý.

- Cung cấp cho bạn đọc một bản Kiều mà đồng đảo quần chúng hiện nay có thể chấp nhận được, một bản Kiều như bản Kiều mà nhân dân ta, các bà mẹ chúng ta thường đã kể, thường đã thuộc.

- Giới thiệu cho bạn đọc – chủ yếu là các cán bộ nghiên cứu – những bản Kiều nôm quý, tiêu biểu cho từng xu hướng, có ảnh hưởng lớn trong suốt cả một thời gian dài như bản Kinh, bản Quan văn đường Thành-thái Bính ngọ là bản đại biểu cho các bản Phường, bản Đoạn trường tân thanh của Kiều Oánh Mậu là bản nôm đạt đến trình độ cao hơn cả trong quy cách, phương pháp biên soạn, và cuối cùng là bản in lần thứ hai có sửa chữa của Bùi Kỷ – Trần

Trọng Kim do *Vĩnh hưng long thư* quán xuất bản năm 1927.

2

Phần chú thích, trên đại thể cũng chịu sự quy định của những mục tiêu đó. Tính khách quan và chính xác trong chú thích là điều chúng tôi đặc biệt chú ý trước tiên.

Về mặt giới thiệu tác giả và tác phẩm, mục đích của chúng tôi là nhằm thông qua đời sống Nguyễn Du, các tập thơ chữ Hán và truyện Kiều mà nêu lên thế giới quan của Nguyễn Du, giải đáp cái tâm sự u ẩn của Nguyễn Du đối với thời cuộc, đối với vận mệnh con người. Mặt khác, cũng trên cơ sở đánh giá thế giới quan, tư tưởng thẩm mỹ của Nguyễn Du, chúng tôi cố gắng phân tích những cái hay, cái đẹp cũng như những mặt hạn chế trong sáng tác truyện Kiều, tức là đề cập đến phương pháp sáng tác truyện Kiều phải chăng là một phương pháp sáng tác hiện thực chủ nghĩa.

*

Giới thiệu và khảo thích truyện Kiều lần này, chúng tôi theo đuổi những mục tiêu khác nhau, nhằm phục vụ những đối tượng khác nhau. Cho nên cả hệ thống hiệu đính, chú thích văn bản cũng được quy định bởi những mục tiêu đó. Theo thiển ý chúng tôi, mục tiêu và cả hệ thống này trên đại thể là phù hợp với nhu cầu và điều kiện thực tế trước mắt và cả trong nhiều năm tới của chúng ta. Các phần này bạn đọc sẽ thấy cụ thể và chi tiết trong phần II nói về việc hiệu đính và chú thích tác phẩm. Các mục tiêu đề ra đã đạt được đến đâu, sau khi đọc xong tập sách này, các bạn sẽ phán đoán.

Chúng tôi hy vọng rằng, bản Kiều lần này đã tiếp thu được nhiều ý kiến của các đồng chí, các bạn đã phát biểu trong những buổi tọa đàm về văn bản truyện Kiều do Viện Văn học tổ chức trong những năm 1961, 1962. Ngoài ra, chúng tôi cũng tin rằng tập sách đã cố gắng thể hiện được những lời chỉ bảo của một số đồng chí về quan điểm biên soạn cũng như về phương pháp xử lý vấn đề văn bản học các tác phẩm văn nôm nói chung và văn bản truyện Kiều nói riêng mà chúng tôi đã lĩnh hội được trong những buổi tiếp xúc hết sức bổ ích với các đồng chí đó trong nhiều năm qua.

Về mặt tư liệu, chúng tôi đã được sự giúp đỡ sốt sắng của Thư viện Khoa học trung ương, Thư viện Quốc gia, Thư viện trường Đại học Tổng hợp Hà-nội. Ngoài ra, cũng về mặt tư liệu chúng tôi xin ghi lại đây sự đóng góp của đồng đảo bà con trong họ Nguyễn Tiên-điền và họ Nguyễn Trường-lưu, của đồng đảo nhân dân các xã huyện Nghi-xuân (Hà-tĩnh), huyện Nam-đàn (Nghệ-an) trong những dịp đi thực tế của chúng tôi vào những năm 1961-1965.

Khi bản thảo đã hoàn thành, lần lượt các bạn Nguyễn Tường Phượng, Vũ Đình Liên, Hoàng Như Mai, Nguyễn Văn Phú, Lê Anh Trà, Nguyễn Lộc, Nguyễn Tài Cẩn và nhiều bạn khác đã dành thì giờ đọc lại từng phần và đã góp cho nhiều ý kiến bổ ích.

Trong cả quá trình dài tiến hành nghiên cứu, khảo thích, chúng tôi luôn luôn được các cụ, các đồng chí, các bạn xưa nay vốn thích truyện Kiều ở các trường phổ thông, ở các trường đại học, ở các viện nghiên cứu khoa học xã hội

khuyến khích giúp đỡ. Và gần đây, chúng tôi được Đảng ủy và Ban Giám hiệu trường Đại học Tổng hợp, các đồng chí ở Nhà xuất bản Đại học và Trung học chuyên nghiệp hết lòng đồng tình, đọc và duyệt lại kỹ càng toàn

bộ bản thảo để tập sách có thể hoàn chỉnh được hơn trong nội dung cũng như trong hình thức.

Truyện Kiều cho đến nay ra mắt được bạn đọc là nhờ sự đóng góp thiết thực của các đồng chí, các bạn nói trên đây. Chúng tôi xin chân thành cảm ơn mọi sự giúp đỡ của các đồng chí, các bạn. Có thể nói đây là kết quả chung của cả một tập thể. Thành công được chừng nào là do chúng tôi đã tổng kết và tiếp thu được ý kiến của tập thể. Còn những mặt chưa đạt, những mặt thiếu sót chắc chắn còn có trong tập sách, là do chính chúng tôi chưa làm tốt được việc đó. Xin các đồng chí, các bạn đọc vui lòng chỉ giáo thêm cho.

Nội dung tập sách gồm có bốn phần.

I. GIỚI THIỆU VỀ NGUYỄN DU VÀ TRUYỆN KIỀU –

Phần này đề cập đến một số vấn đề cơ bản của truyện Kiều hiện nay về tác giả và tác phẩm, như tâm sự của Nguyễn Du, phương pháp sáng tác truyện Kiều v.v...

II. VĂN ĐỀ HIỆU ĐÍNH VÀ CHÚ THÍCH VĂN BẢN

TRUYỆN KIỀU – *Nội dung nêu rõ thực trạng văn bản và nhu cầu hiện nay của quần chúng đối với truyện Kiều, để rồi trên cơ sở đó mà định ra phương hướng, nguyên tắc và phương pháp xử lý văn bản.*

III. TRUYỆN KIỀU – VĂN BẢN KHẢO ĐÍNH VÀ CHÚ THÍCH – *Văn bản được trình bày riêng cùng với phần khảo*

dị. Bạn đọc muốn có bản Kiều nào thì chỉ cần đưa câu của bản đó từ phần khảo dị lên văn bản chính. Như vậy, ngoài văn bản chính này ra, bạn đọc đồng thời có trọn vẹn bốn bản Kiều nôm và quốc ngữ quý và hiếm hiện nay, như đã nói ở phần mục tiêu hiệu đính trên đây. Các chú thích được tách ra, để tiếp theo sau phần văn bản. Bạn đọc có thể tìm thấy ở đây ít nhiều tư liệu nghiên cứu.

IV. PHỤ LỤC – gồm có : Mười điều Lệ ngôn và bài tựa bản Đoạn trường tân thanh (KOM) là bản chúng tôi dùng làm bản trực, Ngữ vựng và Phụ bản.

Ngoài phần Giới thiệu về Nguyễn Du và truyện Kiều của đồng chí Hà Huy Giáp ra, ba phần còn lại của tập sách đều được biên soạn với sự giúp đỡ và hướng dẫn chặt chẽ của đồng chí Hà Huy Giáp. Người chấp bút biên soạn là đồng chí Nguyễn Thạch Giang.

*

Trước mắt, để quốc Mỹ và bè lũ tay sai hàng ngày đang gây ra không biết bao nhiêu tội ác đối với đồng bào ta ở miền Nam cũng như ở miền Bắc để hòng gỡ thế bí của chúng trên khắp chiến trường Đông-dương. Trong khi toàn Đảng, toàn dân ta đang dồn sức để chiến thắng chúng, thì Trung ương Đảng và Chính phủ ta càng tích cực quan tâm phát triển kinh tế và văn hóa nhằm đáp ứng tốt nhất yêu cầu của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội – đặc biệt là xây dựng một xã hội và những con người Việt-nam có thuần phong mỹ tục, có đạo đức

mình vì mọi người trên cơ sở phát huy những truyền thống tốt đẹp của cha ông ta và tinh hoa của nhân loại.

Trong lĩnh vực văn hóa, Đảng và Chính phủ ta đang cho xúc tiến biên soạn các công trình lớn như : bộ Lịch sử Việt-nam, Lịch sử văn học Việt-nam, Ngữ pháp tiếng Việt, Từ điển tiếng Việt.

Đẹp và vĩ đại biết bao ! Vì đây biểu hiện lòng tin sắt đá, niềm ưu ái thiêng liêng của Đảng ta đối với tiền đồ của dân tộc, đối với sự nghiệp xây dựng con người Việt-nam mới, đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng, của nhân dân.

Cũng là thể hiện lòng tin và niềm ưu ái đó mà chúng tôi tiến hành giới thiệu, khảo đính và chú thích truyện Kiều lần này, ngoài mục đích đáp ứng nhu cầu tìm hiểu truyện Kiều nói trên đây của nhân dân ta hiện nay.

Hà-nội, mùa Xuân năm Nhâm tý (1972)

BẢNG CHỮ TẮT

ATV : Ai tư văn (Văn học trích giảng. Giáo dục 1957)

BCKN : Bích câu kỳ ngộ (Văn hóa, 1958)

BK : Bản Kiều : *Truyện Thúy Kiều* – Bùi Kỷ, Trần Trọng Kim
hiệu khảo – Vĩnh hưng long thư quán in lần thứ hai, 1927. ³

Cd : ca dao

CHQNV : Thập giới cô hồn quốc ngữ văn (Văn học, 1965)

CO : Cung oán ngâm khúc (Văn hóa, 1959)

Ct : chú thích ⁴

CPN : Chinh phụ ngâm (Văn hóa, 1964)

HCK : Hoài cổ khúc

HĐQÂ : Hồng-đức Quốc âm thi tập (Văn hóa, 1962)

HT : Hoa tiên (Văn hóa, 1961)

HVTĐ : *Hán Việt từ điển*, Đào Duy Anh – Minh-tân, 1951

K : Bản Kiều : *Bản kinh*

KOM : Bản Kiều : *Đoạn trường tân thanh*, Kiều Oánh Mậu
chú thích, Thành-thái Nhâm dần, (1902) ⁵

KTTĐ : Việt-nam tự điển, Hội khai trí tiến đức khởi thảo,
Hà-nội, 1931.

LNT : Lưu nữ tướng (Văn học, 1965)

LTKN : Lâm tuyển kỳ ngộ (Văn học, 1964)

LVT : Lục Vân Tiên (Văn hóa, 1959)

MĐMK : Mai đình mộng ký (Sông Nhị, 1951)

NLCV : Ngọa Long-cương văn (Hợp tuyển thơ văn Việt-nam II, Văn hóa, 1962)

NTT : Nữ tú tài (Tân Việt, 1950)

NTVĐ : Ngư tiểu y thuật văn đáp (Văn học, 1963)

PH : Phương Hoa (Văn học, 1961)

PT : Phan Trần (Phổ thông, 1960)

QÂTK : Quan âm Thị Kính (Tân dân thư quán, 1929)

QÂTT : Quốc âm thi tập (Văn Sử Địa, 1956)

Qvđ : Bản Kiều : *Kim Vân Kiều tân tập* – Quan văn đường tàng bản, Thành-thái Bính ngọ (1906)⁶

SKTT : Sơ kính tân trang (Văn hóa, 1960)

TDV : Tư-dung văn (Hợp tuyển thơ văn Việt-nam II, Văn hóa, 1962)

Tng : Tục ngữ

Tr Th : Trinh thử (Văn hóa, 1959)

TS : Thạch Sanh (Văn Sử Địa, 1957)

T.Th. : Từ Thức (Văn học, 1963)

TTK : Tự tình khúc (Văn hóa, 1958)

TTKV : Tứ thời khúc vịnh (Nam phong, 1926).

PHẦN THỨ NHẤT : GIỚI THIỆU VỀ NGUYỄN DU VÀ TRUYỆN KIỀU

Trong xã hội phong kiến Việt-nam rỗi ren, mục nát vào thế kỷ 18-19, thời kỳ cuối Lê sang Nguyễn, truyện Kiều không chỉ là tiếng kêu thương đau đớn cho thân phận một người con gái tài sắc, mà còn là lời tố cáo đanh thép những bất công tàn ác của một xã hội buôn thịt bán người, là niềm ước mơ tha thiết giải phóng kiếp người bị đày đọa. Truyện Kiều còn đọng lại trong lòng chúng ta cho đến nay nỗi đau nhân tình của một tâm hồn u ẩn. Có lẽ ít có nhà thơ đã gửi gắm vào tác phẩm mình một tâm sự khó hiểu như Nguyễn Du, khóc người rồi lại đặt câu hỏi về mình :

Không biết hơn ba trăm năm sau,
Thiên hạ ai người khóc Tố Như ?⁷

(Độc Tiểu Thanh ký)

Từ khi truyện Kiều ra đời, đã có biết bao người cảm thương cho thân phận nàng Kiều ; nhưng cũng không phải không có những người chê trách nàng... Và, nỗi lòng u ẩn của Nguyễn Du cũng đã được lý giải khác nhau từ những góc độ khác nhau. Người thì cho rằng Nguyễn Du khóc Thúy Kiều là khóc cho thân phận mình chìm nổi, lầm cảnh éo le, mang mối cõi trung với nhà Lê, mà vì thời thế bắt buộc, lại phải theo nhà Nguyễn. Người thì bảo khó mà cho rằng nỗi niềm đau xót nàng Kiều chỉ là phản ánh cái tâm trạng của ông nhớ thương nhà Lê. Phải chăng tâm sự Nguyễn Du là tâm sự của một người suốt đời bất đắc chí, từ thương thân

phận mình đến mang nỗi đau đời, thương người, mà chẳng tìm thấy lối thoát ?

Tâm sự của Nguyễn Du quả là một tâm sự đầy mâu thuẫn, khó hiểu. Nếu không có một sự phân tích đầy đủ lý tình về các tác phẩm và con người Nguyễn Du trong những điều kiện xã hội rối ren phức tạp của giai đoạn cuối Lê sang Nguyễn, thì khó mà tìm hiểu cho ra lẽ tâm sự Nguyễn Du, khó mà đánh giá đúng đắn về mọi mặt truyện *Kiều*, một viên ngọc quý, một đỉnh cao trong nền văn học cổ điển phong phú và độc đáo của dân tộc Việt-nam. Đó là một việc làm rất công phu, đòi hỏi sự đóng góp của tập thể.⁸

Những ý kiến của chúng tôi trong *phần giới thiệu* dưới đây chỉ là một vài nét gợi ý về một số vấn đề chưa thật nhất trí hiện nay về Nguyễn Du và truyện *Kiều*, chứ không phải là toàn bộ vấn đề về tác giả và tác phẩm truyện *Kiều*.

I. Nguyễn Du xuất thân từ một gia đình phong kiến đại quý tộc, trí thức và tài hoa. Theo *Gia phả*, thì ông là « dòng dõi một nhà thế phiệt trâm anh đệ nhất trong nước lúc bấy giờ », « cả nhà, cha con, chú bác, anh em đều là người khoa giáp, làm quan to đời nhà Lê ». Cha là Nguyễn Nghiễm (1707-1775) đỗ tiến sĩ, làm tới chức đại tư đồ bình nam tả tướng quân, tước xuân quận công, đứng đầu các hàng quan ở triều đình nhà Lê. Mẹ là Trần Thị Tân (1740-1778) đẹp nổi tiếng đất Kinh-bắc, quê hương hát quan họ, vợ lẽ yêu thứ ba của cha ông. Các anh Nguyễn Du đều làm quan to cả. Đặc biệt là Nguyễn Khản, một người anh khác mẹ, đỗ tiến sĩ, làm tới chức thượng thư bộ Lại, tước toàn quận công,

được chúa Trịnh Sâm rất tin dùng, cho ra vào tự do nơi cung cấm, và là một người tài hoa, phong lưu rất mực, hát xướng ăn chơi có tiếng ở thành Thăng-long lúc bấy giờ.

Nguyễn Du sinh năm 1765 và lớn lên tại Thăng-long. Tháng 11 năm Ất mùi (1775) cha ông mất, và ba năm sau (1778) mẹ ông lại mất năm ông 13 tuổi.

Nguyễn Du ở với anh là Nguyễn Khản lúc đó đang làm tả thị lang bộ Hình kiêm hiệp trấn xứ Sơn-tây. Sống với cha mẹ rất được nuông chiều ; nay sống với anh, Nguyễn Du lại có dịp chứng kiến những « cuộc say đầy tháng trận cười suốt đêm ». Đến khi về quê hương Tiên-điền thì ông thường sang Trường-lưu hát phường vải, và khi về quê mẹ, ông lại dự những cuộc hát quan họ rất trữ tình đất Kinh-bắc. Ngay từ lúc còn trẻ, Nguyễn Du đã từng sống và chứng kiến cuộc đời bạc mệnh của các cô gái mà tài hoa nhan sắc chỉ làm trò chơi mua vui cho thiên hạ ; cho nên cũng rất dễ hiểu vì sao sau này trong thơ ông, ông luôn luôn có một tấm lòng trân trọng, xót thương những người phụ nữ tài sắc bị dập vùi trong xã hội cũ.

Năm 18 tuổi, Nguyễn Du đi thi, đỗ tam trường (tú tài). Vì sao một người như Nguyễn Du lại đỗ thấp như thế ? Có lẽ vì tài hoa phóng túng, ông đã ham đọc Phật, Lão, Trang, đọc các ngoại thư để cõt thêm rộng kiến văn, thỏa chí tò mò mà không chuyên về lối học khoa bảng. Cách học tài tử đó chắc chắn đã cho ông những kiến thức không hợp với nề nếp khoa cử thời bấy giờ.

Nguyễn Du sống phong lưu không được bao lâu, thì nhà cửa của Nguyễn Khản bị kiêu binh nổi dậy đập phá tan tành, Nguyễn Khản phải trốn lên Sơn-tây rồi về Hà-tĩnh. Gia đình Nguyễn Du thế là bắt đầu tan tác, anh em mỗi người một ngả.

Nguyễn Du có người cha nuôi họ Hà làm chánh thủ hiệu – một chức quan võ nhỏ – tại Thái Nguyên. Cha nuôi chết, ông được tập phong và lĩnh chức vụ đó cho đến năm 1786, thì một biến cố lớn xảy ra : Năm 1786 Nguyễn Huệ ra Bắc và mấy năm sau (năm 1789), Nguyễn Huệ đánh tan hai chục vạn quân Thanh xâm lược, đuổi Tôn Sĩ Nghị chạy không còn hồn vía ra khỏi đất nước ta. Chiêu Thống chạy theo Tôn Sĩ Nghị. Nguyễn Du trở về quê vợ ở xã Hải-an, huyện Quỳnh-cô, tỉnh Thái-bình. Và từ đây, Nguyễn Du phải nếm cảnh đau khổ của một cuộc sống « mười năm gió bụi » :

Khi sao phong gãm rủ là,
Giờ sao tan tác như hoa giữa đường.

« Mười năm gió bụi » của Nguyễn Du là mười năm ăn nhở ở đậu nhà người, mười năm bệnh tật, sinh kẽ quẫn bách, tóc bạc bơ phờ tuy mới non ba mươi tuổi. Ông buồn cho thân phận mình, đành cam nghèo khổ mà không theo anh ruột là Nguyễn Nễ và anh vợ là Đoàn Nguyễn Tuấn ra làm quan với Tây-sơn. Lúc này dinh cơ của họ Nguyễn ở Tiên-điền đã bị quân lính nhà Tây-sơn phá sạch, một người anh ruột ông là Nguyễn Quýnh chống lại Tây-sơn bị giết chết. Nhưng đến năm 1796, Nguyễn Du cũng không thể ở

Thái-bình được nữa mà đành về Hồng-lĩnh. Về quê cha, cuộc sống của gia đình ông cũng chẳng hơn gì ở Thái-bình.

Trong « mươi năm gió bụi », cái chí phù Lê chõng Tây-sơn của ông đã từng ghi trong *Gia phả* :

Dẫu có bậc thánh nhân ra đời ở đất Kỳ-sơn,

Nhưng Bá Di tuy có chết cũng chẳng chịu làm tôi nhà Chu.

Nhưng trong thơ văn, Nguyễn Du hầu như không có một bài nào ca tụng nhà Lê hoặc mạt sát nhà Tây-sơn. Ông chỉ phát biểu sự phản kháng của mình một cách kín đáo :

Một mình khêu ngọn đèn trong đêm bắt đầu dài,

Vắt tóc vẫn lo cho cái chí nguyên trong những ngày chót.

(Thu dạ II)

Ông than thở : *Đường dài, trời đã về chiều, không có bạn mới.* (U cư II)

Ông cảm thấy hổ thẹn khi nhìn đến thanh gươm : *Trai thời loạn, nhìn thanh gươm mà thẹn.* (Lưu biệt Nguyễn đại lang)

Rồi ông tự an ủi : *Xưa nay chưa từng thấy triều đại nào đứng vững nghìn năm.* (Vị-hoàng doanh)

Cái chí phù Lê chõng Tây-sơn dần dần nguội lạnh lại bừng lên khi Nguyễn Du trở về quê cha ở chân núi Hồng-lĩnh. Theo *Gia-phả* : « Mùa đông năm Bính thìn (1796), ông toan vào Gia-định giúp Nguyễn Ánh. Việc bại lộ, ông bị tướng Tây-sơn là Nguyễn Thận bắt giam. Quận công Thận là

bạn thân của anh ông là Nguyễn Nễ, và lại cũng tiếc tài ông, nên chỉ giam ông mấy tháng rồi tha ». Ông bi quan : *Tóc bạc rồi, dù có hùng tâm, cũng ngồi than thở suông mà thôi.* (Khai song)

Trong lòng chỉ còn là một nỗi buồn thương cho thân phận ông chìm nổi long đong, ông bất lực và chán chường đã thốt ra « lúc loạn lạc, cười khóc cũng phải theo đời ; thân già yếu nên yên lặng để giữ mình » (*Tạp thi*). Ông không nghĩ đến hành động nữa, chỉ muốn xoa dịu vết thương lòng bằng con đường hành lạc để « vui là vui gượng kéo là, ai tri âm đó mặn mà với ai ».

Nhưng trong cảnh nghèo khó « suốt ngày bếp nhà không đốt lửa », ông chỉ còn có thể « hành lạc » bằng cách « ngồi xếp bằng tròn cạnh cửa sổ, say, mắt lim dim », nhìn « vô số cánh hoa rơi trên thảm rêu xanh » (*Đối tửu*) và « dắt chó vàng mải vui dưới núi Hồng-lĩnh » mà thôi (*Tạp thi*). Thực ra, muốn có rượu, nhiều khi ông cũng chẳng có tiền mua, dắt chó vàng đi săn thì cũng là « cốt thư thái tâm tình, chứ không cốt săn bắn cho được » (*Liệp*).

Mười năm Nguyễn Du lưu lạc nơi quê vợ và sáu năm đau khổ bệnh tật ở quê cha, tâm sự của Nguyễn Du qua thơ chữ Hán trong *Thanh hiên thi tập* quả là một tâm sự bất đắc chí, thương cho thân phận con người chìm nổi, chán nản đến tột bực, muốn quên hết việc đời bằng rượu, bằng thú đi săn, muốn giữ « tấm lòng trong vắng vặc ; như ánh trăng sáng, như nước giếng xưa » (*Đạo ý*), và « ước gì thoát được vòng trần tục, ngồi dưới gốc tùng thú biết bao nhiêu » (*Sơn thôn*). Phật học, đạo học, và cả những ước mơ « hành lạc »

nữa đều được ông tìm đến, nhưng thực ra ông sống như « tráng sĩ đầu bạc bùi ngùi ngửng nhìn trời, hùng tâm sinh kẽ mờ mịt cả hai » (*Tạp thi*).

*

Một sự kiện lịch sử khác đã đem lại một sự biến đổi trong đời ông là Tây-sơn bị bại, năm 1802 Nguyễn Ánh lên ngôi vua lấy niên hiệu Gia-long. *Đại nam chính biên liệt truyện* chép : « Đến khi có lệnh (Gia-long) gọi, ông không thể từ chối, bắt đắc dĩ phải ra » và được bổ tri huyện huyên Phù-dung, thuộc Khoái-châu (bây giờ thuộc tỉnh Hải-hưng), ba tháng thì thăng tri phủ Thường-tín.

Tại sao từ khi Tây-sơn ra Bắc, trong 16 năm trời, Nguyễn Du không chịu ra làm quan với nhà Tây-sơn ? Tại sao đến năm 1802 Gia-long vừa mới lên ngôi, ông đã chịu ra theo ngay với nhà Nguyễn ? Phải chăng ông không coi Nguyễn Ánh là kẻ chống nhà Lê, và ngay đối với vua Lê mỗi cô trung của ông cũng đã phai nhạt đi nhiều ? Ông đã chăng tâm sự « xưa nay chưa từng thấy triều đại nào đứng vững nghìn năm » và « chậu nước đổ, thế là thôi, khó lòng vét lại » (*Ngô gia đệ cựu ca cơ*).

Đã có lần, ông phê phán Phạm Tăng là người không biết thời thế, cứ khư khư đi với Hạng Vũ mà không biết mệnh trời đã về họ Lưu : « bao nhiêu kẻ quá trung thành với người mình thờ thì thường bị thiên hạ cười là ngu » (*Á phụ mô*). Nhưng có điều mâu thuẫn trong mười sáu năm trời Nguyễn Du từ bỏ hẳn mộng gác vàng, từ bỏ hẳn con đường công danh phú quý, cho rằng :

*Những người làm quan hiển đạt thì chí ở đường mây,
Còn ta, ta cũng vui với lũ hươu nai của ta.
(Liệp)*

Thế thì, khi ra với Gia-long, có phải ông thực thà vui thích làm quan không ?

Đọc bài thơ *Ký hữu* (Gửi bạn) được viết trong khi Nguyễn Du làm quan ở Bắc-hà, ta thấy ông đã chán ngán con đường công danh, ông ra làm quan có phần nào miễn cưỡng :

*« Đêm nay trên núi Hồng-lĩnh vùng trăng tròn sáng
vắng vặc,
Ở Trường-an nghìn dặm, tâm tình tôi thật là ngao ngán.
Viên ngọc trong đá không giữ được bộ mặt thật nữa rồi
».*

Trong mười chín năm làm quan với nhà Nguyễn, ông đã ba lần xin về : lần thứ nhất vào mùa thu năm 1804, lần thứ hai vào mùa thu 1808 và lần thứ 3 vào mùa thu năm 1812. Và, cả ba lần, chỉ sau vài tháng Gia-long lại có chỉ triệu ông vào kinh, thăng chức cho ông ; lần thứ nhất năm 1806 thăng đông các học sĩ, lần thứ hai năm 1809 thăng cai bạ (tức bố chánh) Quảng-bình, lần thứ ba năm 1813 thăng cẩn chánh điện học sĩ sung chức chánh sứ sang Trung-quốc, và sau khi về nước năm 1814 lại thăng chức hữu tham tri bộ Lễ. Có một điều cần chú ý là chức vụ tuy có khá nhưng đều không phải là những chức vụ quan trọng có nhiều quyền hành. Đó chẳng qua chỉ là chính sách khôn khéo dùng người

của Gia-long, nhất là đối với những người thuộc dòng dõi đại quý tộc như Nguyễn Du. `

Chán ngán buồn bức vì bị bó buộc, ông còn đau khổ vì nỗi bị chèn ép :

*Cái thân làm quan riêng gửi chốn xa lạ,
Khi có việc, bọn nha lại đều lén mặt với ta.*
(Ngẫu đắc)

Khi làm cai bạ ở Quảng-bình, ông thường bị quở trách.

Những câu chuyện bỉ ổi, những hành động độc ác tàn bạo đố kỵ của triều đình nhà Nguyễn càng làm cho ông thất vọng. Ông coi bọn quan lại như những con công « bẽ ngoài có vẻ văn hoa tốt đẹp, nhưng bên trong giấu chất độc giết người » (*Khổng tước vũ*), hoặc như « các con oanh đẹp ở vườn thượng uyển hay ghen nhau về sắc » (*Tống nhân*). Ra làm quan, ông cảm thấy « thân này đã là vật trong lồng cũi, tìm đâu được cuộc đời phóng khoáng tự do nữa » (*Tân thu ngẫu hứng*). Đã có lần ông muốn chết : « ở đất khách đầu đã bạc, mãi vẫn không chết » (*Tạp ngâm*).

Sách *Đại Nam chính biên liệt truyện* chép : « Đối với nhà vua thì ông chỉ giữ hết bổn phận, chứ không hay nói năng điều gì », và « đến khi ốm nặng, ông không chịu uống thuốc, bảo người nhà sờ tay chân. Họ nói với ông đã lạnh rồi, ông nói « được » rồi mất không trối lại một điều gì ». Ông mất năm 1820, đúng 55 tuổi.

Làm quan với nhà Nguyễn, nhưng Nguyễn Du vẫn sống cảnh thanh bạch, « đầu làm đến chức á khanh mà ông vẫn giữ vẻ thanh nhã, đơn giản như một người học trò nghèo »

(*Gia phả*). Nhiều lúc gia đình lâm vào cảnh đói rách, ông than thở « nhà mười miệng trẻ đói xanh như rau » (*Ngẫu hứng IV*), « nhà mười miệng ăn đang kêu đói ở phía bắc Hoành-sơn » (*Ngẫu đề*). Theo *Gia phả*, ông có ba vợ, 18 con (12 trai, 6 gái), sau khi ông mất thì các con ly tán, phần lớn đi nơi khác làm ăn, và hầu như không có người con nào công thành danh toại cả.

Làm quan với một tâm trạng bất đắc dĩ và bất đắc chí, nghèo khó mà vẫn giữ lòng trong sạch, và sống gần những người đau khổ dưới chế độ phong kiến suy tàn – đặc biệt là dưới chế độ khắc nghiệt tàn bạo của Gia-long – Nguyễn Du đã dần dần thấy bộ mặt thực của bọn quyền quý. Sau này, khi làm chánh sứ sang Trung-quốc, trong tập thơ *Bắc hành tạp lục*, Nguyễn Du đã có dịp thông qua xã hội phong kiến nhà Thanh mà lớn tiếng ca ngợi những con người trung Dũng khí phách, đả kích những phường gian nịnh, tàn bạo, xót thương những người nghèo khổ, đặc biệt là bệnh vực và xót thương những người phụ nữ tài sắc bị vùi dập.

Nguyễn Du đã thấy rõ trong cái xã hội mục nát thời kỳ cuối Lê sang Nguyễn, những tên quan lớn quan bé chính là Hồ Tôn Hiến, là mẹ con họ Hoạn trong truyện *Kiểu*, là hàng tiểu nhân hám danh trực lợi như Tô Tần « cốt cầu phú quý để vênh vang với người thân, dùi vẽ đọc sách chỉ nhầm mưu quyền lợi cho riêng mình » (*Tô Tần đình*), là những tên giả đạo đức « đứng ngồi bàn tán tựa như ông Cao, ông Quỳ... nhưng cắn xé thịt người ngọt xót như đường » (*Phản chiêu hồn*). Chúng là những lũ ma quỷ hoành hành giữa cõi người. Nguyễn Du đã vạch trần tình trạng thối nát sa đọa của bọn

phong kiến thống trị : « đời sau ai ai cũng là sông Mich-la ; cá rồng không ăn, hùm sói cũng ăn » (*Phản chiêu hồn*).

Trong một xã hội như thế thì nhân dân tất phải chịu bơ vơ oan khổ, người trung nghĩa cương trực cũng khó mà có chỗ dung thân. Cho nên Nguyễn Du đau xót chung cho cả cuộc đời, xót thương số phận hẩm hiu của những người đang sống và của cả những người đã chết. Ông mến phục Văn Thiên Tường có nghĩa khí đã hy sinh vì nước, Nhạc Phi trung dũng mà bị hại, ông khóc Tỷ Can trung thực mà bị giết, ông thương Liễu Tôn Nguyên có tài mà không được dùng, thương Đỗ Phủ thơ hay mà cả đời phải đói khổ. Ông bênh vực Khuất Nguyên, phê phán Giả Nghị không hiểu Khuất Nguyên. Ông chống lại bài *Chiêu hồn* của Tống Ngọc, đả kích những tên gian nịnh. Ông lên án vua quan nhà Đường đã kết tội Dương Quý Phi : « chỉ vì cả triều đình đều như phỗng đứng, mà nghìn năm cứ đổ tội oan cho sắc đẹp nghiêng thành » (*Dương Phi cố lý*).

Ông thương ông già mù ở *Thái-bình* đàn hát suốt một canh, đói sùi bọt mép, rét run lẩy bẩy mà chỉ được trả năm sáu đồng tiền không đủ bữa ăn, trong khi đó thì gạo thịt cơm thừa cung đốn cho các quan sứ đổ cả xuống sông (*Thái-bình mại ca giả*). Nhìn người mẹ đói và mấp đứa con đi ăn xin, ông đứt ruột, « lòng đau xót vô cùng, trông lên trời, mặt trời vàng úa » (*Sở kiến hành*). Trong *Văn chiêu hồn*, – một bức tranh rộng lớn đủ mọi hạng người trong xã hội phong kiến Việt-nam – ông khóc những người phải chịu số phận hẩm hiu, những anh học trò nghèo chẳng may ốm chết dọc đường « vội vàng liệm sấp chôn nghiêng, anh em

thiên hạ láng giềng người dưng », những bọn tướng « khi thất thế tên rơi đạn lạc, chôn sa trường thịt nát máu trôi », những người bị bắt đi lính « bỏ việc nhà đi gánh việc quan, dãi dầu muôn dặm lầm than một đời », những lớp người cùng khổ lúc sống thì sống trong quẫn quại đau thương bơ vơ đói rách, mà lúc chết thì « hồn đơn phách chiếc lênh đênh quê người » v.v...

Nguyễn Du dành phần xót thương sâu sắc của mình đối với lớp người yếu đuối, đau khổ nhất trong xã hội phong kiến là phụ nữ. « Đau đớn thay phận đàn bà », lời kêu thương đó được thốt lên nhiều lần trong thơ ông. Đối với người phụ nữ tài sắc mà phải bị dập vùi thì ông lại càng xót thương. Ông thương cô gái đẹp nhất Long-thành nổi tiếng tài hoa một thời mà nay tóc đã hoa râm, nét mặt đã vỗ vàng. Ông thương Tiểu Thanh, thương Dương Quý Phi, thương Đạm Tiên, thương nàng Kiều, thương tất cả những người phụ nữ mà tài hoa nhan sắc phải kiếp long đong.

Truyện Kiều đã kích động trái tim ta, làm cho chúng ta phải căm phẫn trước hình tượng của tên đại thần vô liêm sỉ, gian trá, những tên tham quan ô lại, những tên sai nha hống hách, những bọn quý tộc « nham hiểm giết người không dao », những tên đầu trâu mặt ngựa tham tàn v.v... Nhưng đối với nền quân chủ chuyên chế phản động thì Nguyễn Du không dám đả động tới ; với vua, ông vẫn một niềm tôn kính : « ơn vua như bể, chưa báo đáp mảy may »(Nam-quan đạo trung), hoặc « răng : trong Thánh trạch dồi dào, tưới ra đã khắp thăm vào đã sâu ». Ông cho nguyên nhân nỗi khổ cực của nhân dân là do tệ tham

những, do tác hại của đồng tiền « làm cho khốc hại chắng qua vì tiền ».

Ông nghĩ rằng nếu vua quan nhân đức, biết cứu giúp dân thì dân được yên vui thái bình :

Dân đen không chịu nổi đói rét,

Lo bát cơm manh áo, mà xem nhẹ tính mạng.

Việc làm loạn như trẻ con chơi đùa binh khí trong ao chuôm, không đáng kể,

Chỉ cần cứu tế một chút thì dân tự yên.

(Trở binh hành)

Bản chất của chế độ phong kiến dựa trên cơ sở chiếm hữu ruộng đất, bóc lột tôt túc, hoàn toàn không được Nguyễn Du nhắc đến. Mâu thuẫn cơ bản của chế độ phong kiến là mâu thuẫn giữa quý tộc với nông dân không được Nguyễn Du vạch ra. Cái tệ nạn tham nhũng và cái tác hại của đồng tiền là kết quả chứ không phải là nguyên nhân trong cơ cấu xã hội phong kiến. Điều kiện bẽ tắc dưới chế độ phong kiến bóp nghẹt mầm mống tư bản chủ nghĩa và điều kiện xã hội đương thời của Nguyễn Du với ảnh hưởng nặng nề của Khổng giáo chưa có thể làm cho Nguyễn Du hiểu nổi được nguồn gốc của tệ nạn xã hội là do chính chế độ phong kiến lỗi thời áp bức bóc lột gây nên. Tuy nhiên phải nói rằng đối với một con người quý tộc như Nguyễn Du, trong cái xã hội rối ren, mục nát, bẽ tắc thời kỳ cuối Lê sang Nguyễn, mà đã nêu lên được những bất công của xã hội, đã vạch mặt những tên tham quan ô lại cấu kết với bọn lưu manh hâm hại con người, đã thấy ảnh hưởng của đồng tiền làm đảo lộn trật tự và đạo đức xã hội, thì đó là một giá

trị lớn, đó là một bản tố cáo đanh thép chẽ độ phong kiến. Có thể nói phần nào đó là tiếng gọi nổi dậy.

Nguyễn Du đã thấy được những cảnh ngang trái bất công của xã hội cũ. Nhưng nguyên nhân cuối cùng của những cảnh trái ngang bất công đó ở đâu ? Ông đi tìm nó trong vòng vây thế giới quan duy tâm của Nho giáo và Phật giáo, để rồi cuối cùng quy cho là do định mệnh, ở nghiệp báo. Ông chấp nhận thuyết thiên mệnh của đạo Nho cho rằng số phận con người là do mệnh trời quyết định :

*Ngẫm hay muôn sự tại trời,
Trời kia đã bắt làm người có thân.
Bắt phong trần phải làm phong trần,
Cho thanh cao mới được phần thanh cao.*

Và, ông khẳng định cả cái nghiệp báo của đạo Phật « có trời mà cũng tại ta », tại ta có cái nghiệp của ta, do chính ta gây nên :

*Đã mang lấy nghiệp vào thân,
Cũng đừng trách lẩn trời gần trời xa.*

Nguyễn Du cho rằng trời ghét người tài sắc, là vì người tài sắc đã có mặt lỗi lạc hơn người, mà đã hơn mặt này thì phải thua mặt nọ : tài sắc đã được hơn người, thì mệnh phải chịu kém người :

*Lạ gì bỉ sắc tư phong,
Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen.*

Theo Nguyễn Du, những nhân vật lịch sử như Khuất Nguyên, Liễu Tôn Nguyên, Nhạc Phi, Đỗ Phủ, và nhân vật

trong truyện như Từ Hải v.v... vì tài trí lõi lạc hơn người nên phải chịu đau khổ ; còn những người bình thường an phận như Kim Trọng, Vương Quan thì sẽ thi đỗ làm quan, vợ đẹp, giàu sang. Những người con gái tài sắc đa tình như Tiểu Thanh, Thúy Kiều, Đạm Tiên, cô Cầm thì rõ ràng là « nghìn thu bạc mệnh một đời tài hoa ». Còn những người như Thúy Vân và như cả người nông dân ở thôn Hoàng-mai thì được hưởng hạnh phúc, sung sướng, sống lâu.

Khi một triều đại ra đời, nó cần những người tài hoa để củng cố triều đại, nhưng đến khi nó đã củng cố được nền thống trị rồi, đặc biệt là khi nó suy tàn, để đàn áp bóc lột nhân dân, nó lại trị lại những người tài hoa, thì thuyết *tài mệnh ghét nhau* lại là tư tưởng điển hình, là đạo lý của giai cấp phong kiến dùng để lý giải những tàn bạo bất nhân của mình, tự lừa mình và lừa người.

Trong đời mình, Nguyễn Du đã nghe và thấy biết bao nhiêu người có tài, có sắc mà đều phải bị những bất công ngang trái của xã hội phong kiến vùi dập. Ông không lý giải được nguyên nhân của những hiện tượng đó, ông hoang mang dao động, ông phải tin vào mệnh trời, vào thuyết *tài mệnh ghét nhau*, vì đó chính là nguồn an ủi duy nhất của ông – một nhà nho phong kiến quý tộc.

Ông đã từng chứng kiến bao nhiêu cuộc đấu tranh khởi nghĩa của nông dân, và bao nhiêu kẻ có tài làm lệch cán cân của triều đình. Nhưng trước mắt ông, cuộc khởi nghĩa nông dân to lớn nhất trong lịch sử do một con người có tài năng xuất chúng như Nguyễn Huệ lãnh đạo cũng bị thất bại.

Xã hội phong kiến trải qua từ thời Lê Trịnh đến thời Nguyễn Gia-Long, ngày càng đi vào con đường cùng quẫn :

*Đời sau ai cũng đều là Thượng quan,
Mặt đất đâu đâu cũng là sông Mịch-la.*

(Phản chiêu hồn)

Qua chuyện nước Sở, chuyện Khuất Nguyên, Nguyễn Du nói lên cái đau khổ của thời đại, của xã hội mà ông đang sống, ông bất lực không biết làm sao đây. Ông loay hoay không lối thoát, và cuối cùng đối với ông, thì vùng vẫy, hành động cũng chẳng đi đến đâu, thôi thì đầu hàng thực tế, ông tìm con đường tu tâm của đạo Phật, để hòng thoát khỏi định mệnh :

*Thiện căn ở tại lòng ta
Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài...
Có trời mà cũng tại ta,
Tu là cỗi phúc tình là dây oan.*

Người có tài, có sắc theo Nguyễn Du, sở dĩ không tránh được mệnh trời, làm cho trời ghen ghét là vì họ đã không chịu sống bình thường, đa mang con đường tình ái, đã sống một cuộc sống tài hoa, đã dám chống lại cương thường của chế độ, cho nên đã gây nên nghiệp chướng mà mắc vạ vào thân :

*Thúy Kiều sắc sảo khôn ngoan,
Vô duyên là phận hồng nhan đã đành.
Lại mang lấy một chữ tình,
Khư khư mình buộc lấy mình vào trong.*

Kim Trọng, Thúy Vân tuy có tài có sắc, nhưng không tài hoa đa tình như Thúy Kiều ; họ sống một cuộc sống bình thường, cho nên họ đã được yên vui. Điều kiện lịch sử chưa cho phép Nguyễn Du nhận thức được xã hội có giai cấp thì luôn luôn có mâu thuẫn xã hội, và *tài mệnh ghét nhau* chính là phản ánh mâu thuẫn đó của xã hội. Nguyễn Du đề ra giải pháp tu tâm của đạo Phật có thực là với tất cả tấm lòng tin tưởng của mình không ? Thực ra trong suốt cả đời mình, Nguyễn Du chẳng bao giờ chịu rời bỏ cuộc sống tài hoa đa tình để trở thành một nhà chân tu, mặc dù ông đã nhiều lần nói tới đi ẩn, đi tu.

Trong truyện *Kiều*, vì sao Thúy Kiều thoát được khỏi cái nghiệp mười lăm năm trói buộc, thoát khỏi cái kiếp đoạn trường của một con người tài sắc và đa tình ? Kiều đã thực hiện tu tâm như thế nào ? Nói chung Kiều muốn thoát khỏi những ràng buộc của lễ giáo phong kiến, nhưng Kiều không dám nổi dậy, không có những hành động đấu tranh tích cực, tuy Kiều cũng đã tìm đủ mọi cách để thoát khỏi những hang hùm miệng sói, những oan trái bất công. Kiều tự tử ; Kiều đi trốn ; Kiều theo Thúc sinh, dựa vào thế lực đồng tiền để thoát khỏi lầu xanh ; Kiều dựa vào Từ Hải, dựa vào người anh hùng để thoát khỏi cảnh đen tối. Tất cả những hành động đó theo Nguyễn Du cũng chẳng có lối thoát, chẳng những không làm thay đổi được mệnh trời mà còn bị « ma đưa lối quỷ đem đường, lại tìm những chốn đoạn trường mà đi ». Thế thì cái làm cho mệnh trời thay đổi, nghiệp chướng chấm dứt đối với nàng Kiều là gì ? Tam Hợp đạo cô đã giải thích như sau :

Xét trong tội nghiệp Thúy Kiều,
Mắc điếu tình ái khỏi điếu tà dâm.
Lấy tình thâm trả nghĩa thâm,
Bán mình đã động hiếu tâm đến trời.
Hại một người cứu muôn người,
Biết đường khinh trọng, biết lời phải chăng.
Thứa công đức ấy ai bằng,
Túc khiên đã rửa lâng lâng sạch rồi.

Kiều hành động thuận theo lẽ giáo phong kiến tức là đạo đức của Nho giáo : « bán mình chuộc cha » để vẹn chữ *hiếu*, « mắc điếu tình ái khỏi vòng tà dâm » để vẹn chữ *tiết*, chữ *trinh*, « hại một người cứu muôn người » để vẹn chữ *trung*, « lấy tình thâm trả nghĩa thâm » để vẹn chữ *nghĩa*. Hành động của Kiều vẹn được đạo đức trung, hiếu, tiết, nghĩa. Nhưng xét trong thực tế, hành động của Kiều đã vượt ra ngoài lẽ giáo phong kiến ở nhiều mặt, theo quan điểm của nhân dân lao động. Ví dụ về chữ *trinh*, ông để cho cô Kiều được tự do luyến ái « vì hoa nên phải đánh đường tìm hoa » ; về chữ *trung* ông đã để cho Từ Hải lập « triều đình riêng một góc trời, gồm hai văn võ rạch đôi sơn hà » ; ông đã để Kiều báo ân báo oán coi đó mới là công bằng hợp lý, trái với lòng từ bi bác ái của đạo Phật v.v...

Khi đã rũ sạch hết nghiệp chướng sau mười lăm năm oan khổ lưu ly bằng những hành động đạo đức được coi là giữ vẹn trung hiếu tiết nghĩa như thế, Kiều lại đi tu. Nhưng rồi Kiều cũng không trót đường tu mà trở về sum họp với Kim Trọng, nghĩa là trở về đường cũ ! Đúng là xã hội phong

kiến tuy đã tan rã, nhưng vẫn sống giả tạo, khác nào « gương vỡ lại lành », « hoa tàn mà lại thêm tươi » !

*

Nói tóm lại, trong cuộc sống đau khổ với nhân dân, tư tưởng Nguyễn Du đã trải qua nhiều diễn biến, có điểm tiến bộ nhưng lại có điểm lạc hậu, thậm chí phản động.

Trước sự xuất hiện những mầm mống của một chiều hướng phát triển mới đi lên của thời đại bấy giờ – mầm mống của một xã hội tư bản chủ nghĩa – ông không nhận thức được đúng, cho nên tuy ông chịu ảnh hưởng của nó nhưng ông lại chống lại nó. Ông ca ngợi tự do luyến ái, tự do cá nhân, chống lại sự ràng buộc áp bức của phong kiến đối với tình duyên, đối với kiếp người, ông muốn con người thoát khỏi chế độ gia trưởng phong kiến, nhưng ông lại ghê tởm với những tác hại của đồng tiền đối với con người.

Ông chưa thấy được mặt tích cực của xã hội hàng hóa mà chỉ thấy mặt tiêu cực của nó. Trong cuộc đấu tranh giữa hai con đường : chủ nghĩa phong kiến và xu hướng tiến lên chủ nghĩa tư bản, ông lưỡng lự, ông quanh quẩn không lối thoát như xã hội bấy giờ, chung quy ông trở lại chủ nghĩa phong kiến. Thuyết Khổng Mạnh còn ràng buộc ông vào chế độ phong kiến.

Thế giới quan của Nguyễn Du tuy có yếu tố tiến bộ, nhưng về căn bản vẫn nằm trong phạm trù của thế giới quan duy tâm phong kiến. Trong văn thơ của ông, Nguyễn Du không tin vào lực lượng và khả năng của nông dân lao động, ông cũng không hề đả động đến phong trào rầm rộ

chống ngoại xâm của dân tộc ta trong thời đại ông. Mặt khác, ông tố cáo phê phán những xấu xa thối nát, bất công tàn ác của xã hội phong kiến và tác hại của đồng tiền, nhưng chế độ khắc nghiệt của nhà Nguyễn bóp nghẹt nền kinh tế hàng hóa, bóp nghẹt công thương nghiệp, kìm hãm sức phát triển của những mầm mống tư bản chủ nghĩa, thì ông không đả phá nó. Ông chỉ đi tìm những giải pháp luẩn quẩn và bẽ tắc trong đạo Nho, cái đạo lý chủ trương duy trì chế độ phong kiến, đạo lý mà thực ra ông cũng không tin tưởng cho lắm nữa. Đó là vì tư tưởng của Nguyễn Du bị giới hạn trong vòng vây tư tưởng của thời đại ông, của giai cấp ông, của xã hội thời kỳ cuối Lê sang Nguyễn làm ông cho không thể nhìn thấy một chế độ nào khác hơn là mơ ước một chế độ phong kiến lý tưởng có vua quan nhân đức.

Có thấy được mâu thuẫn trong tư tưởng của Nguyễn Du là phản ánh những mặt mâu thuẫn nhất định trong xã hội thời kỳ cuối Lê sang Nguyễn, mới cảm thông được những mâu thuẫn bẽ tắc trong suốt cả cuộc đời đau khổ của Nguyễn Du, mới thấy ngoài những điểm lạc hậu, có những điểm tiến bộ trong tư tưởng Nguyễn Du ; và mới thấy giá trị truyện *Kiểu* là phản ánh những khía cạnh khá trung thực của xã hội, là bản án tố cáo và phê phán xã hội phong kiến bất công tàn ác, là niềm mơ ước giải phóng những kiếp người bị đầy đọa áp bức – đặc biệt là những người phụ nữ tài sắc bị vùi dập, để mang lại cho con người một cuộc sống hạnh phúc và tình yêu chân chính.

II. Trong biết bao nhiêu cuốn truyện của Trung-quốc, Nguyễn Du đã chọn một cuốn truyện thường, ít người chú ý

đến là *Kim Vân Kiều truyện* của Thanh Tâm Tài Nhân, để rồi dựa vào đó mà sáng tạo theo quan điểm của mình nên truyện *Kiều*, một tác phẩm vĩ đại của nền văn học cổ điển nước ta. Đó không phải là một việc làm ngẫu nhiên. Chắc chắn là Nguyễn Du đã tìm thấy ở cuốn truyện này những điều phù hợp với tâm sự của mình, phù hợp với tình cảnh xã hội Việt-nam đương thời. Nguyễn Du đã bắt gặp ở cuộc đời chìm nổi lênh đênh của nàng Kiều những nỗi niềm đau khổ của thân phận ông và của cả xã hội bấy giờ.

Nguyễn Du, với cái nhìn đau xót cho cuộc đời và thân phận con người, đã mở đầu truyện *Kiều* bằng những tiếng kêu thương :

*Trăm năm trong cõi người ta,
Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau,
Trải qua một cuộc bể dâu,
Những điều trông thấy mà đau đớn lòng.*

Xuất phát từ một hiện thực xã hội đen tối không lối ra, Nguyễn Du phải dựa vào đạo Khổng, đạo Phật mà tìm cách lý giải hiện thực. Ông nêu lại thuyết *tài mệnh ghét nhau*, rồi đi vào câu chuyện Thúy Kiều – một người con gái đẹp vì mang cái nghiệp đa tình và tài hoa mà bị oan khổ lưu ly mười lăm năm – để chứng minh thuyết mệnh trời và qua đó mà tố cáo phê phán những bất công tàn ác của xã hội, rồi cuối cùng tác giả lại thuyết lý về con đường tu tâm và cho Thúy Kiều được đoàn viên với người yêu đầu tiên của nàng là Kim Trọng.

Xét về mặt hình thức của cấu trúc tác phẩm, truyện *Kiều* xuất phát từ một quy phạm chủ quan, thuyết minh lý thuyết *tài mệnh ghét nhau*; nhưng xét về mặt bản chất nội dung lại dựa trên cơ sở « những điều trông thấy mà đau đớn lòng » trong hiện thực xã hội, mà xây dựng nên những hình tượng nghệ thuật mang lý tưởng thẩm mỹ tập trung ở nhân vật chính diện là Thúy Kiều. Như thế thì lý tưởng thẩm mỹ quán triệt trong toàn bộ tác phẩm truyện *Kiều* phải chăng là lý tưởng thẩm mỹ phong kiến về căn bản; hay là dưới ngòi bút Nguyễn Du, lý tưởng thẩm mỹ chịu ảnh hưởng của những yếu tố tiến bộ trong đời sống hiện thực đôi phen đã vượt ra khỏi khuôn khổ phong kiến và đã phá sự chỉ đạo của ý thức hệ phong kiến?

Kiều đã vượt ra khỏi đạo đức lễ giáo phong kiến ở nhiều mặt, nhưng rồi Kiều lại quy hàng theo đạo đức lễ giáo phong kiến. Đã có lúc Kiều « xăm xăm băng lối vườn khuya một mình », « vì hoa nên phải đánh đường tìm hoa », nhưng nói chung Kiều vẫn không sống táo bạo theo sự rung động say mê của con tim như người nông dân :

*Vai mang khăn gói sang sông,
Mẹ theo ; lạy mẹ theo chồng cứ theo.
(cd)*

Trong khi làm một việc táo bạo vượt ra khỏi lễ giáo phong kiến là đi tìm Kim Trọng để tỏ tình yêu, nàng vẫn phải chịu khuất phục trước lễ giáo phong kiến :

*Dù khi lá thăm chỉ hồng,
Nên chăng thì cũng tại lòng mẹ cha.*

Khi cha bị mắc tội oan, muốn cứu cha, nàng đã để chữ *hiếu* lên trên chữ *tình*, nàng khăng khăng bán mình chuộc cha mà không nghĩ tới một giải pháp nào khác. Kiều đã nghe theo tiếng gọi của đạo lý phong kiến hơn là nghe theo tiếng gọi của con tim. Nàng đã không dám liều lĩnh « nỗi loạn » như người nông dân :

*Chữ trung thì để phần cha,
Chữ hiếu phần mẹ đôi ta chữ tình.*
(cd)

Và, nàng dành để cho mỗi tình đối với chàng Kim tan vỡ.

Kiều bán mình chuộc cha, chữ *hiếu* ở đây không phải chỉ là một khái niệm đạo lý phong kiến, mà còn bao hàm một nội dung thương người. Kiều đã hy sinh hạnh phúc lứa đôi của mình để cứu gia đình. Kiều « bán mình đã động hiếu tâm đến trời ».

Lý tưởng phong kiến về chữ *hiếu* bị phá vỡ trong trường hợp Thúc sinh không nghe cha mà bỏ Kiều, đến nỗi cha phải lên quan kiện con. Con không nghe cha vì muốn bảo vệ chữ *tình*, cha đi kiện con vì con không tròn chữ *hiếu*. Kỷ cương phong kiến đã bị đảo ngược, mà sự đảo ngược này lại được ông quan « mặt sắt đen sì » - người cầm cân nẩy mực cho đạo lý phong kiến – đồng tình vì thông cảm tài sắc của nàng Kiều.

Quan niệm về chữ *trinh* của truyện Kiều vừa có điểm muốn đả phá lẽ giáo phong kiến, nhưng rồi lại quy phục lẽ giáo phong kiến. Kiều bán mình, Kiều không thủ tiết với

chàng Kim. Tuy vậy, không bao giờ trong lòng nàng, mỗi tình đâu bị phai nhạt. Mười lăm năm sau, gặp lại Kim Trọng, nàng đau khổ nói :

*Riêng lòng đã thẹn lăm thay,
Cũng đà mặt dạn mà dày khó coi !*

Và, nàng cho rằng :

*Chữ trinh còn một chút này,
Chẳng cầm cho vững lại giày cho tan !*

Chữ trinh của nàng không ở phạm vi về xác thịt mà là thuộc về tâm hồn, Kim Trọng cũng thấy như thế :

*Xưa nay trong đạo đàn bà,
Chữ trinh kia cũng có ba bảy đường.
Có khi biến có khi thường,
Có quyền nào phải một đường chấp kinh.
Như nàng lấy hiểu làm trinh,
Bụi nào cho đục được mình ấy vay ?*

Chữ trinh hiểu một cách có biến có thường, đó là cái mới, trái với đạo lý phong kiến ; nhưng chữ trinh không bị vẫn đục là nhờ hành động làm vẹn chữ hiểu. Đó vẫn là lý tưởng phong kiến. Đối với nông dân thì họ có lý lẽ của họ. Họ chống lại cái đạo lý trói buộc họ :

*Lắng lơ cũng chẳng hao mòn,
Chính chuyên cũng chẳng sơn son để thò.
Lắng lơ chết cũng ra ma,
Chính chuyên chết cũng khiêng ra ngoài đồng.* ⁹
(cd)

Vẽ chữ *trung*, Kiều đã suy nghĩ như thế nào ? Kiều đã nói với Từ Hải :

*Răng : trong Thành trạch dỗi dào,
Tươi ra đã khắp thẩm vào đã sâu.
Bình thành công đức bấy lâu,
Ai ai cũng đội trên đầu biết bao.*

Kiều vẫn nghĩ theo khuôn khổ của đạo lý phong kiến, cho rằng việc đánh lại triều đình là việc làm của những kẻ phản nghịch, Kiều nói :

Nghìn năm ai có khen đâu Hoàng Sào.

Và, Kiều khuyên Từ Hải ra hàng :

Một là đắc hiếu hai là đắc trung.

Vẽ chữ *nghĩa*, Kiều đã « lấy tình thâm trả nghĩa thâm ». Kiều cậy Thúy Vân thay mình mà lấy Kim Trọng, trả nghĩa cho chàng. Vì nghĩa mà Kiều trả ơn Thúc sinh, Mã Kiều, mục quản gia và sư Giác Duyên. Vì nghĩa mà Vân nghe lời chị, đến sau này, lại yêu cầu Kim – Kiều sum họp trong bữa tiệc đoàn viên. Ngay đến khi trả ân báo oán, Kiều cũng vì nghĩa mà không kể tội mẹ con họ Hoạn mặc dù nàng đã chỉ rõ « chính danh thủ phạm tên là Hoạn thư ». Dưới ngòi bút của Nguyễn Du, Kiều đã nhiều lần vượt ra khỏi vòng vây và đã làm rạn nứt lý tưởng trung, hiếu, tiết, nghĩa của phong kiến về nhiều mặt. Nhưng rồi, cuối cùng nàng cũng không thể có con đường nào thoát khỏi vòng vây của lý tưởng đạo đức và thẩm mỹ phong kiến đó.

Trong tâm hồn Thúy Kiều có một sự đấu tranh giằng co giữa mỗi bòng bong : sống theo đạo lý lễ giáo phong kiến hay sống theo cuộc sống tự do với tính tài hoa, đa tình phóng khoáng của mình ? Có lúc Kiều đã vượt lễ giáo đi tìm tình yêu với Kim Trọng ; có lúc Kiều phản ứng với số mệnh, định tự tử ; có lúc Kiều kết duyên với Từ Hải, thoát ra khỏi vòng áp bức và trả ân báo oán. Nhưng nói chung Kiều không bao giờ dám đấu tranh kiên cường và quyết liệt. Nàng bị ám ảnh bởi nghiệp chướng, bởi mệnh trời, chịu khuất phục trước số mệnh, phó mặc cuộc sống trôi đi :

*Biết thân chạy chẳng khỏi trời,
Cũng liều mất phẫn cho rồi ngày xanh...
Cũng liều nhầm mắt đưa chân,
Thử xem con tạo xoay vẫn đến đâu.*

Có lúc nàng đành :

*Thân lươn bao quản lấm đâu,
Chút lòng trinh bạch từ sau xin chừa.*

Và, tuy mấy lần nàng tự tử, nhưng rồi lại cam tâm chịu mọi sự giày vò, miễn là để sống.

Nhiều sự kiện xảy ra đẩy nàng vào một cuộc đời chìm nổi éo le, dưới ngòi bút Nguyễn Du toàn là có tính chất ngẫu nhiên, do một bàn tay trớ trêu nào đó của trời định sẵn buộc nàng phải gặp Mã Giám sinh, Tú bà, Sở Khanh, Thúc sinh, mẹ con Hoạn thư, Bạc bà, Bạc Hạnh để cho đúng với lời tiên tri về số mệnh tài hoa đa tình của nàng trong mười lăm năm :

Ma đưa lối quỷ đem đường,

Lại tìm những chốn đoạn trường mà đi.

Kiều là nhân vật được xây dựng trên cơ sở của những ám ảnh về định mệnh, về *tài mệnh ghét nhau*. Nhưng những ám ảnh có tính chất duy tâm và thần bí ấy xét đến cùng chính là mang dấu ấn của thời đại ông : Nguyễn Du trong cuộc sống hiện thực đã từng chứng kiến biết bao nhiêu người đàn bà tài sắc như nàng Kiều mà phải chịu cắn xé bởi những miệng hùm nọc rắn của chế độ phong kiến ! Nguyễn Du đã nhận thức rõ một sự thực là : những người có ý thức về sự đau khổ của mình là những người đau khổ hơn ai hết. Thúy Kiều đau khổ hơn ai hết chính là vì nàng có tình hơn ai hết, có tài hơn ai hết, có ý thức về nỗi đau khổ của mình.

Tóm lại, Kiều là một phụ nữ yếu đuối, Kiều không phải là con người lý tưởng, cũng không thể là điển hình cho phụ nữ Việt-nam mang trong mình những đức tính tốt đẹp, kiên cường, bất khuất, trung hậu, đảm đang. Kiều mang cuộc sống hiện thực đau khổ của một tâm hồn phụ nữ thường tình và đáng thương. Đó là một mặt của hiện thực. Nhưng *Kiều là một nhân vật được xây dựng trên cơ sở một sự ám ảnh về số mệnh trớ trêu* nói lên được thực chất đau khổ của cuộc sống dưới chế độ phong kiến. Kiều đã bị « thanh lâu hai lượt, thanh y hai lần ». Nàng đã sống quằn quại, đau đớn, khổ nhục trong cái cảnh đi ở và làm đĩ là hai cảnh bất hạnh lớn nhất đối với phụ nữ. Đời Kiều đã tập trung những nỗi khổ đau cực độ điển hình của người phụ nữ, của những người bị thiệt thòi nhất trong xã hội phong kiến. Thương xót Kiều là ở chỗ đó, mến Kiều là ở chỗ nàng là con người hiếu

thảo, có tinh thần hy sinh, có lòng thương người, có tài, có sắc và có tình. Giận Kiều, chê Kiều là ở chỗ nàng không phải là con người kiên cường, bất khuất.

*

Nhân vật truyện *Kiều* sau Thúy Kiều là Kim Trọng. Chỉ một vài nét miêu tả rất thanh tú, Nguyễn Du cũng đã đủ gây cho người đọc thấy chàng là một con người quý tộc :

*Phong tư tài mạo tốt vời,
Vào trong phong nhã ra ngoài hào hoa.*

Kim Trọng vừa mới gặp Kiều trong ngày hội Đạp thanh mà đã đem lòng yêu ngay người con gái ấy. Khi về nhà, nỗi buồn tương tư ngày càng chồng chất, chàng đi tìm nàng. Rồi ngày lại ngày « tường đông ghé mắt ngày ngày hăng trống », chàng được gặp nàng, thổ lộ tâm can và được Kiều đáp lại bằng một mối tình nồng nhiệt.

Tình yêu của Kim Trọng và Thúy Kiều là tình yêu trong trăng như « vắng trăng vắng vặc giữa trời », là tình yêu say đắm mới thoảng gần nhau đã « chập chờn cơn tỉnh cơn mê », mới xa nhau một ngày mà « sầu đong càng lắc càng đầy, ba thu dồn lại một ngày dài ghê » !

Tình yêu của Kim Trọng là tình yêu chung thủy. Sau này khi từ Liêu-dương trở lại vườn Thúy, không gặp được Kiều, chàng « đau đìu đoạn ngắt đìu thôi, tỉnh ra lại khóc, khóc rồi lại mê ». Chàng kêt duyên với Thúy Vân mà không lúc nào không thương nhớ Thúy Kiều. Và, mỗi khi đốt lò hương, nắn phím đàn xưa, Kim Trọng tưởng chừng như thấy « tiếng kiều đồng vọng bóng xiêm mơ màng ».

Làm quan giàu sang phú quý, có vợ đẹp là Thúy Vân mà Kim Trọng vẫn quyết sẵn sàng hy sinh tất cả để tìm Thúy Kiều :

*Rắp mong treo ấn từ quan,
Mấy sông cũng lội mấy ngàn cũng pha.
Dấn mình trong áng can qua,
Vào sinh ra tử họa là thấy nhau.*

Sau này, khi hai người gặp lại nhau, Kim Trọng có một quan niệm vượt khỏi đạo lý phong kiến, không vì thành kiến của một chữ *trinh* xác thịt mà rời bỏ tình yêu. Kim Trọng là một con người lý tưởng được Nguyễn Du xây dựng theo ước mơ chủ quan của mình. Kim Trọng là một hình tượng nhân vật lãng mạn.

*

Nhân vật Từ Hải là một nhân vật anh hùng, không ai biết từ đâu đến với nàng Kiều :

*Lần thâu gió mát trăng thanh,
Bỗng đâu có khách biên đình sang chơi.*

Khi gặp Kiều, tình yêu giữa hai người không là một tình yêu say đắm của buổi ban đầu, mà là một tình yêu tri kỷ gắn liền hai con người bị xã hội phong kiến khinh ghét, một tương giặc và một gái giang hồ. Từ Hải thoát đến với Kiều, gắn bó với Kiều, rồi lại thoát rời Kiều đi xa, chẳng khác gì một ngôi sao băng :

*Nửa năm hương lửa đương nồng,
Trương phu thoát đã động lòng bốn phương.*

*Trông vời trời bể mênh mang,
Thanh gươm yên ngựa lên đường thăng giong.*

Cuộc sống của Từ Hải là cuộc sống giang hồ, ở chân trời góc biển, tung hoành bốn phương, là cuộc sống của một con người « giữa đường dẫu thấy bất bằng mà tha ». Từ Hải muốn dẹp bằng những nỗi bất công của xã hội, chống lại nhà vua, « huyện thành đạp đổ năm tòa cõi nam » và thiết lập « triều đình riêng một góc trời, gồm hai văn võ rạch đôi sơn hà ». Nhưng xét cho kỹ, mục đích của Từ Hải không phải là chống lại chế độ vua quan để đem lại lợi ích cho nhân dân. Từ Hải chỉ là tiêu biểu cho một thứ chính nghĩa chung chung, một thứ chủ nghĩa anh hùng cá nhân « nghênh ngang một cõi biên thùy, kém gì cô quả kém gì bá vương », « dọc ngang nào biết trên đầu có ai ».

Từ Hải làm rung chuyển cả chế độ phong kiến, phơi bày sự thối nát phản động của nó, nhưng không phải để phá vỡ nó mà lại trở về với nó, rồi phải chết, mặc dù là chết đứng, chết không chịu khuất phục.

Mâu thuẫn của Từ Hải cũng là mâu thuẫn của Nguyễn Du và cũng là mâu thuẫn thời đại bấy giờ. Nguyễn Du đã nhìn thấy những đen tối tàn bạo của xã hội phong kiến và thấy được bạo lực của những cuộc khởi nghĩa to lớn của nhân dân. Nhưng Nguyễn Du không có điều kiện để tin tưởng vào các cuộc khởi nghĩa đó, vì nó lại lập lại chế độ phong kiến, Nguyễn Du không có điều kiện để nhìn thấy trước sự sụp đổ tất yếu của chế độ phong kiến.

Từ Hải của Nguyễn Du không có bóng dáng Nguyễn Huệ. Nguyễn Du không tin năng lực nông dân, không thích Nguyễn Huệ, càng sợ nói đến Tây-sơn dưới triều Gia-long. *Nhân vật Từ Hải của Nguyễn Du không phải là nhân vật hiện thực mà là một nhân vật tưởng tượng*, một nhân vật thể hiện cái khát khao mong ước của Nguyễn Du về tự do công lý của con người đòi hỏi trừ bỏ những bất công của xã hội nhưng bất lực. Nguyễn Du cũng đã gửi gắm nhiều vào Từ Hải.

*

Thúc sinh là con một nhà buôn giàu có, lấy vợ con một nhà đại quý tộc. Thúc sinh cũng là một trang thanh niên nổi tiếng ăn chơi, hành lạc « quen thói bốc rờ, trăm nghìn đổ một trận cười như không » ; nhưng phải cái tội sơ vợ, chịu khuất phục trước thế lực Hoạn thư. Tình yêu của Thúc sinh đối với Thúy Kiều là một tình yêu trăng gió :

*Sớm đào tối mận lân la,
Trước còn trăng gió sau ra đá vàng.*

Giữa hai người nếu không có những đêm trác táng « miệt mài trong cuộc truy hoan » thì làm sao mà có thể « càng quen thuộc nết càng dan díu tình ». Thúc sinh chỉ bắt đầu « tính cuộc vuông tròn » khi anh ta đã bị « cái sóng khuynh thành » của nàng Kiều lôi cuốn. Kiều không yêu Thúc sinh với một tình yêu say đắm mà chỉ lấp Thúc sinh để thoát cảnh khổ ở chốn lầu xanh. Thúc sinh lấp Kiều cũng là cốt để thỏa mãn thói ăn chơi ; cho nên sau này khi tưởng

lầm Thúy Kiều đã chết, sự nhớ thương của Thúc cũng chỉ là sự :

*Tiếc hoa những ngậm ngùi xuân,
Thân này dễ lại mấy lần gặp tiên !*

Thúc sinh tung tiền ra chuộc cho được Kiều. Kiều e sợ về nỗi vợ cả, thì Thúc sinh đã khoác lác « trăm điều hãy cứ trông vào một ta ». Nhưng kỳ thực là hắn liều. Khi đã lấy Kiều, cha bắt phải bỏ, hắn lạy lục, khóc than :

*Răng con biết tội đã nhiều...
Dại rồi còn biết khôn làm sao đây.*

Thúc sinh phó mặc cuộc đời Kiều cho Hoạn thư hành hạ. Khi Kiều buộc phải hầu rượu Hoạn thư, thì Thúc sinh sợ mà phải ngâm đắng nuốt cay, chịu cho « tan nát lòng ». Và, rồi rút cục hắn đã bỏ rơi Kiều :

*Liệu mà cao chạy xa bay,
Ái ân ta có ngăn này mà thôi.*

Ở Thúc sinh ta không thấy bộc lộ mánh lới của bọn con buôn xảo quyết. *Thúc sinh là điển hình lý tưởng cho hạng thương nhân bất lực trước chẽ độ phong kiến, kết hôn với phong kiến, ăn chơi trăng gió, khát khao thú vui xác thịt, không có một tình yêu chân chính.*

*

Hoạn thư là tiêu biểu cho những người phụ nữ thuộc giai cấp quý tộc đang nắm quyền thế. Hoạn thư ghen không phải vì không muốn cho chồng lấy vợ lẽ mà là vì Thúc sinh đã vi phạm cái nền nếp của gia đình quý tộc :

*Ví bằng thú thật cùng ta,
Cũng dong kẻ dưới mới là lượng trên.
Dại chi chẳng giữ lấy nền,
Tốt chi mà rước tiếng ghen vào mình.*

Cái « nền » của gia đình Hoạn thư là phải xin phép trước, mà đã trót ăn vụng không xin phép thì phải thú thật với vợ cả. Thúc sinh không dám thú thật thì nhất định Hoạn thư sẽ cho Thúc sinh biết cái « nền », cái gia pháp ấy theo cách của y là « giấu ta ta cũng liệu bài giấu cho », và :

*Làm cho nhìn chẳng được nhau,
Làm cho dày đọa cất đầu chẳng lên.*

Hoạn thư sắp đặt âm mưu quỷ quyết, nhưng « trong ngoài kín mít như bưng, nào ai còn dám nói nǎng một lời ». Trong lòng ả sôi sục ghen tuông, nhưng người ta vẫn thấy ả « ra vào một mực nói cười như không ». Quả là cái ghen có bản lĩnh của một kẻ gian xảo, cái ghen của một con người quý tộc có đủ điều kiện sai gia nhân đi bắt cóc người, áp bức kẻ bị oan không có đường kêu oan. Ở trong tay Hoạn thư, Thúc sinh chỉ còn là một con chuột nhắt bị con mèo vờn, không dám cựa quậy. Ở trong tay Hoạn thư, tài hoa nhan sắc của nàng Kiều bị ả lợi dụng, trả thù một cách tinh vi. Hoạn thư buộc Kiều đánh đòn để làm cho :

*Cùng trong một tiếng tơ đồng,
Người ngoài cười nụ người trong khóc thầm.*

Hoạn thư đã lợi dụng cửa Phật để giết chết tài sắc của Kiều, mặc dù hắn khen ngợi Kiều tài sắc hơn người và xót thương cuộc đời chìm nổi lênh đênh của nàng. Nhưng thực

ra hắn cũng tỏ ra độ lượng với Kiều. Sau này, trong cuộc trả án báo oán, hắn mới có thể nói những câu :

*Răng : Tôi chút dạ đàn bà,
Ghen tuông thì cũng người ta thường tình.
Nghĩ cho khi các viết kinh,
Với khi khỏi cửa dứt tình chẳng theo.
Lòng riêng, riêng những kính yêu,
Chồng chung chưa dễ ai chiều cho ai.*

Bấy nhiêu lời làm Kiều không có lý do để trùng trị.

Cái ghen của Hoạn thư là *cái ghen của một con người quý tộc, tàn ác đến cái mức tinh vi sâu sắc*, nhưng cũng là thường tình. Tuy nhiên Hoạn thư cũng biết trọng tài Kiều và khi đối thủ đã biết cam chịu cúi đầu trước hắn thì hắn cũng sẵn lòng dung thứ.

*

Hồ Tôn Hiển là một tên tổng đốc trọng thần. Cái tài kinh luân của hắn chỉ là cái âm mưu đê hèn dựa vào sự nhẹ dạ của một người đàn bà đã trải qua quá nhiều đau khổ để mê hoặc dụ dỗ người chồng ra hàng. Hắn chẳng cần gì đến tín nghĩa. Hắn chờ cho đối phương mắc mưu « ngọn cờ ngơ ngác trống canh trễ tràng », lúc đó hắn mới giả vờ phía trước dàn nghi lễ chiêu hàng, phía sau phục binh mà đánh úp.

Cái tên quan đại thần này rất mực gian giảo, lúc nào cũng có một thái độ giả vờ ân cần, một giọng lười hòa nhã. Khi cần đến Kiều giúp đỡ thì hắn mua chuộc :

Lại riêng một lễ với nàng,

Hai tên thê nữ ngọc vàng nghìn cân.

Khi giết được Từ Hải rồi, cái giọng ân cần, nhân nghĩa của hắn trở thành giọng lưỡi « xót thương » Kiều :

*Rắng : Nàng chút phật hồng nhan,
Gặp cơn binh cách nhiễu nàn cũng thương.*

*Đã hay thành toán miếu đường,
Giúp công cũng có lời nàng mới nên.*

Thúy Kiều không ngần ngại, trước mặt Hồ Tôn Hiến, nàng ca tụng Từ Hải « rắng : Từ là đấng anh hùng », vì quá tin nàng mà « năm năm trời bể ngang tàng, dấn mình đi bỏ chiến trường như không », nàng trách tên quan đại thần :

*Khéo khuyên kể lấy làm công,
Kể bao nhiêu lại đau lòng bấy nhiêu.*

Hồ Tôn Hiến giấu mặt, không tỏ thái độ thịnh nộ trước lời nói đó. Hắn tỏ ra vẻ thương tình cho chôn cất Từ Hải, rồi mới mở tiệc mừng công bắt Kiều hầu hạ, « dở say lại ép cung đàn nhặt tâu » để cho hắn :

*Nghe càng đắm ngắm càng say,
Lạ cho mặt sắt cũng ngây vì tình.*

Đến khi nghĩ « phương diện quốc gia », hắn lại đều giả gán Kiều cho một thố quan.

Nguyễn Du không hề nói lên một lời căm giận tên tổng đốc trọng thần « bề ngoài văn hoa tốt đẹp, mà bề trong giấu chất độc giết người ». Tuy nhiên *sự việc và hình ảnh* của Hồ Tôn Hiến đã tự nó nói lên những sự thực bỉ ổi kích động lòng căm phẫn của chúng ta đối với bọn vua quan

phong kiến. Ngay việc Từ Hải ra hàng cũng không làm tăng mà còn làm giảm thêm uy tín và biểu lộ sự hèn nhát của bọn vua quan phong kiến.

*

Tú bà chỉ được phác họa qua một vài nét :

*Thoắt trông nhờn nhợt màu da,
Ăn gì cao lớn đấy đà làm sao.*

cũng đủ làm cho người đọc thấy hắn là một con mụ trùm lầu xanh.

Muốn cho Kiều biết mình là ai, hắn « vắt nóc lên giường ngồi ngay », và « dạy răng : con lạy mẹ đây ». Tú bà dùng đúng nỗi tam bành khi biết Mã Giám sinh đã làm cái trò ăn vụng, hắn mắng Mã Giám sinh là « tuồng vô nghĩa ở bất nhân », hắn đau khổ vì « màu hổ đã mất đi rồi, thôi thôi vốn liêng đi đời nhà ma », hắn lại giở cái giọng đạo lý ra với Kiều :

*Lão kia có giở bài bây,
Chẳng văng vào mặt mà mày lại nghe.
Cớ sao chịu trót một bể,
Gái tơ mà đã ngứa nghẽ sớm sao ?*

Kiều tự tử nhưng không chết. Hắn lại xoay cách khác, hắn ra vẻ ân cần khuyên giải, đem điều phải trái, từng lời từng lời như rót vào tai Kiều :

*Lỡ chân trót đã vào đây,
Khóa buồng xuân để đợi ngày đào non.
Người còn thì của hãy còn,*

*Tìm nơi xứng đáng là con cái nhà.
Làm chi tội báo oan gia,
Thiệt mình mà hại đến ta hay gì.*

Trong lúc đó, mụ lại lập mưu khiến Sở Khanh đem Kiều đi trốn, đêm khuya bỏ lạc trong rừng cho mụ « tóc thẳng đến nơi » bắt Kiều « áp điệu một hơi lại nhà », để rồi :

*Hung hăng chẳng hỏi chẳng tra,
Đang tay vùi liễu dập hoa tươi bời.*

Đến khi Kiều « uốn lưng thịt đổ, cất đầu máu sa » không chịu nổi, đành phải van lạy hắn :

*Thân lươn bao quản lấm đau,
Chút lòng trinh bạch từ sau xin chừa.*

Hắn còn bắt phải có người bảo lãnh, làm tờ cung chiêu mới chịu tha.

Cấu kết với mụ trùm lầu xanh đó là hai tên ma cô : Mã Giám sinh và Sở Khanh. Mã Giám sinh vốn là một kẻ ăn chơi, cờ bạc, quen kiêm ăn ở những nơi chứa thổ đồ hồ, hắn là hạng đàn em Tú bà. Cái bể ngoài trai lơ :

*Quá niên trạc ngoại tứ tuần,
Mày râu nhẵn nhụi áo quần bánh bao.*

cùng với một lũ « trước thay sau tớ lao xao », và cái thái độ « ghế trên ngồi tót sổ sàng » của hắn không thể che mắt được ai. Giọng lưỡi thuộc lòng mang vẻ hào hoa phong nhã :

*Rắng : Mua ngọc đến Lam-kiều,
Sinh nghi, xin dạy bao nhiêu cho tường.*

đã bị cái lối « cò kè bớt một thêm hai » trong nghề « buôn thịt bán người » của hắn làm hắn phải rời mặt nạ. Nhưng có một điều lạ là với thái độ, hành động và lời ăn tiếng nói quá rõ ràng của một tên ma cô, như thế mà một người thông minh như Kiều lại ngây thơ tin rằng hắn đến cưới mình làm vợ thực sự.

Sở Khanh, một tên « bạc tình nỗi tiếng lầu xanh » đã đến với Kiều theo âm mưu của Tú bà. Với dáng điệu trai lơ « hình dung chải chuốt áo khăn dịu dàng », với hành động « trông nàng, chàng cũng ra tình đeo đai », với lời nói văn vẻ trống rỗng, huênh hoang, rẻ tiền, Sở Khanh đã để lộ rõ thực chất của hắn là một tên lưu manh bỉ ổi bợm :

*Than ôi ! sắc nước hương trời,
Tiếc cho đâu bỗng lạc loài đến đây ?
Giá đành trong nguyệt trên mây,
Hoa sao hoa khéo đọa đầy bấy hoa ?

Tức gan riêng giận trời già,
Lòng này ai tỏ cho ta hối lòng ?
Thuyền quyên ví biết anh hùng,
Ra tay tháo cũi sổ lồng như chơi.*

Thế mà Kiều cũng không nhận ra để phải mắc lừa một cách quá dễ dàng ? Có thể vì trong lúc bơ vơ không nơi bấu víu, Kiều đã không kịp suy xét, đành phải nhờ vả vào hắn.

Vì ba mươi lạng bạc, Sở Khanh đã dìm Thúy Kiều xuống biển. Nhưng có phải như thế mà hết đâu, lấy tiền xong, bị lột mặt nạ, hắn trở mặt như trở bàn tay với cái giọng huênh hoang quen thuộc :

Răng : Nghe mới có con nào ở đây ?

Phao cho quyến gió rủ mây,

Hãy xem có biết mặt này là ai ?

Hắn còn làm bộ quát mắng đùng đùng, định đánh Kiều.
Đúng là Sở Khanh, một tên mặt mo vô liêm sỉ.

Tú bà, Mã Giám sinh, Sở Khanh cũng là những nhân vật phản diện, mang trong mình bản chất bỉ ổi thối tha, sa đọa của tầng lớp lưu manh chứa thổ đổ hổ, buôn thịt bán người trong một chế độ đang khủng hoảng trầm trọng. *Đó là ba nhân vật được khắc họa với những nét khá điển hình*, nhưng vì Nguyễn Du chưa đi sâu vào miêu tả các chi tiết, sự kiện, nội tâm, nên dù sao *tính cách điển hình ấy vẫn còn nặng về khái quát hóa hơn là cá biệt hóa*. Tú bà là mụ trùm lầu xanh, chưa phải là cái « mụ trùm lầu xanh ấy ». Mã Giám sinh và Sở Khanh cũng vậy, đó mới chỉ là những tên ma cô, lưu manh nói chung, mà chưa phải là cái « thằng ma cô ấy », cái « thằng lưu manh ấy ». Tuy nhiên chúng cũng đã trở thành những điển hình phổ biến.

*

Nhân vật Đạm Tiên là hiện hình nạn nhân của định mệnh, của *tài mệnh ghét nhau*. Trong tiết Thanh minh, trước nấm mồ bên đường, hương khói vắng tanh, Kiều hỏi Vương Quan mới biết đó là mộ của Đạm Tiên. Kiều khóc Đạm Tiên « thấy người năm đó biết sau thế nào ». Tình lại gặp tình, tài hoa lại gặp tài hoa, Đạm Tiên hiện về báo cho Kiều biết để cảm tạ tấm lòng xót thương của Kiều. Đạm

Tiên nói cho Kiều biết trong sổ đoạn trường có tên Kiều, Kiều với nàng cũng là người cùng hội cùng thuyền.

Bán mình vào tay Tú bà, Kiều tự tử. Trong lúc mê man, Đạm Tiên lại hiện lên nhắc nhở Kiều :

*Rỉ rangle : Nhân quả dở dang,
Đã toan trốn nợ đoạn trường được sao !
Số còn nặng nghiệp má đào,
Người dù muốn quyết trời nào đã cho !*

và hẹn với Kiều sẽ gặp gỡ nàng ở sông Tiền-đường.

Sau khi Từ Hải chết, Hồ Tôn Hiến gán Kiều cho một viên thổ quan. Thuyền đi đến sông Tiền-đường. Kiều nhớ lời Đạm Tiên, nên đã « đem mình gieo xuống giữa dòng trường giang ». Nghe theo lời Tam Hợp đạo cô, sư Giác Duyên đã « thả một bè lau » đợi sẵn ở đó để cứu nàng. Trong cơn mê man bất tỉnh, Đạm Tiên đến báo với Kiều :

*Tấm thành đã thấu đến trời,
Bán mình là hiểu cứu người là nhân.
Một niềm vì nước vì dân,
Âm công cất một đồng cân đã già.
Đoàn trường sổ rút tên ra,
Đoạn trường thơ phải đưa mà trả nhau.
Còn nhiều hưởng thụ vè lâu,
Duyên xưa tròn trặn phúc sau dõi dào.*

Cũng như Tam Hợp đạo cô, Đạm Tiên giải thích cái nghiệp của Kiều được rửa xong là vì Kiều đã vẹn chữ *hiểu*, chữ *trung* và chữ *nhân*, chữ *nghĩa*. Đạm Tiên – cái bóng ma nạn nhân của định mệnh, và Tam Hợp đạo cô – con người

của Đạo giáo, cả hai đều là *những nhân vật phi hiện thực*, được Nguyễn Du xây dựng trên cơ sở một sự ám ảnh nặng nề về số kiếp con người luẩn quẩn trong vòng vây duy tâm của Tam giáo.

*

Còn một nhân vật tuy Nguyễn Du chỉ nói qua mấy câu nhưng lại là nhân vật mà ông cho là nguyên nhân những cuộc bể dâu : đó là « thằng bán tơ ».

Cái chẽ độ phong kiến mà Nguyễn Du tưởng chừng muôn đời « bốn phương phảng lặng hai kinh vững vàng », nào đã « bỗng thấy bốn bề xôn xao », « đầy nhà vang tiếng ruồi xanh, rụng rời khung dệt tan tành gói may ».

« Điều đâu bay buộc ai làm ?
Này ai đan giậm giật giàm bỗng dừng ?
Hỏi ra sau mới biết rằng :
Phải tên xưng xuất là thằng bán tơ ».

Nguyễn Du chưng hửng, không hiểu được vì đâu mà có « thằng bán tơ », và « thằng bán tơ » là ai mà « làm cho khốc hại chẳng qua vì tiền ». Ông không hiểu được rằng chính khi xã hội đã sản xuất ra hàng hóa và khi sức lao động của con người biến thành hàng hóa và đồng tiền biến thành môi giới giao lưu hàng hóa, thì con người tài hoa như Kiều đã biến thành hàng hóa và xã hội phong kiến phải rạn nứt, đảo điên.

Nhưng chính cái xã hội phong kiến đó xây dựng trên cương thường Khổng giáo đã ngăn cản không cho « thằng bán tơ » lớn mạnh lên được, nói đúng hơn, đã ngăn cản

những mầm mống tư bản chủ nghĩa nẩy nở và làm cho xã hội sa lầy mãi trong cảnh đen tối không lối thoát.

*

Xây dựng nhân vật truyện *Kiều*, Nguyễn Du còn bị hạn chế bởi lối miêu tả bằng một thứ bút pháp ước lệ trong văn học cổ điển Việt-nam, nặng về khái quát, dùng những mỹ từ pháp tượng trưng và cách điệu trau chuốt, không đi vào cụ thể.

Trong truyện *Kiều*, những phong hoa tuyết nguyệt – « lá thắm chỉ hồng », « khuôn thiêng », « cỗi xuân », « bóng tùng quân », « thân cát đắng », « râu hùm hàm én mày ngài », « ong bướm » v.v... không phải chỉ nhầm tả cảnh mà còn đi vào nội tâm của các nhân vật. Nếu Thúy Kiều với « làn thu thủy nét xuân sơn » mang vẻ đẹp công thức của người đàn bà, thì Kim Trọng cũng có cái vẻ chung của những trang phong lưu quý tộc « tuyết in sắc ngựa câu giòn, cỏ pha màu áo nhuộm non da trời ».

Cái buồn của Kiều trước lầu Ngưng-bích vẫn là một cái buồn chung, mọi người đều có thể có cái buồn ấy, không riêng gì nàng Kiều :

*Buồn trông cửa bể chiêu hôm,
Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa.

Buồn trông ngọt nước mới sa,
Hoa trôi man mác biết là về đâu.

Buồn trông nội cỏ dàu dàu,
Chân mây mặt đất một màu xanh xanh.*

Ở đây chúng ta phải khẳng định rằng ngôn ngữ truyện Kiều đã đạt tới trình độ điêu luyện tinh vi, sâu sắc có một không hai trong văn học cổ điển Việt-nam. Chúng ta khẳng định nghệ thuật ngôn ngữ truyện Kiều là niềm tự hào của tiếng nói Việt-nam.

Nhưng chúng ta không thể không nói đến những mặt hạn chế của bút pháp ước lệ, tượng trưng sử dụng vào việc miêu tả hiện thực. Nguyễn Du thường dùng bút pháp ước lệ để khẳng định chính nghĩa, đề cao những đức tính tốt đẹp, phản ánh những phút uy nghi trang trọng của những nhân vật chính diện. Tuy nhiên, khi những nhân vật phản diện muốn tỏ ra mình cũng là chính diện thì ông cũng dùng bút pháp ước lệ, bóng bẩy. Chẳng hạn, khi Tú bà nói :

*Một người dễ có mĩ than,
Hoa xuân đương nhụy ngày xuân còn dài.

Cũng là lỡ một lâm hai,
Đá vàng sao nỡ ép nài mưa mây.

Lỡ chân trót đã vào đây,
Khóa buồng xuân để đợi ngày đào non.*

ta thấy ngay là những lời sáo, giả tạo không hợp với Tú bà mà chỉ để vạch rõ thêm bộ mặt gian giảo của hắn.

Nhưng khi cần để phơi trần những xấu xa của những nhân vật phản diện thì Nguyễn Du tả thực với những nét sâu sắc, nào là : « nhờn nhợt màu da », « ngồi tót sổ sàng », « mặt mo dẵn vào », « nách thước tay đao », « mày râu nhẵn nhụi », « tần mần thử chơi », « lẩm nhẩm gật đầu », « lạ cho mặt sắt cũng ngây vì tình »...

Và, khi những nhân vật chính diện gặp những cảnh oan trái thì ông cũng tả thực, như khi Kiều mắng Sở Khanh « đem người đẩy xuống giếng thơi, nói rồi rồi lại ăn lời được ngay » ; hay khi Kim Trọng nghe Kiều phải bán mình chuộc cha, Kim Trọng đã « đau đòn đoạn ngắt đòn thoi, tinh ra lại khóc khóc rồi lại mê » ; hay khi Từ Hải nghĩ đến việc về hàng triều đình đã lo « bó thân về với triều đình, hàng thần lơ láo phận mình ra đâu ? áo xiêm ràng buộc lấy nhau, vào luôn ra cúi công hầu mà chi ? »...

Cũng có trường hợp trong *Kim Vân Kiều truyện* của Thanh Tâm Tài Nhân tả thực như đoạn tả Kiều tắm, thì Nguyễn Du tể nhị, tránh sự lộ liễu, đã chuyển sang truyện *Kiều* bằng bút pháp ước lệ tượng trưng :

*Buồng the phải buổi thong dong,
Thang lan rủ bức trường hồng tắm hoa.
Rõ màu trong ngọc trăng ngà,
Dày dày săn đúc một tòa thiên nhiên.*

Tính ước lệ tượng trưng không phải chỉ dừng lại ở bút pháp thể hiện mà còn ở nhiều sự kiện : Kiều khóc trước mộ Đạm Tiên, Đạm Tiên báo trước cho ta biết cuộc đời của Kiều sau này sẽ là cuộc đời của Đạm Tiên. Trong những lần Kiều đánh đòn thì lần đầu báo hiệu bắt đầu một cuộc đời bạc mệnh, lần cuối cùng trong ngày đoàn viên là báo hiệu kiếp đoạn trường đã qua, hạnh phúc đang tới với nàng.

Xây dựng nhân vật và miêu tả hiện thực, Nguyễn Du còn bị giới hạn bởi nhiều đoạn trình bày khái quát sơ lược, thiếu phát triển của lô-gic nội tại. Chẳng hạn sự việc bán

mình chuộc cha là một sự việc không có một quá trình tất yếu phù hợp với lô-gích của cuộc sống hiện thực. Tại sao một gia đình như gia đình Vương ông lại không có ai giúp đỡ để đến nỗi Kiều phải bán mình ?

Đó là chưa nói đến nhiều sự kiện ngẫu nhiên, như nếu Kiều không đánh rơi cành thoa thì không có điều kiện tình yêu gắn bó giữa Kim Trọng và Thúy Kiều ; nếu « ví thử ngay khi trước Liêu-dương cách trở, duyên chàng Kim đừng lỡ việc ma chay »¹⁰ thì không thể có sự luân lạc của Kiều ; nếu Kim Trọng không làm quan ở gần sông Tiền-đường sau mười lăm năm, thì làm sao mà có dịp gặp lại nàng Kiều.

Bút pháp ước lệ, tính cách điệu tượng trưng và những nhân tố ngẫu nhiên trong các truyện cổ, truyện dân gian và văn học cổ điển Việt-nam nói chung đã giới hạn việc xây dựng nhân vật điển hình, và giới hạn sự phản ánh sâu sắc nhiều mặt hiện thực của truyện *Kiều*.

*

Nhìn chung về các nhân vật trong truyện *Kiều*, ngoài các nhân vật có tính cách thẳn bí như Đạm Tiên, Tam Hợp đạo cô ; ngoài một số nhân vật được miêu tả bằng một vài nét khắc họa như Thúy Vân, Vương Quan, Vương ông, Vương bà, Mã Kiều, mụ quản gia, Khuyển Ưng, Khuyển Phệ, Bạc bà, Bạc Hạnh, các viên quan lại, sai nha và thằng bán tơ ; Nguyễn Du đã xây dựng đậm nét nhân vật phản diện mang tính cách điển hình khá cao như Tú bà, Mã Giám sinh, Sở Khanh, Hoạn thư, Hồ Tôn Hiến. Đó là những nhân vật

hiện thực, mặc dù còn nặng về mặt khái quát hóa mà nhẹ về mặt cá biệt hóa.

Nguyễn Du đã lấy nhiều chi tiết từ cuộc sống mà xây dựng những nhân vật ấy để bóc trần và vạch mặt cái xã hội phong kiến thối tha, sa đọa. Còn về những nhân vật chính diện như Kim Trọng, Từ Hải thì rõ ràng là những nhân vật xuất phát từ ước mơ chủ quan của Nguyễn Du. Riêng về Thúy Kiều thì khá phức tạp. Đó là một nhân vật được xây dựng trên cơ sở Nguyễn Du có một sự ám ảnh nặng nề về thuyết định mệnh, nhưng lại bắt nguồn từ hiện thực « những điều trông thấy mà đau đớn lòng », trong vòng vây của lý tưởng đạo đức và thẩm mỹ phong kiến.

Sáng tác truyện *Kiều* bao gồm nhiều mâu thuẫn. Nhưng không thể nói đó là mâu thuẫn giữa phương pháp sáng tác và thế giới quan của Nguyễn Du. Không ! Phương pháp sáng tác truyện *Kiều* không thể thoát ra khỏi sự chi phối của thế giới quan đầy mâu thuẫn của Nguyễn Du. Là nhà thơ vĩ đại, đầy lòng nhân đạo, ông không chịu nổi sự thối nát của chế độ phong kiến giày vò con người, nhất là con người tài hoa, con người phụ nữ, ông muốn « giữa đường dẫu thấy bất bằng mà tha », « huyền thành đẹp đổ năm tòa cõi nam ». Là nhà nho phong kiến quý tộc, ông còn vướng nặng tư tưởng Khổng giáo, ông phải « bó thân về với triều đình », mặc dẫu « hàng thần lơ láo phận mình ra đâu ». Tư tưởng duy vật và duy tâm, hiện thực và phi hiện thực vật lộn trong người ông. Thế giới quan của Nguyễn Du có mặt tiến bộ, nhưng về căn bản vẫn là nằm trong phạm trù thế giới quan duy tâm. Tư tưởng định mệnh trong truyện *Kiều* bao

trùm tác phẩm không dừng lại ở một vài lời thuyết lý mở đầu và kết thúc, không phải chỉ được Đạm Tiên, Tam Hợp đạo cô phát biểu, mà còn là đi vào hình tượng và kết cấu, không dừng lại ở lý trí mà đi vào cảm xúc của Nguyễn Du thành những tiếng kêu thương :

*Đau đớn thay phận đàn bà,
Lời rắng bạc mệnh cũng là lời chung.*

Hoặc :

*Thương thay cũng một kiếp người,
Hại thay mang lấy sắc tài làm chi !
Những là oan khổ lưu ly,
Chờ cho hết kiếp còn gì là thân !*

Quá trình sống đau khổ trong nhân dân lao động và những điều trông thấy trong hiện thực xã hội đã làm xúc động trái tim và lay chuyển bộ óc của Nguyễn Du, nhưng lòng thương người của Nguyễn Du không thể vượt qua được vòng vây của thế giới quan duy tâm không lối thoát của ông. Cho nên cũng dễ hiểu vì sao lại có những loay hoay bế tắc, thiếu nhất quán trong phương pháp sáng tác của ông. Khi miêu tả cuộc sống xã hội thối tha, đồi trụy, miêu tả những oan trái bất công hay những nhân vật phản diện buôn thịt bán người, lòng căm giận đã thúc đẩy Nguyễn Du lấy những nét có thực của cuộc sống mà xây dựng những hình tượng mang yếu tố hiện thực tố cáo và phê phán sâu sắc. Khi không lý giải được những nguyên nhân bất công tàn bạo của xã hội, thì Nguyễn Du lại quay về định mệnh, quay về đạo lý phong kiến mà đưa ra những hình tượng

mang yếu tố quy phạm và có cả yếu tố thầm bí. Khi không thỏa mãn được những lý giải của định mệnh, của đạo lý thì Nguyễn Du lại đi vào lý tưởng hóa, lãng mạn hóa, dựng nên những hình tượng mang yếu tố lãng mạn, vừa tiêu cực, vừa tích cực. Cái cảnh đoàn viên giữa Kim Trọng và Thúy Kiều, cái kết thúc có hậu ở cuối truyện tuy có mang yếu tố quy phạm vì nó phù hợp với quy luật nhân quả của đạo Phật và quy luật thiên mệnh của đạo Nho, chứng tỏ sự bế tắc của thực tế xã hội, nhưng đồng thời nó mang yếu tố lãng mạn, chừng nào cũng có phần tích cực trong cái tiêu cực, đáp ứng lòng mong muốn ước mơ thông thường của con người.

Những yếu tố quy phạm, lãng mạn, hiện thực xen kẽ nhau, xoắn vào nhau trong sáng tác truyện *Kiểu* của Nguyễn Du. Về nhiều mặt, nhất là về các nhân vật phản diện, Nguyễn Du đã khai quát hoa, điển hình hóa cuộc sống theo hướng hiện thực. Nhưng mặt khác, sáng tác truyện *Kiểu* của Nguyễn Du cũng xuất phát từ những tiền đề chủ quan, từ những quan niệm của tác giả về định mệnh, tài mệnh ghét nhau, và những hình tượng bắt nguồn từ hiện thực, do cuộc sống của nhà thơ phát hiện đã bắt gặp và chứng minh cho những tư tưởng chủ quan nung nấu trong lòng của ông.

Phương pháp sáng tác truyện *Kiểu* là đa dạng, có nhiều yếu tố hiện thực phê phán và lãng mạn, đang trải qua một quá độ tiến lên phương pháp hiện thực, nhưng *chưa phải là chủ nghĩa hiện thực*, nó chưa phá vỡ được tính chất quy phạm trong nền văn học cổ điển Việt-nam, quy định bởi thế giới quan duy tâm phong kiến của Nguyễn Du.

Phương pháp sáng tác truyện *Kiều* tiếp thu và phát huy tính nhân dân và tính hiện thực của dòng văn học bắc học với dòng văn học dân gian đầy sức sống, kết hợp hai dòng văn học ấy một cách tài tình, đạt tới mức điêu luyện của nền văn học cổ điển nước ta.

Về nội dung, quả là truyện *Kiều* có những lời than thở, day dứt ai oán về số mệnh con người, về mệnh trời, về nghiệp báo. Nguyễn Du kêu thương cho thân phận con người « tài tình chi lầm cho trời đất ghen », và giải thích cái mệnh là do tại trời, nhưng lại ngụ ý cho chúng ta hiểu cái mệnh trời chính là cái chế độ phong kiến đáng nguyên rủa. Cho nên, truyện *Kiều* có nói đến mệnh trời mà chúng ta không thấy bàn tay độc ác của trời, chỉ thấy những bàn tay vấy máu của bọn quyền quý như Hồ Tôn Hiến, mẹ con Hoạn thư, cùng với một lũ những tên quan lại, sai nha, những tên lưu manh đầu trâu mặt ngựa, những mụ trùm lầu xanh, những phường buôn thịt bán người cấu kết với nhau chà đạp những con người đau khổ, bất lực. Tiếng nói của định mệnh cùng với những tiếng kêu thương ai oán trong truyện *Kiều* không làm giảm đi những tiếng thét sôi sục phẫn nộ, những lời tố cáo đanh thép chế độ phong kiến.

Nguyễn Du đã biểu lộ lòng căm ghét cái xã hội phong kiến thế kỷ 18-19 đầy rẫy tàn bạo và dã man. Nguyễn Du đã tán thành tự do yêu đương ngoài lễ giáo phong kiến, bênh vực tài sắc bị vùi dập, đặc biệt là tôn trọng và thương xót phụ nữ. Nguyễn Du vạch rõ trong xã hội phong kiến suy đồi, đồng tiền đã tha hóa con người, biến con người thành một món hàng đổi chác. Nguyễn Du ca ngợi ý chí quật khởi

và hành động của những con người anh hùng như Từ Hải. Nguyễn Du mơ ước giải phóng kiếp người bị đày đọa, mơ ước đem lại tự do và hạnh phúc cho con người. Nhưng Nguyễn Du không thấy được mầm mống của một xã hội mới đang bị chính cái xã hội phong kiến đó bóp nghẹt, Nguyễn Du lại cùng với xã hội phong kiến đó mà kết án nó luôn. Cho nên cuối cùng Nguyễn Du không tìm thấy lối thoát mà đành trở về với đạo Nho và đạo Phật, chịu khuất phục trước chế độ phong kiến phản động.

Về nghệ thuật, Nguyễn Du kết hợp một cách nhuần nhì những yếu tố hiện thực và lãng mạn, tiếp thu và phát huy những tinh hoa của bút pháp cổ điển, những thành tựu của bút pháp tả thực và lãng mạn trong các ngoại thư Trung-quốc và văn học dân gian Việt-nam, làm cho ngôn ngữ văn học và hình tượng nghệ thuật trong truyện *Kiểu* trở thành tuyệt tác.

Truyện *Kiểu* có cái đẹp sâu sắc, tinh vi của thơ Đường, có cái đẹp giản dị, dễ hiểu, chất phác của ca dao. Truyện *Kiểu* có nhiều điển cố, nhưng điển cố lại được biến thành những lời nói thông thường gần gũi với cuộc sống hàng ngày. Ngôn ngữ truyện *Kiểu* có cả nhạc lẫn họa, mang những sắc thái sinh động nhiều vẻ, có tả thực nhưng lại cô đọng khái quát cao độ, có ước lệ, cách điệu và tượng trưng, nhưng vẫn chân thật không xa rời sự thật.

Truyện *Kiểu* là một sự kết hợp chặt chẽ giữa thể thơ và tiểu thuyết trong thể loại truyện thơ, vừa có tính bác học, vừa có tính dân gian. Với truyện *Kiểu*, ngôn ngữ văn học Việt-nam trải qua lịch sử phát triển lâu dài đã được cô đọng

đến cái mức phong phú, chính xác, đẹp tuyệt vời, mang những xúc cảm tinh nhí nhất làm rung động lòng người Việt-nam.

*

Lòng thương người của Nguyễn Du mênh mông vô hạn, nhưng ông không thể tìm thấy lối thoát trong vòng vây của giai cấp ông, thời đại ông. Phải đến những năm đầu của thế kỷ 20, khi bàn tay vãy máu của thực dân Pháp cướp nước cùng với phong kiến phản động bóp nghẹt tâm hồn và thân thể của dân tộc ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh, người thầy vĩ đại của giai cấp công nhân và dân tộc Việt-nam, mới tìm ra được lối thoát. Người đã dùng ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin mở ra một con đường cứu nước, cứu dân hoàn toàn mới, phát huy đạo lý làm người của ông cha ta trở thành đạo lý làm người cộng sản chủ nghĩa, yêu nước, yêu dân, đạo lý cách mạng của chủ nghĩa nhân ái cộng sản.

May mắn hơn Nguyễn Du, sống trong thế kỷ 20, chúng ta hiểu rõ nguồn gốc của mọi sự bất công tàn ác ở trên đời này là chế độ xã hội người bóc lột người, và ngày nay thủ phạm chính là chủ nghĩa đế quốc, đứng đầu là đế quốc Mỹ xâm lược. Bọn chúng đang dùng bom đạn, hơi độc, tên lửa, na-pan v.v... xâm lược nước ta, tàn sát nhân dân ta, gieo rắc tang tóc đau thương trên đất nước ta, đặt bàn tay vãy máu của chúng vào khắp nơi trên thế giới, chực hủy diệt cuộc sống, hủy diệt con người. Đế quốc Mỹ xâm lược với bè lũ tay sai từ Ngô Đình Diệm đến Nguyễn Văn Thiệu còn tàn bạo và quỷ quyết hơn gấp trăm lần bọn Hồ Tôn Hiển, bọn vua quan trong cái xã hội phong kiến cuối Lê sang Nguyễn.

Ngoài việc dùng chiến tranh diệt chủng, chúng còn đầu độc nhân dân bằng những hình thức văn hóa đồi trụy, bằng những tư tưởng đạo lý cực kỳ phản động nhằm biến con người thành thú vật.

Chúng muốn biến nước ta thành con sông Mich-la, nhưng chúng phải thất bại, chúng không thể « nhai thịt xương người ngọt xót như đường ». Chúng đã vấp phải bàn tay thép của toàn thể nhân dân Việt-nam có nhân, có trí, có dũng lại được sự đồng tình ủng hộ của nhân loại tiến bộ. Sự thực là nhân dân Việt-nam đã và đang giáng lên đầu chúng những đòn chí tử, làm cho chúng thất điên bát đảo, và nhất định sẽ quật ngã chúng.

Ngày nay nhân dân ta đang kiên quyết thi hành bản án mà Nguyễn Du tố cáo, kết tội, tiêu diệt những chế độ tàn bạo vùi dập con người. Ngày nay phụ nữ chúng ta không chịu để cuộc sống lôi cuốn đi như nàng Kiều của Nguyễn Du, mà là những Nguyễn Thị Minh Khai, Võ Thị Sáu, Tạ Thị Kiều, Út Tịch, bà mẹ Suốt v.v... những con cháu của Bà Trưng, Bà Triệu mang truyền thống anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang của phụ nữ Việt-nam, quyết làm chủ vận mệnh, làm chủ cuộc đời mình.

Chỉ có thủ tiêu xã hội có giai cấp, thủ tiêu mọi hình thức áp bức bóc lột người, ngày nay là thủ tiêu chế độ đế quốc tư bản độc quyền cùng bọn tay sai của chúng để xây dựng một chế độ trong đó sự tự do phát triển của mỗi người là điều kiện cho sự tự do phát triển của xã hội, của mọi người, thì mới phát huy được mọi tài năng của con người, mới không

còn mâu thuẫn giữa *tài* với *mệnh* nữa, và mới giải phóng được hoàn toàn con người – trong đó có con người phụ nữ.

Mơ ước của Nguyễn Du muốn giải phóng kiếp người bị đày đọa đang được nhân dân ta biến thành hiện thực dưới ngọn cờ chiến đấu của chủ nghĩa Mác-Lên-nin yêu nước, yêu người của Hồ Chủ tịch, của Đảng Lao động Việt-nam.

HÀ HUY GIÁP

PHẦN THỨ HAI : VĂN ĐỀ HIỆU ĐÍNH VÀ CHÚ THÍCH VĂN BẢN TRUYỆN KIỀU

I. VĂN ĐỀ HIỆU ĐÍNH VĂN BẢN

A. VĂN BẢN TRUYỆN KIỀU

Truyện Kiều là tác phẩm văn học cổ điển ưu tú trong lịch sử văn học nước ta, được phổ biến rộng rãi trong nhân dân¹¹. Hơn 150 năm qua, tập truyện đã được khắc in bao nhiêu lần và lần đầu khắc ván vào năm nào cũng không rõ, chỉ biết sau nhiều năm cỗ gắng, chúng ta đã sưu tầm được hơn 40 bản Kiều nôm và quốc ngữ của các nhà xuất bản khác nhau¹², không kể các bản chép tay¹³. Có thể nói các bản Kiều có giá trị, cho đến nay chúng ta đã sưu tầm lại được khá đầy đủ.

1. Bản Kinh và bản Phường

Nguyên tác truyện Kiều với cái tên *Đoạn trường tân thanh* nay không còn nữa¹⁴. Tương truyền, khi soạn xong truyện Kiều, Nguyễn Du đã đưa bản thảo cho Phạm Quý Thích¹⁵ xem. Phạm Quý Thích rất tán thưởng, nhuận sắc lại một đôi chỗ, đổi tên sách thành *Kim Vân Kiều tân truyện*, làm thơ đề từ¹⁶ rồi cho khắc ván in ở phố Hàng Gai, Hà-nội. Đó là bản Kiều nôm in đầu tiên. Bản này hiện nay thất lạc, chưa tìm thấy.¹⁷

Các hiệu khắc ván trước đây như Liễu văn đường, Thịnh mỹ đường, Quan văn đường, Phúc văn đường... và cả những tư nhân đều dựa theo bản Kiều nôm đầu tiên này mà khắc in ra nên các bản này thường được gọi chung là bản *Phường* cả.

Ngay từ khi ra đời, truyện *Kiều* đã sớm được dùng làm đề tài cho một trào lưu văn nghệ cung đình. Ngoài bài thơ đề từ truyện *Kiều* của Hoa-đường Phạm Quý Thích là bài sớm nhất, còn có Vũ Trinh và Nguyễn Lượng phê bình truyện *Kiều*¹⁸. Năm 1830, Minh-mệnh có bài *tổng-thuyết*¹⁹; Hà Tông Quyền làm 30 bài thơ đề vịnh²⁰. Nguyễn Văn Thắng soạn *Kim Vân Kiều án*²¹. Năm 1871, Tự-đức làm bài *tổng từ*, sửa chữa lại một đôi chỗ văn bản truyện *Kiều* có từ trước, cho khắc in²² – và có thể chính bản này sau được chép lại, và Đào Nguyên Phổ đã mang từ Huế ra tặng Kiều Oánh Mậu vào năm 1898²³. Bản đó được gọi là Bản *Kinh* để phân biệt với các bản *Kiều* do các hiệu khắc ván ở phố Hàng Gai, Hà-nội in trước năm đó (1898) – được gọi là bản *Phường*.

Bản *Kinh* gốc nói đây cũng như bản *Phường* của họ Phạm nói trên kia cho đến nay chưa tìm thấy. Số bản *Kiều* nôm còn lại, sưu tầm được hiện nay, trừ bản *Kiều Oánh Mậu*, bản *Phạm Kim Chi*, bản *Tiên-điền*²⁴ là những bản ít nhiều có chịu ảnh hưởng bản *Kinh*, còn lại là thuộc loại bản *Phường* tất cả. Sở dĩ nói như vậy, là vì xét về đại thể, bản *Kiều* này chịu ảnh hưởng bản *Kinh*, bản kia chịu ảnh hưởng bản *Phường* mà đoán định. Mà biết được điều này, chủ yếu chúng ta cũng chỉ căn cứ vào phần chú thích, khảo dị được ghi lại trên một số bản *Kiều* khác nhau²⁵ – chủ yếu và chính xác hơn cả là trên bản *Kiều Oánh Mậu*, chứ ngoài ra hiện nay chúng ta chưa có một nguồn tài liệu nào khác.

Vậy, theo đó thì giữa bản *Kinh* và bản *Phường* có gì khác nhau ? Sự khác nhau chủ yếu là về mặt chữ nghĩa hàm ý tu

từ. Có chỗ chỉ khác nhau một hai chữ, có chỗ khác nhau cả câu và có chỗ khác nhau cả một đoạn²⁶. Do đó mà số câu không đồng đều nhau : tổng số câu của bản *Kinh* theo lời chú đã nói là 3.258 câu, và tổng số câu của bản *Phường* tiêu biểu là 3.254 câu.

Nhìn chung, ở những chỗ khác nhau này giữa hai bản, có một đôi chỗ chữ của bản *Kinh* đắt hơn, nên được bản *Kiểu Oánh Mậu*, bản *Phạm Kim Chi*, bản *Tiên-điền*, và sau này cả bản *Bùi Kỷ – Trần Trọng Kim*, bản *Tản Đà* giữ lại²⁷. Ở những chỗ khác nhau cả một đoạn, thì xu hướng của bản *Kinh* là tường thuật sự việc tỉ mỉ, tự nhiên. Do đó, ở những chỗ này ngôn ngữ bản *Kinh* mang phong cách nói thực thà, không hàm súc như ngôn ngữ bản *Phường*.

2. Các bản Kiểu nôm Liễu văn đường, Thịnh mỹ đường, Quan văn đường, Phúc văn đường

Nhân dân ta rất ưa thích truyện *Kiểu*. Để đáp ứng nhu cầu đó của quần chúng và cũng là để kinh doanh, các hiệu khắc ván ở phố Hàng Gai (Hà-nội) đã dựa vào các bản *Phường* được in từ trước, kế tiếp nhau in lại bán ra thị trường nhiều bản *Kiểu*, hầu hết cùng một khuôn khổ 12 x 17. Ruột sách đại thể trình bày giống nhau : 69 tờ, 3.254 câu, trang chép dòng 12, tầng trên câu lục, tầng dưới câu bát ; có đường viền chung quanh, không có chú thích, khảo dị (Xem các phụ bản I, II, III, IV).

Vì chủ yếu là nhằm mục đích kinh doanh nên các bản *Kiểu* của các hiệu nói đây chữ khắc nói chung xấu, có trang thật xấu, có nhiều chỗ sai nhầm khiến cho lời văn hóa ra vô

nghĩa. Thậm chí có một vài chỗ không thể nhận ra được mặt chữ. Do đó, giữa các bản cùng loại còn có nhiều chỗ khác nhau về chữ này chữ nọ. Mà ngay cả một số bản của cùng một nhà « tàng bản » cũng có tình trạng ấy. Nhưng, điểm đáng chú ý ở đây là chúng không có câu nào giống câu của bản *Kinh* như chúng ta đã biết.

Hầu hết các bản *Kiểu* nôm sưu tầm lại được hiện nay là thuộc loại khắc ván in nói đây. Chúng rất được phổ biến, nhưng ít có giá trị khoa học, phần lớn bản nọ theo bản kia, trừ bản *Quan văn đường Thành-thái Bính ngọ* (1906) là bản được khắc in công phu với dụng ý tốt về mặt phổ biến văn bản truyện *Kiểu*.

3. Bản quan văn đường Thành-thái Bính ngọ (1906)

Khổ 13 x 23, 3.254 câu, 103 tờ. Bìa sách, mặt a ghi : *Kim Văn Kiều tân tập* – Thời hiền thi tự – Quan văn đường tàng bản, Thành-thái Bính ngọ trọng hạ. Mặt b ghi bài thơ đề từ của Phạm Quý Thích²⁸. Từ tờ hai trở đi đánh số từ 1 đến 102 chép văn bản truyện *Kiểu*, hàng 8 ; mỗi trang chia làm ba tầng : tầng trên cùng chép toàn bộ *Thanh Tâm Tài Nhân thi tập* của Chu Mạnh Trinh²⁹, một số thơ của Chu Thấp Hy và của một số người khác làm trong dịp thi vịnh *Kiểu* năm Ất tỳ (1905) ở Hưng-yên. Mấy chữ « Thời hiền thi tự » khắc ở đầu sách là chỉ nhóm đó. Chu Mạnh Trinh là người đứng đầu nhóm, lo việc biên tập bản *Kiểu* này nên từ trước người ta quen gọi là bản *Kiểu Chu Mạnh Trinh*. Tầng

giữa và tầng cuối chép văn bản truyện *Kiều*, câu lục trên, câu bát dưới (Xem phụ bản V).

Bản này chữ khắc đẹp, tinh tế, tự dạng có xu hướng quy cách hóa rõ rệt. Về nội dung văn bản, chúng ta thấy người cho khắc in đã có nhiều công phu tra cứu. Đối chiếu bản này với các bản *Kiều* quốc ngữ có giá trị như bản *Bùi Kỷ – Trần Trọng Kim*, bản *Trương Vĩnh Ký*, thì mặt đầu số dị đồng không phải là ít, nhưng về đại thể không có sai biệt gì quan trọng. Một điều đáng chú ý là bản này không có một câu, một chữ nào chịu ảnh hưởng bản *Kinh* cả. Nó xứng đáng là bản tiêu biểu cho bản *Phường*.

4. Bản Kiều Oánh Mậu Thành-thái, Nhâm dần (1902)

Khổ 15 x 24, 3.256 câu, ³⁰ 90 tờ : 8 tờ đầu đánh số từ 1 đến 8 có các phần : Bìa sách mặt a ghi : *Đoạn trường tân thanh* – Giá-sơn Kiều thị Oánh Mậu chú thích ³¹. Nam : Thể Tường Nguyên Phượng, Thể Hữ Vũ Quang, Thể Diễm Á Ngọc phụng kiểm, phụng độc – Hàn lâm kiểm thảo Ngô Thúc Dụ thư. Thành – thái Nhâm dần trung thu vọng – mặt b ghi đôi câu đối của Tự-đức ³², tên tác giả truyện *Kiều*, tên người bình luận là Vũ Trinh và Nguyễn Lượng ³³ và tên người đề từ là Phạm Quý Thích. ³⁴

Từ tờ 2a trở đi, gồm có các bài ³⁵ :

- *Tân khắc Đoạn trường tân thanh lệ ngôn thập tắc* của Kiều Oánh Mậu
- Bài *Tự* của Đào Nguyên Phổ

- *Nguyễn Du liệt truyện*
- Thơ đề từ của Phạm Quý Thích (có cả bài diễn nôm).

Tám mươi hai tờ còn lại đánh số từ 1 đến 82 chép văn bản truyện *Kiểu* 3.256 câu³⁶, hàng 10 ; mỗi trang chia làm ba tầng : tầng trên cùng là tầng chú thích, khảo dị, bình luận ; tầng giữa và tầng cuối chép câu lục trên, câu bát dưới. (Xem phụ bản VI).

Bản này chữ khắc tinh tế, đẹp hơn cả trong số các bản *Kiểu* nôm hiện nay đã sưu tầm được. Tự dạng có quy cách, biểu lộ rõ xu hướng muôn quy phạm hóa cách viết chữ nôm.

Về nội dung văn bản, người biên soạn tỏ ra rất dụng công, đã căn cứ vào nhiều bản khác nhau để hiệu đính³⁷, đúng như ông đã viết sau phần *Lê ngôn* : « Bản này tôi tìm tòi tham đính hơn vài mươi năm sau mới đem ra trình » (Xem *Phụ lục*, tr.491).

Ngoài ra, bản *Kiểu Oánh Mậu* có mấy điểm nổi bật, đáng chú ý :

1. Bản *Kiểu Oánh Mậu* có 3.256 câu. Trừ chỗ khác nhau về số câu như đã nói (xem ct 2, tr.94) đó ra, thì bản *Kiểu Oánh Mậu* so với bản *Quan văn đường Thành-thái Bính ngọ*³⁸ không khác nhau là mấy, trừ những chỗ *Kiểu Oánh Mậu* có chú rõ là theo bản *Kinh*. Như đã nói ở phần bản *Kinh* và bản *Phường*, thì cho đến nay, chúng ta chỉ bằng vào các lời chú trên một số bản *Kiểu* (chú yếu là bản *Kiểu Oánh Mậu*) mà biết được tổng số câu bản *Kinh* khác bản *Phường* là 152 câu³⁹. Bản *Kiểu Oánh Mậu* chỉ để theo bản *Kinh* 21 câu

(Xem *Khảo dị*). Đây cũng là những chỗ hay hơn cả so với các câu khác của bản *Kinh*.

2. Kiều Oánh Mậu đã bằng vào cảm ứng và sự hiểu biết của mình mà hiệu đính lại khá nhiều chỗ trong truyện *Kiều*⁴⁰, có chỗ câu nệ vào điển tích, nhưng có nhiều chỗ có thể nói là xác đáng, được phổ biến rộng rãi và trở thành thông dụng, quen thuộc với mọi người.⁴¹

3. Phần chú thích, khảo dị, hiệu đính, ở những chỗ cần thiết có nêu rõ xuất xứ từng chữ, từng câu, nêu cách lý giải của ông về những câu những chữ ấy, có phương pháp.

Tóm lại, bản *Kiều Oánh Mậu* đánh dấu bước phát triển quan trọng trong lề lối viết chữ nôm, trong phương pháp biên soạn và hiệu đính cổ thư của ta. Nó có ảnh hưởng lớn đến các bản *Kiều* xuất bản về sau, rõ hơn cả là bản *Bùi Kỷ - Trần Trọng Kim*. Bản này đã chịu ảnh hưởng bản *Kiều Oánh Mậu* sâu sắc và đã được phổ biến rộng rãi trong nhân dân, đặc biệt là trong các trường học.

5. Các bản *Kiều* nôm chép tay – Bản tiên-điên

Trong hoàn cảnh cụ thể của dân tộc ta, thì gia phả và sách chép tay của các tư gia là một nguồn tư liệu quan trọng trong việc nghiên cứu khoa học. Vì vậy chúng ta chú ý nghiên cứu các bản *Kiều* nôm chép tay. Trong số các bản *Kiều* nôm chép tay hiện có, đáng chú ý hơn cả là bản *Tiên-điên* – bản của gia đình cụ nghè Nguyễn Mai, cháu xa đời của Nguyễn Du.⁴²

Bản *Tiên-điền*, khổ 14 x 15, 3.256 câu, chữ nhỏ hàng 20, viết rất công phu. Tờ đầu gần như mất hẳn, không đọc được chữ nào. Tờ thứ hai chép *Nguyễn hẫu liệt truyện*, tiếp theo là bài thơ đề từ của Phạm Quý Thích. 41 tờ còn lại chép văn bản của truyện *Kiều*, chia làm ba tầng : tầng trên là phần chú thích, tầng giữa câu lục, tầng dưới câu bát (Xem các phụ bản VII, X).

Sau khi nghiên cứu bản *Phạm Kim Chi* sẽ được giới thiệu sau đây ⁴³, chúng tôi có ý ngờ rằng chính bản này đã phiên âm theo bản *Tiên-điền*. Đôi chiểu, so sánh giữa hai bản, kết quả như sau :

1. Cả hai bản đều có 3.256 câu. Những câu của bản *Kinh* và những câu khác hẳn các bản *Kiều* khác chép ở trong bản *Phạm Kim Chi*, thì ở bản *Tiên-điền* cũng ghi đúng như thế. Giữa hai bản có 12 câu là có khác nhau một đôi chỗ ⁴⁴ về cách phiên âm hay cách nhận nhầm mặt chữ, nhưng đều có nghĩa cả.

2. Phần chú thích, bản *Phạm Kim Chi* đã phiên âm và dịch ra đầy đủ, không bỏ sót một chi tiết nào của bản *Tiên-điền*. ⁴⁵

3. Đáng chú ý hơn cả là 563 chữ của bài *Nguyễn hẫu liệt truyện*, cả hai bản hoàn toàn giống nhau. ⁴⁶

Thực tế đó cho phép chúng ta nghĩ rằng điều ngờ trên đây là có căn cứ. Bạn đọc sẽ nhận rõ bản này hơn trong phần nói về bản *Phạm Kim Chi* sau đây.

6. Các bản Kiều quốc ngữ – Bản Trương Vĩnh Ký (1875)

Khổ 13 x 19, 3.254 câu, là bản *Kiều* quốc ngữ đầu tiên in ở Sài-gòn năm 1875, phổ biến rộng rãi ở Nam-bộ. Bìa sách ghi : Poème Kim Vân Kiều truyện – Transcrit pour la première fois en quốc ngữ avec des notes explicatives et précédé d'un résumé succinct du sujet en prose par P.J.B.Trương Vĩnh Ký – Sài-gòn, Bản in Nhà nước 1875 (Xem phụ bản VIII).

Văn bản *Trương Vĩnh Ký* vẫn còn giữ lại bản sắc tiếng nước ta cách đây gần một thế kỷ nay. Vì thế, dị đồng giữa bản này với các bản *Kiều* quốc ngữ khác, chủ yếu là về mặt phiên âm theo cách phát âm cổ hoặc là cách phát âm địa phương⁴⁷. Điều đó hoàn toàn dễ hiểu.

Ngoài ra, dị đồng về một số chữ dùng cũng có, nhưng đây không phải là căn bản. Có một vài dị đồng tưởng như khác nhau rất xa, nhưng tựu trung cũng là dị đồng về cách phiên âm mà thôi.⁴⁸

7. Bản Aben đê Misen (Abel des Michels)

Khổ 18 x 28, 3.252 câu⁴⁹. Bìa sách ghi : *Kim Vân Kiều tân truyện*, publié et traduit pour la première fois par Abel des Michels – Publications de l'Ecole des langues orientales vivantes – Ernest Leroux, Paris 1884-1885, 3 tomes (Xem Sách và tài liệu tham khảo, phụ bản IX). Bản *Aben đê Misen* (kể cả bản nôm) có ba tập : hai tập đầu là bản quốc ngữ kèm theo bản dịch ra Pháp văn.

Tập III là bản nôm. Giữa bản quốc ngữ với bản nôm có một đôi chỗ không ăn khớp⁵⁰. Điều đó làm cho chúng tôi ngờ rằng khi phiên âm, Aben đê Misen đã dựa vào bản *Trương Vĩnh Ký* mà không theo sát bản nôm, vì bản *Aben đê Misen* quốc ngữ hao hao giống bản *Trương Vĩnh Ký*.⁵¹

Tóm lại, mặc dù có những hạn chế nhất định, hai bản *Kiểu Trương Vĩnh Ký* và *Aben đê Misen* đã được biên soạn, chuẩn bị xuất bản trong những điều kiện sinh hoạt thực tế của xã hội ta lúc bấy giờ, nên đã phản ánh trung thành ở một mức độ nhất định tiếng nói, cách hiểu *Kiểu*, cách đọc *Kiểu* của nhân dân ta ngót 100 năm về trước.

8. Bản Phạm Kim Chi

3.256 câu. Bìa sách ghi : Nguyễn Du – *Kim Túy tình từ*⁵² – Texte et notes d'après les documents originaux avec une biographie de l'auteur transcrits en Quốc ngữ par Phạm Kim Chi. Edité par Nguyễn Thành Điểm – Préface de M. Phạm Văn Tươi, Đốc phủ sứ – Epitre de M. Nguyễn Mai « Tẩn sĩ ». Sài-gòn, Imprimerie Huỳnh Kim Danh, 1917 (Xem phụ bản X).

Trước phần văn bản có mấy bài :

- Lời báo dẫn của Phạm Kim Chi.
- Lời nói đầu của Phạm Văn Tươi.
- Bài tựa *Kim Túy tình từ* dẫn truyện của cụ nghè Nguyễn Mai. Tiếp theo là bản dịch của Huỳnh Thúc Mậu.
- Tiểu sử Nguyễn Du đê là *Nguyễn hầu liệt truyện*. Tiếp theo là bản dịch của Huỳnh Thúc Mậu.

Bản *Phạm Kim Chi* đã tỏ ra thận trọng trong cách phiên âm, trong khi dịch các bản chữ Hán và các câu chú thích. Dấu chấm, cái phẩy ở đây cũng được sử dụng rất chắc chắn, chứng tỏ người biên soạn có một trình độ thưởng thức truyện *Kiểu* khá tinh tế. Bản *Phạm Kim Chi* có những gì đáng chú ý ?

1. Cái đáng chú ý hơn cả là xuất xứ của văn bản. Nó được phiên âm theo « bản gốc » của gia đình họ Nguyễn Tiên-điền⁵³ tức là bản *Tiên-điền* nói trên đây.

2. Bản *Phạm Kim Chi* có 19 câu để theo bản *Kinh* và có những câu khác hẳn tất cả các bản *Kiểu* hiện có.⁵⁴

Ngoài ra, về đại thể nó không có gì sai biệt so với các bản *Phường* khác. Bản *Phạm Kim Chi* là bản được phổ biến khá rộng ở Nam-bộ.

9. Bản Bùi Kỷ – Trần Trọng Kim

Khổ 13,5 x 15,5, 3.254 câu. Bìa sách ghi : Nguyễn Du – *Truyện Thúy-Kiểu* (Đoạn-trường tân-thanh) – Bùi-Kỷ và Trần Trọng Kim hiệu khảo – Việt-văn thư-xã – Vĩnh-hưng-long thư-quán Hà-nội, in lần thứ nhất (1925).

Bản này, Vĩnh hưng long thư quán tái bản lần thứ hai có sửa chữa một đôi chỗ vào năm 1927⁵⁵ và sau được nhà Tân Việt Sài-gòn tái bản đến lần thứ VIII. Qua các lần tái bản, bản này có mấy điểm đáng chú ý :

1. Khác với các tái bản về sau, bản in lần thứ nhất chỉ có bài tựa do Trần Trọng Kim viết vào mùa hạ năm Ất sửu (1925), và tiếp theo là in nguyên văn chữ Hán hai bài tựa

của Tiên phong Mông liên đường chủ nhân và Phong tuyết chủ nhân Thập thanh thị mà chưa có bản dịch kèm theo. Tiếp đó là bài thơ đề từ vịnh *Kiểu* của Phạm Quý Thích.⁵⁶

2. Văn bản đã chịu ảnh hưởng bản *Kiểu Oánh Mậu* một cách sâu sắc. Có thể nói bản này ra đời trên cơ sở bản *Kiểu Oánh Mậu*. Nhìn chung, bản này chú thích, khảo dị tốt. Phần khảo dị có ghi chú 146 câu của bản *Kinh* và những câu sai biệt của một số bản *Kiểu* khác.

Trên cơ sở bản *Kiểu* này, cụ Bùi Kỷ đã chú thích và hiệu đính lại truyện *Kiểu*, và cho nhà xuất bản Phổ thông xuất bản năm 1958. Ở đầu sách có in lại bài bình luận *Bảo vệ giá trị chân chính của truyện Kiểu* đã đăng trên báo Nhân dân, số ra ngày 25-9-1955. Bản này cũng đã tái bản lần thứ V.

Trong số các bản *Kiểu* quốc ngữ, bản *Bùi Kỷ - Trần Trọng Kim* là bản được phổ biến sâu rộng hơn cả trong mọi tầng lớp nhân dân ta trong gần nửa thế kỷ nay. Bản này in đẹp, số lượng phát hành lớn, là bản được dùng nhiều nhất trong nhà trường.

10. Bản Tản Đà

Khổ 12 x 20, 3.254 câu. Bìa sách ghi : *Vương Thúy-Kiểu chú giải tân truyện*. Tủ sách Tao đà, Tản Đà Nguyễn-Khắc-Hiếu. Nhà xuất bản Tân-dân, Hà-nội, 1941. Bản này về sau nhà xuất bản Hương sơn tái bản vào năm 1952.

Bản *Tản Đà* cũng như bản *Bùi Kỷ - Trần Trọng Kim* đã chịu ảnh hưởng bản *Kiểu Oánh Mậu* rõ rệt. Những câu chỉ có trong bản *Kiểu Oánh Mậu*, thì bản *Tản Đà* (và cả bản *Bùi Kỷ*

- Trần Trọng Kim) cũng để như vậy⁵⁷. Ngoài ra, bản *Tản Đà* cũng đã chịu ảnh hưởng bản *Kinh*, ở nhiều chỗ khác vẫn để theo bản *Kinh*.⁵⁸

Về mặt chú thích bình luận, nhìn chung gọn gàng dễ hiểu, có nhiều đặc sắc. Bản *Tản Đà* cũng là bản khá được phổ biến.

Mấy nhận xét về văn bản truyện Kiều

Trong toàn bộ tác phẩm văn học cổ điển Việt-nam trước đây không có tác phẩm nào có một pho sử vận mạng vê vang bằng truyện *Kiều*.

Công chúng Việt-nam trong hơn 150 năm nay không hề ngớt lời ca ngợi. Ngay từ khi mới ra đời, truyện *Kiều* đã sớm trở thành một tác phẩm của quần chúng. Người ta đọc *Kiều*, ngâm *Kiều*, vịnh *Kiều*, kể chuyện *Kiều*, tập *Kiều*, lẩy *Kiều* cả đến bói *Kiều* nữa⁵⁹. Và rồi truyện *Kiều* đi sâu vào quần chúng đến nỗi ai cũng nhận xem truyện *Kiều* là của mình, cho rằng hiểu, đọc *Kiều* như mình mới phải.

Để đáp ứng nhu cầu đó, các hiệu khắc ván, cũng như các tư nhân biên soạn trước kia và các nhà xuất bản gần đây đã cho xuất bản và tái bản truyện *Kiều* nhiều lần với số lượng in rất lớn, nhưng vẫn không đủ. Có người lại tự chép tay để làm một thứ *gia thư*. Có khi các bản chép tay này là những công trình biên soạn có giá trị. Đó cũng là cách biểu thị thái độ không đồng tình của họ đối với các bản *Kiều* xuất bản đương thời.

Nhu cầu của quần chúng không phải chỉ biểu hiện ở chỗ có một bản *Kiểu* mà có một bản *Kiểu* như ý muốn của họ, một bản *Kiểu* là của mình, y như mình hiểu. Điều đáng chú ý là ở chỗ đó. Chính vì vậy mà trong thi phẩm trác tuyệt ấy, không phải là không có sự đóng góp của quần chúng.

Không kể các bản *Kiểu* bán ra thị trường vì mục đích kinh doanh như đã nói ở trên kia, các bản *Kiểu* còn lại ra đời đều có nhầm gửi gắm tâm sự đó, nhầm mục đích đó – mục đích đính chính lại truyện *Kiểu*.⁶⁰

Người sau chưa thật vừa lòng với người trước trong việc hiệu đính, trong việc xử lý dị đồng giữa các bản *Kiểu* khác nhau.

Dị đồng có rất nhiều. Nếu tính từ dấu chấm, cái phẩy, thì hầu như câu nào cũng có. Song khái quát lại, chung quy chỉ có 4 loại dị đồng chủ yếu :

1. Dị đồng giữa bản *Kinh* và bản *Phường*,
2. Dị đồng về cách phiên âm (lệ thuộc vào từng địa phương),
3. Dị đồng có tính chất tu từ,
4. Dị đồng về mặt văn lý.⁶¹

Sở dĩ có loại dị đồng giữa bản *Kinh* và bản *Phường* là do phong trào văn nghệ cung đình vua tôi triều Nguyễn điểm xuyết, nhuận sắc lại nguyên bản. Có điều hiện nay còn làm cho chúng ta băn khoăn là giữa bản *Kinh* và bản *Phường*, bản nào giữ được diện mạo của nguyên tác hơn ? Nên xử lý như thế nào đối với loại dị đồng này ? Có nên nhất thiết loại trừ bản *Kinh* hay chấp nhận một số trường hợp có lý ? Trên

thực trạng đó, chúng tôi nghĩ nên chấp nhận những trường hợp hợp lý và đã được phổ biến.

Dị đồng về mặt phiên âm là do sự phát triển về mặt ngữ âm của một ngôn ngữ mà có. Mặt khác, bởi tại nó còn phụ thuộc vào tiếng địa phương của người phiên âm từ chữ nôm ra chữ quốc ngữ.

Dị đồng về mặt tu từ tương đối phổ biến, vì cái « tật hay chữ » của những người hiệu đính cho chữ này đắt hơn chữ kia, phải hơn chữ nọ. Còn lại loại dị đồng cuối cùng là dị đồng về văn lý, nghĩa là nó có phù hợp với bối cảnh, tình tiết, nghĩa văn, nghĩa điển hay không.

Nguyên tác truyện *Kiều* đã thất truyền. Bản *Phường Phạm Quý Thích* cho đến nay cũng chưa tìm thấy. Bản *Kinh* chủ yếu chúng ta cũng chỉ mới biết được nó qua phần chú thích của bản *Kiều Oánh Mậu*. Cần nghiên cứu sâu thêm về bản này.

Bản nôm còn lại với chúng ta sớm hơn cả là bản *Liễu văn đường, năm Tự-đức thứ 24 (1871)*⁶². Các loại bản *Phường Thịnh mỹ đường*, *Quan văn đường*, *Phúc văn đường* lần lượt bản sau châm chước bản trước được ấn hành, có nhiều đóng góp trong việc đính chính và phổ biến truyện *Kiều*. Bản *Quan văn đường Thành-thái Bính ngọ (1906)* là bản tiêu biểu cho loại bản *Phường* này.

Các tư nhân cũng có công trong việc đính chính, ổn định và phổ biến truyện *Kiều*. Bản *Kiều Oánh Mậu* là một kết quả đáng kể. Xét về nhiều mặt, bản *Kiều Oánh Mậu* là một thành công cao hơn cả trong số các bản nôm in sưu tầm

được hiện nay, có ảnh hưởng lớn đến các bản *Kiểu* nôm và quốc ngữ xuất bản sau nó.

Ngoài ra, còn có bản nôm chép tay – bản *Tiên-điền*. Bản này có giá trị về nhiều mặt khi nghiên cứu sâu văn bản, chuẩn bị cho một công trình biên soạn truyện *Kiểu*, loại nghiên cứu quy mô toàn diện sau này.

Các bản quốc ngữ, bản *Trương Vĩnh Ký* xuất bản ở Sài-gòn năm 1875 là bản quốc ngữ đầu tiên ; tiếp đó là bản quốc ngữ Aben đề Misen (xuất bản ở Paris năm 1884). Văn bản *Trương Vĩnh Ký* có nhiều chứng cứ làm cho chúng ta tin rằng bản *Phường Phạm Quý Thích* là bản được thông dụng, còn bản *Kinh* thì chưa hẳn là đã ãn hành và phổ biến trong khoảng thời gian này. Các bản quốc ngữ kế tiếp xuất bản về sau như các bản *Noóc đơ măng* (Nordemann, Huế, 1900), *Nguyễn Văn Vĩnh* (Hà-nội, 1912), *Bùi Khánh Diễn* (1912), *Phạm Kim Chi* (1917). *Bùi Kỷ – Trần Trọng Kim* (1925), thì bản sau này có một mức độ và một phạm vi phổ biến sâu rộng hơn cả. Bản *Tản Đà* xuất bản năm 1941 cũng là bản được lưu hành khá rộng rãi, có nhiều đặc sắc đáng chú ý.

Chính trên thực trạng đó của văn bản truyện *Kiểu* mà chúng tôi tiến hành việc hiệu đính theo những nguyên tắc và phương pháp chặt chẽ để đạt đến những mục tiêu nói sau đây.

B. MỤC TIÊU, NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP HIỆU ĐÍNH

Hiệu đính truyện *Kiểu* là một công tác văn bản học. Nó đòi không những phải tìm hiểu cái chung của tình hình văn bản cùng loại, mà còn phải nghiên cứu nắm cho được thực trạng của văn bản cụ thể, để rồi trên cơ sở đó mà đề ra mục tiêu hiệu đính cùng với những nguyên tắc và phương pháp hiệu đính thích hợp cho tác phẩm đó.

Không nắm được thực trạng của văn bản và nhu cầu thực tế hiện nay của xã hội đối với tác phẩm, thì không thể đề ra được mục tiêu hiệu đính đúng đắn. Chính mục tiêu này quy định những nguyên tắc chặt chẽ phải tuân theo trong quá trình hiệu đính.

Tình hình cụ thể của văn bản truyện *Kiểu* đã trình bày ở phần trên. Đây chúng tôi xin nói qua mấy nét về thực tế nhu cầu trước mắt trong điều kiện của ta hiện nay.

Có thể nói nhu cầu về truyện *Kiểu* là nhu cầu chung của xã hội hiện nay : người nghiên cứu, nhà giáo, nhà văn, cán bộ văn hóa, học sinh đại học, công nhân viên chức nói chung ai cũng cần có một bản *Kiểu* phù hợp với yêu cầu công tác, yêu cầu thưởng thức của mình.

Như vậy, đáng lẽ ra phải có các công trình biên soạn theo những yêu cầu khác nhau nhằm phục vụ cho từng loại đối tượng đó. Nhưng trong điều kiện hiện thời chưa cho phép chúng ta làm như vậy. Chúng ta phải tìm một phương thức mới, làm sao chỉ cần biên soạn một cuốn mà đồng thời vừa đáp ứng được bấy nhiêu nhu cầu cần thiết và chính đáng, vừa đảm bảo được tính hệ thống, tính khoa học chặt chẽ của nó. Đó là một việc khó.

Vậy, thực trạng cụ thể của văn bản truyện *Kiều* và thực tế nhu cầu của xã hội trong điều kiện hiện thời trình bày trên đây cho phép chúng ta đề ra những mục tiêu gì trong việc hiệu đính ?

Mục tiêu hiệu đính

Trên các điều kiện cụ thể đó, hiệu đính truyện *Kiều* lần này, chúng tôi nhằm ba mục tiêu sau đây :

- 1.** Tổng kết và tiếp thu được những thành tựu trong các công trình hiệu đính truyện *Kiều* đã xuất bản, nhằm có được một văn bản chính xác ở mức độ cao về văn lý nói chung.
- 2.** Cung cấp cho bạn đọc một bản *Kiều* mà đông đảo quần chúng hiện nay chấp nhận được, nghĩa là một bản *Kiều* quen thuộc với mọi người, một bản *Kiều* y như bản *Kiều* mà nhân dân ta, các bà mẹ Việt-nam chúng ta đã ngâm đã thuộc...
- 3.** Ngoài văn bản hiệu đính ra, trong phần khảo dị, tính toán làm sao mà cung cấp được cho bạn đọc các bản *Kiều* quan trọng cần thiết cho việc nghiên cứu như : *bản Kinh*, *bản Kiều Oánh Mậu*, *bản Quan văn đường Thành-thái Bính* ⁶³, *bản Bùi Kỷ – Trần Trọng Kim* (1927). Đây là những bản *Kiều* quý và hiếm, tiêu biểu cho từng loại bản khác nhau thường được nhắc đến hiện nay.

Nguyên tắc hiệu đính

Hiệu đính truyện *Kiều* nhằm đạt đến cả ba mục tiêu đó là một vấn đề phức tạp, đòi hỏi phải đề ra được những

nguyên tắc thích hợp. Những nguyên tắc này phải là những nguyên tắc chung nhất, và thực chất là nhằm chỉ đạo việc xử lý tốt cả bốn loại dị đồng nói trên kia.

Ông cha ta cũng đã từng làm việc hiệu đính truyện Kiều, cũng đã cân nhắc từng chữ, từng câu nhiều rồi. Nhưng, nói như Kiều Oánh Mậu « người xưa trong khi hiệu đính đã theo ý riêng mà sửa đổi đi » nên số dị đồng càng ngày càng tăng dần lên so với số lần xuất bản. Đến lúc phải chấm dứt tình trạng đó. Cho nên,

Nguyên tắc 1 : Không tự ý đặt ra chữ mới. Chỉ được cân nhắc dùng chữ có sẵn trong số các bản Kiều đã chọn dùng làm bản trực, hay bản hiệu đính.⁶⁴

Chúng ta phải có thái độ trọng thị thành tựu hiệu đính của những người lớp trước. Một chữ, một câu quen chúng đã quen dùng từ bao giờ thì cứ để nguyên. Trừ khi chúng ta biết đích xác là không hợp lý thì hiệu đính lại, dù quen chúng đã quen dùng. Đó là thái độ khoa học. Trân trọng và khoa học. Phải có cả hai. Vì chỉ có cái đầu mà không có cái sau, thì chúng ta chỉ có bảo thủ, rụt rè. Ngược lại chỉ có cái sau thì sợ chúng ta đang tay nhiều quá. Vì vậy :

Nguyên tắc 2 : Chữ dùng phải đủ cả hai tính chất : hợp lý và phổ biến. Nếu chỉ có tính chất phổ biến mà không hợp lý thì phải hiệu đính lại.⁶⁵

Phương pháp hiệu đính

Mục tiêu và nguyên tắc đã được xác định. Vậy, bằng phương pháp nào để theo những nguyên tắc đó mà đạt

được những mục tiêu nói trên ?

Như chúng ta đã biết, hiệu đính truyện *Kiều* là một công tác văn bản học, cho nên chúng ta cũng phải dùng các phương pháp và biện pháp văn bản học. Trình tự lý giải và xử lý vấn đề của chúng tôi như sau :

Chúng tôi chọn một bản nôm làm bản trực. Xung quanh bản trực này, chúng tôi lại chọn một số bản nôm và bản quốc ngữ tiêu biểu dùng vào việc khảo dị, hiệu đính để rồi đi đến chỗ có được một văn bản hiệu đính như mục tiêu đã đề ra trên kia.

Bản trực là bản rất quan trọng. Xét về các mặt, bản này phải đạt đến trình độ cao hơn cả. Và, bản trực đó là bản *Kiều Oánh Mậu*, vì nó có ba yếu tố sau đây :

1. Biên soạn có phương pháp, nhằm một mục đích học thuật nhất định.
2. Nội dung văn bản đảm bảo được cả hai tính chất hợp lý và phổ biến ở mức độ cao.
3. Nó có ảnh hưởng đến các bản *Kiều* nôm và quốc ngữ xuất bản sau nó.

Đứng trên bản trực này, nhìn về trước, nhìn về sau mà tiến hành công việc khảo dị, hiệu đính. Các bản được chọn dùng vào việc khảo đính, theo thứ tự trước sau tùy tính chất từng bản là :

1. Bản *Quan văn đường Thành-thái Bính ngọ* (1906).
2. Bản *Bùi Kỷ – Trần Trọng Kim* (1927).
3. Bản *Trương Vĩnh Ký* (1875).

4. Bản *Phạm Kim Chi* (1917).
5. Bản *Tản Đà* (1941).

Trong trường hợp cần thiết chúng tôi tham khảo các bản *Kiểu* nôm 1871, 1879 và bản *Aben đê Misen*.

Thể nào là phổ biến và hợp lý ? Cần xác định những tiêu chuẩn thích đáng để giới hạn phạm vi của khái niệm.

Hợp lý, tức là phù hợp với :

1. Phong cách ngôn ngữ của truyện *Kiểu*, của Nguyễn Du.
2. Ngôn ngữ của thời đại được ghi lại trong các tác phẩm văn học đương thời.
3. Văn lý tức là tình tiết của đoạn văn, bối cục của cuốn truyện.

Trong sáng tác văn học, mỗi nhà văn, nhà thơ có một phong cách ngôn ngữ riêng. Điều này hoàn toàn dễ thấy và dễ hiểu đối với các tác giả lớn. Vì vậy, khi đoán định một chữ, một câu... chúng ta phải chú ý xem nó có hợp với phong cách viết của tác giả hay không ?⁶⁶

Ngôn ngữ của Nguyễn Du rất điêu luyện, là một thứ ngôn ngữ văn học súc tích, bóng bẩy và bao giờ cũng nhầm phục vụ một nhiệm vụ nghệ thuật nhất định. Điều này được thể hiện một cách tập trung trong truyện *Kiểu*.

Ngôn ngữ truyện *Kiểu* thường dùng những điệp ngữ, nghĩa là cùng một từ mà được nhắc đi nhắc lại nhiều lần trong cùng một câu hay cùng một đoạn⁶⁷, là một thứ ngôn ngữ có nhiều yếu tố độc đáo, tươi trẻ, đầy sáng tạo, phong

phú muôn màu muôn vẻ trong tính chất nhiều nghĩa của từ, mà mỗi nghĩa mang một phong cách nghệ sĩ của riêng Nguyễn Du – hay nói một cách khác, cái nghĩa được sáng tạo trên cơ sở hình tượng trìu mến của Nguyễn Du.

Trong cách tổ chức ngôn ngữ, chúng ta chú ý tính đối lập về ý nghĩa và tính cân xứng về hình thức của những từ, hay các thể bình đối, tiểu đối của văn *Kiểu* và khả năng ứng đối từng cặp của từ được biểu hiện dưới rất nhiều dạng khác nhau v.v...

Chúng tôi dựa vào các đặc điểm đó của ngôn ngữ truyện *Kiểu* mà tiến hành hiệu đính.

Về ngôn ngữ của thời đại, chúng ta không nên đẩy truyện *Kiểu* đi quá xa so với các tác phẩm văn học đương thời⁶⁸. Về mặt này, chúng tôi dựa vào hai bản *Trương Vĩnh Ký* và *Aben đê Misen* làm căn cứ, vì đây là những bản *Kiểu* quốc ngữ được ấn hành sớm nhất, ghi lại tiếng nói của nhân dân ta cách đây gần một thế kỷ nay.

Đối với tình tiết của đoạn văn, bối cục của cốt truyện, thì các tác phẩm lớn bao giờ cũng có một bối cục chặt chẽ cho từng phần từng đoạn, trong đó mọi tình tiết đều được sắp đặt theo một trật tự lô-gích phân minh. Vì vậy, đối với truyện *Kiểu*, chúng ta càng phải chú ý đến mặt này, vì nội dung sâu sắc, phong phú và nhiều vẻ của nó.⁶⁹

Về mặt chữ nôm ở các bản *Kiểu* được khắc in trong những điều kiện kỹ thuật trước đây, dù cho có tình trạng « chữ tác đánh ra chữ tộ »... chăng nữa, chúng ta cũng có thể dễ dàng nhận ra nguyên mặt chữ hơn là ở bản chữ quốc

ngữ khi tra cứu. Chúng ta xem được mặt chữ nôm trên các bản khác nhau được ghi lại ra làm sao, để rồi kết hợp với các tiêu chuẩn khác mà đoán định ⁷⁰. Ở đây cần đặc biệt chú ý hệ thống riêng của cách kết cấu chữ nôm trong từng tác phẩm ⁷¹. Về mặt chữ nôm, chúng tôi lấy hai bản *Kiểu Oánh Mậu* và *Quan văn đường Thành-thái Bình ngọ* làm căn cứ để đoán định.

Phổ biến tức là điều đã quen thuộc với đông đảo các tầng lớp trong nhân dân ta, ai cũng quen đọc, quen thuộc như thế và nó đã được ghi lại trên các bản *Kiểu phổ biến*. ⁷²

Như chúng ta đã biết, truyện *Kiểu* ở mỗi vùng, mỗi địa phương, đến cả mỗi gia đình, mỗi cá nhân đều quen với một số bản *Kiểu* nhất định ⁷³, rồi cứ kế tiếp truyền cho nhau cùng một bản ấy, lâu dần hóa thành quen và cho rằng chính bản *Kiểu* đó mới đúng.

Trong quá trình truyền tụng cho nhau như thế, quần chúng tất nhiên có tham gia nhuận sắc lại một đôi chỗ, có chỗ xác đáng, có chỗ không. Chỗ nào xác đáng được lưu truyền và được ghi lại, chỗ nào không xác đáng bị loại trừ. Những bản *Kiểu* sở dĩ được phổ biến rộng rãi trong nhân dân chủ yếu là vì chúng đã biết tiếp thu những chỗ « nhuận sắc » hợp lý đó của quần chúng, và cũng vì vậy mà chúng mang tính chất phổ biến và hợp lý cao.

Chính bởi lẽ đó mà chúng ta phải hạn định khái niệm phổ biến bằng cách quy định rằng điều đó được thể hiện, được ghi lại trên các bản *Kiểu* phổ biến. Và, những bản này

là các bản *Kiểu Oánh Mậu*, *Quan văn đường Thành-thái Bính ngọ*, *Phạm Kim Chi*, *Bùi Kỷ* – *Trần Trọng Kim*.

Tất nhiên, những bản này được dùng làm tiêu chuẩn cho tính chất phổ biến này không phải đã ghi lại hết các chỗ nhuận sắc xác đáng của quần chúng. Vì vậy, một sự thực là có một số trường hợp quần chúng vẫn quen dùng theo cách hiểu của họ, mà không chịu lệ thuộc vào một bản *Kiểu* nào cả. Những trường hợp này phải được chúng ta chú ý thích đáng khi hiệu đính.⁷⁴

*

Hiệu đính truyện *Kiểu* theo những nguyên tắc, những tiêu chuẩn nhất định nhằm đạt được cả ba mục tiêu đã trình bày trên đây là một việc khó. Chúng tôi đã cố gắng hết sức mình mong làm cho tốt việc đó. Song văn bản truyện *Kiểu* đạt được chắc chắn có chỗ còn chưa phù hợp với một số đối tượng nhất định, và có thể có chỗ còn chưa thỏa đáng. Để bổ cứu lại một phần thiếu sót đó, chúng tôi đồng thời tiến hành việc khảo dị. Phần khảo dị sẽ được ghi vào dưới văn bản hiệu đính, nhằm hai mục đích :

1. Làm cho bạn đọc thấy được hệ thống hoàn chỉnh của văn bản hiệu đính của chúng tôi. Vì vậy, văn bản khảo dị cũng phải được trình bày một cách hoàn chỉnh, chứ không phải là chỗ khảo dị, chỗ không. Có như vậy, bạn đọc mới dễ dàng so sánh và chấp nhận văn bản hiệu đính. Nếu bản này có chỗ chưa vừa ý, bạn đọc có thể chọn trong số các bản khảo dị ở dưới.

2. Cung cấp cho bạn đọc các bản *Kiểu* tiêu biểu mà hiện nay hiếm, nhưng rất cần cho công tác nghiên cứu. Những bản đó là :

- a) Bản *Kinh*
- b) Bản *Kiểu Oánh Mậu*
- c) Bản *Quan văn đường Thành-thái Bính ngọ*
- d) Bản *Bùi Kỷ – Trần Trọng Kim 1927*

Bạn đọc muốn có bản *Kiểu* nào, chỉ cần đưa câu của bản đó ở phần khảo dị lên phần văn bản hiệu đính là có được văn bản hoàn chỉnh của bản đó.

Về cách phiên âm hai bản nôm *Kiểu Oánh Mậu* và *Quan văn đường Thành-thái Bính ngọ*, chúng tôi đã tiến hành thận trọng. Chúng tôi đi từ việc nghiên cứu để nắm được các dạng đặc thù trong cách kết cấu chữ nôm của từng bản – vì có làm được điều đó mới phiên âm được chính xác⁷⁵ – rồi mới phiên âm.

Nhiều chỗ bản nôm khắc nhầm, có một vài chỗ nhầm vì quá gần nhau về tự dạng hay nhầm về trật tự của từ, hoặc có những chỗ chữ thì khác nhau nhưng thực chất là một, như *chi – gi*, *thi – thơ*..., chúng tôi không khảo dị⁷⁶ –. Ngoài ra, chúng tôi vẫn tiến hành khảo dị tất cả nhằm khôi phục lại nguyên dạng của văn bản. Bản *Quan văn đường* lẫn lộn chữ *quen* với *quên*, giữa *chǎng* với *chǎng*, giữa *vẻ* với *cuối*..., và nhất là có nhiều cách viết khác nhau của cùng một chữ. Cả bản *Kiểu Oánh Mậu* cũng có tình hình tương tự. Vì vậy, khi phiên âm trong phần khảo dị, chúng tôi đặc biệt chú ý tới hệ thống các dạng chữ nôm của từng bản và chú ý

đến cả sự thõng nhất trong khi phiên âm khi nó không có ảnh hưởng gì đến văn điệu của câu thơ.⁷⁷

Đối với bản *Bùi Kỷ - Trần Trọng Kim*, chúng tôi sẽ bỏ qua tất cả những dị đồng trong cách phiên âm và chính tả.⁷⁸

Về chính tả, chúng tôi lấy quyển *Từ điển chính tả phổ thông* (bản in lần thứ hai, nhà xuất bản Khoa học, 1963) làm căn cứ. Gặp những từ quyển này không có, chúng tôi dựa vào từ điển *Génibren (Génibrel)*, có chỗ tham khảo thêm từ điển *A. đờ Rôđơ (A. de Rhodes)*⁷⁹. Số câu, chúng tôi đánh số theo bản *Quan văn đường Thành-thái Bính Ngọ* (1906) là bản tiêu biểu cho bản *Phường*.

C. MỘT VÀI THÍ DỤ TRONG VIỆC ÁP DỤNG NHỮNG NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP HIỆU ĐÍNH

Vì điều kiện ẩn loát không cho phép cho nên trong văn bản không có phần lý do hiệu đính ở từng trường hợp một. Ở đây chúng tôi nêu năm thí dụ có ghi chú ở phần *Mục tiêu, Nguyên tắc và Phương pháp hiệu đính* để làm dẫn chứng :

1. Câu 963-964

*Này này sự đã quả nhiên,
Thôi đà cướp sống của min đi rồi.*

Hai chữ « *của min* » ở câu này, trong tất cả các bản được dùng làm tiêu chuẩn phổ biến như các bản *Kiểu Oánh Mậu*, *Phạm Kim Chi*, *Bùi Kỷ - Trần Trọng Kim*, *Tản Đà* đều để « *chồng min* » với nghĩa « chồng ta, chồng tao », và

phần đôngh chúng ta đều quen đọc như vậy. Rõ ràng tính chất phổ biến, thông dụng của chữ này rất cao. Song theo ý chúng tôi, hai chữ « *chồng min* » đặt ở đây có chỗ không hợp lý. Bởi lẽ :

a) Trong truyện *Kiều*, Nguyễn Du không có chỗ nào cho chúng ta biết chắc chắn Mã Giám sinh là chồng của Tú bà cả⁸⁰. Chữ « cậu » trong câu 952 : « Lạy rồi sang lạy cậu mày bên kia »⁸¹ và cả câu nói của Thúy Kiều : « Giờ ra thay bậc đổi ngôi, dám xin gởi lại một lời cho mình » (959-960), cũng không có dấu hiệu gì cho chúng ta biết rằng Mã là chồng của mụ. Chữ « cậu » trong câu 952 đây là do phiên âm từ chữ « cữu »⁸² tiếng Hán, và nó cũng không có nghĩa là tiếng xưng hô vợ gọi chồng, con gọi bố như trong tiếng Việt hiện đại.⁸³

b) Hơn nữa, theo tình tiết trong bối cục của đoạn này, thì Tú bà sau khi nghe Thúy Kiều nói : « Đủ điều nạp thái vu quy, đã khi chung chạ lại khi đứng ngồi », mụ lại nổi tam bành thét lên : « Màu hổ đã mất đi rồi, thôi thôi vốn liếng đi đời nhà ma ». Như vậy, rõ ràng điều làm mụ ta điên tiết lên là vì Thúy Kiều đã bị mất tân – cái mồi để mụ câu khách kiêm của. Mã Giám Sinh đã phá tan Kiều, bị mụ ta mắng thậm tệ như mắng một đứa ở⁸⁴ vì mụ đã mất mối lợi to.

Cái của lợi này chi phổi mọi suy nghĩ và hành động của mụ bấy giờ. Nguyễn Du chủ ý muốn nêu bật cái bản chất của bọn trùm đĩ cho chúng ta biết, chứ không như ở Thanh Tâm Tài Nhân chỉ nói trống không một câu mắng Thúy Kiều : « Nói thế thì mày định cướp chồng bà à ? » rồi trở lại

mắng Mã Giám sinh, mà không có chi tiết này. Lấy thường tình mà xét, thì điều Nguyễn Du nói đây rất phải. Vì với Tú bà việc chồng con có nghĩa lý gì đối với mụ, theo lời kể Nguyễn Du « Lầu xanh có mụ Tú bà, làng chơi đã trở về già hết duyên » (809-810).

c) Chắc còn ngờ bởi hai lẽ đó, nên bản *Aben đê Misen* (nôm và quốc ngữ) lại chép :

*Này này sự đã quả nhiên,
Thôi đà cướp của chồng min đi rồi.*

Và, xét về tự dạng, hai chữ « chồng » và « của » rất có khả năng khắc chữ nọ ra chữ kia.

Vì những lẽ đó, chúng tôi để như bản *Quan văn đường Thành-thái Bình ngọ : Thôi đà cướp sống của min đi rồi.*

2. Câu 529-530

*Cửa sài vừa ngỏ then hoa,
Gia đồng vào gửi thư nhà mới sang.*

Các bản nôm xưa nhất hiện có (như các bản in năm 1871, 1879, 1902) cũng như các bản quốc ngữ *Nguyễn Văn Vĩnh, Hồ Đắc Hàm, Bùi Kỷ - Trần Trọng Kim* (1925) đều chép *cửa sài*. Các bản quốc ngữ chú : « Cửa sài là do chữ *sài mòn*, nghĩa là xếp củi làm cửa ». Các bản nôm không chú.

Bản *Vương Thúy Kiều chú giải tân truyện* của Tân Đà xuất bản năm 1941 cho rằng *cửa sài* là cái cửa làm bằng củi, hay nhánh tre, là cửa ngõ của những nhà nghèo, hay những người cao đạo ẩn dật, đối với nhà Ngô Việt thương

gia « có cây có đá sẵn sàng, có hiên Lãm-thúy nét vàng chưa phai » mà để *cửa sài* là lầm, cho nên Tản Đà chép : *Cửa ngoài vừa ngỏ then hoa*. Bản *Kiểu* nhà xuất bản Văn học in năm 1965 cũng để như thế. Điều băn khoăn của Tản Đà quả có lý. Nhưng cụ Bùi Kỷ, trong bản *Kiểu* do nhà xuất bản Phổ thông in năm 1958 vẫn để : *Cửa sài vừa ngỏ then hoa*, với lời chú cũ : *cửa xếp bằng củi*.

Vậy, *cửa ngoài* hay *cửa sài* ?

Trong truyện *Kiểu* còn có một số câu khác, các bản đều thống nhất để chữ « *cửa ngoài* ». Chẳng hạn hai câu :

431. *Cửa ngoài* vội rủ rèm the

921. Xe châu dừng bánh *cửa ngoài* ⁸⁵

Hai chữ *cửa ngoài*, trong hai câu đây được dùng rất thỏa đáng. Nhưng ở câu 529 mà vẫn để *cửa ngoài* thì có chỗ không ổn. Chắc chính vì lẽ đó nên cụ Bùi Kỷ trong bản *Kiểu* in năm 1958 vẫn để *cửa sài* mặc dầu trước đó, bản *Tản Đà* chỉ ra dùng chữ này là lầm. Không ổn ở đâu ? Trình tự lý giải vẫn đề này của chúng tôi như sau :

1. Về nghĩa, chữ *cửa ngoài* trong câu 529 : *Cửa ngoài vừa ngỏ then hoa*, chỉ có thể có một nghĩa là cái cửa *ngõ*. Nhưng đem nghĩa đó để hiểu *cửa ngoài* trong hai câu 431 và 921 dẫn ở trên thì rõ ràng không ổn. *Cửa ngoài* trong hai câu đây phải có thêm một nghĩa mới khác. Mà nghĩa mới này không thể có ở câu 529.

2. Nếu vậy, thì câu 529 : *Cửa ngoài vừa ngỏ then hoa*, ý và lời lồng lẻo, tầm thường ⁸⁶. Sở dĩ nói như thế là vì có chữ *ngỏ* (vừa ngỏ then hoa) đi kèm theo. Chữ *ngỏ* ở đây đòi hỏi

tạo nên một thể đối thường thấy trong truyện *Kiều*, một thể văn rất sở trường đối với Nguyễn Du. Thể đối nói đây là thể đối lập về ý nghĩa do thể cân xứng về hình thức tạo nên. Cụ thể ở đây, chữ *ngỏ* đòi hỏi :

a) Thể cân xứng về hình thức, là một từ cùng loại, nghĩa là một động từ.

b) Thể đối lập về ý nghĩa, nghĩa là *ngỏ* thì phải *đóng*.

3. Cửa ngoài, về mặt tự dạng chữ nôm, không thể lẫn với chữ *cửa sài* được. Loại trừ khả năng này. Chỉ còn lại khả năng a và b nói ở điểm 2. Nhưng như vậy thì chữ *ngoài* trong *cửa ngoài* không thể đáp ứng được hai đòi hỏi đó. Nghĩa là nó không thể biến thành làm *động từ*, và càng không thể có nghĩa là *đóng* được. Triệt tiêu lý do tồn tại của chữ *cửa ngoài* trong câu này. Chỉ còn lại mỗi một chữ là *cửa sài*.

4. Cửa sài, nếu hiểu theo lời chú là *cửa xếp bằng cùi* thì không ổn như Tân Đà đã chỉ ra, và không ổn cả về hai đòi hỏi a và b nói ở trên. Nhưng chỉ còn lại với chúng ta chữ *cửa sài* này nữa mà thôi. Không thể có thêm một chữ nào khác.

Như vậy, chúng ta chỉ có cách là dựa trên đặc điểm của tiếng Hán, trên nghệ thuật dùng từ trong ngôn ngữ truyện *Kiều* mà đề ra giả thiết rằng : chữ « *sài* » đây đã chuyển làm « *động từ* » và có nghĩa là « *đóng* ». Chúng tôi tìm tòi trên hướng đó.

Và, đây là kết quả :

Cửa sài là do chữ *sài môn*. Trong tiếng Hán, *sài môn* ngoài cái nghĩa : *cửa lẩy cui xếp thành, chỉ cửa nhà nghèo, nhà thanh bạch* như cụ Bùi Kỷ đã chú còn có nghĩa nữa là : *đóng chặt cửa*. Chữ *sài* đây được dùng như là một động từ với nghĩa là *đóng chặt*. Nghĩa đó thấy chép ở các sách :

- *Hậu hán thư* (quyển 84) : (Dương Chẩn bị bọn Phan, Phong gièm. Đang đêm nhà vua sai sứ đến tước ấn tín thái úy của Chẩn) *ư thị sài môn tuyệt tân khách*, nghĩa là : « Thế là (Dương Chẩn về nhà) đóng chặt cửa tuyệt giao không tiếp tân khách ». Huệ Đỗng đời Thanh chú rằng : « *sài môn* là đóng bít, đóng chặt cửa lại ». Lời tập giải của Vương Tiên Khiêm dẫn lời họ Hồ trong sách *Thông giám* cũng nói như thế.

- *Thập lục quốc Xuân Thu* : Phiếm Đằng đời Tần đỗ hiếu liêm, làm quan lang trung, khi có loạn, bỏ quan về nhà, đem gia tài năm mươi vạn chia cho bà con họ hàng, rồi *đóng chặt cửa, tưới vườn* (*sài môn quán viên*), lấy đàn sách làm vui.

Do đó, *cửa sài* có nghĩa là *cửa đóng chặt*, thỏa mãn được hai đòi hỏi nêu ra ở trên là : cân xứng về hình thức, đối lập về ý nghĩa. Và, câu 529 phải chép là : *Cửa sài vừa ngỏ then hoa*, như câu thơ *Kiểu* đã được truyền tụng, quen thuộc với đồng đảo quần chúng nhân dân trong hàng trăm năm nay.

3. Câu 1857-1858

Giọt châu lã chã khôn cầm,

Cúi đầu chàng nhũng gạt thăm giọt Tương.

Các bản *Kiểu Oánh Mậu*, *Trương Vĩnh Ký*, *Aben đẽ Misen*; *Phạm Kim Chi*... đều để *giọt Tương*. Còn các bản *Quan văn đường Thành-thái Bính ngọ*, *Bùi Kỷ – Trần Trọng Kim*, *Tản Đà*... lại để *giọt sương* với nghĩa là giọt nước mắt. Bản *Bùi Kỷ – Trần Trọng Kim* chú : « Giọt sương cũng là nước mắt, là bởi chữ *sương lệ* ». Lời chú này cần bàn lại, vì chữ *sương lệ* nói đây không thấy ghi lại trên các bộ từ điển lớn của Trung-quốc hiện có như các bộ *Từ nguyên*, *Từ hải*, *Khang-hy tự điển*, *Trung-hoa đại tự điển*, *Bộ văn vạn phủ*...

Cách dùng chữ của Nguyễn Du trong truyện *Kiểu* cũng như trong các tác phẩm khác, bao giờ cũng có sở cứ. Ví như để chỉ nước mắt, Nguyễn Du đã dùng các chữ : *giọt châu*, *dòng châu*, *châu*⁸⁷, *giọt ngọc*⁸⁸, *giọt lệ*⁸⁹, *giọt hồng*⁹⁰, *giọt riêng*⁹¹, *mạch Tương*⁹² và cả *nước mắt*⁹³. Trong bấy nhiêu chữ, chữ nào cũng « có sách ». Riêng chữ *giọt sương* còn có chỗ ngờ.

Hai chữ ba mươi chữ *sương* được dùng trong truyện *Kiểu*, không có chữ nào có ý dính dáng đến nước mắt cả. Câu 176 : *Giọt sương gieo nặng cành xuân la đà* thì rõ là « giọt sương ». Xét rộng ra trong các tác phẩm văn học đương thời như *Hoa tiên* cũng chỉ có : *giọt nhớ* (1322), *giọt ngọc* (1509), *giọt thăm* (1402), *giọt lệ* (827). Các tác phẩm như *Sơ kính tân trang*, *Mai đình mộng ký*, *Phan Trần*... không có tác phẩm nào dùng chữ « sương », « giọt sương » để chỉ nước mắt cả.⁹⁴

Cũng như truyện *Kiều*, trong *Mai đình mộng ký* cũng chỉ có chữ « giọt Tương » để chỉ nước mắt, trong câu « Bao tình lần thăm giọt Tương, thẫn thờ ngọn khói cành sương một mình ». Hơn nữa về tự dạng nôm, hai chữ « tương » và « sương » có nhiều khả năng chép lẫn chữ nợ sang chữ kia. Như vậy, theo ý chúng tôi, câu 1858 để « giọt Tương » phải nghĩa hơn.

4. Câu 1091-1092

*Chim hôm thoi thót vể rừng,
Đóa trà mi đã ngậm gương nửa vành.*

Hai chữ *ngậm gương*, tất cả các bản nôm và quốc ngữ dùng làm bản hiệu đính, kể cả bản *Kiều Oánh Mậu* đều để *ngậm trăng*. Nhưng để *ngậm trăng* không ổn, như ông Lê Văn Hòe đã nêu ra trong lời chú giải của ông :

« Câu này tả cảnh chiều tối. *Đã ngậm trăng nửa vành* : trăng nửa vành, (vì là trăng cuối tháng) đã chiếu rọi vào hoa trà mi ; ban đêm có lẽ cánh trà mi cụp lại nên coi như hoa trà mi ngậm vành trăng.

« Ngày 21, trời mới chập tối mà đã có trăng ư ?

« Ca-dao ta đã có câu nói về thời-gian trăng mọc : *Hai mươi giấc tốt, hai mươi mốt nửa đêm.*

« Tác giả đã tả cảnh sai, như lời cụ Nguyễn-văn-Vĩnh bẻ. Hay là trăng ở vùng Lâm-truy mọc không đúng giờ giấc ở nước ta ? ». ⁹⁵

Ông Nguyễn Văn Vĩnh đã bẻ đúng, nếu quả thực Nguyễn Du viết : « Đóa trà mi đã *ngậm trăng* nửa vành ». Vì Lâm-

truy và nước ta ở những vị trí địa lý khác nhau, tất nhiên có sự xê xích về thời gian trăng mọc trăng lặn, nhưng không thể có sự chênh lệch quá lớn như ở đây, một bên là vào chập tối và một bên là lúc nửa đêm.

Vấn đề còn lại là, có phải Nguyễn Du đã tả cảnh sai khi ông viết :

*Chim hôm thoi thót vè rừng,
Đóa trà mi đã ngậm trăng nửa vành.*

hay không ? Chúng ta có đủ lý do để ngờ về điều đó. Vì sao ?

1. Đúng như ông Hòe nói, « câu này tả cảnh chập tối ». Cũng như những lần mô tả cảnh thiên nhiên khác, ở đây phong cảnh thiên nhiên được xây dựng nên, chủ ý của Nguyễn Du là để nói lên cuộc sống nội tâm của nhân vật. Những bức họa phong cảnh, với Nguyễn Du là những tác phẩm nghệ thuật có quan hệ mật thiết đến thái độ, đến tâm lý, đến cuộc sống của nhân vật. Mô tả nó là để làm cho cuộc sống của nhân vật toàn diện hơn, và qua việc mô tả đó mà chúng ta hiểu được nhân vật toàn diện hơn. Trong suốt truyện *Kiều*, lần nào mô tả thiên nhiên, ngòi bút của Nguyễn Du bao giờ cũng tỏ ra rất thận trọng, cân nhắc từng chi tiết, từng chữ dùng để diễn đạt.

Ở đây, tâm trạng của Thúy Kiều khi ở lầu Ngưng-bích :

*1073. Song thu đã khép cánh ngoài,
Tai còn đồng vọng mấy lời sắt đanh.
Nghĩ người thôi lại nghĩ mình,
Cảm lòng chua xót lại tình bơ vơ.*

...

*Đánh liều nhǎn mót hai lời,
Nhờ tay tẽ độ vót người trầm luân.*

Tâm trạng « bơ vơ », hồi hộp đợi chờ « tay tẽ độ » mà vẫn lo sợ « đánh liều » đó rất hợp với cảnh :

*Chim hôm thoi thóp về rừng,
Đóa trà mi đã ngậm gương nửa vành.*

Có một cái gì như thao thức, hồi hộp đợi chờ mà vẫn ngập ngừng, do dự, bao hàm một nỗi buồn se lại, một nỗi lo sợ đâu đây trước cái cảnh chim hôm bay về tổ...

2. Khi nói đến *mặt trăng*, Nguyễn Du thường dùng các chữ : *trăng*, *gương*, *nga*, *nguyệt*, *hỏ*, *cung Quảng*. Trong số 40 lần nhắc đến mặt trăng ⁹⁶, chữ *trăng* được dùng với một tỷ lệ cao nhất, 26 trên 40 ; chữ *gương* chiếm một tỷ lệ thấp 2 trên 40 ⁹⁷. Do đó, chúng ta có thể ngờ rằng người khắc in đã có sự nhầm lẫn giữa chữ *trăng* với chữ *gương*.

3. Chữ *gương*, trong truyện *Kiều*, Nguyễn Du còn sử dụng để chỉ các vật khác, chứ không phải chỉ có mặt trăng. Thí dụ :

329. *Tiện đây xin mót hai điếu,
Đài gương soi đến dấu bèo cho chặng ?*

905. *Mai sau dấu đến thế nào,
Kìa gương nhật nguyệt nọ dao quỷ thần !*

1199. *Vừa tuần nguyệt sáng gương trong,
Tú bà ghé lại thong dong dặn dò.*

4. Đặc biệt trong các động tân đoán ngữ, chữ *gương* lại hoàn toàn có một nghĩa khác, không phải là mặt trăng, thí dụ trong đoán ngữ « ngậm gương » :

425. *Ngày vui ngắn chẳng đầy gang,
Trông ra ác đã ngậm gương non đoài.*

1119. *Đêm thu khắc lậu canh tàn,
Gió cây trút lá trăng ngàn ngậm gương.*

1369. *Nỉ non đêm ngắn tình dài,
Ngoài hiên thỏ đã non đoài ngậm gương.*

Như vậy, rõ ràng *ngậm gương* khác *ngậm trăng*. Và trong truyện *Kiểu*, Nguyễn Du không bao giờ dùng hình ảnh *ngậm trăng* cả (trừ trường hợp này) mà chỉ dùng *ngậm gương*.

5. Mặt khác, về tự dạng chữ nôm, chữ *gương* có nhiều khả năng lẫn với chữ *trăng*. Theo các dạng cấu trúc của chữ nôm, thì vốn từ vị tiếng Việt của chúng ta sẽ gồm có ba bộ phận được phân biệt một cách rõ ràng là : *Thuần Hán*, *Âm nôm chữ Hán* và *Thuần nôm*. Đứng về mặt kết cấu chữ nôm mà xét, chúng ta thấy rằng bộ phận *Thuần nôm* là quan trọng, đáng chú ý hơn cả. Trong bộ phận này, tuyệt đại đa số từ đều được kết cấu theo lối hình thanh. Hai chữ *gương* và *trăng* là nằm trong bộ phận thuần nôm và được kết cấu theo lối hình thanh này.

Trong các kiểu kết cấu theo lối hình thanh, thì *gương* và *trăng* thuộc vào kết cấu kiểu 2⁹⁸, theo công thức *chữ Hán + chữ Hán* :

Gương = Khương + Tư 翳 = 姜 + 司

Trăng = Nguyệt + Lăng 腊 = 月 + 腊

Theo kiểu kết cấu này, chữ chỉ ý nghĩa (hình) thường ở
về phía bên trái như chữ *trăng* 腊⁹⁹, nhưng có khi lại ở trên
¹⁰⁰ hay có khi vì để cho tự hình thuận và đẹp hơn, người ta
lại viết ngược lại, nghĩa là chữ chỉ ý nghĩa về phía bên phải
¹⁰¹. Cũng như chữ *gương* 翳 đây, chữ chỉ ý nghĩa (hình) ở về
phía bên phải, tức là chữ *tư* 司¹⁰² và chữ chỉ âm thanh
(thanh) ở về phía bên trái, tức là chữ *khương* 姜 cũng có thể
viết đổi lại, đưa chữ chỉ ý nghĩa sang bên trái cho hợp với
quy cách chữ nôm = **E** Do đó : *Gương E* tương tự như
Trăng 腊

Và, vì vậy, hai chữ này có thể khắc nhầm chữ nọ ra chữ
¹⁰³ kia.

Từ những điều trình bày ở trên, chúng ta có thể rút ra
kết luận rằng chính Nguyễn Du đã tả đúng cảnh thiên nhiên
lúc chập tối vào ngày hai mươi mốt âm lịch ở lầu Ngưng-
bích :

*Chim hôm thoi thót về rừng,
Đóa trà mi đã ngậm gương nửa vành.*

Đóa trà mi đã ngậm gương nửa vành, tức là hoa trà mi
vào lúc chập tối, gương hoa ngậm lại, không nở tươi tròn
như lúc ban ngày nữa. *Gương* ở đây có nghĩa là tàn hoa to
tròn đẹp sáng như gương... *Ngậm* có nghĩa là khép lại. Cả
câu tả cảnh, đọc lên có một cái gì như thao thức, hồi hộp,
chờ đợi, bao hàm một nỗi buồn se lại, một nỗi lo sợ đâu
đâu... trước cảnh chim hôm bay về tổ. Một bức tranh vẽ

thiên nhiên mà cũng đồng thời là một bức tranh về tâm trạng của Thúy Kiều !

5. Câu 1879-1880

*Nhẹ như bắc nặng như chì,
Gỡ cho ra nợ còn gì là duyên.*

Hai chữ « ra nợ » bản *Bùi Kỷ – Trần Trọng Kim* để « ra nữa » và đã được phổ biến, mặc dù các bản *Kiểu Oánh Mậu*, *Aben đê Misen* (quốc ngữ), *Phạm Kim Chi*, *Tản Đà* để « ra nợ ». Bản *Kiểu* của nhà xuất bản Văn học in năm 1965 cũng để « ra nữa ».

Vậy, « ra nữa » hay « ra nợ » ? Để chữ *ra nữa* có chỗ không thông. Một là không thông về ý nghĩa. « Ra nữa » nghĩa là gì ? Rất mơ hồ. Hai là không thông về cách tổ chức ngôn ngữ về các dạng đối lập trong các thể tiểu đối của truyện *Kiểu*. Xét về mặt này, ở cuối câu có chữ « duyên » thì ở giữa câu đây phải là chữ « nợ ». *Gỡ cho ra nợ còn gì là duyên*, câu thơ thông về nghĩa, phù hợp với cách tổ chức ngôn ngữ thơ *Kiểu* của Nguyễn Du.

Xét trường hợp này, trong bản *Quan văn đường Thành-thái Bình nợ* để chữ « nữ ». Chữ « nữ » trong các bản khác, theo thể viết chữ nôm thì phải đọc là « nữa » – « ra nữa ». Nhưng xét cách viết hay thể chữ nôm trong bản *Quan văn đường...* thì chữ « nữ » đây cũng có thể đọc là « nữa » hay « nợ ». Thể chữ nôm bản *Quan văn đường* hay viết giản lược, chữ « nợ » cũng chỉ viết một mình chữ « nữ » mà lược mất phần chữ « trái » ở bên phải. Chứng cứ là : trong số 12 chữ nợ của truyện *Kiểu* (không kể câu 1880

đây), thì ở bản *Quan văn đường* có 8 chữ được viết : chữ *nữ* + chữ *trái* = chữ *nợ*, và 3 chữ chỉ viết một mình chữ *nữ*, ở các câu :

228. *Dưỡng sinh đôi nợ tóc tơ chưa đèn*

1694. *Còn nhiều nợ lầm sao đà thác cho*

2610. *Nợ đâu ai đã dắt vào tận tay*

Rõ ràng ba chữ *nữ* trong ba câu đây không thể phiên âm ra chữ *nữa* mà chỉ có thể phiên âm ra *nợ* mà thôi. Như vậy, chữ *nữ* trong câu 1880 cũng có thể là chữ *nợ* viết tắt.

Trong các bản *Kiểu* nôm khổ 12 x 17 như bản *Tự-đức Kỷ mão* (1879), chữ « *nợ* » trong ba câu nói đây cũng chỉ viết một chữ « *nữ* ». Điều đó nói lên một phần cách linh động trong lối viết chữ nôm được thông dụng biết dường nào.

Vì những lẽ đó, chúng tôi để : *Gỡ cho ra nợ còn gì là duyên*.

*

Cuối cùng là những trường hợp ngoại lệ, tức là những trường hợp mà trong *bản trực* và trong những *bản hiệu đính* không ghi như vậy, mà đây chúng tôi ghi theo sự thông dụng trong nhân dân, cũng tức là những trường hợp phổ biến nhưng chưa được ghi lại trong các bản *Kiểu* chúng tôi dùng làm *bản trực* và cả *bản hiệu đính*. Đó là những câu :

154. *Với Vương Quan trước vốn là đồng thân*

648. *Giờ lâu ngã giá vàng ngoài bốn trăm*

1047. *Buồn trông cửa bể chiều hôm*

1148. *Chút lòng trinh bạch từ sau xin chừa*

Bốn câu này được ghi như vậy là dựa theo tài liệu điều tra của chúng tôi trong những lần đi thực tế ở nhiều địa phương khác nhau, dựa vào ý kiến chung của các đồng chí, các bạn phát biểu trong những buổi tọa đàm về văn bản truyện *Kiều* như đã nói ở *Lời nói đầu* trên đây. Ngoài ra, còn hai câu, chúng tôi đã hiệu đính lại cho hợp văn lý :

1092. *Đóa trà mi đã ngâm gương nửa vành* ¹⁰⁴

2448. *Kém gì cô quả kém gì bá vương* ¹⁰⁵

II. VĂN ĐỀ CHÚ THÍCH VĂN BẢN

A. ĐẶT VĂN ĐỀ

Văn đề chú thích truyện *Kiều* có liên quan trực tiếp đến một văn đề lớn và phức tạp – văn đề ngôn ngữ truyện *Kiều*. Trong thực tế nghiên cứu từ trước tới nay văn đề này cũng đã được đặt ra. Có điều, chúng ta mới đi từ cái riêng trong từng mặt khác nhau của nó để hiểu truyện *Kiều*, chứ chưa đi từ những cái riêng cần thiết và bổ ích đó mà khai quát lên một cái gì chung là đặc thù của riêng ngôn ngữ Nguyễn Du để rồi trên cơ sở đó mà hiểu và chú thích tác phẩm.

Chúng tôi nghĩ đã đến lúc chúng ta phải làm công việc đó. Vì nó sẽ giúp chúng ta hiểu đúng truyện *Kiều*, và từ đó mà cũng hiểu đúng Nguyễn Du. Nguyễn Du trong lúc sinh thời đã mang một tâm sự băn khoăn, sợ không ai hiểu mình :

*Bất tri tam bách dư niên hậu,
Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như ?*¹⁰⁶

Nay chúng ta chỉ lấy riêng một phần – phần chú thích trong truyện *Kiều* cũng đủ chứng tỏ điều băn khoăn của Nguyễn Du là ít nhiều có sở cứ.

Cơ sở tư liệu căn bản nhất cho chúng ta tìm hiểu Nguyễn Du là tác phẩm của Nguyễn Du còn để lại cho chúng ta. Không hiểu tác phẩm một cách thấu đáo, thì chúng ta không hiểu được tác giả một cách đúng đắn. Hai điều này có một quan hệ khăng khít với nhau. Chúng ta chỉ cần nhớ lại lịch sử truyện *Kiều* thì rõ. Cùng xuất phát từ

truyện *Kiểu* để đánh giá Nguyễn Du, mà mỗi người đánh giá một khác. Ấy là bởi tại việc hiểu truyện *Kiểu* có chỗ khác nhau.

Tác phẩm của Nguyễn Du để lại cho chúng ta, quan trọng hơn cả là truyện *Kiểu*, một tác phẩm mà từ trước tới nay đã có nhiều người nghiên cứu, khảo đính, chú thích và bình luận. Song truyện *Kiểu* là một tác phẩm lớn của một thi hào lớn, cho nên việc hiểu để chú thích cho mọi người cùng hiểu là một việc khó. Cái khó ở đây, không phải ở chỗ tìm nghĩa các từ cổ, tìm xuất xứ các điển cő... mà chủ yếu là ở chỗ phô diễn ra cái nội dung phong phú của hình tượng gợi lên trong trí tưởng tượng của ta dưới những hình thức cụ thể của những dạng biến cách ¹⁰⁷ của bấy nhiêu điều đó.

Vì vậy, việc chú thích truyện *Kiểu* đòi hỏi chúng ta phải nghiên cứu một cách nghiêm túc, linh hội cho bằng hết cái tinh thần của tác phẩm, đòi hỏi chúng ta phải có một cái mẫn cảm thể hội thấu đáo từng tình tiết ¹⁰⁸ của tác phẩm, phát hiện ra cái hay cái đẹp mà hình tượng đã hấp dẫn chúng ta để rồi trong khi chú thích nói lên bấy nhiêu điều đó.

Ở một góc độ nào đấy, chúng ta có thể nói được rằng chú thích tác phẩm tức là thay mặt tác giả để trình bày những điều tác giả muốn nói, muốn gửi gắm trong tác phẩm của mình, thông qua việc chú thích từng chữ, từng ý, từng câu của tác phẩm. Điều đó có nghĩa là chú thích tác phẩm không phải chỉ có chú thích ý nghĩa từng chữ, từng câu nói chung ; mà là chú thích cái ý nghĩa của từng chữ,

của từng câu của một tác phẩm cụ thể của riêng một tác giả cụ thể. Nó đòi hỏi người chú thích phải vươn lên mà nắm cho được ngôn ngữ của tác giả trong tác phẩm đó để nhằm xem chúng đã tuân theo những nhiệm vụ nghệ thuật gì, những nguyên tắc lựa chọn nào của tác giả, và như vậy cũng tức là phải nắm ý nghĩa của nội dung tư tưởng chứa đựng trong từng chữ, từng câu... của tác phẩm và của cả tác giả.

Đó là một việc khó khăn phức tạp cần phải có sự công tác của nhiều chuyên môn khác nhau.

B. NHẬN XÉT TỔNG QUÁT VỀ VĂN ĐỀ CHÚ THÍCH

Các bản *Kiểu* nôm, quốc ngữ, các bản *Kiểu* dịch ra tiếng nước ngoài đã được xuất bản từ trước tới nay còn lại với chúng ta ngót 50 bản của các nhà xuất bản khác nhau.

Các bản nôm, kể từ bản *Kim Vân Kiều tân truyện* do hiệu Liễu văn đường xuất bản năm Tự-đức thứ 24 (1871) cho đến các bản do hiệu Phúc văn đường xuất bản về sau này vào năm Bảo-đại Kỷ mão (1939), hầu hết đều không có chú thích, khảo dị, trừ hai bản :

- *Đoạn trường tân thanh*, Kiều Oánh Mậu cho khắc in vào năm Thành-thái Nhâm dần (1902).

- *Kim Vân Kiều quảng tập truyện*, Liễu văn đường xuất bản vào năm Bảo-đại thứ 9 (1934).

Còn các bản khác như bản *Kim Vân Kiều tân tập* - Quan văn đường tàng bản - Thành-thái Bính ngọ (1906), bản *Kim Vân Kiều tân tập* - Quảng thịnh đường tàng bản - Khải-định

năm thứ 7 (1922) v.v... chỉ có in lên phần trên của mỗi tờ các bài đề tựa, các bài thơ vịnh nôm lẫn Hán của Chu Mạnh Trinh và của một số người khác, chứ không có chú thích gì cả.

Các bản *Kiều* dịch giới thiệu ra nước ngoài, trong phần chú thích cũng không có gì thật đặc sắc.

Còn lại hơn 30 bản *Kiều* quốc ngữ là đáng chú ý hơn cả. Bản nào ít nhiều cũng đều có chú thích. Chúng ta có thể xem các bản sau đây là những bản tiêu biểu, tức là những bản mà trong đó phần chú thích nói chung công phu, nghiêm túc, thể hiện một xu hướng, một phương pháp chú thích ở một mức độ nhất định :

- *Kim Túy tình từ*, Phạm Kim Chi – nhà in Huỳnh Kim Danh, Sài-gòn 1917.

- *Kim Vân Kiều chú thích*, Bùi Khánh Diễn – nhà in Ngô Tử Hạ, Hà-nội 1926.

- *Truyện Thúy Kiều*, Bùi Kỷ, Trần Trọng Kim – Vĩnh hưng long thư quán, Hà-nội 1927.

- *Vương Thúy Kiều chú giải tân truyện*, Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu – Tân dân, Hà-nội 1941.

- *Truyện Kiều chú giải*, Lê Văn Hòe – Quốc học thư xã, Hà-nội 1953.

- *Truyện Kiều*, Nguyễn Văn Hoàn, Nguyễn Sĩ Lâm, Nguyễn Đức Vân – nhà xuất bản Văn học, Hà-nội 1965.

Sau khi nghiên cứu các bản *Kiều* trên đây, nhìn chung chúng ta thấy :

Về các loại chú thích

Các nhà chú thích trước đây chỉ chú ý đến ba loại : 1. chú thích về xuất xứ, 2. chú thích về ý nghĩa từng câu, 3. chú thích có tính chất bình luận về mặt văn chương.

Chỉ có ba loại chú thích này thôi, thì thật không đủ. Một khó khăn cho người đọc trong khi tiếp xúc với các áng văn cổ như truyện *Kiểu* là nghĩa các từ nay không còn thông dụng nữa, hay đã biến nghĩa và cách kết cấu ngữ pháp của câu văn... Do đó, các loại chú thích này cũng phải được chú ý thích đáng. Đó là chưa kể trong từng loại chú thích trên đây đã bỏ qua rất nhiều điều cần được chú thích. Vì vậy mà việc hiểu cho rành rọt truyện *Kiểu* hiện nay vẫn còn là một vấn đề cần được giải quyết.

Về xu hướng chú thích, đại để có mấy xu hướng

1. Xu hướng tầm chương trích cú – Đại biểu cho xu hướng này là Bùi Khánh Diễn. Trong tập *Kim Vân Kiều chú thích*, chỉ có độc có một loại chú thích. Ấy là loại chú thích về mặt xuất xứ các chữ, các ý, các câu trong truyện *Kiểu*. Hầu như chữ nào, câu nào, ý nào của truyện *Kiểu*, Bùi Khánh Diễn cũng cố tìm cho bằng được một câu, một ý tương đương trong tiếng Hán để dẫn ra làm căn cứ xuất xứ. Sau đó là phiên âm và dịch ra tiếng Việt, chỉ có thể thôi, mặc cho người đọc muốn lý giải nội dung ý nghĩa của chữ nghĩa truyện *Kiểu* ra sao tùy ý. Vì vậy mà có nhiều câu trích trong phần chú thích làm cho người đọc thấy gượng ép. ¹⁰⁹

2. Xu hướng trích dẫn nhằm làm sao cho người đọc hiểu một cách riêng biệt nghĩa từng chữ, từng ý. Nghĩa là chỉ có trích dẫn mà không nói nội dung ý nghĩa của từng lời trích dẫn có liên quan gì đến cái ý trong văn bản truyện *Kiểu*, không làm cho người đọc thoát ra được ngoài cái ý nghĩa từng chữ, từng câu riêng biệt để nắm lấy cái chung, cái thần của từng ý, từng câu ; để nắm lấy cái nội dung ý nghĩa trong sự tương quan giữa các điển cố, các chữ sách dẫn với điều được chú thích. Vì vậy, đôi khi chú thích mà làm cho câu thêm tối nghĩa, khó hiểu. ¹¹⁰

3. Xu hướng bình luận về mặt văn chương, tức là chỉ ra « cái hay, cái khéo trong văn chương cho được rõ chỗ tinh thần của tác giả » ¹¹¹, bắt bẻ « chỉ rõ những chỗ đáng hổ nghi về văn lý » ¹¹². Điều này rất cần thiết, có tác dụng lớn trong việc làm cho người đọc lĩnh hội nội dung của tác phẩm. Nó sẽ bổ ích khi bình luận và bắt bẻ đúng. Trái lại, nó sẽ có hại không nhỏ khi bình luận, bắt bẻ sai. Các bản *Kiểu* nói trên trong phần chú thích về phần này có nhiều chỗ bình luận, bắt bẻ đúng, nhưng cũng có lầm chỗ chưa được thỏa đáng. Đại biểu cho xu hướng này có Tản Đà và Lê Văn Hòe. ¹¹³

4. Ngoài ra, các nhà chú thích đều có xu hướng chung là bỏ qua rất nhiều chỗ cần chú thích. Vì khó cung có, vì chủ quan cho là dễ, hay vì không nhận ra vấn đề cũng có. Điều này một phần đã làm hạn chế việc hiểu truyện *Kiểu*.

Về xu hướng chú thích trên đây, nói chung còn có chỗ thiếu sót, chưa thực thỏa đáng. Nhưng mặt khác, chúng ta

cũng phải khách quan mà nhận rằng đó là những thiếu sót tất nhiên trong một hoàn cảnh xã hội nhất định với những điều kiện làm việc nhất định. Công lao của các nhà chú thích lớp trước vẫn phải được chúng ta trân trọng. Ngoài ra, vì trình độ nhận thức, vì quan điểm nghiên cứu trước đây, các nhà chú thích không thể nào *nói hết được và nói đúng tất cả* những « cái hay, cái khéo trong văn chương », cũng như những điều cần chú thích trong truyện *Kiều*.

Về phương pháp chú thích

Thật khó mà tìm được một phương pháp rõ rệt, thống nhất, được quán triệt trong một bản *Kiều* nào. Các nhà chú thích trước đây, mỗi người một vẻ, các phương pháp khác nhau đều được đồng thời áp dụng trong một bản và ngay cả trong cùng một loại chú thích. Đáng lẽ mỗi loại chú thích phải được tiến hành theo một quy cách nhất định, theo một nguyên tắc chung. Quy cách và nguyên tắc này phải được quán xuyến trong toàn bộ chú thích của tác phẩm. Có thể nói, các công trình chú thích truyện *Kiều* trước đây ít chú ý đến mặt này.

Về nội dung các loại chú thích

chúng ta dễ dàng nhận thấy rằng trong cùng một chú thích nhưng mỗi người chú thích một khác. Có khi chỉ khác nhau về xuất xứ của chữ sách dẫn mà nội dung ý nghĩa của câu khác nhau.

Xin dẫn hai câu đầu của truyện *Kiều* làm thí dụ :

Trăm năm trong cõi người ta,

Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau.

Các bản chú thích như sau :

- Bản *Đoạn trường tân thanh* của Kiều Oánh Mậu : « Trang tử : bách niên cảnh nhi ngã do vi nhân ¹¹⁴ » và « Tùy viên : Cổ lai tài mệnh lưỡng tương phuong ». ¹¹⁵

- Bản *Kim Vân Kiều chú* : « Tố văn thư : Hoàng đế vị Bá Kỳ viết : Cổ chi nhân sinh bách tuế vi kỳ ». ¹¹⁶

- Bản *Truyện Thúy Kiều* của Bùi Kỷ và Trần Trọng Kim : « Trang tử : Bách niên cảnh nhi ngã do vi nhân = trong một cõi trăm năm mà ta vẫn là người, tức là trong cuộc đời », và « Minh thi : Cổ lai tài mệnh lưỡng tương phuong = Xưa nay tài mệnh không ưa nhau ».

- Bản *Vương Thúy Kiều chú giải tân truyện* của Tân Đà : « Hai chữ trăm năm do ở những chữ bách niên, bách tuế mà dịch nghĩa ra, nói đại phàm trong một đời người ta ở trần thế » và « ghét nhau như là nói xung khắc với nhau, nghĩa là có tài hơn người thời phần mệnh thường phải kém ».

Qua bốn bản chú thích trên đây, chúng ta thấy có sự khác nhau :

1. Khác nhau về xuất xứ các sách dẫn : Hai chữ « trăm năm » bản thì dẫn sách *Trang tử*, bản thì dẫn sách *Tố văn*, bản thì lại dẫn hai chữ *bách niên* hay *bách tuế*. Trong lời chú thích câu « Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau », cũng một câu sách dẫn « Cổ lai tài mệnh lưỡng tương phuong » mà bản thì cho là thơ Tùy-viên, bản thì cho là thơ đời Minh.

2. Do sự khác nhau về xuất xứ các sách dẫn mà có sự khác nhau về nội dung ý nghĩa của câu được chú thích. Và, cũng từ sự khác nhau này của hai câu mở đầu mà có sự khác nhau quan trọng khác trong việc lĩnh hội nội dung của truyện *Kiểu*. Vì lẽ nội dung ý nghĩa hai chữ « trăm năm » của sách *Trang tử* hoàn toàn khác nội dung ý nghĩa hai chữ « trăm năm » của sách *Tố vẫn*, và lại càng khác xa nội dung, ý nghĩa hai chữ *bách niên* hay *bách tuế* trong nhận thức của nhân dân (Trung-quốc).

Chúng tôi xin nói rõ về từng loại khác nhau đó.

Loại thứ nhất, loại khác nhau về xuất xứ các sách dẫn : Hai chữ « trăm năm » tức là *bách niên* hay *bách tuế* trong các sách *Hoàng đế Nội kinh* – *Tố vẫn*, *Kinh thi* đều có. Ngoài ra, chúng ta cũng có thể dẫn ra một số sách khác như sách *Lễ ký*, sách *Chu Lễ*. Nhưng đối với lời dẫn sách *Trang tử* « Bách niên cảnh nhi ngã do vi nhân » thì sao ? Sách *Trang tử* có chỗ nào ghi đúng câu đó, hay có chỗ nào có nói đại ý khái niệm đó không ? Chúng tôi còn ngờ về điều đó. Người chú thích đầu tiên dẫn câu sách *Trang tử* « Bách niên cảnh nhi ngã do vi nhân » là Kiều Oánh Mậu trong tập *Đoạn trường tân thanh* soạn từ năm Thành-thái Mậu tuất (1898) và xuất bản vào năm Nhâm dần (1902). Kể đó các nhà chú thích khác cũng dẫn đúng theo Kiều Oánh Mậu. Có lẽ ở đây, các cụ đã dẫn nhầm, cũng như các cụ đã dẫn nhầm ở một vài chỗ khác. Thí dụ :

a) Lời sách dẫn của bản *Kim Văn Kiều chú* : « Hoàng đế vị Bá Kỳ viết... ». Bá Kỳ là nhầm. Chính thực là Kỳ Bá, tên người bầy tôi của Hoàng đế. Trong thiên *Thượng cổ thiên*

chân luận sách *Nội kinh – Tố vấn* của Hoàng đế rất nhiều lần nhắc đến tên Kỳ Bá.

b) Câu thơ dẫn « Cổ lai tài mệnh lưỡng tương phuong » trong khi chú thích câu « Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau », Kiều Oánh Mậu chú là thơ Tùy-viên (đời Thanh), Bùi kỷ và Trần Trọng Kim chú là thơ thời Minh. Thực ra câu này vốn là thơ của Lý Thương Ẩn đời Đường.

Loại thứ hai, loại khác nhau về nội dung, ý nghĩa của câu được chú thích do chữ sách dẫn khác nhau. Cụ thể ở đây, do chữ sách dẫn khác nhau mà làm cho người ta lĩnh hội nội dung ý nghĩa câu « Trăm năm trong cõi người ta » khác nhau. Và, từ đó mà lĩnh hội nội dung tư tưởng truyện Kiều khác nhau. Vì sao vậy ? Bởi vì như trên kia đã nói, hai chữ « trăm năm » của sách *Trang tử* (nếu có), và của sách *Nội kinh – Tố vấn* ...mỗi sách mang một nội dung ý nghĩa khác nhau.

Nếu quả thực câu « Trăm năm trong cõi người ta » lấy ý từ chữ sách *Trang tử* và giả thiết rằng sách *Trang tử* có câu « Bách niên cảnh nhi ngã do vi nhân », thì câu này phải dịch là : trong cái kỳ hạn một trăm năm mà ta tưởng ta là người thực, và phải hiểu câu « Trăm năm trong cõi người ta » theo quan niệm về nhân sinh của Trang Tử. Nghĩa là « trăm năm » tức là cuộc đời con người là không có thực, con người ta cũng không có thực, là hư, là mộng tất cả, nghĩa là xuất thế và phủ định tất cả. Như vậy thì không làm gì có cái chuyện « chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau » và cả bao nhiêu việc khác xảy ra trong suốt hơn 3.250 câu tiếp theo.

Bốn câu mở đầu :

1. *Trăm năm trong cõi người ta,
Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau.
Trải qua một cuộc bể dâu,
Những điều trông thấy mà đau đớn lòng.*

Về chữ nghĩa thì tầm thường, mà tình thì rất thực. Nguyễn Du chủ ý muốn nói lên cái sự thực đó trong xã hội cũ. Sự thực « trông thấy mà đau đớn lòng » là của ai ? Của cả xã hội, của riêng cô Kiều và cũng là của chính Nguyễn Du !

Cuộc đời con người – « trăm năm trong cõi người ta » – là *cuộc đời thực*, là *con người thực*. Chính vì thế mà chúng ta nhất trí nhận định nội dung truyện Kiều là một tiếng kêu thương, một bản tố cáo... như đã nói trong phần giới thiệu. Nếu như bây giờ chú thích câu « Trăm năm trong cõi người ta » cho người ta hiểu theo sách *Trang tử* thì cả giá trị của nội dung tập truyện vừa nhắc lại trên đây cũng sẽ hóa thành con bướm của Trang Chu ! ¹¹⁷

Có khi xuất xứ và chữ sách dẫn giống nhau, nhưng lại có sự khác nhau trong cách giải thích nội dung chữ sách dẫn. Thí dụ, khi chú thích câu :

247. *Sầu đong càng lắc càng đầy,
Ba thu dồn lại một ngày dài ghê.*

Tất cả các bản đều chú thích đúng rằng, câu « Ba thu dồn lại một ngày dài ghê » là lấy chữ sách Kinh Thi : « Nhất nhật bất kiến như tam thu hế », nhưng khi giải thích thì mỗi

bản giải thích một khác. Chúng tôi sẽ nói rõ điểm này trong khi chú thích văn bản.

Ngoài ra còn nhiều chỗ khác, các nhà chú thích chỉ có thể nêu lên cái nghĩa đại ý của câu, chứ về mặt xuất xứ, nghĩa đen của từng chữ, từng ý thì vẫn là một điều hổ nghi, chưa dám quyết. ¹¹⁸

Đó là chưa kể phần lớn các chỗ cần chú thích mà bị bỏ qua, hay những chỗ khen chê, bắt bẻ khác nhau thường thấy trong các bản *Kiểu* đã được xuất bản.

*

Trở lên là mấy nét chung, khái quát tình hình chú thích truyện *Kiểu* trong cả một thời gian dài trước đây. Các người lớp trước đã có những cống hiến quan trọng, nhưng vẫn còn nhiều hạn chế. Vấn đề ở đây không phải là vấn đề bình công mà chủ yếu là vấn đề tìm ra phương thức kế tục công việc khảo đính, chú thích của những người lớp trước để đáp ứng nhu cầu học tập, tìm hiểu truyện *Kiểu* và Nguyễn Du hiện nay.

C. YÊU CẦU VÀ THỂ LỆ CHÚ THÍCH

Xuất phát từ quan niệm, từ thực tế chú thích truyện *Kiểu* trên đây, yêu cầu chú thích lần này của chúng tôi là :

1. Tổng kết và tiếp thu được các mặt thành công trong các công trình chú thích truyện *Kiểu* đã được xuất bản, đồng thời cố gắng bổ sung được các mặt thiếu, chưa đạt trong các công trình đó.

2. Làm cho bạn đọc nói chung sáng được văn nghĩa chính xác, và một phần nào có thể giúp bạn đọc thấy được cái hay, cái đẹp của truyện *Kiểu*.

3. Cung cấp cho các cán bộ nghiên cứu, các thày giáo phổ thông và đại học những tư liệu và số liệu cần thiết để thấy được cái phong phú của ngôn ngữ truyện *Kiểu*, nắm được cái vốn từ vựng truyện *Kiểu* mà lĩnh hội được sự đóng góp to lớn của Nguyễn Du trong việc làm phát triển ngôn ngữ nói chung và ngôn ngữ văn học của ta nói riêng.

Về thể lệ chú thích, có 10 điểm sau đây :

1. Số chú thích đánh theo số câu được ghi trong văn bản. Như vậy, trong một số chú thích (cũng là số câu) có thể có nhiều đơn vị chú thích.

2. Lời chú thích phải có căn cứ rút từ các bộ từ điển và các bộ tài liệu gốc ghi ở mục tài liệu tham khảo.

3. Riêng các chú thích điển cố có ghi rõ tên các tài liệu xuất xứ. Còn các loại chú thích khác không ghi xuất xứ, thì tức là đã căn cứ vào các bộ từ điển.

4. Chú thích nào chưa tìm thấy trong các tài liệu gốc thì tham khảo các công trình chú thích truyện *Kiểu* đã xuất bản, chọn chú thích nào tốt nhất thì ghi lại nguyên văn chú thích đó (có kèm theo xuất xứ).

5. Những điển, những từ... được chú thích, trong trường hợp cần thiết giúp bạn đọc nắm được tình hình ngôn ngữ văn học của tác phẩm, chúng tôi có ghi thêm cả số câu mà điển đó, từ đó được sử dụng trong truyện *Kiểu* và trong một

số tác phẩm văn nôm khác, kể cả những dạng biểu hiện khác nhau của điển đó, của từ đó.

6. Các điển, các từ... chú thích, chỉ được chú thích một lần. Trong trường hợp thật cần thiết – vì nói chung đã có ghi ở phần *Ngữ vựng* – một số lần xuất hiện sau cũng được ghi ở phần chú thích với lời chua « xem ct... ».

7. Phần lớn các điển cố thông dụng trong văn nôm đều tập trung ở truyện *Kiểu*. Xét về mặt tài liệu tra cứu hiện nay còn bị hạn chế, cho nên số điển cố này chúng tôi thấy cần được ghi chú tương đối đầy đủ các nguồn xuất xứ cần thiết của chúng. Bạn đọc có thể nhờ vào *Ngữ vựng* mà tra cứu ở đây để hiểu các điển cố này trong văn nôm ở các khía cạnh sử dụng khác nhau. Vì vậy số lớn các điển cố thông dụng, chúng tôi hạn chế việc rút gọn (mặc dù có một số điển chú dài) như các nhà chú thích trước thường làm.

8. Những từ, ngữ Hán, Việt thông thường, chúng tôi cũng cố gắng chú thích là có ý giúp đông đảo bạn đọc tìm hiểu ngay được văn nghĩa trong điều kiện chưa có đủ từ điển tra cứu hiện nay.

9. Ngoài lời chú thích ra, còn có dẫn thêm một số lời phê của các cụ Vũ Trinh và Nguyễn Lượng là hai danh nho đương thời để bạn đọc phần nào thấy được khiếu thẩm mỹ thường thức truyện *Kiểu* của người xưa.

10. Những sự kiện có ý nghĩa trong truyện *Kiểu* như Đạm Tiên báo mộng ; các lần nhớ nhung, đi nương cửa Phật, các lần đánh đòn... của Thúy Kiều đều có chú để bạn đọc dễ theo dõi.

*

Truyện *Kiều* là một kiệt tác trong kho tàng văn học chữ nôm của chúng ta. Hoàng giáp khoa Mậu tuất năm Thành-thái thứ 10 (1898) Đào Nguyên Phổ đã đánh giá truyện *Kiều* là một « khúc Nam âm tuyệt xướng »¹¹⁹. Trước đó, khi viết *Kim Vân Kiều án*¹²⁰, cụ nghè Nguyễn Văn Thắng đã nói rõ hơn, đã khen văn chương truyện *Kiều* là « lời lời liền nối, trình tự tinh thông, dẫu Bằng quận công và Linh long hầu ngày xưa cũng khó lòng giữ riêng được cái hay ho tốt đẹp mà không san nhường ».¹²¹

Tiếp theo về sau trong hơn một trăm năm mươi năm nay, các nhà nghiên cứu truyện *Kiều* đều có thái độ khẳng định đó về mặt nghệ thuật.

Khảo đính và chú thích một tác phẩm lớn như vậy, rõ ràng là một việc khó, đòi hỏi chúng ta phải nhận thức được hết cái khó của công việc và nhất là đòi hỏi chúng ta phải nâng ta lên cho gần Nguyễn Du hơn để hiểu Nguyễn Du, để hiểu truyện *Kiều*.

Nguyễn Du với chúng ta đã khá xa nhau trong thời gian. Từ đó mà khá xa nhau về nhiều mặt. Truyện *Kiều* với chúng ta ngày nay cũng ở trong một trường hợp tương tự. Văn bản truyện *Kiều* có thể nói, qua mỗi lần khắc in, là một lần có sửa chữa đôi chút, và qua mỗi thế hệ chú thích là qua một lần được hiểu lại có chỗ khác xưa... Và, mãi cho đến nay chưa có một bản *Kiều* nào được nghiên cứu hiệu đính và chú thích có phương pháp tốt làm cơ sở hướng dẫn cho việc học tập, nghiên cứu tìm hiểu truyện *Kiều* và Nguyễn Du.

Tập truyện *Kiểu* khảo đính và chú thích lần này được biên soạn với dụng ý là để góp phần đáp ứng lại nhu cầu đó của xã hội hiện nay. Song, đáp ứng được đến đâu – điều đó còn tùy thuộc vào năng lực chủ quan của chúng tôi và chắc không tránh khỏi hạn chế trên nhiều mặt. Có điều, chúng tôi đã cố gắng hết sức mình để làm cho tốt bằng cách tuân thủ nghiêm ngặt những mục tiêu, những nguyên tắc cùng những thể lệ đã đề ra trên đây trong suốt cả quá trình hiệu đính và chú thích văn bản.

D. LƯU Ý BẠN ĐỌC

Trong tập truyện *Kiểu* in đợt đầu, năm 1972, các phần thứ nhất, thứ hai, thứ ba đều được « vỗ phông » nên lần này chúng tôi không tiện sửa chữa những chỗ sai sót trong lần in trước. Vì vậy, mới có những đính chính và bổ sung sau đây, xin bạn đọc vui lòng thể tăt cho.

* Tr.93 (dòng 9) : tr.55 -> tr.95

* Các chỗ **khảo dí** ở cuối trang trong phần thứ ba, xin bạn đọc :

1. Lược bỏ bốn câu :

- 392 (tr.184)
- 1214 (tr.229)
- 1245 (tr.231)
- 2794 (tr.314)

2. Bổ sung 26 câu khảo dí sau đây :

- 112 (tr.169) Một **điều** là một... (Qvđ)

- 176 (tr.172) Giọt sương **treo** nặng... (KOM, Qvđ)
- 213 (tr.174) Gió đâu **khua** bức... (KOM)
- 392 (tr.184) Rẽ mây trông **rõ**... (KOM)
- 447 (tr.187) ...một **trương** (BK)
- 498 (tr.190) Đầu mày **đuôi** mắt... (KOM)
- 550 (tr.193) ...sâu chia **bôi** (Qvđ)
- 832 (tr.208) ...của **đời** cũng tham (KOM)
- 941 (tr.214) **Mở** hàng... (KOM)
- 1028 (tr.219) ...lòng lại **đổi** lòng... (KOM)
- 1284 (tr.233) **Chiều** xuân... (KOM)
- 1617 (tr.251) Làm cho cho **dại**... (KOM)
- 1662 (tr.253) trong **than**... (KOM), **trông than** (Qvđ)
- 1685 (tr.254) trên tam **bảo**... (Qvđ)
- 1827 (tr.263) ...**ngỏ** ra lời (KOM)
- 1963 (tr.271) **Chút** vì... (Qvđ)
- 2061 (tr.276) ...vừa **đã** vẽ xuân (Qvđ)
- 2305 (tr.289) Mụ **Hoạn thư**... (Qvđ)
- 2308 (tr.289) Lòng lòng **cùng** giận... (KOM)
- 2402 (tr.294) ...hạc nội **chim** ngàn... (Qvđ)
- 2474 (tr.297) **Cửa** nhiều... (KOM)
- 2565 (tr.302) **Quân trung**... (KOM)
- 2761 (tr.313) Đều **nay**... (Qvđ)
- 3181 (tr.335) ...**lặn** đục khơi trong (Qvđ)
- 3228 (tr.338) Khiến người thân **thích**... (Qvđ)
- 3236 (tr.338) **Thiên niêñ**... (Qvđ)

PHẦN THỨ BA : TRUYỆN KIỀU – KHẢO ĐÍNH VÀ CHÚ THÍCH TRUYỆN KIỀU

I.

1. Trăm năm trong cõi người ta,¹²²

Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau.¹²³

Trải qua một cuộc bể dâu,¹²⁴

Những điều trông thấy mà đau đớn lòng.¹²⁵

5. Lạ gì bỉ sắc tư phong,¹²⁶

Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen.¹²⁷

Cǎo thơm lần giở trước đèn,¹²⁸

Phong tình cổ lục còn truyền sử xanh.¹²⁹

Răng : Năm Gia-tĩnh triều Minh,¹³⁰

10. Bốn phương phẳng lặng hai kinh vũng vàng.¹³¹

Có nhà viên ngoại họ Vương,¹³²

Gia tư nghỉ cũng thường thường bậc trung.¹³³

Một trai con thứ rốt lòng,

Vương Quan là chữ nối dòng nho gia.¹³⁴

15. Đầu lòng hai á tő nga,¹³⁵

Thúy Kiều là chị em là Thúy Vân.

Mai cốt cách tuyết tinh thần,¹³⁶

Một người một vẻ mười phân vẹn mười.

Vân xem trang trọng khác vời,¹³⁷

20. Khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang.¹³⁸

Hoa cười ngọc thốt đoan trang,¹³⁹

Mây thua nước tóc tuyết nhường màu da.¹⁴⁰

Kiều càng sắc sảo mặn mà,

So bẽ tài sắc lại là phần hơn.

- 25.** Làn thu thủy nét xuân sơ,¹⁴¹
Hoa ghen thua thăm liễu hờn kém xanh.
Một hai nghiêng nước nghiêng thành,¹⁴²
Sắc đành đòi một tài đành họa hai.¹⁴³
Thông minh vốn sẵn tính trời,¹⁴⁴
30. Pha nghẽ thi họa đủ mùi ca ngâm.
Cung thương, làu bậc ngũ âm,¹⁴⁵
Nghẽ riêng ăn đứt hồ cầm một trương.¹⁴⁶
Khúc nhà tay lựa nê xoang,¹⁴⁷
Một thiên *Bạc mệnh* lại càng não nhân.¹⁴⁸
35. Phong lưu rất mực hồng quần,¹⁴⁹
Xuân xanh xấp xỉ tới tuần cập kê.¹⁵⁰
Êm đềm trường rủ màn che,¹⁵¹
Tường đông ong bướm đi về mặc ai.¹⁵²

II.

- Ngày xuân con én đưa thoi,¹⁵³
40. Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi.¹⁵⁴
Cỏ non xanh tận chân trời,
Cành lê trăng điểm một vài bông hoa.
Thanh minh trong tiết tháng ba,¹⁵⁵
Lễ là tảo mộ hội là đẹp thanh.¹⁵⁶
45. Gần xa nô nức yến anh,¹⁵⁷
Chị em sắm sửa bộ hành chơi xuân.
Đập dùi tài tử giai nhân,¹⁵⁸
Ngựa xe như nước áo quần như nêm.¹⁵⁹
Ngỗn ngang gò đống kéo lên,¹⁶⁰
50. Thoi vàng vỏ rắc tro tiền giấy bay.¹⁶¹

Tà tà bóng ngả về tây,
Chị em thơ thẩn dan tay ra về. ¹⁶²

Bước dần theo ngọn tiểu khê, ¹⁶³
Lần xem phong cảnh có bề thanh thanh.

55. Nao nao dòng nước uốn quanh, ¹⁶⁴
Nhịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang.
Sè sè nấm đất bên đường, ¹⁶⁵
Dầu dầu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh. ¹⁶⁶

Răng : « Sao trong tiết Thanh minh,

60. « Mà đây hương khói vắng tanh thế mà ? »
Vương Quan mới dẫn gần xa : ¹⁶⁷
« Đạm Tiên nàng ấy xưa là ca nhi. ¹⁶⁸
« Nỗi danh tài sắc một thì,
« Xôn xao ngoài cửa hiếm gì yến anh. ¹⁶⁹

65. « Kiếp hồng nhan có mong manh, ¹⁷⁰
« Nửa chừng xuân thoát gãy cành thiên hương. ¹⁷¹
« Có người khách ở viễn phương.
« Xa nghe cũng nức tiếng nàng tìm chơi.
« Thuyền tình vừa ghé tới nơi, ¹⁷²

70. « Thị đà trâm gãy bình rơi bao giờ ! ¹⁷³
« Buồng không lặng ngắt như tờ, ¹⁷⁴
« Dẫu xe ngựa đã rêu lờ mờ xanh, ¹⁷⁵
« Khóc than khôn xiết sự tình,
« Khéo vô duyên bấy là mình với ta !

75. « Đã không duyên trước chặng mà, ¹⁷⁶
« Thị chi chút ước gọi là duyên sau. ¹⁷⁷
« Sắm sanh nếp tử xe châu, ¹⁷⁸
« Bụi hồng một nấm mặc dầu cỏ hoa. ¹⁷⁹

« Trái bao thỏ lặn ác tà, ¹⁸⁰

80. « Ấy mồ vô chủ ai mà viếng thăm ! »

Lòng đâu sẵn mối thương tâm, ¹⁸¹

Thoắt nghe Kiều đã đầm đầm châu sa : ¹⁸²

« Đau đớn thay phận đàn bà !

« Lời rắng bạc mệnh cũng là lời chung. ¹⁸³

85. « Phũ phàng chi bấy hóa công ! ¹⁸⁴

« Ngày xanh mòn mỏi má hồng phôi pha. ¹⁸⁵

« Sống làm vợ khắp người ta, ¹⁸⁶

« Khéo thay thác xuống làm ma không chồng ! ¹⁸⁷

« Nào người phượng chạ loan chung, ¹⁸⁸

90. « Nào người tiếc lục tham hồng là ai ? ¹⁸⁹

« Đã không kẻ đoái người hoài, ¹⁹⁰

« Sẵn đây ta kiêm một vài nén hương. ¹⁹¹

« Gọi là gấp gỡ giữa đường,

« Họa là người dưới suối vàng biết cho ». ¹⁹²

95. Lầm dầm khấn vái nhỏ to, ¹⁹³

Sụp ngồi đặt cỏ trước mồ bước ra. ¹⁹⁴

Một vùng cỏ áy bóng tà, ¹⁹⁵

Gió hiu hiu thoổi một và bông lau. ¹⁹⁶

Rút trâm sẵn giặt mái đầu, ¹⁹⁷

100. Vạch da cây vịnh bốn câu ba vần. ¹⁹⁸

Lại càng mê mẩn tâm thần,

Lại càng đứng lặng lẽ ngắn chẳng ra. ¹⁹⁹

Lại càng ủ dột nét hoa, ²⁰⁰

Sầu tuôn đứt nối châu sa vẫn dài. ²⁰¹

105. Vân rắng : « Chị cũng nực cười,

« Khéo dư nước mắt khóc người đời xưa ! » ²⁰²

Rắng : « Hồng nhan tự nghìn xưa, ²⁰³

« Cái điếu bạc mệnh có chừa ai đâu,

« Nỗi niềm tưởng đến mà đau,

110. « Thấy người năm đó biết sau thế nào ? »

Quan rắng : « Chị nói hay sao,

« Một lời là một vận vào khó nghe ! ²⁰⁴

« Ở đây âm khí nặng nề, ²⁰⁵

« Bóng chiêu đã ngả dặm về còn xa ». ²⁰⁶

115. Kiều rắng : « Những đấng tài hoa,

« Thác là thể phách còn là tinh anh. ²⁰⁷

« Dễ hay tình lại gặp tình, ²⁰⁸

« Chờ xem ăn thấy hiển linh bấy giờ ! » ²⁰⁹

Một lời nói chưa kịp thưa,

120. Phút đâu trận gió cuốn cờ đến ngay. ²¹⁰

Ào ào đổ lộc rung cây, ²¹¹

Ở trong đường có hương bay ít nhiều.

Đè chừng ngọn gió lần theo, ²¹²

Dẫu giày từng bước in rêu rành rành. ²¹³

125. Mắt nhìn ai nấy đều kinh,

Nàng rắng : « Này thực tinh thành chẳng xa. ²¹⁴

« Hữu tình ta lại gặp ta, ²¹⁵

« Chớ nề u hiển mới là chị em ». ²¹⁶

Đã lòng hiển hiện cho xem,

130. Tạ lòng, nàng lại nỗi thêm vài lời.

Lòng thơ lai láng bồi hồi, ²¹⁷

Gốc cây lại vạch một bài cổ thi. ²¹⁸

Dùng dẵng nửa ở nửa về,

Nhạc vàng đâu đã tiếng nghe gần gân. ²¹⁹

135. Trông chừng thấy một văn nhân
Lỏng buông tay khẩu bước lẩn dặm băng.²²⁰

Đề huề lưng túi gió trăng,²²¹

Sau chân theo một vài thằng con con.

Tuyết in sắc ngựa câu giòn,²²²

140. Cỏ pha màu áo nhuộm non da trời.

Néo xa mới tỏ mặt người,

Khách đà xuống ngựa tới nơi tự tình.

Hài văn lẩn bước dặm xanh,²²³

Một vùng như thể cây quỳnh cành dao.²²⁴

145. Chàng Vương quen mặt ra chào,

Hai kiều e lệ nép vào dưới hoa.²²⁵

Nguyên người quanh quất đâu xa,

Họ Kim tên Trọng vốn nhà trâm anh.²²⁶

Nền phú hậu bậc tài danh,²²⁷

150. Văn chương nết đất thông minh tính trời.

Phong tư tài mạo tốt vời,²²⁸

Vào trong phong nhã ra ngoài hào hoa.²²⁹

Chung quanh vẫn đất nước nhà,

Với Vương Quan, trước vốn là đồng thân.²³⁰

155. Trộm nghe thơm nức hương lân,²³¹

Một nền Đồng-tước khóa xuân hai Kiều.²³²

Nước non cách mấy buồng thêu,²³³

Những là trộm dấu thăm yêu ch襍 mòng.²³⁴

May thay giải cấu tương phùng,²³⁵

160. Gặp tuần đỗ lá thỏa lòng tìm hoa.²³⁶

Bóng hồng nhác thấy nèo xa,²³⁷

Xuân lan thu cúc, mặn mà cả hai.²³⁸

Người quốc sắc kẻ thiên tài,²³⁹
Tình trong như đã mặt ngoài còn e.

165. Chập chờn cơn tỉnh cơn mê,
Rỗn ngồi chẳng tiện dứt về chẩn khôn.²⁴⁰

Bóng tà như giục cơn buồn,
Khách đà lên ngựa người còn ghé theo.²⁴¹
Dưới cầu nước chảy trong veo,²⁴²

170. Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha.²⁴³
Kiều từ trở gót trường hoa,

Mặt trời gác núi chiêng đà thu không.²⁴⁴

Gương nga chênh chêch dòm song,²⁴⁵
Vàng gieo ngắn nước cây lồng bóng sân.²⁴⁶

175. Hải đường là ngọn đông lân,²⁴⁷

Giọt sương gieo nặng cành xuân la đà.

Một mình lặng ngắm bóng nga,²⁴⁸

Rộn đường gần với nỗi xa bời bời :

« Người mà đến thế thì thôi,

180. « Đời phồn hoa cũng là đời bỏ đi !

« Người đâu gặp gỡ làm chi,

« Trăm năm biết có duyên gì hay không ? »²⁴⁹

Ngổn ngang trăm mối bên lòng,

Nên câu tuyệt diệu ngụ trong tính tình.²⁵⁰

185. Chênh chênh bóng nguyệt xế mành,²⁵¹

Tựa ngồi bên triện một mình thiu thiu.²⁵²

Thoắt đâu thấy một tiểu kiều,²⁵³

Có chiều phong vận có chiều thanh tân.²⁵⁴

Sương in mặt tuyêt pha thân,²⁵⁵

190. Sen vàng lăng đãng như gần như xa.²⁵⁶

Rước mừng đón hỏi dò la :

« Đào nguyên lạc lối đâu mà đến đây ? » ²⁵⁷

Thưa rằng : « Thanh khí xưa nay, ²⁵⁸

« Mới cùng nhau lúc ban ngày đã quên ? ²⁵⁹

195. « Hàn gia ở mé tây thiên, ²⁶⁰

« Dưới dòng nước chảy bên trên có cầu.

« Mấy lòng hạ cõi đến nhau, ²⁶¹

« Mấy lời hạ tứ ném châu gieo vàng. ²⁶²

« Vâng trình hội chủ xem tường, ²⁶³

200. « Mà sao trong sổ đoạn trường có tên. ²⁶⁴

« Âu đành quả kiếp nhân duyên, ²⁶⁵

« Cũng người một hội một thuyền đâu xa ! ²⁶⁶

« Nay mười bài mới, mới ra, ²⁶⁷

« Câu thần lại mượn bút hoa vẽ vời ». ²⁶⁸

205. Kiều vâng lĩnh ý để bài,

Tay tiên một vẩy đủ mười khúc ngâm. ²⁶⁹

Xem thơ nãc nở khen thăm :

« Giá đành tú khẩu cầm tâm khác thường ! ²⁷⁰

« Ví đem vào tập đoạn trường,

210. « Thì treo giải nhất chi nhường cho ai ! » ²⁷¹

Thêm hoa khách đã trở hài, ²⁷²

Nàng còn cầm lại một hai tự tình.

Gió đâu sitch bức màn mà mành,

Tỉnh ra mới biết rằng mình chiêm bao.

215. Trông theo nào thấy đâu nào,

Hương thừa dường hãy ra vào đâu đây. ²⁷³

Một mình lưỡng lự canh chầy,

Đường xa nghĩ nối sau này mà kinh !

Hoa trôi bèo dạt đã dành,

220. Biết duyên mình biết phận mình, thế thôi !

Nỗi riêng lớp lớp sóng dỗi,²⁷⁴

Nghĩ đòi cơn lại sụt sùi đòi cơn.²⁷⁵

Giọng Kiều rền rĩ trướng loan,²⁷⁶

Nhà huyên chyện tinh hỏi cơn cớ gì :²⁷⁷

225. « Cớ sao trắn trọc canh khuya,²⁷⁸

« Màu hoa lê hãy dầm dễ giọt mưa ? »²⁷⁹

Thưa rằng : « Chút phận ngây thơ,

« Dưỡng sinh đôi nợ tóc tơ chưa đèn.²⁸⁰

« Buổi ngày chơi mả Đạm Tiên,

230. « Nhắp đi thoắt thấy ứng liền chiêm bao.

« Đoạn trường là số thể nào,

« Bài ra thế ấy vịnh vào thế kia,²⁸¹

« Cứ trong mộng triệu mà suy,²⁸²

« Thân con thôi có ra gì mai sau !²⁸³

235. « Bỗng không mua nǎo chuốc sầu, nghĩ nao ! »²⁸⁴

Dạy rằng : « Mộng huyền chắc đâu »,²⁸⁵

Vâng lời khuyên giải thấp cao,

Chưa xong điều nghĩ đã dào mạch Tương,²⁸⁶

Ngoài song thỏ thẻ oanh vàng,

240. Nách tường bông liễu bay ngang trước mành.²⁸⁷

Hiên tà gác bóng chênh chênh,²⁸⁸

Nỗi riêng, riêng chạnh tắc riêng một mình.²⁸⁹

Cho hay là giống hữu tình,²⁹⁰

Đỗ ai gỡ mối tơ mành cho xong !

245. Chàng Kim từ lại thư song,²⁹¹

Nỗi nàng canh cánh bên lòng biếng khuây.²⁹²

Sầu đong càng lắc càng đầy, ²⁹³

Ba thu dồn lại một ngày dài ghê ! ²⁹⁴

Mây Tân khóa kín song the, ²⁹⁵

250. Bụi hồng liệu nẻo đi về chiêm bao. ²⁹⁶

Tuần trăng khuyết đĩa dầu hao, ²⁹⁷

Mặt mơ tưởng mặt lòng ngao ngán lòng. ²⁹⁸

Buồng văn hơi giá như đồng, ²⁹⁹

Trúc se ngọn thỏ tơ chùng phím loan. ³⁰⁰

255. Mành Tương phất phất gió đàn, ³⁰¹

Hương gây mùi nhớ trà khan giọng tình.

Ví chặng duyên nợ ba sinh, ³⁰²

Làm chi đem thói khuynh thành trêu ngươi. ³⁰³

Bâng khuâng nhớ cảnh nhớ người,

260. Nhớ nơi kỳ ngộ vội dời chân di. ³⁰⁴

Một vùng cỏ mọc xanh rì, ³⁰⁵

Nước ngâm trong vắt thấy gì nữa đâu.

Gió chiều như giục cơn sầu, ³⁰⁶

Vi lô hiu hắt như màu khơi trêu. ³⁰⁷

265. Nghề riêng nhớ ít tưởng nhiều, ³⁰⁸

Xăm xăm đè nẻo Lam-kiều lẩn sang. ³⁰⁹

Thâm nghiêm kín cổng cao tường,

Cạn dòng lá thắm dứt đường chim xanh. ³¹⁰

Lơ thơ tơ liễu buông mành,

270. Con oanh học nói trên cành mỉa mai.

Mấy lần cửa đóng then cài,

Dãy thềm hoa rụng biết người ở đâu ? ³¹¹

Tân ngắn đứng suốt giờ lâu,

Dạo quanh chợt thấy mái sau có nhà.

275. Là nhà Ngô Việt thương gia,³¹²
Buồng không để đó người xa chưa về.

Lấy điêu du học hỏi thuê,³¹³
Túi đàm cặp sách, đề huề dọn sang.³¹⁴
Có cây có đá sẵn sàng,³¹⁵

280. Có hiên Lãm-thúy nét vàng chưa phai.³¹⁶

Mừng thăm chốn ấy chữ bài,
Ba sinh âu hắn duyên trời chi đây !
Song hồ nửa khép cánh mây,³¹⁷

Tường đông ghé mắt ngày ngày hằng trông.³¹⁸

285. Tắc gang động khóa nguồn phong,³¹⁹

Tuyệt mù nào thấy bóng hồng vào ra.³²⁰

Nhẫn từ quán khách lân la,³²¹
Tuần trăng thăm thoát nay đà thèm hai.³²²

Cách tường phải buổi êm trời,

290. Dưới đào dường có bóng người thướt tha.

Buồng cầm xóc áo vội ra,
Hương còn thơm nức người đà vắng tanh.

Lẵn theo tường gấm dạo quanh,³²³
Trên đào, nhác thấy một cành kim thoa.³²⁴

295. Giơ tay với lấy về nhà :

« Này trong khuê các đâu mà đến đây ?³²⁶

« Gấm âu người ấy báu này,
« Chẳng duyên chưa dễ vào tay ai cầm ! »

Liền tay ngắm nghĩa biếng nằm,

300. Hãy còn thoang thoảng hương trầm chưa phai.

Tan sương đã thấy bóng người,
Quanh tường ra ý tìm tội ngắn ngơ.

Sinh đà có ý đợi chờ,

Cách tường lên tiếng xa đưa ướm lòng :

305. « Thoa này bắt được hư không, ³²⁷

« Biết đâu Hợp-phố mà mong chầu về ? » ³²⁸

Tiếng Kiều nghe lọt bên kia :

« Ôn lòng quân tử sá gì của rơi.

« Chiếc thoa nào của mây mươi,

310. « Mà lòng trọng nghĩa khinh tài xiết bao ! »

Sinh rằng : « Lân lý ra vào, ³²⁹

« Gần đây nào phải người nào xa xôi,

« Được rày nhờ chút thơm rơi,

« Kẻ đà thiểu não lòng người bấy nay ! ³³⁰

315. « Bấy lâu mới được một ngày,

« Dừng chân gạn chút niềm tây gọi là ». ³³¹

Vội vã thêm lẩy của nhà,

Xuyến vàng đôi chiếc khăn là một vuông.

Bậc mây rón bước ngọn tường, ³³²

320. Phải người hôm nọ rõ ràng chẳng nhe ?

Sượng sùng giữ ý rụt rè,

Kẻ nhìn rõ mặt người e cúi đầu. ³³³

Rằng : « Từ ngẫu nhĩ gặp nhau, ³³⁴

« Thầm trông trộm nhớ bấy lâu đã chồn. ³³⁵

325. « Xương mai tính đã rũ mòn, ³³⁶

« Lần lừa ai biết hãy còn hôm nay !

« Tháng tròn như gởi cung mây, ³³⁷

« Trần trán một phận ấp cây đã liều ! ³³⁸

« Tiện đây xin một hai điều,

330. « Đài gương soi đến dẫu bèo cho chăng ? » ³³⁹

Ngần ngừ, nàng mới thưa rắng : ³⁴⁰

« Thói nhà băng tuyết chất hằng phỉ phong, ³⁴¹

 « Dù khi lá thăm chỉ hồng, ³⁴²

 « Nên chăng thì cũng tại lòng mẹ cha.

335. « Nặng lòng xót liễu vì hoa, ³⁴³

 « Trẻ thơ đã biết đâu mà dám thưa ! »

 Sinh rắng : Rày gió mai mưa,

 « Ngày xuân đã dễ tình cờ mẩy khi !

 « Dù chăng xét tấm tình si, ³⁴⁴

340. « Thiệt đây mà có ích gì đến ai ?

 « Chút chi gắn bó một hai, ³⁴⁵

 « Cho đành rồi sẽ liệu bài mỗi manh.

 « Khuôn thiêng dù phụ tắc thành, ³⁴⁶

 « Cũng liễu bỏ quá xuân xanh một đời.

345. « Lượng xuân dù quyết hép hòi, ³⁴⁷

 « Công đeo đuổi chăng thiệt thời lắm ru ! »

 Lặng nghe lời nói như ru,

Chiều xuân dễ khiến nét thu ngại ngùng. ³⁴⁸

Rắng : « Trong buổi mới lạ lùng,

350. « Nể lòng có lẽ cảm lòng cho đang !

 « Đã lòng quân tử đa mang, ³⁴⁹

 « Một lời vâng tac đá vàng thủy chung ». ³⁵⁰

 Được lời như cởi tấm lòng,

Giở kim hoàn với khăn hồng trao tay. ³⁵¹

355. Rắng : « Trăm năm cũng từ đây,

 « Của tin gọi một chút này làm ghi ». ³⁵²

 Sẵn tay khăn gấm quạt quỳ

 Với cành thoa ấy, tức thì đổi trao. ³⁵³

Một lời vừa gắn tất giao,³⁵⁴

360. Mái sau đường có xôn xao tiếng người.

Vội vàng lá rụng hoa rơi,

Chàng về viện sách nàng dời lầu trang.³⁵⁵

Từ phen đá biết tuổi vàng,³⁵⁶

Tình càng thăm thía dạ càng ngắn ngơ.³⁵⁷

365. Sông Tương một dải nồng sờ,³⁵⁸

Bên trông đầu nọ bên chờ cuối kia.

Một tường tuyết trở sương che.³⁵⁹

Tin xuân đâu dễ đi về cho nắng.³⁶⁰

Lần lần ngày gió đêm trăng,

370. Thưa hồng râm lục đã chừng xuân qua.³⁶¹

Ngày vừa sinh nhật ngoại gia,³⁶²

Trên hai đường dưới nữa là hai em.³⁶³

Tưng bừng sắm sửa áo xiêm,³⁶⁴

Biện dâng một lễ xa đem tắc thành.³⁶⁵

375. Nhà lan thanh vắng một mình,³⁶⁶

Ngẫm cơ hội ngộ đã đành hôm nay.

Thời trân thức thức săn bày,³⁶⁷

Gót sen thoăn thoắt dạo ngay mái tường.³⁶⁸

Cách hoa sẽ dắt tiếng vàng,³⁶⁹

380. Dưới hoa đã thấy có chàng đứng trông :³⁷⁰

« Trách lòng hờ hững với lòng,

« Lửa hương chốc để lạnh lùng bấy lâu.³⁷¹

« Những là đắp nhớ đổi sầu,

« Tuyết sương nhuộm lửa mái đầu hoa râm ».

385. Nàng rằng : « Gió bắt mưa cầm,³⁷²

« Đã cam tệ với tri âm bấy chầy.³⁷³

« Vắng nhà được buổi hôm nay,
« Lấy lòng gọi chút ra đây tạ lòng ! » ³⁷⁴
Lần theo núi giả đi vòng, ³⁷⁵

390. Cuối tường dường có nẻo thông mới rào.

Xắn tay mở khóa động đào, ³⁷⁶
Rẽ mây trông tò lỗi vào Thiên-thai. ³⁷⁷
Mặt nhìn mặt càng thêm tươi, ³⁷⁸
Bên lời vạn phúc bên lời hàn huyên. ³⁷⁹

395. Sánh vai vẽ chốn thư hiên,

Góp lời phong nguyệt nặng nguyền non sông. ³⁸¹
Trên yên bút giá thi đồng, ³⁸²

Đạm thanh một bức tranh tùng treo trên. ³⁸³
Phong sương được vẻ thiên nhiên, ³⁸⁴

400. Mặn khen nét bút càng nhìn càng tươi. ³⁸⁵

Sinh răng : « Phác họa vừa rồi, ³⁸⁶
« Phẩm đẽ xin một vài lời thêm hoa ». ³⁸⁷

Tay tiên gió táp mưa sa, ³⁸⁸
Khoảng trên dừng bút thảo và bốn câu.

405. Khen : « Tài nhả ngọc phun châu, ³⁸⁹

« Nàng Ban ả Tạ cũng đâu thế này ! ³⁹⁰

« Kiếp tu xưa ví chưa dày, ³⁹¹

« Phúc nào nhắc được giá này cho ngang ! » ³⁹²

Nàng răng : « Trộm liếc dung quang, ³⁹³

410. « Chẳng sân ngọc bội cũng phường kim môn. ³⁹⁴

« Nghĩ mình phận mỏng cánh chuồn,

« Khuôn xanh biết có vuông tròn mà hay ? ³⁹⁵

« Nhớ từ năm hãy thơ ngây,

« Có người tướng sĩ đoán ngay một lời : ³⁹⁶

- 415.** « Anh hoa phát tiết ra ngoài,
« Nghìn thu bạc mệnh một đời tài hoa.
 « Trông người lại ngắm đến ta,³⁹⁷
 « Một dày một mỏng biết là có nén ? »³⁹⁸
 Sinh rằng : « Giải cẩu là duyên,³⁹⁹
- 420.** « Xưa nay nhân định thắng thiên cũng nhiều.⁴⁰⁰
 « Ví dù giải kết đến điều,⁴⁰¹
 « Thì đem vàng đá mà liều với thân ! »⁴⁰²
 Đủ điều trung khúc ân cẫn,⁴⁰³
Lòng xuân phơi phới chén xuân tàng tàng.⁴⁰⁴
- 425.** Ngày vui ngắn chẳng tà gang,
Trông ra ác đã ngậm gương non đoài.⁴⁰⁵
 Vắng nhà chẳng tiện ngồi dai,
 Giã chàng, nàng mới kíp dời song sa.⁴⁰⁶
 Đến nhà vừa thấy tin nhà,
- 430.** Hai thân còn dở tiệc hoa chưa về.⁴⁰⁷
 Cửa ngoài vội rủ rèm the,
Xăm xăm băng lối vườn khuya một mình.⁴⁰⁸
 Nhặt thưa, gương giọi đầu cành,⁴⁰⁹
Ngọn đèn trông lọt trường huỳnh hắt hiu.⁴¹⁰
- 435.** Sinh vừa tựa án thiu thiu,⁴¹¹
Dở chiểu như tỉnh dở chiểu như mê.
 Tiếng sen sẽ động giấc hè,⁴¹²
 Bóng trăng đã xế hoa lê lại gần.⁴¹³
 Bâng khuâng đindh Giáp non Thần,⁴¹⁴
- 440.** Còn ngờ giấc mộng đêm xuân mơ màng.
Nàng rằng : « Khoảng vắng đêm trường,
« Vì hoa nén phải đánh đường tìm hoa.⁴¹⁵

« Bây giờ rõ mặt đôi ta,
« Biết đâu rồi nữa chăng là chiêm bao ? »

445. Vội mừng làm lễ rước vào,
Đài sen női sáp song đào thêm hương. ⁴¹⁶
Tiên thề, cùng thảo một chưƠng, ⁴¹⁷
Tóc mây một món, dao vàng chia đôi. ⁴¹⁸

Vầng trăng vắng vặc giữa trời,

450. Đinh ninh hai mặt một lời song song. ⁴¹⁹
Tóc tơ căn vặn tắc lòng,

Trăm năm tạc một chữ đồng đến xương. ⁴²⁰

Chén hà sánh giọng quỳnh tương, ⁴²¹
Dải là hương lộn bình gương bóng lồng. ⁴²²

455. Sinh răng : « Gió mát trăng trong,

« Bấy lâu nay một chút lòng chưa cam. ⁴²³
« Chày sương chưa nện cầu Lam, ⁴²⁴

« Sợ lẩn khân quá ra sàm sỡ chăng ? » ⁴²⁵

Nàng răng : « Hồng diệp xích thằng, ⁴²⁶

460. « Một lời cũng đã tiếng răng tương tri. ⁴²⁷

« Đừng điếu nguyệt nọ hoa kia, ⁴²⁸

« Ngoài ra ai lại tiếc gì với ai ».

Răng : « Nghe nổi tiếng cầm đài, ⁴²⁹

« Nước non luống những lắng tai Chung Kỳ ». ⁴³⁰

465. Thưa răng : « Tiện kỹ sá chi, ⁴³¹

« Đã lòng dạy đến dạy thì phải vâng ».

Hiên sau treo sẵn cầm trăng, ⁴³²

Vội vàng sinh đã tay nâng ngang mà. ⁴³³

Nàng răng : « Nghẽ mọn riêng tay, ⁴³⁴

470. « Làm chi cho bận lòng này lầm thân ! » ⁴³⁵

So dãn dây vũ dây văn,⁴³⁶
Bốn dây to nhỏ theo văn cung thương.
Khúc đâu Hán Sở chiến trường,⁴³⁷
Nghe ra tiếng sắt tiếng vàng chen nhau.
475. Khúc đâu Tư-mã Phượng cầu,⁴³⁸
Nghe ra như oán như sầu phải chăng !
Kê Khang này khúc Quảng lăng,⁴³⁹
Một rặng lưu thủy hai rặng hành vân.⁴⁴⁰
Quá quan này khúc Chiêu Quân,⁴⁴¹
480. Nửa phần luyện chúa nửa phần tư gia.
Trong như tiếng hạc bay qua,
Đục như tiếng suối mới sa nửa vời.⁴⁴²
Tiếng khoan như gió thoảng ngoài,
Tiếng mau sầm sập như trời đổ mưa.⁴⁴³
485. Ngọn đèn khi tỏ khi mờ,
Khiến người ngồi đó cũng ngơ ngẩn sầu.
Khi tựa gối khi cúi đầu,
Khi vò chín khúc khi cau đôi mày.⁴⁴⁴
Rắng : « Hay thì thật là hay,
490. « Nghe ra ngậm đắng nuốt cay thế nào !
« Lụa chi những bậc tiêu tao,⁴⁴⁵
« Dột lòng mình cũng nao nao lòng người ? »⁴⁴⁶
Rắng : « Quen mất nết đi rồi,
« Tẻ vui, thôi cũng tính trời biết sao !
495. « Lời vàng vâng lĩnh ý cao,⁴⁴⁷
« Họa dãn dãn bớt chút nào được không ».
Hoa hương càng tỏ thức hồng,⁴⁴⁸
Đầu mày cuối mắt càng nồng tấp yêu.

Sóng tình dường đã xiêu xiêu,

500. Xem trong âu yếm có chiểu lả loi. ⁴⁴⁹

Thưa rắng : « Đừng lẫy làm chơi,

« Dẽ cho thưa hết một lời đã nao ! ⁴⁵⁰

« Vẻ chi một đóa yêu đào, ⁴⁵¹

« Vườn hồng chi dám ngăn rào chim xanh. ⁴⁵²

505. « Đã cho vào bậc bõ kinh, ⁴⁵³

« Đạo tòng phu lẫy chữ *trinh* làm đầu. ⁴⁵⁴

« Ra tuồng trên Bộc trong dâu, ⁴⁵⁵

« Thị con người ấy ai cầu làm chi ! ⁴⁵⁶

« Phải điếu ăn xổi ở thì, ⁴⁵⁷

510. « Tiết trăm năm, nỡ bỏ đi một ngày ! ⁴⁵⁸

« Ngẫm duyên kỳ ngộ xưa nay,

« Lứa đôi ai lại đẹp tỳ Thôi Trương. ⁴⁵⁹

« Mây mưa đánh đổ đá vàng, ⁴⁶⁰

« Quá chiểu nên đã chán chường yễn anh. ⁴⁶¹

515. « Trong khi chắp cánh liền cành, ⁴⁶²

« Mà lòng rẻ rúng đã dành một bên. ⁴⁶³

« Mái tây để lạnh hương nguyễn, ⁴⁶⁴

« Cho duyên đắm thắm ra duyên bẽ bàng. ⁴⁶⁵

« Gieo thoi, trước chẳng giữ giàng, ⁴⁶⁶

520. « Để sau nêng thẹn cùng chàng bởi ai ?

« Vội chi liễu ép hoa nài,

« Còn thân ắt lại đền bồi có khi ! » ⁴⁶⁷

Thấy lời đoan chính dễ nghe,

Chàng càng thêm nể thêm vì mười phân.

525. Bóng tàu vừa lật vẻ ngân, ⁴⁶⁸

Tin đâu đã thấy cửa ngăn gọi vào. ⁴⁶⁹

Nàng thì vội trở buồng thêu,⁴⁷⁰
Sinh thì dạo gót sân đào bước ra.⁴⁷¹

Cửa sài vừa ngỏ then hoa,⁴⁷²

530. Gia đồng vào gởi thư nhà mới sang.⁴⁷³

Đem tin thúc phụ từ đường,⁴⁷⁴

Bơ vơ lữ thẩn tha hương đê huề.⁴⁷⁵

Liêu-dương cách trở sơn khê,

Xuân đường kíp gọi sinh về hộ tang.⁴⁷⁶

535. Mảng tin xiết nỗi kinh hoàng,⁴⁷⁷

Băng mình lén trước đài trang tự tình.⁴⁷⁸

Gót đầu mọi nỗi định ninh,⁴⁷⁹

Nỗi nhà tang tóc nỗi mình xa xôi :

« Sự đâu chưa kịp đôi hồi,

540. « Duyên đâu chưa kịp một lời trao tơ,⁴⁸⁰

« Trăng thề còn đó trơ trơ,

« Dám xa xôi mặt mà thưa thớt lòng.

« Ngoài nghìn dặm chốc ba đông,⁴⁸¹

« Mỗi sầu khi gỡ cho xong còn chầy !

545. « Gìn vàng giữ ngọc cho hay,

« Cho đành lòng kẻ chân mây cuối trời ».

Tai nghe ruột rối bời bời,

Ngập ngừng nàng mới giải lời trước sau :⁴⁸²

« Ông tơ ghét bỏ chi nhau,⁴⁸³

550. « Chưa vui sum họp đã sầu chia phôi !

« Cùng nhau trót đã nặng lời,

« Dẫu thay mái tóc dám dời lòng tơ !⁴⁸⁴

« Quản bao tháng đợi năm chờ,

« Nghĩ người ăn gió năm mưa xót thăm.

- 555.** « Đã nguyễn hai chữ đồng tâm, ⁴⁸⁵
« Trăm năm thề chằng ôm cầm thuyền ai. ⁴⁸⁶
 « Còn non còn nước còn dài
 « Còn về còn nhớ đến người hôm nay ! »
 Dùng dằng chưa nỡ rời tay,
- 560.** Vầng đông trông đã đứng ngay nóc nhà.
 Ngại ngùng một bước một xa,
 Một lời trân trọng châu sa mấy hàng.
 Buộc yên quảy gánh vội vàng,
 Mỗi sầu sẻ nửa bước đường chia hai.
- 565.** Buồn trông phong cảnh quê người,
Đầu cành quyên nhặt cuối trời nhạn thưa. ⁴⁸⁷
 Não người, cũ gió tuần mưa, ⁴⁸⁸
 Một ngày nặng gánh tương tư một ngày.

III.

- Nàng còn đứng tựa hiên tây, ⁴⁸⁹
570. Chín hồi vẫn vít như vây mỗi tơ. ⁴⁹⁰
 Trông chừng khói ngắt song thưa,
 Hoa trôi giạt thăm liễu xơ xác vàng. ⁴⁹¹
 Tần ngăn dạo gót lầu trang, ⁴⁹²
Một đoàn mừng thọ ngoại hương mới về, ⁴⁹³
575. Hàn huyên chưa kịp giã giề, ⁴⁹⁴
 Sai nha bỗng thấy bốn bề xôn xao : ⁴⁹⁵
 Người nách thước kẻ tay đao, ⁴⁹⁶
 Đầu trâu mặt ngựa ào ào như sôi.
 Già giang một lão một trai, ⁴⁹⁷
580. Một dây vô lại buộc hai thâm tình. ⁴⁹⁸
 Đầy nhà vang tiếng ruồi xanh,

Rụng rời khung dệt tan tành gói may. ⁴⁹⁹

Đồ tể nhuyễn của riêng tây, ⁵⁰⁰

Sạch sành sanh vét cho đầy túi tham. ⁵⁰¹

585. Điêu đâu bay buộc ai làm ? ⁵⁰²

Này ai đan giậm giật giàm bỗng dừng ? ⁵⁰³

Hỏi ra sau mới biết rằng :

Phải tên xưng xuất là thằng bán tơ. ⁵⁰⁴

Một nhà hoảng hốt ngẩn ngơ,

590. Tiếng oan dậy đất án ngờ lòa mây. ⁵⁰⁵

Hạ từ van lạy suốt ngày, ⁵⁰⁶

Điếc tai lân tuất phủ tay tối tàn. ⁵⁰⁷

Rường cao rút ngược dây oan, ⁵⁰⁸

Dẫu là đá cũng nát gan lọ người ! ⁵⁰⁹

595. Mắt trông đau đớn rụng rời,

Oan này còn một kêu trời, nhưng xa !

Một ngày lạ thói sai nha,

Làm cho khóc hại chẳng qua vì tiền.

Sao cho cốt nhục vẹn tuyễn, ⁵¹⁰

600. Trong khi ngộ biến lòng quyền, biết sao ? ⁵¹¹

Duyên hội ngộ đức cù lao, ⁵¹²

Bên tình bên hiếu bên nào nặng hơn ? ⁵¹³

Để lời thệ hải minh sơn, ⁵¹⁴

Làm con trước phải đền ơn sinh thành. ⁵¹⁵

605. Quyết tình nàng mới hạ tình : ⁵¹⁶

« Để cho để thiếp bán mình chuộc cha ! » ⁵¹⁷

Họ Chung có kẻ lại già, ⁵¹⁸

Cũng trong nha dịch lại là từ tâm. ⁵¹⁹

Thấy nàng hiếu trọng tình thâm, ⁵²⁰

610. Vì nàng, nghĩ cũng thương thăm xót vay. ⁵²¹

Tính bài lót đó luồn đây,
Có ba trăm lạng việc này mới xuôi.

Hãy về tạm phó giam ngoài,
Dặn nàng quy liệu trong đôi ba ngày. ⁵²²

615. Thương tình con trẻ thơ ngây, ⁵²³
Gặp cơn vạ gió tai bay bất kỳ ! ⁵²⁴

Đau lòng tử biệt sinh ly, ⁵²⁵
Thân còn chẳng tiếc, tiếc gì đến duyên !

Hạt mưa sá nghĩ phận hèn, ⁵²⁶
620. Liệu đem tǎc cỏ quyết đền ba xuân. ⁵²⁷

Sự lòng ngỏ với băng nhân, ⁵²⁸
Tin sương đồn đại xa gần xôn xao. ⁵²⁹

Gần miền có một mụ nào,
Đưa người viễn khách tìm vào vãn danh. ⁵³⁰

625. Hỏi tên, rằng : « Mã Giám sinh ». ⁵³¹
Hỏi quê, rằng : « Huyện Lâm-thanh cũng gần ». ⁵³²

Quá niên trạc ngoại tứ tuần, ⁵³³
Mày râu nhẵn nhụi áo quần bảnh bao.

Trước thầy sau tớ lao xao, ⁵³⁴
630. Nhà băng đưa mỗi rước vào lầu trang. ⁵³⁵

Ghế trên, ngồi tót sổ sàng, ⁵³⁶
Buồng trong mỗi đã giục nàng kíp ra.

Nỗi mình thêm tức nỗi nhà, ⁵³⁷
Thêm hoa một bước lệ hoa mẩy hàng ! ⁵³⁸

635. Ngại ngùng giợn gió e sương, ⁵³⁹
Nhìn hoa bóng hẹn trông gương mặt dày. ⁵⁴⁰

Mỗi càng vén tóc bắt tay,

Nét buồn như cúc điệu gầy như mai. ⁵⁴¹

Đắn đo cân sắc cân tài,

640. Ép cung cầm nguyệt thử bài quạt thơ. ⁵⁴²

Mặn nồng một vẻ một ưa,

Bằng lòng khách mới tùy cơ dặt dù. ⁵⁴³

Rắng : « Mua ngọc đến Lam-kiều, ⁵⁴⁴

« Sính nghi xin dạy bao nhiêu cho tường ? » ⁵⁴⁵

645. Mỗi rắng : « Giá đáng nghìn vàng, ⁵⁴⁶

« Dớp nhà nhờ lượng người thương dám nài ! » ⁵⁴⁷

Cò kè bớt một thêm hai, ⁵⁴⁸

Giờ lâu ngã giá vàng ngoài bốn trăm. ⁵⁴⁹

Một lời thuyên đã êm giãm, ⁵⁵⁰

650. Hãy đưa canh thiếp trước cầm làm ghi. ⁵⁵¹

Định ngày nạp thái vu quy, ⁵⁵²

Tiền lưng đã sẵn việc gì chẳng xong ! ⁵⁵³

Một lời cậy với Chung công,

Khất từ tạm lĩnh Vương ông về nhà. ⁵⁵⁴

655. Thương tình con trẻ cha già,

Nhin nàng ông những máu sa ruột dày : ⁵⁵⁵

« Nuôi con những ước về sau,

« Trao tơ phải lứa gieo cầu đáng nơi. ⁵⁵⁶

« Trời làm chi cực bãy trời !

660. « Này ai vu thác cho người hợp tan. ⁵⁵⁷

« Búa rìu bao quản thân tàn, ⁵⁵⁸

« Nỡ đày đọa trẻ càng oan khốc già ! ⁵⁵⁹

« Một lần sau trước cũng là, ⁵⁶⁰

« Thôi thì mặt khuất chẳng thà lòng đau ! » ⁵⁶¹

665. Theo lời càng chảy dòng châu, ⁵⁶²

Liễu mình, ông rắp gieo đầu tường vôi. ⁵⁶³

Vội vàng kẻ giữ người coi, ⁵⁶⁴

Nhỏ to, nàng lại tìm lời khuyên can :

« Vé chi một mảnh hồng nhan, ⁵⁶⁵

670. « Tóc tơ chưa chút đền ơn sinh thành.

« Dâng thư đã hẹn nàng Oanh, ⁵⁶⁶

« Lại thua ả Lý bán mình hay sao ? ⁵⁶⁷

« Cỗi xuân tuổi hạc càng cao, ⁵⁶⁸

« Một cây gánh vác biết bao nhiêu cành.

675. « Lượng trên dù chẳng dứt tình, ⁵⁶⁹

« Gió mưa âu hẩn tan tành nước non. ⁵⁷⁰

« Thà rằng liều một thân con, ⁵⁷¹

« Hoa dù rã cánh lá còn xanh cây.

« Phận sao đành vậy cũng vậy, ⁵⁷²

680. « Cầm như chẳng đỡ những ngày còn xanh. ⁵⁷³

« Cũng đừng tính quẩn lo quanh, ⁵⁷⁴

« Tan nhà là một thiệt mình là hai ».

Phải lời ông cũng êm tai,

Nhin nhau giọt ngắn giọt dài ngổn ngang.

685. Mái ngoài, họ Mã vừa sang,

Tờ hoa đã ký cân vàng mới trao. ⁵⁷⁵

Trăng già độc địa làm sao ? ⁵⁷⁶

Cầm dây chẳng lựa buộc vào tự nhiên. ⁵⁷⁷

Trong tay đã sẵn đồng tiền,

690. Dẫu lòng đổi trắng thay đen khó gì !

Họ Chung ra sức giúp vì,

Lễ tâm đã đặt tụng kỳ cũng xong. ⁵⁷⁸

Việc nhà đã tạm thong dong,

Tinh kỳ giục giã đã mong độ về. ⁵⁷⁹

695. Một mình nàng ngọn đèn khuya,

Áo dầm giọt lệ tóc se mái sầu : ⁵⁸⁰

« Phận dẫu, dẫu vậy cũng dẫu, ⁵⁸¹

« Xót lòng đeo đắng bấy lâu một lời ! ⁵⁸²

« Công trình kể biết mấy mươi,

700. « Vì ta khăng khít cho người dở dang. ⁵⁸³

« Thể hoa chưa ráo chén vàng, ⁵⁸⁴

« Lỗi thể thoi đã phụ phàng với hoa ! ⁵⁸⁵

« Trời Liêu non nước bao xa, ⁵⁸⁶

« Nghĩ đâu rẽ cửa chia nhà tự tôi !

705. « Biết bao duyên nợ thể bồi,

« Kiếp này thoi thể thì thoi còn gì ? ⁵⁸⁷

« Tái sinh chưa dứt hương thể, ⁵⁸⁸

« Làm thân trâu ngựa đèn nghỉ trúc mai. ⁵⁸⁹

« Nợ tình chưa trả cho ai,

710. « Khối tình mang xuống tuyển đài chưa tan ! » ⁵⁹⁰

Nỗi riêng, riêng những bàn hoàn, ⁵⁹¹

Dầu chong trắng đĩa lệ tràn thăm khăn. ⁵⁹²

Thúy Vân chợt tỉnh giấc xuân, ⁵⁹³

Dưới đèn ghé đến ân cần hỏi han : ⁵⁹⁴

715. « Cơ trời đâu bể đa đoan, ⁵⁹⁵

« Một nhà để chị riêng oan một mình,

« Cớ chi ngồi nhẫn tàn canh, ⁵⁹⁶

« Nỗi riêng còn mặc mối tình chi đây ? ⁵⁹⁷

Rằng : « Lòng đương thốn thức đầy, ⁵⁹⁸

720. « Tơ duyên còn vướng mỗi này chưa xong. ⁵⁹⁹

« Hở môi ra cũng thận thùng, ⁶⁰⁰

« Để lòng thì phụ tấm lòng với ai !

« Cậy em, em có chịu lời,

« Ngồi lên cho chị lạy rồi sẽ thưa.

725. « Giữa đường đứt gánh tương tư,

« Keo loan chắp mối tơ thửa mặc em. ⁶⁰¹

« Kể từ khi gặp chàng Kim,

« Khi ngày quạt ước, khi đêm chén thề. ⁶⁰²

« Sự đâu sóng gió bất kỳ,

730. « Hiểu tình khôn lẽ hai bề vẹn hai. ⁶⁰³

« Ngày xuân em hãy còn dài,

« Xót tình máu mủ thay lời nước non. ⁶⁰⁴

« Chị dù thịt nát xương mòn,

« Ngậm cười chín suối hãy còn thơm lây. ⁶⁰⁵

735. « Chiếc thoa với bức tờ mây,

« Duyên này thì giữ vật này của chung. ⁶⁰⁶

« Dù em nêu vợ nêu chồng,

« Xót người mệnh bạc ăn lòng chẳng quên.

« Mất người còn chút của tin,

740. « Phím đàn với mảnh hương nguyên ngày xưa. ⁶⁰⁸

« Mai sau, dù có bao giờ

« Đốt lò hương ấy so tơ phím này... ⁶⁰⁹

« Trông ra ngọn cỏ lá cây,

« Thấy hiu hiu gió thì hay chị về.

745. « Hồn còn mang nặng lời thề,

« Nát thân bồ liễu đền nghỉ trúc mai. ⁶¹⁰

« Dạ dài cách mặt khuất lời, ⁶¹¹

« Rảy xin chén nước cho người thác oan. ⁶¹²

« Bây giờ trâm gãy bình tan, ⁶¹³

750. « Kể làm sao xiết muôn vàn ái ân !

 « Trăm nghìn gởi lạy tình quân, ⁶¹⁴

 « Tơ duyên ngắn ngủi có ngắn ấy thôi. ⁶¹⁵

 « Phận sao phận bạc như vôi,

 « Đã dành nước chảy hoa trôi lỡ làng. ⁶¹⁶

755. « Ôi Kim lang ! hỡi Kim lang !

 « Thôi thôi ! thiếp đã phụ chàng từ đây ! »

 Cạn lời, hồn ngắt máu say, ⁶¹⁷

 Một hơi lặng ngắt đôi tay lạnh đồng.

 Xuân huyên chợt tỉnh giấc nồng, ⁶¹⁸

760. Một nhà tấp nập kẻ trong người ngoài. ⁶¹⁹

 Kẻ thang người thuốc bời bời,

 Mới dầu cơn vựng chưa phai giọt hồng. ⁶²⁰

 Hỏi : « Sao ra sự lạ lùng ? »

 Kiều càng nức nở nói không ra lời. ⁶²¹

765. Nỗi nàng, Vân mới rỉ tai :

 « Chiếc thoa này với tờ bời ở đây ! ⁶²²

 « Nay cha làm lỗi duyên mà, ⁶²³

 « Thôi thì nỗi ấy sau này đã em ! ⁶²⁴

 « Vì ai rụng cải rơi kim, ⁶²⁵

770. « Để con bèo nỗi mây chìm vì ai ? ⁶²⁶

 « Lời con dặn lại một hai, ⁶²⁷

 « Dẫu mòn bia đá dám sai tắc vàng ! » ⁶²⁸

 Lạy thôi, nàng mới rén chiềng : ⁶²⁹

 « Nhờ cha trả được nghĩa chàng cho xuôi.

775. « Sá chi thân phận tôi đòi, ⁶³⁰

 « Dẫu rằng xương trắng quê người quản đâu ! »

Xiết bao kẽ nỗi thảm sầu !

Khắc canh đã giục nam lâu mĩ hối. ⁶³¹

Kiệu hoa đâu đã đến ngoài,

780. Quản huyền đâu đã giục người sinh ly. ⁶³²

Đau lòng kẻ ở người đi,

Lệ rơi thảm đá tơ chia rũ tằm. ⁶³³

Trời hôm mây kéo tối rầm,

Dàu dàu ngọn cỏ đầm đầm cành sương. ⁶³⁴

785. Rước nàng về đến trú phường, ⁶³⁵

Bốn bề xuân khóa một nàng ở trong. ⁶³⁶

Ngập ngừng thận lục e hồng, ⁶³⁷

Nghĩ lòng lại xót xa lòng đòi phen : ⁶³⁸

« Phẩm tiên rơi đến tay hèn, ⁶³⁹

790. « Hoài công nắng giữ mưa gìn với ai !

« Biết thân đến bước lạc loài, ⁶⁴⁰

« Nhị đào thà bỉ cho người tình chung. ⁶⁴¹

« Vì ai ngăn đón gió đông, ⁶⁴²

« Thiệt lòng khi ở đau lòng khi đi.

795. « Trùng phùng dù họa có khi, ⁶⁴³

« Thân này thôi có ra gì mà mong. ⁶⁴⁴

« Đã sinh ra số long đong,

« Còn mang lấy kiếp má hồng được sao ? »

Trên yên săn có con dao, ⁶⁴⁵

800. Giấu cầm nàng đã gói vào chéo khăn. ⁶⁴⁶

Phòng khi nước đã đến chân, ⁶⁴⁷

Dao này thì liệu với thân sau này.

Đêm thu một khắc một chầy, ⁶⁴⁸

Bâng khuâng như tỉnh như say một mình.

805. Chẳng ngờ gã Mã Giám sinh,⁶⁴⁹
Vẫn là một đứa phong tình đã quen.⁶⁵⁰
 Quá chơi lại gấp hồi đen,
Quen mỗi lại kiêm ăn miền nguyệt hoa.⁶⁵¹
 Lầu xanh có mụ Tú Bà,⁶⁵²
810. Làng chơi đã trở về già hết duyên.
 Tình cờ chẳng hẹn mà nê,

Mặt cửa mướp đắng, đôi bên một phường. ⁶⁵³

Chung lưng mở một ngôi hàng, ⁶⁵⁴

Quanh năm buôn phẩn bán hương đã lề. ⁶⁵⁵

815. Dạo tìm khắp chợ thì quê, ⁶⁵⁶

Giả danh hầu hạ dạy nghề ăn chơi.

Rủi may âu cũng sự trời,

Đoạn trường lại chọn mặt người vô duyên ! ⁶⁵⁷

Xót nàng chút phận thuyền quyên, ⁶⁵⁸

820. Cành hoa đem bán vào thuyền lái buôn.

Mẹo lừa đã mắc vào khuôn,

Sinh nghi rẻ giá nghinh hôn sẵn ngày. ⁶⁵⁹

Mừng thăm : « Cờ đã đến tay ! ⁶⁶⁰

« Càng nhìn vẻ ngọc càng say khúc vàng. ⁶⁶¹

825. « Đã nên quốc sắc thiên hương, ⁶⁶²

« Một cười này hẵn nghìn vàng chẵng ngoa ! ⁶⁶³

« Về đây nước trước bẻ hoa,

« Vương tôn quý khách ắt là đua nhau. ⁶⁶⁴

« Hẵn ba trăm lặng kém đâu,

830. « Cũng đà vừa vốn còn sau thì lời. ⁶⁶⁵

« Miếng ngon kẽ đến tận nơi,

« Vốn nhà cũng tiếc của trời cũng tham.

« Đào tiên đã bén tay phàm,

« Thì vin cành quít cho cam sự đời ! ⁶⁶⁶

835. « Dưới trần mấy mặt làng chơi, ⁶⁶⁷

« Chơi hoa đã dễ mấy người biết hoa.

« Nước vỏ lưu máu mào gà, ⁶⁶⁸

« Mượn màu chiêu tập lại là còn nguyên. ⁶⁶⁹

« Mập mờ đánh lận con đen, ⁶⁷⁰

840. « Bao nhiêu cũng bấy nhiêu tiền, mất chi ?

 « Mụ già hoặc có điều gì,

 « Liều công mất một buổi quỳ mà thôi.

 « Vả đây đường sá xa xôi, ⁶⁷¹

 « Mà ta bất động nữa người sinh nghi ». ⁶⁷²

845. Tiếc thay một đóa trà mi,

 Con ong đã tò đường đi lối về ! ⁶⁷³

 Một cơn mưa gió nặng nề,

 Thương gì đến ngọc tiếc gì đến hương. ⁶⁷⁴

 Đêm xuân một giấc mơ màng, ⁶⁷⁵

850. Đuốc hoa để đó mặc nàng nằm trơ ! ⁶⁷⁶

 Giọt riêng tầm tã tuôn mưa, ⁶⁷⁷

 Phần cảm nỗi khách phần dơ nỗi mình : ⁶⁷⁸

 « Tuồng chi là giỗng hôi tanh,

 « Thân nghìn vàng để ô danh má hồng ! ⁶⁷⁹

855. « Thôi còn chi nữa mà mong ?

 « Đời người thôi thế là xong một đời ! »

 Giận duyên tủi phận bời bời,

 Cầm dao nàng đã toan bài quyên sinh. ⁶⁸⁰

 Nghĩ đi nghĩ lại một mình :

860. « Một mình thì chớ hai tình thì sao ? ⁶⁸¹

 « Sau dấu sinh sự thế nào,

 « Truy nguyên chẳng kéo lụy vào song thân.

 « Nỗi mình âu cũng giãn dần, ⁶⁸²

 « Kíp chầy thôi cũng một lần mà thôi ! » ⁶⁸³

865. Nhũng là đo đắn ngược xuôi,

 Tiếng gà nghe đã gáy sôi mái tường. ⁶⁸⁴

 Lầu mai vừa rúc còi sương, ⁶⁸⁵

Mã sinh giục giã vội vàng ra đi, ⁶⁸⁶

Đoạn trường thay lúc phân kỳ ! ⁶⁸⁷

870. Vó câu khấp khểnh bóng xe gập ghềnh. ⁶⁸⁸

Bề ngoài mười dặm trường đình, ⁶⁸⁹

Vương ông mở tiệc tiễn hành đưa theo. ⁶⁹⁰

Ngoài thì chủ khách dập dùi, ⁶⁹¹

Một nhà huyên với một Kiều ở trong. ⁶⁹²

875. Nhìn càng lã chã giọt hồng, ⁶⁹³

Rỉ tai, nàng mới giải lòng thấp cao : ⁶⁹⁴

« Hổ sinh ra phận thơ đào, ⁶⁹⁵

« Công cha nghĩa mẹ, kiếp nào trả xong !

« Lỡ làng nước đục bụi trong, ⁶⁹⁶

880. « Trăm năm để một tấm lòng từ đây.

« Xem gương trong bấy nhiêu ngày,

« Thân con chẳng kéo mắc tay bợm già.

« Khi về bỏ vắng trong nhà,

« Khi vào dùng dắt khi ra vội vàng. ⁶⁹⁷

885. « Khi ăn khi nói lỡ làng,

« Khi thầy khi tớ, xem thường xem khinh.

« Khác màu kẻ quý người thanh, ⁶⁹⁸

« Ngẫm ra cho kỹ như hình con buôn. ⁶⁹⁹

« Thôi con còn nói chi con ?

890. « Sống nhờ đất khách thác chôn quê người ! »

Vương bà nghe bấy nhiêu lời,

Tiếng oan đã muôn vạch trời kêu lên.

Vài tuần chưa cạn chén khuyên, ⁷⁰⁰

Mái ngoài, nghỉ đã giục liền ruồi xe. ⁷⁰¹

895. Xót con lòng nặng chè chè, ⁷⁰²

Trước yên, ông đã nắn nì thấp cao : ⁷⁰³

« Chút thân yếu liễu thơ đào, ⁷⁰⁴

« Dớp nhà đến nỗi dấn vào tôi ngươi. ⁷⁰⁵

« Từ đây góc bể bên trời,

900. « Nắng mưa thui thui quê người một thân,

« Nghìn tăm nhờ bóng tung quân, ⁷⁰⁶

« Tuyết sương che chở cho thân cát đắng ». ⁷⁰⁷

Cạn lời, khách mới thưa rằng :

« Buộc chân thôi cũng xích thằng nhiệm trao. ⁷⁰⁸

905. « Mai sau dầu đến thế nào,

« Kìa gương nhật nguyệt nọ dao quỷ thần ! » ⁷⁰⁹

Đùng đùng gió giục mây vẫn, ⁷¹⁰

Một xe trong cõi hồng trần như bay.

Trông vời gạt lệ chia tay, ⁷¹¹

910. Góc trời thăm thăm ngày ngày đăm đăm. ⁷¹²

Nàng thì dặm khách xa xăm, ⁷¹³

Bạc phau cầu giá đen rầm ngàn mây. ⁷¹⁴

Vi lô san sát hơi may, ⁷¹⁵

Một trời thu để riêng ai một người. ⁷¹⁶

915. Dặm khuya ngắt tạnh mù khơi,

Thấy trăng mà hẹn những lời non sông ! ⁷¹⁷

Rừng thu từng biếc xen hồng, ⁷¹⁸

Nghe chim như nhắc tấm lòng thần hôn ! ⁷¹⁹

Những là lạ nước lạ non,

920. Lâm-truy vừa một tháng tròn tới nơi. ⁷²⁰

Xe châu dừng bánh cửa ngoài, ⁷²¹

Rèm trong đã thấy một người bước ra.

Thoắt trông nhờn nhợt màu da, ⁷²²

Ăn gì cao lớn đẫy đà làm sao ?

925. Trước xe lơi lá han chào,⁷²³

Vâng lời, nàng mới bước vào tận nơi.

Bên thì mấy ả mày ngài,⁷²⁴

Bên thì ngồi bốn năm người làng chơi.

Giữa thì hương án hồn hoi,⁷²⁵

930. Trên treo một tượng trăng đôi lông mày.⁷²⁶

Lầu xanh quen lỗi xưa nay,

Nghề này thì lấy ông này tiên sư.

Hương hoa hôm sớm phụng thờ,⁷²⁷

Cô nào xấu vía có thưa mối hàng.⁷²⁸

935. Cởi xiêm trút áo sổ sàng,⁷²⁹

Trước thắn sẽ nguyện mảnh hương lầm dầm.⁷³⁰

Đổi hoa lót xuống chiếu nằm,

Bướm ong bay lại ầm ầm tú vi !⁷³¹

Kiều còn ngơ ngẩn biết gì,

940. Cứ lời lạy xuống mụ thì khấn ngay :

« Cửa hàng buôn bán cho may,

« Đêm đêm hàn thực ngày ngày nguyên tiêu.⁷³²

« Muôn nghìn người thấy cũng yêu,

« Xôn xao anh yến dập dùi trúc mai !⁷³³

945. « Tin nhạn vẫn lá thư bài,⁷³⁴

« Đưa người cửa trước rước người cửa sau ! »

Lạ tai nghe chưa biết đâu,

Xem tình ra cũng những màu dở dang.

Lễ xong hương hoả gia đường,⁷³⁵

950. Tú bà vắt nóc lên giường ngồi ngay.⁷³⁶

Dạy rằng : « Con lạy mẹ đây,

« Lạy rồi sang lạy cậu mà yê bén kia ». ⁷³⁷

Nàng rắng : « Phải bước lưu ly, ⁷³⁸

« Phận hèn vâng đã cam bồ tiểu tinh. ⁷³⁹

955. « Điều đâu lấy yến làm anh,

« Ngày thơ chẳng biết là danh phận gì ? ⁷⁴⁰

« Đủ điều nạp thái vu quy, ⁷⁴¹

« Đã khi chung chạ lại khi đứng ngồi.

« Giờ ra thay bậc đổi ngôi, ⁷⁴²

960. « Dám xin gởi lại một lời cho minh ».

Mụ nghe nàng nói hay tình,

Bây giờ mới nổi tam bành mụ lên : ⁷⁴³

« Nay này sự đã quả nhiên,

« Thôi đà cướp sống của min đi rồi ! ⁷⁴⁴

965. « Bảo rắng đi dạo lấy người, ⁷⁴⁵

« Đem về rước khách kiêm lời mà ăn.

« Tuồng vô nghĩa ở bất nhân, ⁷⁴⁶

« Buồn mình trước đã tần mẫn thử chơi.

« Màu hồ đã mất đi rồi,

970. « Thôi thôi vốn liêng đi đời nhà ma !

« Con kia đã bán cho ta,

« Nhập gia, phải cứ phép nhà tao đây ! ⁷⁴⁷

« Lão kia có giở bài bây, ⁷⁴⁸

« Chẳng văng vào mặt mà mà yê lại nghe ! ⁷⁴⁹

975. « Cớ sao chịu trót một bồ, ⁷⁵⁰

« Gái tơ mà đã ngứa nghẽ sớm sao !

« Phải làm cho biết phép tao ! »

Giật bì tiên rắp sấn vào ra tay. ⁷⁵¹

Nàng rắng : « Trời thảm đất dày !

980. « Thân này đã bỏ những ngày ra đi !

« Thôi thì thôi có tiếc gì ! » ⁷⁵²

Sẵn dao tay áo tức thì giở ra.

Sợ gan nát ngọc liễu hoa, ⁷⁵³

Mụ còn trông mặt nàng đà quá tay. ⁷⁵⁴

985. Thương ôi, tài sắc bậc này, ⁷⁵⁵

Một dao oan nghiệp dứt dây phong trần ! ⁷⁵⁶

Nỗi oan vỡ lở xa gần, ⁷⁵⁷

Trong nhà người chật một lần như nêm.

Nàng thì bắn bắt giấc tiên, ⁷⁵⁸

990. Mụ thì cầm cập mặt nhìn hồn bay.

Vực nàng vào chốn hiên tây,

Cắt người coi sóc rước thầy thuốc men. ⁷⁵⁹

Nào hay chưa hết trần duyên, ⁷⁶⁰

Trong mê dường đã đứng bên một nàng. ⁷⁶¹

995. Rỉ rangle : « Nhân quả dở dang, ⁷⁶²

« Đã toan trốn nợ đoạn trường được sao ?

« Sõ còn nặng nghiệp má đào, ⁷⁶³

« Người dù muốn quyết trời nào đã cho ! ⁷⁶⁴

« Hãy xin hết kiếp liễu bồ, ⁷⁶⁵

1000. « Sông Tiên-đường sẽ hẹn hò về sau ». ⁷⁶⁶

Thuốc thang suốt một ngày thâu,

Giấc mê nghe đã dàu dàu vừa tan. ⁷⁶⁷

Tú bà chực sẵn bên màn,

Lựa lời khuyên giải mơn man gõ dần : ⁷⁶⁸

1005. « Một người dễ có mấy thân,

« Hoa xuân đương nhụy ngày xuân còn dài. ⁷⁶⁹

« Cũng là lỡ một lầm hai,

« Đá vàng sao nỡ ép nài mưa mây. ⁷⁷⁰

« Lỡ chân trót đã vào đây,

1010. « Khoá buồng xuân để đợi ngày đào non. ⁷⁷¹

« Người còn thì của hãy còn,

« Tìm nơi xứng đáng là con cái nhà. ⁷⁷²

« Làm chi tội báo oan gia, ⁷⁷³

« Thiệt mình mà hại đến ta hay gì ? »

1015. Kẽ tai mấy nỗi nắn nì,

Nàng nghe dường cũng thị phi rạch ròi. ⁷⁷⁴

Vả trong thẳn mộng mấy lời, ⁷⁷⁵

Túc nhân âu cũng có trời ở trong. ⁷⁷⁶

Kiếp này nợ trả chưa xong,

1020. Làm chi thêm môt nợ chồng kiếp sau ! ⁷⁷⁷

Lặng nghe ngẫm nghĩ gót đầu, ⁷⁷⁸

Thưa rằng : « Ai có muốn đâu thế này,

« Được như lời thế là may,

« Hắn rằng mai có như rày cho chăng !

1025. « Sợ khi ong bướm đãi đằng, ⁷⁷⁹

« Đến điều sống đục sao bằng thác trong ! »

Mụ rằng : « Con hãy thong dong,

« Phải điều lòng lại dõi lòng mà chơi !

« Mai sau ở chăng như lời,

1030. « Trên đầu có bóng mặt trời rạng soi ». ⁷⁸⁰

Thấy lời quyết đoán hắn hoi,

Đành lòng, nàng cũng sẽ nguôi nguôi dần. ⁷⁸¹

Trước lầu Ngưng-bích khoá xuân, ⁷⁸²

Vé non xa tăm trăng gần ở chung. ⁷⁸³

1035. Bốn bề bát ngát xa trông, ⁷⁸⁴

Cát vàng cồn nọ bụi hồng dặm kia.

Bẽ bàng mây sớm đèn khuya,

Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng.

Tưởng người dưới nguyệt chén đồng, ⁷⁸⁵

1040. Tin sương luống những rày trông mai chờ. ⁷⁸⁶

Bên trời góc bể bơ vơ,

Tấm son gột rửa bao giờ cho phai. ⁷⁸⁷

Xót người tựa cửa hôm mai, ⁷⁸⁸

Quạt nồng ấp lạnh, những ai đó giờ ? ⁷⁸⁹

1045. Sân Lai cách mấy nắng mưa, ⁷⁹⁰

Có khi gốc tử đã vừa người ôm. ⁷⁹¹

Buồn trông cửa bể chiều hôm, ⁷⁹²

Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa.

Buồn trông ngọn nước mới sa,

1050. Hoa trôi man mác biết là về đâu ?

Buồn trông nội cỏ dầu dầu. ⁷⁹³

Chân mây mặt đất một màu xanh xanh,

Buồn trông gió cuốn mặt duensing, ⁷⁹⁴

Âm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi. ⁷⁹⁵

1055. Chung quanh những nước non người,

Đau lòng lưu lạc nên vài bốn câu. ⁷⁹⁶

Ngậm ngùi rủ bức rèm châu, ⁷⁹⁷

Cách tường nghe có tiếng đâu hoạ vẫn. ⁷⁹⁸

Một chàng vừa trạc thanh xuân,

1060. Hình dung chải chuốt áo khăn dịu dàng. ⁷⁹⁹

Nghĩ rằng cũng mạch thư hương, ⁸⁰⁰

Hỏi ra mới biết rằng chàng Sở Khanh.

Bóng nga thấp thoáng dưới màn,

Trông nàng, chàng cũng ra tình đeo đai : ⁸⁰²

1065. « Than ôi ! sắc nước hương trời, ⁸⁰³

« Tiếc cho đâu bỗng lạc loài đến đây ?

« Giá đành cho nguyệt trên mây, ⁸⁰⁴

« Hoa sao hoa khéo đoạ đầy bãy hoa ? ⁸⁰⁵

« Tức gan riêng giận trời già, ⁸⁰⁶

1070. « Lòng này ai tỏ cho ta, hỡi lòng ?

« Thuyền khuyên ví biết anh hùng,

« Ra tay tháo cùi sổ lồng như chơi ! »

Song thu đã khép cánh ngoài, ⁸⁰⁷

Tai còn đồng vọng mấy lời sét đánh. ⁸⁰⁸

1075. Nghĩ người thôi lại nghĩ mình,

Cảm lòng chua xót lạt tình bơ vơ. ⁸⁰⁹

Những là lần lửa nắng mưa,

Kiếp phong trần biết bao giờ là thôi ? ⁸¹⁰

Đánh liều nhắn một hai lời, ⁸¹¹

1080. Nhờ tay tẽ độ vớt người trầm luân. ⁸¹²

Mảnh tiên kẽ hết xa gần, ⁸¹³

Nỗi nhà báo đáp nỗi thân lạc loài. ⁸¹⁴

Tan sương vừa rạng ngày mai, ⁸¹⁵

Tiện hồng nàng mới nhắn lời gửi sang. ⁸¹⁶

1085. Trời tây lăng đặng bóng vàng,

Phục thư đã thấy tin chàng đến nơi.

Mở xem một bức tiên mai, ⁸¹⁷

Rành rành tích việt có hai chữ đề. ⁸¹⁸

Lấy trong ý tứ mà suy :

1090. « Ngày hai mươi mốt tuất thì, phải chăng ? »

Chim hôm thoi thót về rừng, ⁸¹⁹

Đoá trà mi đã ngâm gương nửa vành. ⁸²⁰

Tường đông lay động bóng cành,
Rẽ song đã thấy Sở Khanh lén vào. ⁸²¹

1095. Sượng sùng đánh dạn ra chào,
Lạy thôi nàng mới rỉ trao ân cần.

Răng : « Tôi bèo bọt chút thân,
« Lạc đàn mang lấy nợ nần yến anh. ⁸²²
« Dám nhờ cốt nhục tử sinh, ⁸²³

1100. « Còn nhiều kết cỏ ngâm vành vè sau ! » ⁸²⁴

Lặng nghe lầm nhầm gật đầu : ⁸²⁵
« Ta đây nào phải ai đâu mà răng ! ⁸²⁶
« Nàng đà biết đến ta chăng,

« Bể trầm luân, lấp cho bằng mới thôi ». ⁸²⁷

1105. Nàng răng : « Muôn sự ơn người,
« Thê nào xin quyết một bài cho xong ».

Răng : « Ta có ngựa truy phong, ⁸²⁸
« Có tên dưới trường võn dòng kiện nhi. ⁸²⁹

« Thùa cơ lén bước ra đi,

1110. « Ba mươi sáu chước, chước gì là hơn. ⁸³⁰

« Dù khi gió kép mưa đơn, ⁸³¹
« Có ta đây cũng chẳng cơn cớ gì ! » ⁸³²

Nghe lời, nàng đã sinh nghi,
Song đà quá đỗi quản gì được thân. ⁸³³

1115. Cũng liều nhầm mắt đưa chân,
Mà xem con tạo xoay vẫn đến đâu ! ⁸³⁴

Cùng nhau lén bước xuống lầu, ⁸³⁵

Song song ngựa trước ngựa sau một đoàn. ⁸³⁶

Đêm thu khắc lậu canh tàn, ⁸³⁷

1120. Gió cây trút lá trăng ngàn ngậm gương. ⁸³⁸

Lối mòn cỏ nhợt màu sương, ⁸³⁹

Lòng quê đi một bước đường một đau. ⁸⁴⁰

Tiếng gà xao xác gáy mau,

Tiếng người đâu đã mái sau dậy dàng. ⁸⁴¹

1125. Nàng càng thốn thức gan vàng, ⁸⁴²

Sở Khanh đã rẽ dây cương lối nào ! ⁸⁴³

Một mình khôn biết làm sao,

Dặm rừng bước thấp bước cao hãi hùng.

Hoá nhi thật có nỡ lòng, ⁸⁴⁴

1130. Làm chi giày tía vò hồng lăm nau ! ⁸⁴⁵

Một đoàn đổ đến trước sau,

Vuốt đâu xuống đất cánh đâu lên trời. ⁸⁴⁶

Tú bà tốc thằng đến nơi,

Hăm hăm áp điệu một hơi lại nhà. ⁸⁴⁷

1135. Hung hăng chẳng hỏi chẳng tra, ⁸⁴⁸

Đang tay vùi liễu dập hoa tươi bời.

Thịt da ai cũng là người,

Lòng nào hồng rụng thăm rời chẳng đau. ⁸⁴⁹

Hết lời thú phục khẩn cầu, ⁸⁵⁰

1140. Uốn lưng thịt đổ giập đầu máu sa. ⁸⁵¹

Răng : « Tôi chút phận đàn bà,

« Nước non lìa cửa lìa nhà đến đây.

« Bây giờ sống thác ở tay,

« Thân này đã đến thế này thì thôi !

1145. « Nhưng tôi có sá chi tôi,

« Phận tôi đành vậy vốn người để đâu ?

« Thân lươn bao quản lấm đầu,

« Chút lòng trinh bạch từ sau xin chừa ». ⁸⁵²

Được lời mụ mới tuỳ cơ,

1150. Bắt người bảo lĩnh làm tờ cung chiêu. ⁸⁵³

Bày vai có ả Mã Kiều, ⁸⁵⁴

Xót nàng ra mới đánh liều chịu đoan. ⁸⁵⁵

Mụ càng kể nhặt kể khoan,

Gạn gùng đến mực nồng nàn mới tha. ⁸⁵⁶

1155. Vực nàng vào nghỉ trong nhà,

Mã Kiều lại ngỏ ý ra dặn lời :

« Thôi đà mắc lận thì thôi ! ⁸⁵⁷

« Đi đâu chẳng biết con người Sở Khanh ?

« Bạc tình nổi tiếng lâu xanh, ⁸⁵⁸

1160. « Một tay chôn biết mấy cành phù dung.

« Đà đao lập sẵn chước dùng, ⁸⁵⁹

« Lạ gì một cốt một đồng xưa nay ! ⁸⁶⁰

« Có ba mươi lạng trao tay, ⁸⁶¹

« Không dung chi có chuyện này trò kia ! ⁸⁶²

1165. « Rồi ra trở mặt tức thì,

« Bớt lời, liệu chớ sân si thiệt đời ! » ⁸⁶³

Nàng rắng : « Thể thốt nặng lời,

« Có đâu mà lại ra người hiểm sâu ! »

Còn đương suy trước nghĩ sau,

1170. Mặt mo đã thấy ở đâu dẫn vào.

Sở Khanh lên tiếng rêu rao,

Rắng : « Nghe mới có con nào ở đây, ⁸⁶⁴

« Phao cho quyến gió rủ mây, ⁸⁶⁵

« Hãy xem có biết mặt này là ai ? »

1175. Nàng rắng : « Thôi thế thì thôi,

« Răng không thì cũng vâng lời răng không ! »

Sở Khanh quát mắng đúng đùng, ⁸⁶⁶

Bước vào vừa rắp thị hùng ra tay. ⁸⁶⁷

Nàng răng : « Trời nhé có hay !

1180. « Quyến anh rủ yến sự này tại ai ? ⁸⁶⁸

« Đem người đẩy xuống giếng thơi, ⁸⁶⁹

« Nói rồi, rồi lại ăn lời được ngay !

« Còn tiên *tích việt* ở tay, ⁸⁷⁰

« Rõ ràng mặt ấy mặt này chứ ai ? »

1185. Lời ngay đồng mặt trong ngoài,

Kẻ chê bắt nghĩa người cười vô lương ! ⁸⁷¹

Phụ tình án đã rõ ràng,

Dơ tuồng, nghỉ mới kiêm đường tháo lui. ⁸⁷²

Buồng riêng, riêng những sụt sùi,

1190. Nghĩ thân mà lại ngậm ngùi cho thân

« Tiếc thay trong giá trăng ngần, ⁸⁷³

« Đến phong trần cũng phong trần như ai !

« Tẻ vui cũng một kiếp người,

« Hồng nhan phải giống ở đời mãi ru !

1195. « Kiếp xưa đã vụng đường tu,

« Kiếp này chẳng kéo đèn bù mới xuôi !

« Dẫu sao bình đã vỡ rồi, ⁸⁷⁴

« Lấy thân mà trả nợ đời cho xong ! »

Vừa tuần nguyệt sáng gương trong, ⁸⁷⁵

1200. Tú bà ghé lại thong dong dặn dò :

« Nghề chơi cũng lắm công phu,

« Làng chơi ta phải biết cho đủ điều ». ⁸⁷⁶

Nàng răng : « Mưa gió dập dùi, ⁸⁷⁷

« Liều thân thì cũng phải liều thế thôi ! »

1205. Mụ rắng : « Ai cũng như ai,

« Người ta ai mất tiền hoài đến đây ? ⁸⁷⁸

« Ở trong còn lầm điều hay,

« Nỗi đêm khép mở nỗi ngày riêng chung.

« Nay con thuộc lấy làm lòng,

1210. « Vành ngoài bảy chữ vành trong tám nghề ⁸⁷⁹

« Chơi cho liễu chán hoa chê,

« Cho lăn lóc đá cho mê mẩn đời. ⁸⁸⁰

« Khi khoé hạnh khi nét ngài, ⁸⁸¹

« Khi ngâm ngợi nguyệt khi cười cợt hoa. ⁸⁸²

1215. « Đều là nghề nghiệp trong nhà,

« Đủ ngăn ấy nết mới là người soi ». ⁸⁸³

Gót đầu vâng dạy mấy lời, ⁸⁸⁴

Dường chau nét nguyệt đường phai vẻ hồng. ⁸⁸⁵

Những nghe nói đã thẹn thùng,

1220. Nước đời lầm nỗi lạ lùng khắt khe ! ⁸⁸⁶

Xót mình cửa các buồng khuê, ⁸⁸⁷

Vỡ lòng học lấy những nghề nghiệp hay !

Khéo là mặt dạn mà dày, ⁸⁸⁸

Kiếp người đã đến thế này thì thôi !

1225. Thương thay thân phận lạc loài,

Dẫu sao cũng ở tay người biết sao ?

Lầu xanh mới rủ trường đào, ⁸⁸⁹

Càng treo giá ngọc càng cao phẩm người.

Biết bao bướm lá ong lơi, ⁸⁹⁰

1230. Cuộc say đầy tháng trận cười suốt đêm. ⁸⁹¹

Dập dùi lá gió cành chim, ⁸⁹²

Sớm đưa Tống Ngọc tối tìm Trường Khanh. ⁸⁹³

Khi tỉnh rượu lúc tàn canh,
Giật mình, mình lại thương mình xót xa.

1235. Khi sao phong gấm rủ là,
Giờ sao tan tác như hoa giữa đường.
Mặt sao dày gió dạn sương, ⁸⁹⁴

Thân sao bướm chán ong chường bãy thân ?
Mặc người mưa Sở mây Tân, ⁸⁹⁵

1240. Những mình nào biết có xuân là gì. ⁸⁹⁶
Đòi phen gió tựa hoa kẽ,

Nửa rèm tuyêt ngậm bốn bề trăng thâu. ⁸⁹⁸
Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu,

Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ ?

1245. Đòi phen nét vẽ câu thơ, ⁸⁹⁹
Cung cầm trong nguyệt nước cờ dưới hoa.

Vui là vui gượng kéo là,

Ai tri âm đó mặn mà với ai ? ⁹⁰⁰

Thờ ơ gió trúc mưa mai, ⁹⁰¹

1250. Ngẩn ngơ trăm mối dùi mài một thân. ⁹⁰²

Ôm lòng đòi đoạn xa gần, ⁹⁰³

Chẳng vò mà rồi chẳng dần mà đau !

Nhớ ơn chín chữ cao sâu, ⁹⁰⁴

Một ngày một ngả bóng dâu tà tà. ⁹⁰⁵

1255. Dặm nghìn nước thăm non xa, ⁹⁰⁶

Nghĩ đâu thân phận con ra thế này !

Sân hòe đôi chút thơ ngây, ⁹⁰⁷

Trân cam ai kẻ đỡ thay việc mình ? ⁹⁰⁸

Nhớ lời nguyện ước ba sinh, ⁹⁰⁹

1260. Xa xôi ai có biết tình chăng ai ?

Khi về hỏi liễu Chương-đài,⁹¹⁰

Cành xuân đã bẻ cho người chuyên tay !

Tình sâu mong trả nghĩa dày,⁹¹¹

Hoa kia đã chắp cành này cho chưa ?⁹¹²

1265. Mỗi tình đòn đoạn vò tơ,⁹¹³

Giấc hương quan luồng lẵn mơ canh dài.⁹¹⁴

Song sa vò võ phương trời,

Nay hoàng hôn đã lại mai hôn hoàng.⁹¹⁵

Lẵn lẵn thỏ bạc ác vàng,⁹¹⁶

1270. Xót người trong hội đoạn trường đòn cơn.

Đã cho lấy chữ hồng nhan.⁹¹⁷

Làm cho cho hại cho tàn cho cân !

Đã dày vào kiếp phong trần,

Sao cho sỉ nhục một lần mới thôi !

1275. Khách du bỗng có một người,⁹¹⁸

Kỳ Tâm họ Thúc cũng nòi thư hương.⁹¹⁹

Vốn người huyện Tích châu Thường,⁹²⁰

Theo nghiêm đường mở ngôi hàng Lâm-truy,⁹²¹

Hoa khôi mộ tiếng Kiều nhi,⁹²²

1280. Thiếp hồng tìm đến hương khuê gởi vào.⁹²³

Trường tô giáp mặt hoa đào,⁹²⁴

Vẻ nào chăng mặn nét nào chăng ưa ?

Hải đường mơn mởn cành tơ,

Ngày xuân càng gió càng mưa càng nồng !

1285. Nguyệt hoa hoa nguyệt nao nùng,⁹²⁵

Đêm xuân ai dễ cảm lòng được chăng !

Lạ gì thanh khí lẽ hằng,⁹²⁶

Một dây một buộc ai giăng cho ra ?

Sớm đào tối mận lân la,⁹²⁷

1290. Trước còn trăng gió sau ra đá vàng.

Dịp đâu may mắn lạ dường,

Lại vừa gặp khoảng xuân đường lại quê.

Sinh càng một tỉnh mười mê,

Ngày xuân lăm lúc đi về với xuân.⁹²⁸

1295. Khi gió gác khi trăng sân,

Bầu tiên chuốc rượu câu thần nỗi thơ.⁹²⁹

Khi hương sớm khi trà trưa,⁹³⁰

Bàn vây điểm nước đường tơ họa đàn.⁹³¹

Miệt mài trong cuộc truy hoan,⁹³²

1300. Càng quen thuộc nết càng dan díu tình.

Lạ cho cái sóng khuynh thành,⁹³³

Làm cho đổ quán xiêu đình như chơi.

Thúc sinh quen nết bốc rời,⁹³⁴

Trăm nghìn đổ một trận cười như không !

1305. Mụ càng tô lục chuốt hồng,⁹³⁵

Máu tham hễ thấy hơi đồng thì mê.⁹³⁶

Dưới trăng quyên đã gọi hè,⁹³⁷

Đầu tường lửa lưu lập lòe đâm bông.⁹³⁸

Buồng the phải buổi thong dong,⁹³⁹

1310. Thang lan rủ bức trường hồng tắm hoa.⁹⁴⁰

Rõ màu trong ngọc trăng ngà,⁹⁴¹

Dày dày sẵn đúc một tòa thiên nhiên.

Sinh càng tỏ nét càng khen,⁹⁴²

Ngụ tình tay thảo một thiên luật Đường.⁹⁴³

1315. Nàng răng : « Vâng biết lòng chàng,⁹⁴⁴

« Lời lời chau ngoc hàng hàng gấm thêu. ⁹⁴⁵

« Hay hèn lẽ cũng nối điêu, ⁹⁴⁶

« Nỗi quê nghĩ một hai điều ngang ngang. ⁹⁴⁷

« Lòng còn gởi áng mây Hàng, ⁹⁴⁸

1320. « Họa vẫn, xin hãy chịu chàng hôm nay ».

Răng : « Sao nói lạ lùng thay !

« Cành kia chẳng phải cỗi này mà ra ? » ⁹⁴⁹

Nàng càng ủ dột thu ba, ⁹⁵⁰

Đoạn trường lúc ấy nghĩ mà buồn tênh : ⁹⁵¹

1325. « Thiếp như hoa đã lia cành, ⁹⁵²

« Chàng như con bướm lượn vành mà chơi. ⁹⁵³

« Chúa xuân đành đã có nơi, ⁹⁵⁴

« Ngắn ngày thôi chớ dài lời làm chi ! »

Sinh răng : « Từ thuở tương tri,

1330. « Tâm riêng, riêng những nặng vì nước non. ⁹⁵⁵

« Trăm năm tính cuộc vuông tròn, ⁹⁵⁶

« Phải dò cho đến ngọn nguồn lạch sông ».

Nàng răng : « Muôn đội ơn lòng,

« Chút e bên thú bên lòng dễ đâu. ⁹⁵⁷

1335. « Bình-khang nấn ná bấy lâu, ⁹⁵⁸

« Yêu hoa yêu được một màu điểm trang.

« Rồi ra nhạt phẩn phai hương, ⁹⁵⁹

« Lòng kia giữ được thường thường mãi chẳng ? ⁹⁶⁰

« Vả trong thềm quế cung trăng, ⁹⁶¹

1340. « Chủ trương đành đã chị Hàng ở trong. ⁹⁶²

« Bấy lâu khăng khít dải đồng, ⁹⁶³

« Thêm người, người cũng chia lòng riêng tây.

« Vẻ chi chút phận bèo mây, ⁹⁶⁴

« Làm cho bể ải khi đầy khi vơi.

1345. « Trăm điếu ngang ngửa vì tôi,

« Thân sau ai chịu tội trời ấy cho ?

« Như chàng có vững tay co,⁹⁶⁵

« Mười phần cũng đắp điểm cho một vài,⁹⁶⁶

« Thể trong dù lớn hơn ngoài,⁹⁶⁷

1350. « Trước hàm sư tử gởi người đắng la.⁹⁶⁸

« Cúi đầu luôn xuống mái nhà,

« Giãm chua lại tội bằng ba lửa nồng.⁹⁶⁹

« Ở trên còn có nhà thông,⁹⁷⁰

« Lượng trên trông xuống biết lòng có thương ?⁹⁷¹

1355. « Sá chi liễu ngõ hoa tường,⁹⁷²

« Lầu xanh lại bỏ ra phường lầu xanh !

« Lại càng dơ dáng dại hình,

« Đành thân phận thiếp ngại danh giá chàng.⁹⁷³

« Thương sao cho vẹn thì thương,

1360. « Tính sao cho trọn mọi đường thì vắng ».

Sinh rằng : « Hay nói đè chừng,

« Lòng đây lòng đấy chưa từng hay sao ?

« Đường xa chờ ngại Ngô Lào,⁹⁷⁵

« Trăm điếu hãy cứ trông vào một ta.

1365. « Đã gần chi có điếu xa,⁹⁷⁶

« Đá vàng đã quyết phong ba cũng liều ! »⁹⁷⁷

Cùng nhau căn vặn đến điếu,

Chỉ non thề bể nặng gieo đến lời.⁹⁷⁸

Nỉ non đêm ngắn tình dài,

1370. Ngoài hiên thỏ đã non đoài ngậm gương.⁹⁷⁹

Mượn điếu trúc viện thừa lương,⁹⁸⁰

Rước về hãy tạm dấu nàng một nơi.

Chiến hòa, sắp sẵn hai bài,⁹⁸¹

Cậy tay thầy thợ mượn người dò la.⁹⁸²

1375. Bắn tin đến mặt Tú bà,⁹⁸³

Thua cơ, mụ cũng cầu hòa dám sao !

Rõ ràng của dẵn tay trao,

Hoàn lương một thiếp thân vào cửa công.⁹⁸⁴

Công tư hai lẽ đều xong,⁹⁸⁵

1380. Gót tiên phút đã thoát vòng trần ai.⁹⁸⁶

Một nhà sum họp trúc mai,⁹⁸⁷

Càng sâu nghĩa bể càng dài tình sông.

Hương càng đượm lửa càng nồng,⁹⁸⁸

Càng sôi vẻ ngọc càng lồng màu sen.⁹⁸⁹

1385. Nửa năm hơi tiếng vừa quen,⁹⁹⁰

Sân ngô cành biếc đã chen lá vàng.⁹⁹¹

Giệu thu vừa nảy gió sương,⁹⁹²

Gối yên đã thấy xuân đường đến nơi.⁹⁹³

Phong lôi nổi trận bời bời,⁹⁹⁴

1390. Nặng lòng e ấp tính bài phân chia.⁹⁹⁵

Quyết ngay biện bạch một bẽ,⁹⁹⁶

Dạy cho má phẫn lại về lầu xanh !

Thấy lời nghiêm huấn rành rành,⁹⁹⁷

Đánh liều, sinh mới lấy tình nài kêu.

1395. Rắng : « Con biết tội đã nhiều,

« Dẫu răng sấm sét búa rìu cũng cam.

« Trót vì tay đã nhúng chàm,⁹⁹⁸

« Đại rồi còn biết khôn làm sao đây !

« Cùng nhau vả tiếng một ngày,

1400. « Ôm cầm ai nỡ dứt dây cho đành.

« Lượng trên quyết chẳng thương tình, ⁹⁹⁹

« Bạc đen thôi có tiếc mình làm chi ! » ¹⁰⁰⁰

 Thấy lời sắt đá tri tri, ¹⁰⁰¹

 Sốt gan, ông mới cáo quỳ cửa công. ¹⁰⁰²

1405. Đất bằng nổi sóng đúng đúng, ¹⁰⁰³

Phủ đường sai lá phiếu hồng thôi tra. ¹⁰⁰⁴

 Cùng nhau theo gót sai nha,

 Song song vào trước sân hoa lạy quỳ. ¹⁰⁰⁵

 Trông lên mặt sắt đen sì, ¹⁰⁰⁶

1410. Lập nghiêm trước đã ra uy nặng lời :

 « Gã kia dại nết chơi bời,

 « Mà con người thế là người đong đưa ! ¹⁰⁰⁷

 « Tuồng chi hoa thải hương thừa,

 « Mượn màu son phấn đánh lừa con đen.

1415. « Suy trong tình trạng nguyên đơn, ¹⁰⁰⁸

 « Bề nào thì cũng chưa yên bề nào.

 « Phép công chiểu án luận vào, ¹⁰⁰⁹

 « Có hai đường ấy, muôn sao mặc mình :

 « Một là cứ phép gia hình, ¹⁰¹⁰

1420. « Một là lại cứ lầu xanh phó vě ! »

 Nàng rắng : « Đã quyết một bề,

 « Nhện này vương lấy tơ kia mẩy lần !

 « Đục trong thân cũng là thân,

 « Yếu thơ vâng chịu trước sân lôi đình ». ¹⁰¹¹

1425. Dạy rắng : « Cứ phép gia hình ! »

Ba cây chập lại một cành mẩu đơn. ¹⁰¹²

 Phận đành chi dám kêu oan,

Đào hoen quẹn má liễu tan tác mày. ¹⁰¹³

Một sân lầm cát đã đầy,

1430. Gương lờ nước thủy mai gầy vóc sương. ¹⁰¹⁴

Nghĩ tình chàng Thúc mà thương,

Néo xa trông thấy lòng càng xót xa.

Khóc rắng : « Oan khốc vì ta, ¹⁰¹⁵

« Có nghe lời trước chẳng đà lụy sau. ¹⁰¹⁶

1435. « Cạn lòng chẳng biết nghĩ sâu,

« Để ai trăng tủi hoa sầu vì ai ? »

Phủ đường nghe thoảng vào tai, ¹⁰¹⁷

Động lòng lại gạn đến lời riêng tây.

Sụt sùi, chàng mới thưa ngay,

1440. Đầu đuôi kể lại sự ngày cầu thân : ¹⁰¹⁸

« Nàng đà tính hết xa gần,

« Từ xưa nàng đã biết thân có rày !

« Tại tôi hứng lấy một tay, ¹⁰¹⁹

« Để nàng cho đến nỗi này vì tôi ! »

1445. Nghe lời nói cũng thương lời,

Dẹp uy mới dạy cho bài giải vi. ¹⁰²⁰

Rắng : « Như hắn có thể thì,

« Trăng hoa song cũng thị phi biết điều ! » ¹⁰²¹

Sinh rắng : « Chút phận bợt bèo,

1450. « Theo đòi vả cũng ít nhiều bút nghiên ». ¹⁰²²

Cười rắng : « Đã thể thì nê,

« Mộc già, hãy thử một thiên trình nghề ». ¹⁰²³

Nàng vâng cất bút tay đẽ, ¹⁰²⁴

Tiên hoa trình trước án phê xem tường. ¹⁰²⁵

1455. Khen rắng : « Giá đáng Thịnh Đường, ¹⁰²⁶

« Tài này sắc ấy nghìn vàng chưa cân !

 « Thực là tài tử giai nhân,

« Châu Trần còn có Châu Trần nào hơn ! ¹⁰²⁷

 « Thôi đừng rước dữ cưu hòn, ¹⁰²⁸

1460. « Làm chi lỡ nhịp cho đàn ngang cung.

 « Đã đưa đến trước cửa công,

 « Ngoài thì là lý song trong là tình. ¹⁰²⁹

 « Dâu con trong đạo gia đình,

 « Thôi thì đẹp nỗi bất bình là xong ! »

1465. Kíp truyền sắm sửa lễ công,

Kiệu hoa cất gió đuốc hồng điểm sao. ¹⁰³⁰

 Bày hàng cổ xúy xôn xao, ¹⁰³¹

 Song song đưa tới trường đào sánh đôi.

 Thương vì hạnh trọng vì tài, ¹⁰³²

1470. Thúc ông thôi cũng đẹp lời phong ba. ¹⁰³³

 Huệ lan sức nức một nhà, ¹⁰³⁴

 Từng cay đắng lại mặn mà hơn xưa.

 Mảng vui rượu sớm cờ trưa, ¹⁰³⁵

 Đào đà phai thắm sen vừa nẩy xanh. ¹⁰³⁶

1475. Trường hồ vắng vẻ đêm thanh, ¹⁰³⁷

 E tình nàng mới bày tình riêng chung :

 « Phận bồ từ vụn chữ tòng, ¹⁰³⁸

 « Đổi thay nhạn yến đã hòng đầy niên. ¹⁰³⁹

 « Tin nhà ngày một vắng tin,

1480. « Mặn tình cát lũy lạt tình tao khang. ¹⁰⁴⁰

 « Nghĩ ra thật cũng nên dường,

 « Tăm hơi ai dễ giữ giàng cho ta ? ¹⁰⁴¹

 « Trộm nghe kẻ lớn trong nhà, ¹⁰⁴²

« Ở vào khuôn phép nói ra mỗi giờ.

1485. « E thay những dạ phi thường, ¹⁰⁴³

« Dễ dò rỗn bể khôn lường đáy sông ! ¹⁰⁴⁴

« Mà ta suốt một năm ròng,

« Thê nào cũng chẳng giấu xong được nào.

« Bấy chầy chưa tò tiêu hao, ¹⁰⁴⁵

1490. « Hoặc là trong có làm sao chẳng là ?

« Xin chàng kíp liệu lại nhà, ¹⁰⁴⁶

« Trước người đẹp ý sau ta biết tình. ¹⁰⁴⁷

« Đêm ngày giữ mực giấu quanh, ¹⁰⁴⁸

« Rày lần mai lửa như hình chưa thông ! »

1495. Nghe lời khuyên nhủ thong dong,

Đành lòng sinh mới quyết lòng hồi trang. ¹⁰⁴⁹

Rạng ra gởi đến xuân đường,

Thúc ông cũng vội giục chàng ninh gia. ¹⁰⁵⁰ ¹⁰⁵¹

Tiễn đưa một chén quan hè, ¹⁰⁵²

1500. Xuân đình thoát đã dạo ra cao đình. ¹⁰⁵³

Sông Tân một dài xanh xanh, ¹⁰⁵⁴

Loi tho i bờ liễu mấy cành Dương-quan. ¹⁰⁵⁵

Cầm tay dài ngắn thở than, ¹⁰⁵⁶

Chia phôi ngừng chén hợp tan nghẹn lời. ¹⁰⁵⁷

1505. Nàng rằng : « Non nước xa khơi,

« Sao cho trong ấm thì ngoài mới êm.

« Dễ lòe yếm thăm trôn kim, ¹⁰⁵⁸

« Làm chi bưng mắt bắt chim khó lòng ! ¹⁰⁵⁹

« Đôi ta chút nghĩa đèo bòng, ¹⁰⁶⁰

1510. « Đến nhà trước liệu nói sòng cho minh. ¹⁰⁶¹

« Dù khi sóng gió bất tình, ¹⁰⁶²

« Lớn ra uy lớn tôi đành phận tôi. ¹⁰⁶³

« Hơn điều giấu ngược giấu xuôi,

« Lại mang những việc tầy trời đến sau.

1515. « Thương nhau xin nhớ lời nhau,

« Năm chầy cũng chẳng đi đâu mà chầy.

« Chén đưa nhớ bữa hôm nay, ¹⁰⁶⁴

« Chén mừng xin đợi ngày này năm sau ! » ¹⁰⁶⁵

Người lên ngựa kẻ chia bào, ¹⁰⁶⁶

1520. Rừng phong thu đã nhuộm màu quan san. ¹⁰⁶⁷

Dặm hồng bụi cuốn chinh an, ¹⁰⁶⁸

Trông người đã khuất mẩy ngàn dâu xanh.

Người về chiếc bóng năm canh,

Kẻ đi muôn dặm một mình xa xôi.

1525. Vâng trăng ai sẻ làm đôi,

Nửa in gối chiếc nửa soi dặm trường ! ¹⁰⁶⁹

V.

Kẻ chi những nỗi dọc đường, ¹⁰⁷⁰

Buồng trong này nỗi chủ trương ở nhà :

Vốn dòng họ Hoạn danh gia, ¹⁰⁷¹

1530. Con quan Lại bộ tên là Hoạn thư. ¹⁰⁷²

Duyên Đằng thuận nẻo gió đưa, ¹⁰⁷³

Cùng chàng kết tóc xe tơ những ngày. ¹⁰⁷⁴

Ở ăn thì nết cũng hay, ¹⁰⁷⁵

Nói điều ràng buộc thì tay cũng già.

1535. Từ nghe vườn mới thêm hoa,

Miệng người đã lầm tin nhà thì không. ¹⁰⁷⁶

Lửa tâm càng dập càng nồng, ¹⁰⁷⁷

Trách người đen bạc ra lòng trăng hoa : ¹⁰⁷⁸

« Ví bằng thú thật cùng ta,

1540. « Cũng dung kẻ dưới mới là lượng trên. ¹⁰⁷⁹

« Đại chi chẳng giữ lấp nấp, ¹⁰⁸⁰

« Tốt chi mà rước tiếng ghen vào mình ? ¹⁰⁸¹

« Lại còn bưng bít giấu quanh,

« Làm chi những thói trẻ ranh nực cười !

1545. « Tính rằng cách mặt khuất lời,

« Giấu ta, ta cũng liệu bài giấu cho !

« Lo gì việc ấy mà lo,

« Kiến trong miệng chén có bò đi đâu ? ¹⁰⁸²

« Làm cho nhìn chẳng được nhau.

1550. « Làm cho đầy đọa cất đầu chẳng lên !

« Làm cho trông thấy nhẫn tiền, ¹⁰⁸³

« Cho người thăm ván bán thuyền biết tay ». ¹⁰⁸⁴

Nỗi lòng kín chẳng ai hay,

Ngoài tai để mặc gió bay mái ngoài. ¹⁰⁸⁵

1555. Tuần sau bỗng thấy hai người, ¹⁰⁸⁶

Mách tin ý cũng liệu bài tâng công. ¹⁰⁸⁷

Tiểu thư nỗi giận đúng đùng :

« Góm tay thêu dệt ra lòng trêu ngươi !

« Chồng tao nào phải như ai,

1560. « Điều này hắn miệng những người thị phi ! » ¹⁰⁸⁸

Vội vàng xuống lệnh ra uy,

Đứa thì vả miệng đứa thì bẻ răng.

Trong ngoài kín mít như bưng,

Nào ai còn dám nói nǎng một lời !

1565. Buồng đào khuya sớm thành thơi, ¹⁰⁸⁹

Ra vào một mực nói cười như không.

Đêm ngày lòng những dặn lòng,¹⁰⁹⁰
Sinh đà về đến lầu hồng xuồng yên.¹⁰⁹¹
Lời tan hợp nỗi hàn huyên,¹⁰⁹²

1570. Chữ tình càng mặn chữ duyên càng nồng.
Tẩy trần vui chén thong dong,¹⁰⁹³
Nỗi lòng ai ở trong lòng mà ra.

Chàng về xem ý tứ nhà,
Sự mình cũng rắp lân la giải bày.

1575. Mấy phen cười nói tỉnh say,¹⁰⁹⁴
Tóc tơ bất động mấy may sự tình.¹⁰⁹⁵
Nghĩ đà bưng kín miệng bình,¹⁰⁹⁶
Nào ai có khảo mà mình lại xưng ?¹⁰⁹⁷
Những là e ấp dùng dằng,¹⁰⁹⁸

1580. Rút dây sợ nữa động rừng lại thôi.¹⁰⁹⁹
Có khi vui chuyện mua cười
Tiểu thư lại giở những lời đâu đâu.
Rằng : « Trong ngọc đá vàng thau,¹¹⁰⁰
« Mười phần ta đã tin nhau cả mười.

1585. « Khen cho những miệng dông dài,¹¹⁰¹
« Bướm ong lại đặt những lời nợ kia !
« Thiếp dù vụng chăng hay suy,
« Đã dơ bụng nghĩ lại bia miệng cười ! »¹¹⁰²

Thấy lời thủng thỉnh như chơi,
1590. Thuận lời chàng cũng nói xuôi đõ đòn.

Những là cười phẫn cợt son,
Đèn khuya chung bóng trăng tròn sánh vai.
Thú quê thuần vược bén mùi,¹¹⁰³
Giêng vàng đã rụng một vài lá ngô.¹¹⁰⁴

1595. Chạnh niềm nhớ cảnh giang hồ,
Một màu quan tái mây mùa gió trăng. ¹¹⁰⁵

Tình riêng chưa dám rỉ răng, ¹¹⁰⁶
Tiểu thư trước đã liệu chừng nhủ qua :
« Cách năm mây bạc xa xa, ¹¹⁰⁷

1600. « Lâm-truy cũng phải tính mà thẫn hôn ». ¹¹⁰⁸

Được lời như mở tấc son, ¹¹⁰⁹
Vó câu thằng ruồi nước non quê người. ¹¹¹⁰

Long lanh đáy nước in trời,
Thành xây khói biếc non phơi bóng vàng.

1605. Roi câu vừa gióng dặm trường, ¹¹¹¹
Xe hương nàng cũng thuận đường quy ninh. ¹¹¹²

Thưa nhà huyên hết mọi tình,
Nỗi chàng ở bạc nỗi mình chịu đen.

Nghĩ rằng : « Ngứa ghẻ hờn ghen, ¹¹¹³

1610. « Xấu chàng mà có ai khen chi mình !

« Vậy nên ngảnh mặt làm thinh,
« Mưu cao vốn đã rắp ranh nhũng ngày.

« Lâm-truy đường bộ tháng chầy,
« Mà đường hải đạo sang ngay thì gần. ¹¹¹⁴

1615. « Dọn thuyền lựa mặt gia nhân, ¹¹¹⁵
« Hãy đem dây xích buộc chân nàng về. ¹¹¹⁶

« Làm cho cho mệt cho mê,
« Làm cho đau đớn ê chề cho coi !
« Trước cho bõ ghét nhũng người,

1620. « Sau cho để một trò cười vĩnh sau ! »

Phu nhân khen chước rất mẫu, ¹¹¹⁷
Chiều con mới dạy mặc dẫu ra tay.

Sửa sang buồm gió lèo mây,¹¹¹⁸
Khuyển Ưng, lại chọn một bầy côn quang.¹¹¹⁹

1625. Dặn dò hết các mọi đường,
Thuận phong một lá vượt sang biển Tề.¹¹²⁰

Nàng từ chiếc bóng song the,
Đường kia nỗi nợ như chia mỗi sầu.

Bóng đâu đã xế ngang đầu,

1630. Biết đâu ấm lạnh biết đâu ngọt bùi. ¹¹²¹

Tóc thê đã chấm ngang vai,

Nào lời non nước nào lời sắt son ? ¹¹²²

Sắn bìm chút phận cỏn con, ¹¹²³

Khuôn duyên biết có vuông tròn cho chặng ? ¹¹²⁴

1635. Thân sao nhiều nỗi bất bằng ?

Liều như cung Quảng ả Hăng nghĩ nao ! ¹¹²⁵

Đêm thu gió lọt song đào, ¹¹²⁶

Nửa vành trăng khuyết ba sao giữa trời. ¹¹²⁷

Nén hương đến trước Phật đài, ¹¹²⁸

1640. Nỗi lòng khẩn chứa cạn lời vân vân... ¹¹²⁹

Dưới hoa dậy lũ ác nhân, ¹¹³⁰

Âm ầm khốc quỷ kinh thần mọc ra ! ¹¹³¹

Đầy sân gươm tuốt sáng lò, ¹¹³²

Thất kinh nàng chưa biết là làm sao.

1645. Thuốc mê đâu đã tưới vào,

Mơ màng như giấc chiêm bao biết gì !

Vực ngay lên ngựa tức thì, ¹¹³³

Phòng đào viện sách bốn bề lửa dong. ¹¹³⁴

Sắn thây vô chủ bên sông,

1650. Đem vào để đó lộn sòng ai hay ? ¹¹³⁵

Tôi đòi phách lạc hồn bay,

Pha càn bụi cỏ gốc cây ẩn mình. ¹¹³⁶

Thúc ông nhà cũng gần quanh,

Chợt trông ngọn lửa thất kinh rụng rời.

1655. Tớ thầy chạy thẳng đến nơi,¹¹³⁷

Tơi bời tưới lửa tìm người lao xao.

Gió cao ngọn lửa càng cao,

Tôi đòi tìm đủ nàng nào thấy đâu !

Hớt hơ hót hải nhìn nhau,

1660. Giếng sâu bụi rậm trước sau tìm quàng.

Chạy vào chốn cũ phòng hương,¹¹³⁸

Trong tro thấy một đống xương cháy tàn.

Ngay tình ai biết mưu gian,

Hắn nàng thôi lại có bàn răng ai !

1665. Thúc ông sùi sụt ngắn dài,¹¹³⁹

Nghĩ con vắng vẻ thương người nết na.

Di hài nhặt sắp về nhà,¹¹⁴⁰

Nào là khâm liệm nào là tang trai.¹¹⁴¹

Lễ thường đã đủ một hai,¹¹⁴²

1670. Lục trình chàng cũng đến nơi bấy giờ.¹¹⁴³

Bước vào chốn cũ lầu thơ,¹¹⁴⁴

Tro than một đống nắng mưa bốn tường.

Sang nhà cha tới trung đường,¹¹⁴⁵

Linh sàng bài vị thờ nàng ở trên.¹¹⁴⁶

1675. Hỡi ôi ! nói hết sự duyên,¹¹⁴⁷

Tơ tình đứt ruột lửa phiền cháy gan !

Gieo mình vật vã khóc than :¹¹⁴⁸

« Con người thế ấy thác oan thế này !

« Chắc răng mai trúc lại vầy,¹¹⁴⁹

1680. « Ai hay vĩnh quyết là ngày đưa nhau !¹¹⁵⁰

« Thương càng nghĩ, nghĩ càng đau,¹¹⁵¹

« Dễ ai rắp thảm quạt sầu cho khuây ».¹¹⁵²

Gần miền nghe có một thầy,

Phi phù trí quý cao tay thông huyền. ¹¹⁵³

1685. Trên tam đảo dưới cửu tuyễn, ¹¹⁵⁴

Tìm đâu thì cũng biết tin rõ ràng.

Sắm sanh lễ vật rước sang, ¹¹⁵⁵

Xin tìm cho thấy mặt nàng hỏi han.

Đạo nhân phục trước tĩnh đàn, ¹¹⁵⁶

1690. Xuất thần giây phút chưa tàn nén hương. ¹¹⁵⁷

Trở về minh bạch nói tường :

« Mặt nàng chẳng thấy việc nàng đã tra.

« Người này nặng nghiệp oan gia, ¹¹⁵⁸

« Còn nhiều nợ lầm sao đà thác cho !

1695. « Mệnh cung đang mắc nạn to, ¹¹⁵⁹

« Một năm nữa mới thăm dò được tin.

« Hai bên giáp mặt chiền chiền, ¹¹⁶⁰

« Muốn nhìn mà chẳng dám nhìn, lạ thay ! »

Nghe lời nói lạ dường này, ¹¹⁶¹

1700. Sự nàng đã thế lời thầy dám tin !

Chẳng qua đồng cốt quàng xiên, ¹¹⁶²

Người đâu mà lại thấy trên cõi trần ?

Tiếc hoa những ngậm ngùi xuân,

Thân này dễ lại mấy lần gặp tiên !

1705. Nước trôi hoa rụng đã yên, ¹¹⁶³

Hay đâu địa ngục ở miền nhân gian !

Khuyển Ưng đã đắt mưu gian,

Vực nàng đưa xuống để an dưới thuyền. ¹¹⁶⁴

Buồm cao lèo thẳng cánh suyễn, ¹¹⁶⁵

1710. Đè chừng huyện Tích băng miền vượt sang. ¹¹⁶⁶

Giã đò, lên trước sảnh đường,¹¹⁶⁷
Khuyển Ưng hai đứa nộp nàng dâng công.

Vực nàng tạm xuống môn phòng,¹¹⁶⁸
Hãy còn thiêm thiếp giấc nồng chưa phai.
1715. Hoàng lương chợt tỉnh hồn mai,¹¹⁶⁹
Cửa nhà đâu mất lâu dài nào đây ?

Bàng hoàng dở tỉnh dở say,
Sảnh đường mảng tiếng đòi ngay lên hầu.¹¹⁷¹
Â hoàn trên dưới giục mau,¹¹⁷²

1720. Hải hùng nàng mới theo sau một người.¹¹⁷³

Ngước trông tòa rộng dãy dài,¹¹⁷⁴
« Thiên quan trung tể » có bài treo trên.¹¹⁷⁵
Ban ngày sáp thắp hai bên,¹¹⁷⁶
Giữa giường thắt bao ngồi trên một bà.

1725. Gạn gùng ngọn hỏi ngành tra,
Sự mình, nàng phải cứ mà gởi thưa.¹¹⁷⁸

Bất tình nổi trận mây mưa,¹¹⁷⁹
Mắng rắng : « Những giống bơ thờ quen thân.¹¹⁸⁰
« Con này chẳng phải thiện nhân,¹¹⁸¹

1730. « Chẳng phường trốn chúa thì quân lộn chồng.¹¹⁸²

« Ra tuồng mèo mả gà đồng,¹¹⁸³
« Ra tuồng lúng túng chẳng xong bẽ nào.
« Đã đem mình bán cửa tao,

« Lại còn khủng khỉnh làm cao thế này !¹¹⁸⁴

1735. « Nào là gia pháp, nọ bay !¹¹⁸⁵

« Hãy cho ba chục biết tay một lần ! »

Â hoàn trên dưới dạ rân,
Dẫu rằng trăm miệng khôn phân lẽ nào !

Trúc côn ra sức đập vào,¹¹⁸⁶

1740. Thịt nào chẳng nát gan nào chẳng kinh !

Xót thay đào lý một cành,

Một phen mưa gió tan tành một phen !

Hoa nô truyền dạy đổi tên,¹¹⁸⁷

Buồng the dạy ép vào phiên thị tì.¹¹⁸⁸

1745. Ra vào theo lũ thanh y,¹¹⁸⁹

Dãi dầu tóc rối da chì quản bao !¹¹⁹⁰

Quản gia có một mụ nào,¹¹⁹¹

Thấy người thấy nết ra vào mà thương.

Khi chè chén khi thuốc thang,

1750. Đem lời phương tiện mở đường hiếu sinh.¹¹⁹²

Dạy rằng : « May rủi đã đành,

« Liễu bồ mình giữ lấy mình cho hay.¹¹⁹³

« Cũng là oan nghiệp chi đây,¹¹⁹⁴

« Sa cơ mới đến thế này, chẳng dung.

1755. « Ở đây tai vách mạch rừng,¹¹⁹⁵

« Thấy ai người cũ cũng đừng nhìn chi.¹¹⁹⁶

« Kéo khi sấm sét bất kỳ,

« Con ong cái kiến kêu gì được oan ! »

Nàng càng giọt ngọc như chan,¹¹⁹⁷

1760. Nỗi lòng luống những bàn hoàn niềm tây :¹¹⁹⁸

« Phong trần kiếp chịu đã đầy,¹¹⁹⁹

« Lầm than lại có thứ này bằng hai !¹²⁰⁰

« Phận sao bạc chẳng vừa thôi ?

« Khăng khăng buộc mãi lấy người hồng nhan.

1765. « Đã đành túc trái tiền oan,¹²⁰¹

« Cũng liều ngọc nát hoa tàn mà chi ! »

Những là nương náu qua thì,¹²⁰²

Tiểu thư phải buổi mới về ninh gia.

Mẹ con trò chuyện lân la,

1770. Phu nhân mới gọi nàng ra dạy lời :¹²⁰³

« Tiểu thư dưới trướng thiếu người,

Cho về bên ấy theo đòn lầu trang ».¹²⁰⁴

Lĩnh lời nàng mới theo sang,

Biết đâu địa ngục thiên đường là đâu !¹²⁰⁵

1775. Sớm khuya khăn mặt lược đầu,

Phận con hầu giữ con hầu dám sai !

Phải đêm êm ả chiều trời,¹²⁰⁶

Trúc tơ hỏi đến nghề chơi mọi ngày.¹²⁰⁷

Lĩnh lời nàng mới lừa dây,¹²⁰⁸

1780. Nỉ non thánh thót dễ say lòng người !

Tiểu thư xem cũng thương tài,

Khuôn uy dường cũng bớt vài bốn phân.¹²⁰⁹

Cửa người dày đọa chút thân,

Sớm năn nỉ bóng đêm ân hận lòng.¹²¹⁰

1785. Lâm-truy chút nghĩa đèo bòng,

Nước bèo để chữ tương phùng kiếp sau !¹²¹¹

Bốn phương mây trắng một màu,¹²¹²

Trông vời cõi quốc biết đâu là nhà ?¹²¹³

Lần lần tháng trọn ngày qua,

1790. Nỗi gần nào biết đường xa thế này.

Lâm-truy từ thuở uyên bay,¹²¹⁴

Phòng không thương kẻ tháng ngày chiếc thân.¹²¹⁵

Mày ai trắng mới in ngắn,¹²¹⁶

Phản thừa hương cũ bội phản xót xa !

1795. Sen tàn cúc lại nở hoa, ¹²¹⁷

Sầu dài ngày ngắn đông đà sang xuân.

Tìm đâu cho thấy cõi nhân ? ¹²¹⁸

Lấy câu vận mệnh khuây dần nhớ thương. ¹²¹⁹

Chạnh niềm nhớ cảnh gia hương, ¹²²⁰

1800. Nhớ quê, chàng lại tìm đường thăm quê. ¹²²¹

Tiểu thư đón cửa giã giẽ,

Hàn huyên vừa cạn mọi bề gần xa.

Nhà hương cao cuốn bức là, ¹²²²

Phòng trong truyền gọi nàng ra lạy mừng. ¹²²³

1805. Bước ra một bước một dừng,

Trông xa nàng đã tỏ chừng nẻo xa :

« Phải rằng nắng quáng đèn lò, ¹²²⁴

« Rõ ràng ngồi đó chẳng là Thúc sinh ?

« Bây giờ tình mới tỏ tình,

1810. « Thôi thôi đã mắc vào vành chẳng sai !

« Chước đâu có chước lạ đời,

« Người đâu mà lại có người tinh ma !

« Rõ ràng thật lứa đôi ta, ¹²²⁵

« Làm ra con ở chúa nhà đôi nơi !

1815. « Bề ngoài thơn thót nói cười,

« Mà trong nham hiểm giết người không dao.

« Bây giờ đất thấp trời cao,

« Ăn làm sao nói làm sao bây giờ ? »

Càng trông mặt càng ngẩn ngơ, ¹²²⁶

1820. Ruột tăm đồi đoạn như tơ rối bời.

Sợ uy dám chẳng vâng lời,

Cúi đầu nép xuống sân mai một chiểu. ¹²²⁷

Sinh đà phách lạc hồn xiêu :

« Thương ôi ! chẳng phải nàng Kiều ở đây ? ¹²²⁸

1825. « Nhân làm sao đến thế này ?

« Thôi thôi ta đã mắng tay ai rồi ! »

Sợ quen, dám hờ ra lời,

Khôn ngăn giọt ngọc sụt sùi nhỏ sa.

Tiểu thư trông mặt hỏi tra :

1830. « Mới vẽ có việc chi mà động dong ? » ¹²²⁹

Sinh răng : « Hiểu phục vừa xong, ¹²³⁰

« Suy lòng trắc dĩ đau lòng chung thiên ! » ¹²³¹

Khen răng : « Hiểu tử đã nê ! ¹²³²

« Tẩy trần mượn chén giải phiền đêm thu ».

1835. Vợ chồng chén tạc chén thù, ¹²³³

Bắt nàng đứng chực trì hồ hai nơi.

Bắt khoan bắt nhặt đến lời,

Bắt quỳ tận mặt bắt mời tận tay. ¹²³⁵

Sinh càng như dại như ngây,

1840. Giọt dài giọt ngắn chén đầy chén vơi.

Ngảnh đi chợt nói chợt cười, ¹²³⁶

Cáo say chàng đã giãm bài lảng ra. ¹²³⁷

Tiểu thư vội thét : « Con Hoa !

« Khuyên chàng chẳng cạn thì ta có đòn ! » ¹²³⁸

1845. Sinh càng nát ruột tan hồn,

Chén mời phải ngậm bồ hòn ráo ngay ! ¹²³⁹

Tiểu thư cười nói tỉnh say, ¹²⁴⁰

Chưa xong cuộc rượu lại bày trò chơi.

Răng : « Hoa nô đủ mọi tài,

1850. Bản đàn thử dạo một bài chàng nghe ! » ¹²⁴¹

Nàng đà tán hoán tê mê,¹²⁴²

Vâng lời ra trước bình the vặng đàn :¹²⁴³

Bốn dây như khóc như than,

Khiến người trên tiệc cũng tan nát lòng !

1855. Cũng trong một tiếng tơ đồng,¹²⁴⁴

Người ngoài cười nụ người trong khóc thầm !¹²⁴⁵

Giọt châu lâ châ khôn cầm,¹²⁴⁶

Cúi đầu chàng những gạt thầm giọt Tương.¹²⁴⁷

Tiểu thư lại thét lấy nàng :¹²⁴⁸

1860. « Cuộc vui, gảy khúc đoạn trường ấy chi !

« Sao chẳng biết ý tứ gì ?

Cho chàng buồn bã tội thì tại người ! »

Sinh càng thảm thiết bồi hồi,¹²⁴⁹

Vội vàng gượng nói gượng cười cho qua.¹²⁵⁰

1865. Giọt rồng canh đã điểm ba,¹²⁵¹

Tiểu thư nhìn mặt dường đà cam tâm.

Lòng riêng tấp tểnh mừng thầm :¹²⁵²

« Vui này đã bõ đau ngầm xưa nay ! »¹²⁵³

Sinh thì gan héo ruột đầy,¹²⁵⁴

1870. Nỗi lòng, càng nghĩ càng cay đắng lòng.

Người vào chung gối loan phỏng,¹²⁵⁵

Nàng ra tựa bóng đèn chong canh dài.

Bây giờ mới rõ tăm hơi,

Máu ghen đâu có lạ đời nhà ghen !

1875. Chước đâu rẽ thủy chia uyên,¹²⁵⁶

Ai ra đường nấy ai nhìn được ai !¹²⁵⁷

Bây giờ một vực một trời,

Hết điều khinh trọng hết lời thị phi !¹²⁵⁸

Nhẹ như bắc nặng như chì. ¹²⁵⁹

1880. Gõ cho ra nợ còn gì là duyên ? ¹²⁶⁰

Lỡ làng chút phận thuyền quyên,
Bể sâu sóng cả có thuyền được vay ? ¹²⁶¹

Một mình âm ỷ đêm chầy,
Đĩa dầu voi nước mắt đầy năm canh.

1885. Sớm khuya hẫu hạ đài doanh, ¹²⁶²

Tiểu thư chạm mặt đè tình hỏi tra. ¹²⁶³

Lựa lời nàng mới thưa qua :
« Phải khi mình lại xót xa nỗi mình ».

Tiểu thư hỏi lại Thúc sinh : ¹²⁶⁴

1890. « Cậy chàng tra lấy thực tình cho nao ! »

Sinh đà rát ruột như bào,
Nói ra chẳng tiện trông vào chẳng đang !

Những e lại lụy đến nàng,
Đánh liều mới sẽ lựa đường hỏi tra. ¹²⁶⁵

1895. Cúi đầu quỳ trước sân hoa,
Thân cung nàng mới thảo qua một tờ. ¹²⁶⁶

Diện tiền trình với tiểu thư, ¹²⁶⁷
Thoắt xem dường có ngẩn ngơ chút tình. ¹²⁶⁸

Liền tay trao lại Thúc sinh,

1900. Rắng : « Tài nên trọng mà tình nên thương !

« Ví chàng có số giàu sang,
« Giá này dẫu đúc nhà vàng cũng nên ! ¹²⁶⁹

« Bể trân chìm nỗi thuyền quyên,
« Hữu tài thương nỗi vô duyên lạ đời ! »

1905. Sinh rắng : « Thật có như lời, ¹²⁷⁰
« Hồng nhan bạc mệnh một người nào vay !

- « Nghìn xưa âu cũng thế này,
« Từ bi âu liệu bớt tay mới vừa ». ¹²⁷¹
- Tiểu thư rắng : « Ý trong tờ,
- 1910.** « Rắp đem mệnh bạc xin nhờ cửa không. ¹²⁷²
« Thôi thì thôi cũng chiểu lòng, ¹²⁷³
- « Cũng cho khỏi lụy trong vòng bước ra. ¹²⁷⁴
« Sẵn Quan âm các vườn ta, ¹²⁷⁵
- « Có cây trăm thước, có hoa bốn mùa. ¹²⁷⁶
- 1915.** « Có cổ thụ, có sơn hồ, ¹²⁷⁷
« Cho nàng ra đó giữ chùa chép kinh ». ¹²⁷⁸
- Tâng tâng trời mới bình minh, ¹²⁷⁹
Hương hoa ngũ cung sắm sanh lễ thường. ¹²⁸⁰
- Đưa nàng đến trước Phật đường, ¹²⁸¹
- 1920.** Tam quy ngũ giới cho nàng xuất gia. ¹²⁸²
Áo xanh đổi lấy cà sa, ¹²⁸³
Pháp danh lại đổi tên ra Trạc Tuyền. ¹²⁸⁴
- Sớm khuya tính đủ dầu đèn,
Xuân Thu, cắt sẵn hai tên hương trà.
- 1925.** Nàng từ lánh gót vườn hoa, ¹²⁸⁵
Dường gần rừng tía dường xa bụi hồng. ¹²⁸⁶
- Nhân duyên đâu lại còn mong ? ¹²⁸⁷
- Khỏi điếu thẹn phẫn tủi hồng thì thôi. ¹²⁸⁸
Phật tiên thảm lấp sầu vùi, ¹²⁸⁹
- 1930.** Ngày pho thủ tự đêm nỗi tâm hương. ¹²⁹⁰
Cho hay giọt nước cành dương, ¹²⁹¹
- Lửa lòng tưới tắt mọi đường trần duyên. ¹²⁹²
Nâu sòng từ trở màu thiền, ¹²⁹³
- Sân thu rắng đã vài phen đứng đầu.

1935. Quan phòng then nhặt lưới mau, ¹²⁹⁴

Nói lời trước mặt rơi châu vắng người.

Gác kinh viện sách đôi nỗi, ¹²⁹⁵

Trong gang tấc lại gấp mười quan san. ¹²⁹⁶

Những là ngâm thở nuốt than, ¹²⁹⁷

1940. Tiểu thư phải buối vẫn an về nhà. ¹²⁹⁸

Thừa cơ, sinh mới lén ra,

Xăm xăm đến mé vườn hoa với nàng.

Sụt sùi giở nỗi đoạn trường, ¹²⁹⁹

Giọt châu tăm tã đượm tràng áo xanh : ¹³⁰⁰

1945. « Đã cam chịu bạc với tình, ¹³⁰¹

« Chúa xuân để tội một mình cho hoa !

« Thấp cơ thua trí đàn bà,

« Trông vào đau ruột nói ra ngại lời.

« Vì ta cho lụy đến người,

1950. « Cát lầm ngọc trăng thiệt đời xuân xanh. ¹³⁰²

« Quản chi lén thác xuống ghênh, ¹³⁰³

« Cũng toan sống thác với tình cho xong.

Tông đường chút chưa cam lòng, ¹³⁰⁴

« Cắn răng bẻ một chữ đồng làm hai. ¹³⁰⁵

1955. Thẹn mình đá nát vàng phai, ¹³⁰⁶

Trăm thân dễ chuộc một lời được sao ? » ¹³⁰⁷

Nàng răng : « Chiếc bách sóng đào, ¹³⁰⁸

« Nổi chìm cũng mặc lúc nào rủi may !

« Chút thân quắn quại vũng lầy,

1960. « Sống thừa còn tưởng đến rày nữa sao ? ¹³⁰⁹

« Cũng liều một giọt mưa rào,

« Mà cho thiên hạ trông vào cũng hay !

« Xót vì cầm đã bén dây,¹³¹⁰

« Chẳng trăm năm cũng một ngày duyên ta.

1965. « Liệu bài mở cửa cho ra,

« Ấy là tình nặng ấy là ân sâu ! »

Sinh rằng : « Riêng tưởng bấy lâu,

« Lòng người nham hiểm biết đâu mà lường.

« Nữa khi giông tố phũ phàng,¹³¹¹

1970. « Thiệt riêng đấy cũng lại càng cực đây.

« Liệu mà xa chạy cao bay,¹³¹²

« Ái ân ta có ngần này mà thôi !

« Bây giờ kẻ ngược người xuôi,

« Biết bao giờ lại nói lời nước non ?¹³¹³

1975. « Dẫu rằng sông cạn đá mòn,

« Con tằm đến thác cũng còn vương tơ ! »¹³¹⁴

Cùng nhau kể lể sau xưa,

Nói rồi lại nói lời chưa hết lời.

Mặt trông tay chẳng nỡ rời,

1980. Hoa tì đã động tiếng người néo xa.¹³¹⁵

Nhận ngừng nuốt tủi đứng ra,¹³¹⁶

Tiểu thư đâu đã rẽ hoa bước vào.¹³¹⁷

Cười cười nói ngọt ngào,

Hỏi : « Chàng mới ở chốn nào lại chơi ? »

1985. Dối quanh, sinh mới liệu lời :

« Tìm hoa quá bước xem người viết kinh ».

Khen rằng : « Bút pháp đã tinh,¹³¹⁸

« So vào với thiếp Lan-đình, nào thua !¹³¹⁹

« Tiếc thay lưu lạc giang hồ,

1990. « Nghìn vàng thật cũng nên mua lấy tài ! »

- Thiền trà cạn nước hồng mai,¹³²⁰
Thong dong nỗi gót thư trai cùng về.¹³²¹
- Nàng càng e lệ ủ ê,
Rỉ tai hỏi lại hoa tì trước sau.¹³²²
- 1995.** Hoa rắng : « Bà đến đã lâu,¹³²³
« Nhón chân đứng nép độ đâu nửa giờ.¹³²⁴
- « Rành rành kẽ tóc chân tơ,
« Mấy lời nghe hết đã dư tỏ tường.
« Bao nhiêu đoạn khổ tình thương,
- 2000.** « Nỗi ông vật vã nỗi nàng thở than.
« Ngăn tôi đứng lại một bên,¹³²⁵
« Chán tai rồi mới bước lên trên lầu ».
Nghe thôi kinh hãi xiết đê :¹³²⁶
- « Đàn bà thế ấy thấy âu mêt người !¹³²⁷
- 2005.** « Ấy mới gan ấy mới tài !¹³²⁸
- « Nghĩ càng thêm nỗi sờn gai rụng rời !¹³²⁹
- « Người đâu sâu sắc nước đời,¹³³⁰
« Mà chàng Thúc phải ra người bó tay !¹³³¹
- « Thực tang, bắt được dường này,
- 2010.** « Máu ghen ai cũng chau mà nghiên răng.
« Thế mà im chẳng đái đắng,¹³³²
« Chào mời vui vẻ nói nũng dịu dàng !
« Giận dầm ra dạ thế thường,¹³³³
- « Cười này mới thực khôn lường hiểm sâu !¹³³⁴
- 2015.** « Thân ta, ta phải lo âu,
« Miệng hùm nọc rắn ở đâu chốn này !
« Ví chặng chắp cánh cao bay,¹³³⁵
« Rào cây lâu cũng có ngày bẻ hoa !¹³³⁶

« Phận bèo bao quản nước sa,

2020. « Lệnh đênh đâu nữa cũng là lệnh đênh.

« Chỉn e quê khách một mình,¹³³⁷

« Tay không chưa dễ tìm vành ấm no ! »

Nghĩ đi nghĩ lại quanh co,

Phật tiễn sẵn có mọi đồ kim ngân.¹³³⁸

2025. Bên mình giắt để hộ thân,¹³³⁹

Lần nghe canh đã một phần trống ba.

Cất mình qua ngọn tường hoa,¹³⁴⁰

Lần đường theo bóng trăng tà về tây.

VI.

Mịt mù dặm cát đồi cây,

2030. Tiếng gà điểm nguyệt dấu giày cầu sương.¹³⁴¹

Canh khuya thân gái dặm trường,

Phần e đường sá phần thương dãi dầu !

Trời đông vừa rạng ngàn dâu,¹³⁴²

Bơ vơ nào đã biết đâu là nhà !

2035. Chùa đâu trông thấy néo xa,

Rành rành Chiêu ẩn am ba chữ bài.¹³⁴³

Xăm xăm gỗ mái cửa ngoài,

Trụ trì nghe tiếng rước mời vào trong.¹³⁴⁴

Thấy màu ăn mặc nau sồng,

2040. Giác Duyên sư trưởng lành lòng liền thương.

Gạn gùng ngành ngọn cho tường.

Lạ lùng nàng hãy tìm đường nói quanh :

« Tiểu thiền quê ở Bắc-kinh,¹³⁴⁵

« Quy sư quy Phật tu hành bấy lâu.

2045. « Bản sư rồi cũng đến sau,¹³⁴⁶

« Dạy đưa pháp bảo sang hầu sư huynh ». ¹³⁴⁷

Rày vâng diện hiến rành rành, ¹³⁴⁸

Chuông vàng khánh bạc bên mình giờ ra,

Xem qua sư mới dạy qua : ¹³⁴⁹

2050. « Phải ni Hằng Thủy là ta hậu tình. ¹³⁵⁰

« Chỉn e đường sá một mình,

« Ở đây chờ đợi sư huynh ít ngày ».

Gởi thân được chốn am mây, ¹³⁵¹

Muối đưa đắp đổi tháng ngày thong dong. ¹³⁵²

2055. Kệ kinh câu cũ thuộc lòng, ¹³⁵³

Hương đèn việc trước trai phòng quen tay. ¹³⁵⁴

Sớm khuya lá bối phướn mây, ¹³⁵⁵

Ngọn đèn khêu nguyệt tiếng chầy nê sương. ¹³⁵⁶

Thấy nàng thông tuệ khác thường, ¹³⁵⁷

2060. Sư càng nể mặt nàng càng vững chân.

Cửa thiền vừa cữ cuối xuân, ¹³⁵⁸

Bóng hoa đầy đất vẻ ngân ngang trời. ¹³⁵⁹

Gió quang mây tịch thành thơi,

Có người đàn việt lên chơi cửa già. ¹³⁶⁰

2065. Giở đồ chuông khánh xem qua,

Khen rằng : « Khéo giống của nhà Hoạn nương ! » ¹³⁶¹

Giác Duyên thực ý lo lường,

Đêm thanh mới hỏi lại nàng trước sau.

Nghĩ rằng khôn nỗi giấu màu

2070. Sự mình, nàng mới gót đầu bày ngay :

« Bây giờ sự đã dường này,

« Phận hèn dù rủi dù may tại người ».

Giác Duyên nghe nói rụng rời,

Nửa thương nửa sợ bồi hồi chẳng xong.

2075. Rỉ tai mới kể sự lòng : ¹³⁶²

« Ở đây cửa Phật là không hẹp gì.

« E chẳng những sự bất kỳ,

« Để nàng cho đến thế thì cũng thương ! ¹³⁶³

« Lánh xa trước liệu tìm đường,

2080. « Ngồi chờ nước đến nên đường còn quê ». ¹³⁶⁴

Có nhà họ Bạc bên kia,

Am mây quen lối đi về dấu hương.

Nhắn sang dặn hết mọi đường, ¹³⁶⁵

Dọn nhà hãy tạm cho nàng trú chân. ¹³⁶⁶

2085. Những mừng được chốn an thân,

Vội vàng nào kịp tính gần tính xa.

Nào ngờ cùng tổ bợm già,

Bạc bà học với Tú bà đồng môn ! ¹³⁶⁷

Thấy nàng mặn phẫn tươi son, ¹³⁶⁸

2090. Mừng thăm được mối bán buôn có lời. ¹³⁶⁹

Hư không đặt để nêu lời,

Nàng đà nhớn nhác rụng rời lắm phen. ¹³⁷¹

Mụ càng xui giục cho nêu, ¹³⁷²

Lấy lời hung hiểm ép duyên Châu Trần.

2095. Rắng : « Nàng muôn dặm một thân,

« Lại mang lấy tiếng dữ gần lành xa. ¹³⁷³

« Khéo oan gia của phá gia,

« Còn ai dám chứa vào nhà nữa đây.

« Kíp toan kiểm chốn xe dây, ¹³⁷⁵

2100. « Không dung chưa dễ mà bay đường trời !

« Nơi gần thì chẳng tiện nơi,

« Nơi xa thì chẳng có người nào xa.

Này chàng Bạc Hạnh cháu nhà, ¹³⁷⁶

« Cũng trong thân thích ruột rà chàng ai. ¹³⁷⁷

2105. « Cửa hàng buôn bán châu Thai, ¹³⁷⁸

« Thật thà có một đơn sai chàng hề. ¹³⁷⁹

« Thể nào nàng cũng phải nghe,

« Thành thân rồi sẽ liệu về châu Thai. ¹³⁸⁰

« Bấy giờ ai lại biết ai,

2110. « Dầu lòng bể rộng sông dài ênh ênh. ¹³⁸¹

« Nàng dù quyết chàng thuận tình, ¹³⁸²

« Trái lời nோ trước lụy mình đến sau ». ¹³⁸³

« Nàng càng mặt ủ mày chau, ¹³⁸⁴

Càng nghe mụ nói càng đau như dần.

2115. Nghĩ mình túng đất sẩy chân,

Thể cùng, nàng mới xa gần thở than :

« Thiếp như con én lạc đà,

« Phải cung rày đã sợ làn cây cong ! ¹³⁸⁵

« Cùng đường dù tính chữ tòng, ¹³⁸⁶

2120. « Biết người biết mặt biết lòng làm sao ?

« Nữa khi muôn một thể nào, ¹³⁸⁷

« Bán hùm buôn sói chắc vào lưng đâu ? ¹³⁸⁸

« Dù ai lòng có sở cầu, ¹³⁸⁹

« Tâm minh xin quyết với nhau một lời. ¹³⁹⁰

2125. Chứng minh có đất có trời, ¹³⁹¹

« Bấy giờ vượt bể ra khơi quản gì ? »

Được lời mụ mới ra đi,

Mách tin họ Bạc tức thì sắm sanh.

Một nhà dọn dẹp linh đình, ¹³⁹²

2130. Quét sân đặt trác rửa bình thắp nhang. ¹³⁹³

Bạc sinh quỳ xuống vội vàng,
Quá lời nguyện hết Thành hoàng Thổ công.

Trước sân lòng đã giải lòng, ¹³⁹⁴
Trong màn làm lễ tơ hồng kết duyên.

2135. Thành thân mới rước xuống thuyền,
Thuận buồm một lá xuôi miền châu Thai.

Thuyền vừa đỗ bến thảm thơi,
Bạc sinh lên trước tìm nơi mọi ngày. ¹³⁹⁵

Cũng nhà hành viện xưa nay, ¹³⁹⁶

2140. Cũng phường bán thịt cũng tay buôn người.

Xem người định giá vừa rồi,
Mỗi hàng một đã ra mười thì buông. ¹³⁹⁷

Mượn người thuê kiệu rước nàng,
Bạc đem mặt bạc kiếm đường cho xa ! ¹³⁹⁸

2145. Kiệu hoa đặt trước thềm hoa,
Bên trong thấy một mụ ra vội vàng,
Đưa nàng vào lạy gia đường,

Cũng thần mày trắng cũng phường lầu xanh !

Thoắt trông nàng đã biết tình,

2150. Chim lồng khôn lẽ cất mình bay cao.

Chém cha cái sổ hoa đào, ¹³⁹⁹

Gỡ ra rồi lại buộc vào như chơi !

Nghĩ đời mà ngán cho đời,
Tài tình chi lầm cho trời đất ghen !

2155. Tiếc thay nước đã đánh phèn,
Mà cho bùn lại vẫn lên mẩy lần !

Hồng quân với khách hồng quần, ¹⁴⁰⁰

Đã xoay đẽn thế còn vẫn chưa tha.

Lỡ từ lạc bước, bước ra,¹⁴⁰¹

2160. Cái thân liệu những từ nhà liệu đi.

Đầu xanh đã tội tình gì ?

Má hồng đền quá nửa thì chưa thôi.

Biết thân chạy chẳng khỏi trời,

Cũng liều mặt phẵn cho rồi ngày xanh.

2165. Lần thâu gió mát trăng thanh,¹⁴⁰²

Bỗng đâu có khách biên đình sang chơi.¹⁴⁰³

Râu hùm hàm én mày ngài,¹⁴⁰⁴

Vai năm tấc rộng thân mười thước cao.

Đường đường một dũng anh hào,

2170. Côn quyền hơn sức lược thao gồm tài.¹⁴⁰⁵

Đội trời đạp đất ở đời,

Họ Từ tên Hải vốn người Việt-đông.¹⁴⁰⁶

Gian hồ quen thú vẫy vùng,

Gươm đòn nửa gánh non sông một chèo.¹⁴⁰⁷

2175. Qua chơi nghe tiếng nàng Kiều,¹⁴⁰⁸

Tấm lòng nhi nữ cũng xiêu anh hùng.¹⁴⁰⁹

Thiếp danh đưa đến lâu hồng,¹⁴¹⁰

Hai bên cùng liếc hai lòng cùng ưa.¹⁴¹¹

Từ rắng : « Tâm phúc tương cờ,¹⁴¹²

2180. « Phải người trăng gió vật vờ hay sao ?¹⁴¹³

« Bấy lâu nghe tiếng má đào,

« Mắt xanh chẳng để ai vào có không ?¹⁴¹⁴

« Một đời được mấy anh hùng.

« Bõ chi cá chậu chim lồng mà chơi ! »¹⁴¹⁵

2185. Nàng rắng : « Người dạy quá lời,

Thân này còn dám xem ai làm thường !

« Chút riêng chọn đá thử vàng, ¹⁴¹⁶

« Biết đâu mà gởi can trường vào đâu ?

« Còn như vào trước ra sau, ¹⁴¹⁷

2190. « Ai cho kén chọn vàng thau tại mình ! »

Từ rằng : « Lời nói hữu tình,

« Khiến người lại nhớ câu Bình-nguyên quân. ¹⁴¹⁸

« Lại đây xem lại cho gần,

« Phỏng tin được một vài phần hay không ? »

2195. Thưa rằng : « Lượng cả bao dong,

« Tân-dương được thấy mây rồng có phen. ¹⁴¹⁹

« Rộng thương cỏ nội hoa hèn,

« Chút thân bèo bọt dám phiền mai sau ! »

Nghe lời, vừa ý gật đầu,

2200. Cười rằng : « Tri kỷ trước sau mấy người ? ¹⁴²⁰

« Khen cho con mắt tinh đời,

« Anh hùng đoán giữa trán ai mới già ! ¹⁴²¹

« Một lời đã biết đến ta,

« Muôn chung nghìn tứ cũng là có nhau ! » ¹⁴²²

2205. Hai bên ý hợp tâm đầu, ¹⁴²³

Khi thân chẳng lợ là cầu mới thân !

Ngỏ lời nói với băng nhân, ¹⁴²⁴

Tiền trăm lại cứ nguyên ngân phát hoàn. ¹⁴²⁵

Buồng riêng sửa chốn thanh nhàn,

2210. Đặt giường thất bảo vây màn bát tiên. ¹⁴²⁶

Trai anh hùng gái thuyền quyên,

Phỉ nguyên sánh phượng đẹp duyên cưỡi rồng. ¹⁴²⁷

Nửa năm hương lửa đương nồng,

Trương phu thoát đã động lòng bốn phương. ¹⁴²⁸

2215. Trông vời trời bể mênh mang, ¹⁴²⁹

Thanh gươm yên ngựa lên đường thăng giong.

Nàng răng : « Phận gái chữ *tòng*, ¹⁴³⁰

« Chàng đi thiếp cũng một lòng xin đi ». ¹⁴³¹

Từ răng : « Tâm phúc tương tri, ¹⁴³²

2220. « Sao chưa thoát khỏi nữ nhi thường tình ? ¹⁴³³

« Bao giờ mười vạn tinh binh,

« Tiếng bẽ dậy đất bóng tinh rợp đường. ¹⁴³⁴

« Làm cho rõ mặt phi thường,

« Bấy giờ ta sẽ rước nàng nghi gia. ¹⁴³⁵

2225. « Bằng nay bốn bể không nhà,

« Theo càng thêm bận biết là đi đâu ?

« Đành lòng chờ đó ít lâu,

« Chầy chặng là một năm sau, vội gì ! »

Quyết lời dứt áo ra đi,

2230. Gió đưa bằng tiện đã lìa dặm khơi. ¹⁴³⁶

Nàng từ chiếc bóng song mai, ¹⁴³⁷

Đêm thâu đắng đắng nhặt cài then mây. ¹⁴³⁸

Sân rêu chảng vẽ dấu giày,

Cỏ cao hơn thước liễu gầy vài phân.

2235. Đoái trông muôn dặm tử phần, ¹⁴³⁹

Hồn quê theo ngọn mây Tân xa xa. ¹⁴⁴⁰

Xót thay huyên cỗi xuân già,

Tấm lòng thương nhớ biết là có nguôi ?

Chỗc đà mười mấy năm trời, ¹⁴⁴¹

2240. Còn ra khi đã da mồi tóc sương. ¹⁴⁴²

Tiếc thay chút nghĩa cũ càng,

Dẫu lìa ngó ý còn vương tơ lòng. ¹⁴⁴³

Duyên em dù nỗi chỉ hồng,

May ra khi đã tay bồng tay mang.

2245. Tắc lòng cổ quốc tha hương,

Đường kia nỗi nợ ngốn ngang bời bời.

Cánh hồng bay bổng tuyệt vời, ¹⁴⁴⁴

Đã mòn con mắt phương trời đăm đăm. ¹⁴⁴⁵

Đêm ngày luống những âm thăm,

2250. Lửa binh đâu đã ầm ầm một phƯƠNG.

Ngất trời sát khí mơ màng. ¹⁴⁴⁶

Đầy sông kinh ngạc chật đường giáp binh. ¹⁴⁴⁷

Người quen thuộc kẻ chung quanh, ¹⁴⁴⁸

Nhủ nàng hãy tạm lánh mình một nơi. ¹⁴⁴⁹

2255. Nàng rằng : « Trước đã hẹn lời,

« Dẫu trong nguy hiểm dám rời ước xưa ! »

Còn đang dùng dũng ngắn ngơ,

Mái ngoài đã thấy bóng cờ tiếng la.

Giáp binh kéo đến quanh nhà,

2260. Đồng thanh cùng gởi : « Nào là phu nhân ? » ¹⁴⁵⁰

Hai bên mười vị tướng quân,

Đặt gươm cởi giáp trước sân khấu đầu. ¹⁴⁵¹

Cung ngà thể nữ nỗi sau, ¹⁴⁵²

Rắng : « Vâng lệnh chỉ rước chầu vu quy ». ¹⁴⁵³

2265. Sẵn sàng phượng liễn loan nghi, ¹⁴⁵⁴

Hoa quan chấp chơi hà y rõ ràng. ¹⁴⁵⁵

Dụng cờ nỗi trống lên đường,

Trúc tơ nỗi trước kiệu vàng kéo sau. ¹⁴⁵⁶

Hỏa bài tiền lộ ruồi mau, ¹⁴⁵⁷

2270. Nam đình nghe động trống chầu đại doanh. ¹⁴⁵⁸

Kéo cờ lũy phát súng thành,

Từ công ra ngựa thân nghênh cửa ngoài. ¹⁴⁵⁹

Rõ mình là vỏ cân đai, ¹⁴⁶⁰

Hãy còn hàm én mà ngài như xưa. ¹⁴⁶¹

2275. Cười rắng : « Cá nước duyên ưa ! ¹⁴⁶²

« Nhớ lời nói những bao giờ hay không ?

« Anh hùng mới biết anh hùng,

« Rày xem phỏng đã cam lòng ấy chưa ? »

Nàng rắng : « Chút phận ngây thơ,

2280. « Cũng may dây cát được nhờ bóng cây ! ¹⁴⁶³

« Đến bây giờ mới thấy đây,

« Mà lòng đã chắc những ngày một hai ! » ¹⁴⁶⁴

Cùng nhau trông mặt cả cười,

Dan tay về chốn trường mai tự tình. ¹⁴⁶⁵

2285. Tiệc bày thưởng tướng khao binh, ¹⁴⁶⁶

Thì thùng trống trận rập rình nhạc quân. ¹⁴⁶⁷

Vinh hoa bõ lúc phong trần,

Chữ tình ngày lại thêm xuân một ngày. ¹⁴⁶⁸

Trong quân có lúc vui vầy, ¹⁴⁶⁹

2290. Thong dong mới kể sự ngày hàn vi : ¹⁴⁷⁰

« Khi Vô-tích khi Lâm-truy,

« Nơi thì lửa đảo nơi thì xót thương.

« Tấm thân rày đã nhẹ nhàng,

« Chút còn ân oán đôi đường chưa xong ».

2295. Từ công nghe nói thủy chung,

Bất bình nổi trận đùng đùng sấm vang.

Nghiêm quân tuyển tướng sẵn sàng, ¹⁴⁷¹

Dưới cờ một lệnh vội vàng ruồi sao. ¹⁴⁷²

Ba quân chỉ ngọn cờ đào, ¹⁴⁷³

2300. Đạo ra Vô-tích đạo vào Lâm-truy.

Mấy người phụ bạc xưa kia,

Chiếu danh tẩm nã bắt về hỏi tra. ¹⁴⁷⁴

Lại sai lệnh tiễn truyền qua, ¹⁴⁷⁵

Giữ giàng họ Thúc một nhà cho yên.

2305. Mụ quản gia vẫn Giác Duyên,

Cũng sai lệnh tiễn đem tin rước mời.

Thệ sự kể hết mọi lời, ¹⁴⁷⁶

Lòng lòng cũng giận người người chấp uy. ¹⁴⁷⁷

Đạo trời báo phục chǐn ghê, ¹⁴⁷⁸

2310. Khéo thay một mẻ tóm vể đầy nơi. ¹⁴⁷⁹

Quân trung gươm lớn giáo dài,

Vệ trong thị lập cơ ngoài song phi. ¹⁴⁸⁰

Sẵn sàng tề chỉnh uy nghi,

Vác đòng chật đất tinh kỳ rợp sân. ¹⁴⁸¹

2315. Trưởng hùm mở giữa trung quân, ¹⁴⁸²

Từ công sánh với phu nhân cùng ngồi.

Tiên nghiêm, trống chứa dứt hồi, ¹⁴⁸³

Điểm danh trước dẫn chực ngoài cửa viên. ¹⁴⁸⁴

Từ rắng : « Ân oán hai bên, ¹⁴⁸⁵

2320. « Mặc nàng xử quyết báo đền cho minh ». ¹⁴⁸⁶

Nàng rắng : « Muôn cậy uy linh, ¹⁴⁸⁷

« Hãy xin báo đáp ân tình cho phu. ¹⁴⁸⁸

« Báo ân rồi sẽ trả thù ».

Từ rắng : « Việc ấy để cho mặc nàng ».

2325. Cho gươm mời đến Thúc lang, ¹⁴⁸⁹

Mặt như chàm đổ mình dường giẻ run. ¹⁴⁹⁰

Nàng răng : « Nghĩa nặng nghìn non, ¹⁴⁹¹

« Lâm-truy người cũ, chàng còn nhớ không ?

« Sâm Thương chẳng vẹn chữ tòng, ¹⁴⁹²

2330. « Tại ai, há dám phụ lòng cỗ nhân ?

« Gãm trăm cuốn bạc nghìn cân,

« Tạ lòng dễ xứng báo ân gọi là.

« Vợ chàng quý quái tinh ma,

« Phen này kẻ cắp bà già gặp nhau ! ¹⁴⁹³

2335. « Kiến bò miệng chén chưa lâu,

« Mưu sâu cũng trả nghĩa sâu cho vừa ! » ¹⁴⁹⁴

Thúc sinh trông mặt bấy giờ,

Mồ hôi chàng đã như mưa ướt dầm.

Lòng riêng mừng sợ khôn cẩm,

2340. Sợ thay mà lại mừng thăm cho ai.

Mụ già, sư trưởng thứ hai, ¹⁴⁹⁵

Thoắt đưa đến trước vội mời lên trên.

Dắt tay mở mặt cho nhìn :

« Hoa nô kia với Trạc Tuyền cũng tôi !

2345. Nhớ khi lỡ bước sẩy vời,

« Non vàng chưa dễ đèn bồi tấm thương.

« Nghìn vàng gọi chút lễ thường,

« Mà lòng Phiếu mẫu mẩy vàng cho cân ! » ¹⁴⁹⁶

Hai người trông mặt tần ngần,

2350. Nửa phần khiếp sợ nửa phần mừng vui.

Nàng răng : « Xin hãy rỗn ngồi,

« Xem cho rõ mặt biết tôi báo thù ! »

Kíp truyền chư tướng hiến phù, ¹⁴⁹⁷

Lại đem các tích phạm tù hậu tra. ¹⁴⁹⁸

2355. Dưới cờ, gươm tuốt nắp ra,
Chính danh thủ phạm tên là Hoạn thư.

Thoắt trông, nàng đã chào thưa : ¹⁴⁹⁹
« Tiểu thư cũng có bấy giờ đến đây ! ¹⁵⁰⁰

« Đàn bà dễ có mẩy tay,

2360. « Đời xưa mẩy mặt đời này mẩy gan !

« Dễ dàng là thói hồng nhan,

« Càng cay nghiệt lăm càng oan trái nhiều ! »

Hoạn thư hồn lạc phách xiêu, ¹⁵⁰¹

Khẩu đầu dưới trường lụa điểu kêu ca. ¹⁵⁰²

2365. Răng : « Tôi chút dạ đàn bà,

« Ghen tuông thì cũng người ta thường tình.

« Nghĩ cho khi các viết kinh,

« Với khi khỏi cửa dứt tình chẳng theo. ¹⁵⁰³

« Lòng riêng, riêng những kính yêu, ¹⁵⁰⁴

2370. « Chồng chung chưa dễ ai chiều cho ai !

« Trót lòng gây việc chồng gai, ¹⁵⁰⁵

« Còn nhờ lượng bể thương bài nào chẳng ! » ¹⁵⁰⁶

Khen cho : « Thật đã nên răng, ¹⁵⁰⁷

« Khôn ngoan đến mực nói năng phải lời.

2375. « Tha ra thì cũng may đời,

« Làm ra thì cũng ra người nhỏ nhen.

« Đã lòng tri quá thì nên, ¹⁵⁰⁸

« Truyền quân lệnh xuống trường tiễn tha ngay ». ¹⁵⁰⁹

Tạ lòng, lạy trước sân mây, ¹⁵¹⁰

2380. Cửa viên lại dắt một dây dẫn vào.

Nàng răng : « Lồng lộng trời cao !

« Hại nhân, nhân hại sự nào tại ta ! ¹⁵¹¹

« Trước là Bạc Hạnh, Bạc bà, ¹⁵¹²

« Bên là Ưng, Khuyển, bên là Sở Khanh, ¹⁵¹³

2385. « Tú bà với Mã Giám sinh,

« Các tên tội ấy đáng tình còn sao ? » ¹⁵¹⁴

Lệnh quân truyền xuống nội đao, ¹⁵¹⁵

Thê sao thì lại cứ sao gia hình.

Máu rơi thịt nát tan tành,

2390. Ai ai trông thấy hồn kinh phách rời. ¹⁵¹⁶

Cho hay muôn sự tại trời,

Phụ người chẳng bõ khi người phụ ta !

Mãy người bạc ác tinh ma,

Mình làm mình chịu kêu mà ai thương !

2395. Ba quân đông mặt pháp trường, ¹⁵¹⁷

Thanh thiên bạch nhật rõ ràng cho coi. ¹⁵¹⁸

Việc nàng báo phục vừa rồi,

Giác Duyên vội đã gởi lời từ quy. ¹⁵¹⁹

Nàng rằng : « Thiên tài nhất thì, ¹⁵²⁰

2400. « Cõ nhân đã dễ mẩy khi bàn hoàn. ¹⁵²¹

« Rồi đây bèo hợp mây tan, ¹⁵²²

« Biết đâu hạc nội mây ngàn là đâu ! »

Sư rằng : « Cũng chẳng mấy lâu, ¹⁵²³

« Trong năm năm lại gặp nhau đó mà.

2405. « Nhớ ngày hành cước phương xa, ¹⁵²⁴

« Gặp sư Tam Hợp vốn là tiên tri. ¹⁵²⁵

« Bảo cho hội ngộ chi kỳ, ¹⁵²⁶

« Năm nay là một, nữa thì năm năm.

« Mới hay tiền định chẳng lầm,

2410. « Đã tin điều trước ắt nhầm việc sau. ¹⁵²⁷

« Còn nhiều ân ái với nhau, ¹⁵²⁸

« Cơ duyên nào đã hết đâu vội gì ? » ¹⁵²⁹

Nàng rằng : « Tiền định tiên tri,

« Lời sư đã dạy ắt thì chẳng sai.

2415. « Họa bao giờ có gặp người,

« Vì tôi cậy hỏi một lời chung thân ». ¹⁵³⁰

Giác Duyên vâng dặn ân cần, ¹⁵³¹

Tạ từ thoắt đã dời chân cõi ngoài.

Nàng từ ân oán rạch rời,

2420. Bể oan dường đã vơi vơi cạnh lòng. ¹⁵³²

Tạ ân lạy trước Từ công :

« Chút thân bồ liễu nào mong có rày ! ¹⁵³³

« Trộm nhờ sấm sét ra tay,

« Tắc riêng như cất gánh đầy đổ đi !

2425. « Chạm xương chép dạ xiết chi, ¹⁵³⁴

« Dễ đem gan óc đền nghỉ trời mây ! » ¹⁵³⁵

Từ rằng : « Quốc sĩ xưa nay, ¹⁵³⁶

« Chọn người tri kỷ một ngày được chăng ?

« Anh hùng tiếng đã gọi rằng,

2430. « Giữa đường dấu thấy bất bằng mà tha ! ¹⁵³⁷

« Huống chi việc cũng việc nhà,

« Lọ là thâm tạ mới là tri ân. ¹⁵³⁸

« Xót nàng còn chút song thân, ¹⁵³⁹

« Bấy nay kẻ Việt người Tần cách xa. ¹⁵⁴⁰

2435. « Sao cho muôn dặm một nhà,

« Cho người thấy mặt là ta cam lòng ».

Vội truyền sửa tiệc quân trung, ¹⁵⁴¹

Muôn binh nghìn tướng hội đồng tẩy oan. ¹⁵⁴²

Thừa cơ trúc chẻ ngói tan, ¹⁵⁴³

2440. Binh uy từ ấy sấm ran trong ngoài. ¹⁵⁴⁴

Triều đình riêng một góc trời,

Gồm hai văn võ rạch đôi sơn hà.

Đòi cơn gió quét mưa sa, ¹⁵⁴⁵

Huyện thành đạp đổ năm tòa cõi nam. ¹⁵⁴⁶

2445. Phong trần mài một lưỡi gươm, ¹⁵⁴⁷

Những loài giá áo túi cơm sá gì ! ¹⁵⁴⁸

Nghênh ngang một cõi biên thùy,

Kém gì cô quả kém gì bá vương ! ¹⁵⁴⁹

Trước cờ ai dám tranh cường, ¹⁵⁵⁰

2450. Năm năm hùng cứ một phuong hải tần. ¹⁵⁵¹

Có quan tổng đốc trọng thần,

Là Hồ Tôn Hiến kinh luân gồm tài. ¹⁵⁵²

Đẩy xe vâng chỉ đặc sai, ¹⁵⁵³

Tiện nghi bát tiểu việc ngoài đồng nhung. ¹⁵⁵⁴

2455. Biết Từ là đấng anh hùng,

Biết nàng cũng dự quân trung luận bàn.

Đóng quân làm chước chiêu an, ¹⁵⁵⁵

Ngọc vàng gấm vóc, sai quan thuyết hàng. ¹⁵⁵⁶

Lại riêng một lễ với nàng,

2460. Hai tên thể nữ ngọc vàng nghìn cân.

Tin vào gởi trước trung quân,

Từ công riêng hãy mười phân hồ đồ, ¹⁵⁵⁷

Một tay gây dựng cơ đồ,

Bấy lâu bể Sở sông Ngô tung hoành ! ¹⁵⁵⁸

2465. Bó thân vẽ với triều đình,

Hàng thắn lơ láo phận mình ra đâu ? ¹⁵⁵⁹

Áo xiêm ràng buộc lấy nhau, ¹⁵⁶⁰

Vào luôn ra cúi công hầu mà chi ? ¹⁵⁶¹

Sao bằng riêng một biên thùy,

2470. Sức này đã dễ làm gì được nhau ?

Chọc trời quấy nước mặc dầu,
Đọc ngang nào biết trên đầu có ai ?
Nàng thì thật dạ tin người,
Lẽ nhiều nói ngọt nghe lời dễ xiêu.

2475. Nghĩ mình mặt nước cánh bèo,

Đã nhiều lưu lạc lại nhiều gian truân.
Băng nay chịu tiếng vương thần, ¹⁵⁶²

Thênh thang đường cái thanh vân hép gì ! ¹⁵⁶³

Công tư vẹn cả hai bề,

2480. Dẫn dà rồi sẽ liệu về cõi hương. ¹⁵⁶⁴

Cũng ngôi mệnh phụ đường đường,
Nở nang mày mặt rõ ràng mẹ cha.

Trên vì nước dưới vì nhà,

Một là đắc hiếu hai là đắc trung. ¹⁵⁶⁶

2485. Chẳng hơn chiếc bách giữa dòng, ¹⁵⁶⁷

E dè sóng vỗ hãi hùng nước sa. ¹⁵⁶⁸

Nhân khi bàn bạc gần xa,

Thừa cơ, nàng mới bàn ra nói vào.

Rắng : « Trong Thánh trạch dõi dào, ¹⁵⁶⁹

2490. « Tưới ra đã khắp thăm vào đã sâu.

« Bình thành công đức bấy lâu, ¹⁵⁷⁰

« Ai ai cũng đội trên đầu biết bao.

« Ngẫm từ dãy việc binh đao,

« Đỗng xương Vô-định đã cao bằng đầu. ¹⁵⁷¹

2495. « Làm chi để tiếng về sau,

« Nghìn năm ai có khen đâu Hoàng Sào ! ¹⁵⁷²

« Sao băng lộc trọng quyền cao,

« Công danh ai dứt lối nào cho qua ? »

Nghe lời nàng nói mặn mà,

2500. Thẽ công, Từ mới trở ra thẽ hàng.

Chỉnh nghi tiếp sứ vội vàng, ¹⁵⁷³

Hẹn kỳ thúc giáp quyết đường giải binh. ¹⁵⁷⁴

Tin lời thành hạ yêu minh, ¹⁵⁷⁵

Ngọn cờ ngơ ngác trống canh trễ tràng.

2505. Việc binh bỏ chǎng giữ giàng,

Vương sư dòm đã tỏ tường thực hư. ¹⁵⁷⁶

Hồ công quyết kế thừa cơ, ¹⁵⁷⁷

Lễ tiên binh hậu khắc cờ tập công. ¹⁵⁷⁸

Kéo cờ chiêu phủ tiên phong, ¹⁵⁷⁹

2510. Lễ nghi dàn trước vác đồng phục sau. ¹⁵⁸⁰

Từ công hờ hững biết đâu ?

Đại quan lễ phục ra đầu cửa viên. ¹⁵⁸¹

Hồ công ám hiệu trận tiền, ¹⁵⁸²

Ba bě phát súng bốn bên kéo cờ,

2515. Đang khi bất ý chǎng ngờ, ¹⁵⁸³

Hùm thiêng khi đã sa cơ cõng hèn !

Tử sinh liều giữa trận tiền,

Dạn dãy cho biết gan liền tướng quân ! ¹⁵⁸⁴

Khí thiêng khi đã vã thân, ¹⁵⁸⁵

2520. Nhơn nhơn còn đứng chôn chân giữa vòng !

Trơ như đá vững như đồng, ¹⁵⁸⁶

Ai lay chǎng chuyển ai rung chǎng dời.

Quan quân truy sát đuổi dài, ¹⁵⁸⁷

Ù ù sát khí ngất trời ai đang ! ¹⁵⁸⁸

2525. Trong hào ngoài lũy tan hoang,

Loạn quân vừa dắt tay nàng đến nơi.

Trong vòng tên đá bời bời,¹⁵⁸⁹

Thầy Từ còn đứng giữa trời trơ trơ.

Khóc rắng : « Trí dũng có thừa,

2530. « Bởi nghe lời thiếp nêu cơ hội này !¹⁵⁹⁰

« Mặt nào trông thấy nhau đây ?

« Thà liều sống thác một ngày với nhau ! »¹⁵⁹¹

Dòng thu như giội cơn sầu,¹⁵⁹²

Dứt lời, nàng cũng gieo đầu một bên.

2535. Lạ thay oan khí tương triển !¹⁵⁹³

Nàng vừa phục xuống Từ liền ngã ra.¹⁵⁹⁴

Quan quân kẻ lại người qua,

Xót nàng sẽ lại vực ra dần dần.¹⁵⁹⁵

Đem vào đến trước trung quân,¹⁵⁹⁶

2540. Hồ công thấy mặt ân cần hỏi han.

Rắng : « Nàng chút phận hồng nhan,

« Gặp cơn binh cách nhiều nàn cũng thương !¹⁵⁹⁷

« Đã hay thành toán miếu đường,¹⁵⁹⁸

« Giúp công cũng có lời nàng mới nêu.¹⁵⁹⁹

2545. « Bây giờ sự đã vẹn tuyển,

« Mặc lòng nghĩ lấy muốn xin bể nào ? »¹⁶⁰⁰

Nàng càng giọt ngọc tuôn dào,

Ngập ngừng mới gởi thấp cao sự lòng.

Rắng : « Từ là đấng anh hùng,

2550. « Đọc ngang trời rộng vẫy vùng bể khơi !

« Tin tôi nêu quá nghe lời,

« Đem thân bách chiến làm tôi triều đình,¹⁶⁰¹

« Ngõ là phu quý phụ vinh,¹⁶⁰²

« Ai ngờ một phút tan tành thịt xương !

2555. « Năm năm trời bể ngang tàng,

« Dẫn mình đi bỏ chiến trường như không. ¹⁶⁰³

« Khéo khuyên kẻ lũy làm công,

« Kẻ bao nhiêu lại đau lòng bấy nhiêu !

« Xét mình công ít tội nhiều,

2560. « Sống thừa, tôi đã nên liều mình tôi !

« Xin cho tiện thổ một doi, ¹⁶⁰⁴

« Gọi là đắp điểm lũy người tử sinh ! » ¹⁶⁰⁵

Hồ công nghe nói thương tình,

Truyền cho cảo táng di hình bên sông. ¹⁶⁰⁶

2565. Trong quân mở tiệc hạ công, ¹⁶⁰⁷

Xôn xao tơ trúc hội đồng quân quan.

Bắt nàng thị yến dưới màn, ¹⁶⁰⁸

Dở say lại ép cung đàn nhặt tâu. ¹⁶⁰⁹

Một cung gió thảm mưa sầu, ¹⁶¹⁰

2570. Bốn dây nhỏ máu năm đầu ngón tay ! ¹⁶¹¹

Ve ngâm vượn hót nào tày,

Lọt tai, Hồ cũng nhăn mày rơi châu.

Hỏi rằng : « Này khúc ở đâu ?

« Nghe ra muôn oán nghìn sầu lầm thay ! »

2575. Thưa rằng : « Bạc mệnh khúc này, ¹⁶¹²

« Phổ vào đàn ấy những ngày còn thơ.

« Cung cầm lừa những ngày xưa,

« Mà gương bạc mệnh bây giờ là đây ! »

Nghe càng đắm ngắm càng say, ¹⁶¹³

2580. Lạ cho mặt sắt cũng ngây vì tình ! ¹⁶¹⁴

Dạy rằng : « Hương lửa ba sinh, ¹⁶¹⁵

« Dây loan xin nỗi cảm lành cho ai. » ¹⁶¹⁶

Thưa rằng : « Chút phận lạc loài,

« Trong mình nghĩ đã có người thác oan.

2585. « Còn chi nữa cánh hoa tàn,

« Tơ lòng đã dứt dây đàn Tiểu Lân. ¹⁶¹⁷

« Rộng thương còn mảnh hồng quần, ¹⁶¹⁸

« Hơi tàn được thấy gốc phần là may ! » ¹⁶¹⁹

Hạ công chén đã quá say

2590. Hồ công đến lúc rạng ngày nhớ ra. ¹⁶²⁰

Nghĩ mình phương diện quốc gia, ¹⁶²¹

Quan trên nhắm xuống người ta trông vào.

Phải tuồng trăng gió hay sao ?

Sự này biết tính thế nào được đây ? ¹⁶²²

2595. Công nha vừa buổi sáng ngày, ¹⁶²³

Quyết tình, Hồ mới đoán ngay một bài. ¹⁶²⁴

Lệnh quan, ai dám cãi lời, ¹⁶²⁵

Ép tình mới gán cho người thổi quan. ¹⁶²⁶

Ông tơ thực néo đa đoan !

2600. Xe tơ sao khéo vơ quàng vơ xiên ? ¹⁶²⁷

Kiệu hoa áp thăng xuống thuyền,

Lá màn rủ thấp ngọn đèn khêu cao.

Nàng càng ủ liễu phai đào,

Trăm phần nào có phần nào phần tươi ?

2605. Đành thân cát lấp sóng vùi, ¹⁶²⁸

Cướp công cha mẹ thiệt đời thông minh !

Chân trời mặt bể lênh đênh,

Nắm xương biết gởi tử sinh chốn nào ?

Duyên đâu, ai dứt tơ đào, ¹⁶²⁹

2610. Nợ đâu, ai đã dắt vào tận tay ! ¹⁶³⁰

 Thân sao thân đến thế này ?

Còn ngày nào cũng dư ngày ấy thôi ! ¹⁶³¹

 Đã không biết sống là vui,

Tấm thân nào biết thiệt thòi là thương !

2615. Một mình cay đắng trăm đường,

Thôi thì nát ngọc tan vàng thì thôi ! ¹⁶³²

 Mảnh trăng đã gác non đoài,

Một mình luống nhũng đứng ngồi chưa xong.

 Triều đâu nổi tiếng đúng đùng, ¹⁶³³

2620. Hỏi ra mới biết răng sông Tiền-đường.

 Nhớ lời thần mộng rõ ràng, ¹⁶³⁴

Này thôi hết kiếp đoạn trường là đây !

 « Đạm Tiên, nàng nhẹ có hay !

 « Hẹn ta thì đợi dưới này rước ta ». ¹⁶³⁵

2625. Dưới đèn sẵn bức tiên hoa,

Một thiên tuyệt bút gọi là để sau. ¹⁶³⁶

 Cửa bồng vội mở rèm châu, ¹⁶³⁷

Trời cao sông rộng một màu bao la. ¹⁶³⁸

 Răng : « Từ công hậu đãi ta,

2630. « Chút vì việc nước mà ra phụ lòng. ¹⁶³⁹

 « Giết chồng mà lại lấy chồng,

 « Mặt nào còn đứng ở trong cõi đời ? ¹⁶⁴⁰

 « Thôi thì một thác cho rồi,

 « Tấm lòng phó mặc trên trời dưới sông ! »

2635. Trông vời con nước mênh mông, ¹⁶⁴¹

Đem mình gieo xuống giữa dòng trường giang.

 Thổ quan theo vót voi vàng,

Thì đà đắm ngọc chìm hương mất rồi ! ¹⁶⁴²

Thương thay cũng một kiếp người, ¹⁶⁴³

2640. Hại thay, mang lấy sắc tài làm chi ! ¹⁶⁴⁴

Những là oan khổ lưu ly

Chờ cho hết kiếp còn gì là thân !

Mười lăm năm bấy nhiêu lần,

Làm gương cho khách hồng quần thử soi !

2645. Đời người đến thế thì thôi !

Trong cơ âm cực dương hồi khôn hay, ¹⁶⁴⁵

Mấy người hiểu nghĩa xưa nay, ¹⁶⁴⁶

Trời làm chi đến lâu ngày càng thương !

VII.

Giác Duyên từ tiết giã nàng,

2650. Đeo bầu quảy níp rộng dường vân du. ¹⁶⁴⁷

Gặp bà Tam Hợp đạo cô,

Thong dong hỏi hết nhỏ to sự nàng :

« Người sao hiểu nghĩa đủ đường,

« Kiếp sao rặt những đoạn trường thế thôi ? » ¹⁶⁴⁸

2655. Sư rằng : « Phúc họa đạo trời, ¹⁶⁴⁹

« Cỗi nguồn cũng ở lòng người mà ra.

« Có trời mà cũng tại ta, ¹⁶⁵⁰

« Tu là cỗi phúc tình là dây oan. ¹⁶⁵¹

« Thúy Kiều sắc sảo khôn ngoan,

2660. « Vô duyên là phận hồng nhan đã đành.

« Lại mang lấy một chữ tình,

« Khu khu mình buộc lấy mình vào trong.

« Vậy nên những chốn thong dong, ¹⁶⁵²

« Ở không yên ổn ngồi không vững vàng.

2665. « Ma đưa lối quý đem đường, ¹⁶⁵³

« Lại tìm những chốn đoạn trường mà đi.

 « Hết nạn ấy đến nạn kia,

 « Thanh lâu hai lượt thanh y hai lần. ¹⁶⁵⁴

 « Trong vòng giáo dựng gươm trắn, ¹⁶⁵⁵

2670. « Kẽ răng hùm sói gởi thân tôi đòi. ¹⁶⁵⁶

 « Giữa dòng nước dãy sóng dỗi,

 « Trước hàm rồng cá, gieo mồi vắng tanh. ¹⁶⁵⁷

 « Oan kia theo mãi với tình,

 « Một mình mình biết một mình mình hay. ¹⁶⁵⁸

2675. « Làm cho sống đọa thác đầy,

« Đoạn trường cho hết kiếp này mới thôi ! »

 Giác Duyên nghe nói rụng rời :

 « Một đời nàng nhé, thương ôi còn gì ! »

 Sư rằng : « Song chẳng hề chi,

2680. « Nghiệp duyên cân lại nhắc đi còn nhiều. ¹⁶⁵⁹

 « Xét trong tội nghiệp Thúy Kiều,

 « Mắc điểu tình ái khỏi điểu tà dâm.

 « Lấy tình thâm trả nghĩa thâm, ¹⁶⁶⁰

 « Bán mình đã động hiếu tâm đến trời !

2685. « Hại một người cứu muôn người, ¹⁶⁶¹

« Biết đường khinh trọng biết lời phải chăng.

 « Thừa công đức ấy ai bằng ? ¹⁶⁶²

 « Túc khiên đã rửa lâng lâng sạch rồi ! ¹⁶⁶³

 « Khi nêu trời cũng chiểu người,

2690. « Nhẹ nhàng nợ trước đèn bồi duyên sau.

 « Giác Duyên dù nhớ nghĩa nhau,

 « Tiền-đường thả một bè lau rước người. ¹⁶⁶⁴

« Trước sau cho vẹn một lời,

« Duyên ta mà cũng phúc trời chi không ! »

2695. Giác Duyên nghe nói mừng lòng,

Lân la tìm thú bên sông Tiền-đường.

Đánh tranh chum nóc thảo đường,¹⁶⁶⁵

Một gian nước biếc mây vàng chia đôi.

Thuê năm ngư phủ hai người,¹⁶⁶⁶

2700. Đóng thuyền chực bến kết chài giăng sông.

Một lòng chẳng quản mấy công,¹⁶⁶⁷

Khéo thay gấp gỡ cũng trong chuyển vận !¹⁶⁶⁸

Kiểu từ gieo xuống duênh ngân,¹⁶⁶⁹

Nước xuôi bỗng đã trôi dần tận nơi.

2705. Ngư ông kéo lưới vớt người,¹⁶⁷⁰

Ngẫm lời Tam Hợp rõ mười chẳng ngoa !

Trên mui lưới mướt áo là,¹⁶⁷¹

Tuy dầm hơi nước chưa lòe bóng gương.¹⁶⁷²

Giác Duyên nhận thật mặt nàng,

2710. Nàng còn thiêm thiếp giấc vàng chưa phai.¹⁶⁷³

Mơ màng phách quế hồn mai,¹⁶⁷⁴

Đạm Tiên, thoắt đã thấy người ngày xưa.¹⁶⁷⁵

Rằng : « Tôi đã có lòng chờ,

« Mất công mười mây năm thừa ở đây.¹⁶⁷⁶

2715. « Chị sao phận mỏng phúc dày,¹⁶⁷⁷

« Kiếp xưa đã vậy lòng này dễ ai !¹⁶⁷⁸

« Tâm thành đã thấu đến trời,¹⁶⁷⁹

« Bán mình là hiểu cứu người là nhân.

« Một niềm vì nước vì dân,¹⁶⁸⁰

2720. « Âm công cất một đồng cân đã già !¹⁶⁸¹

« Đoạn trường sổ rút tên ra,
« Đoạn trường thơ phải đưa mà trả nhau. ¹⁶⁸²
 « Còn nhiều hưởng thụ về lâu, ¹⁶⁸³
« Duyên xưa tròn trặn phúc sau dỗi dào ! » ¹⁶⁸⁴

2725. Nàng còn ngơ ngẩn biết sao,
Trạc Tuyền ! nghe tiếng gọi vào bên tai.
 Giật mình thoát tỉnh giấc mai, ¹⁶⁸⁵
 Bâng khuâng nào đã biết ai mà nhìn.
 Trong thuyền nào thấy Đạm Tiên,

2730. Bên mình chỉ thấy Giác Duyên ngồi kề.
 Thấy nhau mừng rỡ trăm bề, ¹⁶⁸⁶
Dọn thuyền mới rước nàng về thảo lư. ¹⁶⁸⁷
 Một nhà chung chạ sớm trưa, ¹⁶⁸⁸
 Gió trăng mát mặt muối đưa chay lòng. ¹⁶⁸⁹

2735. Bốn bề bát ngát mênh mông,
Triều dâng hôm sớm mây lồng trước sau.
 Nạn xưa trút sạch lâu lâu, ¹⁶⁹⁰
 Duyên xưa chưa dễ biết đâu chốn này.

VIII.

Nỗi nàng tai nạn đã đầy,
2740. Nỗi chàng Kim Trọng bãy chầy mới thương.
 Từ ngày muôn dặm phù tang, ¹⁶⁹¹
 Nửa năm ở đất Liêu-dương lại nhà.
 Vội sang vườn Thúy dò la, ¹⁶⁹²
Nhìn xem phong cảnh nay đà khác xưa. ¹⁶⁹³

2745. Đầy vườn cỏ mọc lau thưa, ¹⁶⁹⁴
Song trăng quạnh quẽ vách mưa rã rời. ¹⁶⁹⁵
 Trước sau nào thấy bóng người,

Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông. ¹⁶⁹⁶

Xập xè én liệu lầu không, ¹⁶⁹⁷

2750. Cỏ lan mặt đất rêu phong dấu giày.

Cuối tường gai góc mọc đầy,

Đi về này những lối này năm xưa.

Chung quanh lặng ngắt như tờ, ¹⁶⁹⁸

Nỗi niềm tâm sự bây giờ hỏi ai ?

2755. Láng giềng có kẻ sang chơi,

Lân la sẽ hỏi một hai sự tình.

Hỏi ông, ông mặc tụng đình, ¹⁶⁹⁹

Hỏi nàng, nàng đã bán mình chuộc cha. ¹⁷⁰⁰

Hỏi nhà, nhà đã dời xa,

2760. Hỏi chàng Vương với cùng là Thúy Vân. ¹⁷⁰¹

Đều là sa sút khó khăn,

May thuê viết mướn kiếm ăn lẩn hoid. ¹⁷⁰²

Điều đâu sét đánh lưng trời,

Thoắt nghe, chàng thoắt rụng rời xiết bao !

2765. Vội han di trú nơi nao, ¹⁷⁰³

Đánh đường, chàng mới tìm vào tận nơi. ¹⁷⁰⁴

Nhà tranh vách đất tả tơi,

Lau treo rèm nát trúc cài phen thưa. ¹⁷⁰⁵

Một sân đất cỏ dầm mưa,

2770. Càng ngao ngán nỗi càng ngơ ngẩn đường !

Đánh liều lên tiếng ngoài tường,

Chàng Vương nghe tiếng vội vàng chạy ra.

Dắt tay vội rước vào nhà,

Mái sau, viên ngoại ông bà ra ngay.

2775. Khóc than kể hết niềm tây :

« Chàng ôi, biết nỗi nước này cho chưa ?

 « Kiều nhi phận mỏng như tờ,

 « Một lời đã lỗi tóc tơ với chàng ! ¹⁷⁰⁶

 « Gặp cơn gia biến lạ dường, ¹⁷⁰⁷

2780. « Bán mình nó phải tìm đường cứu cha.

 « Dùng dǎng khi bước chân ra,

 « Cực trăm nghìn nỗi dặn ba bốn lần.

 « Trót lời nặng với lang quân, ¹⁷⁰⁸

 « Mượn con em nó Thúy Vân thay lời.

2785. « Gọi là trả chút nghĩa người,

« Sầu này dǎng đặc muôn đời chưa quên ! ¹⁷⁰⁹

 « Kiếp này duyên đã phụ duyên,

 « Dạ đài còn biết sẽ đền lai sinh. ¹⁷¹⁰

 « Mấy lời ký chú định ninh, ¹⁷¹¹

2790. « Ghi lòng để dạ cất mình ra đi. ¹⁷¹²

 « Phận sao bạc bãy Kiều nhi ! ¹⁷¹³

 « Chàng Kim về đó con thì đi đâu ? »

Ông bà càng nói càng đau,

Chàng càng nghe nói càng đau như mưa. ¹⁷¹⁴

2795. Vật mình vãy gió tuôn mưa, ¹⁷¹⁵

Dầm dề giọt ngọc thẫn thờ hồn mai !

Đau đài đoạn ngắt đài thôi,

Tỉnh ra lại khóc, khóc rồi lại mê.

Thãy chàng đau nỗi biệt ly,

2800. Nhận ngừng, ông mới vỗ về giải khuyên : ¹⁷¹⁶

 « Bây giờ ván đã đóng thuyền, ¹⁷¹⁷

 « Đã dành phận bạc khôn đền tình chung ! ¹⁷¹⁸

 « Quá thương chút nghĩa đèo bòng,

« Nghìn vàng thân ấy, dẽ hòng bỏ sao ? » ¹⁷¹⁹

2805. Dỗ dành khuyên giải trãm chiểu,
Lửa phiền càng dập càng khêu mỗi phiền. ¹⁷²⁰ ¹⁷²¹

Thề xưa, giờ đến kim hoàn,
Của xưa, lại giờ đến đàn với hương.
Sinh càng trông thấy càng thương,

2810. Gan càng tức tối ruột càng xót xa.

Răng « Tôi trót quá chân ra, ¹⁷²²
« Để cho đến nỗi trôi hoa giặt bèo.
« Cùng nhau thề thốt đã nhiều,

« Những điếu vàng đá phải điếu nói không ! ¹⁷²³

2815. « Chưa chăn gối cũng vợ chồng,
« Lòng nào mà nỡ dứt lòng cho đang ?
« Bao nhiêu của mấy ngày đàng,
« Còn tôi, tôi một gấp nàng mới thôi ! »
Nỗi thương nói chẳng hết lời,

2820. Tạ từ sinh mới sụt sùi trở ra. ¹⁷²⁴

Vội vã sửa chốn vườn hoa,
Rước mời viên ngoại ông bà cùng sang.

Thần hôn chăm chút lễ thường,
Dưỡng thân thay tấm lòng nàng ngày xưa. ¹⁷²⁵

2825. Đinh ninh mài lệ chép thơ,
Cắt người tìm tối đưa tờ nhẫn nhe.

Biết bao công mướn của thuê,
Lâm-thanh mấy độ đi về dặm khơi. ¹⁷²⁶

Người một nơi hỏi một nơi,

2830. Mênh mông nào biết bể trời nơi nao ?
Sinh càng thảm thiết khát khao,

Như nung gan sắt như bào lòng son.

Ruột tằm ngày một héo don,¹⁷²⁷

Tuyết sương ngày một hao mòn mình ve.

2835. Thẫn thờ lúc tỉnh lúc mê,¹⁷²⁸

Máu theo nước mắt hồn lài chiêm bao,

Xuân huyên lo sợ xiết bao,¹⁷²⁹

Quá ra khi đến thế nào mà hay !

Vội vàng sắm sửa chọn ngày,¹⁷³⁰

2840. Duyên Vân sớm đã xe dây cho chàng.¹⁷³¹

Người yếu điệu kẻ văn chương,¹⁷³²

Trai tài gái sắc xuân đương vừa thì.¹⁷³³

Tuy rằng vui chữ vu quy,¹⁷³⁴

Vui này đã cất sầu kia được nào !¹⁷³⁵

2845. Khi ăn ở lúc ra vào,

Càng âu duyên mới càng dào tình xưa.¹⁷³⁶

Nỗi nàng nhớ đến bao giờ,¹⁷³⁷

Tuôn châu đòi trận vò tơ trăm vòng.

Có khi vắng vẻ thư phòng,

2850. Đốt lò hương giờ phím đồng ngày xưa.

Bè bai, rủ rỉ tiếng tơ,¹⁷³⁸

Trăm bay nhạt khói gió đưa lay rèm.

Dường như bên nóc bên thềm,¹⁷³⁹

Tiếng kiều đồng vọng bóng xiêm mơ màng.¹⁷⁴⁰

2855. Bởi lòng tạc đá ghi vàng,¹⁷⁴¹

Tưởng nàng nên lại thấy nàng về đây.

Những là phiền muộn đêm ngày,

Xuân thu biết đã đổi thay mấy lần ?

Chẽ khoa gấp hội trường văn,¹⁷⁴²

2860. Vương, Kim cùng chiêm bảng xuân một ngày. ¹⁷⁴³

Cửa trời rộng mở đường mây, ¹⁷⁴⁴

Hoa chào ngõ hạnh hương bay dặm phẵn. ¹⁷⁴⁵

Chàng Vương nhớ đến xa gần,

Sang nhà Chung lão tạ ân chu tuyễn.

2865. Tình xưa ân trả nghĩa đền,

Gia thân lại mới kết duyên Châu Trần. ¹⁷⁴⁶

Kim từ nhẹ bước thanh vân, ¹⁷⁴⁷

Nỗi nàng càng nghĩ xa gần càng thương.

Áy ai dặn ngọc thẻ vàng,

2870. Bây giờ kim mã ngọc đường với ai ? ¹⁷⁴⁸

Ngọn bèo chân sóng lạc loài, ¹⁷⁴⁹

Nghĩ mình vinh hiển thương người lưu ly.

Vâng ra ngoại nhậm Lâm-truy, ¹⁷⁵⁰

Quan sơn nghìn dặm thê nhi một đoàn. ¹⁷⁵¹

2875. Cầm đường ngày tháng thanh nhàn, ¹⁷⁵²

Sớm khuya tiếng hạc tiếng đàn tiêu dao. ¹⁷⁵³

Phòng xuân trường rủ hoa đào, ¹⁷⁵⁴

Nàng Vân nằm bỗng chiêm bao thấy nàng.

Tỉnh ra mới rỉ cùng chàng, ¹⁷⁵⁵

2880. Nghe lời, chàng cũng hai đường tin nghi.

Nọ Lâm-thanh với Lâm-truy,

Khác nhau một chữ hoặc khi có lầm.

Trong cơ thanh khí tương tầm,

Ở đây hoặc có giai âm chăng là ? ¹⁷⁵⁶

2885. Thăng đường chàng mới hỏi tra, ¹⁷⁵⁷

Họ Đô có kẻ lại già thưa lên :

« Sự này đã ngoại mười niên,

« Tôi đà biết mặt biết tên rành rành.

« Tú bà cùng Mã Giám sinh,

2890. « Đi mua người ở Bắc-kinh đưa về. ¹⁷⁵⁸

« Thúy Kiều tài sắc ai bì,

« Có nghề đàn lại đủ nghề văn thơ ! ¹⁷⁵⁹

« Kiên trinh chẳng phải gan vừa, ¹⁷⁶⁰

« Liều mình thế ấy phải lừa thế kia. ¹⁷⁶¹

2895. « Phong trần chịu đã ê chề,

« Tơ duyên sau lại xe về Thúc lang. ¹⁷⁶²

« Phải tay vợ cả phủ phàng,

« Bắt về Vô-tích toan đường bẻ hoa,

« Bực mình, nàng phải trốn ra, ¹⁷⁶³

2900. « Chẳng may lại gặp một nhà Bạc kia.

« Thoắt buôn về thoắt bán đi, ¹⁷⁶⁴

« Mây trôi bèo nổi thiếu gì là nơi !

« Bỗng đâu lại gặp một người,

« Hơn đời trí dũng nghiêng trời uy linh. ¹⁷⁶⁵

2905. « Trong tay mười vạn tinh binh, ¹⁷⁶⁶

« Kéo về đóng chặt một thành Lâm-truy.

« Tóc tơ các tích mọi khi, ¹⁷⁶⁷

« Oán thì trả oán ân thì trả ân.

« Đã nên có nghĩa có nhân,

2910. « Trước sau trọn vẹn xa gần ngợi khen.

« Chưa tường được họ được tên, ¹⁷⁶⁸

« Sự này hỏi Thúc sinh viên mới tường ».

Nghe lời Đô nói rõ ràng,

Tức thì đưa thiếp mời chàng Thúc sinh. ¹⁷⁶⁹

2915. Nỗi nàng hỏi hết phân minh,

Chỗng con đâu tá tính danh là gì ?

Thúc rắng : « Gặp lúc lưu ly, ¹⁷⁷⁰

« Trong quân tôi hỏi thiếu gì tóc tơ.

« Đại vương tên Hải họ Từ,

2920. « Đánh quen trăm trận sức dư muôn người.

« Gặp nàng khi ở châu Thai, ¹⁷⁷¹

« Lạ gì quốc sắc thiên tài phải duyên,

« Vẫy vùng trong bấy nhiêu niêng,

« Làm nên động địa kinh thiên đúng đùng. ¹⁷⁷²

2925. « Đại quân đồn đóng cõi đông, ¹⁷⁷³

« Về sau chẳng biết vân mồng làm sao ». ¹⁷⁷⁴

Nghe tường ngành ngọn tiêu hao,

Lòng riêng, chàng luống lao đao thẫn thờ.

Xót thay chiếc lá bơ vơ,

2930. Kiếp trần biết giữ bao giờ cho xong ? ¹⁷⁷⁵

Hoa trôi nước chảy xuôi dòng, ¹⁷⁷⁶

Xót thân chìm nổi đau lòng hợp tan !

Lời xưa đã lỗi muôn vàn,

Mảnh hương còn đó phím đàn còn đây. ¹⁷⁷⁷

2935. Đàn cầm khéo ngắn ngơ dây,

Lửa hương biết có kiếp này nữa thôi ?

Bình bồng còn chút xa xôi, ¹⁷⁷⁸

Đỉnh chung sao nỡ ăn ngồi cho an ! ¹⁷⁷⁹

Rắp mong treo ấn từ quan, ¹⁷⁸⁰

2940. Mấy sông cũng lội mấy ngàn cũng pha. ¹⁷⁸¹

Dẫn mình trong áng can qua, ¹⁷⁸²

Vào sinh ra tử họa là thấy nhau.

Nghĩ điêu trời thăm vực sâu,

Bóng chim tăm cá biết đâu mà nhìn ! ¹⁷⁸³

2945. Nhũng là nấn ná đợi tin,
Nắng mưa biết đã mấy phen đổi dời ? ¹⁷⁸⁴
 Năm mây bỗng thấy chiểu trời, ¹⁷⁸⁵
Khâm ban sắc chỉ đến nơi rành rành. ¹⁷⁸⁶
 Kim thì cải nhậm Nam-bình, ¹⁷⁸⁷

2950. Chàng Vương cũng cải nhậm thành Phú-dương. ¹⁷⁸⁸

 Sắm sanh xe ngựa vội vàng,
Hai nhà cũng thuận một đường phó quan. ¹⁷⁸⁹
 Xảy nghe thế giặc đã tan,
Sóng êm Phúc-kiến lửa tàn Chiết-giang. ¹⁷⁹⁰

2955. Được tin Kim mới rủ Vương,
Tiện đường cùng lại tìm nàng sau xưa.
 Hàng-châu đến đó bấy giờ, ¹⁷⁹¹
Thật tin hỏi được tóc tơ rành rành.

 Rằng : « Ngày hôm nọ giao binh, ¹⁷⁹²
2960. « Thất cơ, Từ đã thu linh trận tiền. ¹⁷⁹³

 « Nàng Kiều công cả chặng đèn,
 « Lệnh quan lại bắt ép duyên thổ tù. ¹⁷⁹⁴
 « Nàng đà gieo ngọc trầm châu, ¹⁷⁹⁵
 « Sông Tiền-đường đó, ấy mồ hồng nhan ! »

2965. Thương ôi ! không hợp mà tan,
Một nhà vinh hiển riêng oan một nàng !

 Chiêu hồn thiết vị lễ thường, ¹⁷⁹⁶
Giải oan, lập một đàn tràng bên sông. ¹⁷⁹⁷
 Ngọn triều non bạc trùng trùng, ¹⁷⁹⁸

2970. Vời trông còn tưởng cánh hồng lúc gieo. ¹⁷⁹⁹
 Tình thâm bể thảm lạ điếu, ¹⁸⁰⁰

Nào hồn tinh vê biết theo chốn nào ? ¹⁸⁰¹

Cơ duyên đâu bỗng lạ sao, ¹⁸⁰²

Giác Duyên đâu bỗng tìm vào đến nơi. ¹⁸⁰³

2975. Trông lên linh vị chữ bài, ¹⁸⁰⁴

Thất kinh mới hỏi : « Những người đâu ta ? ¹⁸⁰⁵

« Với nàng thân thích gần xa,

« Người còn sao bỗng làm ma khóc người ? »

Nghe tin nhớ nhác rụng rời, ¹⁸⁰⁶

2980. Xúm quanh kể lể rộn lời hỏi tra : ¹⁸⁰⁷

« Này chồng này mẹ này cha,

« Này là em ruột này là em dâu.

« Thật tin nghe đã bấy lâu,

« Pháp sư dạy thế, sự đâu lạ dường ! » ¹⁸⁰⁸

2985. Sư rằng : « Nhân quả với nàng, ¹⁸⁰⁹

« Lâm-truy buổi trước Tiền-đường buổi sau.

« Khi nàng gieo ngọc trầm châu,

« Đón nhau tôi đã gặp nhau rước về. ¹⁸¹⁰

« Cùng nhau nương cửa bồ đề, ¹⁸¹¹

2990. « Thảo am đó cũng gần kề chẵng xa. ¹⁸¹²

« Phật tiền ngày bạc lân la, ¹⁸¹³

« Đăm đăm nàng cũng nhớ nhà khôn khuây ».

Nghe tin nở mặt nở mày,

Mừng nào lại quá mừng này nữa chăng ?

2995. Từ phen chiếc lá lìa rừng, ¹⁸¹⁴

Thăm tìm luống những liệu chừng nước mây.

Rõ ràng hoa rụng hương bay, ¹⁸¹⁵

Kiếp sau họa thấy kiếp này hắn thôi.

Minh dương đôi ngả chắc rồi, ¹⁸¹⁶

3000. Cõi trần mà lại thấy người cửu nguyên ! ¹⁸¹⁷

Cùng nhau lạy tạ Giác Duyên, ¹⁸¹⁸

Bộ hành một lũ theo liền một khi.

Bé lau vạch cỏ tìm đi,

Tình thâm luống hãy hồ nghi nửa phần.

3005. Quanh co theo dải giang tân, ¹⁸¹⁹

Khỏi rừng lau đã tới sân Phật đường.

Giác Duyên lên tiếng gọi nàng,

Phòng trong vội đạo sen vàng bước ra. ¹⁸²⁰

Trông xem đủ mặt một nhà : ¹⁸²¹

3010. Xuân già còn khỏe huyền già còn tươi.

Hai em phương trưởng hòa hai, ¹⁸²²

Nọ chàng Kim đó là người ngày xưa !

Tưởng bây giờ là bao giờ,

Rõ ràng mở mắt còn ngờ chiêm bao. ¹⁸²³

3015. Giọt châu thánh thót quen bào, ¹⁸²⁴

Mừng mừng tủi tủi xiết bao là tình ! ¹⁸²⁵

Huyền già dưới gối gieo mình, ¹⁸²⁶

Khóc than, mình kể sự tình đầu đuôi : ¹⁸²⁷

« Từ con lưu lạc quê người,

3020. « Bèo trôi sóng vỗ chốc mười lăm năm !

« Tính răng sông nước cát lầm, ¹⁸²⁸

« Kiếp này, ai lại còn cầm gấp đây ! »

Ông bà trông mặt cầm tay,

Dung quang chẳng khác chi ngày bước ra. ¹⁸²⁹

3025. Bấy chầy dãi nguyệt dấu hoa, ¹⁸³⁰

Mười phần xuân có gầy ba bốn phần.

Nỗi mừng biết lấy chi cân ? ¹⁸³¹

Lời tan hợp chuyện xa gần thiếu đâu !

Hai em hỏi trước han sau,

3030. Đứng trông, chàng cũng trở sầu làm tươi. ¹⁸³²

Quây nhau lạy trước Phật đài, ¹⁸³³

Tái sinh trần tạ lòng người từ bi. ¹⁸³⁴

Kiệu hoa giục giã tức thì,

Vương ông dạy rước cùng về một nơi.

3035. Nàng răng : « Chút phận hoa rơi,

« Nửa đời nếm trải mọi mùi đắng cay.

« Tính răng mặt nước chân mây, ¹⁸³⁵

« Lòng nào còn tưởng có rày nữa không ?

« Được rày tái thế tương phùng, ¹⁸³⁶

3040. « Khát khao đã thỏa tấm lòng lâu nay !

« Đã đem mình bỏ am mây,

« Tuổi này gởi với cỏ cây cũng vừa.

« Mùi thiền đã bén muối dưa,

« Màu thiền ăn mặc đã ưa nâu sòng.

3045. « Sự đời đã tắt lửa lòng,

« Còn chen vào chốn bụi hồng làm chi !

« Dở dang nào có hay gì,

« Đã tu tu trót quá thì thì thôi !

« Trùng sinh ân nặng bể trời, ¹⁸³⁷

3050. « Lòng nào nỡ dứt nghĩa người ra đi ? »

Ông răng : « Bỉ thử nhất thì, ¹⁸³⁸

« Tu hành thì cũng phải khi tòng quyên. ¹⁸³⁹

« Phải điều cầu Phật cầu Tiên,

« Tình kia hiếu nợ, ai đền cho đây ?

3055. « Độ sinh nhờ đức cao dày, ¹⁸⁴⁰

« Lập am rồi sẽ rước thầy ở chung ».

Nghe lời, nàng phải chiểu lòng,¹⁸⁴¹

Giả sư giả cảnh đều cùng bước ra.

Một nhà về đến quan nha,¹⁸⁴²

3060. Đoàn viên vội mở tiệc hoa vui vầy.¹⁸⁴³

Tàng tàng chén cúc dở say,¹⁸⁴⁴

Đứng lên Vân mới giải bày một hai.¹⁸⁴⁵

Rằng : « Trong tác hợp cơ trời,¹⁸⁴⁶

« Hai bên gặp gỡ một lời kết giao.¹⁸⁴⁷

3065. « Gặp cơn bình địa ba đào,¹⁸⁴⁸

« Vậy đem duyên chị buộc vào cho em.¹⁸⁴⁹

« Cũng là phận cải duyên kim,¹⁸⁵⁰

« Cũng là máu chảy ruột mềm chớ sao ?

« Những là rày ước mai ao,

3070. « Mười lăm năm ấy biết bao nhiêu tình !

« Bây giờ gương vỡ lại lành,¹⁸⁵¹

« Khuôn thiêng lửa lọc đã dành có nơi.

« Còn duyên may lại còn người,

« Còn vắng trăng cũ còn lời nguyền xưa.¹⁸⁵²

3075. « Quả mai ba bảy đương vừa,¹⁸⁵³

« Đào non sớm liệu xe tơ kịp thì ! »¹⁸⁵⁴

Dứt lời, nàng vội gạt đi :

« Sự muôn năm cũ, kể chi bây giờ ?¹⁸⁵⁵

« Một lời tuy có ước xưa,

3080. « Xét mình dãi gió dầu mưa đã nhiều.

« Nói càng hổ thẹn trăm chiểu,

« Thà cho ngọn nước thủy triều chảy xuôi ! »¹⁸⁵⁶

Chàng rằng : « Nói cũng lạ đời,¹⁸⁵⁷

« Dẫu lòng kia vậy còn lời ấy sao ?

3085. « Một lời đã trót thâm giao, ¹⁸⁵⁸

« Dưới dày có đất trên cao có trời !

« Dẫu rằng vật đổi sao dời, ¹⁸⁵⁹

« Tử sinh cũng giữ lấy lời tử sinh ! ¹⁸⁶⁰

« Duyên kia có phụ chi tình, ¹⁸⁶¹

3090. « Mà toan sẻ gánh chung tình làm hai ? » ¹⁸⁶²

Nàng rằng : « Gia thất duyên hỉ, ¹⁸⁶³

« Chút lòng ân ái, ai ai cũng lòng.

« Nghĩ rằng trong đạo vợ chồng,

« Hoa thơm phong nhị trăng vòng tròn gương. ¹⁸⁶⁴

3095. « Chữ *trinh* đáng giá nghìn vàng,

« Đuốc hoa chẳng thiện với chàng mai xưa.

« Thiếp từ ngộ biến đến giờ,

« Ông qua bướm lại đã thừa xấu xa.

« Bấy chầy gió táp mưa sa,

3100. « Mấy trăng cũng khuyết mấy hoa cũng tàn.

« Còn chi là cái hồng nhan,

« Đã xong thân thế còn toan nỗi nào ?

« Nghĩ mình chẳng hổ mình sao,

« Dám đem trần cẩu dự vào bổ kinh ! ¹⁸⁶⁵

3105. « Đã hay chàng nặng vì tình,

« Trông hoa đèn chẳng thiện mình lầm ru ! ¹⁸⁶⁶

« Từ rày khép cửa phòng thu, ¹⁸⁶⁷

« Chẳng tu thì cũng như tu mới là !

« Chàng dù nghĩ đến tình xa, ¹⁸⁶⁸

3110. « Đem tình cầm sắt đổi ra cầm cờ. ¹⁸⁶⁹

« Nói chi kết tóc xe tơ,

« Đã buồn cả ruột mà dơ cả đời ! » ¹⁸⁷⁰

Chàng rằng : « Khéo nói nên lời,

« Mà trong lẽ phải có người có ta !

3115. « Xưa nay trong đạo đàn bà,

« Chữ *trinh* kia cũng có ba bảy đường : ¹⁸⁷¹

« Có khi biến có khi thường,

« Có quyền nào phải một đường chấp kinh. ¹⁸⁷²

« Như nàng lấy *hiếu* làm *trinh*,

3120. « Bụi nào cho đục được mình ấy vay ? ¹⁸⁷³

« Trời còn để có hôm nay,

« Tan sương đầu ngõ vén mây giữa trời. ¹⁸⁷⁴

« Hoa tàn mà lại thêm tươi,

« Trăng tàn mà lại hơn mười răm xưa.

3125. « Có điều chi nữa mà ngờ,

« Khách qua đường để hững hờ chàng Tiêu ! » ¹⁸⁷⁵

Nghe chàng nói đã hết điều,

Hai thân thì cũng quyết theo một bài.

Hết lời khôn lẽ chối lời, ¹⁸⁷⁶

3130. Cúi đầu nàng những ngắn dài thở than.

Nhà vừa mở tiệc đoàn viên, ¹⁸⁷⁷

Hoa soi ngọn đuốc hồng chen bức là. ¹⁸⁷⁸

Cùng nhau giao bái một nhà, ¹⁸⁷⁹

Lễ đà đủ lễ đôi đà xứng đôi. ¹⁸⁸⁰

3135. Động phòng dùu đặt chén mồi, ¹⁸⁸¹

Bâng khuâng duyên mới ngâm ngùi tình xưa.

Những từ sen ngó đào tơ, ¹⁸⁸²

Mười lăm năm mới bảy giờ là đây !

Tình duyên ấy hợp tan này, ¹⁸⁸³

3140. Bi hoan mĩ nỗi đêm chảy trăng cao. ¹⁸⁸⁴

Canh khuya bức gấm rủ thao,

Dưới đèn tỏ dạng má đào thêm xuân. ¹⁸⁸⁵

Tình nhân lại gặp tình nhân,

Hoa xưa ong cũ mĩ phân chung tình ! ¹⁸⁸⁶

3145. Nàng rằng : « Phận thiếp đã đành,

« Có làm chi nữa cái mình bỏ đi !

« Nghĩ chàng nghĩa cũ tình ghi,

« Chiều lòng gọi có xướng tùy mảy may. ¹⁸⁸⁷

« Riêng lòng đã hẹn lầm thay,

3150. « Cũng đà mặt dạn mà dày khó coi ! ¹⁸⁸⁸

« Nhũng như âu yếm vành ngoài, ¹⁸⁸⁹

« Còn toan mở mặt với người cho qua.

« Lại như nhũng thói người ta,

« Vớt hương dưới đất bỉm cuối mùa. ¹⁸⁹⁰

3155. « Khéo là giờ nhuốm bày trò, ¹⁸⁹¹

« Còn tình đâu nữa là thù đẩy thôi ! ¹⁸⁹²

« Người yêu, ta xấu với người,

« Yêu nhau thì lại băng mười phụ nhau !

« Cửa nhà dù tính về sau, ¹⁸⁹³

3160. « Thì còn em đó lọ cầu chị đây !

« Chữ trình còn một chút này,

« Chẳng cầm cho vững lại giày cho tan ! ¹⁸⁹⁴

« Còn nhiều ân ái chan chan, ¹⁸⁹⁵

« Hay gì vầy cánh hoa tàn mà chơi ? » ¹⁸⁹⁶

3165. Chàng rằng : « Gắn bó một lời,

« Bỗng không cá nước chim trời lỡ nhau.

« Xót người lưu lạc bấy lâu,

« Tưởng thẽ thốt nặng cũng đau đớn nhiều ! ¹⁸⁹⁷

« Thương nhau sinh tử đã liều, ¹⁸⁹⁸

3170. « Gặp nhau còn chút bấy nhiêu là tình. ¹⁸⁹⁹

« Chừng xuân tơ liễu còn xanh,

« Nghĩ rằng chưa thoát khỏi vành ái ân. ¹⁹⁰⁰

« Gương trong chǎng chút bụi tr minden,

« Một lời quyết hẳn muôn phần kính thêm !

3175. « Bấy lâu đây bể mò kim, ¹⁹⁰¹

« Là nhiều vàng đá phải tìm trăng hoa ?

« Ai ngờ lại họp một nhà,

« Lọ là chǎn gối mới ra sắt cẩm ! » ¹⁹⁰²

Nghe lời, sửa áo cài trâm,

3180. Khẩu đầu lạy tạ cao thâm nghìn trùng : ¹⁹⁰³

« Thân tàn, gạn đục khơi trong, ¹⁹⁰⁴

« Là nhờ quân tử khác lòng người ta.

« Mấy lời tâm phúc ruột rà, ¹⁹⁰⁵

« Tương tri dường ấy mới là tương tri !

3185. « Chở che dùm bọc thiếu gì ?

« Trăm năm danh tiết cũng vì đêm nay ! » ¹⁹⁰⁶

Thoắt thôi tay lại cầm tay,

Càng yêu vì nết càng say vì tình.

Thêm nến giá nối hương bình, ¹⁹⁰⁷

3190. Cùng nhau lại chuốc chén quỳnh giao hoan. ¹⁹⁰⁸

Tình xưa lai láng khôn hàn, ¹⁹⁰⁹

Thong dong lại hỏi ngón đàn ngày xưa.

Nàng rằng : « Vì mấy đường tơ,

« Lầm người cho đến bây giờ mới thôi !

3195. « Ăn năn thì sự đã rồi !

Nể lòng người cũ vâng lời một phen ».

 Phím đàn dìu đặt tay tiên,¹⁹¹⁰

Khói trầm cao thấp tiếng huyền gần xa.¹⁹¹¹

 Khúc đâu đầm ấm dương hòa,¹⁹¹²

3200. Ấy là hồ điệp hay là Trang sinh.¹⁹¹³

 Khúc đâu êm ái xuân tình,

 Ấy hồn Thực đế hay mình đỗ quyên ?¹⁹¹⁴

 Trong sao chau nhỏ duềnh quyên,¹⁹¹⁵

 Âm sao hạt ngọc Lam-điền mới đông !¹⁹¹⁶

3205. Lọt tai nghe suốt năm cung,

Tiếng nào là chẳng nao núng xôn xao.¹⁹¹⁷

 Chàng răng : « Phổ ấy tay nào ?

 « Xưa sao sầu thảm nay sao vui vầy ?

 « Tẻ vui bởi tại lòng này,¹⁹¹⁸

3210. « Hay là khổ tận đến ngày cam lai ? »¹⁹¹⁹

 Nàng răng : « Vì chút nghẽ chơi,¹⁹²⁰

 « Đoạn trường tiếng ấy hại người bấy lâu !

 « Một phen tri kỷ cùng nhau,¹⁹²¹

 « Cuốn dây từ đây về sau cũng chừa ».¹⁹²²

3215. Chuyện trò chưa cạn tóc tơ,

Gà đà gáy sáng trời vừa rạng đông.¹⁹²³

 Tình riêng, chàng lại nói sòng,¹⁹²⁴

 Một nhà ai cũng lạ lùng khen lao.¹⁹²⁵

 Cho hay thực nữ chí cao,¹⁹²⁶

3220. Phải người sớm mận tối đào như ai ?¹⁹²⁷

 Hai tình vẹn vẽ hòa hai,¹⁹²⁸

 Chẳng trong chăn gối cũng ngoài cầm thơ.¹⁹²⁹

 Khi chén rượu khi cuộc cờ,¹⁹³⁰

Khi xem hoa nở khi chờ trăng lên.

3225. Ba sinh đã phỉ mười nguyễn,
Duyên đôi lứa cũng là duyên bạn bầy. ¹⁹³¹

Nhớ lời, lập một am mây,

Khiến người thân tín rước thầy Giác Duyên. ¹⁹³²

Đến nơi, đóng cửa cài then, ¹⁹³³

3230. Rêu trùm kẽ ngạch cỏ lén mái nhà. ¹⁹³⁴

Sư đà hái thuốc phƯƠng xa,

Mây bay hạc lánh biết là tìm đâu ?

Nặng vì chút nghĩa bấy lâu, ¹⁹³⁵

Trên am cứ giữ hương dẫu hôm mai.

3235. Một nhà phúc lộc gồm hai,

Nghìn năm dǎng đặc quan giai lần lần. ¹⁹³⁶

Thừa gia chǎng hết nàng Vân, ¹⁹³⁷

Một cây cù mộc một sân quẽ hè. ¹⁹³⁸

Phong lưu phú quý ai bì,

3240. Vườn xuân một cửa để bia muôn đời. ¹⁹³⁹

*

Ngãm hay muôn sự tại trời, ¹⁹⁴⁰

Trời kia đã bắt làm người có thân.

Bắt phong trần phải phong trần,

Cho thanh cao mới được phần thanh cao.

3245. Có đâu thiên vị người nào,

Chữ tài chữ mệnh dồi dào cả hai,

Có tài mà cậy chi tài,

Chữ tài liền với chữ tai một vần.

Đã mang lấy nghiệp vào thân, ¹⁹⁴¹

3250. Cũng đừng trách lẩn trời gần, trời xa.

Thiện căn ở tại lòng ta,¹⁹⁴²
Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài.¹⁹⁴³
Lời quê chắp nhặt dông dài,¹⁹⁴⁴
Mua vui cũng được một vài trống canh.

PHẦN THỨ TƯ : PHỤ LỤC

- * Mười điêu Lệ ngôn *Đoạn trường tân thanh*
- * Tựa *Đoạn trường tân thanh*
- * Ngữ vựng
- * Phụ bản : *Ảnh 20 bản Kiêu nôm và quốc ngữ*

MƯỜI ĐIỀU LỆ NGÔN ĐOẠN TRƯỜNG TÂN THANH ¹⁹⁴⁵

KIỀU OÁNH MẬU

1. Bản *Đoạn trường tân thanh* này do cụ Nguyễn Du tham tri bộ lễ đầu triều ta, nguyên phiên theo bản Thanh Tâm Tài Nhân ngoại thư của Thánh Thán mà soạn ra ¹⁹⁴⁶. Văn từ điển nhã, tươi đẹp, người đọc lẩy làm khoái trá, so với bản của Trung-quốc trội hơn một bậc. Những danh nhân đồng thời với cụ như cụ Vũ Trinh ¹⁹⁴⁷ hiệu Liên-trì, cụ Nguyễn Lượng ¹⁹⁴⁸ hiệu Châu-giang đều có phê bình ; cụ Phạm Quý Thích làng Hoa-đường có đề từ ¹⁹⁴⁹. Kế đó, cụ Nguyễn Văn Thắng làng An-thái ¹⁹⁵⁰ làm ra các bản án trong đó « thời trân như thức thức sẵn bày » để cống hiến người cùng thích truyện. Ngoài ra, còn có nhiều bài đề vịnh khác, không có ý vị gì nên không nhắc đến.

2. Những bản do các hiệu ở Hàng Gai khắc ra có tới bốn năm bản, lâu ngày sai suyễn không cần phải bàn đến, còn những bản sao của tư gia thì mỗi nhà theo một lẽ. Năm trước, bạn thân tôi là ông đình nguyên họ Đào ở Cần-giang ¹⁹⁵¹, đem ở kinh về một bản trong đó có lời phê bình của Nguyễn tiên sinh và Vũ tiên sinh, chữ viết chân phuong ngay ngắn, lời văn sáng sủa, duy chỗ nào gấp chữ tên húy nhà vua thời lại thay đi làm sai lạc cả chân diện của bản gốc ¹⁹⁵². Bản này của tôi, phàm về ý nghĩa, thì chuyên lẩy theo bản Trung-quốc của Thánh Thán làm đích, còn về câu và

chữ, thì dựa hẵn theo bản *Kinh* làm chính, ngõ hầu có được cái mà làm chuẩn.

3. Truyện này nguyên tên là *Kim Vân Kiều* là nhân theo bản của Trung-quốc. Nay bản *Kinh* gọi là *Đoạn trường tân thanh*, suy xét ý nghĩa, gọi tên ấy rất thỏa đáng, nay cứ để nguyên.

4. Cụ tham trị bộ Lễ Nguyễn hầu, học vấn đã rộng, lịch duyệt lại sâu, truyện này lấy tài liệu trong nước và ngoài nước rất nhiều, phải tra cứu tinh tường xuất xứ mới có thể hiểu rõ được. Người tinh khắc biết. Cụ lại còn dùng những tiếng phương ngôn cổ kim, và những câu tục ngữ ở miền Nam, miền Bắc hoặc của người Thổ, người Mán ; các bản phường, vì không hiểu, tự ý thay đổi, thật đáng chê cười. Những chỗ như loại này, nay đều theo bản *Kinh* và tham chước bản các tư gia mà sửa lại cho đúng.

5. Các bản đã khắc in đem so với bản Trung-quốc của Thánh Thán, có nhiều chỗ sai lầm, không thông. Có chỗ do người sau tự ý sửa đổi đi, thì không nói làm gì, nhưng cũng có những chỗ do những nhà học rộng, nhớ nhiều, nhân khi viết, múa bút trong một lúc, nhỡ không kịp kiểm lại. Đó là cái thông bệnh của các nhà văn xưa nay, nên tưởng cũng không phải vì kiêng nể người xưa mà không nói ra. Bản này vẫn có đôi văn hơi ép, song nếu đọc nghe chạy nghĩa thì cũng cứ để như cũ. Còn những chỗ sai lạc không thông, thì đã tham đính tra cứu rất kỹ, nhân văn đổi hẵn đi để cho hợp với văn lý, tự biết làm như vậy là lạm quyền cầm bút, đã có ghi chú rõ ràng, mong người xem lượng thứ cho.

6. Chữ nôm nước ta, từ trước cứ theo ý riêng cốt đọc cho thông mà thôi, có khi một chữ mà đọc thành ba bốn âm, phân vân mỗi người một thuyết, chưa biết cân nhắc, chọn lựa vào đâu cho nhất trí. Nay nhân theo chữ quốc ngữ mà soạn thành một bản khác để cho được nhất trí, không phải là dám cùng người tranh cái phải. ¹⁹⁵³

7. Đại lược bình sinh cụ Nguyễn hầu tham tri bộ Lễ đã ghi chép đủ ở trong liệt truyện của Quốc sử, nay xin lục ra sau để nhân biết được người mà hiểu rõ được văn. ¹⁹⁵⁴

8. Bản này chú thích không dám cầu thả. Người ta thường nói : trai không nên xem truyện *Tam quốc*, *Truyện kỳ*, gái không nên đọc truyện *Kim Vân Kiều*, là sợ có khi hại đến đạo học mà nảy lòng dâm. Nhưng không phải thế. Còn nhớ, khi tôi 14 tuổi, đọc nghĩa sách thì thông, nhưng khi làm văn rất là khô khan và nghèo nàn. Có bậc tiền bối bảo tôi cứ đọc truyện *Thúy Kiều* thì khắc dễ viết văn. Tôi bèn lấy sách đọc, chỉ thông đại ý. Tuy điển nghĩa sâu sắc chưa hiểu được hết, nhưng từ văn đã bớt khô khan. Từ đó về sau, tôi nhân việc mà tra cứu tìm tòi, tùy nơi mà tham khảo đính chính lại ; một câu, một chữ phàm có ý nghĩa rồi thì mong cho được sáng tỏ hơn để biết chỗ khổ tâm của tác giả, tất cả bốn năm lần thay đổi bản thảo mới dám cho ra văn thế ¹⁹⁵⁵. Lại lúc tôi ở kinh từng thấy cụ đình nguyên Đỗ Huy Liệu ¹⁹⁵⁶ làng La-ngạn nói rằng : « Tôi khi thấy tứ văn khô khan, nghèo nàn thì đọc *Tam quốc*, *Truyện kỳ*, tự nhiên thấy lòng dạ được cởi mở thông suốt rộng rãi ». Thể mới biết văn của cổ nhân, người văn nhân xem thì là văn, mà người hoang dâm xem thì là dâm. Thơ Trịnh, Vệ ¹⁹⁵⁷ có câu : « Dĩ nhĩ xa

lai, dĩ ngã hối thiên », nghĩa là : anh đưa xe lại đón em, thì em mang tiền của cùng đi về nhà anh. Lại có câu : « Tử bất ngã tư, khởi vô tha nhân », nghĩa là : anh không thương nhớ em, em há không có người khác thương nhớ em hay sao ? Những câu ấy thật là dâm đãng, thế mà Khổng Phu tử vẫn cứ chép ; và người còn bảo con rằng : « Không học kinh Thi, không biết lấy gì để nói năng cho trôi chảy »¹⁹⁵⁸. Về phần tôi, đọc truyện Kiều thiết nghĩ rất có bổ ích.

9. Những lời phê bình của Vũ tiên sinh và Nguyễn tiên sinh tôi chỉ trích lấy những câu hay, nhân ghi kèm theo tên người bình để nêu rõ con mắt nhận xét sáng suốt của mỗi người. Có chỗ tôi cũng có theo ý riêng bàn rộng thêm để giúp người đời sau, chứ không dám làm điều thương khóc người xưa, xin độc giả lượng xét. Như có chỗ nào chưa đúng, mong những bậc quân tử học rộng văn hay chỉ giáo cho.

10. Năm Mậu tuất¹⁹⁵⁹ niên hiệu Thành-thái, sau khi thi đình, ông đình nguyên nhị giáp Đào Hoành-hải đem về một bản Kinh, tôi mới tham đính lại để cho khắc in, nhân xin ông cho bài tựa, nay đặt ở đầu quyển truyện để tỏ có chút công sưu tầm.

Niên hiệu Thành-thái thứ 14, sau ngày rằm tháng 7, năm Nhâm dần¹⁹⁶⁰, Kiều Oánh mâu, hiệu Giá-sơn, phó bảng khoa Canh thìn¹⁹⁶¹, quản biện sự vụ Đồng văn báo quán, viết tại một phòng riêng nhà thờ họ Bùi, ngõ Phất-lộc, Hà-nội.¹⁹⁶²

LÊ THƯỚC dịch

1963

TỰA ĐOẠN TRƯỜNG TÂN THANH

ĐÀO NGUYÊN PHỐ

Nước Việt ta từ Hàn Thuyên¹⁹⁶⁴ đời Trần bắt đầu dùng quốc âm làm thơ phú, rồi thể văn quoc âm mới nổi lên. Thể trên sáu dưới tám, dài ngắn hợp độ, âm tiết dịu dàng, tưởng cũng là phỏng theo những câu có sẵn trong kinh sử mà làm ra. Bài tựa truyện *Tỳ bà* của Kiều Giá-sơn nói đã tường rõ vây¹⁹⁶⁵. Người đời phỏng theo cách ấy mà phu diễn ra quốc âm có đã nhiều. Nhưng mùi dã lời quê, mười phần thì đã đến tám chín, không đáng nói đến. Truyện *Phan Trần*, truyện *Hoa tiên*, người ta đều khen là kiệt xướng, song cũng chưa thoát khỏi còn có câu hay câu dở, chỗ nhã chỗ tục. Muốn cầu cho được áng văn như lời chau ngọc, điệu hợp cung thương thì chủ có một truyện *Kim Vân Kiều* mà thôi.

Truyện này là của cụ Nguyễn Du, người Tiên-điền, làm hữu tham tri bộ Lê buổi đầu bản triều, y theo cuốn truyện của Thanh Tâm Tài Nhân mà làm ra. Lời lẽ xinh xắn mà văn hoa, âm điệu ngân vang mà tròn trịa, tài liệu chọn rất rộng, sự việc kể rất tường, lượm lặt những diễm khúc tình từ của cổ nhân ; lại góp đến cả phương ngôn ngạn ngữ nước nhà, mặn mà vụn vặt không sót, quê mùa tao nhã đều thu. Nói tình thì vẽ được hình trạng hợp ly cam khổ, mà tình không rời cảnh, tả cảnh thì bày hết thú vị tuyết phong hoa, mà cảnh tự vướng tình, mực muôn múa mà bút muôn bay, chữ hay phô mà câu hay nói, khiến người cười, khiến người khóc, khiến người vui, khiến người buồn, khiến người giở đi

giở lại ngàn lần, càng đọc thuộc lại càng không biêt chán, thật là một khúc Nam âm tuyệt xướng, một điệu tình phổ bực đầu vậy.

Lời xưa có nói : « Làm trai biêt đánh tôm, uống chè Chính-thái ¹⁹⁶⁶ xem nôm Thúy Kiều » mới là hợp thú tao nhã. Ngày nay nào khách văn chương, bạn thoa quần, cho đến kẻ buôn bán, người thôn hào, không ai là không có một quyển *Kiều* cầm tay để thưởng thức. Ngay như cả những người không biêt lối một chữ mà cũng học thuộc được vài câu., cũng thường khi nằm khi ngồi đem ra ngâm ngợi. Ôi ! Sao mà lại có văn làm say người đến thế ? Còn một điệu, tôi lối làm lạ hơn nữa là người đời dùng để bói, thì thấy ứng nghiệm như thần, mà xem tựa linh kinh Quỷ-cốc ¹⁹⁶⁷, là bởi làm sao ? Há chẳng phải tại : Thúy Kiều có tài sắc không hai, làm một bậc *tình nhân* tuyệt đỉnh nghìn đời ¹⁹⁶⁸ ; mười lăm năm lịch duyệt phong trần, nên một thiên *tình sự* tuyệt đỉnh nghìn xưa ¹⁹⁶⁹, diễn ra làm truyện, lâm ly đốn tảo, thành một khúc *tình từ* tuyệt đỉnh nghìn thu ¹⁹⁷⁰, đem so với bản của Thanh Tâm Tài Nhân lại càng hay hơn nhiều lăm ; người đã kỳ, việc lại kỳ, văn lại càng kỳ, nên chi chẳng những làm say người đọc mà lại có thể thông cảm thần minh nữa chẳng ?

Truyện *Kiều* ãn hành đã lâu, nét chữ có chỗ nhầm, người xem do cái nhầm này mà ra cái lẫn khác, phần nhiều cứ lấy ý kiến của riêng mà cưỡng giải. Bạn thân tôi là Kiều Giá-sơn, đỗ phó bảng triều Tự-đức, sành làm văn quốc âm, ngày làm quan ở tỉnh Bắc đã soạn truyện *Tỳ bà*, nay lại đem truyện này đính chính, kê dẫn điển tích cho người xem hiểu

rõ ; và nhân văn án của tham hiệp tiến sĩ Nguyên Văn Thắng đã khẳng định, Giá-sơn có làm thêm hai bản án thố quan và ngư phủ, lại vịnh cả thơ và đề cả tựa. Ai thấy đều khen là bác nhã và khuyên cho in để cống hiến người sành thơ văn. Nhưng Giá-sơn vì bận công việc báo quán Đồng văn, chưa rỗi để làm việc đó.

Năm Ất mùi ¹⁹⁷¹ tôi đương học ở Quốc tử giám, có công tử họ ngoại nhà vua cầm đũi tặng tôi một bản *Kiểu* mới, nhan đề là *Đoạn trường tân thanh*. Tôi mở ra đọc thấy châm chước từng chữ, từng câu, thay cũ đổi mới ; danh bút phê bình, cơ thần linh động. Lại được vua phê cho đôi câu đối ¹⁹⁷², nêu ở đầu sách ; người đẹp văn hay, được đóa thiên hương làm tăng thêm khí sắc. Vậy nên người ngâm vịnh quý hơn được ngọc bích, người truyền nhau sao chép, giá giấy đắt như « giấy quý Lạc đô ». ¹⁹⁷³

Mùa hè năm nay, tôi ở kinh vinh quy, mang sẵn bản *Kiểu* ấy đưa biếu Giá-sơn. Giá-sơn trông thấy liền mừng cuống lên, nhân gia công kiểm duyệt tinh tường, rồi khắc in để cho nhiều người thưởng thức. Tôi tin chắc rằng người đời muốn lấy cái mà hun đúc tính tình, kích dương phong nhã, cũng do ở bản truyện *Kiểu* này mà được vậy.

Thượng tuần tháng mười một, mùa đông năm Mậu tuất ¹⁹⁷⁴, niên hiệu Thành-thái.

Đình nguyên, nhị giáp tiến sĩ khoa Mậu tuất, Đào Nguyên Phổ, hiệu Hoành-hải, người Cần-giang, tỉnh Thái-bình ¹⁹⁷⁵, ghi.

TRẦN LÊ NHÂN dịch

NGỮ VỰNG

Bảng này ghi lại các từ, ngữ trong phần chú thích và một số từ, ngữ khác của truyện Kiều để bạn đọc dùng làm tư liệu nghiên cứu.

Những từ, ngữ trong bảng này, có chữ (xem ct 2, tr.341) được ghi lại trong nhiều văn là cốt giúp cho việc tra cứu được dễ dàng, và ngoài ra có thể giúp bạn đọc có một cái nhìn chung về sự phong phú của ngôn ngữ truyện Kiều được biểu hiện trong các dạng kết hợp khác nhau của chúng.

Những từ, ngữ được chú thích có kèm theo số chú thích đầu. Các từ, ngữ khác sẽ được ghi thêm cả số câu mà từ, ngữ đó được sử dụng.

A

Ả 15

Ả Hăng 1636

Ả hoàn 1719

Ả Lý 672

Ả mày ngài 927

Ám hiệu 2513

Ả Tạ 406

Ả tő nga 15

Ác 79

Ác nhân 1641

Ác vàng 1269

Ai khảo mà xưng 1578

Am 2036
Am mây 2053
Ám hiệu 2513
An thân 2085
Án ngờ lòa mây 590
Án phê 1454
Áng can qua 2941
Áng mây Hàng 1319
Anh hào 2169
Anh hoa 415
Anh hùng 1071, 2176, 2183, 2202, 2211, 2277, 2429,
2455, 2579
Anh yến 944
Ào ào 121, 578
Áo là 2707
Áo quần như nêm 48
Áo xanh 1921
Áo xiêm 373
Áp điệu 1134

Ă

Ăn chơi 816
Ăn đứt 32
Ăn gió năm mưa 554
Ăn năn 3195
Ăn ở 2845
Ăn xổi ở thì 509

Â

- Âm công 2720
- Âm cực dương hồi 2646
- Âm khí 113
- Âm thăm 2249
- Âm ý 1883
- Âm ầm 938, 1054, 1642, 2250
- Âm lạnh ngọt bùi 1630
- Âm no 2022
- Ân ái 2411, 3092, 3163
- Ân cần 423, 714, 1096, 2417, 2540
- Ân hận 1784
- Ân nặng bể trời 3049
- Ân oán 2319, 2419
- Ân sâu 1966
- Ân tình 2322
- Ân trả nghĩa đền 2865
- Âp cây 328
- Âu 2846, 201
- Âu yếm 500
- Âu yếm vành ngoài 3151

B

- Ba cây 1426
- Ba đào 3065
- Ba đông 543
- Ba mươi sáu chước 1110
- Ba quân 2299

Ba sao 1638
Ba sinh 257
Ba thu 248
Ba xuân 620
Bá vương 2448
Bạc ác tinh ma 2393
Bạc đen 1402
Bạc mệnh 34
Bạc phau 912
Bạc tình 1159
Bách chiến 2552
Bài ra 232
Bài bầy 973
Bài quạt thơ 640
Bài vị 1674
Bàn hoàn 711
Bàn vây 1298
Bản sư 2045
Bán hùm buôn sói 2122
Bán thị buôn người 2140
Bạn bầy 3226
Bảng xuân 2860
Bào 1519
Bảo lĩnh 1150
Bảo phục 2309
Bát tiên 2210
Bát tiểu 2454
Bay buộc 585

Bày vai 1151
Bảy chữ 1210
Bắc-kinh 2043
Bắn tin 1375
Băng nhân 621
Băng tuyết 332
Băng tiện dặm khơi 2230
Bắt khoan bắt nhặt 1837
Bậc mây 319
Bậc tài danh 149
Bất động 844
Bất tình 1511
Bất ý 2515
Bầu 2650
Bầu tiên 1296
Bé bai 2851
Bẽ bàng 518
Bèo bọt chút thân 1097
Bèo hợp mây tan 2401
Bèo nổi mây chìm 770
Bèo trôi sóng vỗ 3020
Bể ái 1344
Bể dâu 3
Bể khơi 2550
Bể oan 2420
Bể rộng sông dài 2110
Bể sâu sóng cả 1882
Bể Sở sông Ngô 2464

Bể thảm 2971
Bể trầm luân 1104
Bể trần 1903
Bể trời 2830, 3049
Bên thú 1334
Bên tòng 1334
Bi hoan 3140
Bì tiên 978
Bỉ sắc tư phong 5
Bỉ thử nhất thì 3051
Bia miệng cười 1588
Biên đình 2166
Biển tề 1626
Biện 374
Binh cách 2542
Binh đao 2493
Binh uy 2440
Bình bồng 2937
Bình địa ba đào 3065
Bình gương 454
Bình-khang 1335
Bình-nguyên quân 2192
Bình thành 2491
Bình the 1852
Bình vỡ 1197
Bõ ghét 1619
Bó tay 2008
Bó thân 2465

Bóng cây 2280
Bóng chim tăm cá 2944
Bóng cờ 2258
Bóng dâu 1254
Bóng gương 2708
Bóng hoa 2062
Bóng hồng 161
Bóng nga 177
Bóng nguyệt 185
Bóng tà 97
Bóng tàu 525
Bóng tinh 2222
Bóng trăng 438
Bóng vàng 1604
Bóng xiêm 2854
Bóng tùng quân 901
Bồ liễu 746
Bỗ kinh 505
Bốc rời 1303
Bốn bể trăng thâu 1242
Bốn câu ba văn 100
Bồng 2627
Bơ thò 1728
Bời bời 178, 547, 761, 857, 1389, 2246, 2527
Bợm già 882
Búa rìu 661
Bụi hồng 78
Buộc chân 904

Buôn bán 941
Buôn phẩn bán hương 814
Buồng đào 1565
Buồng riêng 1189
Buồng xuân 1010
Buồng the 1309
Buồng thêu 157
Buồng văn 253
Bút giá 397
Bút hoa 204
Bút nghiên 1450
Bút pháp 1987
Bức tiên mai 1087
Bướm chán ong chường 1238
Bướm lá ong lời 1229
Bướm ong 938
Bưng kín miệng bình 1577
Bưng mắt bắt chim 1508

C

Ca nhi 62
Cà sa 1921
Cá chậu chim lồng 2184
Cá nước chim trời 3166
Cá nước duyên ưa 2275
Các tích 2354
Cách mặt khuất lời 747, 1545
Cải nhậm 2949

Cam lai 3210
Cảm lòng chua xót 1076
Can qua 2941
Canh thiếp 650
Cành Dương-quan 1502
Cành kia cội này 1322
Cành mẫu đơn 1426
Cành quít 834
Cành thiên hương 66
Cánh giang hồ 1595
Cánh đậu lên trời 1132
Cánh hồng 2247
Cánh mây 283
Cánh ngoài 1073
Cánh suyễn 1709
Cao đình 1500
Cao bay 1971
Cảo táng 2564
Cảo thơm 7
Cát đắng 902
Cát lầm ngọc trăng 1950
Cát lũy 1480
Cay nghiệt 2362
Căn vặt 451
Cặp sách 278
Cầm cờ 3110
Cầm đã bén dây 1963
Cầm dài 463

Cầm đường 2875
Cầm nguyệt 640
Cầm thơ 3222
Cầm sắt 3110
Cầm trăng 467
Cân đai 2273
Cất gió 1466
Cất mình 2027
Cập kê 36
Câu Bình-nguyên quân 2192
Câu thần 204
Câu thân nỗi thơ 1296
Câu tuyệt diệu 184
Câu vận mệnh 1798
Cầu giá 912
Cầu Lam 457
Cầu sương 2030
Cầu thân 1440
Cây quỳnh cành dao 144
Cây trăm thước 1914
Chan 1759
Chan chan 3163
Chán chường 514
Chàng Tiêu 3126
Chay lòng 2734
Chày sương 457
Chày nén sương 2058
Chạy chặng khỏi trời 2163

Chẳng đỡ 680
Chẳng thà 664
Chẳng ra 102
Chắp cánh liền cành 515
Chắp chói 2266
Chắp kinh 3118
Chắp uy 2308
Châu 82
Châu Thai 2105
Châu Thường 1277
Châu Trần 1458
Chầu 2264
Chén cúc 3061
Chén đầy chén vơi 1840
Chén đồng 1039
Chén đưa 1517
Chén hà 453
Chén khuyên 893
Chén mồi 3135
Chén mòi 1846
Chén mừng 1518
Chén nước 748
Chén quan hà 1499
Chén quỳnh 3190
Chén tạc chén thù 1835
Chén thẻ 728
Chén vàng 701
Chén xuân 424

Chẽ chẽ 895
Chẽ khoa 2859
Chi có điều xa 1365
Chỉ hồng 333
Chỉ non thề bể 1368
Chị Hằng 1340
Chia bào 1519
Chia tay 909
Chiếc bách giữa dòng 2485
Chiếc bách sóng đào 1957
Chiếc bóng năm canh 1523
Chiếc bóng song mai 2231
Chiếc bóng song the 1627
Chiếc lá bơ vơ 2929
Chiếc lá lìa rừng 2995
Chiếc thân 1792
Chiền chiền 1697
Chiến hòa 1373
Chiến trường 473, 2556
Chiết-giang 2954
Chiêu an 2457
Chiêu ẩn am 2036
Chiêu hồn 2967
Chiêu phủ 2509
Chiêu Quân 479
Chiêu tập 838
Chiều lòng 1911
Chiều xuân 348

Chiếu án 1417
Chiếu danh tăm nã 2302
Chim lồng 2150
Chim xanh 268
Chỉn e 2021
Chỉn ghê 2309
Chỉn khôn 166
Chín chữ 1253
Chín hồi 570
Chín khúc 488
Chín suối 734
Chinh an 1521
Chinh nghi 2501
Chịu đoan 1152
Cho nên 2093
Cho phu 2322
Chọc trời khuấy nước 2471
Chọn đá thử vàng 2187
Chốc ba đông 543
Chốc mòng 158
Chồn 324
Chợt nói chợt cười 1841
Chúa xuân 1327
Chung Kỳ 464
Chung lưng 813
Chung tình 3090, 3144
Chung thân 2416
Chung thiên 1832

Chuốc rượu 1296
Chuốc sầu 236
Chuông vàng khánh bạc 2048
Chút ước 76
Chữ 14
Chữ đồng 452
Chữ tòng 1477
Chương-đài 1261
Cò kè 647
Cỏ áy 97
Cỏ nội hoa hèn 2197
Có bề 54
Có tuyển được vay 1882
Còi sương 867
Con ong cái kiến 1758
Con đen 839
Con én đưa thoi 39
Con nước 2635
Con tạo 1116
Cô quả 2448
Cổ thi 132
Cổ thụ 1915
Cổ xúy 1467
Cố hương 2480
Cố nhân 1797
Cố quốc 1788
Cố quốc tha hương 2245
Cỗi nguồn 2656

Cỗi phúc 2658
Cỗi xuân 673
Côn 2170
Côn quang 1624
Côn quyền 2170
Công hầu 2468
Công nha 2595
Công tư 1379
Cốt cách 17
Cốt nhục 599
Cốt nhục tử sinh 1099
Cơ duyên 2412
Cơ đồ 2463
Cơ hội 2530
Cơ trời 715
Cờ đến tay 823
Cơn cớ 224
Cơn sâu 263
Cơn vựng 762
Cù lao 601
Cù mộc 3238
Cũ càng 2241
Cửa trời 832
Cung cầm 1246
Cung chiêu 1150
Cung mây 327
Cung nga 2263
Cung Quảng 1636

Cung thương 31
Cung trăng 1339
Cuộc vuông tròn 1331
Cửu cuối xuân 2061
Cửu gói 567
Cửa bồ đề 2989
Cửa bồng 2627
Cửa các buồng khuê 1221
Cửa công 1378
Cửa đóng then cài 271
Cửa già 2064
Cửa hàng 2105
Cửa không 1910
Cửa ngăn 526
Cửa ngăn 526
Cửa ngoài 431
Cửa nhà 3159
Cửa Phật 2076
Cửa sài 529
Cửa thiền 2061
Cửa trời 2861
Cửa viên 2318
Cười cợt 1214
Cười gió đông 2748
Cười nghìn vàng 826
Cười nói tinh say 1575, 1847
Cười phấn cợt son 1591
Cười rồng 2212

Cửu nguyên 3000

Cửu tuyển 1685

D

Da chì 1746

Da mồi 2240

Dạ đài 747

Dải đồng 1341

Dải là hương lộn 454

Dãi dầu 1746

Dãi gió dầu mưa 3080

Dãi nguyệt dãu hoa 3025

Dan díu 1300

Dan tay 52

Dạn dày 2518

Danh gia 1529

Danh phận 956

Danh tiết 3186

Dao quỷ thần 906

Dao vàng 448

Dào 2846

Dàu 656, 762

Dàu dầu 58

Dày gió dạn sương 1237

Dặm băng 136

Dặm cát đồi cây 2029

Dặm hồng 1521

Dặm khách 911

Dặm khơi 2230
Dặm khuya 915
Dặm nghìn 1255
Dặm phần 2862
Dặm rừng 1128
Dặm trường 1526
Dặm vẽ 114
Dặm xanh 143
Đận ngọc thê vàng 2869
Đắng 379
Đặt dù 642
Đần dà 2480
Đễn 61
Đập dù 47
Đập dù trúc mai 944
Đâu bể 715
Đâu con 1463
Đâu xanh 1522
Đầu 697
Đầu bèo 330
Đầu giày 124
Đầu xe ngựa 72
Đây cát bóng cây 2280
Đây loan 2582
Đây oan 593, 2658
Đây văn 471
Đây vô loại 580
Đây vũ 471

Dẫy 272
Dậy dàng 1124
Dẽ 502
Dễ hay 117
Di hài 1667
Di hình 2564
Di trú 2765
Diện hiến 2047
Diện tiền 1897
Dìu dặt 3135
Dịu dàng 1060
Dò rỗn bể 1486
Đọc ngang 2472, 2550
Dòng châu 665
Dòng thu 2533
Đông dài 1585
Đông tố 1969
Đột 492
Đơ dáng dại hình 1357
Đở tinh dở say 1717
Đở tinh dở mê 436
Đớp nhà 646
Du học 277
Duênh 1053
Duênh ngân 2703 Duênh quyên 3203
Dùi mài 1250
Dung quang 409
Dùng dăng 133, 559, 1579, 2781

Dùng dǎng 884
Duyên Châu Trần 2094, 2866
Duyên cưỡi rồng 2212
Duyên Đǎng 1531
Duyên hội ngộ 601
Duyên nợ ba sinh 257
Duyên trăm năm 182
Duyên trời 282
Dữ gần lành xa 2096
Dưới nguyệt 1039
Dương hoa 3199
Dương-quan 1502
Dưỡng sinh 228
Dưỡng thân 2824

Đ

Đa đoan 715
Đa mang 351
Đà đao 1161
Đã lề 814
Đá 279
Đá biết tuổi vàng 363
Đá nát vàng phai 1955
Đá vàng 352
Đai 2273
Đài doanh 1885
Đài gương 330
Đài sen 446

Đài trang 536
Đãi đắng 1025
Đại doanh 2270
Đại quan lǚ phục 2512
Đại quân 2925
Đạm thanh 398
Đan giậm giật giàm 586
Đàn 2174
Đàn tràng 2968
Đàn việt 2064
Đánh dạn 1095
Đánh đường 442, 2766
Đánh ghen 6
Đánh liều 1079, 1152, 1394, 1894, 2771
Đánh lận 839
Đánh lửa 1414
Đánh phèn 2155
Đánh tranh 2697
Đào nguyên 192
Đào non 1010
Đào phai thăm 1474
Đào tiên 833
Đào tơ 3137
Đạo cô 2651
Đạo đàn bà 3115
Đạo gia đình 1463
Đạo nhân 1689
Đạo tòng phu 506

Đạo trời 2309, 2655
Đạo vợ chồng 3093
Đạp đổ 2444
Đạp thanh 44
Đáy bể mò kim 3175
Đáy nước in trời 1603
Đắc hiểu 2484
Đắc trung 2484
Đặc sai 2453
Đắm ngọc chìm hương 2638
Đăng la 1350
Đắp điểm 1348
Đắp đổi 2054
Đắp nhớ đổi sâu 383
Đặt cỏ 96
Đặt để nén lời 2091
Đất bằng nổi sóng 1405
Đầu mày cuối mắt 498
Đầu trâu mặt ngựa 578
Đẩy xe 2453
Đẩy đà 923
Đè chừng 123
Đè nẻo 266
Đè tình 1886
Đen bạc 1538
Đeo đai 1064
Đeo đắng 698
Đeo đuổi 346

Đèo bòng 1509
Đề huề 137
Để 603
Đêm xuân 440, 849, 1286
Đền bồ 2346
Đền nghỉ 708
Đi dạo 965
Đi đời nhà ma 970
Địa ngục 1706, 1774
Điểm nước 1298
Điểm nguyệt 2030
Điêu 1317
Đinh ninh 450
Đỉnh chung 2938
Đỉnh Giáp non Thần 439
Đo đắn ngược xuôi 865
Đò 1711
Đoàn viên 3060
Đoài 426
Đoái 91
Đoái hoài 91
Đoái thương 2235
Đoan trang 21
Đoán 2596
Đoạn trường 200
Đòi 222
Đòi cơn 222
Đòi đoạn 1251

- Đòi phen 788
Đòi thôi 2797
Đòi trận 2848
Đong đưa 1412
Đồ kim ngân 2024
Đổ quán xiêu đình 1302
Đỗ quyên 3202
Đỗ lá 160
Độ sinh 3055
Đôi chút thơ ngây 1257
Đôi hồi 539
Đổi thay nhạn yến 1478
Đội trời đẹp đất 2171
Đông lân 175
Đồng cân 2720
Đồng cốt 1701
Đồng môn 2088
Đồng tâm 555
Đồng thân 154
Đồng vọng 1074
Đồng-tước 156
Đổng nhung 2454
Đống xương Vô-định 2494
Động dong 1830
Động đào 391
Động địa kinh thiên 2924
Động khóa nguồn phong 285
Động lòng bốn phương 2214

Động phòng 3135
Đợi ngày đào non 1010
Đơn sai 2106
Đuốc hoa 850
Đuốc hồng điểm sao 1466
Đức cù lao 601
Được vẻ thiên nhiên 399
Đượm 1944
Đường đi lối về 846
Đường gần nỗi xa 178
Đường hiếu sinh 1750
Đường kia nỗi nọ 1628, 2246
Đường mây 2861
Đường tơ 1298, 3193
Đường tu 1195

E

E 164, 322
E ấp 1390
E dè 2486
E chǎng 2077
E đường sá 2032
E hồng 787
E lệ 146, 1993
E sương 635
E thay 1485
E tình 1476
Ép cung cầm nguyệt 640

Ép duyên Châu Trần 2094

Ép duyên thổ tù 2962

Ép nài mưa mây 1008

Ép tình 2598

Ê

Ê chẽ 1618, 2895

Êm ả 1777

Êm ái 3201

Êm đêm 37

Êm giầm 649

Êm tai 683

Êm trời 289

G

Gác bóng 241

Gác kinh 1937

Gác non đoài 2617

Gác núi 172

Gán héo ruột đầy 1869

Gan liền 2518

Gan óc đèn nghỉ 2426

Gan vàng 1125

Gạn 316

Gạn đục khơi trong 3181

Gạn gùng 1154

Gang tắc 1938

Gánh chung tình 3090

Gánh tương tư 568, 725
Gánh vác 674
Gáy sôi 866
Gần xa 61
Gập ghềnh 870
Gầy như mai 638
Ghé theo 168
Ghen tuông 2366
Gia biển 2779
Gia đình 1463
Gia đồng 530
Gia đường 2147
Gia hình 1419
Gia hương 1799
Gia nhân 1615
Gia pháp 1735
Gia-tĩnh 9
Gai thân 2866
Gai thắt duyên hài 3091
Gia tư 12
Già giang 579
Giã 1711
Giã đò 1711
Giã giẽ 575
Giá 1191, 408
Giá áo túi cơm 2446
Giai âm 2884
Giai nhân 47

Giải bày 3062
Giải bình 2502
Giải cẩu 419
Giải cẩu tương phùng 159
Giải kết 421
Giải khuyên 2800
Giải oan 2968
Giải phiền 1834
Giải vi 1446
Giải lòng 876
Giàm 586
Giám sinh 625
Giǎn 863
Giang hồ 1595, 1989, 2173
Giang tân 3005
Giao bái 3133
Giao binh 2959
Giao hoan 3190
Giáp binh 2252
Giày tía vò hồng 1130
Giấc chiêm bao 1646
Giấc hòe 437
Giấc hương quan 1266
Giấc mai 2727
Giấc mê 1002
Giấc mộng đêm xuân 440
Giấc nồng 759
Giấc tiên 989

Giấc vàng 2710
Giấc xuân 713
Giấm chua 1352
Giật 586
Giấu ngược giấu xuôi 1513
Giệu thu 1387
Giẻ 2326
Gieo cầu 658
Gieo ngọc trầm châu 2963
Gieo thoi 519
Giึng sâu 1660
Giึng thơi 1181
Giึng vàng 1594
Giết người không dao 1816
Gìn vàng giữ ngọc 545
Giò sương 1387
Gió bắt mưa cầm 385
Gió đàn 255
Gió đông 2748
Gió đưa băng tiện 2230
Gió gác trăng sân 1295
Gió giục mây vẫn 907
Gió kép mưa đơn 1111
Gió mát trăng thanh 2165
Gió mát trăng trong 455
Gió mưa 676
Gió quang mây tạnh 2063
Gió quét mưa sa 2443

Giió táp mưa sa 403
Gió thảm mưa sầu 2569
Gió trăng 137, 1596, 2734
Gió trúc mưa mai 1249
Gió tựa hoa kề 1241
Giòn 139
Giọt châu 1857
Giọt hồng 762
Giọt lệ 696
Giọt mưa 226
Giọt ngắn giọt dài 684, 1840
Giọt ngọc 1759
Giọt nước cành dương 1931
Giọt riêng 851
Giọt rồng 1865
Giọt sương 176
Giọt Tương 1858
Giợn gió e sương 635
Giữ giàng 519
Giường thắt bão 1724
Gói may 582
Gót đầu 537
Gót sen 378
Gót tiên 1380
Gốc phần 2588
Gốc tử 1046
Gối yên 1388
Gột rửa 1042

Gởi 2260

Gươm đàn nửa gánh 2174

Gương bạc mệnh 2578

Gương lờ nước thủy 1430

Gương nga 173

Gương nhật nguyệt 906

Gương vỡ lại lành 3071

H

Hà 453

Hà y 2266

Hạ cổ 197

Hạ công 2565

Hạ từ 591

Hạ tú 198

Hạc nội mây ngàn 2402

Hai đường 372

Hai kiều 146

Hai kinh 10

Hai mặt một lời 450

Hai tình 860

Hai thân 430

Hài văn 143

Hải đạo 1614

Hải đường 175

Hải tần 2450

Hại nhân nhân hại 2382

Hàm én mày ngài 2167

Hàm rồng cá 2672
Hàm sư tử 1350
Han 2765
Han chào 925
Hàn gia 195
Hàn huyên 394
Hàn thực 942
Hàn vi 2290
Hán Sở chiến trường 473
Hàng-châu 2957
Hàng thăn 2466
Hành cước 2405
Hành vân 478
Hành viện 2139
Hào hoa 152
Hạt mưa 619
Hạt ngọc Lam-điền 3204
Hăm hăm 1134
Hăng Thủy 2050
Hậu tình 2050
Hậu tra 2354
Hèn 619
Héo don 2833
Hiên Lãm-thúy 280
Hiên tây 569, 991
Hiển hiện 129
Hiển linh 118
Hiển phù 2353

Hiếu phục 1831
Hiếu sinh 1750
Hiếu tử 1833
Hiếu trọng tình thâm 609
Hoa 1995
Hoa bốn mùa 1914
Hoa cười ngọc thốt 21
Hoa hương 497
Hoa khôi 1279
Hoa lê 226
Hoa phong nhị 3094
Hoa quan 2266
Hoa râm 384
Hoa rụng hương bay 2997
Hoa thải hương thừa 1413
Hoa tì 1980
Hoa trôi bèo giặt 219
Hoa xưa ong cũ 3144
Hỏa bài 2269
Hóa công 85
Hóa nhi 1129
Hoài 91
Hoài công 790
Hoàn lương 1378
Hoàng hôn 1268
Hoàng lương 1715
Hoàng Sào 2496
Hoen quen 1428

Hồ 283
Hồ cầm 32
Hồ điệp 3200
Hồ đồ 2462
Hồ nghi 3004
Hộ tang 534
Hộ thân 2025
Hồi trang 1496
Hội chủ 199
Hội đoạn trường 1270
Hội đồng 2438, 2566
Hội ngộ 601
Hội ngộ chi kỳ 2407
Hội trường văn 2859
Hôn hoàng 1268
Hồn kinh phách rời 2390
Hồn lạc phách xiêu 2363
Hồn mai 1715
Hồn quê 2236
Hồng 1084, 2247
Hồng diệp xích thăng 459
Hồng mai 1991
Hồng nhan 65
Hồng nhan bạc mệnh 1906
Hồng quân 2157
Hồng quần 35
Hồng rụng thăm rời 1138
Hồng trần 908

Hơi đồng 1306
Hơi may 913
Hơi tiếng 1385
Hợp-phõi châu về 306
Huệ lan 1471
Hùm sói 2670
Hung hăng 1135
Hùng cứ 2450
Huyên 3017
Huyên cỗi xuân già 2237
Huyện Lâm-thanh 626
Huyện Tích 1277
Hư không 305
Hương án 929
Hương bình 3189
Hương dầu 3234
Hương đèn 2056
Hương đượm lửa nồng 1383
Hương hoa 933, 1918
Hương hỏa gia đường 949
Hương khuê 1280
Hương lân 155
Hương lửa 2213
Hương lửa ba sinh 2581
Hương nguyễn 517
Hương quan 1266
Hương thiề 707
Hương thừa 216

Hương trầm 300
Hương trời 1065
Hữu tài 1904
Hữu tình 127, 243, 2191

K

Kẻ cắp bà già 2334
Kẻ đoái người hoài 91
Kẻ ngược người xuôi 1973
Kẻ tay đao 577
Kẻ Việt người Tần 2434
Kẽ tóc chân tơ 1997
Keo loan 726
Kê Khang 477
Kệ 2055
Kết cỏ ngâm vành 1100
Kết giao 3064
Kết tóc xe tơ 1532, 3111
Khác màu 887
Khác vời 19
Khách biên đình 2166
Khách du 1275
Khách hồng quần 2157, 2644
Khách qua đường 3126
Khang 1480
Khao binh 2285
Khắc cờ tập công 2508
Khắc lậu canh tàn 1119

Khăn gấm quạt quý 357
Khăn mặt lược đầu 1775
Khắp chợ thì quê 815
Khâm ban 2948
Khâm liệm 1668
Khẩn cầu 1139
Khấp khểnh 870
Khất từ 654
Khẩu 136
Khẩu đầu 2262
Khen lao 3218
Khép mở 1208
Khí thiêng về thần 2519
Khinh tài 310
Khinh trọng 1878
Khóa buồng xuân 1010
Khóa xuân 156
Khoảng vắng đêm trờng 441
Khóe hạnh 1213
Khói biếc 1604
Khói ngắt song thưa 571
Khổ tận cam lai 3210
Khốc quỷ kinh thần 1642
Khối tình 710
Khôn hàn 3191
Không dung 1164
Khúc Chiêu Quân 479
Khúc nhà 33

Khúc Quǎng lǎng 477
Khúc vàng 824
Khuê các 296
Khung dệt 582
Khủng khỉnh 1734
Khuôn duyên 1634
Khuôn phép 1484
Khuôn thiêng 343
Khuôn trăng 20
Khuôn uy 1782
Khuôn xanh 412
Khuynh thành 258
Kiếm 92
Kiên trinh 2893
Kiến bò miệng chén 2335
Kiến trong miệng chén 1548
Kiện nhi 1108
Kiếp phong trần 1078
Kiếp trần 2930
Kiều nhi 1279
Kiệu hoa 779, 1466, 2145, 2601, 3033
Kiệu hoa cất gió 1466
Kiệu vàng 2268
Kim cải 769
Kim hoàn 354
Kim mã 2870
Kim môn 410
Kim ngân 2024

Kim thoa 294
Kín cổng cao tường 267
Kín mít như bưng 1563
Kinh 2055
Kinh luân 2452
Kinh ngạc 2252
Kỳ ngộ 260
Kỳ chú 2789

L

Lả lơi 500
Lã chã 875
Lá bối 2057
Lá gió cành chim 1231
Lá thăm 268
Lạc bước 2159
Lạc đàn 1098
Lạc loài 791
Lạc lối 192
Lai láng 131, 3191
Lai sinh 2788
Lái buôn 820
Lại 607
Lại bộ 1530
Lam-điền 3204
Lam-kiều 266
Lãm-thúy 280
Làn cây cong 2118

Làn thu thủy 25
Lang quân 2783
Làng chơi 810, 835, 928, 1202
Lãng đãng 190
Lao 3218
Lao xao 629
Lắm nau 1130
Lăn lóc đá 1212
Lâm-thanh 626
Lâm-truy 920
Lầm người 3194
Lầm dầm 95, 936
Lầm than 1762
Lẩm nhẩm 1101
Lân la 287
Lân lý 311
Lân tuất 592
Lần khân 458
Lận sòng 1650
Lầu hồng 1568
Lầu mai 867
Lầu thơ 1671
Lầu trang 362
Lầu xanh 809
Lẽ hăng 1287
Lẽ phải 3114
Lèo mây 1623
Lèo thảng cánh suyễn 1709

Lễ công 1465
Lễ nghi 2510
Lễ tâm 692
Lễ thường 1669
Lễ tiên binh hậu 2507
Lễ tơ hồng 2134
Lễ vật 1687
Lệ hoa 634
Lên thác xuống ghềnh 1951
Lệnh đênh 2020, 2607
Lệnh chỉ 2264
Lệnh quan 2597
Lệnh quân 2387
Lệnh tiễn 2303
Liêu-dương 533
Liễu bồ 999
Liễu chán hoa chê 1211
Liễu Chương-đài 1261
Liễu ép hoa nài 521
Liễu ngõ hoa tường 1355
Linh đình 2129
Linh sàng 1674
Linh vật 2975
Loan 89
Loan phòng 1871
Loi thoi 1502
Long đong 797
Long lanh 1603

- Lòng bốn phương 2214
Lòng Phiếu mẫu 2348
Lòng quê 1122
Lòng riêng 1867
Lòng thơ 131
Lòng tơ 552
Lòng trinh bạch 1148
Lòng xuân 424
Lót đó luôn đây 611
Lộc trọng quyền cao 2497
Lôi đình 1424
Lơ thơ 269
Lỡ bước sẩy vời 2345
Lỡ làng 754
Lợi lả 925
Lời nguyện ước ba sinh 1259
Lời non nước 1632
Lời non sông 916
Lời nước non 732
Lời phong nguyệt 396
Lời phương tiện 1750
Lời sắt đanh 1074
Lời sắt son 1632
Lời tan hợp 1569
Lời thị phi 1878
Lời vàng 495
Luật Đường 1314
Lục hồng 787

Lục trình 1670
Lữ thần 532
Lửa binh 2250
Lửa hương 382
Lửa long 1932
Lửa lưu 1308
Lửa nồng 1352
Lửa phiền 1676
Lửa tâm 1537
Lược thao 2170
Lường đáy song 1486
Lượng bể 2372
Lượng cả 2195
Lượng trên 1354
Lượng xuân 345
Lưu lạc 1056
Lưu ly 953
Lưu thủy 478

M

Mã Giám sinh 625
Má đào 997
Má hồng 6
Mạch thư hương 1061
Mạch Tương 238
Mai cốt cách 17
Mai gầy vóc sương 1430
Mai trúc 1679

Mái đầu 99
Mái nhà 1351
Mái tây 517
Mái tóc 552
Màn bát tiên 2210
Mành Tương 255
Mành hương 2934
Mảng 535
Mảng tiếng 1718
Mảng tin 535
Mảng vui 1473
Mành hồng nhan 669
Mành hồng quần 2587
Mành hương nguyên 740
Mành tiên 1081
Mặt cưa mướp đắng 812
Màu áo 140
Màu chiêu tập 838
Màu điểm trang 1336
Màu hồ 969
Màu quan san 1520
Màu quan tải 1596
Màu sen 1384
Màu son phấn 1414
Màu sương 1121
Màu thiền 1933
Máu 656
Máu chảy ruột mềm 3068

Máu mào gà 837
Máu ghen 2010, 1874
Máu tham 1306
Mày ngài 927
Mày râu nhẵn nhụi 628
Mắc lận 1157
Mặc dầu cỏ hoa 78
Mặn phẫn tươi son 2089
Mắt xanh 2182
Mặt bạc 2144
Mặt chàm đổ 2326
Mặt dạn mày dày 1223
Mặt nước cánh bèo 2475
Mặt sắt 2580
Mặt sắt đen sì 1409
Mặt ủ mày chau 2113
Mẫu đơn 1426
Mây bạc 1599
Mây bay hạc lánh 3232
Mây Hàng 1319
Mây mưa 513
Mây Tân 249
Mây trắng 1787
Mây trôi bèo nổi 2902
Mèo mả gà đồng 1731
Mẹo lửa 821
Mênh mang 2215
Mênh mông 2635, 2735, 2830

Mệnh cung 1695
Mệnh phụ 2481
Mỉa mai 270
Miếng ngon 831
Miệng hùm nọc rắn 2016
Miệt mài 1299
Min 964
Minh dương 2999
Mình giẻ run 2326
Mít mù 2029
Mòn mỏi 86
Mong manh 65
Mộc già 1452
Mỗi vắng tanh 2672
Mõi manh 342
Môn phòng 1713
Mộng huyễn 235
Mộng triệu 233
Một cốt một đồng 1162
Một cười nghìn vàng 826
Một dày một mỏng 418
Một doi 2561
Một hai 341
Một hội một thuyền 202
Một hơi 1134
Một lá 1626
Một lần 864
Một tinh mười mè 1293

Một tòa thiên nhiên 1312
Một và 98
Mơ màng 440, 849, 1646, 2251, 2711, 2854
Mơ tưởng 252
Mơ man 1004
Mơ mởn 1283
Mụ già 2341
Mua não chuốc sầu 236
Mùi nhớ 256
Muôn binh nghìn tướng 2438
Muôn chung nghìn tú 2204
Muôn dăm một nhà 2435
Muôn đời 3240
Muôn một 2121
Muôn nghìn 943
Muôn oán nghìn sầu 2574
Muôn phần 3174
Muôn sự tại trời 2391, 3241
Muôn vàng 750, 2933
Mưa Sở mây Tân 1239
Mượn điếu 1371

N

Nam-bình 2949
Nam đình 2270
Nam lâu 778
Nàn 2542
Nàng Ban 406

Nàng Oanh 671
Nao nao 55
Não 34
Não nhân 34
Não nùng 1285
Nạp thái 651
Nát ngọc liễu hoa 983
Nát ngọc tan vàng 2616
Nát ruột tan hồn 1845
Năm mây chiếu trời 2947
Nắng giữ mưa gìn 790
Nắng quáng đèn lòa 1807
Nặng gánh tương tư 568
Nặng lòng e ấp 1390
Nặng như chì 1879
Nấn ná 1335, 2945
Nâu sòng 1933, 2039, 3044
Ném châu gieo vàng 198
Nét buồn như cúc 638
Nét bút 400
Nét hoa 103
Nét ngài 20
Nét nguyệt 1218
Nét thu 348
Nét vàng 280
Nét vẽ câu thơ 1245
Nét xuân sơn 25
Nể lòng 350, 3196

Nể mặt 2060
Nền 1541
Nền phú hậu 149
Nếp tử 77
Ngã giá 648
Ngại ngùng 384, 561, 635
Ngàn dâu 1522, 2033
Ngàn mây 912
Ngày bạc 2991
Ngày vui 425
Ngày xanh 86, 2164
Ngày xuân 39, 338, 731, 1006, 1284, 1294
Ngâm ngợi 1214
Ngậm bồ hòn 1846
Ngậm đắng nuốt cay 490
Ngậm gương nửa vành 1092
Ngậm ngùi 1057, 1190, 1703, 3136
Ngậm thở nuốt than 1939
Ngậm vành 1100
Ngần 1191
Ngẩn ngơ 302, 364, 589, 1250, 1819, 1898, 2257, 2935
Ngập ngừng 548, 787, 2548
Ngẫu nhĩ 323
Ngây thơ 227, 956, 2279
Nghẽ ăn chơi 816
Nghẽ chơi 1201, 1778, 3211
Nghẽ đàn 2892
Nghẽ mọn 469

Nghề nghiệp 1215, 1222
Nghề riêng 32, 265
Nghề thi họa 30
Nghề văn thơ 2892
Nghênh hôn 822
Nghi gia 2224
Nghi 12
Nghĩa bể 1382
Nghĩa dày 1263
Nghĩa sâu 2336
Nghĩa thâm 2683
Nghĩa nặng nghìn non 2327
Nghiêm đường 1278
Nghiêm huấn 1393
Nghiêm quân 2297
Nghiêng nước nghiêng thành 27
Nghiêng trời uy linh 2904
Nghiệp 3249
Nghiệp duyên 2680
Nghìn dặm 543
Nghìn năm 2496
Nghìn tăm 901
Nghìn thu 416
Nghìn vàng 645, 826, 854, 1456, 1990, 2347, 2804,
3095
Nghìn tứ 2204
Nghìn xưa 1907
Ngõ hạnh 2862

Ngó ý tơ lòng 2242
Ngọc bội 410
Ngọc đá vàng thau 1583
Ngọc đường 2870
Ngoài nghìn dặm 543
Ngoại hương 574
Ngoại nhậm 2873
Ngoại tứ tuần 627
Ngói tan 2439
Ngón đàn 3192
Ngọn bèo chân sóng 2871
Ngọn đuốc 3132
Ngọn hỏi ngành tra 1725
Ngọn nguồn 1332
Ngọn nước 1049
Ngọn nước thủy triều 3082
Ngọn triều 2969
Ngọn thỏ 254
Ngọt bùi 1630
Ngọt ngào 1983
Ngô Lào 1363
Ngô Việt thương gia 275
Ngộ biến tòng quyền 600
Ngồi chờ nước đến 2080
Ngổn ngang 49
Ngơ ngẩn 486, 939, 1784, 2725, 2770
Ngũ âm 31
Ngũ cúng 1918

Ngũ giới 1920
Nguyên đơn 1415
Nguyên ngân 2208
Nguyên tiêu 942
Nguyễn non sông 396
Nguyễn ước ba sinh 1259
Nguyệt hoa 461
Nguyệt hoa hoa nguyệt 1285
Ngư ông 2705
Ngư phủ 2699
Ngứa ghẻ hờn ghen 1609
Ngứa nghẽ 976
Ngựa câu 139
Ngựa truy phong 1107
Ngựa xe như nước 48
Ngưng-bích 1033
Ngược xuôi 865
Người đắng la 1350
Người nách thước 577
Người ngoài 1856
Người soi 1216
Người tình chung 792
Người trong 1856
Người tử sinh 2562
Người tựa cửa 1043
Nha 608
Nha dịch 608
Nhà băng 630

Nhà lan 375
Nhà huyên 224
Nhà hương 1803
Nhà thông 1353
Nhà tranh vách đất 2767
Nhà trâm anh 148
Nhà vàng 1902
Nhả ngọc phun châu 405
Nhạc quân 2286
Nhạc vàng 134
Nham hiểm 1816, 1968
Nhang 2130
Nhãnh tiền 1551
Nhận thưa 566
Nhạt phãnh phai hương 1337
Nhạt tình bơ vơ 1076
Nhắc 408
Nhắm mắt đưa chân 1115
Nhẵn nhụi 628
Nhặt thưa 433
Nhặt tâu 2568
Nhân duyên 201
Nhân định thắng thiên 420
Nhân gian 1706
Nhân quả 995
Nhẵn 717
Nhẵn từ 287
Nhận ngừng 1981

Nhập gia 972
Nhật nguyệt 906
Nhẹ nhàng 2293, 2690
Nhẹ như bắc 1879
Nhện vương tơ 1422
Nhi nữ 2176
Nhị đào 792
Nhiệm trao 904
Nho gia 14
Nho nhỏ 56
Nhỏ nhen 2376
Nhỏ to 95, 668
Nhơ nhác 2979
Nhơn nhơn 2520
Nhờn nhợt 923
Nhớn nhác 2092
Ni 2050
Niềm tây 316
Ninh gia 1498
Níp 2650
Nòi thư hương 1276
Nói dè chừng 1361
Nói sòng 1510
Non bạc trùng trùng 2969
Non đoài 426
Non phơi bóng vàng 1604
Non sông một chèo 2174
Non Thần 439

Non vàng 2346
Nỗi bất bình 1464
Nỗi nhà báo đáp 1082
Nỗi niềm 109
Nỗi oan 987
Nỗi quê 1318
Nỗi riêng 242, 711, 718
Nỗi thân lạc loài 1082
Nỗi điêu 1317
Nội đao 2387
Nồng sờ 365
Nồng nàn 1154
Nở mặt nở mày 2993
Nở nang 20
Nợ duyên 1880
Nợ nần yến anh 1098
Núi giả 389
Nữ nhi thường tình 2220
Nửa chừng xuân 66
Nửa rèm tuyết ngậm 1242
Nực cười 105, 1544
Nước bèo 1786
Nước cành dương 1931
Nước chảy hoa trôi 754
Nước cờ 1246
Nước đến chân 801
Nước đời 2007
Nước đục bụi trong 879

Nước hồng mai 1991
Nước non 464
Nước trôi hoa rụng 1705
Nước thăm non xa 1255
Nước vỏ lưu 837
Nương nấu 1767

O

Oan gia 1013
Oan khí 2535
Oan khốc 1433
Oan nghiệp 1753
Oan nghiệt 986
Oan trái 2362
Oanh vàng 239
Ong bướm 38
Ong bướm đái đắng 1025
Ong qua bướm lại 3098

Ô

Ô danh 854
Ôm cầm 1400
Ôm cầm thuyền ai 556
Ông tơ 549

Ơ

Ở ăn 1533
Ở bạc 1608

Ở chung 1034
Ở đời 1194, 2171
Ở thì 509
Ơn lòng 1333
Ơn người 1105
Ơn sinh thành 604

P

Pha càn 1652
Phá gia 2097
Phác họa 401
Phách lạc hồn bay 1651
Phách lạc hồn xiêu 1823
Phách quẽ hồn mai 2711
Phải cung 2118
Phạm tù 2354
Pháp bảo 2046
Pháp danh 1922
Pháp sư 2984
Pháp trưởng 2395
Phát hoàn 2208
Phát tiết 415
Phẳng lặng 10
Phẩm đRYPTO 402
Phẩm tiên 789
Phân chia 1390
Phân kỳ 869
Phân minh 2915

Phần 2235

Phấn thừa hương cũ 1794

Phận bạc 2802

Phận bạc như vôi 753

Phận bèo 2019

Phận bèo mây 1343

Phận bọt bèo 1449

Phận bồ 1477

Phận cái duyên kim 3067

Phận gái chữ tòng 2217

Phận hoa rơi 3035

Phận hèn 619, 2072

Phận lạc loài 2583

Phận mỏng cánh chuồn 411

Phận mỏng như tờ 2777

Phận mỏng phúc dày 2715

Phật đài 1639

Phi phù 1684

Phi thường 1485

Phi nguyễn 2212, 3225

Phi phong 332

Phiếu hồng 1406

Phiếu mẫu 2348

Phím đàn 740, 2934, 3197

Phím đồng 2850

Phím loan 254

Phó quan 2952

Phong 1520

Phong ba 1366
Phong cảnh 54, 565
Phong lôi 1389
Phong lưu 35
Phong nguyệt 396
Phong nhã 152
Phong nhị 3094
Phong sương 399
Phong tình 806
Phong tình cổ lục 8
Phong trần 986
Phong tư 151
Phong vận 188
Phòng đào 1648
Phòng hương 1661
Phôi pha 86
Phồn hoa 180
Phơi phói 424
Phu nhân 1621
Phu quý phụ vinh 2553
Phù tang 2741
Phủ đường 1406
Phũ phàng 85, 1969, 2897
Phú-dương 2950
Phú hậu 149
Phụ bạc 2301
Phụ duyên 2787
Phụ lòng 2330, 2630

Phụ phàng 702
Phụ tình 1187
Phúc-kiến 2954
Phụng thờ 933
Phướn mây 2057
Phương diện quốc gia 2591
Phương tiện 1750
Phương trời 1267
Phương hướng 3011
Phường trốn chúa 1730
Phượng 89
Phượng chạ loan chung 89
Phượng liễn loan nghi 2265

Q

Quá bước 1986
Quá chân 2811
Quá chiểu 514
Quá chơi 807
Quá đỗi 1114
Quá lời 2132, 2185
Quá niêm 627
Quá nghe 2551
Quá nửa 2162
Quá quán 479
Quá say 2589
Quá tay 984
Quá thương 2803

Quả 2448
Quả kiếp nhân duyên 201
Quả mai ba bảy 3075
Quả nhiên 963
Quan âm các 1913
Quan giai 3236
Quan hè 1499
Quan nha 3059
Quan phòng 1935
Quan san 1520
Quan tái 1596
Quản gia 1747
Quản huyền 780
Quán khách 287
Quàng xiên 1701
Quảng lăng 477
Quạnh quẽ 2746
Quát mắng 1177
Quạt nồng ấp lạnh 1044
Quạt quỳ 357
Quạt ước 728
Quắn quại 1959
Quân 901
Quân lệnh 2378
Quân lộn chõng 1730
Quân trung 2437
Quân tử 351, 308
Quen lỗi 931, 2082

Quen mặt 145
Quen mồi 808
Quen nết 493
Quen tay 2056
Quen thói 1303
Quen thú 2173
Quen thuộc 2253
Quen thuộc nết 1300
Quẹn bào 3015
Quê người 565, 776, 890, 900, 1602, 3019
Quẽ hòe 3228
Quốc sĩ 2427
Quốc sắc 163
Quốc sắc thiên hương 825
Quy liệu 614
Quy ninh 1606
Quy sư quy Phật 2044
Quỷ quái tinh ma 2333
Quý khách 828
Quyên gọi hè 1307
Quyên nhặt 566
Quyên sinh 858
Quyền 2170, 3118
Quyến anh rủ yến 1180
Quyến gió rủ mây 1173
Quyết đoán 1031
Quyết kế thừa cơ 2507
Quyết lòng 1496

Quyết lời 2229
Quyết một bẽ 1421
Quyết tình 605, 2596
Quỳnh dao 144
Quỳnh tương 453

R

Ra đầu 2512
Ra khơi 2126
Ra sức 1739
Ra uy 1561
Rạch đôi sơn hà 2442
Rạch rời 1016, 2419
Ràng buộc 1534, 2467
Rành rành 124, 1088, 1393, 1997, 2036, 2047, 2888,
2948, 2958
Rát ruột như bào 1891
Rày gió mai mưa 337
Rày lẵn mai nữa 1494
Rày trông mai chờ 1040
Rày ước mai ao 3069
Rắp ranh 1612
Rấp thảm quạt sầu 1682
Rập rình 2286
Râu hầm (hùm) 2167
Rẻ giá 822
Rẻ rúng 516
Rẽ cửa chia nhà 704

Rẽ thủy chia uyên 1875
Rèm châu 1057
Rèm the 431
Rén chiềng 773
Rền rĩ 223
Rêu rao 1171
Rêu phong dấu giày 2750
Rêu trùm kẽ ngạch 3230
Rỉ răng 1597
Rỉ tai 765, 876, 1994, 2075
Riêng chung 1208, 1476
Riêng tây 583, 1342, 1438
Rõ ràng 320, 1184, 1187, 1377, 1686, 1808, 1813,
2396, 2621, 2913, 2997, 3014
Roi câu 1605
Rốn bể 1486
Rốn ngồi 166
Rộn lời 2980
Rộng mở 2861
Rộng thương 2197, 2587
Rõ ràng 2266, 2482
Rơi châu 1936
Rũ mòn 325
Rụng cải rơi kim 769
Rụng rời 582, 595, 1654, 2006, 2073, 2092, 2677,
2764, 2979
Ruồi xanh 581
Ruồi sao 2298

Ruột dầu 656
Ruột tăm 1820, 2833
Ruột rà 2104, 3183
Rút dây động rừng 1580
Rụt rè 321
Rừng tía 1926
Rừng thu 917
Rước dã cừu hờn 1459
Rường 593
Rượu sóm cờ trưa 1473

S

Sa cơ 1754
Sa sút 2761
Sạch làu làu 2737
Sạch sành sanh 584
Sai nha 576
Sàm sỡ 458
San sát 913
Sánh đường 1711
Sánh đôi 1468
Sánh giọng 453
Sánh phượng 2212
Sánh vai 395, 1592
Sát khí 2251
Sắc chỉ 2948
Sắc nước hương trời 1065
Sắc sảo 23, 2659

Sắm sanh 77
Sắm sửa 46, 373, 1465, 2839
Sắn bìm 1633
Sắt cầm 3178
Sâm thương 2329
Sầm sập 484
Sấm sét bất kỳ 1757
Sấm sét búa rìu 1396
Sân đào 528
Sân hoa 1408
Sân hòe 1257
Sân Lai 1045
Sân mai 1822
Sân mây 2379
Sân ngô 1386
Sân quế hòe 3238
Sân si 1166
Sầu dài ngày ngắn 1796
Sầu thảm 3208
Sè sè 57
Sen ngó đào tơ 3137
Sen vàng 190
Sỉ nhục 1274
Sinh ly 780
Sinh thành 604
Sính nghi 644
Song đào 1637
Song hồ 283

Song mai 2231
Song phi 2312
Song sa 428
Song thân 862
Song the 249
Song thu 1073
Sóng gió bất tình 1511
Sóng gió bất kỳ 729
Sóng khuynh thành 1301
Sóng tình 499
Sỗ sàng 631, 935
Ső hoa đào 2151
Sông cạn đá mòn 1975
Sông nước cát lầm 3021
Sông Tần 1501
Sông Tương 365
Sống đọa thác đầy 2675
Sống đục thác trong 1026
Sống thừa 1960, 2560
Sốt gan 1404
Sở cầu 2123
Sợ làn cây cong 2118
Sớm đào tối mận 289
Sớm mận tối đào 3220
Sơn hà 2442
Sơn hồ 1915
Sơn khê 533
Sởn gai 2006

Sum họp 550, 1381
Suối vàng 94
Sụt sùi 222, 1189, 1439, 1828, 1943, 2820
Sư huynh 2046
Sư trưởng 2341
Sử xanh 8
Sự duyên 1675
Sự đời 834, 3045
Sự lòng 621, 2075, 2548
Sự mình 1574, 1726, 2070, 3018
Sự nàng 2652
Sự tình 73, 1576, 2756
Sự trời 817
Sửa sang 1623
Sực nức 1471
Sương sùng 321, 1095

T

Tà dâm 2682
Tà tà 51
Tả tơi 2767
Tạ ân 2421, 2864
Tạ lòng 130, 388, 2332, 2379
Tạ từ 2418, 2820
Tác hợp cơ trời 3063
Tạc 1835
Tạc đá ghi vàng 2855
Tai vách mạch rừng 1755

Tài danh 149
Tài hoa 115, 416
Tài mạo 151
Tài mệnh 2
Tài sắc 24, 63, 985, 2891
Tài tình 2154
Tài tử giai nhân 47
Tái sinh 707
Tái thể tương phùng 3039
Tam bánh 962
Tam đảo 1685
Tam quy 1920
Tám nghề 1210
Tan hoang 2525
Tan hợp 1569
Tan nát 1854
Tan nhà 682
Tan tác 1428
Tan tành 582, 676, 1742, 2389, 2554
Tán hoán 1851
Tang tóc 538
Tang trai 1668
Tàng tàng 424
Tao khang 1480
Tảo mộ 44
Tàu 525
Tay bồng tay mang 2244
Tay co 1347

Tay hèn 789
Tay khẩu 136
Tay không 2022
Tay nâng ngang mày 468
Tay người 1226
Tay nhúng chàm 1397
Tay phàm 833
Tay tiên 206
Tăm cá 2944
Tăm hơi 1482, 2873
Tầm vương tơ 1976
Tắt lửa lòng 3045
Tắc 343
Tắc cỏ 620
Tắc gang 285
Tắc lòng 451
Tắc riêng 242
Tắc son 1601
Tắc thành 343
Tắc vàng 772
Tâm giao 3085
Tâm hương 1930
Tâm minh 2124
Tâm phúc ruột rà 3183
Tâm phúc tương cờ 2179
Tâm phúc tương tri 2219
Tâm sự 2754
Tâm thần 101

Tầm 901
Tầm nã 2302
Tầm tã 851, 1944
Tẩm hoa 1310
Tẩm riêng 1330
Tẩm son 1042
Tẩm thành 2717
Tẩm thương 2346
Tẩm yêu 498
Tần mẫn 968
Tần ngắn 573, 2349
Tần-dương 2196
Tấp nộp 760
Tấp tểnh 1867
Tắt giao 359
Tâng công 1556
Tâng tâng 1917
Tẩy oan 2438
Tẩy trần 1571
Tẻ vui 494, 1193, 3209
Tê mê 1851
Tề chỉnh 2313
Tế độ 1080
Tế nhuyễn 583
Tên dưới trướng 1108
Tên đá 2527
Tha hương 532
Thảm lấp sầu vùi 1929

Thảm sầu 777
Thảm thiết 1863, 2831
Thang lan 1310
Tháng đợi năm chờ 553
Tháng tròn gửi cung mây 327
Thanh cao 3244
Thanh khí 193
Thanh khí lẽ hằng 1287
Thanh lâu 2668
Thanh minh 43
Thanh nhàn 2875
Thanh tấn 188
Thanh thiên bạch nhật 2396
Thanh vân 2478
Thanh xuân 1059
Thanh y 1745
Thành hạ yêu minh 2503
Thành thân 2108
Thành toán miếu đường 2543
Thành xây khói biếc 1604
Thánh thơi 1565, 2063, 2137
Thánh thót 1780, 3015
Thánh trạch 2489
Thảo am 2990
Thảo đường 2697
Thảo lư 2732
Tháo cũi sổ lồng 1072
Thay bậc đổi ngôi 959

Thăm dò 1696
Thăm thăm 910
Thăm ván bán thuyền 1552
Thăng đường 2885
Thâm giao 3085
Thâm nghiêm 267
Thâm tạ 2432
Thâm tình 580
Thẩm trông trông nhớ 324
Thẩm thía 364
Thẩm thoát 288
Thân 1378
Thân bách chiến 2552
Thân bồ liễu 746
Thân bèo bợt 2198
Thân cung 1896
Thân lươn 1148
Thân nghênh 2272
Thân nghìn vàng 854
Thân thế 3102
Thân thích 2104, 2977
Thân tín 3228
Thân trâu ngựa 708
Thần hôn 918
Thần mày trắng 930
Thần mộng 1017
Thần thờ 2796, 2835, 2928
Thấp cao 237, 876, 896, 2548

Thấp cơ 1947
Thấp thoáng 1048, 1063
Thất bảo 1724
Thất cơ 2960
Thất kinh 1644, 1654, 2976
The 249
Thèm 288
Then hoa 529
Then mây 2232
Thẹn lục e hồng 787
Thẹn phẫn tủi hồng 1928
Thẹn thùng 721, 1219
Thê nhi 2874
Thề bồi 705
Thề hoa 701
Thề thốt 1167, 2813, 3168
Thể trong 1349
Thể nữ 2263, 2460
Thể phách 116
Thệ hải minh sơn 603
Thệ sư 2307
Thêm hoa 402
Thêm hoa 211
Thêm quế 1339
Thêu dệt 1558
Thênh thênh 2110, 2478
Thi đồng 397
Thi họa 30

Thì chi 76
Thị hùng 1178
Thị lập 2312
Thị phi 1016
Thị tì 1744
Thị yến 2567
Thiêm thiếp 1714, 2710
Thiên đường 1774
Thiên hương 66
Thiên nhiên 399, 1312
Thiên quan trung tể 1722
Thiên-thai 392
Thiên hạ 1962
Thiên tài 163
Thiên tải nhất thì 2399
Thiên vị 3245
Thiền 1933
Thiền trà 1991
Thiện căn 3251
Thiện nhân 1729
Thiếp danh 2177
Thiếp hồng 1280
Thiếp Lan-đình 1988
Thiết vị 2967
Thiệt thòi 346, 2614
Thiểu quang 40
Thiểu não 314
Thịnh Đường 1455

Thịt nát xương mòn 733
Thiu thiu 186, 435
Thỏ 79
Thỏ bạc ác vàng 1269
Thỏ lặn ác tà 79
Thỏ thẻ 239
Thoang thoảng 300
Thoăn thoắt 378
Thoi thót 1091
Thong dong 693, 1027, 1200, 1309, 1495, 1571, 1992,
2054, 2290, 2652, 2663, 3192
Thổ quan 2598
Thổ tù 2962
Thôi tra 1406
Thôi Trương 512
Thốn thúc 1125
Thông huyền 1684
Thông minh 150, 2606
Thông tuệ 2059
Thốt 21
Thơ đào 877
Thơ ngây 413, 615, 1257
Thơ thẩn 52
Thờ ơ 1249
Thở than 1503, 2000, 2116, 3130
Thời trân 377
Thơm 155
Thơn thớt 1815

Thu ba 1323
Thu không 172
Thu linh 2960
Thu thủy 25
Thù 1835
Thủ phạm 2356
Thủ tự 1930
Thú phục 1139
Thú quê 1593
Thuần vược 1593
Thuận buồm 2136
Thuận đường 1606
Thuận lời 1590
Thuận nẻo 1531
Thuận phong 1626
Thuận tình 2111
Thúc giáp 2502
Thúc phụ 531
Thục đế 3202
Thục nữ 3219
Thui thủi 900
Thủng thỉnh 1589
Thuốc mê 1645
Thuốc thang 1001, 1749
Thuộc lòng 2055
Thủy chung 352, 2295
Thủy triều 3082
Thuyền đã êm giầm 649

Thuyền tình 69
Thuyền yêu 819
Thư hiên 395
Thư hương 1061
Thư phòng 2849
Thư song 245
Thư trai 1992
Thử bài quạt thơ 640
Thưa hồng rậm lục 370
Thưa thớt 542
Thừa cơ 1941, 2439, 2488, 2507
Thừa gia 3237
Thừa lương 1371
Thừa 2687
Thừa công đức ấy 2687
Thức 719
Thức hồng 497
Thực hư 2506
Thực tang 2009
Thực thà 2106
Thực ý 2067
Thương gia 275
Thương lời 1445
Thương tâm 81
Thương thăm xót vay 610
Thương tình 615, 655, 1401
Thường tình 2220, 2366
Thường thường 12, 1338

Thướt tha 170, 290
Tích việt 1088
Tiếc lục tham hồng 90
Tiệc đoàn viên 3131
Tiệc hạ công 2565
Tiệc hoa 430
Tiên 447
Tiên hoa 1454
Tiên mai 1087
Tiên nghiêm 2317
Tiên thẻ 447
Tiên tri 2406
Tiền định 2413
Tiền-đường 1000
Tiền giấy 50
Tiền lộ 2269
Tiền lưng 652
Tiễn đưa 1499
Tiễn hành 872
Tiện hồng 1084
Tiện kỹ 465
Tiện nghi 2454
Tiện thổ 2561
Tiếng bẽ 2222
Tiếng chày nện sương 2058
Tiếng ghen 1542
Tiếng hạc tiếng đàn 2876
Tiếng huyền 3198

Tiếng khoan 483
Tiếng kiều 2854
Tiếng la 2258
Tiếng mau 484
Tiếng oan 590, 892
Tiếng ruồi xanh 581
Tiếng sắt tiếng vàng 474
Tiếng sen 437
Tiếng sóng 1054
Tiếng tơ 2851
Tiếng tơ đồng 1855
Tiếng vàng 379
Tiết trăm năm 510
Tiêu hao 1489
Tiêu tao 491
Tiểu khê 53
Tiểu kiều 187
Tiểu Lân 2586
Tiểu thiền 2043
Tiểu tinh 954
Tìm tòi 302
Tin nhà 429, 1479
Tin nhạn 945
Tin sương 622
Tin xuân 368
Tinh anh 116
Tinh binh 2905
Tinh đời 2201

Tinh kỳ 694, 2314
Tinh ma 1812, 2333, 2393
Tinh thành 126
Tinh thần 17
Tinh vệ 2972
Tình 605
Tình cờ 338, 811
Tình chung 792, 2802
Tình nặng 1966
Tình nhân 3143
Tình quân 751
Tình riêng 1597, 3217
Tình sâu 1263
Tình sông nghĩa bể 1382
Tình thâm 2683
Tình thương 1999
Tình xưa 2865, 3191
Tĩnh đàm 1689
Tính danh 2916
Tính gần tính xa 2086
Tính quẩn lo quanh 681
Tính tình 184
Tính trời 29, 150, 494
Tỏ dạng 3142
Tỏ tường 1998, 2506
Tòa rộng dãy dài 1721
Tòa thiên nhiên 1312
Toan 2099

Tóc mây 448
Tóc sương 2240
Tóc tơ 228, 451, 670, 1576, 2907, 2918, 2958, 3215-
2778
Tòng phu 506
Tòng quyền 600
Tót vời 151
Tô lục chuốt hồng 1305
Tổ nga 15
Tôi tàn 592
Tôi báo oan gia 1013
Tông đường 1953
Tổng đốc trọng thần 2451
Tổng Ngọc 1232
Tơ duyên 720
Tơ đào 2609
Tơ đồng 1855
Tơ hồng 2134
Tơ liễu 170, 269, 3171
Tơ lòng 2242, 2586
Tơ mành 244
Tơ thừa 726
Tơ tình 1676
Tơ trúc 2566
Tờ bồi 766
Tờ mây 735
Tờ hoa 686
Tôi bời 1136, 1656

Tới tuần 36
Trà mi 1092
Trác 2130
Trạc Tuyền 1922
Trai phòng 2056
Trang sinh 3200
Trang trọng 19
Tranh cường 2449
Trao tơ 540
Trắc dĩ 1832
Trăm năm 1
Trăm thân dễ chuộc 1956
Trần trọc 225
Trăng già 687
Trăng gió 1290, 2180, 2593
Trăng hoa 1448
Trăng ngàn 1120
Trăng tàn 3124
Trăng thanh 2165
Trăng thề 541
Trăng trong 455
Trăng túi hoa sầu 1436
Trăng ngà 1311
Trăng ngắn 1191
Trâm anh 148
Trâm gãy bình rơi 70
Trâm gãy gương tan 749
Trầm luân 1080

Trân cam 1258
Trân trọng 562
Trần ai 1380
Trần cầu 3104
Trần duyên 993
Trần tạ 3032
Trần trần 328
Trận cười 1304
Trận gió cuốn cờ 120
Trận mây mưa 1727
Treo ấn từ quan 2939
Trễ tràng 2504
Trên Bộc trong dâu 507
Trêu ngươi 258, 1558
Tri âm 1248
Tri ân 386
Tri kỷ 2200
Tri quá 2377
Trì bồ 1836
Trí dũng 2529, 2904
Trí quý 1684
Triệu 186
Triều 2619
Triều đình 2441, 2465, 2552
Trinh bạch 1148
Trò chơi 1848
Trò chuyện 1769
Trò cười 1620

Tròn trăn 2724
Trọn vẹn 2910
Trong ấm ngoài êm 1506
Trong giá trăng ngắn 1191
Trong ngọc trăng ngà 1311
Trong nguyệt trên mây 1067
Trôi hoa giật bèo 2812
Trông chừng 135
Trõng canh 2504, 3254
Trõng trận 2286
Trơ như đá 2521
Trơ trơ 541, 2528
Trở hài 211
Trời bể 2215, 2555
Trời cao sông rộng 2628
Trời đất ghen 2154
Trời đông 2033
Trời gần trời xa 3250
Trời già 1069
Trời Liêu 703
Trời mây 2426
Trời tây 1085
Trời thăm đất dày 979
Trời thăm vực sâu 2943
Trời thu 914
Trời xanh 6
Trú phường 785
Trụ trì 2038

Trúc chẻ ngói tan 2439
Trúc côn 1739
Trúc mai 708
Trúc tơ 1778
Trúc viện 1371
Trung đường 1673
Trung khúc 423
Trùng phùng 795
Trùng sinh 3049
Truy hoan 1299
Truy nguyên 862
Trương 32
Trường đình 871
Trường giang 2636
Trường Khanh 1232
Trường văn 2859
Trưởng đào 1227
Trưởng hoa 171
Trưởng hồ 1475
Trưởng hồng 1310
Trưởng hùm 2315
Trưởng huỳnh 434
Trưởng loan 223
Trưởng mai 2284
Trưởng tiền 2378
Trưởng tô 1281
Trưởng phu 2214
Tú khẩu cẩm tâm 208

Tuần 36
Tuần đỗ lá 160
Tuần mưa 567
Tuần trăng 251
Túc khiên 2688
Túc nhân 1018
Túc trái tiền oan 1765
Tung hoành 2464
Tùng quân 901
Tụng đình 2757
Tụng kỳ 692
Tuổi hạc 673
Tuổi vàng 363
Tuyễn dài 710
Tuyển tướng 2297
Tuyết sương 384, 902, 2834
Tuyết tinh thần 17
Tuyết bút 2626
Tuyết diệu 184
Tư 1379
Tư-mã Phượng cầu 475
Tử bi 1908
Tử đường 531
Tử quy 2398
Tử biệt sinh ly 617
Tử phẫn 2235
Tử sinh 3088
Tứ tuần 627

Tự tình 2284
Tưng bừng 373
Tùng biếc xen hồng 917
Tương phùng 159
Tương tâm 2883
Tương tri 460
Tương triển 2535
Tương tư 568, 725
Tường đông 38
Tường gấm 293
Tường hoa 2027

U

U 128
U hiển 128
Ủ dột 103
Ủ ê 1993
Ủ liễu phai đào 2603
Uốn lưng thịt đở 1140
Uy linh 2321, 2904
Uy lớn 1512
Uy nghi 2313
Uyên 1791

Ư

Ưa 614, 1282, 2178, 2275
Ứng chiêm bao 230
Ước xưa 2256

Ướm lòng 304

Ướt dầm 2338

V

Vạ gió tai bay 616

Vác đòng 2314

Vài tuần 893

Vãi 2305

Van lạy 591

Ván đã đóng thuyền 2801

Vạn phúc 394

Vàng đá 2814

Vàng thau 2190

Vàng vó 50

Vành ngoài bảy chữ 1210

Vành trong tám nghề 1210

Vào sinh ra tử 2942

Vào trước ra sau 2189

Văn chương 150

Văn nhân 135

Văn võ 2442

Văng vặc 449

Văng tanh 60, 292, 2672

Văng vỏ 1475, 1666, 2849

Vắt nóc 950

Vân du 2650

Vân mồng 2926

Vân an 1940

Vấn danh 624
Vấn vít 570
Vận mệnh 1798
Vận vào 112
Vâng lời 926, 1176, 1821, 1852, 3196
Vật đổi sao dời 3087
Vật vã 1677
Vật vờ 2180
Vẫy gió tuôn mưa 2795
Vẫy vùng 2173, 2550, 2923
Vẻ hồng 1218
Vẻ ngân 525
Vẻ ngọc 824
Vẻ ngọc màu sen 1384
Vẽ vời 204
Vẹn tuyễn 599, 2545
Vẹn vẻ 3221
Vệ cơ 2312
Vi lô 264
Vì nước vì dân 2719
Viên ngoại 11
Viễn khách 624
Viễn phương 67
Viện sách 362
Việt-đông 2172
Vin cành quít 834
Vinh hiển 2872, 2966
Vinh hoa 2287

Vĩnh quyết 1680
Vịnh bốn câu ba văn 100
Vịnh vào 232
Vò chín khúc 488
Vò võ 1267
Vó câu 870
Vóc sương 1430
Vô chủ 80, 1649
Vô duyên 74, 818, 1904, 2660
Vô-định 2494
Vô loại 580
Vô lương 1186
Vô nghĩa 967
Vô-tích 2291
Vội vàng 361, 468, 563, 667, 868, 884, 1561, 1864,
2086, 2131, 2146, 2501, 2637, 2772, 2839, 2951
Võn liêng 970
Vỡ lòng 1222
Vời 19
Vu quy 651
Vu thác 660
Vui chén 1571
Vui chuyện 1581
Vui gượng 1247
Vui vầy 2289, 3060, 3208
Vui vẻ 2012
Vùi liễu dập hoa 1136
Vuông tròn 412, 1331, 1634

Vuốt đâu xuống đất 1132
Vừng đông 560
Vững như đồng 2521
Vườn hoa 1925, 1942, 2821
Vườn hồng 504
Vườn khuya 432
Vườn Thúy 2743
Vườn xuân 3240
Vương sư 2506
Vương thần 2477
Vương tôn 828

X

Xa chạy cao bay 1971
Xa khơi 1505
Xa xa 1048, 1599, 2236
Xa xăm 911
Xa xôi 312, 538, 542, 843, 1260, 1524, 2937
Xanh rì 261
Xanh xanh 1052, 1501
Xao xác 1123
Xăm xăm 266
Xấp xỉ 36
Xập xè 2749
Xấu vía 934
Xấu xa 3098
Xe châu 77
Xe dây 2099

Xe hương 1606
Xe tơ 1532
Xích thăng 459
Xiêm 373
Xiêu xiêu 499
Xoang 33
Xoay văn 1116
Xót liễu vì hoa 335
Xót vay 610
Xót xa 788, 1234, 1432, 1794, 1888, 2810
Xôn xao 64, 360, 576, 622, 944, 1467, 2566, 3206,
Xơ xác 572
Xuân đình 1500
Xuân đường 534
Xuân huyên 759
Xuân khoá 786
Xuân lan thu cúc 162
Xuân sơn 25
Xuân thu 2858
Xuân tình 3201
Xuân xanh 36, 344, 1950
Xuất gia 1920
Xuất thần 1690
Xuyễn vàng 318
Xử quyết 2320
Xưng xuất 588
Xứng đáng 1012
Xương mai 325

Xương trắng quê người 776

Xướng tuỳ 3148

Y

Ý cao 495

Ý hợp tâm đầu 2205

Ý tú 1089, 1573, 1861

Yếm thắm trôn kim 1507

Yên 397

Yên ngựa 2216

Yên ổn 2664

Yến anh 45

Yêu đào 503

Yếu điệu 2841

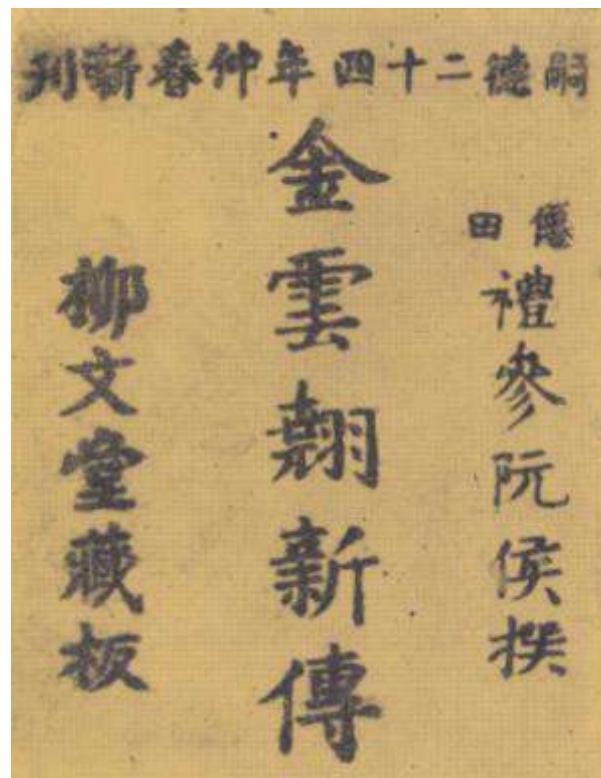
Yếu liễu thơ đào 897

Yếu thơ 1424

PHỤ BẢN

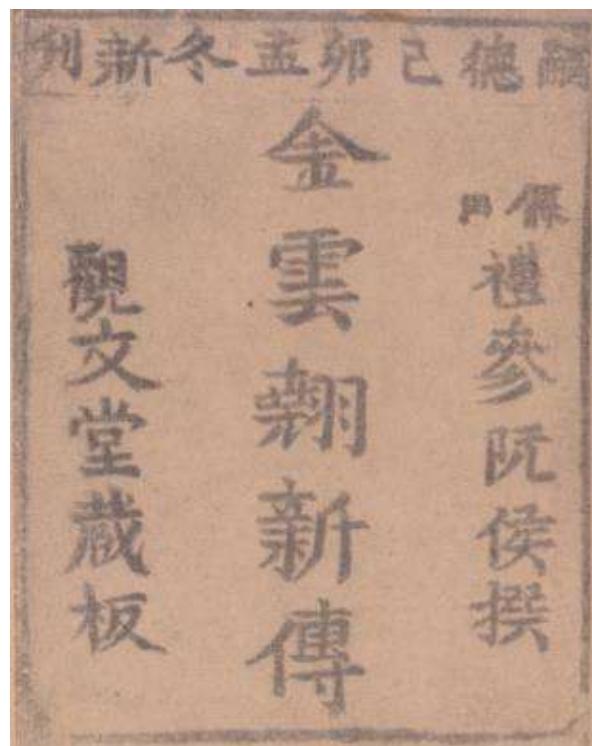
PHỤ BẢN I

Trang bìa bản *Liễu văn đường*, *Tự-đức nhị thập tứ* (1871) : KIM VÂN KIỀU TÂN TRUYỆN, Tiên-điền Lễ tham Nguyễn hầu soạn, Liễu văn đường tàng bản, Tự-đức nhị thập tứ niên, trọng xuân tân san.



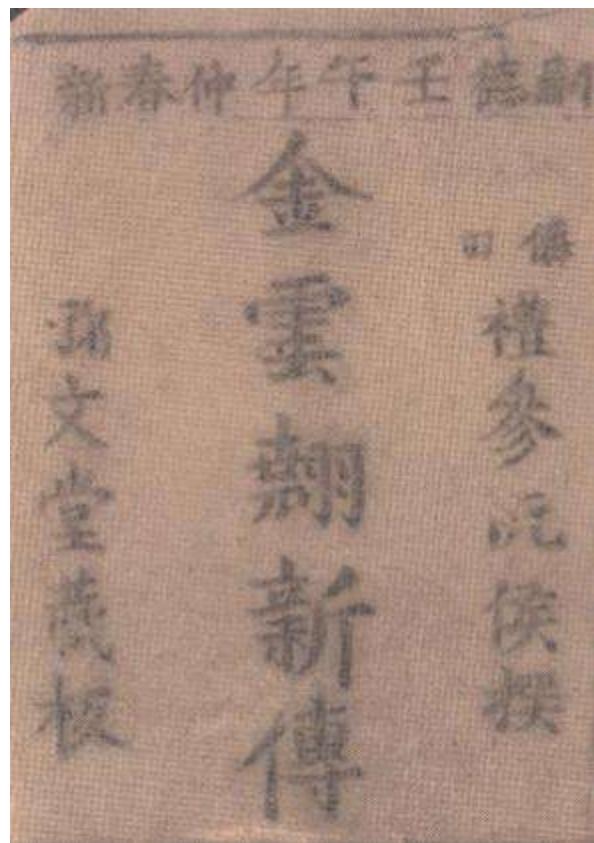
PHỤ BẢN II

Trang bìa bản *Quan văn đường*, *Tự-đúc Kỷ mão* (1879) :
KIM VÂN KIỀU TÂN TRUYỆN, Tiên-điền Lễ tham Nguyễn hầu
soạn, *Quan văn đường* tàng bản, *Tự-đúc Kỷ mão* mạnh
đông tân san.



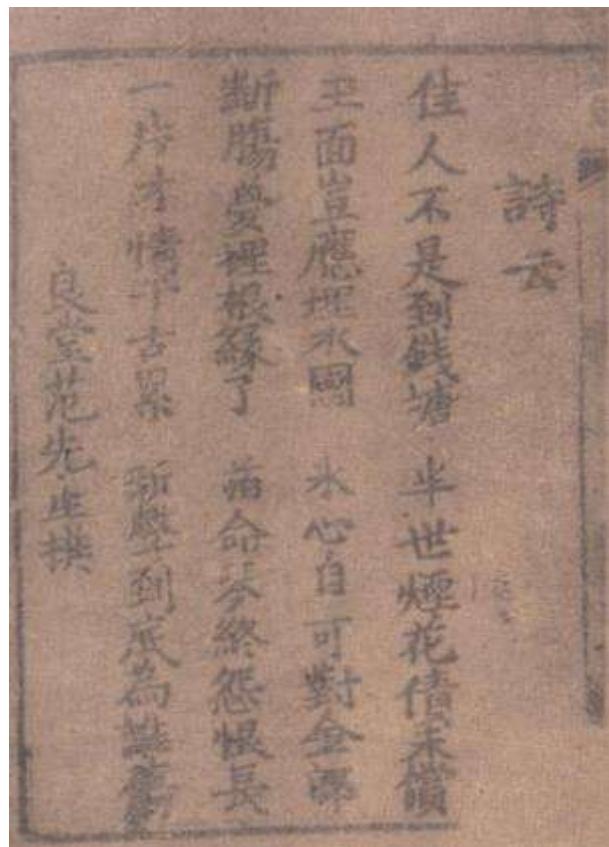
PHỤ BẢN IIIa

Trang bìa bản *Liễu văn đường*, *Tự-đức Nhâm ngọ* (1882) : KIM VÂN KIỀU TÂN TRUYỆN, Tiên-điền Lễ tham Nguyễn hẫu soạn, Liễu văn đường tàng bản, Tự-đức Nhâm ngọ niên trọng xuân tân san.



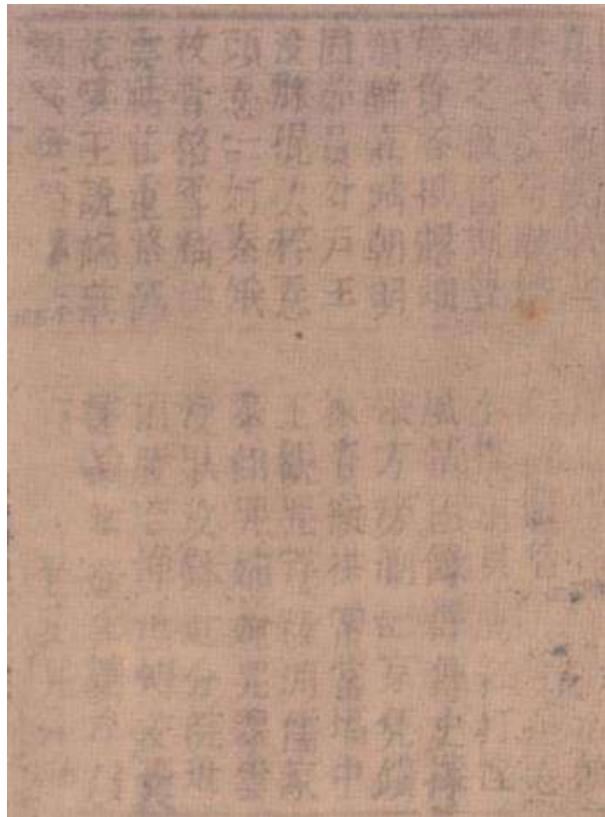
PHỤ BẢN IIIb

Bài thơ đề từ bản *Liễu văn đường*, *Tự-đúc Nhâm ngọ* (1882) của Phạm Quý Thích (xem ct 1, tr.85)



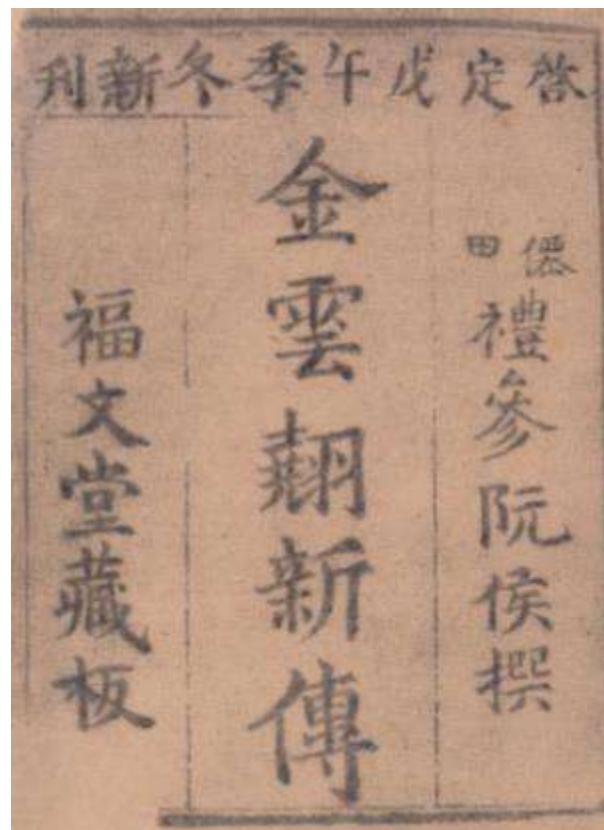
PHỤ BẢN IIIc

Tờ 1a bản *Liễu văn đường*, Tự-đúc Nhâm ngọ (1882)



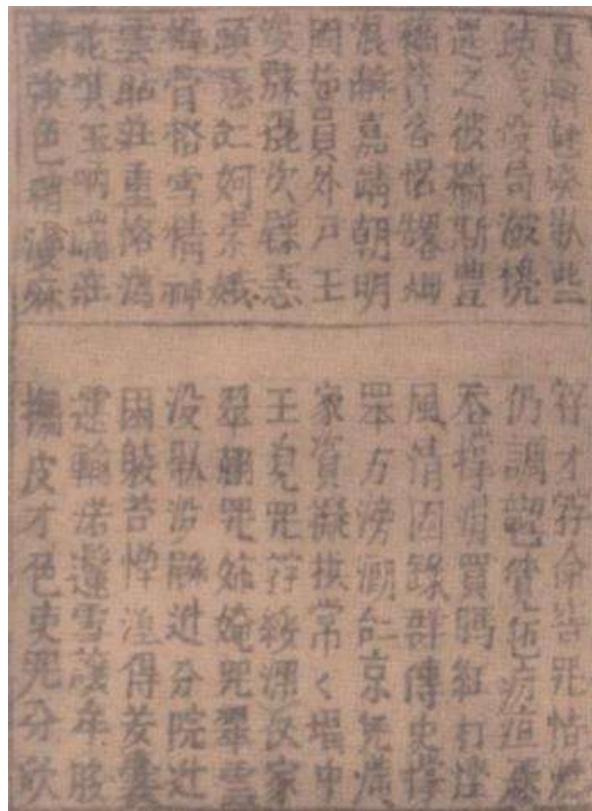
PHỤ BẢN IVa

Trang bìa bản *Phúc văn đường, Khải-định Mậu ngọ* (1918) : KIM VÂN KIỀU TÂN TRUYỆN, Tiên-điền Lễ tham Nguyễn hầu soạn, Phúc văn đường tàng bản, Khải-định, Mậu ngọ quý đông tân san.



PHỤ BẢN IVb

Tờ 1a bản Phúc văn đường, Khải-định Mậu ngọ (1918)



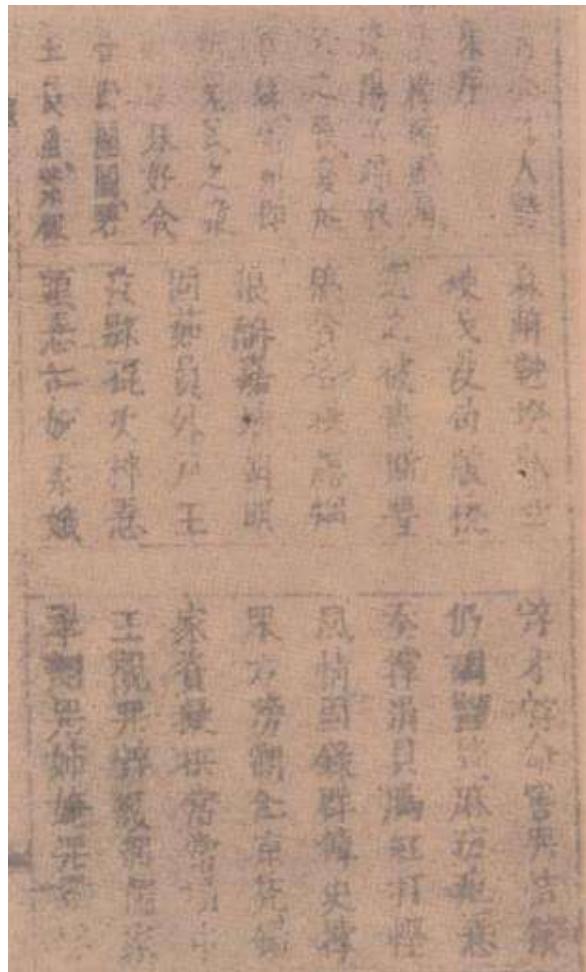
PHỤ BẢN Va

Trang bìa bản Quan văn đường, Thành-thái Bính ngọ (1906) : KIM VÂN KIỀU TÂN TẬP, Thời hiền thi tự, Quan văn đường tàng bản, Thành-thái Bính ngọ trọng hạ.



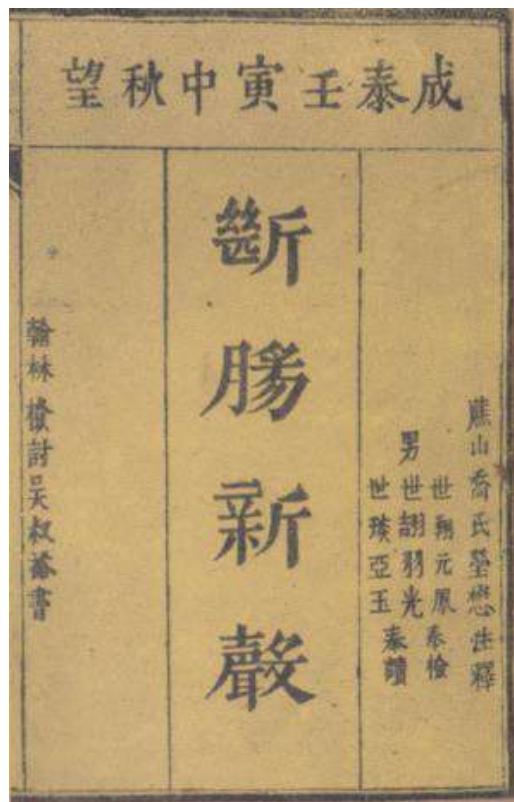
PHỤ BẢN Vb

Tờ 1a bản *Quan văn đường, Thành-thái Bính ngọ (1906)*



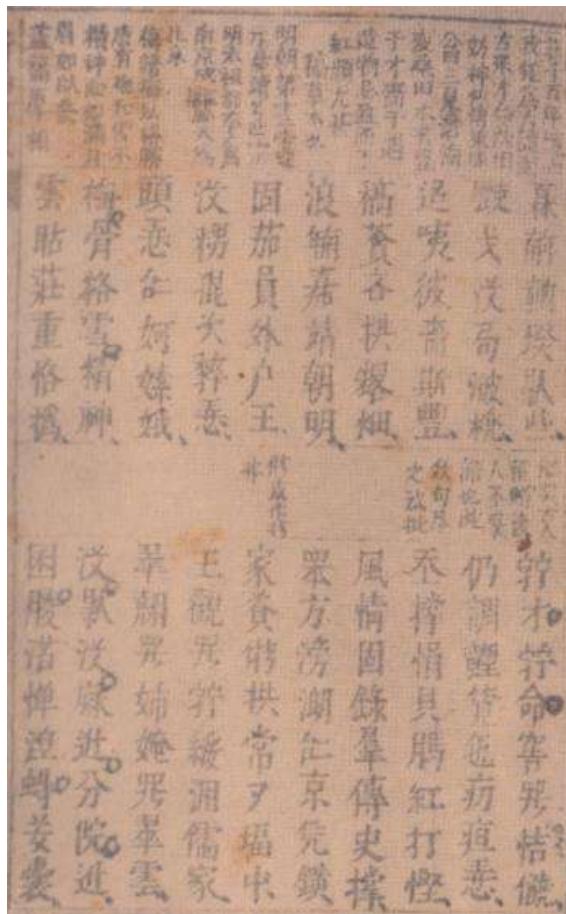
PHỤ BẢN VIa

Trang bìa bản *Kiểu Oánh Mậu* (1902) : ĐOẠN TRƯỜNG
TÂN THANH – Giá-sơn Kiều thị Oánh Mậu chú thích – Nam :
Thể Tường Nguyên Phượng, Thể Hữ Vũ Quang, Thể Diễm Á
Ngọc phụng kiếm, phụng độc ; hàn lâm kiếm thảo Ngô Thúc
Dụ thư – Thành thái Nhâm dần trung thu vọng.



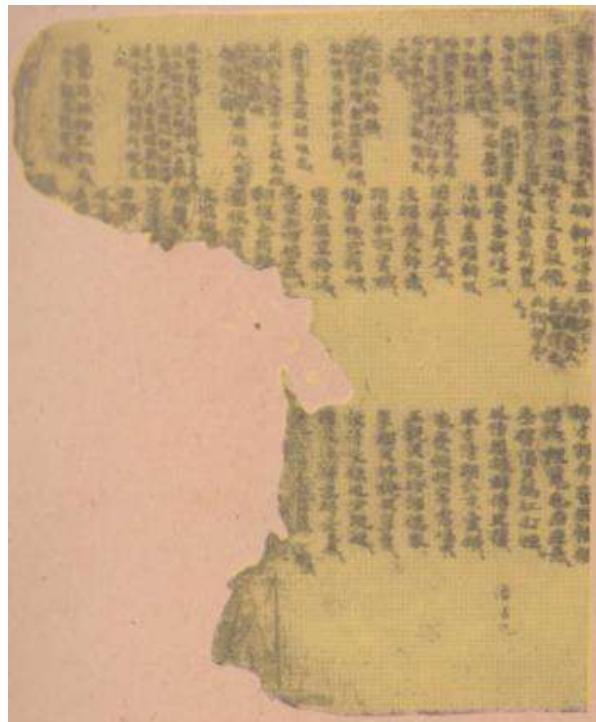
PHỤ BẢN VIb

Tờ 1a bản Kiều Oánh Mậu (1902)



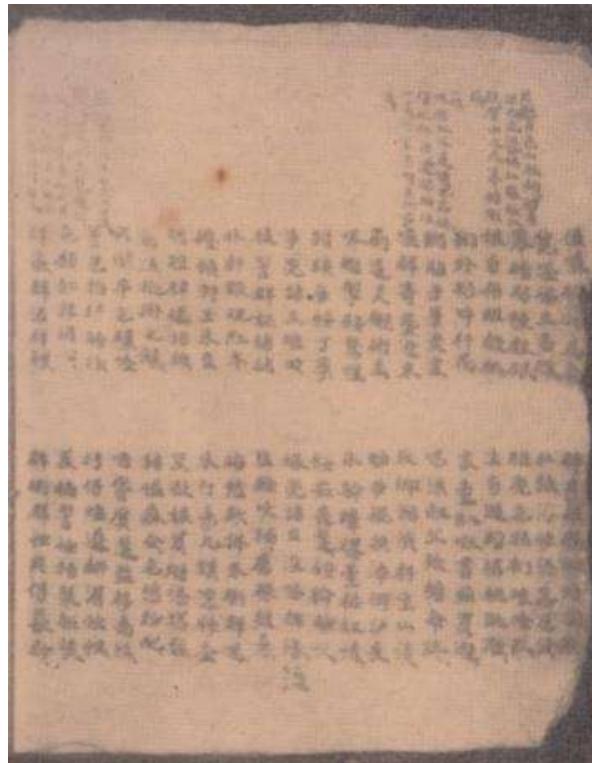
PHỤ BẢN VIIa

Trang đầu bản *Tiên-điền*



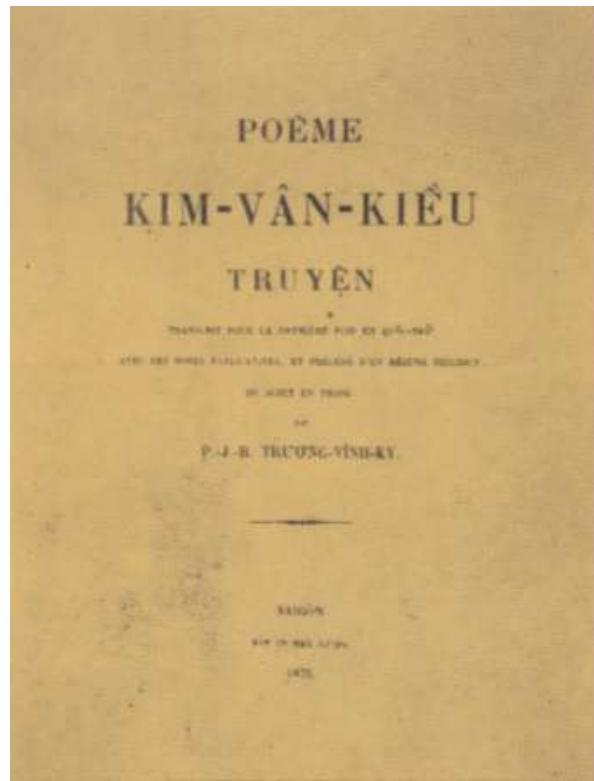
PHỤ BẢN VIIb

Một trang còn nguyên của bản *Tiên-điền* (Từ câu 521-558)



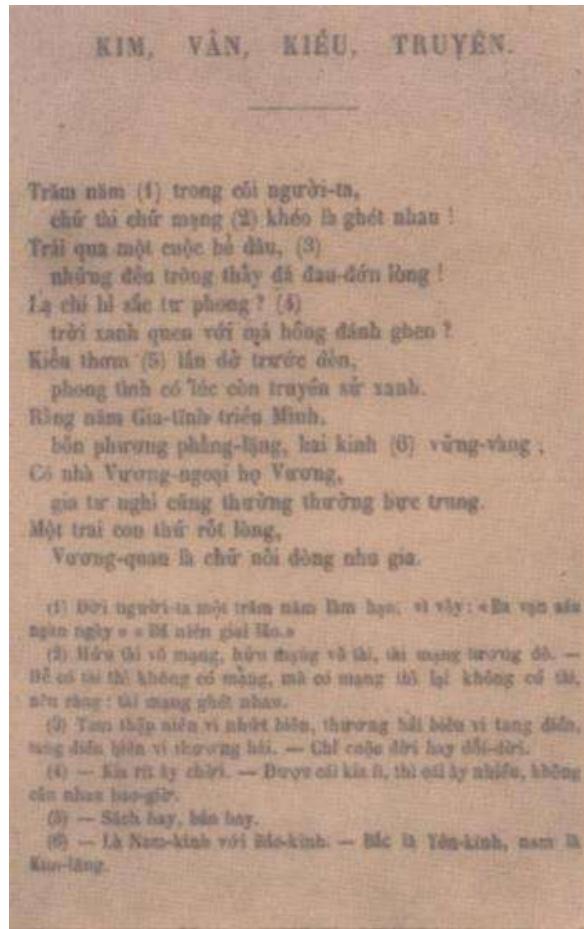
PHỤ BẢN VIIIa

Trang bìa bản *Trương Vĩnh Ký* (1875)



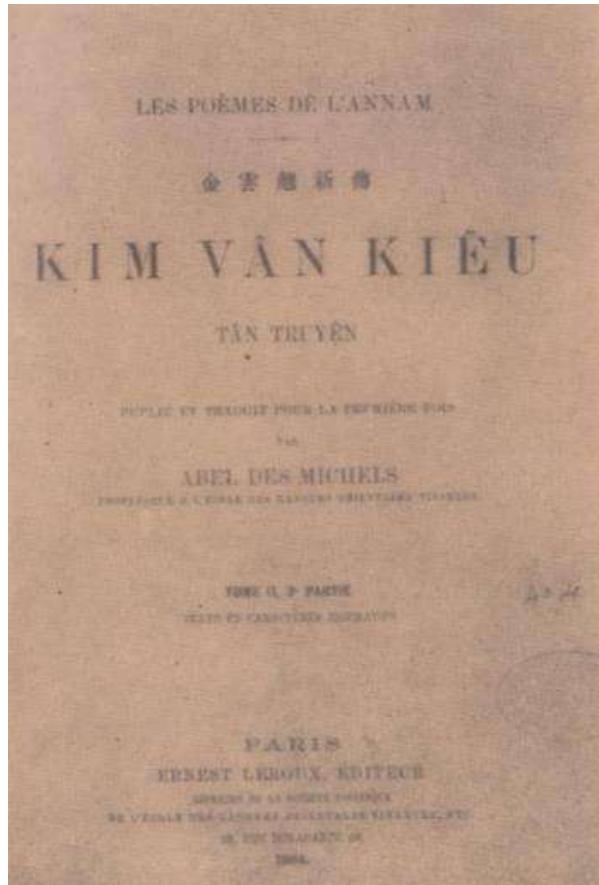
PHỤ BẢN VIIIb

Trang 13 bản *Trương Vĩnh Ký* (1875)



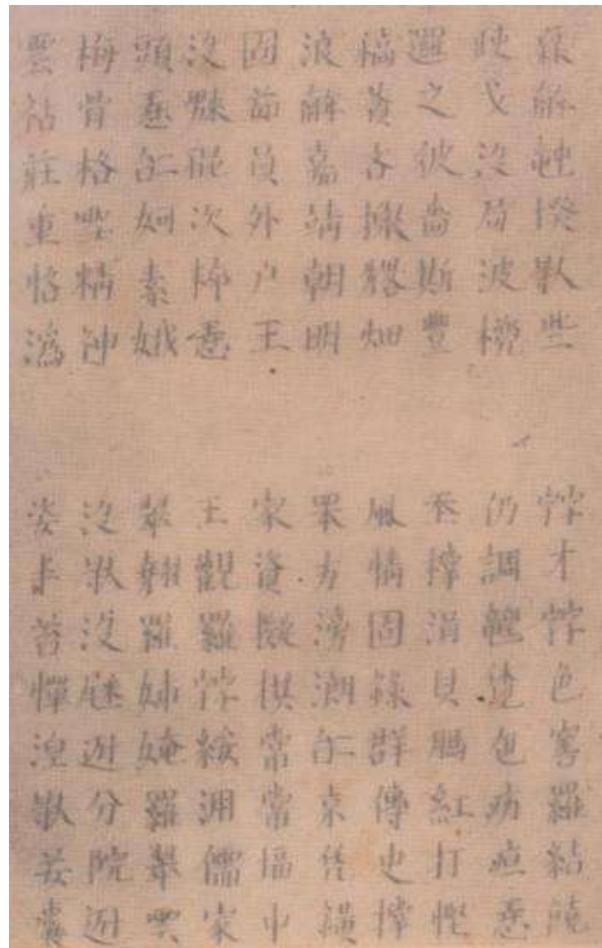
PHỤ BẢN IXa

Trang bìa bản Aben đê Misen (1884)



PHỤ BẢN IXb

Trang đầu bản Nôm Aben đề Misen (1884)



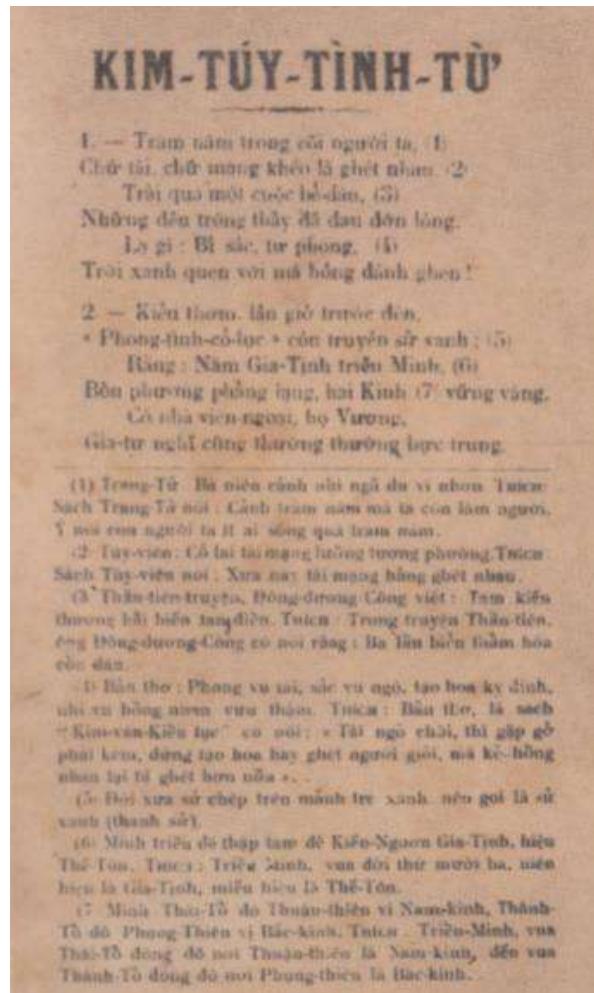
PHỤ BẢN Xa

Trang bìa bản Phạm Kim Chi (1917)



PHỤ BẢN XB

Trang 17 bản Phạm Kim Chi (1917)



SÁCH VÀ TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

I. CÁC BẢN KIỂU ¹⁹⁷⁶

1. *Kim Vân Kiều tân truyện* – Tiên-điền Lễ tham Nguyễn hẫu soạn. Liễu văn đường targ bản, Tự-đức nhị thập tứ niên trọng xuân tân san (1871).
2. *Kim Vân Kiều tân truyện* – Tiên-điền Lễ tham Nguyễn hẫu soạn. Quan văn đường targ bản, Tự-đức Kỷ mão mạnh đông tân san (1879).
3. *Kim Vân Kiều tân truyện* – Tiên-điền Lễ tham Nguyễn hẫu soạn. Liễu văn đường targ bản, Tự-đức Nhâm ngọ niêm trọng xuân tân san (1882).
4. *Kim Vân Kiều tân truyện* – publié et traduit pour la première fois par Abel des Michels – Publications de l'Ecole des Langues orientales vivantes – Ernest Leroux, Paris 1884-1885 :
 - Tome I : Transcription, traduction et notes (1884).
 - Tome II, Première partie : Transcription, traduction et notes (1885).
 - Tome II, Deuxième partie : Texte en caractères figuratifs (1884).
5. *Đoạn trường tân thanh* – Giá-sơn Kiều thị Oánh Mậu chú thích, Thành-thái Nhâm dần trung thu vọng (1902).
6. *Kim Vân Kiều tân tập* – Thời hiền thi tự. Quan văn đường targ bản, Thành-thái Bính ngọ trọng hạ (1906).

7. *Kim Vân Kiều tân truyện* – Tiên-điền Lễ tham Nguyễn
hầu soạn. Phúc văn đường tàng bản, Khải-định Mậu ngọ
(1918).

8. *Kim Vân Kiều tân tập* – Thời hiền thi tự – Quảng thịnh
đường tàng bản, Khải-định thất niên trọng đông (1922).

9. *Kim Vân Kiều tân truyện* – Tiên-điền Lễ tham Nguyễn
hầu soạn. Phúc văn đường tàng bản, Bảo-đại Kỷ tỵ (1929).

10. *Kim Vân Kiều tân truyện* – Tiên-điền Lễ tham
Nguyễn hầu soạn. Phúc văn đường tàng bản, Bảo-đại Kỷ
mão (1939).

11. *Kim Vân Kiều chú*, bản chép tay của Thư viện Khoa
học trung ương.

12. *Vương Kim diễn tự*, bản chép tay của Thư viện Khoa
học trung ương.

13. *Thanh Tâm Tài Nhân, Quốc âm chất thực* (bản chép
tay).

14. *Kim Vân Kiều truyện tự* (bản chép tay).

15. *Poème Kim Vân Kiều truyện* – Transcrit pour la
première fois en quốc ngữ avec des notes explicatives et
précédé d'un résumé succinct du sujet en prose par P.J.B.
Trương Vĩnh Ký – Bản in nhà nước, Sai-gon 1875.

16. *Kim Vân Kiều tân chuyện* – Nouvelle histoire de Kim,
Vân et Kiều, – Poème populaire annamite, divisée en chants
et suivie d'une table traduite en français, transcrise et
publiée par Edmond Nordemann – Deuxième édition, Hué
1900.

17. Nguyễn Du, *Kim Vân Kiều* dịch ra quốc ngữ có chú dẫn các điển tích. Nguyễn Văn Vĩnh, bản in lần thứ hai, Hà nội, Ích ký 1912.

18. Nguyễn Du, *Kim Vân Kiều chú thích*, Bùi Khánh Diễn hiệu đính và chú giải. Nhà in Ngô Tử Hạ, Hà-nội, 1926.

19. Nguyễn Du, *Kim Túy tình từ* – Texte et notes d'après les documents originaux avec une biographie de l'auteur transcrits en Quốc ngữ par Phạm Kim Chi. Edité par Nguyễn Thành Điểm. Préface de M. Phạm Văn Tươi, – Épitre de M. Nguyễn Mai « Tân sĩ » – Saigon, Imprimerie Huỳnh Kim Danh, 1917.

20. Nguyễn Du, *Truyện Thúy Kiều* (Đoạn trường tân thanh) – Bùi Kỷ và Trần Trọng Kim hiệu khảo. Việt văn thư xã, Vĩnh hưng long thư quán, Hà-nội, in lần thứ nhất, 1925 (và các bản in lại của Tân Việt).

21. Nguyễn Du, *Kiều truyện dẫn giải* – Hồ Đắc Hàm Imp, Đắc lập, Huế, 1929.

22. Vương Thúy Kiều chú giải tân truyện. Tủ sách Tao đàn, Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu, Nhà xuất bản Tân dân, Hà-nội, 1941.

23. Nguyễn Du, *Truyện Kiều chú giải* – Lê Văn Hòe hiệu đính, chú thích, bình luận – Quốc học thư xã, Hà-nội, 1953.

24. Nguyễn Du, *Truyện Kiều* – Bùi Kỷ chú thích và hiệu đính, Nhà xuất bản Phổ thông, 1957.

25. Nguyễn Du, *Truyện Kiều* (Đoạn trường tân thanh), Nhà xuất bản Văn học, Hà-nội, 1965.

II. BÁO CHÍ

1. An-nam tạp chí (1931)
2. Báo mới (1941)
3. Đông-dương tạp chí (1913)
4. Khuyến học (1935)
5. Nam phong (1918-1922)
6. Nghiên cứu văn học (1960-1965)
7. Nước Nam (1941)
8. Phụ nữ tân văn (1929)
9. Thanh nghị (1942)
10. Tri tân (1941)
11. Trung bắc tân văn (1923)
12. Văn hóa (1970)
13. Văn học tạp chí (1933)
14. Văn nghệ (1965) ¹⁹⁷⁷

III. CÁC CHUYÊN ĐỀ NGHIÊN CỨU

1. Góp phần vào việc hiệu đính truyện Kiều (1961)
2. Các bản Kiều. *Tự-đức Kỷ mão, Phạm Kim Chi, Tiên-diễn* với văn đề hiệu đính truyện Kiều (1962)
3. *Kim Vân Kiều truyện* với *Đoạn trường tân thanh* (1963)
4. Văn đề chú thích truyện Kiều (1964)
5. Ngôn ngữ truyện Kiều với tập *Truyện Kiều chú giải* của ông Lê Văn Hòe (1966)

6. Khảo sát các dạng kết cấu chữ nôm trong các bản *Kiểu Tự-đức Kỷ mão*, *Kiểu Oánh Mậu*, *Quan văn đường Thành-thái Bính ngọ* (1968)
7. Các loại ngôn ngữ hình tượng trong văn nôm (1969)
8. Văn đề chữ nôm (1957)
9. Vẽ phương pháp xử lý văn đề văn bản học các tác phẩm văn nôm (1970)
10. Điển cỗ văn nôm (1969)
11. Mô hình cơ cấu ngữ âm học của văn hiệp trong truyện *Kiểu*
12. Văn trong truyện *Kiểu* của Nguyễn Du (1966)

IV. CÁC BỘ TỪ ĐIỂN, CÁC SÁCH TRA CỨU GỐC

1. *Từ điển chính tả phổ thông* – Nhà xuất bản Khoa học, Hà-nội, 1963.
2. *Từ điển tiếng Việt* – Văn Tân (chủ biên), Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà-nội, 1967.
3. *Việt-nam từ điển* – Thanh Nghị, Sài-gòn, 1941.
4. *Việt-nam tự điển* – Hội Khai trí tiến đức khởi thảo, Hà-nội, 1931.
5. *Dictionarium annamiticum* – Alexandre de Rhodes, Rome, 1651.
6. *Dictionnaire Annamite – Français* – Génibrel, Saigon, 1898.

7. *Hán Việt từ điển* – Đào Duy Anh, Nhà xuất bản Minh Tân, Paris, 1951.

8. *Lược truyện các tác gia Việt-nam, tập I* – Trần Văn Giáp (chủ biên), Nhà xuất bản Sử học, Hà-nội, 1962.

9. Trung-quốc nhân danh đại từ điển.

10. Trung-quốc cổ kim địa danh đại từ điển.

11. Từ hải

12. Từ nguyên

13. Trung-hoa đại tự điển

14. Khang-hy tự điển

15. Phật học đại từ điển

16. Tứ khố toàn thư tổng mục đề yếu

17. Thông điển – Tục thông điển – Thanh triều thông điển

18. Thông chí – Tục thông chí – Thanh triều thông chí

19. Văn hiến thông khảo – Tục văn hiến thông khảo – Thanh triều văn hiến thông khảo – Thanh triều tục văn hiến thông khảo.

20. Nhị thập tứ sử

21. Thái bình quảng ký

22. Thái bình hoàn vũ ký

23. Thập tam kinh chú sớ

24. Chư tử tập thành

25. Các thi tập (Đường, Tống...)

26. Uyên giám loại hàm

27. Bội văn vận phủ

V. CÁC LOẠI SÁCH VÀ TÀI LIỆU KHÁC

1. *Vẽ văn học và nghệ thuật* – C. Mác và Ph. Ăng-ghen, Nhà xuất bản Sư thật, Hà-nội, 1958.
2. *Bàn vẽ giá trị chân chính của truyện Kiều* – Báo Nhân dân số ra ngày 25-9-1955.
3. Các bản *Gia phả họ Nguyễn Tiên-điền và họ Nguyễn-huy*, Phú-thị.
4. *Đại Nam chính biên liệt truyện* – Thư viện Khoa học trung ương (A. 2687).
5. *Đại Nam thực lục chính biên*, đệ nhất kỷ II, III – Nhà xuất bản Sử học, Hà-nội, 1963.
6. *Vũ trung tùy bút*, Phạm Đình Hổ – Nhà xuất bản Văn hóa, Hà-nội, 1960.
7. *Thơ chữ Hán Nguyễn Du* – Nhà xuất bản Văn học, Hà-nội, 1965.
8. Tập *Văn họa kỷ niệm Nguyễn Du* – Hội Quảng-trị Huế xuất bản, 1942.
9. *Truyện Kiều và chủ nghĩa hiện thực của Nguyễn Du* – Lê Đình Kỵ – Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà-nội, 1970.
10. *Thanh Tâm Tài Tử cổ kim minh lương để vịnh tập biên*, bản chép tay của Thư viện Khoa học trung ương (VNV 240).

11. *Kỷ niệm 200 năm sinh Nguyễn Du (1765-1965).*
Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà nội, 1971.
12. *Kim Vân Kiều truyện*, Thanh Tâm Tài Nhân, bản chép tay của Thư viện Khoa học trung ương (A 953) và bản dịch in giấy sáp của Viện Văn học, 1962.
13. Bản dịch các tập *Đông chu liệt quốc* (Phổ thông), *Đường thi* (Văn học), *Sử ký* (Văn học), *Tam quốc diễn nghĩa* (Phổ thông), *Thi kinh* (Trần Lê Nhân dịch, bản in dầu của trường Đại học Tổng hợp, 1958), *Trang tử* (Tân Việt).

TRUYỆN KIỂU của NGUYỄN DU

HÀ HUY GIÁP giới thiệu

NGUYỄN THẠCH GIANG khảo đính và chú thích

LƯƠNG VĂN ĐANG biên tập

NGUYỄN VIẾT CHÂU trình bày

ĐÀO TRỌNG CHỮ sửa bản in

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC VÀ TRUNG HỌC CHUYÊN NGHIỆP

In tại nhà máy in TIẾN BỘ 175, Nguyễn Thái Học ; Hà-nội.

In đợt hai 22.000 cuốn, có 19 phụ bản (5 bản in màu). Khổ

13 × 18,8.

Số xuất bản 39/ĐH. Số in 939. Xong ngày 25-11-1973.

Nộp lưu chiểu tháng 12-1973.



Notes

[←1]

Chúng tôi đang chuẩn bị tiến hành biên soạn một tập sách nghiên cứu về *văn bản truyện Kiều* theo những yêu cầu văn bản học thuần túy, nhằm đi đến một bản *Kiều* với yêu cầu nói đây để phục vụ việc nghiên cứu tiếng Việt nói chung và tiếng Việt trong các tác phẩm văn học cổ nói riêng của chúng ta hiện nay.

[←2]

Bản này, bìa sách có ghi rõ : « Chữa lại rất kỹ và rất đúng với bản
nôm cổ ».

[←3]

Gọi tắt là bản *Bùi Kỷ – Trần Trọng Kim*.

[←4]

Để tiện việc tra cứu, 152 câu của bản *Kinh* trong phần *Khảo dị* đều được đánh số từ 1 (K1) đến 152 (K152).

[←5]

Gọi tắt là bản *Kiểu Oánh Mậu*.

[←6]

Gọi tắt là bản *Quan văn đường*, hay *Quan văn đường Thành-thái Bình ngọ*.

[←7]

Những câu thơ chữ Hán của Nguyễn Du trong phần này đều được dẫn theo bản dịch tập *Thơ chữ Hán Nguyễn Du*. Nhà xuất bản Văn học, Hà-nội, 1965.

[←8]

Chúng tôi rất hoan nghênh và đánh giá cao cuộc tọa đàm về Nguyễn Du nhân kỷ niệm 200 năm sinh cụ mà Viện Văn học đã tổ chức vào năm 1965 và sau đó Viện lại cho sưu tập và xuất bản các bài phát biểu trong cuộc tọa đàm đó cũng như những bài của nhiều anh chị em đã viết hồi bấy giờ.

[←9]

Nhắc lại câu ca dao này, chỉ có ý nhấn thêm Nguyễn Du còn bị trói buộc bởi đạo lý phong kiến ; chứ không có ý tán dương đạo lý của câu ca dao.

[←10]

Thanh Tâm Tài Nhân thi tập tự, bản dịch của Đoàn Tư Thuật.

[←11]

Bài tựa *Kim Vân Kiều án* của Nguyễn Văn Thắng soạn năm 1830 có đoạn viết : « Từng nghe : *Truyện Kim Vân Kiều nôm*, xưa kia vốn là một bản thực lục (truyện thực), nhà Ngũ vân lâu ở Trung-quốc đã đem khắc in, truyền mãi đến nay ai cũng biết. Khi vào nước ta, quan đông các (chỉ Nguyễn Du, năm 1806 làm đông các học sĩ) đã đem diễn ra quốc âm, truyền khắp mọi nơi. Ai được nghe truyện cũng như thấy truyện. Không những chỉ bậc văn nhân tài tử đọc truyện lòng vui sướng, trí thành thơi ; mà cho đến cả những người ngu phu bỉ phụ truyền miệng nhau đọc cũng thích thú, vui vẻ hoa tay múa chân ».

Bài tựa tập *Đoạn trường tân thanh* đê năm 1898 cũng có đoạn viết : « Lời xưa có nói : *Làm trai biết đánh tổ tôm, uống chè Chính-thái xem nôm Thúy Kiều* mới là hợp thú tao nhã. Ngày nay nào khách văn chương, bạn thoa quần, cho đến kẻ buôn bán, người thôn hào không ai là không có một quyển *Kiều* cầm tay để thưởng thức. Nay như cả những người không biết lấy một chữ mà cũng học thuộc được vài câu, cũng thường khi nằm khi ngồi đem ra ngâm ngợi. Ôi sao mà lại có văn làm say người đến thế ? ». Xem *Phụ lục*, tr.492-493.

[←12]

Xem *Sách và tài liệu tham khảo*, tr.579.

[←13]

Xem *Sách và tài liệu tham khảo*, tr.579.

[←14]

Bài tựa truyện *Kiểu* của Tiên phong Mộng liên đường chủ nhân đề vào tháng hai niên hiệu Minh-mệnh, có đoạn viết : « Lục Phong tình cũng đã cũ rồi, Tố-như tử xem truyện, thấy việc lạ, lại thương tiếc đến những nỗi trắc trở của kẻ có tài, bèn đem dịch ra quốc âm, để là *Đoạn trường tân thanh* ».

[←15]

Phạm Quý Thích (1759-?), tự Dữ-đạo, hiệu Lập-trai, người làng Hoa-đường, huyện Đường-an (nay là làng Lương-ngọc, huyện Bình-giang, tỉnh Hải-hưng), đến ngụ ở phường Báo-thiên, huyện Thọ-xương, thành Thăng-long. Ông đậu tiến sĩ năm 1779, làm đồng các hiệu thư. Năm 1786, Tây-sơn ra Bắc, ông đi ẩn. Khi Gia-long lên ngôi (1802), ông bị triệu nhiều lần, bắt buộc ra làm quan với nhà Nguyễn, làm thị trung học sĩ, sau cáo bệnh lui về dạy học. Tác phẩm có : *Thảo đường thi nguyên thảo*, *Nam hành thi tập*, *Tân truyền kỳ...* Xem *Lược truyện các tác gia Việt-nam*, tập I, số 382, tr.352.

[←16]

Tức là bài : *Giai nhân bất thị đáo Tiền-đường. Bán thể yên hoa trái vị thường. Ngọc diện khải ưng mai thủy quốc, Băng tâm tự khả đối Kim lang. Đoạn trường mộng tỉnh căn duyên liễu, Bạc mệnh cầm chung oán hận trường. Nhất phiến tài tình thiên cổ lụy, Tân thanh đáo để vị thùy thương.* Nghĩa là : Người gai nhân (Kiều) ví chằng đến sông Tiền-đường, (Thì) cái nợ yên hoa nửa đời vẫn chưa trả xong. Nét mặt ngọc của nàng sao lại phải vùi xuống dưới nước ; Tâm lòng trong sạch của nàng lúc nào cũng không thiện với chàng Kim. Giấc mộng đoạn trường khi đã tỉnh ra, thì cái căn duyên cũng đã giũ sạch ; Tiếng đàn bạc mệnh tuy đã gảy hết khúc mà nỗi oán hận vẫn còn dài. (Thế mới hay) một mảnh tài tình là cái lụy chung muôn đời. (Vậy thì) quyển *Tân thanh* này cốt để thương xót ai ? Bài này các bản nôm sau đều có in lại thay bài tựa ở đầu sách. Câu « *Đoạn trường mộng tỉnh...* » phần lớn các bản nôm đều chép : « *Đoạn trường mộng lý...* ». Đây là chúng tôi để theo nguyên bản *Kiểu Oánh Mậu* và bản *Kim Vân Kiều quảng tập truyện*, Thành-thái Giáp thìn (1904).

[←17]

Bài *tổng thuyết* của Minh-mệnh viết năm 1830 để ở đầu tập *Thanh Tâm Tài Tử* (tức truyện *Kim Vân Kiều*) đề *Thánh tổ Nhân hoàng đế* *ngự chế tổng thuyết* có đoạn viết : *Thánh Thán bất phùng, hàn yên tán mạn ; Hoa-đường dĩ viễn, phá bích tiêu điểu. Sở đương mịch kỳ di biên, cáo chư đồng chí. Truyền thần tả chiếu, ly tảo trích hoa* = Bản của Thánh Thán (*Kim Vân Kiều truyện* của Thanh Tâm Tài Nhân, Thánh Thán bình luận) không còn, khói tàn tản mạn. Bản Hoa-đường đã vắng, vách cũ tiêu điểu. (Trộm nghĩ) phải tìm lại các sách của họ còn để lại để truyền cho những người cùng chí hướng văn chương. Mới theo chuyện in trong sách mà viết ra bài này.

Bài *tổng từ* của Tự-đức nói về truyện Kiều viết năm 1871 nhan đề *Dực-tông Anh hoàng đế ngự chế tổng từ*, mở đầu bằng những câu : *Hương phố yên ba tam nguyệt thiên, Phần lô nhàn độc Thanh Tâm biên. Thị biên bắc nhân Thánh Thán trước. Dịch âm ngã quốc Nguyễn Tiên-điền. Cận lai danh sơn phong vũ thực ; Hoa-đường bình bản vô lưu truyền. Thích kim dài các thừa nhàn hạ, Bất nhẫn gai thoại không hàn yên. Ngẫu ư cổ lộc đắc toàn giản, Truyền thần tả chiếu tượng trùng thuyền* = Bến sông Hương vào tiết tháng ba đầy sương khói. Đốt lư trầm nhàn nhã đọc truyện Thanh Tâm. Sách này người phương bắc là Thánh Thán làm, Nguyễn Tiên-điền diễn âm sang tiếng nước ta. Gần đây sách trừ danh như ngọn núi bị gió mưa làm cho hao mòn, *nên bản của Hoa-đường không còn lưu truyền* (như trước). Nay nhân nơi dài các có nhàn rồi, không nỡ để cho câu chuyện hay phải lạnh lùng theo mây khói. Và, nhân tình cờ tìm được toàn quyển trong bồ sách, mà theo đó toan cho khắc in. Như vậy, bản Hoa-đường Phạm Quý Thích từ 1830 đã phải tìm ở nhà in họ Phạm mà cho khắc in lại. Đến 1871 bản Hoa-đường cũng hiếm, may mà tìm được... Chắc bản này sau Đào Nguyên Phổ mang từ kinh ra biểu Kiều Oánh Mậu.

Điều 3 trong *Mười điều Lệ ngôn bản Đoạn trường tân thanh*, Kiều Oánh Mậu cũng viết : « Truyện này nguyên tên là *Kim Vân Kiều* là nhân theo bản của Trung-quốc. Nay bản Kinh gọi là *Đoạn trường*

tân thanh, suy xét ý nghĩa, gọi tên ấy rất thỏa đáng, nay cứ để nguyên ». Xem *Phụ lục*, tr.488.

[←18]

Điều 1 trong *Mười điều Lệ ngôn* nói trên, có đoạn viết : « Những danh nhân đồng thời với cụ như cụ Vũ Trinh hiệu Liên-trì cụ Nguyễn Lượng hiệu Châu-giang đều có phê bình ; cụ Phạm Quý Thích làng Hoa-đường có đề từ. Kế đó, cụ Nguyễn Văn Thắng làng An-thái làm ra các bản án trong đó thời trân như thức thức sẵn bày để cống hiến người cùng thích truyện ». Xem thêm ct 4 tr.84, ct 3 tr.93, 94 và *Phụ lục*, tr.487.

[←19]

Xem *Thanh Tâm Tài Tử cổ kim minh lương đế vịnh tập biên*. Ký hiệu Thư viện Khoa học trung ương : VNV 240, Xem thêm ct 4 tr.84 và ct 3 tr.93, 94.

[←20]

Xem *Thanh Tâm Tài Tử cổ kim minh lương đế vịnh tập biên*. Ký hiệu Thư viện Khoa học trung ương : VNV 240, Xem thêm ct 4 tr.84 và ct 3 tr.93, 94.

[←21]

Xem *Thanh Tâm Tài Tử cổ kim minh lương đế vịnh tập biên*. Ký hiệu Thư viện Khoa học trung ương : VNV 240, Xem thêm ct 4 tr.84 và ct 3 tr.93, 94.

[←22]

Xem *Thanh Tâm Tài Tử cổ kim minh lương đế vịnh tập biên*. Ký hiệu Thư viện Khoa học trung ương : VNV 240, Xem thêm ct 4 tr.84 và ct 3 tr.93, 94.

[←23]

Điều 10 trong *Mười điều Lệ ngôn bản Đoạn trường tân thanh*, Kiều Oánh Mậu viết : « Năm Mậu tuất niên hiệu Thành-thái (1898) sau khi thi đình, ông đình nguyên nhị giáp Đào Hoành-hải đem về một bản Kinh, tôi mới tham đính lại để cho khắc in, nhân xin ông cho bài tựa, nay đặt ở đầu quyển truyện để tỏ có chút công sưu tầm ». Xem thêm bài Tựa *Đoạn trường tân thanh* tr.491.

[←24]

Ngoài ra có một số bản chép tay, tàng thư của các tư gia trước đây mà chúng tôi hiện có. Các bản quốc ngữ chịu ảnh hưởng bản *Kiểu Oánh Mậu* – cũng tức là chịu ảnh hưởng bản *Kinh*, là bản *Bùi Kỷ* – *Trần Trọng Kim* và bản *Tản Đà*.

[←25]

Ví như bản *Kiều Oánh Mậu*, bản *Bùi Kỷ – Trần Trọng Kim* và bản *Vương Kim diễn tự*. Lời chú của ba bản này về bản *Kinh* không phải là giống nhau. Ví dụ câu 1705 : *Nước trôi hoa rụng đã yên*. Bản *Kiều Oánh Mậu* chú : « Câu lục này chép theo bản *Kinh* : *Đành răng nàng đã cửu-nguyên* ». Bản *Bùi Kỷ – Trần Trọng Kim* chú : « Bản *Kinh* : *Đành răng nàng đã cửu tuyễn* ». Bản *Vương Kim diễn tự* chú như bản *Kiều Oánh Mậu*.

[←26]

Nếu những lời chú về bản *Kinh* ghi trên các bản *Kiểu Oánh Mậu*, *Bùi Kỷ* – *Trần Trọng Kim* và *Vương Kim* diễn tự là đầy đủ, thì bản *Kinh* đã khác bản *Phường* 152 câu tất cả (Xem *Khảo dị*). Có bốn chỗ bản *Kinh* tăng lên mỗi chỗ hai câu : 1. từ câu 531-534, 2. từ câu 1819-1828, 3. từ câu 1885-1898, 4. từ câu 2047-2052. Có hai chỗ bản *Kinh* bớt đi mỗi chỗ hai câu : 1. từ câu 2125-2128, 2. Bản *Kinh* bỏ mất hai câu 1833-1834 (Xem *Khảo dị*). Vì vậy, bản *Kinh* hơn bản *Phường* : $8 - 4 = 4$ câu.

Bài tựa tập *Kim Vân Kiều án* của Nguyễn Văn Thắng đề năm 1830 có đoạn viết : « Mùa đông năm Canh dần (1830) vì bị giam ở ngục, trọn ngày ngồi suông, không có gì để tả nỗi lòng nên thường đọc truyện *Kim Vân Kiều* bằng quốc âm, nhận thấy lời đẹp văn hay, thật quả trong 1.575 câu của truyện, ý tứ liên tục... ». Như vậy bản *Kiểu* nói đây thiếu mất $3.254 - (1.575 \times 2) = 104$ câu so với bản *Phường*. Có lẽ ông đã đếm sai chăng, hoặc ông đã đọc một bản *Kiểu* nào khác ?

[←27]

Thí dụ, câu 1440 : *Đầu đuôi kể lại sự ngày cầu thân*. Bản Kiều Oánh Mậu chú : « Bản Phường để lại kể. Không đúng ». Nhưng các bản *Bùi Kỷ – Trần Trọng Kim* và *Tản Đà* vẫn dùng. Câu 1531, bản *Tản Đà* để theo bản *Kinh*.

[←28]

Xem ct 4 tr 84 và ct 1 tr 85.

[←29]

Chu Mạnh Trinh (1862-1905), tự Cán-thần, hiệu Trúc-vân, người làng Phú-thị, huyện Đông-yên (nay là Khoái-châu, tỉnh Hải-hưng). Ông là người tài hoa phong nhã, cầm, kỳ, thi, họa thứ gì cũng giỏi. Năm Thành-thái thứ tư (1892) ông đậu tiến sĩ, làm quan đến án sát Thái-nguyên. Khi làm án sát Hưng-yên, ông có dự tao đàn Hưng-yên và được chấm nhất trong cuộc thi vịnh *Kiều* (1905). Tác phẩm có *Trúc vân thi tập*, *Hương-sơn nhật trình ca*, *Thanh Tâm Tài Nhân thi tập*. Xem sách đã dẫn, số 650, tr.474.

[←30]

Xem ct 2, tr.94.

[←31]

Xem ct 1 tr.55. Kiều Oánh Mậu (1853-1912) còn có tên là Kiều Dực, sau lại đổi là Kiều Cung, tự Tử-yến, hiệu Giá-sơn, người Sơn-tây, đậu phó bảng năm Tự-đức Canh thìn (1880). Ông là người giỏi quốc âm. Ngoài cuốn *Đoạn trường tân thanh* này, ông còn có soạn truyện *Tỳ bà*, làm thêm hai bản án thổ quan và ngư phủ nổi sau tập *Kim Vân Kiều án* của Nguyễn Văn Thắng (theo bài tựa bản *Kiều Oánh Mậu* của Đào Nguyên Phổ). Ông còn đề tựa sách *Tang thương ngẫu lục*, duyệt lại sách *Bút toán chỉ nam* và soạn sách *Bản triều bạn nghịch liệt truyện*. Xem sách đã dẫn, số 685, tr.491.

[←32]

Mông lý căn duyên, tri nhất ẩm nhất trác gai vi tiền định ; Cầm chung phận mệnh, quái đa tình đa sự độc chiếm tiên thanh. Nghĩa là : Nghiệm căn duyên trong mộng kia, biết rõ ràng miếng uống miếng ăn đều do số trời định trước ; Xem phận mệnh khúc đàm nọ, những quái lạ đa tình đa sự, riêng chiếm tiếng đứng đầu tiên (Trần Lê Nhân dịch).

[←33]

Vũ Trinh (?-1828), tự Duy-chu, biệt hiệu Lan-trì ngư giả người huyện Lang-tài, tỉnh Bắc-ninh. Năm 17 tuổi đậu hương cống đời Lê. Năm 1789 khi Lê Chiêu-thống chạy sang Trung-quốc, ông theo không kịp về làng ở ẩn. Năm 1802 Gia-long lên ngôi, ông bị triệu ra làm thị trung học sĩ. Năm 1807, ông được cử đi sứ Trung-quốc, lúc về cùng soạn luật với Nguyễn Văn Thành.

Khi Nguyễn Văn Thành bị tội, ông cũng bị đi đày. Năm Minh-mệnh thứ 9 (1828) mới được tha về, rồi chết năm ấy. Tác phẩm có *Kiến văn lục*, *Cung oán thi tập*, *Sử Yên thi tập*, *Ngô tộc truy viễn đàn ký*. Xem sách đã dẫn, số 410, tr.366.

Nguyễn Lượng, hiệu Châu-sơn tiều lữ, làm tri phủ Thiên-trường, sống đồng thời với Vũ Trinh.

[←34]

Xem các ct 4 tr.84, ct. 1 tr.85.

[←35]

Xem bản dịch các bài này ở phần *Phụ lục*, tr.487.

[←36]

Đoạn từ câu 531-534, bản *Phường tiêu biểu* là bản *Quan văn đường Thành-thái Bính ngọ* (1906) chỉ có 4 câu. Bản *Kiểu Oánh Mậu* chép theo bản *Kinh* thành 6 câu. Do đó tăng lên 2 câu. Xem *Khảo dị*.

[←37]

Trong phần chú thích khảo dị, Kiều Oánh Mậu đã ghi xuất xứ từng chữ, từng câu như sau : *Kinh bản*, *Phường bản*, *Nguyên tác*, *Nhất tác*, *Hoặc tác*. Điều đó chứng tỏ ông đã tham khảo nhiều bản *Kiều*, chứ không riêng một « bản Kinh » do Đào Nguyên Phổ tặng.

[←38]

Bản Quan văn đường Thành-thái Bình ngọ cũng như các bản Phường khác đều có số câu như nhau, 3.254 câu.

[←39]

Không kể dị đồng giữa các bản *Phường*. 152 câu này có ghi chú là bản *Kinh*. Bản *Bùi Kỷ-Trần Trọng Kim* chỉ ghi chú 146 câu.

[←40]

Xem Khảo dị.

[←41]

Thí dụ như các câu 442, 448, 584, 602...

[←42]

Sau khi cụ nghè Mai qua đời, ông Lê Liêu trước vốn ở cùng nhà với cụ giữ bản *Kiều* này. Trong dịp vào Tiên-điền, tìm hiểu văn bản truyện *Kiều* vào đầu tháng 10-1962, ông Lê Liêu đã cho chúng tôi mượn lại. Theo cụ Nguyễn Châu, cháu xa đời của Nguyễn Du cho biết thì chính bản *Kiều* này là bản nôm được truyền lại từ trước, lúc sinh thời cụ nghè Mai thường đem ra đọc.

[←43]

Xem đoạn nói về bản này ở tr.100.

[←44]

Bản *Phạm Kim Chi* có 19 câu để theo bản Kinh : 531 – 534 = 6 câu và 633, 863, 938, 1186, 1426, 1531, 1682, 1705, 1756, 2355, 2523, 2790, 3017. Bản *Phạm Kim Chi* là bản đầu tiên chúng tôi thấy có những câu khác hẳn các bản khác : 299, 300, 357, 374, 414, 1057, 1129, 1153, 1880, 2008. 12 câu có chỗ thiếu dị ở đây là : 319, 752, 778, 998, 1001, 1044, 1060, 1228, 1656, 1916, 2061, 2617. Xem : *Các bản Kiều Tự-đức Kỷ mão, Phạm Kim Chi, Tiên-diễn* với vấn đề hiệu đính truyện Kiều – Báo cáo khoa học 1962. Tài liệu đánh máy, Thư viện trường Đại học Tổng hợp, Hà-nội.

[←45]

Có điều trong phần này, bản *Phạm Kim Chi* có chú thêm một đôi
chỗ cho rõ nghĩa như ct 5. tr.17, ct 2 tr.19 v.v...

[←46]

Cũng có thể là hai bản cùng chép theo một bản *Đại Nam chính biên liệt truyện*.

[←47]

Thí dụ : Về phương diện chính tả, bản *Trương Vĩnh Ký* ghi : 176 : *Giọt sương gieo nặng nhành xuân la đà* ; 184 : *Nên câu tuyệt diệu ngụ trong tánh tình* ; 210 : *Thì treo dải nhứt chi nhường cho ai* ; 260 : *Nhớ nơi kỳ ngộ vội dời chơn đi*.

[←48]

Thí dụ, câu 1033 : *Trước sau ngưng biếc tỏa xuân.*

[←49]

Ở bản in ký hiệu 4⁰ 1007 (II) của Thư viện Khoa học trung ương đã đề sai là 3.253 câu. Sở dĩ bản này chỉ có 3.252 câu thôi, là vì từ câu 1067 đến câu 1072 (dẫn theo bản *Quan văn đường Thành-thái Bình ngọ*) bản *Aben đê Misen* chỉ có 4 câu. Đây là chỗ khác nhau lớn nhất giữa bản *Aben đê Misen* với các bản *Kiểu* khác.

[←50]

Thí dụ, bản nôm : *Quế trong trăng hương trên trời* ; bản quốc ngữ : *Quế trong trăng hương trên mây...*

[←51]

Câu 1033, bản *Aben* để *Misen* chép đúng như bản *Trương Vĩnh Ký*.
Xem ct 2 tr.99.

[←52]

Chúng tôi chỉ có bản microfilm nên không biết chính xác khổ sách.

[←53]

Trong *Lời nói đầu* do Phạm Văn Tươi viết tại Vĩnh-long, ngày 1-11-1915, có đoạn nói : « Ông Phạm Kim Chi, khi còn làm thông ngôn ở Trung kỳ, được hân hạnh làm quen với một trong những người hậu duệ của thi sĩ là ông nghè Nguyễn Mai (tiến sĩ văn chương), một người rất lỗi lạc. Nhờ có sự liên hệ này, ông Phạm Kim Chi đã mượn được một bản viết tay – bản gốc cuốn Kim Vân Kiều bằng chữ nôm để là *Kim túy tình từ* ở trong khố thư tịch nhà họ Nguyễn. Bản viết tay này có kèm theo cả những chú thích mà tác giả đã ghi lại trong khi nhàn nhã làm một thứ giải trí để làm sáng tỏ tác phẩm bất hủ của mình. Chính ông Phạm Kim Chi đã phiên âm và phiên dịch ra quốc ngữ cái văn bản và những chú thích đó ».

Trong *Lời báo dẫn* in ở đầu sách, Phạm Kim Chi cũng viết : « Tôi nhơn vì việc quan, có ra ở 3 năm tại Hà-tĩnh, là quê quán của ông Nguyễn Du Đức hầu. May gặp dịp được làm quen với cháu nhà ông ấy, là ông Tấn sĩ Mai, mượn đặng bốn chánh « *Kim túy tình từ* » có chú dẫn điển tích rõ ràng. Tôi thấy chắc gốc như vậy, nên xin phép ông Nguyễn Mai dịch lại, in ra cho tài nhơn tao khách xem chung. Ông Nguyễn Mai bằng lòng, nên cho tôi một bài tựa có in ra sau đó ».

Bài tựa của cụ nghè Nguyễn Mai đề vào tháng giêng năm Duy-tân thứ 9 (1915) cũng có đoạn viết :

« Nay ông Phạm hiền thai là chức Phán sự quý tòa tài giỏi dùng đời, tánh hay ưa chữ. Cơn thạnh hội gió Âu mưa Á, lỗi văn minh vui ngó cuộc Tân Triều. Lớp tiền du trăng cá mây hồng, tài quan miện chạnh nhớ dòng cựu phiệt. Tưởng người trước làm ra chẳng dễ, quyết bốn này chạm lại đừng sai, muốn in bản đá để truyền đời, cậy tiếng bạn vàng giùm nhắc tích.

« Tôi nay là dòng hoa vòi voi, lời kệch sờ sờ. Nhưng tánh ham lòng gãm miệng thêu, đứng sững dựng cờ điệu hậu tần. Nghĩ mình xét bụng non dạ nót, thừa ưa noi dấu thơm biết tiên nhơn.

« Duy có : Bốn gia truyền, lúc rảnh dở xem, dường như báu núi ; truyện quốc ngữ ngày thường đem đọc, muốn thấu nguồn sông.

« Mừng nay bốn cũ chạm lại rồi, chữ nghĩa để đời thêm nặng giá,
dầu xứ khác kiểu thơm truyền dặng khắp ; bia bài nơi chúng ví
dường hoa. Rất cảm ơn nhà ông có bụng tham lành, thiệt chẳng
phụ lớp trước dùng ý hay đặt truyện » (Bản dịch của Huỳnh Thúc
Mậu).

[←54]

Xem ct 3 tr.97.

[←55]

Bìa sách có ghi rõ : « In lần thứ hai. Chữa lại rất kỹ và rất đúng với bản nôm cổ ».

[←56]

Xem ct 4 tr.84 và ct 1 tr.85.

[←57]

Thí dụ, câu 1114 : *Song đà quá đổi quản gì được thân*, câu 1443 : *Tại tôi hứng lấy một tay*. Bản *Kiểu Oánh Mậu* chú : « hăng », bản *Phường* để « xứng », các bản *Quan văn đường*, *Trương Vĩnh Ký*, *Aben đẽ Misen* đều để « xứng ». Các bản *Tản Đà*, *Bùi Kỷ* – *Trần Trọng Kim* để « hăng ». Các câu 1440, 1478... cũng vậy.

[←58]

Thí dụ các câu 1531, 2523... Xem *Khảo dị*.

[←59]

Bài tựa bản *Kiểu Oánh Mậu* do Đào Nguyên Phổ đề vào thượng tuần tháng 11, mùa đông năm Mậu tuất (1898) có viết : « Còn một điều tôi còn lấy làm lạ hơn nữa là người đời dùng để bói, thì thấy ứng nghiệm như thần, mà xem tựa linh kinh Quý cốc ». Xem *Phụ lục*, tr.493.

[←60]

Thí dụ các bản *Trương Vĩnh Ký*, *Kiểu Oánh Mậu*, *Phạm Kim Chi*, *Bùi Ký* – *Trần Trọng Kim*, *Tản Đà* v.v...

[←61]

Thực ra khái niệm tu từ bao gồm cả mặt văn lý. Nhưng đây chúng tôi tách ra làm hai là có ý nhấn mạnh thói quen trong quan niệm truyền thống của ông cha ta về văn đề này nói chung và được thể hiện rất rõ qua các văn bản truyện *Kiểu*.

[←62]

Xem phụ bản I.

[←63]

Xem các đoạn nói đến các bản *Kiểu* này ở phần văn bản truyện *Kiểu*, tr.83.

[←64]

Thí dụ, câu 529-530 : *Cửa sài vừa ngỏ then hoa, già đồng vào gởi thư nhà mới sang*. Xem thí dụ 2 tr.126. Xem điều 5 trong *Mười điều Lệ ngôn bản Đoạn trường tân thanh* – Phụ lục, tr.488.

[←65]

Thí dụ, câu 963-964 : Này này sự đã quả nhiên, thôi đà cướp sông
của min đi rồi. Xem thí dụ 1 tr.124.

[←66]

Thí dụ, trong truyện *Kiều* có đoạn từ câu 531-534, bản *Kiều Oánh Mậu*, bản *Phạm Chí Kim* đã chép thành 6 câu :

*Mở xem thủ bút nghiêm đường,
Nhắn rằng : Thúc phụ xa đường mệnh chung.
Hãy còn ký táng Liêu-đông,
Cố hương khơi diễn nghìn trùng sơn khê.
Rày đưa linh thần về quê,
Thế nào con cũng phải về hộ tang.*

Rõ ràng cách diễn đạt ý thơ ở đây có phần nôm na không phù hợp với phong cách ngôn ngữ truyện *Kiều*.

Mặt khác, về tình tiết, bối cục của cả đoạn, chúng ta thấy ở đây Nguyễn Du chủ ý muốn làm nổi bật việc « băng mình lén trước đài trang tự tình », vì đây là một việc quan trọng. Còn việc « *gia đồng vào gởi thư nhà mới sang* », Nguyễn Du chỉ chấm phá mấy nét cho chúng ta biết thôi, vì như thế là đủ chặt chẽ, cân đối trong bối cục.

[←67]

Nhưng khi nó có tính chất trùng lặp, không đáp ứng được một nhiệm vụ nghệ thuật nào cả, thì hiệu đính lại vì trái với phong cách ngôn ngữ Nguyễn Du. Thí dụ câu 2055-2056 : *Kệ kinh câu cũ thuộc lòng, hương đèn việc cũ trai phòng quen tay*. Chữ cũ sau là trùng lặp. Chúng tôi hiệu đính lại.

[←68]

Thí dụ, câu 1857-1858 : *Giọt châu lã chã khôn cầm, cúi đầu chàng
những gạt thăm giọt Tương*. Xem thí dụ 3 tr.130.

[←69]

Thí dụ, câu 1093-1094 :

*Tường đông lay động bóng cành,
Rẽ song đã thấy Sở Khanh lén vào.*

Chữ « lén » bản *Trương Vĩnh Ký* và bản *Kiều Oánh Mậu* chép là « bước ». Vậy thì « bước vào » hay « lén vào » ? Chúng tôi thấy ở đoạn này, Nguyễn Du chỉ muốn giới thiệu cho chúng ta biết trước, để chúng ta có một ý niệm khái quát về con người Sở Khanh, đặt cho chúng ta một dấu hỏi về con người ấy, chuẩn bị cho chúng ta một tư tưởng để dễ dàng nhận thấy cả quá trình Sở Khanh từ chỗ « *nghĩ rằng cũng mạch thư hương* » cho đến chỗ « *bạc tình nổi tiếng lầu xanh* », rồi đến chỗ « *nói lời rồi lại ăn lời được ngay* ». Trong quá trình ấy, khâu tư tưởng mà Nguyễn Du chuẩn bị cho chúng ta đó là hết sức cần thiết. Ở đây Nguyễn Du không cốt nhắm nói với chúng ta những điều mà đã có Mã Kiều sẽ nói ở đoạn sau tiếp đó. Như đã nói ở trên, Nguyễn Du chủ ý muốn cho chúng ta có một ý niệm khái quát về con người Sở Khanh, đặt cho chúng ta một dấu hỏi về con người ấy. Và qua đó, Nguyễn Du còn cho chúng ta biết một tâm lý : một con người như Sở Khanh, thì dù trong trường hợp nào đi nữa, cái chân tướng xấu xa ấy cũng không thể cưỡng lại được cái thực tế chính nghĩa hơn. Ở đây, cái thực tế chính nghĩa đó là Thúy Kiều.

Nghĩ cho cùng, thì lúc bấy giờ ở lầu Ngưng-bích, Sở Khanh muốn làm gì cũng được, huống hồ là chuyện đường hoàng « bước vào », vì Sở Khanh cùng với Tú bà mưu đồ từ trước. Nhưng ở đây cái thực tế Thúy Kiều đã chống lại, đã cưỡng lại cái dã tâm của y. Sở Khanh một con người như thế, mang một mưu đồ xấu xa như thế, thì dù cho có muốn đường hoàng « bước vào » cũng không được. Thực tế đã cưỡng lại và bắt y phải « lén vào » – lén vào như một tên kẻ cắp – mới nghe.

Quả thật là một khám phá của Nguyễn Du. Trong truyện *Kiều*, Nguyễn Du đã dùng 5 lần chữ « lén » (536, 1094, 1109, 1117, 1941), nhưng chỉ có một chữ « lén » này là tài tình hơn cả, vì nó

mang một thực trạng tâm lý phức tạp hơn mà Nguyễn Du đã thấu hiểu nhân tình khám phá ra được.

[←70]

Thí dụ câu 1092 : *Đóa trà mi đã ngâm gương nửa vành.* Xem thí dụ 4, tr.132.

[←71]

Thí dụ câu 1880 : *Gỡ cho ra nợ còn gì là duyên.* Xem thí dụ 5,
tr.138.

[←72]

Thí dụ các bản *Phạm Kim Chi, Bùi Kỷ – Trần Trọng Kim*.

[←73]

Thời trước bản *Phạm Kim Chi* được phổ biến rộng rãi ở Nam Bộ. Bản *Bùi Kỷ - Trần Trọng Kim* được phổ biến khắp cả Bắc Trung Nam. Các gia đình nho học thời trước quen dùng bản *Kiểu Oánh Mậu* và cả bản *Quan văn đường Thành-thái Bính ngọ*.

[←74]

Thí dụ, câu 6 : *Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen*. Chữ thói, các bản *Kiểu Oánh Mậu*, *Quan văn đường*, *Aben đê Misen*, *Phạm Kim Chi*, *Tản Đà* đều để với (quen với) ! Nhưng mọi người vẫn quen dùng *quen thói*. Bản *Bùi Kỷ – Trần Trọng Kim* đã ghi lại điều được phổ biến đó. Chúng tôi để như bản *Bùi Kỷ – Trần Trọng Kim*. Ngoài ra còn có các câu 154, 648, 1020, 1047, 1148.

[←75]

Thí dụ : chữ « rốt » trong câu 13, chữ « sắc sảo » trong câu 23, chữ « đứt » trong câu 32, chữ « chín chục » trong câu 40, chữ « dập dùi » trong câu 47...

[←76]

Thí dụ, câu 1558 : *Górm tay thêu dệt ra lòng trêu ngươi*, bản *Quan văn đường* khắc nhầm chữ « ngươi » ra chữ « đích » vì hai chữ này rất gần về tự dạng. Câu 3012 nhầm giữa *ngày* với *người*. Các câu 503, 3144 bản *Quan văn đường* nhầm về trật tự của từ v.v...

[←77]

Thiền – thuyền trong câu 1991, 2061, 3043, 3044.

[←78]

Thí dụ : *mừng – mǎng* (191), *chân – chơn – chưn* (260, 316...), *cảo – kiểu* (7), *dập – giập* (1136), *giã dẽ – dã dẽ* (1801) v.v...

[←79]

Thí dụ, câu 168 : *Khách đà lên ngựa người còn ghé theo. Ghé* – mặt chữ nôm các bản đều viết : bộ mục + ký. Bản *Tản Đà* phiên âm là *nghé*, cả ở trong câu 284 : *Tường đông nghé mắt ngày ngày hăng trông*. Các bản *Trương Vĩnh Ký*, *Aben đế Misen*, *Bùi Kỷ* – *Trần Trọng Kim* phiên âm là *ghé*. Từ điển *Gênibren* chỉ có « *ghé* » = đưa nghiêng mắt mà trông, chứ không có *nghé* với nghĩa đó. Vì vậy chúng tôi để *ghé*. Trong truyện *Kiều*, ngoài hai chữ *ghé* với nghĩa *đưa nghiêng mắt mà trông*, còn có ba chữ *ghé* khác, với nghĩa là *đến gần vào, tạt vào* ở các câu 69, 714, 1200.

[←80]

Đoạn này *Kim Vân Kiều truyện* viết « ...Tú bà lại trỏ Mã Giám sinh và bảo : « Con lại làm lẽ khâu đầu với cậu con đi ». Thúy Kiều nói : « Ông này là chồng tôi, đã cùng ăn cùng nằm với tôi, sao bữa nay lại bắt tôi gọi ông ta là cậu ? » Tú bà thoát nghe câu này, thẩn tam bành liền nổi chồm lên, và nói : « Nói như thế này thì mày định cướp chồng bà à ? » Mặc dầu vậy, ở đây cũng không thể để « chồng min », vì Nguyễn Du không phải dịch nguyên *Kim Vân Kiều truyện*. Đây là một chỗ trong nhiều chỗ khác do Nguyễn Du sáng tạo ra bằng cách rút gọn nêu bật hồn lên bản chất của Tú bà.

[←81]

Xem chú thích trước.

[←82]

Âm Hán Việt cũng đọc là *cậu*, có nghĩa : a) anh, em của mẹ gọi là cậu ; b) đàn bà gọi bố chồng là cậu (chồng gọi bố vợ là ngoại cữu) ; c) anh, em của vợ cũng gọi là cậu (*Từ Nguyên, Khang-hy*).

[←83]

Các bộ từ điển tiếng Việt *Gênibren*, *Khai Trí tiến đức* không có nghĩa này.

[←84]

Kim Vân Kiều truyện : Tú bà lại càng tức nghẹn cả hơi, nhầm về phía Mã Giám sinh mà mắng : « Thằng ba que này ! Thằng đếu giả khốn nạn này ! Tao bảo mày đi mua người về để tiếp khách kiếm lời, chớ ai bảo mày ăn nằm với nó ? ».

[←85]

Ngoài ra, còn có : 2037 : Xăm xăm gỗ mái *cửa ngoài*. 2272 : Từ công ra ngựa thân nghênh *cửa ngoài*.

[←86]

Không kể trùng lặp ý với câu 526 : Tin đâu đã thấy cửa ngăn gọi vào.

[←87]

Trong các câu 1944, 3015, 1857, 665, 82, 104, 562, 1936, 2572, 2848.

[←88]

Trong các câu 2547, 2796, 1759, 1828.

[←89]

Trong câu 696, *lệ hoa* (634), *lệ* (712, 782, 909, 2825).

[←90]

Trong các câu 762, 875.

[←91]

Trong câu 851.

[←92]

Trong câu 238.

[←93]

Trong các câu 106, 1884, 2836.

[←94]

Sơ kính tân trang chỉ có : *Ngập ngừng đôi giọt thở than một lời* (738) và : *Giơ kim hoàn ngắm, giọt tràn đôi châu* (1464) ...*Phan Trần* chỉ có : *Thánh tha bốn giọt lệ tình...*

[←95]

Xem *Truyện Kiều chú giải*, Lê Văn Hòe hiệu đính, chú giải, bình luận – Quốc học thư xã, Hà-nội 1953, tr.292. Xem *Kim Vân Kiều – Traduction en français par Nguyễn Văn Vĩnh* – Editions Alexandre de Rhodes, Hà-nội 1942, tr.316.

[←96]

Không tính câu 1092.

[←97]

Gương trong câu 433 và kẽ cả kết hợp *gương nga* trong câu 173.

[←98]

Dẫn theo chuyên đề nghiên cứu *Vấn đề chữ nôm* của chúng tôi.

[←99]

Chữ *trǎng* 腻, chữ chỉ ý nghĩa (hình) ở về phía bên trái, tức là chữ *nguyệt* 月, và chữ chỉ âm thanh (thanh) ở về phía bên phải, tức là chữ *lǎng* 麟.

[←100]

Như chữ *trǎm* 穢 = 百 *bách* (hình) + 林 *lâm* (thanh).

[←101]

Như chữ *năm* 蔡 = 南 *nam* (thanh) + 彳 *ngoa* (hình).

[←102]

Tư 司 (cũng đọc là *ty*) = người đứng làm chủ một việc gì, hay gọi chung các chức quan tư lệnh, tư nghiệp, tư khấu, tư mã, ty trưởng. Trong chữ *gương 鏡*, chữ *tư* dùng để chỉ ý nghĩa là với ý người làm chủ, người làm quan phải làm *gương*, hay là *cái gương* cho dân noi theo.

[←103]

Chữ trăng cũng thường khắc nhầm F.. Thí dụ ở câu 1793 : *Mày xanh trăng mới in ngắn*, bản Kim Vân Kiều tân tập đã khắc in F.. Trong trường hợp này chữ trăng rất dễ nhầm với chữ gương.

[←104]

Xem cách lý giải của chúng tôi trình bày ở tr.132-137.

[←105]

Xem *Khảo sát các dạng kết cấu chữ nôm trong các bản Kiều Tự-đức Kỷ mão, Kiều Oánh Mậu, Quan văn đường Thành-thái Bính ngọ* – Báo cáo khoa học 1968. Tài liệu đánh máy Thư viện Đại học Tổng hợp, Hà-nội.

Bản *Tản Đà* cũng đã chú : « Câu này, hai chữ « *thiếu* », các bản quốc văn và các bản chữ nôm hiện nay đều để cả như vậy ; trong bản đây, cũng là theo phẫn công chúng mà không dám khác hẳn tự theo ý riêng. Song phẫn riêng tôi nhớ từ năm đã lâu, được nom thấy ở một bản in chữ nôm hai chữ này để là **劍** (kiếm) cho nên có người đọc là *hiếm*, có người đọc là *kém*. Chữ *hiếm* thời nghĩa cũng cùng như chữ *thiếu* ; còn chữ *kém* thời nghĩa lại khác. Trộm nghĩ : nếu Từ-Hải khi đó có đã xưng đế **帝** thời chữ « *thiếu* » trong câu đây mới có nghĩa. Vì *bá vương* **伯王** tức là hạng *Chư-hầu-vương* mà có ý hùng *cường*, cô **孤** *quả* **寡** (tức chữ *quả nhân*) thời là những tiếng tự xưng của hạng *bá vương* ấy. Cho nên như trong câu đây mà hai chữ ấy là *thiếu*, thời phải nhận nghĩa rằng : dưới Từ, hay trong cái cung đình của Từ, không thiếu gì những người *cô quả*, *bá vương* vậy. Nay cứ ở Minh-sử, Từ-Hải chỉ là một kẻ có tên trong bọn giặc bể ; mà xem trong văn Kiều như câu *Đại-vương tên Hải họ Từ* thời hai chữ « *đại vương* » đủ là tiếng tôn xưng của Từ. Cho nên lấy sự thực xét với văn lý, thời chữ *kém* phải nghĩa hơn, nghĩa là cũng *cô quả*, cũng là *bá vương*, không *kém* gì ai vậy ».

Xét về dạng kết cấu chữ nôm, thì chữ *thiếu* 少 được ghi lại trong các bản *Kiều* nôm có hiện nay, thực chất là dấu vết của chữ *hiếm*, và chữ *hiếm* cũng chỉ là biến dạng của chữ *kém* vốn ban đầu được dùng chữ *kiếm* 剑 trong Hán văn để ghi.

[←106]

Hai câu kết của bài *Độc Tiểu Thanh Ký* – xem *Thơ chữ Hán Nguyễn Du* – nhà xuất bản Văn hóa, 1965, trang 162. Dịch nghĩa : Không biết hơn ba trăm năm sau, Thiên hạ ai người khóc Tố Như ?

[←107]

Biến cách tự nghĩa (figures de mots), biến cách khích tình (figures de passion) và biến cách tưởng tượng (figures d'imagination).

[←108]

Chữ « tình tiết », chúng tôi dùng theo nghĩa thông thường là : những chi tiết về những trạng thái tâm hồn và hành động của một nhân vật trong một đoạn văn, của sự cấu tứ quy định trong toàn bộ kết cấu của cốt truyện. Nó gần giống thuật ngữ *péripétie* của Pháp ngữ.

[←109]

Thí dụ : Bùi Khánh Diễn đã chú thích câu 308 : *On lòng quân tử sá gì của rơi* : « Đường : Bùi Độ kiến nữ tử di kim hoàn, thập nhi hoàn chi = người Bùi Độ nhà Đường thấy người con gái rơi vòng vàng nhặt mà trả lại », hay khi chú thích câu 336 : *Trẻ thơ đã biết đâu mà dám thưa* : « *Hoa tiên* : Dao Tiên đáp Diệc Thường vân : Hôn nhân dĩ hữu cao đường tại, điểm hài nhi nữ loạn khai ngôn – Truyện *Hoa tiên* : nàng Dao Tiên đáp với Diệc thường rằng : việc vợ chồng đã có cha mẹ định, nhẽ đâu con trẻ dám nói ra ».

[←110]

Các nhà chú thích truyện *Kiều* hầu hết đều có xu hướng này. Tựu trung, người đại biểu vẫn là Bùi Khánh Diễn, ví dụ ở chú thích trên cũng đủ chứng tỏ xu hướng này.

[←111]

Lời của Tản Đà. Xem *Vương Thúy Kiều chú giải tân truyện*, trang 9.

[←112]

Lời của Tản Đà. Xem *Vương Thúy Kiều chú giải tân truyện*, trang 9.

[←113]

Thí dụ : Tản Đà khi chú thích câu 387-388 : *Vắng nhà được buổi hôm nay, lấy lòng gọi chút ra đây tạ lòng* : « Hai chữ « lòng » trong câu đây, rất có màu nhiệm. Nguyên trên kia lời Kim Trọng : « *Trách lòng hờ hững với lòng* », cũng hai chữ *lòng* nói buông không, mà một chữ trên nói Kiều, chữ dưới thời nói vào mình – Cho nên trong câu đấy hai chữ, chữ trên nói vào mình mà chữ dưới nói chàng Kim, thực là giọng tri âm với nhau lắm » (Tản Đà, sách đã dẫn tr.39). Một thí dụ khác, câu 287-288 : *Nhẫn từ quán khách lân la, tuần trăng thăm thoắt nay đà thèm hai*. Tản Đà đã phê : « Nghĩa là gần hai tháng. Nhân câu này ngẫm ra thấy có một tình – sự đáng buồn cười. Kim-Trọng với Vương-Quan là chỗ bạn học thân, mà Trọng đến trợ sau nhà Quan đã gần hai tháng, hai người không hề sang chơi nhau, mà Kim chỉ để ý ngấp nghé một sự khác. Chỗ đó nghĩ sao cho hợp tình ? » (Tản Đà, sách đã dẫn, tr.33).

[←114]

Sách *Trang tử* : Trong cái kỳ hạn 100 năm mà ta tưởng là người thực.

[←115]

Thơ Tùy-viên : Xưa này tài mệnh làm hại lẫn nhau. Tập *Tùy-viên thi thoại* của Viên Mai, người đời Thanh.

[←116]

Sách *Tố vấn* : Hoàng đế bảo Bá Kỳ rằng : Đời con người ta xưa chỉ sống trong thời hạn 100 năm.

[←117]

Quần chúng xưa nay vẫn không chấp nhận lời chú này.

[←118]

Riêng bản *Vương Thúy Kiều* chú giải tân truyện, Tản Đà cũng đã tỏ ra thận trọng và nan giải trong hai mươi hai trường hợp khác nhau.

[←119]

Xem bài Tựa Đoạn trường tân thanh ở phần Phụ lục, tr.491.

[←120]

Kim Văn Kiều án viết vào năm 1830. Dẫn theo bản dịch của Hoa
Bằng – *Tri tân số* 85, tháng 3-1943.

[←121]

Kim Văn Kiều án viết vào năm 1830. Dẫn theo bản dịch của Hoa
Bằng – *Tri tân số* 85, tháng 3-1943.

[←122]

Trăm năm : xuất phát từ một thực tế chung là đời sống con người ta thường một trăm năm là cùng, nên trăm năm đây là nói đại phàm một đời người ta trong xã hội. Xem các câu 182, 355, 452, 510, 556, 880, 1331, 1964, 3186.

[←123]

Tài mệnh ghét nhau : người có tài, vận mệnh thường long đong.

Thơ Lý Thương Ân (Đường) : Cổ lai tài mệnh lưỡng tương phuong = xưa này tài mệnh làm hại lẫn nhau.

Ý cả câu : Ở đời người có tài hay gặp phải mệnh bạc.

Thực ra, trong xã hội cũ, nhân dân ai cũng bị áp bức, bóc lột, bị đày đoạ, không riêng gì người tài hoa. Nhưng thường những người ý thức được cuộc đời, những người tài hoa hay đứng lên chống lại những oan trái bất công, chống lại những cương thường đã lỗi thời nên bị bọn thống trị phản động ruồng rẫy, trừng trị. Càng tài, mệnh càng long đong. Đây là một bi kịch của các xã hội có giai cấp bóc lột thống trị.

[←124]

Bể dâu, do chữ thương hải tang điền : bể xanh (cũng tức là bể Đông) biến thành ruộng dâu. Chỉ việc đổi biến đổi. Theo Thần tiên truyện, vào thời Đông Hán, tiên nhân Vương Phương Bình (đỗ hiếu liêm, làm chức trung tán đại phu, rồi bỏ quan, đi tu tiên đắc đạo), giáng xuống nhà Thái Kinh (người đời Hậu Hán), cho mời tiên nữ Ma-cô đến. Ma-cô bảo Phương Bình rằng : Tiếp thị dĩ lai, dĩ kiến Đông-hải tam vi tang điền = từ khi được tiếp hầu ông đến nay, tôi thấy bể Đông đã ba lần biến làm ruộng dâu. Thơ Tô Thức (Tống) : Bất kinh Bột giải tang điền biến = không sợ bể Đông biến thành ruộng dâu. Truyện Kiều, còn có dâu bể (715). Trong văn nôm, cùng chỉ một khái niệm này, có tang hải, tang thương (TDV), thương hải (LNT), bãi bể nương dâu (CO).

Chữ là một từ vốn rất quen thuộc trong ngôn ngữ của nhân dân ta, có ý nghĩa rất rộng. **Chữ** có thể là một từ, một đoạn ngữ, một cụm từ cố định hay cả một câu, trong văn viết và trong lời nói hàng ngày của nhân dân ta trước đây hay quen dùng để chỉ những khái niệm rút từ trong các thư tịch cổ.

[←125]

Khảo sát : Những điều trông thấy **đã** đau đớn lòng (KOM)

[←126]

Bỉ sắc tư phong : cái kia kém thì có cái này hơn, được cái nọ thì hỏng cái kia, không ai được hoàn toàn.

[←127]

Má hồng : tiếng chỉ đàn bà con gái đẹp. CPN : Thuở trời đất nỗi con gió bụi, khách má hồng nhiều nỗi truân chuyên. Xem các câu 86, 798, 854, 2162. Truyện Kiều, còn có má đào trong các câu 997, 2181, 3142. Ngoài ra, truyện Kiều lại còn có hồng nhan. Nó được sử dụng với một nhiệm vụ nghệ thuật khác hẳn. Xem các câu 65, 107, 669, 1271, 1764, 1906, 2361, 2541, 2660, 2964, 3101.

Từ câu 1-6, Vũ Trinh phê : Đổng khốc cổ nhân, lưu tặng hậu nhân, Thánh Thán ngữ giã, Thủ sổ cú lận chi = Thảm thiết khóc người đời xưa, để lưu tặng cho người đời sau, đó là lời Thánh Thán. Như mấy câu đây (của Tõ-như) đã bao quát hết điều đó.

Cả đoạn này nêu lên một nội dung triết lý của truyện Kiều. Ở đời người có tài hoa, thường bị phũ phàng. Khi xã hội phong kiến đang tan rã, giai cấp thống trị càng chà đạp lên mọi phẩm giá của con người.

Khảo dị : Trời xanh quen **với** má hồng đánh ghen (KOM, Qvđ)

[←128]

Cảo thơm, do chữ phương cảo : pho sách thơm, pho sách hay.

[←129]

Phong tình cổ lục : pho sách cũ chép chuyện phong tình, tức là chuyện ái tình, chuyện trai gái yêu đương nhau. Xem ct 806.

Sử xanh, do chữ thanh sử : thời xưa ở Trung-quốc, khi chưa biết chẽ ra giấy, người ta dùng các thanh tre xanh (thanh giản) đem nướng cho khô mà vẫn giữ được màu xanh của cật rồi dùng bút đao (bút sắc nhọn như con dao) mà ghi chép sử, nên gọi là sử xanh. Thơ Lưu Trường Khanh (Đường) : Công danh mãn thanh sử, từ miếu duy thương dài = công danh đầy sử xanh, đền miếu chỉ có rêu xanh.

[←130]

Gia-tĩnh : niên hiệu vua Thanh-tông nhà Minh (1522-1566).

[←131]

Hai kinh : Bắc-kinh và Nam-kinh. Chú ý cái thẽ « vững vàng, phẳng lặng » của xã hội phong kiến nói đây chỉ là bề ngoài. Còn bề trong thì mục nát, đầy mâu thuẫn nổ ra nhiều cuộc bể dâu. Sự việc trong truyện Kiều xảy ra trên nền tảng đó, trong khung cảnh xã hội đó.

[←132]

Viên ngoại : vốn là một chức quan nhỏ đặt ra từ đời Lục-triều. Viên ngoại có thực chức, nhưng là ngoại ngạch, về sau có thể bỏ tiền ra mua được, do đó viên ngoại dần dần trở thành một hư hàm. Trong các tiểu thuyết cổ Trung-quốc thường dùng « viên ngoại » để gọi tên những nhà giàu có, cũng như tiếng bá hộ, cụ bá của ta thời trước. Xem các câu 2774, 2822.

[←133]

Gia tư : cửa cải trong nhà.

Nghỉ : đại từ nhân xưng ngôi thứ ba (chung cho cả trai, gái) thường dùng nói những người ngang hàng hay dưới hàng mình, có nghĩa là ông (bà) ta, anh (chị) ta, nó, hắn. Truyện Kiều còn có ba chữ nghỉ khác ở các câu : 610 (chỉ họ Chung), 894 (chỉ Mã Giám sinh), 1188 (chỉ Sở Khanh). HT : Mới rồi hắn nghỉ chẳng sai (119).
Hắn nghỉ : chính nó, chính anh ta.

[←134]

Chữ : tức là tên chữ, tên chính, khác với tên mụ, tên quai nôi nôm na như thằng cu, con hĩm. Ở Trung-quốc cũng có tục đặt tên quai nôi như vậy. Đây nói chữ là chỉ tên chính, khác tên thường gọi. Tác giả muốn nói cái tục thông thường đặt tên nôm và tên chữ đó.

[←135]

À : Tiếng gọi chung đàn bà con gái, cũng có nghĩa là chị. Xem các câu 406, 672, 927, 1151, 1636, 1719, 1737.

Tổ nga : chỉ người con gái đẹp. Lời chú bài Nguyệt phú của Tạ Trang (Tống) dẫn trong Văn tuyển nói : Thường Nga thiết dược bôn nguyệt ; nguyệt sắc bạch, cổ vân tổ nga = Thường Nga lấp trộm thuốc (tiên), thoát lên cung trăng ; mặt trăng sắc trăng cho nên nói tổ nga (tổ : sắc trăng ; nga : con gái xinh đẹp.) Từ đó mà có nghĩa nói trên đây. Thơ Dương Duy Trinh (Minh) : Các trung liên lý bạn, dạ tiểu tổ nga cô = trong gác chúng bạn liền cành (có đôi lứa), ban đêm cười tổ nga chịu lẻ loi. Xem các ct 1340, 173.

[←136]

Cốt cách : chỉ dáng điệu, tầm vóc con người ta.

Mai cốt cách : là nói tầm vóc dong dỏng cao, thanh thanh như cành mai. Xem ct 325.

Tuyết tinh thần : nói cái vẻ trong trắng như tuyết. Câu này chiếu xuống câu « một người một vẻ... » ở dưới, ý nói Thuý Kiều và Thuý Vân, mỗi người có một vẻ đẹp riêng, ví như mai có « cốt cách » của mai, tuyết có « tinh thần » của tuyết.

[←137]

Khác vời : khác với những người mà tầm mắt của mình đã nhìn thấy.

Vời : xa khơi, quá tầm con mắt. Xem chữ vời trong các kết hợp : tốt vời (151), tuyệt vời (2247), nửa vời (482), trông vời (909, 1788, 2215, 2635), sẩy vời (2345), vời trông (2970).

[←138]

Khuôn trăng : chỉ khuôn mặt tròn, đầy đặn, sáng sủa như mặt trăng.

Nét ngài : ngài, tức con bướm tằm. Đây nói nét ngài là bởi chữ tàm my (mày tằm), hay ngọa tàm my (mày tằm nǎm) = nét lông mày cong, đậm mà thanh. Chỉ lông mày đẹp nói chung. Xem các câu 927, 1213, 2167.

Nở nang : tươi tắn. Xem câu 2482. Ngọc kiều lê : Trương xem nét mặt nở nang, khác nào cửa vũ bảng vàng thấy tên (838). Câu này tả cái vẻ đẹp phúc hậu của Thuý Vân.

Khảo dị : Khuôn lưng đầy đặn nét ngài nở nang (Qvđ)

[←139]

Hoa cười ngọc thốt : miệng cười tươi như hoa, giọng nói trong như tiếng ngọc.

Thốt : nói. Tng : Biết thì thưa thốt, không biết thì dựa cột mà nghe.

Đoan trang : đúng mực, trang nghiêm.

Khảo dị : Hoa cười ngọc **nói** đoan trang (KOM, Qvđ)

[←140]

Ý cǎ câu : Màu xanh đen, uyển chuyển của mái tóc đến mây cũng phải thua, nước da trắng mát đến tuyết cũng phải nhường không dám sánh.

[←141]

Thu thuỷ : nước mùa thu, nói mắt sáng trong như nước mùa thu
gợn sóng. Xuân sơn : núi mùa xuân, nói lông mày nhẹ thanh, tươi
đẹp như vẻ núi mùa xuân. Thơ Viên Giác (Nguyên) : Vọng hạnh
mâu ngưng thu thuỷ = trông tròng con mắt đáng yêu như đọng
nước thu gọn sóng. Sách Sơn xuyên huấn của Quách Hy (Tống) có
chèp : Xuân sơn đậm dả nhi như tiểu = núi mùa xuân như mặt
nước nhấp nhô giõn sóng mà như cười. Truyện Kiều còn có : nét
thu (348), thu ba (1323), dòng thu (2533).

Khảo dị : Làn thu thủy **vết** xuân sơn (KOM)

[←142]

Nghiêng nước nghiêng thành : đẹp đến nỗi làm người ta say mê, bỏ cả nhiệm vụ, để mắt cả đất nước. Đây là chữ cực tả vẻ đẹp của phụ nữ. Lý Diên Niên (Hán) có bài ca : Bắc phương hữu giai nhân, tuyệt thế nhi độc lập. Nhất cỗ khuynh nhân thành, tái cỗ khuynh nhân quốc. Ninh bất tri khuynh thành dữ khuynh quốc, giai nhân nan tái đắc = Phương bắc có người con gái đẹp, đẹp vô song mà còn đứng một mình. (Người đó) ngoảnh mặt lại nhìn một cái xiêu thành người, ngoảnh lại nhìn cái nữa nghiêng nước người. Thà không biết việc nghiêng thành và nghiêng nước, (vì) người đẹp khó được gặp lại. Xem các câu 258, 1301.

Một hai, đây là bởi dịch các chữ nhất cỗ, tái cỗ ở bài ca trên. Xem ct.341.

Khảo dị : Một **đôi** nghiêng nước nghiêng thành (Qvđ)

[←143]

Ý cản câu : Vẽ sắc thì dành chịu chỉ có một mình Kiều, vẽ tài thì may ra còn có người thứ hai.

[←144]

Khảo đị : Thông minh vốn sẵn **tư** trời (KOM)

[←145]

Cung thương : hai âm đầu trong số năm âm (ngũ âm) theo cung bậc nhạc cổ Trung-quốc là cung, thương, giốc, trùy, vũ. Làng thông cung bậc ngũ âm, tức là nói tinh thông âm nhạc. Xem câu 472.

[←146]

Hồ cầm : một loại đàn tỳ bà.

Một trương : một cây (trương là một loại từ).

[←147]

Xoang : điệu đàn, ăn với chữ khúc ở đầu câu. HT : Một xoang như gợi nước non mẩy niềm (746).

Khảo dị : Khúc nhà tay lừa nên **chương** (Qvđ, BK)

[←148]

Bạc mệnh : Tên bản đàn do Thuý Kiều soạn. Bạc mệnh nghĩa là số mệnh bạc bẽo, mỏng manh. Kim Vân Kiều truyện : « Thuý Kiều... soạn bài ca Oán bạc mệnh, phả vào hồ cầm, trăm vần thê lương, khiến người nghe thấy đều chau mày rơi lệ ». Xem các câu 84, 108, 416, 1906, 2575, 2578, mệnh bạc (738, 1910), phận bạc (753).

Não nhân : làm sầu não người ta, hay : làm người ta não lòng. Não : buồn rầu ở trong lòng. Xem các câu 236, 314, 567. CO : Áng đào kiểm đâm bông não chúng.

Khảo dị : Một **cung** Bạc mệnh lại càng não nhân (KOM)

[←149]

Phong lưu : thái độ nhàn nhã, lịch sự.

Hồng quần : tiếng chỉ đàn bà con gái nói chung, vì tục xưa ở Trung-quốc phụ nữ nhà sang trọng thường mặc quần điệu. Xem các câu 2157, 2587, 2644.

[←150]

Tới tuần : tới độ, tới kỳ. Tuần : thời kỳ, lần, lượt. Xem các câu 160, 1199, 1555, và các ct 251, 567, 627, 893.

Cập kê : đến tuổi cài trâm, tức là nói đến tuổi gả chồng.

Kê : cái trâm. Lễ ký : Nữ tử thập hữu ngũ niên nhi kê = Con gái mười lăm tuổi thì cài trâm.

[←151]

Khảo đị : Êm **niêm** (im niêm) trướng rủ màn che (KOM)

[←152]

Tường đông, do chữ đồng tường : tường nhà phía đông ; cũng tức là nói tường nhà hàng xóm, nhà có con gái đẹp. Phú Tống Ngọc (Chiến quốc – Sở) : Thiên hạ chi giai nhân, mạc nhược Sở quốc ; Sở quốc chi lệ giả, mạc nhược thần lý ; Thần lý chi mỹ giả, mạc nhược thần đông gia chi tử. Nhiên thử nữ đăng tường, khuy thần tam niên, chí kim vị hứa giã = Người đẹp trong thiên hạ, không đâu bằng người nước Sở. Người đẹp (lệ giả) trong nước Sở, không đâu bằng người làng thần. Người đẹp (mỹ giả) trong làng thần, không ai bằng người con gái nhà phía đông (tức nhà hàng xóm). Thế nhưng người con gái đó trèo tường nhìn trộm thần đã ba năm rồi, mà đến nay thần vẫn chưa bằng lòng. Xem các câu 284, 1093. Thơ Lý Tuấn Dân (Nguyên) : Vãng sự nhất trường Vu-giáp mộng, thu phong dao lạc tại đông gia = chuyện đã qua như một chuỗi mộng Vu-giáp, gió thu thổi rụng đến nhà phía đông.

Ong bướm, cũng nói bướm ong : chỉ hạng con trai đi ve vãn con gái. Xem các câu 938, 1025, 1229, 1238, 1586, 3098.

[←153]

Câu này tả cảnh mùa xuân có chim én bay đi bay lại như thoi đưa, mà ngụ cái ý tiếc ngày xuân qua nhanh quá.

Khảo dị : **Tiết vừa** con én đưa thoi (Qvđ)

[←154]

Thiều quang : ánh sáng đẹp, tức nói ánh sáng ngày xuân.

Ý cả câu : Chín chục ánh sáng ngày xuân, mà nay đã ngoài sáu mươi, tức là đã qua tháng giêng, tháng hai và đã bước sang tháng ba.

[←155]

Thanh minh : tiết vào đầu tháng ba, mùa xuân khí trời mát mẻ, trong trẻo, người ta đi tảo mộ, tức là đi viếng và quét tước sửa sang lại phần mộ của người thân.

[←156]

Đạp thanh : giẫm lên cỏ xanh. Tiết Thanh minh, đi chơi xuân ở chốn đồng nội, giẫm lên cỏ xanh nên gọi là đạp thanh.

Khảo dị : Lễ là tảo mộ **gọi** là đạp thanh (Qvđ)

[←157]

Yến anh : Chim én, chim oanh về mùa xuân thường ríu rít bay từng đàn ; đây ví cảnh từng đoàn người nhộn nhịp đi chơi xuân. Xem các câu 944, 1180, 64, 514, 1098.

[←158]

Dập dùu : đi lại đông đảo, nhiều người rủ nhau cùng đi. Xem các câu 873, 944, 1203, 1231.

Tài tử giai nhân : trai tài gái sắc. Xem câu 1457.

[←159]

Ngựa xe như nước : ngựa xe qua lại nối tiếp nhau, hết lớp này đến lớp khác như nước chảy.

Áo quần như nêm : nói người đi lại đông đúc, chật như nêm cối.
Xem câu 988.

[←160]

Ngổn ngang : tấp nập, nhiễu mà có ý bề bộn. Xem các câu 183, 684, 2246.

Ý cả câu : ...Họ tấp nập, lộn xộn kéo nhau lên các gò đống.

[←161]

Vàng vó : thứ đồ mă, giả những thoi vàng hình khối chữ nhật thường dùng trong việc đưa ma hoặc lễ mộ. KTTĐ : thứ vàng giấy giống như vàng hồ. KOM chú : « Người làng Thịnh-liệt, Hà-nội làm thứ vàng cho người chết, tục gọi vàng vó. »

Tiền giấy : chỉ loại hàng mă gồm những tờ giấy có in đầy hình đồng tiền kẽm hay đồng thời trước, dùng trong việc cúng tế..., xong lễ đốt đi cho người ở âm phủ dùng. Đây đều là những tục cổ, mê tín.

[←162]

Dan tay : cầm tay nhau cùng đi.

[←163]

Tiểu khê : khe nước nhỏ.

[←164]

Nao nao : nghiêng nghiêng, hơi dốc lượn theo đường cong. Xem câu 492.

Khảo dị : Bước **lân** theo ngọn tiểu khê (BK)

[←165]

Sè sè : nói dáng thấp gần sát đất.

[←166]

Dầu dầu : có vẻ tàn héo, không được tươi. Xem các câu 784, 1002, 1051, 656, 762, 2794.

Khảo dị : **Dầu-dầu** ngọn cỏ, nửa vàng, nửa xanh (BK)

[←167]

Dẫn : thuật lại, nhắc lại từ đầu. Xem các câu 1170, 1377, 2318, 2380.

Gần xa : đây ý nói cả câu chuyện từ đầu (xa) cho đến cuối (gần). Xem các câu 1081, 1251, 1441, 1802, 2116, 2487, 2863, 2868, 3028.

[←168]

Ca nhi : người phụ nữ làm nghề hát xướng trong xã hội cũ.

Khảo dị : Đạm Tiên nàng ấy **vốn** là ca nhi (Qvđ)

[←169]

Yến anh : đây nói khách làng chơi (tập nộp tìm đến). Xem ct 45.

[←170]

Hồng nhan : chỉ người đàn bà đẹp. Xem ct 6.

Khảo dị : **Phận** hồng-nhan có mong-manh (BK)

[←171]

Cành thiên hương : cành hương trời, chỉ người đẹp. Xem ct 825.

Ý cả câu : Tuổi đang độ nửa chừng xuân, thì người đẹp bỗng chết.

[←172]

Thuyền tình : BK chú : « ...Đường thi : nhất phiến tình chu dĩ đáo
ngạn, bình trâm hoa chiết dĩ đa thời = một chiếc thuyền tình mới
tới bờ, cái bình đã chìm, cành hoa đã gãy từ bao giờ ».

Khảo dị : Thuyền tình vừa ghé **đến** nơi (Qvđ)

[←173]

Trâm gãy bình rơi : chỉ người đẹp chết non như việc sắn thành mà nửa chừng bị hỏng. Thư Bạch Cư Dị (Đường) : Bình trâm trâm chiết tri nại hà, tự thiếp kim triêu dữ quân biệt = bình chìm trâm gãy biết làm sao được, cũng giống như sáng nay thiếp cùng chàng biệt nhau. HT : Người hạnh nghĩa khách dung nghi, làm cho trâm gãy bình lìa mới thôi (1490). Xem câu 749.

[←174]

Khảo đị : Buồng không **lạnh** ngắt như tờ (Qvđ, BK)

[←175]

Ý cản câu : Dấu vết xe ngựa của khách đến chơi bời khi trước nay rêu đã phủ lờ mờ xanh. Chú ý nhịp điệu của câu.

[←176]

Khảo dị : Đã **đành** duyên trước **chẳng** mà (KOM)

[←177]

Chút ước : chút gì đó để tỏ tình ước hẹn với nhau.

Khảo dì : Thì chi chút **đích** gọi là duyên sau (KOM)

[←178]

Sắm sanh : cũng nghĩa như sắm sửa. Xem các câu 1687, 1918, 2128, 2951. Ngoài các câu có dùng chữ sắm sanh như đã dẫn, truyện Kiều còn dùng chữ sắm sửa trong các câu 46, 373, 1465, 2839.

Nếp tử : áo quan gỗ tử (gỗ thị).

Xe châu : chỉ xe tang có kết rèm chân chỉ hạt bột như hạt ngọc châu. Đây là nói người khách viễn phương làm lễ táng cho Đạm Tiên, vì lúc chết rồi còn để quàn một chỗ. Xem câu 921.

[←179]

Bụi hồng, do chữ hồng tr minden : chỉ đời thế tục bụi bặm, nơi phồn hoa náo nhiệt. Đây nói nǎm mồ của khách hồng nhan còn lưu lại trong cõi hồng tr minden gió bụi. Xem các câu 250, 1036, 1926, 3046. Tân Đà chú : « Hai chữ bụi hồng đây chỉ là lời văn lịch sự, nói cái mả chôn ở bên đường. Có nhiều bản đề là « vùi nồng » thời làm mất cả vẻ hay mà lại thành ra cái tình của người khách không có trung hậu... »

Mặc dầu cỏ hoa : để mặc cho hoa dại, cỏ hoang dẫu dãi mọc đầy ; ý nói không ai thăm viếng, sửa sang.

Khảo dị : **Vùi nồng** một nǎm mặc dầu cỏ hoa (Qvđ, BK)

[←180]

Thỏ : con thỏ, chỉ mặt trăng. Tục truyền trên cung trăng có con thỏ giã thuốc, nên văn cổ dùng chữ ngọc thỏ để chỉ mặt trăng. Bài Trung thu từ của Tân Khí Tật (Tống) có câu : Trước ý đăng lâu chiêm ngọc thỏ, hà nhân trương mạc già ngân khuyết = chủ ý lên lầu là ngẩng trông ngọc thỏ, người nào lại căng màn che ngân khuyết ? Thơ Cố Anh (Minh) : Đindh trung đảo dược ngọc thỏ sầu, thụ hạ thừa loan tố nga vũ = trong sân giã thuốc ngọc thỏ buồn, dưới cây (quế) cưỡi chim loan tố nga múa. Xem các câu 1269, 1370.

Ác : con quạ, chỉ mặt trời. Tục truyền trên mặt trời có con quạ ba chân nên gọi mặt trời là kim ô = quạ vàng. Thơ Hàn Dũ (Đường). Kim ô hải để sơ phi lai = ác vàng từ đáy bể mới bay lại. Xem các câu 426, 1269.

Ý cả câu : Trải bao ngày qua tháng lại.

[←181]

Khảo đị : Lòng đâu săn **món** thương tâm (KOM, BK).

[←182]

Châu : tức châu lệ : chỉ nước mắt (trong như ngọc). Thơ Triệu Hồ (Đường) : Thiếp cữu thùy châu lệ, quân hà tích mã đẽ = thiếp nước mắt rơi đã lâu rồi, chàng sao lại cứ tiếc vó ngựa. Xem châu với các kiểu kết hợp trong các câu : châu (104, 562, 1936, 2572, 2848), dòng châu (665), giọt châu (1857, 1944, 3015).

Cũng để chỉ nước mắt, truyện Kiều còn có : máu (656), dòng thu (2533), giọt hồng (762, 875), lệ hoa (634), giọt lệ (696), lệ (712, 782, 909, 2825), giọt riêng (851), giọt ngọc (1759, 1828, 2547, 2796), mạch Tương (238), giọt Tương (1858), nước mắt (106, 1884, 2836). HT chỉ có : giọt lệ (827), giọt thăm (1402), giọt ngọc (1509).

[←183]

Khảo đị : Lời rằng **phận bẠc** cũng là lời chung (Qvđ).

[←184]

Hoá công : thợ tạo hoá. Người xưa cho tạo hoá – tức là trời, như một tay thợ làm nên tất cả thế giới vạn vật. Thơ Lý Thương Ân (Đường) : Đồ lao nhượng hoá công = khó nhọc mà không hiệu quả gì, nhường hoá công thôi. Truyện Kiều còn có hoá nhi (1129), con tạo (1116).

Khảo dị : Phũ phàng chi **với** hóa công (Qvđ) ;

[←185]

Phôi pha : phai lạt đi, kém vẻ tươi thắm.

[←186]

Khảo dị : Sống làm vợ **chắp** người ta (KOM)

[←187]

Khảo dị : **Hại** thay thác xuống làm ma không chồng (BK)

[←188]

Phượng : chim phượng trống. Loan : chim phượng mái. Loan phượng trong văn cổ được dùng để tượng trưng đôi lứa vợ chồng. Cả câu ý hỏi những khách làng chơi đi lại, ân ái với Đạm Tiên ngày trước.

[←189]

Tiếc lục tham hồng : ý nói luyến tiếc, ham me nhan sắc của người đẹp. Xem các câu 787, 1305.

Khảo dị : Nào người **tích** lục tham hồng là ai (BK)

[←190]

Đoái hoài : để ý, tưởng nhớ đến. Đoái : dòm ngó, để ý. Hoài : tưởng nhớ. Cd : Mình vẽ ta ngóng ta mong, ta vẽ mình chẳng chút công đoái hoài.

[←191]

Kiếm : tìm ; đây là tìm ra mà đem dâng, đem lĕ (Génibrel, BK).

[←192]

Suối vàng, do chữ hoàng tuyển : con suối trong lòng đất, mà đất nói về màu sắc, theo hệ thống quy loại của ngũ hành thì thuộc màu vàng nên gọi suối vàng, tức âm phủ. Cũng chỉ khái niệm này, truyện Kiều còn có : chín suối (734), cửu nguyên (3000), cửu tuyển (1685), dạ đài (747, 2788), tuyển đài (710). Trong Văn tế thập loại chúng sinh thì có trường dạ.

[←193]

Khảo đị : Lầm dầm khẩn **khứa** nhỏ to (KOM, BK)

[←194]

Đặt cỏ : đặt chút lẽ viếng. Do chữ thúc sô (bó cỏ khô) hay sinh sô (cỏ mới cắt) chỉ lẽ viếng, lẽ mọn, là bởi chữ thơ Bạch câu trong Kinh Thi : sinh sô nhất thúc, kỳ nhân như ngọc = cỏ mới cắt một bó, chủ nó nết đẹp như ngọc. Sách Hậu Hán thư (q.83) chép : « Thời Đông Hán, mẹ Quách Lâm Tông chết, Từ Trĩ đến viếng, đem một bó cỏ tươi đặt trước nhà họ Quách rồi về » là lấy ý đó của thơ Kinh Thi. Bởi vậy, tiếng Hán gọi lẽ phúng viếng là thúc sô hay sinh sô. Văn nôm có câu : Chung thất tới tuẫn, thúc sô dâng lẽ (Văn tế Cao Thắng).

Khảo dị : Sụp ngồi **và gật** trước mồ bước ra (KOM, Qvđ)

[←195]

Cỏ áy : cỏ úa vàng như màu cút ngựa.

[←196]

Một và : một vài.

[←197]

Khảo đị : Chiếc trâm săn giắt mái đầu (KOM)

[←198]

Vịnh bốn câu ba văn : tức cảnh mà làm ra thơ tứ tuyệt. Theo luật thơ cổ, thơ tứ tuyệt bốn câu, có lối 2 văn (câu 2-4), có lối ba văn (câu 1-2-4).

Khảo dị : Vạch da cây vịnh **tám** câu **bốn** văn (KOM)

[←199]

Chẳng ra : ý nói : ý nghĩ, tâm trạng của Thuý Kiều bấy giờ, không dứt khoát, không rõ ràng, chẳng ra đâu vào đâu cả.

Khảo dị : Lại càng đứng **sững** tần ngần **chửa** ra (KOM)

[←200]

Ủ đột : nói về mặt buồn bã, ngẩn ngơ.

Nét hoa : chỉ nét mặt đẹp. Trong truyện Kiều, chữ hoa được xuất hiện với tần số rất cao. Với dạng kết hợp này còn có : bút hoa (204) ; đuốc hoa (850, 3096) ; kiệu hoa (799, 1466, 2145, 2601, 3033) ; lệ hoa (634) ; nét hoa (103) ; sân hoa (1408, 1895) ; thề hoa (701) ; thềm hoa (211, 634, 2145) ; then hoa (529) ; tiệc hoa (430, 3060) ; tiên hoa (1454, 2625) ; tờ hoa (686) ; trưởng hoa (171) ; tường hoa (2027) ; vườn hoa (1925, 2821).

[←201]

Khảo đị : Sâu tuôn **lai láng** châu **sa** vắn dài (Qvđ)

[←202]

Khảo đị : Khéo dư nước mắt khóc người **cổ sơ** (KOM)

[←203]

Khảo dị : Rắng : « Hồng nhan tự **thuở** xưa... (KOM, Qvđ)

[←204]

Vận vào : buộc vào, ngầm chỉ vào cho mình.

[←205]

Âm khí : khí âm, đây nói khí ảm đạm, có vẻ lạnh lẽo ở bã tha ma.

[←206]

Dặm **về** : đường về.

[←207]

Thể phách : thể xác (hữu hình) và cái vía tức là cái vô hình chỉ nhờ vào thể xác mà có. Ở đây thể phách chỉ thể xác ; tinh anh chỉ linh hồn con người ta.

Ý cả câu : Cái thể xác chết đi, nhưng cái linh hồn vẫn còn.

[←208]

Dễ hay : dễ thường biết đâu, chưa biết chừng.

[←209]

Hiển linh : tỏ rõ sự linh thiêng.

[←210]

Trận gió cuốn cờ : trận gió thổi làm cuốn lá cờ lại ; tức là trận gió to, trận gió lốc.

[←211]

Khảo đị : Ào ào **trút** lộc rung cây (KOM)

[←212]

Đè chừng : đoán mà noi theo, phỏng theo. Xem các câu : 1361, 1710. *Đè* : noi theo, phỏng theo. Xem ct 1886.

Ý cả câu : Đoán phỏng chừng theo ngọn gió mà lần tìm Đạm Tiên.

[←213]

Khảo đị : Dấu giày từng bước **rêu in** rành rành (Qvđ)

[←214]

Tinh thành : lòng thành thuần khiết, lòng chí thành.

[←215]

Khảo đị : Hữu tình ta lại **biết** ta (Qvđ)

[←216]

U : tối, chỉ cõi âm. **Hiển** : rõ, chỉ cõi dương.

Ý cǎ câu : Chớ nề kẻ sống, người chết, kẻ cõi âm, người cõi dương thì mới thực là chỗ chị em.

Khảo dị : **Chẳng** nề u hiển mới là chị em (Qvđ)

[←217]

Lòng thơ : chỉ lòng có nhiều cảm xúc, cảm thấy có hứng muốn làm thơ.

[←218]

Cổ thi : thơ cổ, thơ làm theo luật thơ cổ.

[←219]

Nhạc vàng : tức là nhạc ngựa. *Vàng* chỉ là chữ thêm cho đẹp lời.

[←220]

Tay khẩu : tay cầm cương ngựa. *Khẩu* : dây cương ngựa. HT : Sắp cung khẩu ngựa số sê (299), Vó câu lỏng khẩu bánh xe êm bồ (1842).

Dặm băng : dặm đường đi. *Băng* : đi tới.

Ý cả câu : Buông lỏng dây cương cho ngựa đi thong thả.

[←221]

Lưng túi gió trăng : đây nói lưng túi thơ. Gió mát trăng thanh là cảnh đẹp, người làm văn làm thơ thời xưa hay ngâm phong vịnh nguyệt nên đây có nghĩa ấy. Tiếng Hán có chữ *phong nhân* để chỉ người làm thơ (thi nhân).

Cả câu thơ tả thái độ hào hoa phong nhã của Kim Trọng.

[←222]

Ngựa câu : ngựa non, đương sức. Xem : *vó câu* (870, 1602), *roi câu* (1605).

Giòn : chắc, đẹp. Cd : Ở nhà nhất mẹ nhì con, ra đường lăm kẽ còn giòn hơn ta.

[←223]

Hài văn : giày có thêu những đường vân nổi.

Dặm xanh : dặm cỏ xanh.

[←224]

Cây quỳnh cành dao : Hai giống cây thường được đặt cạnh nhau để làm cảnh. Đây ý nói sự hài hòa giữa con người với phong cảnh thiên nhiên xung quanh.

KOM chú : *Thế thuyết* : Vương diễn thần thái như quỳnh lâm dao thụ phong trấn ngoại vật = *Thế thuyết* : Thần thái Vương Diễn đẹp như cây ngọc dao trong rừng ngọc quỳnh, như là vật ở ngoài cõi đời gió bụi.

[←225]

Hai kiều : hai người con gái xinh đẹp, chỉ hai chị em Kiều. Xem câu 2854.

Khảo dị : Hai **Kiều e mặt** nép vào dưới hoa (Qvđ)

[←226]

Trâm anh : *trâm* là cái trâm cài mũ (vào búi tóc), *anh* là cái dải mũ ; *nhà trâm anh*, nói nhà quyền quý.

[←227]

Nền phú hậu : nền nếp nhà giàu có.

Bậc tài danh : hạng người tài giỏi, có tiếng.

[←228]

Phong tư : nói hình dáng vẻ người xinh đẹp.

Tài mạo : chỉ vẻ mặt thông minh, tài hoa.

Tốt vời : hơn hết thảy.

Khảo dị : Phong tư tài mạo **tuyệt vời** (BK)

Khảo dị : Thiên tư dung mạo khác **với** (K1)

Khảo dị : Thiên tư tài mạo tốt **với** (Qvđ)

[←229]

Phong nhã : chỉ tính cách phong lưu tao nhã chuộng việc văn thơ.

Hào hoa : nói việc đối xử hào hiệp, rộng rãi, lịch sự.

[←230]

Đồng thân : đây có nghĩa là bạn học cùng quen biết, thân mật với nhau.

Khảo dị : Với Vương Quan trước **vẫn là song thân** (KOM)

Khảo dị : Với Vương Quan trước **vẫn** là đồng thân (Qvđ, BK)

[←231]

Hương lân : làng xóm. **Thơm** : là tiếng thơm, tức tiếng khen.

Khảo dị : **Vẫn** nghe thơm nức hương lân (KOM, Qvđ, BK)

Đây để theo bản *Phạm Kim Chi*

[←232]

Đồng-tước : tên một tòa lâu đài lộng lẫy, đồ sộ do Tào Tháo cho dựng từ năm Kiến-an thứ 15 (tức năm 210) trên bờ sông Chương-hà, thuộc huyện Lâm-chương, tỉnh Hà-nam ngày nay. Xây dựng đài xong, Tào Tháo định bụng nếu hạ được đất Giang-nam (Đông Ngô) sẽ bắt hai người con gái xinh đẹp tuyệt trần là hai chị em Đại Kiều (vợ Tôn Sách) và Tiểu Kiều (vợ Chu Du) con gái Kiều công đem về ở đó để vui thú tuổi già.

Khóa xuân : khóa chặt tuổi xuân cùng cái xuân tình, tức ý nói cấm cung.

Ý cả câu : Nhà họ Vương có hai cô con gái đẹp cấm cung. Theo Đỗ Mục (Đường) : *Đồng phong bất dữ Chu lang tiện, Đồng-tước xuân thâm tỏa nhị Kiều* = ngọn gió đông nếu không giúp Chu Du (phóng hỏa trận Xích-bích), thì đài Đồng-tước đã khóa chặt tuổi xuân hai chị em họ Kiều. Xem các câu 1010, 1033, 786.

Khảo dị : Một nền Đồng-tước khóa xuân **hai kiều** (Qvđ)

[←233]

Buồng thêu, do chữ *tú phòng* : buồng con gái ở.

Ý cả câu : Kiều ở chỗ buồng thêu chốn hương lân mà xa xôi như có mấy lần núi sông (nước non) cách trở. BK chú : « Sách Quốc sắc thiên hương có câu rằng : *tương thân chỉ xích nhi diễu nhược hà sơn* = gần nhau độ một gang một thước mà không được gặp nhau, như cách trở núi sông. » Xem câu 527.

Khảo dị : Nước non cách mấy buồng **điều** (KOM, Qvđ)

[←234]

Chốc mòng : chốc chốc nhớ mong (mòng) đến. Ý nói lòng yêu dấu không biết bao nhiêu mà kể.

[←235]

Giải câu tương phùng : tình cờ không hẹn mà gặp nhau. Xem câu 419.

[←236]

Tuần : thời kỳ. Xem ct 36.

Đỗ lá : trò chơi lấy lá các loại cây, thi nhau ai kiếm được lá lạ. Ai có nhiều lá lạ mà người khác không có là thắng cuộc. Đó là một trò chơi khá phổ biến ở nước ta thời trước. Ở Trung-quốc trước kia cũng có trò chơi tương tự. Sách *Kinh Sở tuế thời ký* của Tông Lãm đời Tấn có chép : *Ngũ nguyệt ngũ nhật, hữu đấu bách thảo chi hí* = ngày mồng 5 tháng 5 có trò chơi đỗ lá.

Khảo dị : Gặp tuần **đỗ** lá thỏa lòng tìm hoa (KOM, Qvđ)

[←237]

Bóng hồng : chỉ bóng người con gái. Xem câu 286.

[←238]

Ý cǎ câu : Hai chị em Thúy Kiều mỗi người có một vẻ đẹp mặn mà riêng, người thì như lan mùa xuân (xuân lan), người như cúc mùa thu (thu cúc).

Khảo dị : Xuân lan thu cúc mặn mà cả **đôi** (KOM)

[←239]

Người quốc sắc : người có sắc đẹp vào hàng nhất nước, chỉ Thúy Kiều. Xem ct 825.

Thiên tài : tài giỏi do trời phú cho, nghĩa là rất giỏi, chỉ Kim Trọng. Xem câu 2922.

[←240]

Chìn khôn : chẳng xong, rất khó. Xem các câu 2021, 2051, 2309.

[←241]

Ghé theo : nghiêng mắt mà trông theo, đưa mắt nhìn theo. Xem ct 2, tr.123.

Khảo dì : Khách đà lên ngựa người còn trông theo (K_2)

[←242]

Khảo dị : Dưới **dòng** nước chảy trong veo (BK)

Khảo dị : Dưới cầu **đáy nước** trong veo (K₃)

[←243]

Khảo đị : Bên cầu tơ liễu bóng chiều **la** tha (KOM)

[←244]

Thu không : HVTĐ : « Ở kinh-thành hay tĩnh-thành, đến buổi gần tối, có quân lính hộ-thành đi suốt khắp trong thành, hễ chắc không có người gian-tế lộn vào trong thì mới ra hiệu để đóng cửa thành, thế gọi là thu không, ý là ở trong thành không có gì cả. Cũng nói là sưu không ». Theo Đào Duy Anh, *sưu không* là chữ thường dùng trong công văn.

[←245]

Gương nga : chỉ mặt trăng. *Nga* tức Hằng Nga. Theo lời chú của Cao Dụ trong *Hoài nam tử*, Hằng Nga là vợ Hậu Nghệ. Hậu Nghệ xin được thuốc trường sinh ở Tây vương mẫu, chưa kịp uống, thì Hằng Nga lấy trộm uống mất, rồi được thành tiên, bay lên cung trăng. Xem ct 15. Truyện *Kiều* còn có *bóng nga* (177, 1063), *bóng nguyệt* (185), *chị Hằng* (1340), *ả Hằng* (1636), *cung mây* (327), *cung trăng* (1339), *cung Quảng* (1636), *thềm quế* (1339)...

Song : cửa sổ.

Khảo dị : **Mảnh trăng** chênh chêch dòm song (KOM)

Khảo dị : Gương nga **vành vạnh từ** song (Qvđ)

[←246]

Khảo đị : Vàng gieo **đáy** nước cây lồng bóng sân (KOM)

[←247]

Khảo dị : Hải đường rã ngọn đông lân (KOM, Qvđ)

[←248]

Khảo đị : Một mình lặng ngắm **tố** nga (Qvđ)

Khảo đị : **Đầm đầm** lặng ngắm bóng **hoa** (K₄)

[←249]

Duyên trǎm năm : duyên nên vợ nên chồng. Xem ct 1.

[←250]

Tuyệt diệu : cực hay, cực khéo.

Ý cả câu : Tình ý (tính tình) ngũ ở trong bài thơ tuyệt diệu đó.

[←251]

Khảo đị : Buồng xuân êm rủ bức màn h (K₅)

[←252]

Triệu : bàn làm việc.

Khảo dì : Tựa **nương** bên triện một mình thiu thiu (KOM)

Khảo dì : Tựa **hoa** bên kỷ một mình thiu thiu (Qvđ)

Khảo dì : **Tựa làn bên triện một** mình thiu thiu (K₆)

[←253]

Tiểu kiều : người con gái nhỏ nhắn, xinh xắn.

[←254]

Phong vận : duyên dáng, đoan trang.

Thanh tân : trong trắng, còn tân.

[←255]

Ý cǎ câu : Nói trên mặt và trên thân người tiểu kiều ấy còn như có sương tuyết in phủ, ấy là tả cái tình trạng của một người trong đêm đi đến, như cái bóng trắng lờ mờ, sang sáng, là cái bóng ma để tiếp ý dưới « lǎng dǎng như gần như xa ».

Khảo dị : Tuyết in vóc tố pha thân (K₇)

[←256]

Sen vàng : chỉ gót chân, bước chân người đẹp. Theo *Nam sử*, Đông Hôn hầu có người vợ yêu là Phan phi. Hầu cho người lấy vàng đúc thành hoa sen mà lát xuống nền nhà rồi bảo Phan phi đi lên trên. Hầu ảo : *Bộ bộ sinh liên hoa giã* = mỗi bước nở ra một hoa sen. Thơ Lý Thương Ân (Đường) *Thiếu Dương đệ nhất khuynh thành khách, bất đạp kim liên bất khắng lai* = nàng Thiếu Dương là khách khuynh thành vào bậc nhất, không đạp lên hoa sen vàng mà đi thì không chịu đến. Truyện Kiều còn có *gót sen* (378), *tiếng sen* (437).

Lãng đãng : lơ lửng, lang thang, ngập ngừng, có ý thiên di không định. Xem câu 1085.

Khảo dị : Sen vàng **đãng** đãng như gần như xa (Qvđ)

[←257]

Đào nguyên : nguồn đào, chỉ cõi tiên. Theo bài *Đào hoa nguyên* ký của Đào Tiềm (Tấn), có người đánh cá đât Vũ-lăng chèo thuyền theo một nguồn nước, lạc lõi không biết đường về. Rồi cứ chèo thuyền đi mãi, gặp một rừng hoa đào chạy theo bờ suối, đến đầu nguồn nước có một quả núi, ở đây người đi lại, gái trai ăn bận nhẹ nhàng như người ngoài cõi tục... Truyện Kiều còn có **động đào** (391).

[←258]

Thanh khí : chỉ tình ý hợp nhau mà tìm gặp nhau, cảm ứng với nhau. *Kinh Dịch* : *Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu* = những vật cùng một thứ tiếng thì ứng nhau, những vật cùng một khí loại thì tìm nhau, là nói sự cảm ứng tự nhiên của các vật cùng loại trong trời đất. Xem các câu 1287, 2883.

[←259]

Khảo đị : Mới cùng nhau lúc ban ngày đã **quen** (Qvđ)

[←260]

Hàn-gia : nhà nghèo hèn, là lời nói khiêm chỉ về nhà mình.

Tây thiêng : con đường đi ở chỗ môt địa phia tây.

Khảo dì : Hàn-gia **ở mái** tây thiêng (BK)

[←261]

Hạ cő : trông xuống, đoái tới.

[←262]

Hạ tú : ban xuống cho.

Ném châu gieo vàng : ý nói thơ ban xuống cho, lời đẹp, ý hay quý như vàng ngọc.

[←263]

Hội chủ : người chủ hội. Đây nói người chủ hội *Đoạn trường*.

[←264]

Đoạn trường : đứt ruột, là nói sự bi thảm, đau thương đến cực độ như đứt ruột. *Sổ đoạn trường* : đây nói sổ ghi tên những người phụ nữ bạc mệnh. Xem các câu 209, 231, 818, 869, 996, 1270, 1324, 1860, 1943, 2622, 2654, 2666, 2676, 2721, 2722, 3212.

Khảo dị : Mà **xem** trong sổ đoạn trường có tên (Qvđ, BK)

[←265]

Âu : chắc là, dễ thường. Xem các câu 282, 297, 676, 817, 863, 1018, 1907, 1908, 2004.

Quả kiếp nhân duyên : *Quả kiếp* là cái kiếp sống bởi quả báo mà thành ; *Nhân duyên* là cái nguyên nhân bởi cái này mà sinh ra cái kia, tức là nói duyên kiếp tốt hay xấu đều có nhân quả. Đây là thuyết nhân quả của đạo Phật, cho rằng cái *kiếp* sướng hay khổ của người ta đều là cái kết quả của những nguyên nhân duyên cớ đã định sẵn. Xem ct 2680.

[←266]

Một hội một thuyền : ý nói cùng một bọn người với nhau, cùng chung một hoàn cảnh, một cảnh ngộ.

Khảo dị : **Cùng** người một hội một thuyền đâu xa (KOM)

[←267]

Đạm Tiên hiện về trong mộng đưa cho Kiều mười đầu đề mới do bà chủ hội Đoạn trường ra để Thúy Kiều vịnh, như Tiếc đa tài, Thương mệnh bạc, Tủi tuổi xanh...

[←268]

Câu thần : nói câu thơ cực hay. Xem câu 1296.

Bút hoa : bút đẹp, bút của người tài thơ.

Vẽ vời : đây nói viết chữ đẹp như vẽ, ăn với chữ bút hoa.

[←269]

Tay tiên : tay viết ra văn, làm ra thơ lời đẹp ý hay, khác người thường. Tiếng Hán có chữ *tiên bút* tức là ý như *tay tiên* ở đây. Xem các câu 403, 3197.

Ý cả câu : Nói tài làm thơ nhanh của Thúy Kiều.

Khảo dị : Tay tiên một **vẻ** đủ mười khúc ngâm (Qvđ)

[←270]

Tú khẩu cẩm tâm : miệng thêu lòng gấm, là nói người có tài văn chương, lời hay ý đẹp.

[←271]

Lần đầu tiên Đạm Tiên xuất hiện báo mộng cho Thúy Kiều. Còn hai lần khác nữa. Xem các ct 1000, 2712.

[←272]

Thêm hoa : chỉ thêm nhè, chữ *hoa* đây là đặt cho đẹp lời. Xem các câu 634, 2145 và ct 103.

[←273]

Hương thừa : mùi hương còn phảng phất, chưa bay hết.

[←274]

Khảo đị : Nỗi riêng lớp lớp sóng **trôi** (Qvđ)

[←275]

Đòi : nhiều. **Đòi cơn** : nhiều cơn. Xem ct 788.

[←276]

Trưởng loan : màn có thêu chim loan.

Khảo dị : Giọng **kiều** rền rĩ trưởng loan (KOM, Qvđ)

[←277]

Nhà huyên, do chữ *huyên đường* : nhà trồng cỏ huyên, tức chỉ mẹ. *Kinh Thi* : *Yên đắc huyên thảo, ngôn thụ chi bối* = sao được cỏ huyên, trồng nó ở chái nhà phía bắc. Lời chú họ Trịnh nói : « Cỏ huyên làm cho người ta quên được điều lo buồn. Bối tức là chái nhà phía bắc, nơi đàn bà con gái ở ; tục gọi mẹ là *bắc đường* hay *huyên đường* ». Thơ Diệp Mộng Đắc (Tống) : *Bạch phát huyên đường thương* = tóc bạc trên nhà huyên, ý nói mẹ già tóc đã bạc. Xem các câu 874, 1607.

Cơn cớ hay **can cớ** : cũng như nói nguyên nhân có liên quan đến. Xem câu 1112.

[←278]

Khảo đị : Cớ chi sầu não ủ ê (K₈)

[←279]

Hoa lê, ví vẻ mặt người đẹp.

Giọt mưa, ví nước mắt. Xem các câu 619, 1961.

Bài *Trường hận ca* của Bạch Cư Dị (Đường) có câu : *Ngọc dung tịch mịch lê lan can, lê hoa nhất chi xuân đái vũ* = mặt ngọc ủ ê, lê rơi lã chã, như cành hoa lê đẫm những giọt mưa xuân.

Khảo dị : Canh khuya dong bóng thức chi đến giờ (K₉)

Khảo dị : Màu hoa lê hãy **dào** dề giọt mưa (Qvđ)

[←280]

Dưỡng sinh : nói công ơn sinh ra (tức là un đúc nêng) và nuôi nêng (dưỡng) của cha mẹ.

[←281]

Bài : đầu bài thơ ra do Đạm Tiên đưa cho. Xem ct 203.

Vịnh : làm thơ. Kiểu vịnh vẽ mười đầu bài trên.

[←282]

Mộng triệu : điểm thấy trong mộng.

[←283]

Khảo đị : Phận con thoi có ra gì mai sau (Qvđ, BK)

[←284]

Khảo đị : Dạy răng : Mộng **triệu cứ** đâu (Qvđ, BK)

[←285]

Mộng huyễn : mộng huyễn hoặc, đánh lừa người ta, không đúng.

Khảo dị : Bỗng không mua nǎo **cháć** sầu nghĩ nao (KOM)

Khảo dị : Bỗng không mua nǎo chuốc sầu nghĩ **sao** (Qvđ)

[←286]

Mạch Tương : dòng nước mắt, do chữ **Tương lệ**, chỉ nước mắt. Theo *Bác vật chí*, hai bà con gái vua Nghiêu là Nga-hoàng và Nữ-anh đều là vợ vua Thuấn. Vua Thuấn đi tuần thú, chết ở đất Thương-ngô, ven bờ sông Tương (thuộc tỉnh Hồ-nam, chảy vào hồ Động-đình). Hai bà đến đó kêu khóc thảm thiết, nước mắt vẩy vào các bụi trúc chung quanh, trúc đều thành sắc lõm đốm, nên gọi là *Tương phi trúc*. Xem ct 365. Truyện *Kiểu* còn có *giọt Tương* (1858). Xem ct 82.

Khảo dị : Chưa xong điều nghĩ đã dào mạch **sương** (Qvđ)

Khảo dị : Chưa xong điều nghĩ **lại** dào mạch Tương (KOM)

[←287]

Khảo đị : Nách tường bông liễu bay sang láng giềng (KOM, K₁₀)

[←288]

Khảo đị : Hiên tà gác bóng **nghiêng nghiêng** (KOM, BK)

[←289]

Tắc riêng : lòng riêng. Xem câu 2424 và ct 343.

[←290]

Khảo đị : Cho hay là **thói** hữu tình (Qvđ)

[←291]

Thư song : cửa sổ (ngồi đọc) sách, tức chỉ phòng đọc sách. Xem ct 395.

[←292]

Khảo đị : Nỗi nàng canh cánh bên lòng **khôn khuây** (K₁₁)

[←293]

Ý cǎ câu : Nói mỗi sầu không thể át đi được, càng cố dẹp xuống thì lại càng buồn thêm.

Cd : Ai đi muôn dặm non sông, để ai chứa chất sầu đong vơi đầy.

Khảo dị : Sầu đong càng **gạt** càng đầy (KOM)

Khảo dị : Sầu đong càng **khắc** càng đầy (Qvđ, BK)

Đây để theo bản *Tản Đà*.

[←294]

Câu này lấy từ thơ *Kinh Thi* (bài Thái cát) : *Bỉ thái cát hề, nhất nhặt bất kiến như tam nguyệt hề ; bỉ thái tiêu hề, nhất nhặt bất kiến như tam thu hề ; bỉ thái ngại hề, nhất nhặt bất kiến như tam tuế hề* = người hái dây cát (dây sắn) kia, một ngày không thấy mặt nhau, xem bằng *ba tháng* ; người hái cỏ tiêu kia, một ngày không thấy mặt nhau, xem bằng *ba quý* ; người hái rau ngại kia, một ngày không thấy mặt nhau, xem bằng *ba năm*. Thơ này diễn tả tâm trạng nhớ mong tình nhân của người thiếu nữ theo một tiến độ chặt chẽ : ba tháng, ba quý (tức chín tháng), rồi ba năm. Câu thơ *Kiểu* mượn chữ *Kinh Thi* để diễn tả tâm trạng nhớ mong người yêu của Kim Trọng ; vì nhớ mong nên Kim Trọng « thấy thời gian trong một ngày dài làm sao, dài như ba thu vậy », hay « thấy một ngày dài ghê, như ba thu dồn lại ».

Khảo dị : Ba thu **dọn** lại một ngày dài ghê (Qvđ, BK)

[←295]

Đây chữ *mây Tân* chỉ là đặt để nói cái ý cách biệt và cho đẹp lời văn, khác với *mây Tân* ở các câu 1239, 2236.

Song the : cửa sổ căng màn the, chỉ cửa buồng đàn bà con gái, như ở câu 1627. *The* là thứ hàng dệt bằng tơ, mỏng, không bóng. *Tng* : Đông the hè đụp. Truyện *Kiểu* còn có *rèm the* (431), *buồng the* (1309, 1744), *bình the* (1852). Xem ct 428.

[←296]

Bụi hồng : đây là một từ phiếm chỉ nơi có người đẹp ở. Xem ct 78.

Ý cả câu : Không gặp được mặt nhau vì « song the đã bị mây Tân khóa kín », thì đành gặp nhau trong giấc mộng vậy. Bài *Văn lần già lý tranh* (nghe nhà láng giềng gảy đàn tranh) của Từ An Trinh (Đường) có câu : *Ngân thước trùng quan thính vị tịch, bất như miên khứ mộng trung khan* = khóa bạc mấy lần nghe chưa thấy mở, chi bằng ngủ đi, may được thấy mặt trong giấc mơ. HT : Bụi hồng dứt nẻo chiêm bao đi về (258).

Khảo dị : **Bóng** hồng liệu nẻo đi về chiêm bao (KOM)

Khảo dị : Bụi hồng **lẽo đẽo** đi về chiêm bao (BK)

[←297]

Tuần trăng : mỗi tháng có một lần trăng tròn gọi là tuần trăng.
Xem câu 288, và ct 36.

Khảo dị : **Vâng** trăng khuyết đĩa dẫu hao (K₁₂)

[←298]

Khảo đị : Mặt **tơ** tưởng mặt lòng ngao ngắn lòng (KOM)

[←299]

Khảo đị : Buồng văn hơi **lạnh** như đồng (Qvđ, BK)

[←300]

Ngọn thỏ : ngòi bút lông thỏ.

Phím loan : phím đòn gắn keo loan.

Ý cả câu : Kim Trọng buồn tương tư, bỏ cả việc học (bút để se ngọn vì lâu không viết), việc đòn (đòn để chùng dây vì lâu không gảy).

Khảo dị : Trúc xe ngòi thỏ, tơ trùng phím loan (KOM)

[←301]

Mành Tương, do chữ *Tương liêm* : mành bằng giỗng trúc gọi là *Tương phi trúc*, chỉ bức mành nói chung. Thơ Phạm Thành Đại (Tổng) : *Mình quỳnh cẩm đái Tương liêm ban, phong vi tú lăng thiên phi loan* = mành Tương lõm đõm ngọc quỳnh đai gấm, chim loan bay ngàn dặm gợi sóng thêu nơi màn gió. Xem ct 238.

Gió đàn : nói gió nhẹ làm lay động, làm đưa qua đưa lại. (Génibrel).

Khảo dị : Mành **tương** phất-phất gió đàn (BK)

[←302]

Ba sinh, do chữ *tam sinh* : ba kiếp sống luân hồi từ kiếp này sang kiếp khác của con người là quá khứ, hiện tại và vị lai. Theo *Truyền dǎng lục*, người Tinh-lang-mộng thấy đến dưới Bích-nham đứng trước một vị sư già có nén hương đang cháy. Vị sư nói : « Đó là của kẻ đàm việt đốt hương nguyễn, hương hãy còn mà người đốt đã qua ba kiếp sống : kiếp thứ nhất, làm quan ở đất Kiếm-nam thời vua Minh hoàng, kiếp thứ hai làm thư ký đất Tây Thục thời vua Hiển hoàng, kiếp thứ ba tức là kiếp sống hiện nay ». Lại theo *Cam trạch dao*, Lý Nguyên đời Đường cùng kết bạn thân với vị sư chùa Huệ-lâm là Viên Trạch. Một hôm hai người từ Kinh-châu cùng đi chơi núi Tam-giáp, gặp một người đàm bà gánh đôi vò đi lấy nước giếng. Viên Trạch nói : « Bà đó là nơi thác thân của tôi. Mười hai năm sau, tôi sẽ gặp lại bác tại mé ngoài chùa Thiên-trúc ở Hàng-châu ». Đêm hôm đó Viên Trạch mất. Mười hai năm sau, Lý Nguyên tìm đến nơi đã hẹn, gặp một đứa trẻ chăn trâu, nghêu ngao hát r้อง : *Tam sinh thạch thường cựu linh hồn, thường nguyệt ngâm phong bất yếu luân ; tam quý tình nhân viễn tương phỏng, thử thân tuy dị tính trường tồn* = tinh hồn cũ gửi ở đá ba sinh, chuyện thường trăng ngâm gió không cần bàn nữa ; thật thận với bạn tình cũ từ xa đến thăm, thân này tuy khác, nhưng tính vẫn còn mãi như xưa. Hát xong liền từ biệt Lý Nguyên. Lý Nguyên biết rằng đứa trẻ chăn trâu đó chính là Viên Trạch. Nay núi đá sau chùa Thiên-trúc ở Hàng-châu có tên gọi là *Tam sinh thạch*. Sách *Chiết-giang thông chí* cho rằng chính đấy là nơi Lý Nguyên cùng Viên Trạch gặp nhau. *Duyên nợ ba sinh* là nói duyên nợ với nhau trong cả ba kiếp. Đây nói duyên nợ phải làm vợ chồng với nhau do tiền định. Xem các câu 282, 1259, 2581, 3225.

[←303]

Khuynh thành : nghiêng thành. Xem ct 27.

Khảo dị : **Cớ** chi đem **giống** khuynh thành trêu ngươi (KOM)

Khảo dị : Làm chi **những** thói khuynh-thành trêu ngươi (BK)

Khảo dị : **Thì chi đem giống** khuynh thành trêu ngươi (K₁₃)

[←304]

Kỳ ngộ : cuộc gặp gỡ lạ lùng. Xem câu 511.

[←305]

Khảo đị : Một **làn** cỏ mọc xanh rì (KOM, Qvđ)

[←306]

Khảo dị : Gió chiều như **gợi** cơn sầu (KOM, Qvđ, BK)

Đây để theo bản *Tản Đà*

[←307]

Vì lô : loài lau sậy. Xem câu 913.

Khảo dị : **Bông lau** hiu hắt như màu **khảy** trêu (KOM)

Khảo dị : **Vì lau** hiu hắt như màu **khảy** trêu (Qvđ)

[←308]

Khảo dị : Chạnh riêng tưởng ít tình nhiều (KOM)

Khảo dị : Chạnh riêng tưởng ít nhớ nhiều (K₁₄)

[←309]

Xăm xăm : chỉ dáng đi nhanh nhanh, đi một mạch.

Đè néo : theo đường, theo lối. Xem ct 123. Xem các câu 1361, 1710, 1886.

Lam-kiều : chỉ nơi có gái đẹp, tức nhà Thúy Kiều.

Nguyên là tên đất thuộc huyện Lam-điền, tỉnh Thiểm-tây là nơi có động tiên, và chính nơi đây Bùi Hàng đã gặp Vân Anh kết duyên vợ chồng. Theo *Truyền kỳ* dẫn trong *Thái bình quảng ký* : Đời Đường, có người Bùi Hàng, nhân hỏng thi tìm đến miền Ngạc-chữ (thuộc huyện Vũ-xương, tỉnh Hồ-bắc) thăm người bạn cũ họ Thôi. Khi trở về, Bùi Hàng đáp thuyền đi Tương-hán, không ngờ cùng đi chung thuyền với nàng Vân Kiều, người đẹp vào hàng quốc sắc. Nhờ người hầu gái của Vân Kiều đưa thư hộ, Bùi được tiếp chuyện với Vân Kiều, và được nàng trao tặng cho bài thơ : *Nhất ẩm quỳnh tương bách cảm sinh, huyền sương đảo tận kiến Vân Anh, Lam-kiều tiện thị thần tiên quật, hà tất kỳ khu thương ngọc kinh* = vừa uống cạn chén quỳnh tương trăm mối cảm sinh, thuốc huyền sương (thuốc tiên) giã xong thì được thấy Vân Anh ; Lam-kiều chính là nơi động tiên đó, hà tất phải vất vả băng đường lên chốn ngọc kinh.

Bùi Hàng xem thơ, còn chưa hiểu hết ý ra làm sao, thì thuyền đã đến Tương-hán. Vân Kiều cùng thị tì lên bộ đi mắng. Về sau Bùi Hàng đi đến đất Lam-kiều, nhân khát nước, thấy cạnh đường có ngôi nhà lá, trong nhà có một bà lão đang bện dây gai. Bùi bèn ghé vào xin nước uống. Bà lão gọi to Vân Anh đem nước ra mời Bùi Hàng. Bùi liền sực nhớ lại câu thơ của Vân Kiều tặng, trong bụng lấy làm nghi hoặc.

Vân Anh đứng trong nhà, hé vén rèm thò đôi cánh tay ngọc ra ngoài đưa nước mời Bùi Hàng uống. Uống xong, Bùi Hàng thấy đúng là một loại nước tiên (ngọc dịch), người hóa ra bêng khuâng, muốn nhìn mặt người đẹp. Nhân đưa trả lại bát nước, Bùi cuốn cao bức rèm, thì quả thấy một người con gái nõn nà tựa ngọc đang khẽ lấy tay che mặt, đứng nép vào một bên. Bùi cảm sắc đẹp của Vân Anh, đi không dứt, bèn thác mệt xin trở lại. Bà lão bêng lòng.

Tối đến, Bùi Hàng đem chuyện Vân Anh ra hỏi bà lão, và ngỏ ý muốn đưa hậu lễ đến đón nàng về làm vợ. Bà cụ bảo : « Ta nay đã già, thường không được khỏe, mọi việc đều chỉ nhờ cậy vào một mình Vân Anh là cháu gái. Trước đây, thần tiên có cho ta một thia linh dược, cần có chày cối ngọc để giã mới dùng được. Bao giờ nhà ngươi có đủ các thứ đó mang lại thì ta sẽ gả cho. Còn vàng bạc, gấm vóc ta không cần đến ». Bùi Hàng bái tạ ra về và hứa một trăm ngày sau sẽ đưa chày cối ngọc lại.

Về đến kinh, Bùi Hàng đi khắp các phố phường, chợ búa quyết tâm mua cho bằng được chày cối ngọc, và khi mua được rồi, Bùi liền mang chày cối ngọc đến Lam-kiều. Thuốc tiên được giã trong một trăm ngày thì xong. Bùi Hàng được Vân Anh làm vợ. Hôm làm lễ cưới, Bùi Hàng mới nhận ra người cho bài thơ trước đây chính là Vân Kiều, chị Vân Anh. Về sau hai vợ chồng cùng lên cõi tiên. Truyện Kiều còn có *cầu Lam* (457).

Các tác phẩm văn nôm khác cũng thường dùng điển này để nói việc nhân duyên, việc trai gái hội ngộ mà sau nêu vợ nên chồng. HĐQÂ : Cô tiên thách mực chày đâm thuốc, Lộng Ngọc xin làm bạn thổi tiêu ; LTKN : Cầu Lam hội ấy dành khôn hẹn, cân tạo trời kia bỗng khéo xây : HT : Lưng trời với những đâu đâu, những tơ nào thăm những *cầu nào xanh* (242). LVT : Trăm năm thề chẳng lòng phàm, sông Ngân đưa bạn cầu Lam rước người (1358). Xem câu 643.

[←310]

Lá thăm, do chữ *hồng diệp đê thi* : đê thơ trên lá đỏ (tức lá thăm). Theo *Thái bình quảng ký*, đời Đường Hy tông, Vu Hựu một hôm đi chơi, tình cờ bắt được chiếc lá đỏ thăm trôi trên một ngòi nước từ cung vua chảy ra, trên lá có bài thơ : *Lưu thủy hà thái cấp ! thăm cung tận nhật nhàn ; ân cần tạ hồng diệp, hảo khứ đáo nhân gian* = nước chảy sao xiết vậy ! trong thăm cung suốt ngày nhàn hạ ; ân cần tạ lá đỏ, khéo trôi tới chốn nhân gian. Hựu bèn lấy chiếc lá đỏ thăm khác, đê hai câu thơ : *Tăng văn diệp thương đê hồng oán, diệp thương đê thi ký dữ thùy ?* = từng nghe nỗi hờn oán của khách má hồng đê trên lá, không biết trên lá đê thơ gửi cho ai ?, rồi đem thả nơi đầu ngòi nước cho trôi vào cung vua. Cung nữ Hàn thị – người thả chiếc lá đỏ buổi trước – bắt được. Về sau nhân dịp vua thải ba nghìn cung nữ, Hàn thị được ra, rồi lại tình cờ kết duyên với Vu Hựu. Trong buổi lễ thành hôn, hai người cùng đưa lá đỏ ra so, rồi bảo : « Dư nhị nhân khả tạ môi nhân » = hai chúng ta có thể lể tạ bà mối (chỉ lá đỏ) được rồi đó. Rồi Hàn thị nhân làm bài thơ : « Nhất liên giai cú tùy lưu thủy, thập tài u tư mãn tố hoài ; kim nhật khước thành loan phượng hữu, phương tri hồng diệp thị lương môi » = một đôi câu thơ đẹp trôi theo dòng nước chảy, mười năm ôm bụng nghĩ ngợi âm thăm ; ngày nay thành được bạn loan phượng, mới biết lá đỏ, ấy là bà mối giỏi. Truyện Kiều còn có : *lá thăm chỉ hồng* (333), *hồng diệp xích thăng* (459).

Rút từ điển này, đê chỉ duyên vợ chồng không hẹn mà nêu, văn nôm còn có : TTKV : Thực nhân tình *thơ bài lá đỏ*, mạch sầu kia hẫu tỏ cùng ai ; HĐQÂ : **Lá thăm thơ bài** mong bắt chước, nước xuôi thơ ngược biết bao chờ ; BCKN : Trông hoa lặng ngắt giờ lâu, ấy ai *thả lá duênh câu ghẹo* người ; QÂTK : *Lá hồng* đặt xuống dâng lên, mối duyên đo đắn chưa nên mối gì ; HT : Góm nơi ngòi bảng duênh khơi, *lá hồng* bỗng đến chỉ nơi nỗi chìm (482) ; MĐMK : Chớ rằng *lá thăm dòng khơi*, một thơ kéo được tơ trời mà hay !

Chim xanh, do chữ *thanh điểu* : chỉ người đưa tin. Theo **Hán Vũ** cố sự, ngày mồng bảy tháng bảy, bỗng có con chim xanh bay đến đậu ở trước điện. Vua hỏi, Đông Phương Sóc tâu : « Thế chắc Tây

vương mẫu sắp đến đấy ! » Một lát sau quả nhiên Tây vương mẫu đến, có ba con chim xanh bay đậu ở bên cạnh. Nhân thế mà gọi người đưa tin là chim xanh (thanh điểu). Xem câu 504. Thơ Hàn Dũ (Đường) : *Tiên thê nan phiên tục duyên trọng ; lãng băng thanh điểu thông đinh ninh* = thang tiên khó vin vì duyên tục nặng, mặc nhờ chim xanh thông lời hỏi thăm.

Ý cả câu : Nói khó thông tin tức với Thúy Kiều.

[←311]

Dãy : đầy lên, ngập lên.

Khảo dị : **Đầy** thêm hoa rụng biết người ở đâu (KOM)

[←312]

Ngô Việt thương gia : nhà buôn nay đi Ngô mai đi Việt, là nói người đi buôn bán nay đây mai đó.

Khảo dị : Là nhà **Hồ** Việt thương gia (K₁₅)

[←313]

Du học : đi trọ học ở nơi khác.

[←314]

Cặp sách : cặp sách xưa làm bằng gỗ, dưới có miếng gỗ dày làm đế, hai bên có hai thanh gỗ dài đóng dựng lên như cái cặp gánh mạ, trên cùng có một thanh gỗ ngang nối hai đầu thanh gỗ dọc. Sách để ở đế, hai thanh gỗ hai bên giữ chặt sách vào giữa cho khỏi rơi ; đi đâu thì gánh đi theo, đến đâu thì treo lên một chỗ.

Khảo dị : Túi đàm cặp sách để huê **soạn** sang (KOM)

[←315]

Đá : nói đá xếp thành núi, tức là hòn non bộ. Xem ct 389.

[←316]

Lãm-thúy : tên cái hiên dùng làm chỗ thưởng ngắm (lãm) màu lá xanh đẹp (thúy) của các cây cảnh. Vì có chữ « thúy » nên Kim Trọng mừng thăm.

[←317]

Song hồ : cửa sổ dán giấy. Xem *trường hồ* (1475). Hồ là chất dính bắng bột gạo hay bắng chất nhựa đặc để dán.

Cánh mây : cánh cửa phòng mây, là nói phòng Kim Trọng với ý cô đơn, ngăn che cách trở. Xem ct 428.

[←318]

Tường đong : xem ct 38.

[←319]

Động khóa nguồn phong : cửa động tiên khóa chặt như khi Lưu Thǎn, Nguyễn Triệu trở lại thì động lấp mất lối cũ ; nguồn Đào niêm phong, như khi người theo lời ngư phủ đời Tǎn mà tìm đến thì không nhận ra được lối vào.

Ý cả câu : Nhà Kim Trọng, Thúy Kiều ở gần nhau trong gang tấc mà cách biệt như thế. Xem các ct 392, 192.

Khảo dị : Tắc gang động khóa **nguyên** phong (KOM)

Khảo dị : Tắc gang **đồng** **tỏa** **nguyên** phong (Qvđ, BK)

Đây để theo bản *Tản Đà*

[←320]

Bóng hồng : xem ct 161.

Khảo đị : **Tịt**-mù nào thấy bóng hồng vào ra (BK)

[←321]

Nhᾶn từ : kể từ khi, kể từ lâu. *Nhᾶn* : ý nói trông chờ lâu. Xem câu 717.

Quán khách : chỉ nhà trọ.

Lân la : dẫn dẫn đến gần, quanh quẩn. Xem các câu 1289, 1574, 1769, 2696, 2756, 2991.

[←322]

Thèm : gần bằng, còn thiếu, như nói : gạo còn thèm đắng, tuổi thèm chín mươi. *Thèm hai* : nói đã gần hai tháng. HT : Hiếm hoi một gái tuần đã thèm hai (1636). Xem ct 251.

Khảo dị : Tuần trăng **điểm đốt** nay đà thèm hai (K₁₆)

Khảo dị : Tuần trăng **khuất ngón thoắt** đà thèm hai (K₁₆)

[←323]

Tường gấm : tường gạch có hoa như gấm ; đây là nói cho đẹp lời.
Xem *tường hoa* (2027).

[←324]

Kim thoá : cái thoa vàng cài tóc của phụ nữ.

[←325]

Khảo đị : Giơ tay **vói** lấy về nhà (BK)

Khảo đị : Giơ tay **cắt** lấy về nhà (Qvđ)

[←326]

Khuê các : chỉ chỗ ở của đàn bà con gái nhà sang trọng. Xem câu 1221.

[←327]

Hư không : ý nói tự nhiên ở chỗ không. Xem câu 2091.

[←328]

Hợp-phố châu về, do chữ **Hợp-phố châu hoàn** : nói vật đã mất nay trở về với chủ cũ. Theo **Hậu Hán thư**, Mạnh Thường, người đời Hậu Hán, được đổi về giữ chức thái thú quận Hợp-phố (tên quận đặt ra từ đời Hán, nay thuộc huyện Hải-khang, tỉnh Quảng-đông). Trong quận không sản xuất các loài ngũ cốc, nhưng lại có nhiều ngọc quý, dân mò lấp ngọc đem đến quận Giao-chỉ đổi lấy lương thực. Thời trước bọn quận thú ở đây tham ô quá lăm, bắt dân đi mò ngọc đem về cho chúng không biết bao nhiêu mà kể. Ngọc quý lần hồi bỏ đi về phía quận Giao-chỉ gần hết. Vì thế dân không có gì đổi lấy cái ăn, người chết đói đầy đường. Khi Mạnh Thường đến, bãi bỏ những tệ cũ, lo mưu lợi cho dân, nên chỉ chưa đầy một năm sau, ngọc bỏ đi nay tìm về lại Hợp-phố. Dân trở về nghề cũ, mò ngọc đổi chác với người Giao-chỉ như trước. Phú Hàn Dũ (Đường) : *Như hoàn Hợp-phố chi châu = như ngọc về Hợp-phố.*

Ý cả câu : Nói không biết của ai mà trả.

[←329]

Lân lý : xóm làng ; đây ý nói người trong làng trong xóm.

[←330]

Thiếu não : đau buồn trong lòng.

[←331]

Gạn : hỏi cặn kẽ. KTTĐ : hỏi đến cùng. Xem ct 1154 và câu 1438.

Niêm tây : niềm riêng, tức nỗi lòng, chút tâm sự riêng. Xem các câu 1760, 2775.

[←332]

Bậc mây : đây chỉ là nói bậc thang. Chữ *mây* đặt thêm cho đẹp lời và gợi ý ngăn che cách trở.

Khảo dị : **Vén** mây **qua** bước ngọn tường (Qvđ)

[←333]

Khảo đị : Kẻ nhìn **tận** mặt người e cúi đầu (KOM)

[←334]

Ngẫu nhĩ : cũng như ngẫu nhiên, là nghĩa tình cờ.

[←335]

Chồn : mỏi, nhọc ; như nói *nhọc lòng sốt ruột*.

[←336]

Xương mai : nói vóc người xương xương gầy như dáng cây mai.
Xem ct 17.

Rũ mòn : gầy mòn rũ ra.

[←337]

KOM chú : « là nói trong cả tháng gửi lòng ở chốn cung trăng ».

BK chú như KOM : « tháng nào cũng để bụng ở cung tiên trong mặt trăng ».

Ý cả câu : Nói suốt tháng, Kim Trọng tưởng nhớ đến Thúy Kiều.

[←338]

Trần trân : trơ ra : đây ý chỉ thái độ b亲身, nhẫn nại.

Ấp cây : Ôm chặt cây cột cầu. Theo lời sớ của Hình Bình (Tống) trong *Luận ngữ chú sớ giải kinh* : Vỹ Sinh, người nước Lỗ thời Xuân Thu cùng hẹn với một người con gái gặp nhau ở dưới chân một chiếc cầu nọ. Người con gái không đến. Vỹ Sinh thủ tín cứ ngồi đợi mãi, đến khi nước lên to cũng không chịu bỏ đi, cứ ngồi ôm trụ cầu mà chịu chết đuối (Họ Hình cho rằng làm như vậy, tuy là thủ tín nhưng không phải nghĩa). Thơ Lý Bạch (Đường) : *Thường tồn bảo trụ tín, khải thượng vọng phu đài* = còn mãi lòng tin ôm cột, há phải lên vọng phu đài. Trong tiếng Hán, dùng điển này là để chỉ việc liều thân mà thủ tín. Ở câu đây, nói Kim Trọng chịu liều thân để được gặp Thúy Kiều. BCKN : Thôi đừng mộng mị trêu nhau, trần trân có nhẽ ôm cầu mãi ru !

[←339]

Đài gương, do chữ *kính dài* : chỉ cái bàn có giá gương soi của phụ nữ. Thơ Trịnh Âm (Đường) : *Sầu phụ kính dài tiền* = người đàn bà buồn trước đài gương. Ở câu đây, *đài gương* dùng chỉ người con gái đẹp, sang trọng, là lời gọi tôn Thúy Kiều.

Dấu bèo : nói cánh bèo trôi trên mặt nước ; đây là lời nói nhún tự ví mình của Kim Trọng. Xem ct 770.

[←340]

Khảo đị : Ngại ngần nàng mới thưa răng (Qvđ)

[←341]

Băng tuyết : ý nói (thói nhà) thanh bạch.

Phi phong : tên hai thứ rau nhà nghèo ăn, ở câu đây chỉ (tư chất) tầm thường, quê mùa, mộc mạc.

[←342]

Lá thăm : xem ct 268.

Chỉ hồng, do điển xích thăng hệ túc : dây đǒ buộc chân (vợ chồng) ; chỉ việc xe duyên vợ chồng, việc nhân duyên do trời định. Theo *Tục u quái lục*, Vi Cố người đời Đường khi trọ ở đất Tống-thành, nhân một đêm trăng đi dạo chơi có gặp một ông lão ngồi tựa lưng vào một cái túi lớn, trong túi đựng đầy những sợi dây đǒ, hướng về phía mặt trăng mà kiểm sách. Vi Cố hỏi, ông lão trả lời đây là văn thứ kết hôn của thiên hạ. Còn những sợi dây đǒ thì dùng để buộc chân những đôi trai gái sẽ thành vợ thành chồng. Dù cho hai bên có thù oán nhau, ở xa nhau không cùng quê cùng quán, nhưng khi dây chỉ đǒ đã buộc chân họ lại rồi, tất sẽ ăn ở hòa hợp với nhau.

Một hôm, Vi Cố vào chợ, có một bà già chột mắt ăm một đứa bé lên ba đi qua. Ông lão chỉ đứa bé mà bảo Vi Cố : « Đứa bé kia sẽ là vợ của anh ». Vi Cố tức giận, mài con dao con, trao cho đầy tớ bảo tìm giết đứa bé đó. Người đầy tớ liền lén đâm đứa bé ngay giữa đám đông rồi chạy trốn. Mười bốn năm sau, quan thứ sử Tương-châu là Vương Thái gả một người con gái cho Vi Cố làm vợ. Người con gái dung sắc tươi đẹp, giữa lông mày có đính trang điểm một đóa hoa vàng. Vi Cố hỏi, người con gái bảo thuở còn bé phải cõng địu, một hôm bà vú họ Trần bế vào chợ bị đứa cuồng tặc đâm phải. Vi Cố hỏi lại xem bà vú có chột mắt không, người con gái bảo đúng thế. Nhân đó Vi Cố kể lại việc trước, hai vợ chồng càng kính yêu nhau bội phần. Rút từ điển này, Truyện Kiều có : *buộc dây* (688), *buộc chân* (904), *dây duyên* (2896), *xe dây* (2099, 2840), *xe tơ* (1532, 2600, 3076, 3111), *trăng già* (687) *xích thăng* (459, 904), *ông tơ* (549, 2599), *tơ duyên* (720, 752), *tơ hồng* (2134), *tơ đào* (2609). Xem *trao tơ* ở các câu 540, 658. Xem câu 2243.

Ngoài ra, văn nôm còn có : *ông Nguyệt* (NTT), *nguyệt lão*, *dây thăm* (CO), *mối hồng* (LVT), *tơ thăm* (HT), *tơ trăng* (PH), *chỉ thăm* (TS).

[←343]

Xót liễu vì hoa : thương xót, yêu vì người con gái mềm mại như cây liễu, đẹp như hoa.

[←344]

Khảo đị : Dù **chẳng xét** tấm tình si (Qvđ)

[←345]

Một hai : đây ý nói một đôi lời, một đôi kỷ vật gì đấy. Xem cách dùng chữ này trong các câu 771, 1669, 2282, 2756, 3062, 27.

Khảo dị : **Chuớc chi** gắn bó một hai (Qvđ)

[←346]

Khuôn thiêng, cũng như nói *khuôn xanh*, đều là chỉ về trời. Xem các câu 412, 3072 và ct 2157.

Tắc thành : lòng thành. **Tắc** vốn nghĩa là một phần mười của thước, như nói *tắc gang* (285, 1938). Trong thơ ca chữ *tắc* thường được dùng để chỉ nỗi lòng, tấm lòng với ý nói khiêm, như trong truyện *Kiều* có : *tắc riêng* (242, 2424), *tắc thành* (374), *tắc lòng* (451, 2245), *tắc cỏ* (620), *tắc vàng* (772), *tắc son* (1601). Xem ct 1042.

[←347]

Lượng xuân : lòng độ lượng của người đàn bà trẻ đẹp (xuân) ; đây chỉ Thúy Kiều.

[←348]

Chiều xuân : nói lòng mơ tưởng đến tình yêu, xuân tình đã chớm nở ở trong lòng tức là do các chữ *hoài xuân* hay *xuân tử* trong tiếng Hán.

Nét thu : nói con mắt sáng trong như nước mùa thu gợn sóng, tức do chữ *thu ba* trong tiếng Hán. Xem ct 25 và câu 164.

[←349]

Đa mang : ôm đồm, bận bịu nhiều việc. Đây ý nói bận lòng nhiều.

[←350]

Đá vàng : nói sự bền vững lâu dài mãi mãi như khắc vào bia đá, vào chuông vạc vàng (tức bằng kim loại), là do chữ *kim thạch* : *kim* chỉ đinh đồng, *thạch* chỉ bia đá. Thời xưa, phàm những sự việc lớn, những công đức to, những câu châm ngôn hay... thường được khắc vào chuông, đinh đồng, vào bia đá để lưu truyền thiên cổ.

Lã thi Xuân Thu : *Cố công tích minh hồ kim thạch* = cho nên công tích khắc vào chuông vạc vàng bia đá. Xem các câu 513, 1008, 1290, 1366, 2814, 2855, 3176.

[←351]

Kim hoàn : vòng vàng, tức là chỉ *xuyên vàng đôi chiếc*... nói ở câu 318. Xem câu 2807.

Khảo dị : Giở kim **thoa** với khăn hồng trao tay (KOM, BK)

Khảo dị : Giở kim **châu** với khăn hồng trao tay (Qvđ)

Đây đề theo bản *Trương Vĩnh Ký*

[←352]

Quạt quỳ, tiếng Hán là *quỳ phiến* hay *bồ quỳ phiến* : quạt làm bằng lá cây quỳ, một loài cây như cây cọ. Quạt quỳ rất thông dụng ở Trung-quốc thời cổ. *Kim Vân Kiều truyện* : « (Thúy Kiều) nhân tiện lấy chiếc *quạt vàng* (kim phiến) và chiếc khăn gấm trong tay tặng lại ».

Khảo dị : Sẵn tay **bả quạt hoa** quỳ (Qvđ)

[←353]

Đến đây Thúy Kiều mới nhận « của tin » của Kim Trọng (kim hoàn, khăn hồng) cùng với *cành thoả* vàng Kim Trọng đưa trả lại.

[←354]

Tất giao : sơn và keo. Đem keo và sơn là hai chất dính mà gắn vào nhau thì càng dính chặt lắm. Đây chỉ tình nghĩa gắn bó bền chặt.

Khảo dị : Một lời **gắn-bó** tất giao (BK)

[←355]

Viện sách : buồng sách hay phòng đọc sách. Xem các câu 1648, 1937 và ct 395.

Lầu trang : lầu điểm trang, tức chỗ Thúy Kiều ở. Xem các câu 573, 630, 1772 và ct 536.

Khảo dị : Chàng về **thư viện** nàng rời lầu trang (Qvđ)

[←356]

Đá biết tuổi vàng : có thứ đá để thử tỷ lệ vàng cao hay thấp. Tuổi vàng tức là tỷ lệ vàng. Xem câu 2187.

Ý cả câu : Từ khi Kim trọng, Thúy Kiều hai bên hiểu biết bụng dạ của nhau như đá đã biết tuổi vàng.

[←357]

Khảo đị : Tình càng thấm **thiết** dạ càng ngắn ngơ (Qvđ)

[←358]

Sông Tương : tức sông Tương-thủy, cũng có tên Tương-giang, bắt nguồn từ núi Dương-hải, huyện Hưng-an, tỉnh Quảng-tây, chảy qua Hồ-nam, Trường-an, đổ vào hồ Động-đình, dài hơn hai nghìn dặm. Chính con sông này, tục truyền xưa kia đã chứng kiến cuộc vĩnh biệt của vua Thuấn với Nga-hoàng, Nữ-anh nên về sau văn chương cổ thường mượn sông Tương để nói ý ly biệt, nói cảnh ở cách xa mà nhớ mong nhau.

Hai câu 365-366 là lối ý đoạn thơ sau đây trong *Tình sử* : *Quân tại Tương-giang đầu, thiếp tại Tương-giang vĩ ; tương tư bất tương kiến, đồng ẩm Tương-giang thủy* = chàng ở đầu sông Tương, thiếp ở cuối sông Tương ; nhớ nhau mà chẳng thấy nhau, (mặc dầu) cùng uống nước sông Tương. Xem ct 238. HT. Đầu sông Tương cuối sông Tương, khách xa luống những mơ màng người xa (360).

[←359]

Ý cản câu : Hai nhà cách nhau một bức tường mà như có tuyết sương ngăn trở, che khuất.

Khảo dị : Một tường tuyết **điểm** sương che (Qvđ)

[←360]

Tin xuân : tin về tình yêu, về người yêu.

[←361]

KOM chú : « *Tây sương : Lục ám hồng hi, xuân khứ giã* » = màu xanh đã rậm kín, màu đỏ thưa đi, mùa xuân qua vậy. *Hồng* và *lục* là chỉ màu sắc của lá cây. Ở Trung-quốc vào khoảng cuối thu cây cối hầu hết đều ngả màu hồng sẫm. Có nhiều vùng, đứng xa nhìn lên núi, cây rừng trùng điệp chỉ thấy một màu hồng sẫm. Sang xuân lá hồng sẫm dần dần rụng đi, lá non nẩy lộc cho đến sang hè cây cối xanh um. Xem câu 917.

Khảo dị : **Tơ** hồng rậm lục đã chừng xuân qua (Qvđ)

[←362]

Khảo đị : Vừa ngày sinh nhật ngoại gia (KOM)

[←363]

Hai đường, do chữ *song đường* : *xuân đường* là cha, và *huyên đường* là mẹ. Xem các ct 430, 534, 224.

Khảo dị : Trên **song** đường dưới nữa là hai em (KOM)

[←364]

Áo xiêm : chỉ áo xõng, y phục nói chung. Xiêm là áo mặc che nửa thân đàng trước theo y phục cổ. Xem các câu 2467, 2854, 935.

[←365]

Biện : sắm sửa, bày biện.

Khảo dị : **Cân** dâng một lẽ xa đem tắc thành (KOM)

[←366]

Nhà lan, do chữ *chi lan thất* hay *lan thất* : chỉ nhà có đức vọng, tiết tháo vững bền. Chi lan là hai loại cỏ hoa rất thơm. *Gia ngũ* : *Dữ thiện nhân cư, như nhập chi lan chi thất, cửu nhi bất văn kỳ hương, tức dữ chi hóa hỉ* = ở với người tốt, như vào nhà có cỏ chi cỏ lan ; ở lâu, đến lúc không thấy mùi thơm nữa, thì tức mình cùng hóa với nó (ý nói mình hóa ra người tốt). Ở đây *nhà lan* ý nói nhà thanh nhã, là chữ đặt lấy lịch sự.

Khảo dị : Nhà **hương** thanh vắng một mình (Qvđ)

[←367]

Thời trân : những thứ hoa quả quý đương mùa.

[←368]

Gót sen : xem ct 190.

[←369]

Dặng : đánh tiếng lên.

Khảo dị : Cách hoa sẽ **dặng** tiếng vàng (BK)

[←370]

Khảo dị : Dưới hoa **thầy** **đã** có chàng đứng **mong** (KOM)

[←371]

Lửa hương : chỉ tình nghĩa nồng nàn giữa gái trai, vì theo tục cổ, khi thề ước với nhau thường có đốt đèn (lửa) và thắp hương. Xem các câu 517, 707, 740, 2213, 2581, 2936.

[←372]

Gió bắt mưa cầm : gió mưa bắt giữ, cầm lại ; ý nói bị nhiều điều ngăn trở, không làm theo ý mình được.

[←373]

Trí âm : chỉ người bạn thân thiết hiểu thấu nỗi lòng của mình. Xem câu 1248 và ct 464.

[←374]

Khảo dì : Lấy lòng gọi chút **sang** đây tạ lòng (Qvđ)

[←375]

Núi giả : núi bày ra làm cảnh tức là hòn non bộ. Xem ct 279.

[←376]

Động đào : chỉ động tiên. Xem ct 192.

[←377]

Thiên-thai : tên núi ở phía bắc huyện Thiên-thai, tỉnh Chiết-giang. Tương truyền thời Hán có Lưu Thần, Nguyễn Triệu vào Thiên-thai hái thuốc rồi gặp tiên ở đây. Đây chỉ cánh tiên. Theo *U minh lục*, năm Vĩnh-bình thứ năm đời Hán, Lưu Thần và Nguyễn Triệu cùng vào núi Thiên-thai hái thuốc, gặp một con suối lớn, bên bờ suối có hai người con gái tư chất tươi đẹp (hai nàng tiên) lưu hai người lại trong nửa năm. Cả hai đều nhớ quê hương, từ biệt các tiên nữ ra về. Về đến nơi, anh em bà con đã phiêu lạc đi đâu cả, nhà cửa không còn, hỏi thì không một ai nhận ra họ, vì họ đã có cháu đến bảy đời.

Khảo dị : **Chia** mây trông tỏ lối vào Thiên-thai (Qvđ)

[←378]

Khảo đị : Càng nhìn mặt càng thêm tươi (KOM)

[←379]

Vạn phúc : lời chào hỏi chúc mừng nhau được nhiều phúc lành. Phụ nữ Trung-quốc thời xưa hay dùng lời chúc này.

Hàn huyên : lạnh ấm, chỉ lời chuyện trò qua lại khi chủ khách mới gặp nhau, vì khi gặp nhau thường mở đầu bằng câu chuyện lạnh ấm của thời tiết. Đây chỉ lời Kim Trọng trò chuyện với Kiều. Xem các câu 575, 1569, 1802.

[←380]

Thư hiên : hiên sách, chỉ buồng đọc sách. Cũng như nghĩa các chữ *thư song* (245), *thư phòng* (2849), *thư trai* (1992), *lầu thư* (1671), *luồng văn* (253), *viện sách* (362, 1648, 1937), *trường huỳnh* (434).

[←381]

Lời phong nguyệt : lời trăng gió, chuyện tình.

Nguyễn non sông : chỉ lời thề nguyễn gắn bó. Xem ct 603.

Khảo dị : Ngâm lời phong nguyệt nặng nguyễn non sông (Qvđ)

[←382]

Yên : tức là *yên thư* hay *án thư* là loại bàn cổ, chân cao, mặt hẹp và dài, dùng làm bàn để sách và bàn viết.

Bút giá : cái giá gác bút.

Thi đồng : cái ống đựng giấy hoa tiên viết thư hay làm thơ.

Khảo dị : Trên **án** bút giá **thư** đồng (Qvđ)

[←383]

Đạm thanh : màu xanh nhạt.

[←384]

Phong sương : gió sương. Giống tùng có đặc tính chịu được sương gió. Đây khen bức tranh tùng màu mờ nhạt như hòa với gió sương có vẻ rất tự nhiên như cảnh thật.

[←385]

Khảo đị : Mặn **mà** nét bút càng nhìn càng tươi (Qvđ)

[←386]

Phác họa : vẽ sơ qua, chấm phá chưa công nhiều.

[←387]

Phẩm đê : lời đề bình, lời đề vịnh bức tranh. Theo phép họa cổ của Trung-quốc, bức tranh nào cũng có lời thơ đề vịnh, bình tính cách của bức họa kèm theo, thì bức tranh mới gọi là hoàn hảo.

Thêm hoa : ý nói thêm tươi thêm đẹp. Xem ct 103.

[←388]

KOM chú : « Phong vũ thổi thi tứ », nghĩa là gió mưa thổi thúc tứ thơ. Bản BK cũng chú : « ...cái thi-tứ nhanh như gió mưa đun đẩy ».

Ý cả câu : Nói tứ thơ nhanh, lời thơ mạnh như « gió táp mưa sa », mà đề vào bức tranh tùng vốn có đặc tính chịu được gió sương thì thật là có ý vị. Xem ct 206.

[←389]

Nhả ngọc phun châu : nói tài thơ nhanh mà hay như nhả ra ngọc, phun ra châu. Xem các câu 198, 1316.

[←390]

Nàng Ban : nàng Ban Chiêu đời Đông Hán. Theo *Liệt nữ truyện*, Ban Chiêu con gái Ban Bưu, tự Huệ, còn có tên là Cơ, học rộng tài cao. Chồng là Tào Tháp Thúc chết sớm, bà một mực giữ tiết hạnh thờ chồng. Bà có soạn tập *Nữ giới bảy chương*. Anh là Ban Cố soạn bộ **Hán thư**, chưa xong thì mất. Bà vâng chiếu vua Hòa để soạn tiếp cho trọn bộ.

Ả Tạ : nàng Tạ Đạo Uẩn đời Tấn. Theo **Thông chí**, Tạ Đạo Uẩn là con gái quan An-tây tướng quân Tạ Dịch, người đất Dương-hạ đời Tấn. Nàng nổi tiếng thông minh, học rộng có tài biện luận, giỏi thơ văn. Chú là Tạ An thường lấy những câu hay, câu khó trong **Kinh Thi** ra hỏi, nàng đều trả lời rành rọt, chú phải chịu tài (**Tấn, Liệt nữ truyện**). Xem ct 15.

Khảo dị : Nàng Ban ả Tạ cũng đâu thể **vầy** (KOM, BK)

[←391]

Khảo đị : Kiếp tu xưa ví **chẳng** dày (Qvđ)

[←392]

Nhắc : cân nhắc, nhắc xem nặng nhẹ.

Giá : phẩm giá con người.

Ý cả câu : (Kiếp tu xưa ví chưa dày) thì làm gì có phúc sánh ngang với phẩm giá như Kiều.

Khảo dị : Phúc nào **đổi** được giá này cho ngang (Qvđ)

[←393]

Dung quang : phong thái đẹp tốt, dung mạo sáng sửa. Xem câu 3024.

[←394]

Ngọc bội : đồ đeo bằng ngọc. Cũng gọi là *bội ngọc*, chỉ hạng người quân tử, hạng người đã hiển đạt và có quan chức. Lời sớ sách **Lễ ký** : **Tự sĩ dĩ thương giai hữu ngọc bội** = các quan từ hàng sĩ trở lên đều có đồ đeo trang sức bằng ngọc. Cũng chữ sách **Lễ ký** : *Quân tử tại xa lắc văn loan hỏa chi thanh, hành tắc minh bội ngọc* = người quân tử khi đi xe thì nghe tiếng nhạc ngựa, khi đi bộ thì nghe tiếng kêu của đồ đeo trang sức bằng ngọc.

Kim môn, hay *Kim mã môn* : tên một cửa cung Vị-Ương đời Hán, bên cửa có tượng ngựa đồng nên đặt tên cửa là *Kim mã*. Hán Vũ đế bảo các quan học sĩ đợi chiếu ở cửa Kim mã, chuẩn bị để vua hỏi chính sự. Thơ Lý Bạch (Đường) : *Bất đãi Kim môn chiếu, không trì bảo kiếm du* = không đợi chiếu ở cửa Kim môn, xách suông bảo kiếm đi chơi. Đây nói *phường kim môn* tức là chỉ hạng có văn tài được nhà vua trọng dụng. Xem câu 2870.

Khảo dị : Chỗng sân ngọc bội **thời** phường kim môn (Qvđ, BK)

[←395]

Khuôn xanh : xem ct 343.

[←396]

Khảo dị : Cứ trong tường pháp lăm thầy chê bai (KOM)

[←397]

Khảo đị : Trông người lại ngắm **vào** ta (KOM)

[←398]

Một dày một mỏng : một bên mệnh hậu (dày) tức Kim Trọng, một bên mệnh bạc (mỏng) tức Thúy Kiều. Thúy Kiều khiêm tốn cho Kim Trọng là cao sang, mình hèn mọn.

[←399]

Giải cầu : tình cờ không hẹn mà gặp. Xem câu 159.

[←400]

Nhân định thắng thiên : ý nói lòng người đã quyết thì trời cũng phải thua.

[←401]

Giải kết : chỉ việc nhân duyên bị vỡ, không lấy được nhau. (*giải* : cởi ; *kết* : mối buộc). Xem ct 1341.

Ý cả hai câu 421-422 : Ví dù phải đến bước không lấy được nhau, thì cũng quyết liều thân mà tròn được lời vàng đá. Xem ct 352.

Khảo dị : Dù đâu giải kết đến điểu (Qvđ)

[←402]

Khảo đị : Thị đem vàng đá mà liều **cho** thân (KOM)

[←403]

Trung khúc : Khúc lòng, những nỗi tâm sự thầm kín.

[←404]

Chén xuân : chén rượu tỏ xuân tình, tức là tỏ tình yêu giữa đôi trai gái.

Tàng tang : ngà ngà say. Xem câu 3061.

[←405]

Đoài : tên một quẻ trong **Kinh Dịch**, chỉ phương tây : xóm đông, xóm doi. Cd : Làm trai cho đáng nên trai ; xuống đồng đồng tĩnh lên doi doi an.

Non doi : núi phía tây. Xem các câu 1370, 2617.

[←406]

Song sa : cửa sổ có che màn sa. **Sa** : thứ hàng tơ dệt thưa, mỏng.

Truyện Kiều còn có : *song* (173,239,1094), *thư song* (245), *song the* (2231), *song trăng* (2746), *song thu* (1073), *song thưa* (571).

[←407]

Hai thân, do chữ *song thân* : *thân phụ* là cha, và *thân mẫu* là mẹ.
Xem câu 3128. Truyện Kiều còn có : *song thân* (862,2433), *hai
đường* (372).

Tiệc hoa : chỉ bữa tiệc sang trọng. Xem ct 103.

[←408]

Khảo đị : Xăm xăm băng **néo** vườn khuya một mình (KOM)

Khảo đị : Xăm xăm **đè** lối vườn khuya một mình (Qvđ)

[←409]

Khảo đị : Nhặt thưa **hoa** giọi đầu cành (Qvđ)

Khảo đị : Nhặt thưa gương giọi **bóng** cành (K₁₇)

[←410]

Trường huỳnh : màn có ánh sáng đom đóm. Đây chỉ phòng sách Kim Trọng. Theo *Tấn thư*, Xa Dận người đất Nam-bình đời Tấn, tự Vũ-tử, thuở nhỏ rất chăm học, đêm ngày không biết mệt mỏi. Nhà nghèo, thường không có dầu thắp, mùa hè phải bắt đom đóm cho vào một cái túi để lấy ánh sáng đọc sách. Về sau ông trở thành người có danh vọng lớn. Ngoài *trường huỳnh* ra, truyện *Kiểu* còn có : *trường hoa* (171), *trường loan* (223), *trường đào* (1227, 1468), *trường tô* (1281), *trường hồng* (1310), *trường mai* (2284), *trường hùm* (2315). Rút từ điển Xa Dận, văn nôm còn có : *huỳnh song* (HT), *lửa huỳnh* (Thơ Cao Bá Quát), *nhặt huỳnh* (TTKV), *song huỳnh* (HT), *tụ huỳnh* (Thơ Nguyễn Công Trứ)...

Khảo dị : Ngọn đèn trông lọt trường **bình** hắt hiu (KOM)

Khảo dị : Ngọn đèn trông **suốt** trường huỳnh hắt hiu (Qvđ)

[←411]

Khảo đị : Sinh **còn** tựa án thiу thiу (KOM)

[←412]

Tiếng sen : tiếng bước chân đi của người đẹp. Xem ct 190.

Giắc hè, do chữ *Hòe-an mông* : giắc mộng ở nước Hòe-an. Đây chỉ giắc ngủ. Theo Dị văn lục, mé nam nhà Thuần Vu Phản (Đường), có cây hè to (một giống cây lớn, hoa vàng, quả dài mà dẹt hạt dùng làm thuốc). Họ Thuần thường ngồi uống rượu dưới gốc cây hè đó. Có một lần uống say, Thuần Vu Phản về nhà nghỉ, nằm mộng thấy hai sứ giả mặc áo tía đến quỳ lạy nói : » Hòe-an quốc vương sai tiểu thần sống chết cõi mời ngài lên xe đi đến nước Hòe-an. » Thì rỗi ba người lên xe, nhầm phía cây hè mà ruồi đến. Đến nơi, vào một cửa thành lớn màu đỏ, trên có chữ vàng đẽ *Đại Hòe-an quốc*. Vua gả công chúa cho Vu Phản, và bảo rằng : « Quận Nam-kha nước Hòe-an của ta, chính sự chưa được tốt, trẫm muốn nhờ tài của khanh ra lo việc chính sự ở đây ». Rồi phong cho Vu Phản làm thái thú quận Nam-kha. Bấy giờ, họ Vu thật cực kỳ giàu sang vinh hiển. Khi tỉnh dậy, tìm đến gốc cây hè, Vu Phản chỉ thấy có một hang tổ kiến đắp đất, trong hang có nhiều hang nhỏ, hang nào cũng đầy kiến ; có một con to hơn cả, đầu đỏ, cánh trắng. Vu Phản mới ngãm ra, đó là nước Hòe-an và vua của nước ấy. Còn trên một cái hang ở tận trong cùng, về phía nam cây hè, có một cành lá rướm rà uyển chuyển, mới biết đó là quận Nam-kha (Nam-kha : cành cây mé nam), Do đó, dùng *giắc hè*, *giắc Nam-kha* để nói công danh, phú quý là hư ảo, đời người ngắn ngủi như một giắc mộng. Ngoài *giắc hè*, truyện Kiều còn có : *giắc mộng* (440), *giắc xuân* (713), *giắc nồng* (759,1714), *giắc tiên* (989), *giắc mê* (1002), *giắc hương quan* (1266), *giắc chiêm bao* (1646), *giắc vàng* (2710), *giắc mai* (2727).

Rút từ điển này, văn nôm còn có : *giắc Hòe-an* (HĐQÂ), *giắc Nam-kha* (CO), *Hòe quốc* (TTKV), *ỷ hè một giắc* (QÂTK), *kiến cành hè* (QÂTT), *kiến đầu cành* (HĐQÂ), *nước kiến* (QÂTT)...

[←413]

Câu này dịch thoát câu : *Nguyệt di hoa ảnh ngọc nhân lai* = ánh trăng đưa cái bóng hoa như thể có người ngọc đi tới. Tả lúc đêm vắng Kim Trọng còn đương « dở chiểu như tinh, dở chiểu như mê » mà Thúy Kiều đến gần.

[←414]

Đỉnh Giáp non Thần : đỉnh núi Vu-giáp có thần nữ ở. Xưa vua nước Sở đến chơi đền Cao-đường, mộng thấy người đàn bà đẹp, tự xưng là thần nữ núi Vu-giáp, xin đến hầu chăn gối. Đây mượn điển này để nói cuộc hội ngộ thần tiên Kim Trọng – Thúy Kiều. Xem ct 513.

Khảo dị : Bâng khuâng đỉnh **núi** non Thần (Qvđ)

[←415]

Khảo đị : Vì hoa **cho** phải **dò** đường tìm hoa (Qvđ)

[←416]

Đài sen : cái đế cắm nến hình hoa sen.

Song đào, đây có thể là nói cái lư đốt trầm, đốt hương hình quả đào (đào lô, đào đỉnh) để ở cửa sổ. Xem câu 1637.

[←417]

Tiên **thề** : giấy hoa tiên chép lời thề.

Tiên : giấy để viết thư hoặc để đề vịnh. Xem các câu 1081, 1087, 1183, 1454, 262, 735, 776.

[←418]

Khảo đị : Tóc mây một **cuộn** dao vàng **một** đôi (Qvđ)

[←419]

Định ninh : dặn đi dặn lại, nói đi nói lại cẩn kẽ chắc chắn. Xem các câu 537, 2789, 2825.

Khảo dị : Đinh-ninh hai **miệng** một lời song-song (BK)

[←420]

Chữ đồng, tức là chữ *đồng tâm* : cùng chung một lòng một dạ.
Xem các ct 1341, 1954.

[←421]

Chén hà : chén ngọc màu đẹp như ráng trời chiếu.

Hà : cái ráng, tức là hơi mây có ánh mặt trời chiếu vào thành sắc đỏ. Đây chỉ là nói cái chén, thêm chữ **hà** cho đẹp lời văn.

Quỳnh tương : nước ngọc, ví thứ rượu quý.

[←422]

Ý cǎ câu : Mùi thơm ở cái dải lụa bay lộn lên, bóng hai người soi lồng vào các bức gương ở bình phong.

Khảo dị : Dải **the** hương lộn bình gương bóng lồng (Qvđ)

[←423]

Khảo dị : Bấy lâu nay một **tấm** lòng **đã** cam (Qvđ)

[←424]

Chày sương : chày giã thuốc huyền sương, tức thuốc tiên. Đây chỉ đồ sinh lễ.

Cầu Lam : tức Lam-kiều. Xem ct 266 và câu 2058.

Ý cả câu : Chưa mang đồ sinh lễ đến để lo việc cưới xin.

[←425]

Lần khân : cợt nhả thân mật quá, hóa nhờn.

Sàm sỡ : thô bỉ, suồng sã.

[←426]

Hồng diệp : xem ct 268.

Xích thằng : nghĩa như chữ *chỉ hồng*. Xem ct 333.

[←427]

Tương tri : biết bụng dạ của nhau. Xem các câu 1329, 2219, 3184.

[←428]

Nguyệt hoa : trăng và hoa, chỉ chuyện trai gái quan hệ bất chính với nhau. Xem các câu 808, 1285, 1214, 3025.

Khảo dị : **Xin** điều nguyệt nọ hoa kia (KOM)

[←429]

Cầm đài : cái đài ngồi gảy đàn, chỗ ngồi gảy đàn. Cũng như gọi nơi thời Phật là *Phật đài* (câu 1639, 3031), nơi ngồi trang điểm của phụ nữ là *kinh đài* (= đài gương, câu 330), hay *trang đài* (= đài trang, câu 536). Ở Trung-quốc những người giỏi đàn có tiếng thường có *cầm đài* riêng của họ. Như Mật Tử Tiện có cầm đài ở huyện Đan (Sơn-đông), Bá Nha có cầm đài ở huyện Lỗ-sơn (Hà-nam), huyện Hàng (Chiết-giang), huyện Hán-dương (Hồ-bắc). Tư-mã Tương-như có cầm đài ở Ích-châu, Thành-đô (Tứ-xuyên). *Cầm đài* là tên đặt để kỷ niệm nơi mà tương truyền cho là chỗ ngồi đánh đàn của họ. Nổi tiếng *cầm đài*, ý nói nổi tiếng đàn hay, cũng như nói *nổi tiếng chốn văn đàn, thi đàn v.v...* Xem *cầm đường* (2875).

[←430]

Nước non : theo *Lã thi Xuân Thu*, Bá Nha thời Xuân Thu, là người giỏi đàn gắp và chơi thân với Chung Tử Kỳ là người sành nghe đàn. Một hôm Bá Nha đánh đàn, Chung Tử Kỳ ngồi nghe. Khi Bá Nha nghĩ đến chốn non cao (cao sơn), Chung Tử Kỳ bảo : *Thiện tai hồ cổ cầm, guy guy hồ nhược Thái-sơn* = đánh đàn giỏi làm sao ! vì voi cao thay như núi Thái. Một lát Bá Nha nghĩ đến chỗ nước chảy. Chung Tử Kỳ lại nói : Thiện tai hồ cổ cầm, đãng đãng hồ nhược lưu thủy = đánh đàn sành biết mấy ! mênh mông thay như nước chảy ! Đến khi Chung Tử Kỳ chết, Bá Nha đập đàn không gảy nữa, vì cho đời không còn ai hiểu tiếng đàn của mình. Rút từ điển này, mà có chữ *tri âm* để nói người tri kỷ (386, 1248). Chữ *nước non* đây là bởi chữ *cao sơn lưu thủy* : chỉ tiếng đàn hay của người tri kỷ, tiếng đàn có bạn tri âm thường thức. Xem nghĩa ở các câu 676, 732, 396, 916, 1330, 1632, 1974, 157, 703, 919, 1055, 1142, 1255, 1505, 1602.

Rút từ điển này, văn nôm còn có : *Bá Nha gắp Tử Kỳ* (Tr Th), *lưu thủy cao sơn* (LNT), *non cao nước chảy* (HĐQÂ)...

[←431]

Tiện kỹ : tài năng hèn mọn, nghệ thuật đánh đòn kém. Đây là lời nói khiêm.

[←432]

Cầm trăng, do chữ *nguyệt cầm* : cái đàn nguyệt. Truyện *Kiểu* còn có *cầm nguyệt* (640).

[←433]

Tay nâng ngang mày : đưa vật gì cho ai, mà tay nâng vật đó lên ngang mày là tỏ ý kính trọng.

[←434]

Trong truyện *Kiều*, đây là lần đầu tiên *Kiều* đánh đàn (cho Kim Trọng nghe). Lần thứ hai Thúy Kiều đánh đàn cho Thúc Sinh và Hoạn Thư (1852), lần thứ ba Kiều đánh đàn cho Hồ Tôn Hiến (2570), lần thứ tư Kiều đánh đàn cho Kim Trọng nghe trong đêm đoàn viên (3204). Ngoài ra còn bốn lần khác, Nguyễn Du chỉ nói qua : Kiều đánh đàn cho họ Mã (640), Kiều đánh đàn sau khi chịu tiếp khách (1246), Kiều đánh đàn cho Thúc Sinh (1298), Kiều đánh đàn cho Hoạn Thư (1779). Trong cả tám lần kể trên, Kiều đánh đàn, không một lần nào tự nguyện, và Kiều không bao giờ đánh đàn cho Từ Hải nghe cả.

Khảo dị : Nàng rắng : Nghẽ mọn riêng **tây** (KOM, Qvđ)

[←435]

Khảo dị : Làm chi cho **nặng** lòng này lắm thân (KOM, Qvđ)

[←436]

Dây vũ : dây đàn to. **Dây văn** : dây đàn nhỏ.

Khảo dị : **Lựa** dồn dây vũ dây văn (KOM)

[←437]

Hai câu 473-474 tả tiếng đàm mạnh mẽ, hùng tráng, nghe tiếng đàm mà như nghe tiếng binh khí, tiếng gươm giáo va chạm sát phạt nhau ngoài trận mạc. Theo *Sử ký*, cuối đời Tần, Lưu Bang và Hạng Vũ cùng khởi binh đánh Tần. Sau khi diệt được Tần, Hạng Vũ tự xưng là Tây Sở bá vương làm chủ việc chia thiên hạ, còn Lưu Bang làm Hán vương. Từ đó, Hán Sở tranh nhau thiên hạ, hai bên đánh nhau những trận nẩy lửa. Rút cục Sở Bá vương bị vây hãm trong thành Cai-hạ, sau phá vòng vây chạy đến sông Ô-giang tự đâm cổ chết. Hán vương được thiên hạ, dựng nghiệp nhà Hán, xưng đế tức Hán Cao tổ.

Tiếng sắt tiếng vàng : nói tiếng binh khí bằng kim loại chém đẽo va chạm nhau.

[←438]

Tư-mã Phượng cầu : khúc đàn *Phượng cầu hoàng* của Tư-mã Tương-như đời Hán. Theo *Sử-ký*, Tư-mã Tương-như khi ở chơi đắt Lâm-cùng, một hôm đến nhà Trác vương tôn dự tiệc. Họ Trác có con gái là Văn Quân trẻ đẹp, thạo âm luật, mới góa chồng, vốn đã biết tiếng Tương-như nên đứng sau cửa nhìn trộm chàng. Giữa tiệc, khách yêu cầu Tương-như đạo một khúc đàn. Tương-như liền soạn hai khúc, rồi mượn cây ỷ cầm để đạo cốt tỏ tình với Văn Quân. Văn Quân cầm tiếng đàn mà bỏ nhà trốn theo Tương-như. Khúc *Phượng cầu hoàng* (chim phượng cầu chim hoàng) như sau : *Phượng hẽ, phượng hẽ quy cổ hương, du ngao tứ hải cầu kỳ hoàng, hữu nhất diễm nữ tại thử đường, thất nhĩ nhân hà độc ngã trường, hà do giao tiếp vi uyên ương* = chim phượng, chim phượng về làng cũ đi thôi, đi ngao du bốn bể tìm chim hoàng ; có một người con gái đẹp ở ngay tại nhà này, phòng gần nhưng người xa làm khô héo cả ruột gan ta, làm sao mà gặp gỡ nhau hẹn làm đôi chim uyên ương.

Rút từ điển này, văn nôm còn có : *cầu hoàng* (QÂTK), *cung hoàng* (LNT), *hoàng khúc*, *khúc hoàng* (Lê Quý Đôn – *Mẹ ơi con muốn lấy chồng*), *phím hoàng* (MĐMK). Xem câu 1232.

[←439]

Kê Khang – Khúc Quǎng lǎng : Theo *Thông chí*, Kê Khang người đất Trất nước Ngụy đời Tam quốc, tự Thúc-dạ, dung mạo khôi ngô, hiểu biết rộng, thích đạo Lão Trang, giỏi đàn, rành họa, là một trong đám *Trúc-lâm thất hiền* (bảy người hiền ở Lạc-tây, trợ ở Hoa-dương đình, đêm ngồi gảy đàn, chợt có người khách đến tự nói mình là người thời cổ, rồi cùng Khang bàn luận âm luật, nghĩa lý rành rọt, thấu đáo lắm. Nhân đó, ông khách lấy đàn gảy mà soạn nên khúc *Quảng lǎng tán*, lời điệu cực hay, rồi trao cho Khang và dặn không được truyền lại cho người khác. Về sau Kê Khang bị Tư-mã Chiêu sát hại. Khúc *Quảng lǎng* thế là bị thất truyền.

[←440]

Lưu thủy, hành vân : nước chảy, mây trôi là nói tính cách thanh thoát, tự nhiên của khúc đàn. Theo *Tống sử*, Tô Thức thường tự nói mình làm văn như mây trôi nước chảy (hành vân lưu thủy), mới đầu thường không định trước được, nhưng khi đã hạ bút thì câu văn ra đúng chỗ phải ra, dừng đúng chỗ phải dừng.

Khảo dị : Một răng **Hoa nhạc** một răng **Quy vân** (KOM)

Khảo dị : Một răng **Lưu-thủy**, hai răng **Hành-vân** (BK)

[←441]

Quá quan : qua cửa ải.

Chiêu Quân : tên tự của Vương Tường, cung nữ thời Hán Nguyên đế. Theo *Hán-thư*, Chiêu Quân, con gái nhà lương thiện ở đất Tỷ-quy thuộc Nam-quận, có nhan sắc tuyệt vời, bị tuyển vào làm cung nữ thời Hán Nguyên đế. Bấy giờ cung nữ có nhiều, Nguyên đế phải sai Mao Diên Thọ vẽ hình từng người, rồi theo đó mà vời người nào ưng ý. Các cung nữ khác đã đút lót cho thợ vẽ để được tô điểm thêm. Riêng Chiêu Quân không chịu làm việc đó, nên vua không biết đến. Năm Cảnh-ninh thứ nhất, Thiền-vu (vua Hung-nô) vào triều, đem theo hậu lễ, tạ vua Hán xin được làm tôi và để tỏ tình thâm, Thiền-vu xin vua Hán cho người đẹp để lập làm hoàng hậu. Nguyên đế băng lòng, theo tranh chọn Vương Chiêu Quân tiến Thiền-vu. Khi bái biệt, Nguyên đế mới nhận ra Chiêu Quân đầy đặn, xinh đẹp rực rỡ, mới có ý tiếc muối lưu Chiêu Quân lại. Nhưng việc đã rồi, nàng vẫn bị cống sang Hung-nô. Khi qua cửa ải (quá quan), Chiêu Quân có gảy khúc đàn tỳ bà tỏ lòng nhớ nước, nhớ nhà vô hạn.

Truyện Vương Chiêu Quân đã gây cảm hứng sáng tác cho nhiều đề tài trong văn nôm, riêng HĐQÂ đã có ba mươi sáu bài vịnh Chiêu Quân cống Hồ.

[←442]

Khảo đị : Đục như **nước** suối mới sa nửa vời (KOM, BK)

[←443]

Khảo dị : Tiếng mau **dập dập** như trời đổ mưa (KOM)

Khảo dị : Tiếng mau **dầm dập** như trời đổ mưa (Qvđ)

[←444]

Chín khúc : chín khúc ruột. **Vò chín khúc** : ruột rỗi đau như vò.

Xem ct 570. Cd : Mỗi tơ chín khúc ruột tằm, khi tháng tháng đợi mà năm năm chờ.

[←445]

Tiêu tao : buồn bã.

Khảo dị : Lựa chi những bậc **thanh** tao (Qvđ)

Khảo dị : **Số** chi những bậc tiêu-tao (BK)

[←446]

Dột : ủ dột, buồn bã, rầu rĩ. Xem các câu 103, 1323.

Nao nao : xốn xang, bối rối trong lòng. Xem câu 55.

Khảo dị : **Thật lòng** mình cũng **lao đao** lòng người (Qvđ)

[←447]

Lời vàng : lời khuyên quý hóa.

[←448]

Hoa hương : hương tình. *Hoa* đây là *hoa tình* : chuyện trai gái yêu đương cợt nhả với nhau.

Thức hồng : vẻ đẹp hổng ửng (vì hương tình).

Khảo dị : Ngọn lan càng tỏa thức hồng (KOM)

[←449]

Lả lơi : đùa, cợt nhả không đứng đắn trong quan hệ trai gái. Xem câu 1229.

[←450]

Dẽ : hãy h胡m, h胡khoan, đe` ra một bên đă. Xem câu 606.

Khảo dí : **Đe`** cho thua hết một lời đă nao (KOM)

[←451]

Yêu đào : đào non, chỉ người con gái trẻ đẹp đến tuổi lấy chồng.

Kinh Thi : *Đào chi yêu yêu, kỳ diệp trăn trăn, chi tử vu quy, nghi kỳ gia nhân* = cây đào mơn mởn xanh non, lá nó rậm rạp ; cô con gái kia về nhà chồng hòa thuận với tất cả mọi người trong gia đình.
Truyện Kiều còn có : *thơ đào* (877, 897), *đào non* (1010, 3076), *đào tơ* (3137).

[←452]

Vườn hồng : ví vườn nhà người đẹp (hồng nhan, má hồng).

Chim xanh : ví chàng trai trẻ (xanh = thanh xuân). Xem câu 268.

Cd : Gặp đây mận mới hỏi đào, vườn hồng đã có ai vào hay chưa.

Mận hỏi thì đào xin thưa, vườn hồng có lối nhưng chưa ai vào.

[←453]

Bố kinh, do chữ **bố quần kinh thoa** : quần vải thoa gai, là những thứ phụ nữ nghèo thời xưa hay dùng. Theo **Hậu Hán thư**, Lương Hồng người đất Bình-lăng đời Đông Hán, tự Bá-loan, nhà nghèo, học rộng, có khí tiết. Nhiều người có danh vọng trong vùng trọng đức của Hồng muốn gả con gái cho, nhưng Hồng đều một mực xin từ chối. Cùng huyện có người con gái họ Mạnh, vóc người béo mập, đã xấu lại đen, sức có thể nhắc nổi cối đá, áo vải dày gai, năm ba mươi tuổi mà vẫn chưa chịu lấy chồng. Bố mẹ hỏi duyên do, nàng thưa còn đợi được người hiền như Hồng mới lấy. Hồng nghe biết chuyện, liền đưa lễ xin hỏi làm vợ. Về nhà chồng, nàng bỏ quần vải thoa gai mà trang sức bằng những thứ khác. Đã bảy ngày, Hồng không nói nửa lời với vợ. Nàng biết ý mới đến trước mặt chồng xin nhận lỗi. Hồng nói : « Ta mong được người giàn dị quần thâm áo vải (quần vải thoa gai) ; như nàng nay lụa là đẹp đẽ, phấn son thơm nước, đâu có phải người vợ theo ý nguyện của ta ». Nàng đáp : « Thiếp làm thế chỉ cốt để dò xem chí của chàng đó thôi ». Từ đó, nàng lại quần vải thoa gai (dày gai áo vải) làm lụng như trước. Hồng mừng lắm, nói : « Thế mới thực là vợ của Lương Hồng này ». Rồi đặt tên cho vợ là Mạnh Quang tự Đức-diệu. Nàng làm nghề giã gạo thuê, về nhà lo việc cơm nước, mỗi lần đưa thức ăn cho chồng, nàng nâng bát lên ngang mày, không dám nhìn thẳng vào mặt chồng. Trong tiếng Hán có : *kinh nhân*, *kinh phụ*, *kinh thê*, *kinh thất*... là những tiếng chồng gọi vợ. Chữ *bố kinh* đây là chỉ hạng người vợ hiền.

Rút từ điển này, văn nôm còn có : *án họ Mạnh* (Nam hải tể văn), *án nâng ngang mày* (QÂTK), *cử án ngang mày* (TS), *kinh bố* (QÂTK). Xem câu 3104.

[←454]

Tòng phu : theo chồng – một trong ba điều phải theo của lễ giáo đạo Nho. *Nghi lễ* : Phụ nhân hữu tam tòng chi nghĩa, vô chuyên dụng chi đạo, cố vị giá tòng phu, ký giá tòng phu, phu tử tòng tử = người đàn bà có cái nghĩa phải theo ba điều mà không có cái lẽ (đạo) làm theo ý mình, cho nên khi chưa lấy chồng thì *theo cha*, khi đã lấy chồng thì *theo chồng*, và khi chồng chết thì *theo con*. Đây, nói *đạo tòng phu* tức là nói đạo làm vợ. Xem các câu 1477, 2119, 2217, 2329.

[←455]

Trên Bộc trong dâu, do chữ *tang gian Bộc thương* (trong ruộng dâu trên bãi sông Bộc) : chỉ thói tà dâm của trai gái. *Lễ ký* : *Tang gian Bộc thương chi âm, vong quốc chi âm giã* = trong ruộng dâu, trên bãi sông Bộc là tiếng nhạc mất nước. Lời chú họ Trịnh nói : « Trên bờ sông Bộc có bãi trồng dâu, tiếng nhạc mất nước từ nước sông chỗ đó mà chảy ra. Xưa kia vua Trụ nhà Ân sai Sư Diên soạn nhạc, thế rồi Sư Diên bị chết đuối ở sông Bộc. Về sau Sư Quyên đi qua sông, ban đêm nghe tiếng nhạc mà ghi lại. » *Hán thư* cũng chép : « Đất nước Vệ có bãi dâu trên sông Bộc, trai gái tụ tập đàn hát gợi chuyện dâm ô ».

[←456]

Khảo đị : Nhữnց con người ấy ai cầu làm chi (KOM)

[←457]

Ăn xổi ở thì : ăn ở tạm bợ, không tính đến chuyện lâu dài. *Ăn xổi* là ăn những thức ăn chỉ ướp muối qua ; *ở thì* là ở thì ở giờ, có tính chất tạm bợ.

[←458]

Tiết trãm năm : nói cái trinh tiết một đời người.

[←459]

Thôi Trương : Theo *Hội châm ký*, vào năm Trinh-nghuyên nhà Đường, có Trương sinh người tuấn tú, hòa nhã đến chơi chùa Phổ-cứu, gặp lúc Thôi phu nhân và con gái là Thôi Oanh Oanh cùng đi đến xin trợ ít ngày để đi Trường-an. Thôi Oanh Oanh và Trương sinh đôi trai tài gái sắc đã gặp nhau và đã đi lại ân ái với nhau ở mái tây chùa Phổ-cứu là chỗ phòng ngủ của Trương sinh. Sắp đến ngày thi, Trương sinh phải đi Trường-an dự thi. Oanh Oanh không nói nửa lời nhưng vẻ buồn hiện trên nét mặt, bèn gảy một khúc đàn gọi là để tiễn Trương sinh. Hai người đều cảm mà khóc. Sáng hôm sau, Trương sinh đi Trường-an, rồi ở lại kinh và quyết tuyệt tình với Thôi Oanh Oanh, lấy cớ là tài đức mình kém, trong khi Oanh Oanh vẫn nhớ mong chàng, ý tình rất thắm thiết.

[←460]

Mây mưa, do chữ *vân vũ* : chỉ việc trai gái gặp gỡ vui chơi ân ái với nhau. Theo lời tự bài phú Cao-đường của Tống Ngọc (Chiến quốc – Sở), thuật việc vua nước Sở chơi đèn Cao-đường mộng thấy thần nữ dâng chǎn gối như sau : « Sở Tương Vương cùng Tống Ngọc đến chơi chǎm Vân-mộng, nhìn đèn Cao-đường, trên có khí mây. Vua hỏi Tống Ngọc : đó là khí gì vậy ? Ngọc đáp : Đó gọi là mây sớm (triêu vân). Vua hỏi lại : Sao gọi là mây sớm ? Ngọc đáp : Xưa kia tiên vương đến chơi đèn Cao-đường, một hôm giữa lúc ban ngày nhân vì mệt mỏi mà ngủ thiếp đi, rồi mộng thấy một người đàn bà đến nói rằng : « Thiếp là thần nữ núi Vi-sơn, làm khách đèn Cao-đường, nghe nhà vua ngự chơi đây, xin nguyện đến hầu dâng chǎn gối ». Nhà vua nhân thế mà đem lòng yêu. Khi từ biệt, người con gái nói rằng : « Thiếp ở tại mé nam núi Vu-sơn, nơi hiểm trở ấy, sớm làm mây, chiều làm mưa, sớm sớm chiều chiều ở dưới chân núi Dương-dài ». Sở Tương Vương nói : Mây sớm khi bắt đầu hiện ra, hình trạng như thế nào ? Ngọc đáp : Khi bắt đầu hiện ra sum suê, tốt đẹp như hình cây tùng đứng thẳng ; khi di chuyển, rạng rỡ như hình mỹ nữ. Vua nói : Như nay có đến chơi được không ? Ngọc đáp : Được. Vua nói : Không biết nó ra làm sao ? Ngọc đáp : Quý báu, quái lạ, kỳ vĩ không thể nói hết được. Vua nói : Nhà ngươi thử vì quả nhân mà làm một bài phú nói rõ việc đó ».

Truyện Kiều còn có : *đỉnh giáp non Thần* (439), *mưa mây* (1008), Chú ý : *mây mưa* trong câu 1727 thì nghĩa lại khác hẳn.

Rút từ điển này, văn nôm còn có : *Cao-đường* (T.Th), *chúa Sở giắc tiên* (HT), *Dương-dài* (HT, PT), *đỉnh Giáp, giắc Cao-đường* (LNT), *giắc mây mưa* (T.Th), *mộ vũ triêu vân* (TNNL), *mưa mây* (HT), *mưa Sở, non Vu* (HT, T.Th), *Thần nữ* (HĐQÂ), *Thiên nữ, Triêu Vân* (SKTT), *Vu-giáp* (MĐMK), *Vu-phong* (SKTT), *Vu-sơn* (HĐQÂ), *giắc đài Dương* (BCKN).

Đá vàng : lời hẹn ước trọn đời gắn bó với nhau. Xem ct 352.

[←461]

Chán chường : không thèm nữa, không thiết nữa vì đã ngấy. Đây nói Thôi Trương vừa gặp nhau mà Thôi đã chiều Trương, tự do ân ái với Trương nên sau Trương chán chường bỏ Thôi không thèm đến nữa. Xem câu 1238.

Yến anh : đây chỉ tình yêu đương giữa trai gái. Xem ct 45.

Khảo dị : Quá chiều **trước** đã chán chường yến anh (KOM)

[←462]

Chắp cánh liền cành : nói việc tính chuyện vợ chồng thương yêu gắn bó, mãi mãi có nhau. Bài *Trường hận ca* của Bạch Cư Dị (Đường) có đoạn nói việc Đường Huyền tông cùng Dương Quý phi thề thốt với nhau : *Thất nguyệt thất nhật Trường-sinh điện, dạ bán vô nhân tư ngữ thì* : *tại thiên nguyện tác tị dục điểu, tại địa nguyên vi liên lý chi* = ngày 7 tháng 7 ở điện Trường-sinh, lúc nửa đêm không có ai nghe lọt lời nói riêng của chúng ta : trên trời nguyện làm chim liền cánh, dưới đất nguyện làm cây liền cành. CPN : Tranh tị dục nhởn nhơ chim nọ, đồ liên chi lần lửa hoa kia.

Để chỉ tình nghĩa vợ chồng gắn bó mãi mãi, văn nôm còn thường dùng các chữ : *cây liền cành* (HCK), *cây Hàn Băng* (QÂTK), *liên lý cành* (TS) là do điển chép ở *Sưu thần ký* : Hàn Băng người đời Chiến quốc, làm quan đại phu nước Tống. Vợ là Hà thị, sắc đẹp hơn người, bị tên hôn quân Tống Khang vương cướp làm vợ. Hà thị bí mật để lại cho Hàn Băng một bức thư có mấy chữ : *Kỳ vũ dâm dâm, hà đại thủy thâm, nhật xuất đương tâm*. Khang vương bắt được, đọc không hiểu mới đem hỏi Tô Hạ. Hạ nói : « *Kỳ vũ dâm dâm* là nói lòng buồn rầu thương nhớ. *Hà đại thủy thâm* là nói không đi lại với nhau được. *Nhật xuất đương tâm* là nói chí liều chết ». Khang vương cầm tù Hàn Băng. Hàn Băng tự sát. Hà thị biết chuyện bèn ngầm bận áo đẹp nhưng chất lụa đã gãm mủn, rồi cùng hắn lên đài cao chơi. Hà thị bất thình lình lao mình xuống tự tử, hắn hoảng hốt nắm áo nàng kéo lại, nhưng tà áo rách. Hà thị rơi chết ở dưới chân đài, có để thư lại ở dài áo xin cùng được chôn chung với Hàn Băng. Tên hôn quân căm giận sai chôn Hà thị ở chỗ khác đối diện mộ Hàn Băng. Qua một đêm, bỗng nhiên mộ nào cũng có cây tử mọc lên, rễ liền nhau ở dưới, ngọn cành liền nhau ở trên, thường có đôi chim uyên ương đến đậu, tiếng hót rất thảm thiết. QÂTK : Họa may gặp kiếp sau này, vậy thì xin hóa làm cây Hàn Băng.

[←463]

Khảo đị : Mà lòng rě rúng đã **trình** một bên (KOM, Qvđ)

[←464]

Mái tây : đây là chỉ *tây sương* tức mái tây chùa Phổ-cứu nơi Thôi Trương gắp gỡ nhau. Xem ct 512.

Hương nguyên : nén hương thề nguyên. Xem ct 382.

[←465]

Bẽ bàng : vì không được như ý mà tự cảm thấy cô đơn thẹn thùng. Xem câu 1037.

Khảo dị : Xui duyên đầm thăm ra duyên bẽ bàng (KOM)

[←466]

Gieo thoi, do chữ *đầu thoa* : ném con thoi, chỉ việc người con gái biết giữ mình để bảo toàn tiết hạnh. Theo *Tấn thư*, Tạ Côn đời Tấn, hàng xóm có người con gái họ Cao, nhan sắc xinh đẹp, Côn thường hay trêu cô ta. Có lần cô lấy con thoi ném làm Côn gãy mất hai răng. Thơ Tô Thức (Tống) : *Đầu thoa mỗi khốn đong lân nữ* : cứ khổ vì người con gái hàng xóm gieo thoi.

Giữ giàng : giữ gìn, phòng bị cẩn thận. Xem các câu 1482, 2304, 2505.

[←467]

Khảo dị : Còn thân **còn một** đèn bồi có khi (KOM, BK)

[←468]

Bóng tàu : bóng mái nhà. **Tàu** là thanh gỗ dài đặt dọc cuối mái để đỡ lấy mái nhà.

Vẻ ngân : vẻ sáng như bạc, đây nói ánh trăng. Xem câu 2062.

Khảo dị : Bóng tàu vừa lạt vẻ **sân** (Qvđ)

[←469]

Khảo dì : Tin đâu đã **gõ** cửa ngăn gọi vào (KOM)

Khảo dì : Tin đâu đã **đến** cửa ngăn gọi vào (Qvđ)

[←470]

Khảo đị : Nàng thì vội trở buồng **đào** (Qvđ)

[←471]

Sân đào : sân có trồng đào, cũng có thể hiểu như thế. Nhưng đây là chỉ nói cái sân, chữ *đào* là thêm cho đẹp lời văn, cũng như *sân hoa* (1408, 1895), *sân mai* (1822)...

Khảo dị : Sinh thì dạo **bước** sân đào **vội** ra (Qvđ)

Khảo dị : Sinh thì dạo gót sân đào **vội** ra (BK)

[←472]

Cửa sài, do chữ *sài môn* : đóng chặt cửa. Đây nói cửa sài là cửa đóng chặt. *Hậu Hán thư* : *U thị sài môn tuyệt tân khách* = thế là đóng chặt cửa tuyệt không tiếp khách. Lời tập giải của Vương Tiên Khiêm dẫn lời chú của họ Hồ trong sách *Thông giám* nói : « **Sài** tức là đóng chặt cửa... » và dẫn lời của Huệ Đỗng nói : « **Sài môn** là nói đóng chặt cửa không tiếp tân khách nữa ». Xem thí dụ 2, tr 126.

Then hoa : chỉ cái then cửa. Chữ *hoa* đặt thêm cho đẹp lời. Xem ct103.

Khảo dị : Cửa **ngoài** vừa ngỏ then hoa (KOM)

[←473]

Gia đồng : em nhỏ giúp việc trong các nhà quýền quý thời trước, cũng như gọi « đứa ở », « thằng nhỏ ».

[←474]

Thúc phụ : chú ruột.

Từ đường : từ bỏ chỗ nhà ở, nghĩa là chết.

Khảo dị : Bản KOM đã theo bản *Kinh* chép bốn câu 531-534 thành sáu câu :

Mở xem thủ bút nghiêm đường,

Nhắn rằng : « Thúc phụ xa đường mệnh chung.

« Hãy còn kỷ tang Liêu-đông,

« Cố hương khơi diễn nghìn trùng sơn khê.

« Rày đưa linh thần về quê,

« Thế nào con cũng phải về hộ tang » (K₂₃)

[←475]

Lữ thǎn : chết mà chưa chôn, còn quàn quan tài ở chỗ đất khách.

Tha hương : đất khách quê người. Xem câu 2245.

Đề huề : đây có nghĩa là đưa về.

533. **Liêu-dương** : tên một huyện thuộc tỉnh Liêu-ninh Trung-quốc ngày nay (trước gọi là Phụng-thiên). Chú ruột Kim Trọng mất ở đó. Xem các câu 2742, 703.

Sơn khê : núi khe, cũng như nói *sơn xuyên*.

[←476]

Xuân đường : cha. *Trang tử* : *Thượng cổ hữu đại xuân giả, dĩ bát thiên tuế vi xuân bát thiên tế vi thu* = đời thượng cổ có giống cây đại xuân, lẩy tám nghìn năm làm một mùa xuân, tám nghìn năm làm một mùa thu. Người sau nhân đó gọi cha là *xuân đường* (nhà xuân) với ý mong cha được tuổi thọ. Xem các câu 1292, 1388, 1497.

Hộ tang : trong coi việc ma chay, tống táng. Xem câu 2741.

[←477]

Mảng tin : chởt được tin. Xem câu 1718. HT : Dùi sương chởt mảng trên thành điểm năm (826). Truyện Kiều còn có *mảng* với nghĩa là *mãi, ham*. Xem ct 1473.

[←478]

Đài trang : cũng như *lâu trang* là nơi phụ nữ ngồi trang điểm ; đây chỉ chỗ ở của Thúy Kiều. Xem ct 362.

[←479]

Gót đầu : từ gót đến đầu tức như nói đầu đuôi tất cả sự việc câu chuyện. Xem các câu 1021, 1217, 2070.

[←480]

Trao tơ : chỉ việc đính hôn với nhau. Theo *Khai-nghuyên Thiên-bảo di sự*, Quách Nguyên Chấn đời Đường, phong tư xinh đẹp, có tài nghệ, 18 tuổi đỗ tiến sĩ. Quan tử tướng Trương Gia Trinh muốn kén làm rể. Nguyên Chấn thưa : « Trộm hay nhà ngài có năm cô, biết ai là người cùng đẹp duyên được ». Họ Trương bảo : « Ta sẽ cho cả năm con gái của ta đứng ở sau màn, mỗi người cầm một sợi tơ màu khác nhau cho thòng ra phía trước, tiện tay anh rút được sợi tơ của người nào thì gả cho người ấy ». Nguyên Chấn rút sợi tơ đỏ (hồng ti) lấy được người con gái thứ ba rất đẹp. Thơ Úng Cử (Tam quốc - Ngụy) : *Bất ngộ khiên chu ti, tam thư lai tương tầm* = không biết rằng đã rút được sợi tơ đỏ, mà cứ viết thư tìm kiếm nhau mãi. Xem câu 658.

Rút từ điển này, văn nôm còn có : *rút dây* (ATV), *tơ hồng* (PH).

[←481]

Ngoài nghìn dặm, là nói sự xa cách.

Chốc ba đông, là nói sự trông chờ thương nhớ nhau mà thấy thời gian dài đằng đẵng ra như vậy. Ý cũng như câu 248 : Ba thu dồn lại một ngày dài ghê ! Vì thế mà « *mỗi sầu khi gỡ cho xong còn chảy !* »

[←482]

Khảo đị : Ngại ngắn nàng mới giải lời trước sau (Qvđ)

[←483]

Ông tơ : xem ct 333.

Khảo dị : Ông Tơ **gần quái** chi nhau (KOM, BK)

[←484]

Khảo đị : Dẫu **sai** mái tóc dám dời lòng tơ (Qvđ)

[←485]

Đồng tâm : cùng một lòng một dạ với nhau.

[←486]

Chẳng ôm cầm thuyền ai : không ôm đòn sang thuyền người khác, ý nói một mực giữ trọn tình xưa nghĩa cũ.

[←487]

Câu này tả cảnh cuối hè sang thu.

Quyên nhặt : tiếng cuốc (quyên) kêu ra rả (nhặt).

Nhạn thưa : chim nhạn bay thưa.

[←488]

Bảy ngày là một **cữ**, mười ngày là một **tuần**. Xem ct 36.

Ý cả câu : Thương thay cho người dãi gió dầu mưa.

[←489]

Khảo đị : Nàng **thì** đứng tựa hiên tây (Qvđ)

[←490]

Chín hối, do chữ *cửu hối trường* : nói ruột đau quặn lại vì lo buồn quá lắm. Thơ Giản Văn đẽ (Lương) : *Bi giao dạ hẽ cửu hối trường* = buồn đêm xa chừ ruột chín khúc. Xem câu 488.

[←491]

Khảo đị : Hoa trôi **chắc** thắm liễu xơ xác vàng (KOM, Qvđ)

[←492]

Lầu trang : nghĩa như chữ *dài trang*. Xem các ct 536, 362.

[←493]

Ngoại hương : làng ngoại, quê ngoại.

Khảo dị : Một đoàn mừng thọ ngoại hương **vừa** về (Qvđ)

[←494]

Giă giĕ : chuyện trò thăm hỏi nhau. Xem câu 1801.

Khảo dị : Hàn-huyên chưa kịp **giăi-giĕ** (BK)

[←495]

Sai nha : đám nha lại dùng để sai phái đi làm một việc gì. Xem câu 1407.

Khảo dì : Sai nha bỗng thấy bốn bề **lao** xao (KOM)

[←496]

Người nách thước : người cắp tay thước ở nách. Tay thước bằng gỗ vuông cạnh dài độ một thước tây dùng để đánh người.

Kẻ tay đao : kẻ cầm đao ở tay. Đao đây là mã tấu hình con dao lưỡi to chuôi ngắn.

[←497]

Già giang : cái gông (già) gông vào cổ (jiang).

[←498]

Vô loại, nghĩa như chữ vô lại : hung bạo, hoang toàng không biết
gì đến nghĩa lý, đạo đức.

Thâm tình : tình sâu, thân thiết lắm. Đây chỉ tình cha con. **Hai
thâm tình**, chỉ Vương ông và Vương Quan.

Khảo dị : Một dây vô-lại buộc hai thâm tình (BK)

[←499]

Khung dệt : khung cùi dệt vải.

Gói may : gói đựng đồ khâu vá.

Bọn sai nha lục lợi cả khung cùi làm gãy tung ra, rồi lại lục lợi đến cả gói đồ khâu...

Khảo dị : Rụng rời **giọt liễu** tan tành **gối mai** (Qvđ, BK)

[←500]

Tế nhuyễn : tinh tế mềm mại, chỉ chung những đồ trang sức vàng ngọc, gấm vóc quý giá.

[←501]

Khảo dì : Sạch sành sanh **quét** cho đầy túi tham (Qvđ)

[←502]

Bay buộc : ý nói tai bay vạ gió buộc vào cho mình. Xem câu 616.

[←503]

Giậm : đồ dùng đánh cá.

Giàm : bẫy đánh chim, đánh các loài thú.

Đan giậm giật giàm : ý nói lừa, đánh bẫy cho nê tội.

Khảo dì : Này ai **đan dập** giật-giầm bỗng dưng (Qvđ, BK)

[←504]

Xưng xuất : xưng ra, nói ra.

Khảo dị : Phải tên xưng xuất **tại** thằng bán tơ (KOM, BK)

[←505]

Án ngờ lòa mây : ý nói một vụ án không có chứng cứ gì rõ ràng cả chỉ dựa vào một sự ngờ vực rất oan uổng, rất mờ ám hơn cả mây che mặt trời. Xem các câu 1187, 1417, 1454.

Khảo dị : Tiếng oan dậy đất án ngờ **dụng** mây (KOM,Qvđ)

[←506]

Hạ từ : tự hạ mình mà van xin.

Khảo đị : Hạ từ van **vỉ** suốt ngày (Qvđ)

[←507]

Lân tuất : thương xót.

Tôi tàn : đánh đập tàn nhẫn.

Ý cả câu : Bọn sai nha đứng dưng như là bọn lỗ tai điếc không nghe những lời kêu van thương xót đó, cứ ra tay đánh đập.

[←508]

Rường : Xà nhà.

Câu này nói hai con họ Vương bị bọn sai nha trói và treo ngược lên xà nhà cao.

[←509]

Khảo dị : Dấu **mà** đá cũng nát gan lợ người (Qvđ)

Khảo dị : Dấu **người** đá cũng nát gan lợ người (Qvđ)

[←510]

Cốt nhục : xương thịt, chỉ những người thân thuộc ruột thịt, như cha mẹ anh em. Xem câu 1099.

[←511]

Ngộ biển tòng quyền : gặp cảnh biển thì phải theo đạo *quyền* tức là cách xử sự cho thích hợp với lúc biển, khác với *đạo kinh* là cách xử sự lúc thường. Xem các câu 3052, 3118.

Khảo dị : Trong khi **xử** biển tòng quyền biết sao (K₂₄)

[←512]

Duyên hội ngộ : duyên gặp gỡ mà gắn bó với nhau. Chỉ cuộc tình duyên giữa Thúy Kiều và Kim Trọng. Xem câu 2407.

Đức cù lao : ơn đức sinh dưỡng khó nhọc của cha mẹ.

Cù lao : siêng năng khó nhọc. Xem ct 1253.

[←513]

Khảo sát : Chữ tình chữ hiếu bên nào nặng hơn (Qvđ)

[←514]

Thệ hải minh sơn (hải thế sơn minh) : nói việc trai gái thế ước (chỉ bể mà thế thốt, chỉ núi mà ước nguyền) với nhau, ngụ ý lời thế ước bền chặt như có bể có núi ghi tac, chứng giám cho. Truyện **Kiều** còn có : *chỉ non thế bể* (1368), và cũng từ đấy mà có các chữ : *nước non* (732, 1330, 1632, 1974), *non sông* (396, 916). Xem ct 464.

Để : gác lại, để ra một bên.

[←515]

Sinh thành : ơn cha mẹ sinh ra và nuôi dưỡng cho nên người. Xem câu 670.

[←516]

Hai chữ *tình* trong câu đây là nói ý từ trong lòng nghĩ ra.

[←517]

Dẽ : xem ct 502.

Khảo dị : **Hãy** cho để thiếp bán mình chuộc cha (KOM)

[←518]

Lại : người làm việc quan thời trước, coi việc giấy má, lấy cung, làm biên bản v.v...

[←519]

Nhà dịch : nói chung những người giúp việc cho một viên quan thời phong kiến.

[←520]

Hiếu trọng tình thâm : ý nói Thúy Kiều là người con rất có hiếu, tình nghĩa đối với cha mẹ, anh em rất nặng, rất sâu.

[←521]

Nghi : chỉ họ Chung. Xem ct 12.

Xót vay : xót mướn, xót giùm cho người khác.

[←522]

Quy liệu : thu xếp, lo liệu.

[←523]

Khảo dị : Thương **lòng** con trẻ thơ ngây (Qvđ, BK)

Khảo dị : Thương **nàng** con trẻ thơ ngây (K₂₅)

[←524]

Vụ gió tai bay : tai vụ bất thình lình xảy đến như gió ở đâu bay tới.

Khảo dị : Gặp cơn vụ **gởi** tai bay bất kỳ (KOM)

[←525]

Tử biệt sinh ly : chết phải cách biệt nhau, sống phải xa lìa nhau.
Đó là hai cảnh thương tâm lớn của con người ta.

Khảo dị : Đau bè tử biệt sinh ly (K₂₆)

[←526]

Hạt mưa : đây ví thân phận người con gái, là lối ý từ câu ca dao :
Thân em như hạt mưa sa, hạt vào đài các hạt ra ruộng lầy,hay :
Thân em như hạt mưa rào, hạt sa xuống giếng, hạt vào vườn hoa.
Xem các câu 226, 1961.

Hèn : thấp kém để người khác coi khinh được. Xem : *phận hèn* (619, 954,2072), *tay hèn* (789), *hay hèn* (1317), *hoa hèn* (2197), *hèn* (2516).

[←527]

Tắc cỏ ba xuân : Bài *Du tử ngâm* của Mạnh Giao (Đường) có câu : *Thùy ngôn thốn thảo tâm, báo đắc tam xuân huy* = ai nói cái lòng của tắc cỏ, mà báo đáp được ánh sáng của ba tháng mùa xuân. Đó là lời người đi chơi xa (du tử) nhớ mẹ. *Tắc cỏ* ví như con ; *ba xuân* ví như cha mẹ.

[←528]

Băng nhân : người đứng trên băng, chỉ người làm mối. *Thông chí* : Sách Đảm người đất Đôn-hoàng đời Tấn, tự Thúc-triệt nhớ rộng kinh sách, thông hiểu âm dương, thiên văn, giỏi thuật số. Ông có làm chức quan nhỏ ở kinh, nhưng sau xin thôi quan về quê nhà, chuyên nghề đoán mộng. Bấy giờ có Lệnh Hồ Sách, mộng thấy mình đứng trên băng nói chuyện với người dưới băng, bèn đem chuyện mộng đến hỏi ông. Ông nói : « Trên băng là dương, dưới băng là âm ; đó là việc âm dương. Kẻ sĩ muốn đưa vợ về mà băng chưa tan ; đó là việc hôn nhân. Bác ở trên băng nói chuyện với người dưới băng tức là dương nói với âm ; đó là chuyện môi giới. Bác nên vì người mà đứng làm ông mối đi, băng tan thì việc thành ». Về sau quả có quan thái thú Điền Báo nhờ Lệnh Hồ Sách làm mối hỏi con gái Trương Công Trưng cho con trai mình, và đến tháng hai thì thành hôn (Tấn – Nghệ thuật truyện). Truyện *Kiều* còn có : *nàng băng* (630), *mối* (632). Xem câu 2207. HT (bản Tân Việt) : Người băng đưa thiếp đã sai đệ trình (864).

[←529]

Tin sương, do chữ *sương tín* : chim báo tin có sương xuống, tức là tên riêng gọi chim nhạn. Đây chỉ tin tức nói chung. Theo *Cổ kim thi thoại*, giống chim bạch nhạn (nhạn trắng) ở phương bắc, mỗi lần bay xuống phương nam thì có sương xuống nên gọi bạch nhạn là sương tín. Thơ Trần Cơ (Nguyên) : *Sương tín tảo tùy thu nhạn chí, tố thư thâm nhạ cố nhân hy* = tin sương sớm theo chim nhạn mùa thu bay đến, giấy viết thư để trắng như mỉa mai sâu cay mình ít bạn cũ. Xem câu 1040. Truyện Kiều còn có : *tin xuân* (368), *tín nhạn* (945).

[←530]

Viễn khách : khách phương xa.

Văn danh, đây chỉ có nghĩa là hỏi tên tuổi, xem hình dáng người ra sao.

[←531]

Mã Giám sinh : người giám sinh họ Mã.

Giám sinh : học trò trường Quốc tử giám, một kiểu trường đại học dưới chế độ phong kiến.

[←532]

Lâm-thanh : tên huyện, nay thuộc tỉnh Sơn-đông. Xem các câu 2828,2881.

[←533]

Quá niên : ý nói quá tuổi, luống tuổi.

Ngoại tứ tuần : ngoài bốn mươi tuổi, một tuần là mươi tuổi. Xem ct 36.

[←534]

Khảo đị : Trước thầy sau tớ **xôn** xao (Qvđ, BK)

[←535]

Nhà băng, do chữ *băng nhân* : chỉ người làm mồi. Xem ct 621.

[←536]

Khảo đị : Ghế trên ngồi tót **sǎn** sàng (Qvđ)

[←537]

Khảo dị : Nỗi mình **đương** tức nỗi nhà (KOM, K₂₇)

[←538]

Khảo đị : Thêm hoa một bước **châu sa** mấy hàng (K₂₈)

[←539]

Giợn gió : ngại gió, sợ gió (Génibrel).

Khảo dị : Ngại ngùng **dạn** gió e sương (Qvđ)

Khảo dị : Ngại ngùng **dín** gió e sương (BK)

[←540]

Khảo đị : Nghĩ hoa bóng thận trông gương mặt dày (Qvđ)

Khảo đị : Ngừng hoa bóng thận trông gương mặt dày (BK)

[←541]

Khảo dị : Nét buồn như cúc **mình** gầy như mai (Qvđ)

[←542]

Cầm nguyệt : cầm trăng. Xem ct 467.

Thử bài quạt thơ : bảo Thúy Kiều để thơ vịnh quạt để thử tài.

Thúy Kiều đánh đàn. Xem ct 469.

[←543]

Dặt dùu : ý nói hỏi dò dùu dàng, khéo léo để xem biết giá cả. Xem *dùu đặt* trong các câu 3135, 3197.

[←544]

Lam-kiều : nơi có động tiên, cũng ở gần núi Lam-điền có nhiều ngọc quý. Hai nơi cùng ở huyện Lam-điền tỉnh Thiểm-tây nên đây vì khôi ép văn mà để Lam-kiều, chứ Lam-điền mới phải. **Hán thư** : núi Lam-điền sản sinh nhiều ngọc đẹp (Địa lý chí). Xem câu 266.

Ý cả câu : Đến tận nơi có người đẹp để mua mỹ nhân.

[←545]

Sính nghi : đồ dẩn cưới.

Khảo dị : Sính nghi **vâng** dạy bao nhiêu cho tường (KOM)

Khảo dị : Sính nghi **vâng** dạy bao nhiêu **để chiêng** (Qvđ)

[←546]

Khảo đị : Mỗi răng : **Đáng giá** nghìn vàng (KOM, BK)

[←547]

Dớp nhà : nhà gấp hoạn nạn, rủi ro. Xem câu 898.

Khảo dị : **Ngặt** nhà nhở lượng người thương dám nài (KOM)

Khảo dị : **Gấp** nhà nhở lượng người thương dám nài (KOM)

Khảo dị : **Rấp** nhà nhở lượng người thương dám nài (BK)

Đây để theo bản BK (Tân Việt – bản in lần thứ sáu).

[←548]

Cò kè : mặc cả đi mặc cả lại nhiều lần, bùn xỉn, như mua một món hàng.

[←549]

Khảo dí : Giờ lâu ngã giá **chịu** ngoài bốn trăm (KOM)

Khảo dí : Giờ lâu ngã giá **ra** ngoài bốn trăm (Qvđ)

Khảo dí : Giờ lâu ngã giá **vâng** ngoài bốn trăm (BK)

[←550]

Thuyền đã êm giầm : ý nói câu chuyện đã xong xuôi, êm thấm như chiếc thuyền trôi êm theo mái chèo (êm giầm), không tròng trành nữa. KOM chú : « Tục ngữ : Buông tay giầm cầm tay chèo. **Giầm** là cái chèo nhỏ ».

[←551]

Canh thiếp : thiếp biên tên tuổi (niên canh) hai bên trai gái đưa cho nhau để so đôi tuổi.

[←552]

Nạp thái : lễ dẫn đồ cưới đến nhà gái.

Vu quy : nói việc con gái về nhà chồng ; đây chỉ lễ đón dâu. Xem các câu 957, 2264, 2843 và các ct 503, 3091.

Khảo dị : Định kỳ nạp thái vu quy (Qvđ)

[←553]

Khảo đị : Tiền lưỡng **đã có** việc gì chẳng xong (Qvđ, BK)

[←554]

Khất từ : đơn xin.

[←555]

Máu : Xem ct 82.

Ruột dầu : ruột héo hon buồn bã. Xem câu 2794 và ct 58.

Khảo dị : Nhìn nàng ông **đã** máu sa ruột dầu (Qvđ)

Khảo dị : Nhìn nàng, ông nhũng máu sa, ruột **dầu** (BK)

[←556]

Gieo cầu : KOM chú : « Người con gái kén chồng đứng ở trên lầu ném quả cầu xuống, trúng ai lấy người đó ». BK chú : « Tích *gieo cầu*, thì lấy ở trong sách *Tam hợp bảo kiếm* : chuyện vua Vũ đế nhà Hán kén phò mã. Công chúa ngồi trên lầu, ném quả cầu xuống, ai cướp được, thì lấy người đó làm phò mã ».

[←557]

Vụ thác : đổ tội, đặt điều cho người.

[←558]

Búa rìu : Cái búa và cái rìu dùng để trị người có tội, chỉ chung về hình phạt. Xem câu 1396.

[←559]

Khảo đị : Nỡ dày đọa trẻ càng oan **thác** già (Qvđ)

[←560]

Khảo đị : Một **đời** sau trước cũng là (Qvđ)

[←561]

Chẳng thà : chẳng bằng lòng (thà), hay chẳng còn hơn là (Génibrel).

[←562]

Dòng châu : dòng nước mắt. Xem ct 82.

Khảo dị : Theo lời **nhus** chảy dòng châu (Qvđ)

[←563]

Khảo đị : Liều mình ông **đã** gieo đầu tường vôi (Qvđ, BK)

[←564]

Khảo đị : Vội vàng kẻ giữ người **lôi** (Qvđ)

[←565]

Khảo dị : Vẽ chi một **tấm** hồng nhan (Qvđ)

Khảo dị : Vẽ chi một **chút** hồng nhan (K29)

[←566]

Nàng Oanh : nàng Đề Oanh đời Hán. Theo *Sử ký*, Thuần Vu Ý làm quan đất Tề phải tội bị bắt giải về Trường-an, sắp đem hành hình. Họ Thuần không có con trai, chỉ sinh được năm người con gái. Người con gái út tên là Đề Oanh thương khóc theo cha đến Trường-an, dâng thư lên Hán Văn đế, đại ý nói : « Cha tôi làm quan cả miền đất Tề ai cũng ca tụng là thanh liêm, công bình. Nay bất hạnh phải tội, thật là oan. Vả chăng, tôi trộm nghĩ người ta đã chết thì không sống lại được, nên dù có muốn sửa điều lỗi, theo điều hay, cũng không có cách nào nữa. Nay tôi xin bán mình làm đứa ở chỗ quan phủ, chuộc tội cho cha, để cho cha tôi được dịp tự hối mà sửa đổi thành người tốt ». Thư dâng lên, Hán Văn đế xem, bèn tha tội cho Thuần Vu Ý (Hán Văn đế bản kỷ).

[←567]

À Lý : Nàng Lý Ký sống vào thời Hán Vũ đế. Theo *Sưu thần ký*, quận Mân-trung đất Đông Việt (thuộc miền Phúc-kiến ngày nay) có ngọn núi cao. Núi có hang to, trong hang có con rắn lớn, hàng năm nhân dân ở đây phải cúng cho thần rắn một đồng nữ khoảng 12, 13 tuổi. Cứ đến tháng 8, quan địa phương bắt dân đem đồng nữ để ở cửa hang, ban đêm thần rắn bò ra nuốt mất. Có một năm, viên quan lệnh lùng tìm đồng nữ mà chẳng được ai. Bấy giờ ở huyện Tương-lạc có nhà Lý Đán không có con trai, chỉ có sáu người con gái, con gái út tên là Ký muốn xin đi. Cha không nghe, Ký nói : « Nhà ta nghèo, bố mẹ không có con trai, không ai phụng dưỡng. Con là phận gái chẳng làm được gì, nay nhân dịp này đem bán con đi lấy ít tiền để nuôi cha mẹ, chẳng phải là việc có ích sao ». Cha mẹ nàng thương con, vẫn không chịu. Nhưng ý nàng đã quyết, bèn trốn đi đến chỗ cửa quan tự nguyện bán mình nộp thần rắn, và xin được một thanh gươm tốt, một con chó dữ. Đến ngày phải lễ thần rắn, Lý Ký đem vài mươi đấu bánh gạo tẩm mật để ở cửa hang, còn nàng cầm gươm, dắt chó ngồi chờ sẵn ở trong miếu. Con rắn khổng lồ từ trong hang bò ra, đầu to như bịch đựng thóc, ngửi thấy mùi bánh mật bò lại ăn. Khi rắn ăn gần hết chỗ bánh, Ký thả chó ra cắn, còn nàng theo sau dùng gươm chém. Rắn bị thương đau lăm, lao vọt ra khỏi hang, đến trước sân miếu thì chết. Việt vương (tức Đông Việt vương. Đông Việt là tên nước được lập ra từ năm Kiến-nuyên (140 trước công nguyên), Hán Vũ Đế phong Dư Thiện – con cháu xa đời của Việt vương Câu Tiễn – làm Đông Việt vương), nghe biết chuyện đó, bèn đón nàng vào cung lập làm « hoàng hậu ». Từ đó nhân dân Mân-trung khỏi bị nạn yêu tà (quyển 19).

[←568]

Cỗi xuân : gốc xuân, chỉ cha. Xem ct 534.

Tuổi hạc : tuổi thọ, vì chim hạc có tiếng sống lâu đến nghìn năm.

Khảo dị : Xuân huyên tuổi hạc càng cao (Qvđ)

[←569]

Khảo đị : Lòng tơ dù chẳng dứt tình (Qvđ, BK)

[←570]

Gió mưa : đây chỉ những tai họa xảy đến.

Nước non : đây chỉ cơ nghiệp nhà. Xem ct 464.

[←571]

Khảo đị : Thà răng liều một **mình** con (KOM)

[←572]

Khảo dị : Phần **đành** dành vậy cũng vậy (KOM)

[←573]

Chẳng đỡ : chẳng đậu được ví như hoa quả không đậu, nửa chừng rụng đi.

Ý cả câu : Coi như Thúy Kiều đã chết ngay từ thuở nhỏ.

[←574]

Khảo đị : Cũng đừng tính quẩn **toan** quanh (KOM, Qvđ)

[←575]

Tờ hoa : chỉ tờ văn tự bán Thúy Kiều. Xem ct 103.

[←576]

Trăng già : tức ông già ngồi dưới trăng lo việc xe duyên vợ chồng.
Xem câu 333.

[←577]

Khảo đị : Cầm dây chằng **nghĩ** buộc vào tự nhiên (Qvđ)

[←578]

Lễ tâm : Lễ của dân « thành tâm » phải chịu đút lót cho bọn quan lại.

Tụng kỳ : kỳ xử kiện, xử án.

[←579]

Tinh kỳ (KOM chú) : « *Tinh kỳ hôn kỳ giã, hôn giả kiến tinh nhi hành* » = tinh kỳ là kỳ cưới vợ, đám cưới trông thấy sao thì đi. Xem câu 2314.

[←580]

Khảo đị : Áo dầm giọt **túi** tóc **chia** mái sầu (KOM)

Khảo đị : Áo dầm giọt lệ **tơ xe mői** sầu (Qvđ)

[←581]

Ý cǎ câu : Số phận dù ra sao cũng phải dành lòng chịu vậy không oán trách gì. Xem câu 679.

[←582]

Đeo đắng : đeo đuối mang nặng đã lâu. Xem các chữ *đeo đuối* (346), *đeo dai* (1064).

Khảo dị : Chút lòng đeo đắng bấy lâu một lời (KOM, Qvđ)

[←583]

Khảo đị : Vì ta **lật lọng** cho người dở dang (K₃₀)

[←584]

Thề hoa : lời thề ghi trên giấy hoa tiên.

Chén vàng : chén rượu uống thề nguyên lời vàng đá.

[←585]

Khảo dị : Lỗi thề, thôi đã **phũ-phàng** với hoa (BK)

[←586]

Liêu : tức *Liêu-dương*. Xem ct 533.

[←587]

Khảo đị : Kiếp này thôi thế **là** thôi còn gì (KOM)

[←588]

Tái sinh : kiếp sau, cũng như *lai sinh* (2788). Xem câu 3032.

Hương thề : nén hương đốt để thề nguyền.

Ý cả câu : Dù đến kiếp sau cũng không quên được lời thề nguyền gắn bó ở kiếp này.

[←589]

Thân trâu ngựa : đây là nói hóa kiếp để trả nợ. Theo thuyết luân hồi nhà Phật, người nào kiếp này mắc nợ ai mà chưa trả được thì kiếp sau phải hóa sinh làm trâu ngựa vào nhà người đó để trả.

Đền nghĩa : đền nghĩa. Xem các câu 746, 2426.

Trúc mai : nói tình nghĩa bền chặt, khăng khít như cây trúc và cây mai là hai giống cây được đặt bên nhau tượng trưng cho đức tính trong sạch, giữ tròn khí tiết như trong ngày đông tháng giá các giống cây khác rụng lá, thì trúc vẫn tươi xanh, mai hoa vẫn nở. Tiếng Hán có chữ *thanh mai trúc mã* để nói sự gần gũi mà quấn quýt nhau giữa con trai con gái thuở còn bé. Thơ Lý Bạch (Đường) : *Lang kỵ trúc mã lai, nhiều sàng lồng thanh mai* = chàng cưỡi ngựa trúc đến, chạy vòng quanh giường đứa với mai xanh. Xem các câu 746, 944, 1381, 1249 và ct 1679.

[←590]

Khôi tình : KOM chú : « Có một người con gái yêu một anh lái buôn. Người lái buôn không đến nữa, chị ta uất mà chết. Người cha đem hỏa táng, trong quả tim chị ta có một cái cục đập không vỡ. Kịp khi người lái buôn trở lại xin được xem cục đó. Anh ta thương khóc, nước mắt nhỏ vào thì cái cục ấy tan ra thành máu ».

Tuyễn đài : nghĩa như suối vàng. Xem ct 94.

[←591]

Bàn hoàn. Nghĩ quanh nghĩ quẩn, băn khoăn lo lắng. Xem các câu 1760, 2400.

[←592]

Khảo dị : Dầu chong trắng đĩa **giọt** tràn **thấm** khăn (KOM)

Khảo dị : Dầu chong trắng **đọi** giọt tràn thấm khăn (Qvđ)

[←593]

Giấc xuân : Giấc ngủ ngon, êm ái của người phụ nữ đẹp. Xem ct 437.

Nguyễn Lượng phê : *Phụ tù tỳ mại, chỉ quản hôn thụy. Thúy Vân nhị kiến, thân phận tự biệt* = Cha bị tù, chị phải bán thân, mà cứ việc ngủ say. Đến đây, Thúy Vân hai lần xuất hiện, mà xem thân phận cô ta khác với Thúy Kiều.

Vũ Trinh phê : *Thúy Vân tam kiến câu tự nhất khối ngoan thạch. Đoạn trường hội thương na đắc hữu thử xuẩn hóa ? Đạm Tiên kỳ ngại tha hà ! Chỉ hợp tùy phú quý tố mệnh phụ nhĩ* = Thúy Vân xuất hiện ba lần, mà lần nào cũng trơ như hòn đá. Trong hội Đoạn trường sao có của ngu xuẩn như vậy ? Cô Đạm Tiên còn làm gì được nàng nữa ! Nàng chỉ đáng cho theo thói giàu sang làm bà quan là phải.

[←594]

Khảo đị : Dưới đèn ghé **lại** ân cần hỏi han (Qvđ)

[←595]

Cơ trời. do chữ *thiên cơ* : máy trời, ý nói mọi việc do lẽ huyền diệu của trời, của tạo hóa như một cái máy vẫn xoay mà nén. Xem các ct 85, 3063.

Dâu bể : nghĩa như *bể dâu*. Xem ct 3.

Đa đoan : nhiều mối, lăm điều lôi thôi rắc rối. Xem câu 2599.

[←596]

Nhᾶn : đến, suốt đến. Xem ct 287.

[←597]

Khảo đị : Nỗi riêng còn mắc **với** tình chi đây (Qvđ, BK)

[←598]

Khảo đị : Răng : lòng **rỗn rã** thức đầy (BK)

[←599]

Tơ duyên : duyên vợ chồng. Xem ct 333 và các câu 752, 2896.

Khảo dị : **Con tơ** còn vướng mỗi này chưa xong (K₃₁)

[←600]

Khảo đị : Hở môi ra cũng **sương sùng** (K₃₂)

[←601]

Keo loan, do chữ *loan giao* : keo chẽ bằng máu chim loan có độ dính cao, tương truyền női được dây cung đứt. *Bác vật chí* : Thời Hán Vũ đế, nước Tây-hải có người đem dâng năm lạng keo. Vua cho đem cất vào kho. Còn thừa nửa lạng, sứ thần Tây-hải giữ mang theo người. Sứ thần theo Vũ đế đi bắn cung ở Cam-tuyễn. Dây cung vua đứt, các quan định thay, Sứ thần Tây-hải xin lấy keo loan női lại. Các quan ai cũng lấy làm quái lạ. Sứ thần lấy nước miếng thấm cho keo ướt rồi dính női hai đầu dây cung lại với nhau. Vua sai lực sĩ kéo mỗi người một đầu dây, nhưng vẫn không việc gì. Sứ thần Tây-hải nói cung có thể bắn suốt ngày mà dây không đứt. Vua lấy làm lạ lắm. Nhân đó đặt tên là *tục huyền giao* (keo női dây cung).

Khảo dị : **Giao** loan chắp mối tơ thừa mặc em (BK)

[←602]

Quạt ước : Trao quạt ước hẹn với nhau.

Chén thề : Chén rượu uống thề thốt với nhau.

[←603]

Khảo đị : Hiểu tình **có** lẽ hai bẽ vẹn hai (Qvđ, BK)

[←604]

Lời nước non : lời thề nguyên chỉ non thề bể. Xem các ct 603, 464.

[←605]

Chín suối, do chữ *cửu tuyễn* : chỉ âm phủ. Xem ct 94.

[←606]

Tờ mây : Tờ hoa tiên nền giấy có vẽ mây. Đây chỉ tờ giấy ghi lời thề nguyễn của Kim Kiều. Xem ct 447.

Khảo dị : Chiếc **vành** với bức tờ mây (Qvđ, BK)

[←607]

Khảo đị : Duyên này thì giữ vật này **làm duyên** (K₃₃)

[←608]

Mảnh hương nguyên : những mảnh gỗ thơm (gỗ trầm hương) đốt dở trong buổi thề nguyên. Xem các câu 517, 2934 và ct 382.

Khảo dị : Phím đàn với **tấm gương** nguyên ngày xưa (Qvđ)

[←609]

Khảo đị : Đốt lò hương ấy **lựa** tơ phím này (KOM)

Khảo đị : Đốt lò hương ấy **tắt** tơ phím này (Qvđ)

[←610]

Bồ liễu : Cây thủy dương, một giống cây dương ưa mọc gần nước, cành mềm rủ xuống, lá rụng sớm hơn hết các loài cây, chỉ thể chất yếu ớt của phụ nữ. Xem các câu 2422, 999, 1477, 1752.

Ý cả câu : Dẫu tấm thân liễu yếu này có nát đi nữa, cũng còn mong báo đền cái nghĩa giao kết với người tri kỷ.

[←611]

Dạ dài : dài đêm, chỉ âm phủ. Thơ Lục Cơ (Tấn) : *Tống tử trường dạ dài* = tiễn người về chốn dài đêm. LVT : Đã dành xuống chốn dạ dài gặp nhau (1810). Xem câu 2788 và ct 94.

[←612]

Khảo đị : **Tưới xin** chén nước cho người thác oan (KOM)

Khảo đị : **Tưới xin giọt lệ** cho người thác oan (Qvđ)

[←613]

Trâm gãy bình tan : như chữ *trâm gãy bình rơi*, đây chỉ cuộc tình duyên tan vỡ. Xem ct 70.

Khảo dị : Bây giờ **gương vỡ người** tan (KOM)

[←614]

Tình quân : người con gái gọi người con trai mình yêu là tình quân, hay tình lang.

[←615]

Khảo đị : Mây tơ ngắn ngủi có ngắn ấy thôi (Qvđ)

[←616]

Nước chảy hoa trôi. Do chữ *lưu thủy lạc hoa* (hay *lạc hoa lưu thủy*) vốn là chữ nói về cảnh xuân tàn, nhưng thường được dùng để chỉ cảnh tượng tàn tạ, suy bại. Đây chỉ sự lỡ làng, tan vỡ mối tình gắn bó Thúy Kiều với Kim Trọng.

Lỡ làng : dở dang. Xem các câu 879, 885, 1881.

[←617]

Khảo dị : Cạn lời **phách tán hồn bay** (KOM)

Khảo dị : Cạn lời hồn **dứt** máu say (Qvđ)

[←618]

Xuân huyên : *xuân* đường, *huyên* đường tức là cha mẹ. Xem các
ct 224, 534 và câu 2837.

Giấc nồng : giấc ngủ say. Xem câu 1714.

[←619]

Khảo đị : Một nhà **vây lớp** kẻ trong người ngoài (Qvđ)

[←620]

Dàu : nguôi bớt, dịu xuống. Xem câu 1002 và ct 58.

Cơn vựng : cơn ngắt, không hay biết gì nữa cả.

Giọt hồng, do chữ *hồng lệ* : nước mắt đỏ như máu, chỉ nước mắt. Theo *Thập di ký*, nàng Tiết Linh Vân người đất Thường-sơn, cha làm chức đình trưởng, nhà rất nghèo, đêm đến bà con hàng xóm thường họp nhau tại đây để xe dây gai, lấy thân đay khô làm đóm. Khi nàng lên mười lăm tuổi, dung mạo tuyệt thế. Bọn thiếu niên trong làng, phần đông tìm đến nghìn trộm nàng, nhưng chả mấy khi được thấy. Viên quan thú quận Thường-sơn nghe đình trưởng có con gái đẹp mà nhà lại quá nghèo, và nhân lúc Ngụy Văn đế tuyển cung nữ, bèn bỏ nghìn vàng làm lễ rước nàng dâng Văn đế. Linh Vân biết sắp phải xa cha mẹ, sùi sụt khóc mấy ngày liền, nước mắt thăm đầy áo. Đến khi nàng lên xe vào cung, người ta lấy ống nhổ ngọc hứng nước mắt của nàng, đến kinh nước mắt đồng lại đỏ như máu. Thơ Lý Sính : *Ưng hận khách tình quy vị đặc, lục song hồng lệ lạnh quyên quyên* = nêu giận vì cuộc khách trình mà về không được, bên cửa sổ màu xanh giọt hồng lạnh chảy. Xem câu 875 và ct 82.

Rút từ điển này, văn nôm có : *giọt hồng băng* (CO), *giọt thăm* (HT).

Khảo dị : Mới **mờ vẻ phấn** chưa phai giọt hồng (K₃₄)

Khảo dị : Mới **giàu** cơn vựng chưa phai giọt hồng (BK)

[←621]

Khảo đị : Kiểu càng nức nở **mở** không ra lời (KOM, BK)

[←622]

Tờ bồi : Tờ hoa tiên ghi lời thề bồi, tức tờ *mây* nói ở câu 735. Xem ct 447.

Khảo dị : Chiếc thoa **mây bức** tờ bồi ở đây (Qvđ)

Khảo dị : Chiếc **vành** này, với tờ-bồi ở đây (BK)

[←623]

Khảo đị : Vì cha làm lỗi duyên mày (Qvđ)

[←624]

Khảo đị : Thôi thì **việc** ấy sau này đã em (Qvđ)

[←625]

Kim cài : do chữ *châm giới* : cái kim và hạt cài, chỉ tính tình hòa hợp nhau mà tìm đến nhau, tình vợ chồng hòa thuận. *Kinh Dịch* : « Không phải chỉ có những vật đồng loại mới có sự tương cảm, mà cũng có những sự tương cảm đối với những vật khác loại, như từ thạch hút kim, hổ phách hút hạt cài... » Đây nói *rụng cài rơi kim*, tức là nói tình duyên êm đẹp bị tan vỡ. Xem câu 3067. Văn nôm còn có : *kim cài duyên ưa* (QÂTK, NTT), *cải kim* (TNNL).

[←626]

Bèo nổi mây chìm : ý nói lênh đênh chìm nổi không nơi nương tựa. Xem các câu 219, 1343, 2401, 2475, 2812, 2871, 2902, 3020, 330, 1097, 1449, 2019, 2198.

[←627]

Một hai : ý nói rành rọt, dặn đi dặn lại từng điều một. Xem ct 341.

[←628]

Tắc vàng : Tấm lòng vàng đá bền chặt. Xem ct 343.

[←629]

Rén chiềng : thưa trình mà có ý rụt rè. *Chiềng* là do chữ *trình* đọc chạnh ra.

Khảo dị : Lạy thôi nàng **lại thưa** chiềng (Qvđ)

Khảo dị : Lạy thôi, nàng **lại** rén chiềng (BK)

[←630]

Khảo dị : Thốt chi thân phận tôi đòi (Qvđ)

[←631]

Nam lầu : lầu phía nam, nói chõ gác canh.

Khảo dị : Khắc canh đã giục **thú** lâu mấy hồi (KOM)

[←632]

Quản huyền : ống sáo dây đàn, chỉ tiếng sáo tiếng đàn đón Thúy Kiều.

Sinh ly : sống phải lìa nhau.

[←633]

Khảo đị : Giọt rơi thấm đá tơ chia rũ tăm (KOM, Qvđ)

[←634]

Khảo dị : **Dầu-dầu** cành cỏ, đầm-đầm cành sương (BK)

[←635]

Trú phường : chỗ phòng trọ.

Khảo dì : Rước **dâu** về đến trú phường (KOM)

[←636]

Xuân khóa : « bốn bề xuân khóa », ý nói khóa chặt giấu kín Kiều trong buồng để rồi Mã Giám sinh « nước trước bẻ hoa ». Khóa xuân là khóa xuân nàng Kiều. Xem câu 156.

Khảo dị : **Tư** bě xuân khóa một nàng ở trong (KOM)

Khảo dị : Bốn bě xuân **tỏa** một nàng ở trong (Qvđ, BK)

Đây để theo bản *Tản Đà*

[←637]

Lục hông : xem ct 90.

[←638]

Đòi phen : nhiều phen ; *đòi* : nhiều. Xem chữ *đòi* trong : *đòi cơn* (222, 1270, 2443), *đòi phen* (1241, 1245), *đòi đoạn* (1251, 1265, 1820, 2797), *đòi thôi* (2797), *đòi trận* (2848).

[←639]

Phẩm tiên : cửa tiên.

Khảo dị : Phẩm tiên **đã** đến tay hèn (Qvđ)

[←640]

Lạc loài : không cùng một loài, một hạng ; ý nói người tử tế rơi vào chỗ người xấu. Đây Kiều tự than « phẩm tiên rơi đến tay hèn » (= lạc loài), cho nên mới « đến bước lạc loài » (= thành người xấu rồi). Xem các câu 1066, 1082, 1225, 2583, 2871.

[←641]

Nhị đào : nhị hoa đào còn phong kín, ví với cái trinh tiết của người con gái.

Khảo dị : Nhị đào **đã** bẻ cho người tình chung (Qvđ)

[←642]

Gió đông : tức gió xuân, gió xuân bị ngăn đón không đến được với nhị đào, là ý nói không để cho người tình chung cùng ân ái. Xem ct 2748.

[←643]

Trùng phùng : gấp lại.

[←644]

Khảo đị : Thân này thôi có **còn** gì mà mong (Qvđ, BK)

[←645]

Khảo đị : Trên **án** sǎn có con dao (Qvđ)

[←646]

Khảo đị : Giấu cầm nàng đã **buộc** vào chéo khăn (Qvđ)

[←647]

Nước đã đến chân : ý nói việc nguy cấp l้า. Tng : Nước đến chân mới nhảy. Xem câu 2080.

[←648]

Khảo dị : Đêm **sâu** một khắc một chầy (KOM)

[←649]

Khảo đị : Chẳng là gã Mã Giám Sinh (Qvđ)

[←650]

Phong tình : lảng lơ. Xem ct 8.

[←651]

Khảo đị : Quen **vùng** lại kiêm ăn miền nguyệt hoa (Qvđ)

[←652]

Lầu xanh, do chữ *thanh lâu* : vốn chỉ nhà của người quýền quý, về sau mới có nghĩa là nhà hát, nhà chứa đĩ. Xem các câu 931, 1159, 1227, 1356, 1392, 1420, 2148, và câu 2668.

[←653]

Mặt cưa mướp đắng : chỉ phường bịp bợm, lừa dối. Truyện cổ tích : Xưa có người lấy mặt cưa (tức là cám cưa) giả làm cám đem bán, lại gặp kẻ bán quả mướp đắng giả làm dưa chuột. Hai bên bán lẫn cho nhau, thế là bịp lại mắc bịp.

[←654]

Chung lưỡng : hùn vốn với nhau để lo việc kinh doanh.

[←655]

Đã lề : đã thành thói quen. Lề = thói quen. **Tng** : Đất có lề quê có thói.

[←656]

Khắp chợ thì quê, lối nói cổ có nghĩa là : khắp vùng kề chợ đến miền thôn quê. Kề chợ tức là nơi thành thị, đô hội.

[←657]

Khảo dị : Mặt cưa mướp đắng đôi bên một phường (KOM, Qvđ)

[←658]

Thuyền quyền : óng ả, xinh đẹp, chỉ người phụ nữ xinh đẹp. Xem các câu 1071, 1881, 1903, 2211.

[←659]

Nghinh hôn : đón dâu.

[←660]

Tng : Cờ đến tay ai người ấy phất.

[←661]

Vẻ ngọc : vẻ đẹp như ngọc.

Khúc vàng : khúc lòng vàng. Đây chỉ lòng dạ con người ta. Nhân chữ *vẻ ngọc* mà để chữ *khúc vàng* cho cân lời đối ý.

[←662]

Quốc sắc thiên hương : sắc nước hương trời, chỉ người đàn bà có sắc đẹp hiếm có. Xem câu 1065 và các ct 66, 163.

[←663]

Một cười nghìn vàng, do chữ *nhất tiểu thiên kim* : tiếng cực tả cái đẹp, cái quý của người phụ nữ khi cười. Thơ Thôi Nhân (Hậu Hán) : *Hồi cố bách vạn, nhất tiểu thiên kim* = quay đầu lại nhìn đáng giá trăm vạn, một cái cười đáng giá nghìn vàng. Xem các câu 645, 854, 1456, 1990, 2347, 2804, 3095.

[←664]

Vương tôn : con cháu các nhà quý tộc.

[←665]

Khảo đị : Cũng là vừa vỗn còn sau thì lời (Qvđ)

[←666]

Câu này, các bản chú khác nhau.

KOM chú : « Bài Quất thi (thơ vịnh quít) của Lương Giản Văn đế : *Phan chi chiết phiếu cán, cam chỉ nhược quỳnh tương* = vin cành quít, bẻ cành nhỏ, ngon ngọt như nước quỳnh tương. Bản BK chú : « Tô-thi : *lão nhân du hí như đồng tử, bất chiết mai chi, chiết quất chi* = người già chơi như trẻ con, không bẻ cành mai lại bẻ cành quít, nghĩa là người già mà không đứng đắn, cũng như ta nói : *già đời còn chơi trống bỏi* ». Tân Đà chú : « Khúc văn này, một câu trên sáu chữ *Đào tiên đã bén tay phàm* ». Tác giả đã ăn định là như ý ; hạ một văn *cam* ở câu dưới lại là đắc-ý lăm, vì văn này khó gieo mà được chữ *cam* thật là đậm đà, trên dưới đều hài lòng, mà còn mấy chữ phần trên ở câu tám, theo thể văn chỉ có đặt « *Thời vin cành đào* » là xuôi nghĩa, mà chữ *đào* lại là tiếng bắng, không thể đặt được ; ngoài chữ *đào* ra, kiểm được một chữ khác đặt vào mà có thể giữ được giá trị của câu, thật khó. Trong khi quẩn-bách về một chữ, mà lại tiếc cái bóng-bẩy của một câu, tác giả mới đem chữ *quít* đặt tạm đó để thể nghĩa cho chữ *đào*, mà ở dưới ăn đi với chữ *cam*, rất là có hứng thú. Sự đặt tạm ấy rồi sau cũng không thể thay được, tác giả đành cứ để luôn ». Vậy ý của câu này và câu trên là : Đào tiên đã tới tay, thì vin cành bẻ phắt đi cho thoả sự đời, tức là làm ngay cái việc *nước trước bẻ hoa*.

Theo ý chúng tôi, câu này lấy ý câu ca dao : Ăn nhiều ăn ít, ăn bắng quả quít cho nó cam lòng.

[←667]

Khảo đị : Trong trần mẩy mặt làng chơi (KOM)

Khảo đị : Trong trần mẩy mặt **làng soi** (K₃₅)

[←668]

KOM chú : « Trong chốn thanh lâu, sau khi tiếp khách xong thì dùng vỏ lựu đem sắc lấy nước rồi lấy máu trích ở mào gà (là cốt lấy màu đỏ) đem mà rửa, giả làm con gái tân. Điều đó thấy chép ở sách *Bắc lý chí* ».

[←669]

Chiêu tập : nói cách sửa sang bẽ ngoài làm như còn nguyên.

[←670]

Đánh lận : đánh lừa. Xem câu 1157.

Con đen : đây chỉ hạng khách chơi khờ khạo, không sành. Xem câu 1414.

[←671]

Khảo dị : **Đến** đây đường sá xa xôi (Qvđ)

[←672]

Bất động : chẳng dụng đến, im chẳng làm gì. Tản Đà chú : « Hai chữ này tầm thường mà rất hay, nói cho ai cũng hiểu nghĩa mà không tục, lại là khẩu khí của Mã với tình sự lúc ấy ». Xem câu 1576.

[←673]

Khảo dị : Con ong đã **mở** đường đi lối về (KOM,Qvđ, BK)

Khảo dị : Đây đề theo lời chú bản *Tản Đà* : « Chữ này, có bản viết là *tỏ*, cũng hay »

[←674]

Khảo dị : Tiết gì đến ngọc thương gì đến hương (KOM)

[←675]

Khảo dị : Tiệc xuân một giấc mơ màng (Qvđ)

[←676]

Đuốc hoa, do chữ *hoa chúc* : đèn thắp trong đêm vợ chồng mới cưới. Xem câu 3096.

[←677]

Giọt riêng : giọt nước mắt khóc cho nỗi niềm riêng tư của mình.
Xem ct 82.

Khảo dị : Nỗi riêng tăm tã tuôn mưa (Qvđ)

[←678]

Khảo đị : Phần căm nỗi khách phần **e** nỗi mình (Qvđ)

[←679]

Thân nghìn vàng : nói thân thể hiếm, quý trọng lắm. Xem ct 826.

[←680]

Quyên sinh : bỏ sự sống, tức bỏ mình liều chết.

[←681]

Hai tình : hai tình thâm, chỉ cha mẹ. Xem câu 3221.

Khảo dị : Một **tình** thì chớ hai tình thì sao (KOM)

[←682]

Giǎn : bớt đi, dịu đi, đây nói dịu dần cái « phần cẩm nỗi khách, phần dơ nỗi mình » ở câu 852.

Khảo dị : Đánh liều âu cũng **dạng** dần (KOM)

Khảo dị : Đánh liều âu cũng giǎn dần (K₃₆)

[←683]

Một lần : ý nói một lần chết.

[←684]

Gáy sôi : gáy dậy lên.

[←685]

Lầu mai. chỉ điểm canh về sáng.

Còi sương : tiếng còi rúc trong sương sớm.

[←686]

Khảo đị : Mã sinh **dục dạo** vội vàng ra đi (Qvđ)

[←687]

Phân kỳ : chia đường túc là nói chia tay mỗi người một ngả.

Khảo dị : Đoạn trường thay lúc **lâm** kỳ (KOM, K₃₇)

[←688]

Vó câu : vó ngựa câu, ngựa non đương sức. Xem ct 139 và câu 1602.

[←689]

Trường đình : đời Tần, Hán, cứ mười dặm đường có một cái quán trạm gọi là *trường đình* và cứ năm dặm có một cái quán trạm gọi là *đoản đình* làm nơi nghỉ chân cho khách bộ hành.

[←690]

Khảo dị : Vương ông **gánh** tiệc tiễn hành đưa theo (KOM)

[←691]

Khảo đị : Ngoài **nhà** chủ khách dập dùu (KOM)

[←692]

Khảo đị : Trọng nhà huyên với một Kiều ở trong (KOM)

[←693]

Lã chᾶ : nói nước mắt chảy ròng ròng. Xem câu 1857.

Khảo dị : **Càng nhìn càng ứa** giọt nồng (KOM, K₃₈)

[←694]

Giãi lòng : giải bày nỗi lòng của mình. Xem câu 2133.

[←695]

Thơ đào : cũng như nói *đào non yêu đào*, nhưng đây chỉ nói ý con gái còn trẻ người non dạ. Xem ct 503.

[←696]

Nước đục bụi trong : nói cảnh ngộ của người đời ngang trái.

[←697]

Dùng dǎng : lúng túng, ngượòng nghịu.

Khảo dí : Khi vào đõi **đóa** khi ra vội vàng (KOM, BK)

[←698]

Khác màu : khác vẻ.

[←699]

Khảo đị : Ngắm ra cho kỹ như hình con buôn (KOM, BK)

[←700]

Vài tuần : vài tuần rượu. Rượu cứ uống cạn một chén là một tuần.
Xem ct 36.

Chén khuyên : chén rượu khuyên dặn nhau khi chia tay.

[←701]

Nghi : chỉ Mã Giám sinh. Xem ct 12.

Khảo dị : Mái ngoài nghỉ đã giục liền ruồi **đi** (KOM)

[←702]

Chè chè : nói cảm giác nặng nề vướng víu.

[←703]

Yên : yên ngựa, chỉ ngựa đã buộc yên của họ Mã.

Khảo dị : Trước yên ông **mới giã giề** thấp cao (Qvđ)

[←704]

Khảo dị : Xót thân **liễu** yếu thơ đào (Qvđ)

[←705]

Dớp nhà : xem ct 646.

Khảo dị : **Cực** nhà đến nỗi giắn vào tôi ngươi (KOM)

Khảo dị : **Trất** nhà đến nỗi **gửi** vào tôi ngươi (Qvđ)

Khảo dị : **Rấp** nhà đến nỗi giắn vào tôi ngươi (BK)

Đây để theo bản BK (Tân Việt, bản in lần thứ sáu)

[←706]

Tâm : đơn vị đo độ dài thời cổ Trung-quốc, tám thước là một tầm.
Nghìn tầm, ý nói cao lắm.

Tùng quân : cây *tùng* ví với người trượng phu ; *quân* : giống trúc
giống thẳng, đốt ngay, thường ví với người quân tử. Tùng quân chỉ
người có tiết tháo vững vàng ngay thẳng.

[←707]

Cát đằng : giống dây săn, dây bìm mọc lan hay mọc leo lên cây to khác. Chỉ người vợ bé phải nương nhờ người vợ cả. Cũng gọi là *cát luỹ*. *Kinh Thi* : *Nam hữu cù mộc, cát luỹ luy chi ; lạc chỉ quân tử, phúc lý tuy chi* = Núi Nam-sơn có cây to, gốc cong queo cành lá rủ xuống, giống dây săn, dây bìm leo lên quanh gốc cây ; bà vợ cả hiền hậu, thiên tính vui vẻ (không bụng ghen tuông), phúc lộc (thế nào cũng) làm yên vui người luôn. Truyện *Kiều* còn có : *dây cát* (2280), *sắn bìm* (1633), *cù mộc* (3238), *cát luỹ* (1480). Xem câu 1350.

[←708]

Buộc chân – xích thắt : xem ct 333.

Nhiệm trao : trao cho một cách mău nhiệm thiêng liêng. Đây Mã Giám sinh lừa phỉnh Vương ông, giả bộ thẻ thốt trước « nhật nguyệt, quỷ thần », cho việc « xe tơ kết tóc » với Kiều là một việc thiêng liêng, mău nhiệm trời đã trao cho chứ không phải là một việc thường.

[←709]

Câu này là lời thề. Ý câu đây với câu trên : Nếu sau này ăn ở không ra làm sao sẽ có mặt trời mặt trăng soi tỏ tội lỗi, có gươm đao quý thần trừng phạt.

[←710]

Hai câu 907-908 tả xe đi nhanh, vội, như « gió giục mây vẫn » ứng với hai chữ *như bay* ở câu dưới.

Hồng trần : bụi đỏ ; đây chỉ cảnh đi trên đường cát bụi bay mù mịt.

Khảo dị : Đùng đùng gió giục mây **Tân** (Qvđ)

[←711]

Khảo đị : Trông vời gạt lệ **phân** tay (Qvđ, BK)

[←712]

Khảo đị : Góc trời thăm thăm **đêm** ngày đầm đầm (KOM)

[←713]

Dặm khách : đường đi nơi đất khách, tức là nơi xa không phải quê hương mình.

Khảo dị : Nàng thì **cõi** khách xa xăm (Qvđ)

[←714]

Bạc phau cầu giá : trên cầu có giá đóng trăng phau.

Đen rầm ngàn mây : nói mây ngàn kéo đến đen rầm khắp trời.

[←715]

San sát : mọc liền nhau.

Hơi may : hơi gió heo may (gió tây bắc, gió lạnh thổi về mùa thu).

Khảo dị : Vì **lau** sát sát hơi may (KOM, Qvđ)

[←716]

Khảo đị : Một trời thu để riêng **say** một người (Qvđ)

[←717]

Lời non sông : lời thề nguyễn chỉ non thề bể. Thuý Kiều thấy trăng mà nhớ đến những lời thề nguyễn với Kim Trọng trong một đêm nào mà chính vừng trăng này đã chứng kiến (449-450), nghĩ mà thẹn vì đã lối thề. Xem ct 603.

[←718]

Rừng thu đã có những cây lá ngả màu đỏ (hồng) xen vào giữa từng lá biếc. Xem ct 370.

Khảo đị : Rừng thu **rổ** biếc **ő** hồng (KOM)

[←719]

Thần hôn : sớm tối, chỉ việc sớm tối chăm sóc thăm hỏi mẹ cha.

Lễ ký : *Phàm vi nhân tử chi lễ, đông ôn nhi hạ sảnh, hôn định nhi thần tinh* = phàm theo lễ của kẻ làm con, mùa đông thì lo cho cha mẹ ấm, mùa hè thì lo cho cha mẹ mát, buổi tối thì lo cho cha mẹ yên chỗ nằm, buổi sớm thì hỏi han cha mẹ xem ngủ dậy có khoẻ mạnh không. Xem các câu 1044, 1600, 2823.

Trong truyện Kiều, đây là lần đầu tiên Nguyễn Du diễn tả tâm trạng nhớ nhung của Thuý Kiều. Còn sáu lần khác ở các đoạn : 1039-1046 ; 1253-1268 ; 1315-1320 ; 1627-1634 ; 1785-1788 ; 2231-2248.

[←720]

Lâm-truy : tên huyện, thuộc tỉnh Sơn-đông. Xem các câu 1278, 1613, 1785, 2291, 2881, 2986.

Khảo dị : Lâm-truy vừa một tháng tròn **đến** nơi (Qvđ)

[←721]

Xe châu : chỉ loại xe đạp có rèm che kết chân chỉ hạt bột như hạt ngọc. Xem câu 77.

[←722]

Khảo sát : Thoắt trôi nhợt nhợt màu da (Qvđ)

[←723]

Han chào : hỏi han mời chào.

Khảo dì : Trước xe **bả** lá han chào (KOM)

Khảo dì : Trước xe lời lá **ra** chào (Qvđ)

[←724]

À mà y ngài : chỉ à gái điếm. Xem ct 20.

[←725]

Khảo đị : Giữa thì hương **lửa** hồn hoa (Qvđ, BK)

[←726]

Kim Văn Kiều truyện : « Thuý Kiều đành cứ theo mụ bước vào... Khi vào tới gia đường xa xa thấy trên bàn thờ đã bày nhiều hoa quả, trên treo bức tượng, giống như Quan Thánh đế quân, nhìn kỹ ra thì thấy tượng ấy có *hai vết lông mày trắng*. Thì ra, vị thần này gọi là thần Mày trắng (Bạch my thần) mà các nhà chùa đĩ vẫn thờ ». (Hồi thứ chín). Xem câu 2148.

[←727]

Khảo dị : Hương **hôm hoa** sớm phụng thờ (Qvđ)

[←728]

Khảo đị : Cô nào xấu vía **cho** thưa mỗi hàng (Qvđ)

[←729]

Khảo đị : Cởi xiêm **lót áo chán chường** (KOM, Qvđ, BK) Đây để theo bản *Tản Đà*.

Mấy câu 935-938 nói ả nào không được tốt khách thì phải cúng thần một cách như thế, rồi lấy hoa mới để thờ, lấy hoa đã cúng đem lót xuống chiếu, sẽ được đông khách ngay.

[←730]

Khảo đị : Trước **bàn** sẽ nguyện mảnh hương lầm dầm (KOM)

[←731]

Khảo dị : **Bướm đi ong lại** ầm ầm tú vi (KOM, K₃₉)

[←732]

Hàn thực : tết ăn đồ lạnh. **Nguyên tiêu** : đêm tiết thượng nguyên, tức đêm ngày rằm tháng giêng đầu năm. Đây Tú bà khấn thần phù hộ cho cửa hàng lầu xanh của mụ đêm ngày, lúc nào khách làng chơi cũng ra vào tấp nập như những ngày hội hàn thực, nguyên tiêu.

Hàn thực : tết ăn đồ lạnh vì kiêng không đốt lửa để tưởng nhớ Giới Tử Thôi. Theo *Hậu Hán thư*, Giới Tử Thôi suốt mười chín năm giúp Tấn Văn công mưu việc phục quốc. Việc thành, Tấn Văn công về nước lên ngôi vua. Những người theo vua thuở trước đều kể công để được thưởng, trừ Giới Tử Thôi. Ông muốn giữ danh tiết của mình, không cùng bọn tăm thường chỉ lo về đường danh lợi, nên ông quyết chí đi ở ẩn. Trong số những người theo vua, có người thương ông mới có ý nhắc Tấn Văn công. Tấn Văn công cho vời ông ra làm quan, ông không chịu. Tấn Văn công lại sai người đến mời lần nữa, ông lại bỏ đi ở sâu vào rừng. Tấn Văn công không biết làm thế nào, bèn đốt rừng cho Giới Tử Thôi phải ra. Nhưng chí đã quyết nên ông vẫn ôm cây chịu chết. Tấn Văn công có ý hối hận, thương tiếc ông mới đặt ra lệ *hàn thực* đúng vào ngày Giới Tử Thôi chết cháy. Nhân dân cảm về tiết tháo của ông mà hàng năm ăn đồ nguội, tổ chức những cuộc vui chơi như đá cầu, đánh đu, chơi gà, kết xe hoa đi rong chơi rất tưng bừng vào tiết *hàn thực*. Theo *Kinh sở tuế thời ký*, tiết Hàn thực trước hội Thanh minh hai ngày.

[←733]

Dập dìu trúc mai : đây ý nói cái cảnh tượng yêu chiểu, quấn quít nhau giữa các gái lầu xanh với khách làng chơi. Xem các ct 47, 708.

[←734]

Tin nhạn, do chữ *nhạn tín* : tin do chim nhạn đưa đến, chỉ tin tức nói chung. Theo *Hán thư*, Tô Vũ đi sứ Hung-nô vì không chịu hàng phục nên bị chúa Hung-nô là Thiền-vu giam giữ, đày đi chăn dê ở Bắc-hải – nơi không có qua một bóng người, một thức ăn thức uống gì cả. Tô Vũ phải đào hang bắt chuột mà ăn, lấy tuyết mà uống. Ròng rã mười chín năm trời như vậy, nhưng Tô Vũ không đổi chí, vẫn giữ lòng trung với nước. Đến thời Hán Chiêu đế, Hung Hán thân thiện với nhau, vua Hán mới sai sứ sang xin cho Tô Vũ về. Chúa Hung-nô nói dõi Tô Vũ đã chết. Vua Hán không tin, lại cho sứ sang lần nữa. Lần này, Thường Huệ, lập kế dặn sứ giả nói với Thiền-vu rằng : vua Hán vừa đi săn ở vườn Thượng-lâm có bắn được con chim nhạn chân buộc một lá thư viết trên lụa nói rõ Tô Vũ cùng một số người khác bị Hung-nô giữ hiện vẫn còn sống và đang ở trong một vùng nọ. Thiền-vu kinh ngạc, tưởng thật đành xin tạ lỗi và cho trả Tô Vũ về Hán (Tô Vũ truyện). Chim nhạn, từ đó được dùng tượng trưng cho việc thông tin tức. Thơ Ôn Đinh Quân (Đường) : *Nhược hướng Tam Tương phùng nhạn tin* = ví như hướng về nơi Tam Tương mà gấp được tin nhạn. Xem ct 622.

Ý cả câu : Tin này hết, lại có lá thư đưa tin khác đến, không bao giờ ngót khách làng chơi.

Khảo dị : Tin nhạn **vượt** lá thư bài (KOM)

[←735]

Hương hoả gia đường : bàn thờ cúng gia tiên, đây chỉ bàn thờ thần lông mày trắng nói ở câu 930.

Khảo dị : Lễ xong hương hoả **từ** đường (KOM)

[←736]

Vắt nóc : chữ trong dân gian dùng để nói những hành vi lố lăng, trơ tráo ngỗ ngược. Ngồi « vắt nóc » là ngồi vắt chân nọ lên chân kia.

Khảo dì : Tú bà vắt **véo** lên giường ngồi ngay (KOM)

[←737]

Khảo đị : Lạy rồi **thì** lạy cậu mày bên kia (Qvđ)

[←738]

Lưu ly : lưu lạc ly tán, nghĩa là gặp nạn mà phải chịu cảnh khổn cùng, lang thang nay đây mai đó. Xem các câu 2641, 2872, 2917.

[←739]

Tiểu tinh : sao nhỏ, chỉ người vợ lẽ. *Tiểu tinh* vốn là tên một bài thơ trong *Kinh Thi* nói về thân phận người vợ lẽ (như ngôi sao nhỏ) tỏ lòng biết ơn đối với người vợ cả (như ngôi sao lớn), yên phận hết lòng hầu hạ chồng : *Tuệ bỉ tiểu tinh, tam ngũ tại đông ; túc túc tiêu chinh, túc dạ tại công, thực mệnh bất đồng* = ngôi sao bé nhỏ kia, năm ba ngôi ở phương đông ; chúng tôi đi về đêm một cách kính cẩn thận trọng, sáng tối hầu hạ bên cạnh chồng ; thực số mệnh không giống (phu nhân).

[←740]

Danh phận : danh hiệu với chức phận, tức là nói chức vụ và địa vị.

[←741]

Khảo đị : Đủ điều **hành sính** vu quy (K_{40})

[←742]

Khảo sát : DẠY ĐIỀU thay bậc đổi ngôi (K_{41})

[←743]

Tam bành : Theo *Thái thượng Tam Thi trung kinh* của Đạo gia, thì tam bành là ba vị thần tên là Bành Cứ, Bành Chất và Bành Kiểu ở trong người ta, hay xui người ta làm bậy. Do đó, đại phàm những sự hung ác, giận dữ của con người là do thần Tam Bành gây ra. Trong văn nôm dùng *tam bành* để chỉ cơn giận dữ của người đàn bà.

[←744]

Min : ta, tao.

Khảo dị : Thôi đà cướp sống **chồng** min đi rồi (KOM, BK)

[←745]

Đi dạo : đi dạo tìm. Xem câu 815.

Khảo dì : **Biểu** rằng đi dạo lấy người (KOM)

[←746]

Khảo dị : Tuồng vô **sí** ở bất nhân (KOM)

[←747]

Nhập già : vào nhà. Xem câu 1735.

Khảo dị : **Vào nhà** phải cứ phép nhà tao đây (KOM)

[←748]

Bài bầy : chỉ những lời nói hay hành động tục tằn trêu ghẹo phụ nữ.

[←749]

Khảo đị : Chẳng văng vào mặt mà mày **đành** nghe (KOM)

[←750]

Khảo đị : Cớ sao chịu **tốt** một bě (BK)

[←751]

Bì tiên : cái roi da.

Khảo dị : **Chắp** bì-tiên, rắp sẩn vào ra tay (BK)

[←752]

Khảo đị : Thôi **thôi còn có tiếc chi** (KOM)

[←753]

Nát ngọc liêu hoa : ý nói (sợ Kiều liều gan) huỷ hoại cái thân trong trắng như ngọc, đẹp như hoa.

[←754]

Khảo đị : Mụ còn **nhìn** mặt nàng đà quá tay (KOM)

[←755]

Khảo dị : Thương ôi tài sắc **mực** này (Qvđ)

[←756]

Phong trần : gió bụi, chỉ cõi đời trần tục, hỗn tạp, phai long đong
vất vả ; hay chỉ chung những gian khổ ở đời. Xem các câu 1078,
1192, 1273, 1761, 2287, 2445, 2895, 3243.

Ý cả câu : Nói Thuý Kiều lấy dao tự tử.

[←757]

Khảo đị : Nỗi oan **Iở vỡ** xa gần (KOM)

[←758]

Giấc tiên : chết giấc. **Tiên** là lên cõi tiên, ý nói chết ; nhưng đây chưa thật chết mà mê man bất tỉnh nhân sự, có nghĩa là chết giấc. Xem ct 437.

[←759]

Khảo dì : Cắt người coi sóc **chạy** thầy thuốc men (KOM)

Khảo dì : Cắt người coi sóc rước thầy thuốc **thang** (Qvđ)

[←760]

Trần duyên : nói những điều ràng buộc với cõi đời trần tục. Xem câu 1932.

[←761]

Khảo dị : Trong mê **đã thấy Đạm Tiên rõ ràng** (KOM)

Khảo dị : Trong mê **trông thấy Đạm Tiên rõ ràng** (K_{42})

[←762]

Nhân quả : xem ct 201.

Khảo dị : **Biểu** răng : Nhân quả dở dang (KOM)

[←763]

Má đào : nghĩa như chữ *má hồng*. Xem ct. 6.

[←764]

Khảo đị : Người dù muốn **lánh** trời nào đã cho (KOM)

[←765]

Liễu bồ : nghĩa như chữ *bồ liễu*. Xem ct 746.

Khảo dị : Hãy xin **trọn** kiếp liễu bồ (KOM)

Khảo dị : **Chịu trời cho vẹn kiếp tu** (K₄₃)

[←766]

Tiền-đường : tên con sông chảy qua huyện Tiền-đường, tỉnh Chiết-giang. Xem các câu 2620, 2964, 2986.

*Đây là lần thứ hai Đạm Tiên xuất hiện báo mộng cho Thuý Kiều.
Xem ct 210.*

[←767]

Dàu dàu : nguôi dần, dịu dần xuống. Xem ct 762.

Khảo dị : Giấc mê nghe đã **giâú giâú** vừa tan (BK)

[←768]

Mơn man : mơn trớn vuốt ve.

Khảo dị : **Dịu** lời khuyên giải mơn man gỡ **lắn** (KOM)

Khảo dị : **Liệu** lời khuyên giải **miên** man gỡ dần (Qvđ)

[←769]

Khảo đị : Hoa xuân đương **chiếng** ngày xuân còn dài (KOM)

[←770]

Khảo đị : Đá vàng **chì** nỡ ép nài mưa mây (KOM)

[←771]

Khoá buồng xuân : khóa chặt xuân tình lại ở trong buồng. Đây ý nói không yêu và không tiếp khách làng chơi, như nghĩa cấm cung. Xem ct 156.

Đợi ngày đào non : ý nói đợi ngày lấy chồng. Xem ct 503 và câu 3076.

[←772]

Khảo dì : Tìm nơi xứng đáng **làm** con gái nhà (Qvđ)

[←773]

Oan gia : ý nói thù hằn nhau mà làm điều dữ thì bị điều dữ báo lại, nghĩa như chữ *ác báo*. Xem câu 2097.

[←774]

Thị phi : điều phải, điều trái. Xem các câu 1448, 1560, 1878.

[←775]

Thần mộng : lời báo mộng của thần, đây là của Đạm Tiên (995-1000). Xem câu 2621.

Khảo dị : Vả **suy** thần mộng mấy lời (KOM)

[←776]

Túc nhân : tức như nói duyên số tiền định, nhân duyên có từ kiếp trước.

Khảo dị : Túc nhân **thì** cũng có trời ở trong (Qvđ)

[←777]

Khảo dì : Làm chi **lại** một nợ chồng kiếp sau (KOM)

Khảo dì : Làm chi **thì cũng một chồng** kiếp sau (Qvđ)

[←778]

Khảo dị : Lặng nghe **lầm nhầm** gót đầu (Qvđ)

Khảo dị : Lặng nghe, **thầm thía** gót đầu (BK)

Khảo dị : **Lặng nầm** ngẫm nghĩ gót đầu (K₄₄)

[←779]

Đãi dǎng : đả động, nói đến, trò chuyện. Nghĩa như ở câu 2011.

Ngọc Kiều Lê : Cũng toan nhở bóng tùng lâm, thẹn riêng chưa dám
tiếng tăm đãi dǎng (1842).

Ý cǎ câu : Sợ khi lại nói đến chuyện bướm ong, nói đến chuyện
phải tiếp khách làng chơi.

[←780]

Khảo sát : Trên đầu có bóng mặt trời **sáng** soi (KOM)

[←781]

Khảo đị : Đành lòng nàng **mới sẽ** nguôi nguôi dần (KOM)

[←782]

Ngưng-bích : tên lầu, nghĩa đen là đọng lại cái sắc biếc.

Khảo dị : Trước **sau** **ngừng** **biếc** **toả** xuân (Qvđ)

[←783]

Khảo đị : **Vết** non xa tẩm trăng gần ở chung (Qvđ)

[←784]

Khảo đị : Bốn bề bát ngát **vời** trông (KOM)

[←785]

Dưới nguyệt : dưới trăng.

Chén đồng : chén rượu thề cùng lòng cùng dạ với nhau.

Đây là lần thứ hai Nguyễn Du diễn tả tâm trạng nhớ nhung của Thuý Kiều (1039-1046). Xem ct 918.

[←786]

Khảo dị : Tin sương luống **hở**y rày **mong** mai chờ (KOM)

Khảo dị : Tin sương luống **hở**y rày trông mai chờ (Qvđ. BK)

Đây để theo bản *Phạm Kim Chi*.

[←787]

Tấm son : tấm lòng son, thuỷ chung gắn bó với Kim Trọng. Xem ct 343.

Khảo dị : Tấm son gột **đến** bao giờ cho phai (KOM)

[←788]

Người tựa cửa : nói người mẹ tựa cửa trông chờ con. *Chiến quốc sách* : Mẹ Vương Tôn Giả bảo Vương Tôn Giả (Chiến quốc) rằng : *Nhữ triêu xuất nhi vẫn lai, tǎc ngô ý môn nhi vọng nhữ ; nhữ mộ xuất nhi bất hoàn, tǎc ngô ý lư nhi vọng nhữ* = con sáng sớm ra đi, chiều mới về, thì mẹ đứng tựa cửa mà ngóng trông con ; con chiều tối ra đi mà không về, thì mẹ tựa cổng làng mà ngóng trông con. PT : Rằng : từ con vắng đình vi, ngán lòng nương cửa một bể nhớ trông.

[←789]

Quạt nồng ấp lạnh : quạt khi trời nồng nực, ấp chiếu chǎn cho ấm khi trời rét lạnh, là nói đạo làm con phụng dưỡng cha mẹ, do chữ *đóng ôn hạ sảnh* trong *Lễ ký*. Xem ct 918.

Khảo dị : Quạt nồng **đắp** lạnh những ai đó giờ (KOM, Qvđ)

[←790]

Sân Lai : sân nhà Lão Lai tử, chỉ nhà cha mẹ. Theo *Hiếu tử truyện*, Lão Lai tử người nước Sở thời Xuân Thu, thờ cha mẹ rất có hiếu, năm đã bảy mươi tuổi, ông còn bày trò chơi trẻ con, bận áo năm sắc màu sắc sỡ nhảy múa trước sân rồi vờ ngã, khóc như trẻ con để mua vui cho cha mẹ.

Rút từ điển này, văn nôm còn có : *Áo Lai* (QÂTK), *lǚu ban sáu kỷ* (HT).

Khảo dị : **Bồng lai** cách mấy nắng mưa (Qvđ)

[←791]

Gốc tử : gốc cây tử. *Kinh Thi : Duy tang dũ tử, tất cung kính chỉ* = kìa cây dâu với cây tử là cây do cha mẹ trồng cho nên nhớ đến nó thì sinh lòng cung kính. Người sau nhân đó mà gọi quê hương, nơi cha mẹ ở là *tang tử*. Đây, *gốc tử đã vừa người ôm* : ý nói cha mẹ đã già.

[←792]

Khảo đị : Buồn trông cửa bể **gắn** hôm (KOM, Qvđ, BK)

[←793]

Khảo dị : Buồn trông **cỏ nội** dầu dầu (KOM)

Khảo dị : Buồn trông nội cỏ **dầu-dầu** (BK)

[←794]

Duênh : mặt bể ăn sâu vào đất liền. Xem các câu 2703, 3203.

[←795]

Khảo đị : Âm **tùng** tiếng sóng kêu quanh ghẽ ngõi (KOM)

Khảo đị : Âm ầm tiếng sóng kêu quanh **chỗ** ngõi (Qvđ)

[←796]

Lưu lạc : lang thang nay ở chỗ này mai ở chỗ khác, nơi đất khách quê người. Xem các câu 1989, 2476, 3019, 3167.

[←797]

Rèm châu, do chữ *châu liêm* : rèm có kết hạt ngọc, chỉ chung loại rèm quý. Xem câu 2627.

Khảo dị : **Tân ngàn đứng rủ rèm châu** (KOM)

[←798]

Khảo đị : Cách **lâu** nghe có tiếng đâu hoạ văn (Qvđ)

[←799]

Dịu dàng : nghĩa cổ là nói cái vẻ thanh lịch, duyên dáng. Xem câu 2012.

Khảo dì : Hình dung chải chuốt áo khăn **gọn gàng** (KOM)

[←800]

Mạch thư hương : nói dòng dõi nhà nho, nền nếp nhà học trò kế thừa nghiệp cũ của cha ông.

[←801]

Bóng nga : bóng trăng. Xem các ct 173, 15.

[←802]

Đeo đai : dan díu, quyến luyến.

Khảo dì : Trông nàng chàng cũng ra tình **chơi với** (KOM)

Khảo dì : Trông **chàng** nàng cũng ra tình đeo đai (Qvđ)

[←803]

Sắc nước hương trời, do chữ quốc sắc thiên hương : chỉ người đàn bà đẹp hiếm có. Xem ct 825.

[←804]

Ý cǎ câu : Kiều có phẩm giá khác đời, hẳn như là Hằng Nga trong cung trăng, tiên nữ trên cung mây.

[←805]

Khảo đị : Hoa sao hoa khéo **đã** đầy **với** hoa (Qvđ)

[←806]

Khảo đị : **Sốt** gan riêng giận trời già (Qvđ)

Khảo đị : **Nỗi** gan riêng giận trời già (BK)

[←807]

Song thu : cửa sổ buổi mùa thu.

Cánh ngoài : cánh cửa ở bên ngoài.

Khảo dị : Song thu **nửa** khép cánh ngoài (KOM)

Bản *Kinh* chữa câu này và câu sau là :

Khảo dị : **Nàng vừa sớm tựa lâu mai** (K₄₅)

[←808]

Đồng vọng : tiếng dội lại, vọng lại nghe văng vẳng.

Lời sắt đanh : lời quả quyết, chắc như chém sắt chặt đanh.

Khảo dị : Nghe lời đường cung ra người sắt đanh (K₄₆)

[←809]

Ý cǎ câu : Như thấy có người thương cảm lòng chua xót của mình mà tự nhiên khuây bớt nỗi buồn bơ vơ.

Khảo dị : Cảm lòng chua xót lạt tình **chợ** vơ (KOM, BK)

[←810]

Kiếp phong trần : kiếp sống bị đày đoạ trong cõi đời gió bụi. Xem ct 986.

[←811]

Khảo đị : Đành liều nhẫn một hai lời (Qvđ)

[←812]

Tế độ : cứu vớt, đưa chúng sinh ra khỏi bể khổ.

Trầm luân : chìm đắm trong cảnh khổ. Xem câu 1104.

[←813]

Mảnh tiên : mảnh giấy viết thư, chỉ bức thư. Xem ct 447.

[←814]

Nỗi nhà báo đáp : nồng nỗi phải bán mình để báo ơn nhà, bán mình chuộc cha.

Nỗi thân lạc loài : nói tình cảnh hiện nay của Thuý Kiều. Xem ct 791.

[←815]

Khảo đị : Tan sương vừa **sáng** ngày mai (KOM)

[←816]

Tiện hồng : tiện có cánh chim hồng, tức là nói tiện có người đưa thư. Hồng là giống ngỗng trời cùng loài chim nhạn, nên thường dùng chữ *nhạn* để chỉ tin tức thư từ nói chung. Văn nôm còn có : *sứ hồng* (LTKN), *sứ lân hồng* (LNT), *thư hồng* (LTKN)... Xem ct 945.

[←817]

Bức tiên mai : bức thư viết trên nền giấy có vẽ hoa mai. Xem ct 447.

[←818]

Ý cả hai câu 1088-1090 : Hai chữ *tích việt* đề trong bức tiên mai, đem tách ra theo lối chiết tự thì có những chữ : *Trấp nhất nhật, tuất tẩu*, nghĩa là : ngày hai mươi mốt, giờ tuất, đến. Giờ tuất là khoảng từ 19g-21g. Đó là lời Sở Khanh giả vờ bí mật hẹn ngày giờ đến lầu Ngưng-bích cùng Thuý Kiều sắp đặt việc cứu nàng.

[←819]

Thoi thót : ý nói một đôi con chim ăn vě trễ, bay vội vã, lẻ tẻ vě rùng.

[←820]

Đoá trà mi đã ngậm gương nửa vành, tức là hoa trà mi vào lúc chập tối, gương hoa ngậm lại, không nở tươi tròn như lúc ban ngày nữa. *Gương*, đây có nghĩa là tán hoa to tròn đẹp. Xem thí dụ 4, tr.132.

Khảo dị : Đoá trà mi đã ngậm **trăng** nửa vành (KOM, Qvđ, BK)

[←821]

Khảo đị : Rẽ song đã thấy Sở Khanh **bước** vào (KOM)

[←822]

Ý cǎ câu : Thuý Kiều lìa cửa lìa nhà, như con chim lạc đàn, phải
mắc vào lầu xanh, mang lấy cái nợ làm gái đĩ.

Khảo dị : Lạc **đường** mang lấy nợ nần yến anh (Qvđ)

[←823]

Cốt nhục từ sinh, tức là *nhục cốt sinh tử* : làm mọc thịt lại ở xương tàn, làm sống lại người đã chết ; chỉ ơn cứu nguy, cứu sống rất sâu. *Tả truyện* : Vi Tử Phùng nói : *Ngô kiến Thân Thúc phu tử sở vị sinh tử nhi nhục cốt giã* = ta xem Thân Thúc phu tử như là người đã làm sống lại kẻ đã chết, đã làm đâm thịt lại ở xương tàn. Lời chú nói : « Ta đã chết mà Thân Thúc cứu ta sống, ta đã là đống xương tàn mà Thân Thúc làm cho đâm thịt ra, ý nói cái ơn cứu sống lại ».

[←824]

Kết cỏ ngậm vành : chỉ sự báo ơn sâu.

Kết cỏ : Theo *Tả truyện*, Ngụy Khoả nước Tần đánh bại được quân Tần ở đất Phụ-thị và bắt được Đỗ Hồi là danh tướng nước Tần. Nguyên xưa kia Ngụy Vũ Tử có người thiếp yêu, không có con. Vũ Tử ngày thường có dặn con là Ngụy Khoả rằng : « Nếu ta chẳng may có chuyện gì, hoặc ốm mà phải chết, thì con lo gả chồng tử tế cho nàng ». Nhưng khi Vũ Tử ốm nặng sắp chết, lại dặn Khoả : « Đem nàng chôn theo ta ». Khi Vũ Tử chết, Ngụy Khoả cứ đem gả chồng cho nàng, nói rằng : « Lời dặn của cha khi ốm đau tất là mê hoảng nên ta không theo. Nay ta theo lời dặn khi cha ta còn sáng suốt mà đem gả chồng cho nàng ». Đến khi đánh nhau với quân Tần ở Phụ-thị, Khoả thấy một ông già cứ nắm từng bụi cỏ mà kết lại với nhau. Ngựa Đỗ Hồi cứ thế mà bị vướng ngã, rồi bị Ngụy Khoả bắt. Đêm hôm ấy, Ngụy Khoả nắm mộng thấy ông già kết cỏ đến nói : Tôi là thân phụ người đàn bà mà tướng quân đã gả chồng cho đó. Tướng quân biết theo lời dặn sáng suốt của tiên nghiêm mà gả chồng cho con gái tôi. Vì cớ ấy, khi tướng quân đánh nhau với Đỗ Hồi tôi kết cỏ để báo ơn sâu của tướng quân.

Ngậm vành : Theo *Tục Tề hài ký* dẫn trong *Hậu Hán thư*, Dương Bảo đời Hậu Hán thuở lên chín, một hôm đến chơi mé bắc núi Hoa-âm, thấy con chim sẻ vàng bị loài chim cắt đánh, rơi nằm dưới một gốc cây đang bị kiến lửa đốt. Bảo bắt đem về nuôi, cho ăn hoa vàng hơn trăm ngày, lông lá mọc lại đủ cả mới thả cho bay đi. Đêm hôm ấy, có một đứa trẻ bận áo vàng đến trước Bảo, lạy rồi nói : « Tôi là sứ giả của Tây vương mẫu, cậu là người nhân ái đã cứu sống tôi, thực cảm cái ơn đó nên nay đem bốn chiếc vòng ngọc đến tạ, mong con cháu của cậu sau này cùng hiển đạt, trong trắng như những chiếc vòng ngọc này ».

[←825]

Khảo đị : Lặng **ngồi** thăm thίá gật đầu (Qvđ)

Khảo đị : Lặng **ngồi** lẩm nhẩm gật đầu (BK)

[←826]

Khảo dị : Ta đây **phải mượn ai** đâu mà răng (KOM, BK)

[←827]

Bể trâm luân : bể làm đắm đuối người tức là nói bể khổ. Xem ct 1080.

[←828]

Ngựa truy phong : ngựa phi rất nhanh như đuổi theo được gió.

[←829]

Tên dưới trướng : người đứng ở dưới màn tức là người theo hầu.

Kiện nhi : người trẻ tuổi có sức khoẻ.

[←830]

Ý Sở Khanh khuyên Thuý Kiều : Trong tất cả các kẽ chỉ có một kẽ hay nhất là chạy trốn. Ý lấy từ lời Vương Kính Tắc (Nam Tề) chép trong *Nam sử* : « Tam thập lục sách, tẩu thị thượng kẽ » = ba mươi sáu chước, chạy trốn là chước hay nhất. *Tam thập lục* là có ý chỉ tất cả, chứ không phải chỉ con số cụ thể là ba mươi sáu.

Khảo dị : Ba mươi sáu chước chước gì **lại** hơn (Qvđ)

[←831]

Gió kép mưa đơn : ý nói, những sự trở ngại lớn nhỏ bất trắc xảy ra. Xem câu 385.

Khảo dị : Dù khi gió **kíp** mưa đơn (KOM)

[←832]

Cơn cớ : tức là can cớ, đây nói biến cố xảy ra có liên can đến thân mình. Xem ct 224.

[←833]

Quá đỗi : quá mức, quá đà không chừng lại được nữa.

Khảo dì : Song đà quá **đất** quản gì được thân (Qvđ)

[←834]

Con tạo : cũng như nói *hoá nhi*. Xem ct 1129.

[←835]

Khảo đị : **Dắt tay lén bước xuống lầu** (K₄₇)

Khảo đị : Cùng nhau lén bước **dưới** lầu (Qvđ)

[←836]

Khảo đị : Song song **đôi ngựa trước sau** một đoàn (K₄₈)

[←837]

Khảo đị : Đêm thu khắc **vợi** canh tàn (KOM)

[←838]

Khảo đị : Gió **rừng** trút lá trăng ngàn ngậm gương (KOM, Qvđ)

[←839]

Khảo đị : Lối mòn **lướt mướt hơi** sương (KOM)

[←840]

Lòng quê : lòng nhớ quê nhà. Tản Đà chú : « Bốn câu này tả cái tình cảnh Thuý Kiều khi ấy thiệt là lâm ly ».

[←841]

Dậy dàng : xôn xao, ồn ào lên.

[←842]

Gan vàng : cũng như nói lòng vàng. Kiểu đoán có người đuối theo phía sau, lòng càng hồi hộp sợ hãi.

[←843]

Khảo đị : Sở Khanh đã **rẽ** dây cương lối nào (KOM)

Khảo đị : Sở Khanh đã **dứt** dây cương lối nào (Qvđ)

[←844]

Hoá nhi : tên gọi tạo hoá với ý cuồng phong, trách móc cho tạo hoá như đứa trẻ hay đặt bày cho người đời lầm chuyện oái oăm, bất thường như trò trẻ con, là do chữ *tạo hoá tiểu nhi* trong tiếng Hán. Theo *Đường thư*, Đỗ Thẩm Ngôn bệnh nặng. Tống Chi Văn, Vũ Bình Nhất cùng một số người khác đến thăm hỏi Thẩm Ngôn bệnh tình ra làm sao. Họ Đỗ nói : « Thậm vị tạo hoá tiểu nhi sở khổ » = thật bị trẻ tạo hoá làm đến khổ. Xem ct 85. Truyện *Kiểu* còn có : *con tạo* (1116). Văn nôm có : *trẻ tạo hoá* (CO), *tạo hoá tiểu nhi* (NTVĐ).

[←845]

Giày tía vò hồng : giày vò những đóa hoa sắc tía sắc hồng, tức ý nói giày vò người đẹp. Xem câu 1138.

Lắm nau : lắm nỗi khổ sở, đau đớn. CO : Tử sinh kinh cụ lắm nau mấy lần.

[←846]

Ý cǎ câu : Không có vuốt đào lỗ mà trốn xuống đất, không có cánh để bay trốn lên trời ; là nói không có cách nào để trốn thoát được cả.

Khảo dị : Vuốt đâu **dưới** đất cánh đâu **trên** trời (Qvđ)

[←847]

Hăm hăm : một mực hăm doạ.

Áp điện : nghĩa như chữ *áp giải* = bắt lôi vě có người theo canh giữ. Xem câu 2601.

Một hơi : một mạch không nghỉ.

[←848]

Khảo đị : Hung **hành** chǎng hỏi chǎng tra (Qvđ)

[←849]

Hồng rụng thăm rời, cũng như *thịt đổ máu sa* ở câu 1140 là nói trận đòn của Tú bà dữ dội đến như thế.

[←850]

Thú phục : thú tội, chịu tội.

Khẩn cầu : khẩn khoản cầu xin.

[←851]

Khảo đị : Uốn lưng thịt đổ **cắt** đầu máu sa (KOM)

Khảo đị : Uốn lưng **núi** đổ **cắt** đầu máu sa (Qvđ)

[←852]

Thuý Kiều vì « chút lòng trinh bạch » mà phải trận đòn đau của Tú bà và phải bị vùi dập !

Nguyễn Lương phê : *Trinh bạch hữu thời nhi hối giã, trào hước chi cực !* = đến sự trinh bạch mà có khi phải hối, (thì trò đời) chơi đùa nhạo cợt quá lắm !

Khảo dị : Chút lòng trinh bạch từ sau **cũng** chừa (KOM, Qvđ. BK)

[←853]

Bảo lĩnh : đứng ra bảo đảm linh chịu trách nhiệm thay.

Cung chiêu : khai nhận mọi tội lỗi đã phạm.

[←854]

Bày vai : nói người cùng hàng, cùng lứa.

[←855]

Chịu đoan : bắng lòng cam đoan chịu trách nhiệm lấy.

[←856]

Gạn gùng : hỏi đến cùng, hỏi cặn kẽ. Xem các câu 1725, 2041 và ct 316.

Nồng nàn : hết lý hết lẽ, khe khắt đủ điều, nặng nề không chịu nổi.

Khảo dì : Đón rào đến mức nồng nàn mới tha (KOM, Qvđ)

[←857]

Mắc lận : mắc lừa, bị lừa gạt.

[←858]

Khảo đị : **Phụ** tình nổi tiếng lầu xanh (Qvđ)

[←859]

Đà đao : Chước đánh lừa người, giả vờ cùng với ai âm mưu thực hiện một việc gì đó rồi nhân đó mà thông mưu lại nhờ tay một người khác để thực hiện ý đồ lừa đảo của mình. BK chú : « miếng võ hiểm lừa người ta đuổi rồi quay lại chém bất ngờ, đây nói lừa đảo, đánh lừa ».

Khảo dí : Đà đao **sắp** sẵn chước dùng (KOM)

[←860]

Một cốt một đồng : một bọn với nhau cùng âm mưu xấu xa cả. Đây nói Tú bà với Sở Khanh là đồng bọn, cùng thông mưu đánh lừa Thuý Kiều. Xem ct 1701.

[←861]

Khảo đị : Có ba **trăm** lạng trao tay (Qvđ)

[←862]

Khảo đị : Không dung chi có **người** này **nọ** kia (Qvđ)

[←863]

Sân si : giận dữ cãi đôi co.

Khảo dị : Bớt lời **thôi** chớ **nói chi nước** đời (Qvđ)

Khảo dị : Bớt lời, liệu chớ **trây chi mà** đời (BK)

[←864]

Khảo đị : Độ nghe răng có con nào ở đây (Qvđ)

Khảo đị : Nợ nghe răng có con nào ở đây (BK)

[←865]

Quyến gió rủ mây : ý nói rủ rê người đi trốn theo mình.

[←866]

Khảo đị : Sở Khanh **thép** mắng dùng dùng (Qvđ)

[←867]

Thị hùng : cậy mạnh mà hung hăng, ra oai bắt nạt người.

[←868]

Anh yến : đây chỉ chung những người con gái. Xem ct 45.

[←869]

Giếng thơi : giếng sâu.

Khảo dị : **Phinh** người đẩy xuống giếng khơi (KOM)

[←870]

Tiên tích việt : xem các ct 1088-1090, 447.

[←871]

Vô lương : không lương thiện.

Khảo dị : Ai ai cũng gớm mặt người vô lương (K₄₉)

[←872]

Nghi : chỉ Sở khanh. Xem ct 12.

Khảo dị : **Chờ xong** nghỉ mới kiểm đường tháo lui (Qvđ)

[←873]

Trong giá trăng ngắn, do thành ngữ « trong như giá, trăng như ngắn », có nghĩa là trong như con giá, trăng như con cá ngắn. *Giá* : loài nhuyễn thể hình như cái giá đậu rất trong ở bể, ăn ngon. *Ngắn* : giống cá bé mình trăng như ánh bạc, tiếng Hán gọi là *ngân ngư*.

Bản Tản Đà chú : « chữ *ngắn* đây, theo các bản chua có khác nhau. Trong bản của cụ Bùi-khánh-Diễn dẫn câu cổ thi : *Thanh như băng tuyết, bạch như ngân* (Trong như băng tuyết, trăng như bạc). Trong bản của ông Hồ-đắc-Hàm chua rằng : *Ngắn* tức là « *ngân* » là bạc, nói tẩm lòng trinh tiết trong như giá, trăng như bạc... Trong bản của hai ông Bùi-Kỷ, Trần-Trọng-Kim chua rằng : Phương ngôn nói : *Trong như giá, trăng như ngắn*. Ngắn là con cá con trăng như bột – Chưa biết nghĩa nào phải hơn, nay xin để cả ».

[←874]

Bình vỡ, do chữ *phá bình* : chỉ việc hỏng, không cách cứu vãn. Đây ý nói tình duyên, trinh tiết của Thuý Kiều đã hỏng hết, đã bị phá sạch.

[←875]

Khảo đị : Vừa tuần nguyệt **rạng** gương trong (Qvđ)

[←876]

Khảo dị : Tú bà ghé **đến** thong dong dặn dò (KOM)

[←877]

Dập dùu : nói về sự nhiều, cái nọ tiếp cái kia qua lại mãi. Xem ct 47.

[←878]

Khảo dị : Bỗng **dưng** ai mất tiền hoài đến đây (KOM)

[←879]

Vành ngoài bảy chữ : bảy cách nói giả dối đãi khách ở bể ngoài để làm cho khách say mê.

Vành trong tám nghề : tám cách chiêu chuộng trong khi ăn nằm với khách để thoả thích lòng họ.

[←880]

Lăn lóc đá : làm cho kẻ vô tình như đá cũng phải say mê chạy theo (lăn lóc) mình.

Khảo dì : Đủ điều lịch sự mới mê được người (K₅₀)

[←881]

Khoé hạnh : khoé mắt liẽc sắc như lá hạnh.

Ý cả câu : Nói khi mắt liẽc khi mày đưa.

Khảo dị : Khi khóe hạnh **lúc** nét ngài (Qvđ)

[←882]

Khảo đị : Khi ngâm **nghĩ** nguyệt khi cười cợt hoa (Qvđ)

[←883]

Người soi : người sành sỏi biết đủ ngón chơi.

Khảo dì : Đủ ngắn ấy nết mới là **làng** soi (KOM)

[←884]

Khảo đị : Cúi đầu vâng dạ y mấy lời (Qvđ)

[←885]

Nét nguyệt : nét lông mày cong, thanh như hình vành trăng. Xem câu 1793.

Vẻ hồng : vẻ mặt hồng hào xinh đẹp.

[←886]

Nước đờị : nỗi đờị, trò đờị. Xem câu 2007.

[←887]

Cửa các buồng khuê : như chữ *khuê* *các*. Xem ct 296.

[←888]

Mặt dạn mày dày : người quen chịu khổ nhục mà hoá ra liều không còn biết sợ xấu hổ nữa. Xem các câu 1237, 3150.

[←889]

Trướng đào : màn màu đỏ phơn phớt như màu hoa đào. Xem câu 1468 và ct 434.

[←890]

Bướm ong : xem ct 38.

[←891]

Khảo đị : Cuộc say đầy tháng trận cười **trót** đêm (KOM, Qvđ)

[←892]

Cả câu, ý nói cảnh tấp nập đưa đón khách chơi. KOM chú : « Nàng Tiết Đào đời Đường lúc bé có câu thơ rằng : *Chi nghênh nam bắc điểu, diệp tống vãng lai phong* = cành đón những con chim nam bắc, lá đưa những ngọn gió qua lại. Cha nàng xem thơ, không vui (vì biết con về sau không ra gì) ».

[←893]

Tống Ngọc : người nước Sở đời Chiến Quốc.

Trường Khanh : tức Tư-mã Tương-như đời Hán.

Cả hai người đều đẹp trai, nổi tiếng về từ phú. Tống Ngọc có Cao-đường phú, Thần nữ phú... Trường Khanh có Tử hư phú, Thượng-lâm phú, Trường-môn phú... Đây chỉ khách đến chơi toàn những hạng văn nhân, tài tử như Tống Ngọc, Trường Khanh chứ không phải là khách tầm thường. Xem ct 513, 475.

[←894]

Dày gió dạn sương : ý nói đã quen chịu những nỗi khổ nhục mà hoá ra liều không còn biết sợ xấu hổ nữa. Xem câu 3150.

[←895]

Mưa Sở mây Tân : đây có nghĩa như chữ *mây mưa* trong câu *Mây mưa đánh đổ đá vàng*. Sở, Tân chỉ đặt thêm cho cân đối câu văn. Xem các ct 249, 513.

[←896]

Khảo đị : Những mình nào **có biết** xuân là gì (KOM)

[←897]

Đòi phen. nhiều phen. Xem ct 788.

Gió tựa hoa kè : nói những cảnh vui thú như hóng gió, xem hoa.

[←898]

Nửa rèm tuyết ngậm : tuyết rơi bám vào gần hết bức rèm.

Bốn bề trăng thâu : trăng sáng tỏ, soi khắp bốn phía.

Câu trên và câu này nói Thuý Kiều mùa nào ngắm cảnh đẹp mùa ấy làm khuây ; trong hai câu thơ đủ cả bốn cảnh phong, hoa, tuyết, nguyệt.

Khảo dị : Nửa rèm tuyết ngậm bốn **hở** trăng thâu (KOM, Qvđ, K₅₁)

[←899]

Hai câu này tả bốn thứ chơi tao nhã : cầm, kỳ, thi, hoạ. Xem ct 469.

Khảo dị : Đòi phen nét vẽ câu **thi** (Qvđ)

[←900]

Tri âm : biết tiếng, là nói bạn thân thiết tri kỷ biết được bụng dạ nhau. Xem ct 464.

[←901]

KOM : « Như trúc phong mai vũ bất tương can giã » = như gió trúc mưa mai cũng không tương can gì đến mình. BK cũng chú : « *Trúc phong mai vũ* : là trúc gặp gió, hoa mai được mưa. Đây nói : là cảnh vui và đẹp mà mình chờ ơ không thiết đến ». Cùng ý đó, Tân Đà chú : « Gió cây trúc, mưa cành mai, là những cảnh đẹp đáng để ý ». Thơ nôm đời Trần : *Văng vặc trăng mai ánh nước, hiu hiu gió trúc ngâm sênh*, là nói hai cảnh đẹp đó. Xem ct 708.

[←902]

Dùi mài một thân : thui thủi chăm chút làm việc một mình không ai đỡ đần cho.

Khảo dì : Ngắn ngơ trãm **nỗi** dùi mài một thân (KOM, BK)

[←903]

Khảo dị : Nội lòng đòi đoạn xa gần (BK)

[←904]

Chín chữ : nói công lao khó nhọc của cha mẹ nuôi dạy con cái.

*Kinh Thi : Ai ai phụ mẫu sinh ngã cù lao... Phụ hề sinh ngã, mẫu hề
cúc ngã, phủ ngã, súc ngã, trưởng ngã, dục ngã, cỗ ngã, phúc ngã,
xuất nhập phục ngã. Dục báo chi đức, hạo thiên vồng cực = Xót
thương cha mẹ ta, sinh ra ta khó nhọc. Cha ta sinh ra ta, mẹ ta
nâng đỡ ta từ trong bụng ; cha mẹ ta đã vỗ về nuôi nấng cho ta bú
mới, bồi bổ cho ta khôn lớn, dạy cho ta lời khôn lẽ phải, lo lắng
theo dõi khi ta đi đâu, dựa theo tính ta mà khuyên răn ta, che chở
giữ gìn cho ta. Muốn báo đền ơn đức cha mẹ, công đức đó như trời
rộng không có giới hạn. Người sau gọi là *cửu tự cù lao*.*

*Đây là lần thứ ba Nguyễn Du diễn tả tâm trạng nhớ nhung của
Thuý Kiều (1253-1268). Xem ct 918.*

[←905]

Bóng dâu : bóng mặt trời xế còn gác lại trên ngọn tang du, tức là nói cảnh trời chiều, chỉ tuổi già. *Dâu* tức *tang du*. *Thế thuyết* : *Niên tại tang du* = tuổi đã về già. Thơ Trương Hoa (Tấn). *Thung dung dưỡng dư nhật, thủ lạc vu tang du* = thư thái dưỡng ngày thừa, cốt lấy cái vui lúc tuổi già. LVT : Tuổi già bóng xế nhành dâu, sớm xem tối xét ai hầu cho cha.

Ý cả câu : Một ngày cha mẹ một già thêm. Xem câu 1629.

[←906]

Ý cǎ câu : Cha mẹ cách trở nước non xa thẳm nghìn dặm.

[←907]

Sân hoè : sân có trồng cây hoè, chỉ nhà cha mẹ. Theo *Tống sử*, Vương Hộ người đất Hoa đời Tống, văn chương nổi tiếng một thời, ông tự tay trồng ba cây hoè ở sân nhà và nói : « Con cháu ta tất có người làm đến tam công. Ba cây hoè này là nêu chí của ta ». Về sau, người con thứ của ông là Vương Đán làm quan đến chức tể tướng. Thiên hạ gọi là *tam hoè Vương thị* = ba cây hoè nhà họ Vương (Vương Đán truyện). Nhân đó, người ta cũng dùng *sân hoè* để chỉ nhà có con cái hiển đạt. Xem câu 3238.

Đôi chút thơ ngây : chỉ Thuý Vân và Vương Quan.

Khảo dị : Long đong nhà bạc em ngây (K₅₂)

[←908]

Trân cam : nói những thức ăn ngon quý, là những vật phụng dưỡng cha mẹ của người con hiếu.

[←909]

Lời nguyện ước ba sinh : lời thề ước đời đời kiếp kiếp có nhau.
Xem ct 257.

[←910]

Liễu Chương-dài : Theo *Toàn Đường thi thoại*, Hàn Hoành người đất Nam-dương đời Đường, giỏi thơ, có yêu và kết duyên với một người con gái ở phố Chương-dài trong thành Trường-an là Liễu thị. Năm sau họ Hàn về quê thăm nhà, để Liễu thị ở lại Trường-an. Không may kinh đô có biến, Liễu thị bị tướng giặc cướp mất. Khi loạn được dẹp yên, họ Hàn cho người đem vàng bạc và bài thơ *Chương-dài liễu* để hỏi dò thăm Liễu thị : *Chương-dài liễu, Chương-dài liễu, tích nhật thanh thanh kim tại phủ ? túng sử trường điếu tự cựu thuỷ, giã ưng phan chiết tha nhân thủ* = cây liễu ở Chương-dài, cây liễu ở Chương-dài, ngày trước xanh xanh, nay có còn không ? cho dù cành dài còn buông rủ như cũ, thì có lẽ cũng đã vin bẻ vào tay người khác mất rồi ! Người nhà Hàn Hoành đã dò được tin và trao thơ cho Liễu thị. Liễu thị đề thơ trả lời : *Dương liễu chi phương phi tiết, khả hận niên niên tặng ly biệt ; nhất diệp tuỳ phong hốt báo thu, túng sử quân lại khải kham chiết ?* = cành dương liễu đang độ tốt tươi, đáng giận năm năm phải tặng ly biệt ; một chiếc lá theo gió chở báo thu sang, cho dù anh có đến thì làm sao có thể bẻ được nữa. Về sau nhờ mưu của Hứa Tuẫn mà Liễu thị được trở về đoàn tụ với Hàn Hoành. Đây nói *liễu Chương-dài* là chỉ người yêu xa cách, người tình nhân cũ là Thuý Kiều.

QÂTK : Châu rơi có lẽ phục hoàn, cũng mong Liễu lại tay Hàn mai ngay.

[←911]

Tình sâu : tức tình sâu ruột thịt (cõt nhục tình thâm), đây chỉ tình chị em.

Nghĩa dày : đây chỉ nghĩa vợ chồng.

Ý cả câu : Thuý Kiều mong Thuý Vân lấy tình chị em thay mình mà trả nghĩa Kim Trọng (không biết việc đã nên chưa).

Khảo dị : Tình sâu mong trả nghĩa đầy (KOM)

[←912]

Khảo đị : Hoa kia đã chắp **cỗi** này cho chưa (KOM)

Khảo đị : Hoa kia đã chắp **cây** này cho chưa (BK)

[←913]

Đòi đoạn : xem ct 222.

[←914]

Giấc hương quan : giấc mơ về quê nhà. *Hương quan* là cổng làng, chỉ quê nhà. Xem ct 437.

Khảo dị : Giấc hương quan luống **những** mơ canh dài (Qvđ)

[←915]

Hoàng hôn : lúc chiều tối, ánh mặt trời vàng sắp lặn. Hai chữ *hoàng hôn* và *hôn hoàng* làm cho câu văn cân đối, gợi ý hết ngày này sang ngày khác cứ đều đều buồn tẻ kẽ tiếp nhau qua. KOM chú : « Thơ Chu Thục Chân (Tống) : *Khóc tốn song mâu đoạn tận trường, phạ hoàng hôn đáo hựu hôn hoàng* » = khóc hại cả tròng mắt đứt hết cả ruột gan, sợ hết chiều này đến chiều khác, cứ thế mãi.

[←916]

Thỏ bạc ác vàng, nghĩa như chữ *thỏ lặn ác tà* : đêm tàn ngày hết, đêm ngày nối tiếp qua. Xem ct 79.

[←917]

Khảo đị : Đã cho lấy **kiếp** hồng nhan (KOM)

[←918]

Khách du : khách đi chơi, hay khách làng chơi.

[←919]

Nòi thư hương : như chữ *mạch thư hương*. Xem ct 1061.

Khảo dị : Kỳ Tâm họ Thúc cũng **loài** thư hương (Qvđ)

[←920]

Huyện Tích châu Thường : tức huyện Vô-tích, phủ Thường-châu, thuộc tỉnh Giang-tô ngày nay. Xem các câu 2291, 2300, 2898.

[←921]

Nghiêm đường : cha, vì đạo làm cha quý ở tính nghiêm. Xem các
ct 372, 430.

[←922]

Hoa khôi : đứng đầu các hoa, nguyên là chữ để nói hoa mai, vì hoa mai nở trước cả trăm hoa. Đây chỉ người con gái đẹp nhất trong đám chị em.

[←923]

Thiếp hồng : tấm danh thiếp màu hồng.

Hương khuê : buồng thơm, buồng của phụ nữ. Xem các câu 1661, 1803.

[←924]

Trướng tô, do chữ *lưu tô* *trướng* : màn có kết tua bồng lụa hay bồng lông chim ngũ sắc. Xem ct 434.

[←925]

Nguyệt hoa hoa nguyệt : đây chỉ chuyện trăng hoa, chuyện quan hệ giữa Kiều và Thúc sinh. Xem các ct 461, 1448.

Não nùng : đây ý nói say đắm mãnh liệt. Xem các câu 1285, 3206.

[←926]

Lẽ thường : lẽ thường như thế.

[←927]

Sớm đào tối mận : đây ý nói sớm tối tình tự dan díu với nhau.

Kinh Thi có câu : *Đầu ngã dĩ đào, báo ngã dĩ lý* = ném cho ta quả đào, để báo lại, ta cho quả mận. Trong văn Hán, nhân đó nói *đầu đào báo lý* là để chỉ quà tặng, đồ biếu xén lẵn nhau. Còn trong văn nôm thường dùng để chỉ quan hệ qua lại giữa nam nữ. Ví như : Đã hay đưa mận trả đào, cớ sao kẻ dài môi chi chê bỉu (Phú Lê Quý Đôn) ; Có đâu lại gieo đào trả lý, có đâu nên nhẫn cá gửi chim (BNT).

[←928]

Khảo đị : Ngày xuân lăm lúc **quên** về với xuân (KOM)

[←929]

Bầu tiên : bầu rượu tiên, tức là rượu ngon, rượu quý.

Chuốc rượu : rót rượu mời nhau. Xem câu 3190.

Câu thần nối thơ : câu thơ cực hay nối lời nhau mà ngâm vịnh. Tao nhân mặc khách thời xưa có lối chơi thơ, nhiều người cùng nối lời nhau làm chung một bài. Xem câu 204.

Khảo dị : Bầu tiên **rót** rượu câu thần nối thơ (Qvđ)

[←930]

Khảo đị : Khi hương sớm khi **mây** trưa (Qvđ)

[←931]

Bàn vây : bàn cờ vây, một lối đánh cờ của người Trung-quốc có từ lâu. Từ đời Đường trở về sau, bàn cờ chia ra ngang dọc 19 đường đều nhau, tất cả là 361 đường cờ. Quân cờ trắng đen, mỗi bên 150 quân, chia ra mà bao vây và diệt lẫn nhau nên gọi là vi kỳ (cờ vây). Cách chơi cờ này không phổ biến ở nước ta nhưng rất phổ biến ở Nhật-bản.

Điểm nước : tính nước cờ đi. Xem ct 469.

Khảo dị : Bàn trà điểm nước đường tơ họa đàn (Qvđ)

[←932]

Truy hoan : đua đuổi sự vui chơi.

Khảo dì : Miệt mè trong cuộc truy hoan (KOM)

[←933]

Sóng khuynh thành : chỉ cái liếc mắt nhìn của người đàn bà đẹp.
Xem ct 27.

[←934]

Bốc rời : bốc từng nắm tiền rời mà tiêu không cần đếm. Ý nói tiêu không tiếc tiền. KOM chú : « Rời tức là tiền rời ». Bản Trương Vĩnh Ký cũng chú như vậy.

[←935]

Lục hông : xem ct 90.

[←936]

Hơi đồng, do chữ *đồng xú* : hơi tiền đồng (tiền xưa đúc bằng đồng), tức là nói tiền bạc. *Hậu Hán thư* : Thôi Thực là người có danh tiếng ở đất Bắc-châu, từng giữ chức quận thú. Về sau nhờ mẹ đem năm vạn quan tiền lót cho quan trên mà được thăng chức tư đồ. Thực nhân đấy mà hỏi con là Quân rằng : « Ta được vào hàng tam công, dư luận bàn tán thế nào ? » Quân đáp : « Luận giả hiềm kỳ *đồng xú* » = người ta bàn luận, ngờ có *hở đồng* mà được (Thôi Thực truyện).

Văn nôm còn có *hở kẽm*. Chẳng khôn ngoan cũng chẳng thân sơ, có *hở kẽm* mới tha hồ nghiêng ngửa (Thơ Nguyễn Công Trứ).

Khảo dị : Máu tham **người** thấy hơi đồng thì mê (KOM)

[←937]

Quyên đã gọi hè : tiếng chim quyên kêu vào hè. Xem ct 566.

[←938]

Lửa lựu : là nói hoa lựu nở đỏ chói như lửa.

Câu này và câu trên tả cảnh đã sang hè. Hai câu *Lần lần ngày gió
đêm trăng, thưa hồng rậm lục đã chừng xuân qua* (369-370) cũng
là nói cảnh hết xuân sang hè.

[←939]

Buồng the : buồng có che màn the, buồng của phụ nữ. Xem câu 1744.

[←940]

Thang lan : nước hoa lan thơm nấu sôi để tắm.

Tắm hoa : ý nói tắm cho người đẹp.

[←941]

Hai câu 1311-1312 nói toàn thân Thuý Kiều trắng đẹp một cách thiên nhiên. BK chú : « *Ngọc-trai-tập* (KOM để *chính trai tập*) có câu : *Chú tựu thiên nhiên nhất dạng cốt tướng* = Đức nên một bộ cốt tướng. Nghĩa là lúc Kiều bỏ xiêm áo ra trông hình dung rất đẹp ».

[←942]

Khảo đị : Sinh càng tò **nết** càng khen (BK)

[←943]

Luật Đường : luật thơ đời Đường, có ngũ ngôn luật (luật thơ mỗi câu năm chữ) và thất ngôn luật (luật thơ mỗi câu bảy chữ).

Khảo dị : Tả tình tay thảo một thiền luật Đường (Qvđ)

[←944]

Đây là lần thứ tư Nguyễn Du diễn tả tâm trạng nhớ nhung của Thuý Kiều (1315-1320). Xem ct 918.

[←945]

Khảo đị : Lời lời châu **nguyệt** hàng hàng gấm thêu (Qvđ)

[←946]

Női điêu, do chữ *tục điêu* : női đuôi con điêu, là lời nói khiêm chỉ việc bắt chước mà tiếp công việc của người khác. *Điêu* : giống động vật thuộc loài chuột ở rừng xú lạnh, lông dài, vàng hoặc đen tía, đuôi to, người ta săn lấy da để choàng cho ấm. Đời Hán, các quan hầu cận vua như thị trung, trung thường thị... đều đội mũ có cắm đuôi điêu làm ngù. Đến đời Tấn, sau khi cướp được ngôi Huệ đế, bè đảng của Triệu Vương Luân đều lên chức khanh tướng, cả bọn lính hầu cùng bọn tôi tớ phục dịch cũng được phong tước. Mỗi khi triều hội, quan chức đội mũ đuôi điêu ngồi đầy cả. Thời bấy giờ có câu ngạn ngữ chế giễu rằng : *Điêu bắt túc, cẩu vĩ tục* = đuôi điêu không đủ, lấy đuôi chó nối vào. Đây, *női điêu* là lời Kiều nói khiêm việc họa lại thơ Thúc sinh.

[←947]

Nỗi quê : nỗi lòng nhớ quê nhà. Xem câu 1122.

Khảo dị : **Lòng** quê **dở** một **vài** điếu ngang ngang (KOM)

Khảo dị : Nỗi quê **còn** một hai điếu ngang ngang (Qvđ)

[←948]

Mây Hàng : mây ở núi Thái-hàng, chỉ lòng nhớ cha mẹ. Theo *Đường thư*, Địch Nhân Kiệt khi làm quan ở đất Tinh-châu, cha mẹ còn ở đất Hà-dương. Một hôm ông lên chơi núi Thái-hàng, ngoảnh lại nhìn thấy có đám mây trắng lờ lững bay ở đằng xa, ông ngậm ngùi nói với người theo xung quanh rằng : « Ngô thân xá kỳ hạ » = nhà cha mẹ ta ở dưới đám mây trắng đó. Nói rồi, ông bỗn chồn đứng nhìn đám mây trắng một hồi lâu, đến khi mây bay đi nơi khác mới thôi. Xem ct 2236.

Rút từ điển này, truyện *Kiểu* còn có : *mây bạc* (1599), *mây trắng* (1787).

Khảo dị : Lòng còn gởi áng mây **vàng** (Qvđ. BK)

Khảo dị : Lòng còn gởi **đám mây vàng** (K₅₃)

[←949]

Ý cǎ câu : Thúc sinh vẫn tưởng Thuý Kiều là con đẻ của Tú bà.

[←950]

Thu ba : sóng thu, là nói con mắt người đẹp trong sáng như nước thu gợn sóng. Xem các ct 25, 348.

Khảo dị : Nàng càng **tuôn giọt** thu ba (KOM)

[←951]

Khảo đị : Đoạn trường lúc ấy **dở** mà buồn tênh (KOM. BK)

[←952]

Khảo dị : **Khác** như hoa đã lìa cành (Qvđ)

[←953]

Khảo đị : Chàng như con bướm **liệng** vành **chút** chơi (KOM)

Khảo đị : Chàng như con bướm **liệng** vành mà chơi (Qvđ)

[←954]

Chúa xuân : người chủ vườn xuân, chủ xuân tình.

Ý cả câu : Chúa xuân đã có nơi yêu rồi, tức ý nói Thúc sinh đã có vợ. Xem câu 1946.

[←955]

Nước non : lời thề nguyền. Xem ct 603.

[←956]

Trăm năm : đây chỉ việc vợ chồng ăn ở trọn đời với nhau. Ở ta cũng như ở Trung-quốc, khi mừng đám cưới thường chúc câu *Bách niên giai lão* = cùng nhau sum họp đến lúc già trăm tuổi tức là đến trọn đời. Xem ct 1.

[←957]

Bên thú : bên Thúc sinh lấy vợ lẽ.

Bên tòng : bên Thuý Kiều bỏ lầu xanh đi lấy chồng, tức là tòng lương. Cả hai bên đều có khó khăn.

[←958]

Bình-khang : tên một phường ở kinh thành Trường-an đời Đường, là nơi ở của các kỹ nữ. *Khai thiên di sự* : Thành Trường-an có phường Bình-khang là nơi ở của các kỹ nữ. Hàng năm các tân khoa tiến sĩ đến đó chơi. Phường Bình-khang ở gần cửa bắc nên cũng gọi là Bắc lý (làng cửa Bắc). Về sau, nhân đó *Bình-khang* là từ chỉ chung chỗ kỹ nữ ở.

[←959]

Khảo đị : Rồi ra **Iở** phấn phai hương (BK)

[←960]

Khảo đị : Lòng kia giữ được thường thường **thẽ** chǎng (KOM)

[←961]

Thêm quế : chỉ mặt trăng. Theo *Dậu dương tạp trổ*, trong mặt trăng có cây quế cao năm trăm trượng, gốc cây có một người đẵn, đẵn xong cây lại liền như cũ. Người đó họ Ngô tên Cương ở đất Tây-hà, học phép tiên, có lỗi bị phạt đi chặt quế. Do điển này, khi nói về mặt trăng, văn nôm thường dùng : *bóng quế* : (HĐQÂ), *cung quế* (LVT), *đan quế* (HĐQÂ), *đẽn quế* (HĐQÂ). Xem ct 173.

[←962]

Chị Hằng : chị Hằng Nga ở cung trăng. Lời chú sách *Hoài nam tử* của Cao Dụ nói : Hằng Nga là vợ Hậu Nghệ. Hậu Nghệ xin được thuốc trường sinh ở Tây vương mẫu, chưa kịp uống, thì Hằng Nga lấy trộm uống mất, rồi được thành tiên, thoát lên cung trăng. Xem ct 173.

Ý cả hai câu : Trong nhà Thúc sinh đã có vợ cả là Hoạn thư chủ trương mọi việc rồi.

[←963]

Dải đồng : người xưa dùng dải gấm thắt nút nối tiếp nhau ngụ ý thương yêu nhau, gọi đó là đồng tâm kết (cái nút đồng tâm). Xem ct 452.

[←964]

Phận bèo mây : thân phận như bèo trôi mây nổi, không định. ATV : Lệnh đênh chút phận bèo mây, duyên kia đã vậy thân này nương đâu. Xem ct 770.

[←965]

Tay co : miếng gỗ đóng ngang miệng thùng nước để buộc dây vào mà gánh (KTTĐ) ; đồ dùng hình cánh cung có dây để cắt đất hay cưa ngọc (Génibrel). *Vững tay co* : ý nói vững tay trong cách đối xử giải quyết công việc.

[←966]

Đắp điểm : che đậm, đỡ dần. Xem câu 2562.

[←967]

Ý cǎ câu : Nếu thế lực vợ lớn hơn thế lực chồng. đây là nói thế lực Hoạn thư át cả thế lực Thúc sinh. Theo lễ giáo cũ, người chồng trông coi việc bên ngoài, người vợ trông coi việc trong nhà (nam trị ngoại, nữ trị nội), nên *trong, ngoài* đây là do nghĩa ấy.

[←968]

Hàm sư tử : chỉ tính hung hăn ghen tuông của đàn bà, cái oai dữ của người vợ cả. *Truyền đăng lục* : Trần Tháo, người đời Tống, tự Quý-thường, thường cùng Tô Thức luận bàn về bút pháp và về sự thành bại của cổ kim, rất thích đạo Phật, đã từng ăn rau, ở chùa, không màng gì đến thế sự. Vợ Tháo là Liễu thị, tính hung hăn, hay ghen. Mỗi lần Tháo mở tiệc mời khách, nếu có ca kỹ đến hát xướng mua vui, thì Liễu thị ở nhà trong, máu ghen nổi lên, lấy gậy đánh sàn sạt vào tường, gầm thét om sòm, khách không chịu nổi phải bỏ ra về. Tô Thức nhân đây có thơ đùa Trần Tháo rằng : *Thuỷ tự Long-khâu cư sĩ hiền, đàm không thuyết hữu dạ bất miên, hốt văn Hà-đông sư tử hống, trụ trượng lạc thủ tâm mang nhiên* = ai hiền như cư sĩ đất Long-khâu, bàn về thuyết không thuyết có của nhà Phật đêm không ngủ, bỗng nghe sư tử Hà-đông rống lên, gậy chống rơi khỏi tay, lòng bàng hoàng quên phắt đi hết. Dựa theo câu thơ của Đỗ Phủ (Đường) : *Hà-đông nữ nhi thân tính Liễu* = người con gái đất Hà-đông họ Liễu. Tô Thức đã mượn chữ Hà-đông để chỉ Liễu thị, vợ Tháo. Còn *sư tử hống* là tiếng nhà Phật dùng để nói uy nghiêm của Phật tổ, nói giọng thuyết pháp của Phật âm thanh chấn động thế giới như sư tử gầm. Nay Trần Tháo thích đàm luận đạo Phật, Tô Thức bèn mượn tiếng nhà Phật để đùa chỉ cái tính hung hăn hay ghen của Liễu thị.

Đăng la : loài dây leo, thường phải bám vào các cây lớn khác, ví với người vợ lẽ. Xem ct 902.

[←969]

Lửa nồng : chỉ cảnh khổ ở lầu xanh.

Giấm chua : chỉ lòng ghen tuông của người vợ cả.

Ý cả câu : Nỗi khổ sở bị vợ cả ghen tuông, hành hạ còn gấp mấy cảnh khổ ở lầu xanh. KOM chú : « Đường Vũ hậu, tắm Tiêu phi nhập thố ủng ; cỗ tác thiếp giả xưng vi thố bình, tác kỹ giả vi nhập hoả khanh » = Đường Vũ hậu ngâm bà Tiêu phi vào trong một chum giấm ; vì vậy người làm vợ lẽ gọi là làm *bình giấm* (thố bình), người làm con gái nhà thố gọi là vào *hởm lửa* (hoả khanh).

[←970]

Nhà thông : KOM : « Nguyên tác để nhà *xuân*, thất vận. Nếu đọc âm *thung*, thì nghĩa lại khác, nên đổi ra *thông* ». Như vậy, nhà thông đây tức là *nhà xuân* = cha. Xem ct 534.

Khảo dị : Ở trên còn có nhà **xuân** (Qvđ)

[←971]

Khảo đị : Lòng trên trông xuống biết lòng có thương (Qvđ, BK)

[←972]

Liễu ngõ hoa tường : cây liễu ở ngoài ngõ, cành hoa ở bên tường, ai vin hái cũng được ; đây là nói gái lầu xanh.

[←973]

Khảo dị : Đành thân phận thiếp **nghĩ** danh giá chàng (BK)

[←974]

Nói dè chừng : nói phỏng chừng. Xem ct 123.

[←975]

Ngô Lào : hai nước mà xưa kia ta cho là ở xa lăm. Ngô tức Trung-quốc, còn Lào là Ai-lao. Đây *Ngô Lào* ý nói chuyện xa xôi, viển vông.

Ý Thúc sinh khuyên Thuý Kiều : Đường xa nỗi gần, xin đừng lo ngại gì đến những chuyện xa xôi, viển vông...

Khảo dị : Đường dài chớ ngại Ngô Lào (Qvđ)

[←976]

Ý cǎ câu : Đã gần nhau thì làm gì còn có chuyện xa nhau, nghĩa là đã lấy nhau thì quyết không bỏ nhau.

Khảo dị : Đã gần chi có **đường** xa (BK)

[←977]

Phong ba : sóng gió, chỉ những sự hiểm nguy ghê gớm không lường được. Xem câu 1470.

Khảo dị : Đá vàng **cũng** quyết phong ba cũng liều (Qvđ, BK)

[←978]

Chỉ non thè bể : xem ct 603.

[←979]

Thỏ : chỉ mặt trăng. Xem ct 79.

Non đoài : núi ở phía tây. Xem ct 426.

[←980]

Mượn điệu : lẫy cớ, mượn tiếng.

Trúc viện : nhà xung quanh có trông nhiều trúc.

Thừa lương : hóng mát, nghỉ mát.

[←981]

Chiến hoà : *chiến* là doạ kiện Tú bà đã lừa mua con nhà lương thiện bắt làm đĩ ; *hoa* là dùng cách điệu đòn đưa tiền chuộc Kiều ra khỏi lầu xanh.

[←982]

Khảo đị : Cây **người** thầy-thợ, mượn người dò-la (BK)

[←983]

Bắn tin : đánh tiếng, đưa tin một cách gián tiếp.

[←984]

Hoàn lương : con gái lầu xanh bỏ nghề tiếp khách trở về sống lương thiện gọi là hoàn lương.

Cửa công : chỗ công đường, nơi làm việc của quan lại thời phong kiến. Xem các câu 1404, 1461, 2595-2875, 3059-1406, 1437.

Khảo dị : Hoàn **nguyên** một thiếp thân vào cửa công (Qvđ)

[←985]

Công là việc quan (trình nộp thiếp hoàn lương).

Tư là việc đổi với Tú bà (cửa dẫn tay trao).

Khảo dì : Công tư **đôi** lẽ đều xong (BK)

[←986]

Gót tiên : gót người đẹp, đây chỉ Thuý Kiều.

Trần ai : bụi bặm, chỉ cảnh khổ ở lầu xanh nơi thế tục, ăn với chữ *gót tiên* ở đầu câu. Xem câu 2202.

Thuý Kiều ra khỏi thanh lâu. Đây là lần đầu tiên Kiều ở lầu xanh mụ Tú bà mà nay ra khỏi. Còn một lần nữa, Kiều lại rơi vào lầu xanh ở châu Thai, nói ở đoạn 2139 = 2164.

[←987]

Trúc mai : đây chỉ vợ chồng, luôn luôn có nhau như cây mai cây trúc. Xem câu 1679 và ct 708.

[←988]

Hương lửa : chỉ tình duyên vợ chồng. Xem ct 382.

[←989]

Ý cản câu : Thuý Kiều bấy giờ mỗi ngày một trăng trèo hồng hào, càng xinh đẹp thêm ra.

[←990]

Hơi tiếng, bở thành ngữ : quen hơi bén tiếng.

[←991]

Sân ngô : sân có trồng cây ngô đồng. Ngô đồng thân cao, cành lá xanh biếc (bích ngô), nay đã chen lá vàng, tức là đã sang thu.

[←992]

Giệu thu : giệu hoa mùa thu.

Giò sương : chồi hoa chịu được sương, tức là chồi hoa cúc.

Khảo dị : Giệu thu vừa nảy **chồi** sương (KOM)

[←993]

Gối yên : cái gối dựa vào cái yên ngựa của các ông lão đời trước hay dùng.

[←994]

Phong lôi : gió sấm, chỉ cơn giật dữ dội. Xem các ct 1727, 1470.

[←995]

Nặng lòng e ấp : ý nói Thúc ông trong lòng e sợ về nỗi con đã có vợ rồi mà nay lại lấy gái lầu xanh, như thế không những ngại về thanh danh nhà mình, mà còn lo đổi với nhà Hoạn thư chắc sẽ có chuyện lôi thôi. Xem câu 1579.

Khảo dị : Nghĩ điều hơn thiệt tính bài phân chia (K₅₄)

[←996]

Khảo đị : Quyết ngay **tăn hǎn** một bẽ (K₅₅)

[←997]

Nghiêm huấn : lời dạy của cha. Xem ct 1278.

[←998]

Ý cǎ câu : Tay đã trót nhúng vào chàm thì dù có rút tay ra cũng bị nhuộm xanh rồi không rửa sạch được, giống như việc Thúc sinh đã lấy Thuý Kiều.

Khảo dị : Xót vì tay đã nhúng chàm (Qvđ)

[←999]

Khảo sát : Lượng trên **dù** chằng thương tình (KOM)

[←1000]

Bạc đen : KOM chú : « Bạc đen là do câu tục ngữ *bạc tình hắc tâm* = tình bạc lòng đen. Như vậy, *bạc đen* có nghĩa là lòng dạ đen tối, ăn ở bạc bẽo không ra gì ».

Ý cả câu : Cái thân này thôi cũng liều chịu tiếng lòng đen dạ tối, ăn ở bạc bẽo với cha mẹ, chứ nhất định không theo lời cha mà bỏ Kiều. Xem câu 1538.

Khảo dị : **Phụ tình** thôi có tiếc mình làm chi (K₅₆)

[←1001]

Khảo đị : Thấy lời **vàng** đá tri tri (Qvđ)

[←1002]

Sốt gan : nóng gan ; cũng như tức gan, sôi gan là nói ý giận lắm.

Khảo dị : Sốt gan, ông mới **thân** quỳ cửa công (KOM)

[←1003]

Cả câu, bởi chữ *bình địa ba đào* : chỉ những điều tai biến xảy ra đột ngột, quá bất ngờ không tài nào lường biết được. Xem các câu 729, 3065.

[←1004]

Phủ đường : dinh quan phủ. Xem câu 1437 và ct 1378.

Phiếu hồng : chỉ tờ trát của qua.

Thôi tra : đòi lén mà xét hỏi.

[←1005]

Sân hoa : sân phủ đường. Chữ *hoa* chỉ đặt cho đẹp lời. Xem câu 1895 và ct 103.

Khảo dị : Song song vào trước sân hoa **vái** quỳ (KOM)

[←1006]

Mặt sắt đen sì : chỉ mặt của viên quan phủ trông cứng trợn ra, dữ tợn, đáng ghét. Tiếng Hán có chữ *thiết diện* là nói ông quan nghiêm nghị, cương trực, không phải nghĩa ở đây. Xem câu 2580.

[←1007]

Đong đưa : không thực thà, hay tráo trở.

Khảo dí : Mà con người thế **ra** người đong đưa (KOM)

[←1008]

Nguyên đơn : đơn bên nguyên, của người đứng kiện.

[←1009]

Chiếu án : cứ theo án mà định tội.

[←1010]

Gia hình : đây là nói làm tội. Xem các câu 1425, 2388.

[←1011]

Yếu thơ : yếu ớt, thơ dại.

Lôi đình : sấm sét, là nói sự dữ dội của hình phạt.

[←1012]

Ba cây, do chữ *tam mộc* : ba thứ hình cụ bằng gỗ thời xưa là *nữu* (cái khoá tay), *già* (cái gông cổ), *giới* (cái cùm chân). Ở đây, *ba cây* chỉ hình phạt nói chung, chứ không nhất thiết phải có cả gông cổ, khoá tay, cùm chân, vì Thuý Kiều chỉ bị phạt trượng. Nhân chữ *ba cây* cho nên ở dưới nói *một cành mẫu đơn* để ví Thuý Kiều.

Khảo dị : Ba cây **đóng chặt** một cành mẫu đơn (KOM, K₅₇)

[←1013]

Ý cǎ câu : *Má đào hoen quẹn*, là nói mặt mũi thắt sắc, nước mắt giàn giụa hoen quẹn cả má đào. *Mày liễu tan tác* là nói Thuý Kiều chau mày chịu đau, lông mày lá liễu coi không ra hình lá liễu nữa.

Khảo dị : Đào **nhăn nhíu** má liễu tan tác mày (KOM)

[←1014]

Vóc sương : chỉ khổ người nhẹ, thanh, trong trắng. Bốn câu đây là cực tả cái hình thù tiêu tụy của Thuý Kiều khi bị hình phạt.

Khảo dị : Gương lờ nước thủy mai gầy vóc **xương** (KOM)

[←1015]

Oan khốc : oan uổng một cách đau đớn, oan uổng quá đáng.

Khảo dị : Khóc răng : Oan **khổ** **vì** ta (KOM)

[←1016]

Ý cản câu : Nếu Thúc sinh nghe lời Thuý Kiều nói lúc trước (chút e bên thú bên tòng dẽ đâu – 1334), thì bây giờ đã chẳng để lụy cho Thuý Kiều như vậy.

Khảo dị : Có nghe lời trước, **chớ** đà lụy sau (BK)

Khảo dị : Có nghe mình trước **chớ** đà **khỏi** sau (Qvđ)

[←1017]

Phủ đường : đây chỉ quan phủ. Xem câu 1406.

[←1018]

Cầu thân : cầu làm thân, tức định lấy nhau.

Khảo dị : Đầu đuôi kể **sự những** ngày cầu thân (Qvđ)

[←1019]

Khảo đị : Tại tôi **xứng** lẩy một tay (Qvđ)

[←1020]

Giải vi : mở vòng vây. Đây nói tha đòn cho Thuý Kiều như mở vòng vây hình phạt cho nàng.

Khảo dị : Dẹp uy mới dạy **mở** bài giải vi (KOM, BK)

[←1021]

Trăng hoa : chỉ việc trai gái ăn chơi đàng điếm. Xem các câu 1538, 3176 và ct 103.

[←1022]

Khảo đị : Theo đòn **cũng và** ít nhiễu bút nghiên (Qvđ)

[←1023]

Mộc già : cái gông. Đầu đề bài thơ là vịnh cái gông.

[←1024]

Khảo dị : Nàng vâng **bút cất** tay đê (KOM)

[←1025]

Tiên hoa : tờ hoa tiên Thuý Kiều chép bài thơ đẽ vịnh. Xem các ct 103, 447 và câu 2625.

Án phê : bàn quan ngồi phê chữ vào giấy tờ, tức là bàn giấy quan phủ.

[←1026]

Thịnh Đường : thời kỳ nhà Đường thịnh. Các nhà văn học sử Trung-quốc đã chia khoảng thời gian gần ba trăm năm của triều đại nhà Đường ra làm bốn thời kỳ : 1. Sơ Đường (618-713), 2. Thịnh Đường (713-766), 3. Trung Đường (766-835), 4. Văn Đường (835-907). Thơ Đường vốn đã hay, mà trong buổi thịnh là hay hơn cả.

Khảo dị : Khen rằng : Giá **lợp** Thịnh Đường (KOM, BK)

[←1027]

Châu Trần : tên một thôn (nay thuộc huyện Phong, tỉnh Giang-tô) chỉ có hai họ Châu, Trần đời đời làm thông gia với nhau, nên người sau dùng *Châu Trần* để nói hôn nhân tốt đôi vừa lứa. Thơ *Châu Trần thôn* của Bạch Cư Dị (Đường) : *Từ châu cổ Phong huyện, hữu thôn viết Châu Trần ; nhất thôn duy lưỡng tính, thế thế vi hôn nhân* = huyện Phong xưa ở đất Từ-châu, có một thôn gọi là Châu Trần ; một thôn chỉ có hai họ, đời đời làm thông gia với nhau. Xem các câu 2094, 2866.

Khảo dị : Châu Trần **lại** có Châu Trần nào hơn(KOM)

[←1028]

Rước dũ cứu hờn : mua rước lấy điếu dũ, cứu mang lấy sự hờn giận. *Cứu* : mang vào, ôm lấy.

[←1029]

Khảo dị : **Dẫu ngoài là** phép, song trong là tình (KOM)

Khảo dị : Ngoài thì là **lẽ**, song trong là tình (BK)

[←1030]

Kiệu hoa cất gió : kiệu hoa cất lên vai, đi nhanh, lướt gió mà đi.

Đuốc hồng điểm sao : đuốc hồng điểm những chấm lửa lên nền trời sao.

Khảo dị : Kiệu hoa **chen** gió đuốc hồng điểm sao (KOM)

Khảo dị : Kiệu hoa cất gió đuốc hồng **ruổi** sao (Qvđ)

[←1031]

Cổ xuý : nhạc bát âm. *Cổ* là tên gọi chung những nhạc khí dùng để đánh như chiêng, trống. *Xuý* là những nhạc khí để thổi như kèn, sáo...

Khảo dị : Bày hàng cổ **vũ** xôn xao (Qvđ)

[←1032]

Khảo dị : Thương vì **nết** trọng vì tài (KOM)

[←1033]

Phong ba : sóng gió, đây nói cơn giận dữ. Xem các ct 1389, 1727 và câu 1366.

[←1034]

Huệ lan : hai thứ hoa, dây mượn ý nói sum họp.

Khảo dị : Huệ **hương** sức nức một nhà (Qvđ)

[←1035]

Mảng vui : mải vui, ham vui. Xem ct 535.

Khảo đị : Mảng vui rượu sớm **trà** trưa (KOM)

[←1036]

Ý cǎ câu : nói đã hết mùa xuân, sang mùa hè.

[←1037]

Trướng hồ : trướng dán giấy. Đây chỉ chỗ buồng the. Xem các ct 283, 434.

[←1038]

Phận bồ : xem ct 746.

[←1039]

Ý cǎ câu : Chim nhạn (về mùa thu), chim yến (về mùa xuân) đổi thay nhau, mùa nọ qua mùa kia thǎm thoát đã gần một năm : Thuý Kiều gặp Thúc sinh từ buổi « dưới trǎng quyên đã gọi hè » đến nay, thì « đào đà phai thǎm sen vừa nảy xanh » !

Khảo dị : Đổi thay nhạn **cá** đã **cùng** đầy niên (Qvđ)

[←1040]

Cát lũy : chỉ người vợ lẽ. Xem ct 902.

Tao khang (*tao* là bã rượu, *khang* là cám gạo, nói những thức ăn hèn mọn) : chỉ người vợ lũy từ buổi còn nghèo túng, cùng ăn bã rượu và cám gạo. Đây chỉ người vợ cả đã gắn bó với Thúc sinh từ trước là Hoạn thư. Theo *Hậu Hán thư*, Tống Hoằng, người đất Trường-an đời Hậu Hán, làm quan đại tư không thời Quang Vũ đế. Quang Vũ có người chị là công chúa Hồ-dương mới goá chồng. Quang Vũ có ý lo việc tái giá cho chị nên thường cùng công chúa đàm luận về các quan trong triều để dò lòng chị. Công chúa nói : « Uy đức của Tống Hoằng, quần thần không ai bằng được ». Quang Vũ hiểu ý, một hôm cho triệu Tống Hoằng vào bệ kiến, rồi nhân hỏi dò Hoằng (vì Hoằng đã có vợ) : « Tục ngữ có nói : sang đổi bạn giàu đổi vợ, có phải nhân tình là thế ư ? » Hoằng đáp : *Thần vẫn bần tiện chi tri bất khả vong, tao khang chi thê bất hạ đường* = thần nghe nói bạn bè quen biết nhau từ thuở nghèo hèn không thể quên nhau, người vợ lũy từ buổi còn nghèo túng khốn khổ không bỏ cho ra khỏi nhà (tức là không thể bỏ nhau). Quang Vũ biết ý liền thôi.

Khảo dị : Mặn tình cát lũy lạt **nguyễn** tao khang (KOM)

[←1041]

Khảo đị : Tăm hơi, ai **kẻ** giữ-giàng cho ta (BK)

[←1042]

Khảo đị : Trộm nghe kẻ **cả** trong nhà (KOM)

[←1043]

Phi thường : khác với hạng thường, đây nói bụng dạ sâu hiể̉m.

[←1044]

Ý cǎ câu : bụng dạ người ta không thể dò biết được như rốn bể, đáy sông.

Cd : Sông sâu còn có kẻ dò, lòng người hồ dẽ ai đo cho cùng.

[←1045]

Tiêu hao : tin tức. Xem câu 2927.

Khảo dị : Bấy chầy chưa tò **âm** hao (KOM)

[←1046]

Khảo đị : Xin chàng liệu **kíp** lại nhà (Qvđ, BK)

[←1047]

Khảo đị : Trước là đẹp ý sau ta biết tình (Qvđ)

[←1048]

Khảo đị : Ví bǎng giữ mực giấu quanh (KOM)

[←1049]

Hồi trang : sắm sửa hành lý để về.

Khảo dì : Đành lòng **chàng** mới quyết lòng hồi trang (KOM)

Khảo dì : **Định tình** sinh mới quyết lòng hồi trang (Qvđ)

[←1050]

Khảo đị : Sáng ra gởi đến xuân đường (KOM)

[←1051]

Ninh gia : về thăm nhà. Xem câu 1768 và ct 1606.

[←1052]

Quan hà : cửa ải (quan) và sông (hà) là nói đường đi xa xôi cách trở núi sông.

Chén quan hà : chén rượu tiễn biệt người đi xa.

[←1053]

Xuân đình : Theo thiển ý chúng tôi, *xuân đình* đây nghĩa là sân có trồng cây xuân, như chữ *xuân đường*. Xem ct 534.

Cao đình : chỉ nơi tiễn biệt nhau. BK chú : « *xuân-đình* là chỗ chơi, *cao-đình* là chỗ tiễn biệt. Cổ thi : *Cao-đình tương biệt xứ* = chỗ biệt nhau ở cao-đình ».

Khảo dị : Xuân đình thoát đã **trông** ra cao đình (Qvđ)

[←1054]

Hai câu 1501-1502 lấy ý ở hai bài thơ cổ để nói cảnh tiễn biệt.

Sông Tần lấy ở bài ca *Vị Tây* : *Đao vọng Tần-xuyên, can trường đoạn tuyệt* = xa trông nước sông Tần như nát gan đứt ruột. *Cành Dương-quan* lấy ở bài *Tống Nguyên nhị sứ An-tây* (Tiễn Nguyên nhị đi sứ An-tây) : *Vị-thành triêu vũ ấp khinh trấn, khách xá thanh thanh liễu sắc tân, khuyến quân cảnh tận nhất bôi tửu, tây xuất Dương-quan vô cõi nhân* = đất Vị-thành mưa sớm thấm làn bụi nhẹ, nơi quán khách liễu mới đổi màu xanh rờn ; mời bác hãy uống cạn thêm một chén này, đi về phía tây ra khỏi Dương-quan sẽ không có bạn cũ nữa. *Dương-quan* là tên một cửa ải nay ở về phía tây nam huyện Đôn-hoàng tỉnh Cam-túc. Bài thơ đó của Vương Duy người đời sau cho vào Nhạc phủ, thường được hát trong khi tống biệt, gọi là *Dương-quan tam diệp* (ba nhịp Dương-quan) vì hát đến câu Dương-quan thì lại hát trở lại thường là ba lần. *Cành Dương-quan* là cành liễu bẻ tặng nhau khi tiễn biệt.

Loi thoι : thưa thớt không đều.

Khảo dι : Sông Tần một dải **trong** xanh (KOM)

[←1055]

Khảo dị : Lôi-thôi bờ liễu mấy cành Dương-quan (BK)

[←1056]

Khảo đị : Cầm tay dài **thở ngắn** than (KOM)

[←1057]

Khảo đị : Chia phôi **ngại** chén hợp tan nghẹn lời (Qvđ)

[←1058]

BK chú : « Tục ngữ : *Loà được yếm thắm, khó lòà trôn kim.* Nghĩa là cái yếm thắm tuy rắng đỏ, nhưng có khi vô ý không trông thấy, còn trôn kim tuy nhỏ, nhưng nhìn kỹ thế nào cũng thấy ». *Kim Vân Kiều truyện* : Thúc sinh nói với Thuý Kiều : « Tôi cưới nàng đã hơn một năm và đã sai người về nhà nghe ngóng, thì chị cả (tức Hoạn thư) không hề hay biết gì. Nàng tính giấu giếm như thế có khéo hay không ? » Thuý Kiều nói : « Người đi động cỏ, chim bay rụng lông, ở Lâm-truy này, kinh động đến quan nha như thế, chẳng lẽ bên nhà lại không biết chút tăm hơi gì cả ? »

Khảo dị : **Dễ mà ép xẩm luồn kim** (KOM, K₅₈)

[←1059]

Bưng mắt bắt chim, do chữ *yếm mục bổ* tước là thành ngữ nói tự dối mình. Đây chỉ việc tự cho rằng giàu kín được chuyện chàng lấy vợ lẽ (là việc không thể có, như việc bưng mắt bắt chim).

[←1060]

Đèo bòng : vướng víu, quấn quít bận bìu lấy nhau. Xem các câu 1785, 2803.

[←1061]

Nói sòng : nói thẳng không quanh co. *Sòng* là sòng phẳng. Xem câu 3217.

[←1062]

Bất tình : không ngờ trước được, bất thình lình. Xem câu 1727.

Khảo dị : **Dẫu** khi sóng gió bất tình (KOM)

[←1063]

Khảo đị : **Cả** ra uy **cả** tôi dành phận tôi (KOM)

Khảo đị : Lớn ra **phận** lớn tôi dành phận tôi (Qvđ)

[←1064]

Chén đưa : chén rượu tiễn đưa.

[←1065]

Chén mừng : chén rượu mừng gấp lại.

Khảo dị : Chén mừng xin đợi **bữa** này năm sau (KOM)

Khảo dị : Chén mừng xin đợi **đêm** này năm sau (Qvđ)

[←1066]

Chia bào : buông áo tiễn biệt nhau. *Bào* : áo. Kẻ ở lại níu lấy áo người đi tỏ tình quyến luyến. Xem câu 3015.

[←1067]

Phong : giống cây cao to, lá chia ba cánh gần giống lá cây thầu dầu ở ta, sang thu lá ngả màu đỏ sẫm.

Quan san : cửa ải, núi non ; **màu quan san**, tức là nói cái vẻ xa xôi cách trở. Xem các câu 1938, 2874.

Ý cả câu : Rừng phong đã nhuộm màu thu, lá đã ngả màu đỏ sẫm, trông càng thêm nỗi quan san cách trở.

[←1068]

Dặm hồng : đường trường cát bụi.

Chinh an : yên ngựa đi đường xa.

Bụi hồng ở đường trường cuốn theo bám vào yên ngựa của người đi xa.

Khảo dị : Dặm **trường** bụi cuốn chinh an (Qvđ)

[←1069]

Dặm trường : đường dài. Xem các câu 1605, 2031.

[←1070]

Khảo đị : Kể chi những **sư** dọc đường (KOM)

[←1071]

Danh giá : nhà danh giá.

[←1072]

Lại bộ : bộ lại, bộ đứng đầu trong các bộ của triều đình phong kiến, coi việc bổ dụng quan lại.

[←1073]

Duyên Đằng gió đưa : duyên may có gió đưa đến gác Đằng vương, chỉ duyên may hiếm có, cơ hội thuận lợi. Gác Đằng vương là tên một tòa gác do Đằng vương Nguyên Anh, con Đường Cao tổ, cho xây dựng khi ông còn làm thứ sử đất Hồng-châu ở trên cửa sông Chương-giang về phía tây huyện Tân-kiến tỉnh Giang-tây. Đằng vương là tước phong của Nguyên Anh, nên gọi là *Đằng vương các*. Theo *Đường thư*, về sau Diên Bá Dữ làm quan mục đất Hồng-châu, nhân tiết Trùng cửu (mồng 9 tháng 9), đặt tiệc lớn đãi các liêu thuộc ở gác Đằng vương. Vương Bột (tự Tử-an, người đất Long-môn, là một trong tứ kiệt thời Sơ Đường) đi thuyền sang thăm cha đang làm quan ở đất Giao-chỉ, thuyền đi đến núi Mã-đương, Bột nghe tin họ Diêm mở tiệc lớn ở gác Đằng-vương, liền thả thuyền sang Nam-xương (tên phủ thuộc đất Hồng-châu) dự tiệc. May gặp gió thuận, thuyền đi chỉ một đêm là đến nơi, vừa kịp dự. Giữa tiệc chủ nhân đưa giấy bút yêu cầu khách đề cho bài tự. Không ai dám nhận. Nhưng đến khi đưa cho Vương Bột, họ Vương nhận ngay rồi viết luôn bài *Đằng vương các tự nổi tiếng* (*Vương Bột truyện*). Thơ Tô Thức (Tống) : *Thời lai phong tống Đằng vương các* = thời vận đến gió đưa tới gác Đằng vương.

Đây là một trong những điển rất được thông dụng trong văn nôm như HĐQÂ, BCKN, QÂTK, LNT, HT, SKTT.

Khảo dị : Duyên Đằng **sớm thuận** gió đưa (KOM, K₅₉)

[←1074]

Xe tơ : như chữ xe dây chuí ở điển *chỉ hồng*. Xem các câu 1532, 2600, 3076, 3111 và ct 333.

[←1075]

VŨ TRÌNH PHÊ Ý HAI CÂU 1533-1534 : *Chân chính nhất vị đương
gia mệnh phụ. Ngã dữ quân, sinh bất đồng thời, cư bất đồng địa ;
chí kim độc chi, do giác bất hàn chi lật* = thật đúng là một vị mệnh
phụ đảm đương việc nhà. Ta với nàng, sinh không đồng một thời, ở
không cùng một chỗ, mà nay đọc đến hai câu đây, như cảm thấy
không rét mà run !

[←1076]

Khảo đị : Miệng người đã lầm tin nhà **còn** không (KOM)

[←1077]

Lửa tâm : nói lửa ghen trong lòng nổi lên. Xem ct 1932.

[←1078]

Đen bạc : chỉ lòng dạ xấu xa ăn ở bạc bẽo. Xem ct 1402.

Khảo dị : **Giận** người đen bạc ra lòng trăng hoa (Qvđ)

[←1079]

Khảo dị : Cũng **dòng** kẻ dưới mới là **người** trên (KOM)

[←1080]

Nền : nền nếp. Đây nói nền nếp của người trên, kẻ cản.

[←1081]

Khảo dị : **Hay** chi mà rước tiếng ghen vào mình (Qvđ)

[←1082]

Khảo dị : Kiến trong miệng chén lại bò đi đâu (KOM, Qvđ, BK)

Đây để theo bản *Trương Vĩnh Ký*.

[←1083]

Nhǎn tiễn : ngay trước mắt.

[←1084]

Tng : Chưa thăm ván đã bán thuyền, ý nói nhân tình bạc bẽo, có mới nới cũ.

Khảo dì : Cho người **tham** ván bán thuyền biết tay (KOM, K₆₀)

Khảo dì : Cho người **buôn** ván bán thuyền biết tay (Qvđ)

[←1085]

Tng : Gió thoảng ngoài tai, ý nói không chú ý nghe, không đếm xỉa gì đến. Hoạn thư để ngoài tai những lời người ta mách bảo, đồn đại về chuyện Thúc sinh lấy vợ lẽ.

[←1086]

Khảo đị : Tuần sau bỗng **có** hai người (KOM)

[←1087]

Tâng công : nịnh hót để lấy công. Hai chữ *tâng công* các bản nôm đều chép *tân công*. Bản KOM chú : « Chu Tất Đại thi : *Táo tỳ sạ tân công* » = các chị nhà bếp khoe khoang dâng công mới. Bản *Phạm Kim Chi* chú như bản KOM. Như vậy, *tân công* đây cũng có nghĩa như *tâng công* trong tiếng Việt. Chúng tôi để *tâng công* vì đã phổ biến.

Khảo dị : Mách tin **rắp** cũng liệu bài **tân** công (KOM)

Khảo dị : Mách **tin ý** cũng liệu bài **tân** công (Qvđ, BK)

Khảo dị : **Mách mau cũng rắp toan bài tân công** (K₆₁) (1)

(1) **Bản BK in lần thứ sáu, chữa lại** : Mách tin, ý cũng liệu bài tâng công.

Bản Kinh viết là : Mách mau cũng rắp toan bài tâng công

[←1088]

Thị phi : ý nói đặt điều ra, thêu dệt ra khiến người nghe không biết *phải trái* là đâu. Xem ct 1016.

Khảo dị : Vội vàng **làm dữ** ra uy (KOM)

[←1089]

Buồng đào : buồng màu hồng nhạt, buồng của phụ nữ. Xem câu 1648.

Khảo dị : Buồng **điều** khuya sớm thành thơi (KOM)

[←1090]

Khảo dị : Đêm ngày lòng những **giận** lòng (BK)

[←1091]

Lầu hồng, do chữ *hồng lâu* : chỉ nhà ở của hạng phụ nữ giàu sang, cũng dùng để chỉ chỗ ở của phụ nữ nói chung. Thơ Lý Bạch (Đường) : *Mỹ nhân nhất tiểu khiên châu bạc, dao chỉ hồng lâu thi thiếp gia* = người đẹp nhoẻn miệng cười kéo rèm châu, xa chỉ lầu hồng và nói đó là nhà của thiếp. Xem câu 2177.

[←1092]

Lời tan hợp : lời nói về những nỗi buồn vui khi xa cách, khi sum họp. Xem câu 3028.

[←1093]

Tẩy trần : rửa sạch bụi. Tục cổ Trung-quốc, khi có người ở xa mới đến, đặt tiệc mời ăn hay biếu vật gì cho người đó thì gọi là *tẩy trần*, ý là nói để rửa sạch những nỗi gian lao vất vả dọc đường. Xem câu 1834.

[←1094]

Khảo dị : Mấy phen cười **tỉnh nói** say (KOM)

[←1095]

Bất động : không đả động đến, im không nói năng gì. Xem ct 844.

[←1096]

Thành ngữ : Kín như hũ nút, ý nói kín lǎm, không lọt được ra ngoài.

[←1097]

Thành ngữ : Ai kháo mà xưng, ý nói vô cớ mà xưng ra.

Khảo dí : Nào ai có kháo mà mình **đã** xưng (KOM, Qvđ)

[←1098]

E ấp : e dè, ấp úng không dám nói ra. Xem ct 1390.

[←1099]

Thành ngữ : Rút dây động rừng, ý nói làm cái này nhưng lại động chạm đến nhiều cái khác.

[←1100]

Hai câu 1583-1584 ý nói : Ngọc hay đá, vàng hay thau hai người
đã thấu rõ được lòng nhau và đã tin nhau hoàn toàn. Cd : Thực
vàng chẳng phải thau đâu, đừng đem thử lửa cho đau lòng vàng.

[←1101]

Khảo đị : Góm cho những miệng đồng dài (KOM)

[←1102]

Cd : Trăm năm bia đá cũng mòn, nghìn năm bia miệng hãy còn trơ trơ.

[←1103]

Thuần vược, do chữ *thuần lô* tức là *thuần canh lô khoái* : canh rau thuần gỏi cá vược (lô), chỉ phong vị nơi quê nhà. Theo *Tấn thư*, Trương Hàn ở đất Ngô-quận đời Tấn, tự Quý-ưng, là người chí hiếu, có nhiều tài, giỏi văn chương, tính phóng khoáng, không hay câu nệ nhỏ nhặt. Ông vào đất Lạc, Tề vương Quýnh vời đến cho giữ chức thuộc quan. Bấy giờ Quýnh đương cầm quyền mà ông đã từng nói rằng : « Thiên hạ loạn lạc, mỗi họa chưa định được, phàm người có tên tuổi trong bốn bể cầu được lui về mà hưởng an nhàn là rất khó ». Rồi nhân một buổi gió thu bắt đầu thổi mà nhớ *canh rau thuần gỏi cá vược* (thuần canh lô khoái) ở quê nhà, ông than rằng : « Nhân sinh quý đắc thích chí, hà năng ký quan sổ thiên lý dĩ yêu danh tước hõ » = đời người ta quý nhất là được điều thích chí, sao có thể chịu trói buộc mình ở ngoài ngàn dặm mà cầu danh, cầu tước ! Đoạn, ông sai người nhà thăng ngựa câu, chuẩn bị hành lý rồi bỏ quan trở về quê cũ (*Trương Hàn truyện*). Thơ Bạch Cư Dị (Đường) : *Thu phong nhất trợ lô ngư khoái, Trương Hàn dao đầu hoàn bất hối* = gió thu nổi nhớ một gấp đũa gỏi cá vược, Trương Hàn lắc đầu gọi không quay trở lại.

Điển này rất được thông dụng trong văn nôm, TTKV : Hèn nào khách ở Liêu-đông, rau thuần gỏi vược ch襍 mòng nhớ quê. TTK : Gió thu một tiếng bên tai, thuần lô sực nhớ đến mùi Giang-nam. TDV : Canh thuần gỏi vược thú quê, nồng phuơng tiêu sái lạt bẽ công danh.

Khảo dị : **Non** quê thuần vược bén mùi (Qvd)

Khảo dị : Thú quê thuần **hức** bén mùi (BK)

[←1104]

Ý cǎ câu : Một vài lá ngô đồng vàng rụng xuống giếng là nói trời đã sang thu. Cổ thi : *Ngô đồng nhất diệp lạc, thiên hạ cộng tri thu* = một lá ngô đồng rụng, ai cũng biết thu sang.

Kể từ khi « người lên ngựa kẻ chia bào, rừng phong thu đã nhuộm màu quan san » (1519-1520) đến đây đã lại một mùa thu.

Khảo dị : Giếng vàng đã **nẩy** một vài **tin** ngô (Qvđ)

[←1105]

Quan tái : cửa ải, chỉ cảnh núi sông nơi đất khách.

Khảo dị : Một niềm quan tái, mấy mùa gió trăng (BK)

[←1106]

Khảo đị : Tình riêng chưa dám **hở** răng (KOM)

[←1107]

Mây bặc : xem ct 1319.

[←1108]

Khảo đị : Lâm-truy cũng **liệu** tính mà thắn hôn (Qvđ)

[←1109]

Tắc son : xem ct 343.

Khảo dì : Được lời như **cởi** tắc son (BK)

[←1110]

Vó câu : vó ngựa câu. Xem ct 139.

[←1111]

Roi câu : chỉ roi ngựa. Xem ct 139.

[←1112]

Xe hương, do chữ *hương xa* : chỉ xe của phụ nữ đi.

Quy ninh : con gái đi lấy chồng, trở về thăm cha mẹ đẻ. Xem ct 1498.

Khảo dì : Xe hương **thư** cũng thuận đường quy ninh (KOM)

Khảo dì : Xe hương nàng **đã** thuận đường quy ninh (Qvđ)

[←113]

Thành ngữ : Ngứa ghẻ hờn ghen, ý nói điều khó chịu, không đẹp mắt.

Khảo sát : Nghĩ rằng **nhận lấy** hờn ghen (Qvđ)

[←1114]

Hải đạo : đường bể.

[←1115]

Gia nhân : người giúp việc trong nhà.

Khảo dị : **Đóng** thuyền lừa mặt gia nhân (Qvđ)

[←1116]

Khảo đị : Hãy đem dây **thắm** buộc chân nàng về (Qvđ)

[←1117]

Phu nhân : tiếng gọi lịch sự vợ của người quyền quý. Xem các câu 1770, 2260, 2316.

[←1118]

Lèo mây : dây mây buộc ở cánh buồm để người cầm lái nắm điều khiển buồm theo hướng gió. Thành ngữ : Tay lèo tay lái. Xem câu 1709.

[←1119]

Côn quang : gậy gỗ. Đây dùng như chữ côn đồ, chỉ bọn vô hại, bọn du côn.

Khảo dị : Khuyển, Ưng lại **lựa** một bầy côn quang (BK)

[←1120]

Thuận phong : thuận gió.

Một lá : một lá buồm, chỉ chiếc thuyền nhẹ.

Thúy Kiều bấy giờ đang ở Lâm-truy, nguyên là kinh đô nước Tề cũ nên gọi là biển Tề.

Khảo dị : Thuận **buồm** một lá vượt sang **bến** Tề (Qvđ)

Khảo dị : Thuận phong một lá vượt sang **bến** Tề (BK)

[←1121]

Ấm lạnh : do chữ *đông ôn hạ sảnh*. Xem ct 918.

Ngọt bùi : do chữ *cam chi*, là những thức ngon lành phụng dưỡng cha mẹ.

[←1122]

Lời non nước : xem ct 603.

Lời sắt son : lời trung nghĩa bền chặt như chữ son khắc vào sắt, cũng là một lối ghi lời thề của thời xưa.

[←1123]

Sắn bìm : xem ct 902.

[←1124]

Khuôn duyên : duyên trời. Xem các ct 343, 2157. *Đây là lần thứ năm Nguyễn Du diễn tả tạm trạng nhớ nhung của Thúy Kiều* (1627-1634). Xem ct 918.

Khảo dị : **Nhân** duyên có biết vuông tròn cho chǎng (Qvđ)

[←1125]

Cung Quảng, do chữ *Quảng hàn cung* : chỉ cung trăng. Theo *Long thành lục*, Đường Minh-hoàng, nhân đêm trung thu, cùng với đạo sĩ Hồng Đô Khách lên chơi cung trăng, thấy có biển đề *Quảng hàn thanh hư chi phủ* = phủ rộng, lạnh, trong, rõng.

Rút từ điển này, văn nôm có : *cung Hàn* (HT), *cung Quảng hàn* (TTKV), *Hàn cung* (LNT)...

À Hằng : tức Hằng Nga. Xem các ct 15, 173, 1340, 1637.

Khảo dị : Liều như **à Tố cung trăng** nghĩ **nào** (KOM)

Khảo dị : Liều như cung Quảng à Hằng, nghĩ **nau** (BK)

[←1126]

Song đào : cửa sổ chốn buồng đào. Xem câu 446 và ct 1565.

[←1127]

Nửa vành trăng khuyết ba sao giữa trời : *Kinh thi : Tam tinh tại thiên* = ba sao giữa trời, là chòm sao Tâm. Đoạn này nói Kiều nhớ Thúc Sinh và có ý chỉ ngay tên Thúc sinh. Thúc sinh là Thúc Kỳ Tâm, « ba sao » cũng ví như ba chấm (.) và « nửa vành trăng khuyết », ví như nét chữ cong chữ « tâm », cả câu chiết tự ra cũng là chữ « tâm ».

Khảo dị : Nửa vành trăng **nhạt** ba sao giữa trời (K₆₂)

[←1128]

Khảo dị : Nén hương đến trước **thiên** dài (Qđv, BK)

[←1129]

Khảo đị : Nỗi lòng khẩn **hết mơi** lời vân vân (Qvđ)

[←1130]

Ác nhân : người hung ác.

[←1131]

Khốc quỷ kinh thần : quỷ khóc thán sợ, ý nói đáng sợ hãi quá lầm.

Khảo dị : Âm ầm khốc quỷ kinh thần **nhảy** ra (KOM)

[←1132]

Khảo đị : Đầy sân gươm tuốt sáng **lòe** (BK)

[←1133]

Khảo đị : **Đặt** ngay lên ngựa tức thì (KOM)

[←1134]

Khảo dì : Phòng **thêu** viện sách bốn bề lửa dong (KOM)

Khảo dì : Phòng đào viện sách **tư** bốn bề lửa dong(Qvđ)

[←1135]

Khảo dí : Đem vào để **đánh lận** sòng ai hay (KOM)

[←1136]

Pha càn : chạy nhanh, chạy bừa vào.

Pha : vượt qua, băng qua. Xem câu 2940.

Khảo dị : Xông pha bụi cỏ gốc cây ẩn mình (KOM)

[←1137]

Khảo đị : Tớ thầy **tốc** thẳng đến nơi (Qvđ)

[←1138]

Phòng hương, do chữ *hương khuê* : phòng thơm, chỉ buồng của phụ nữ. Xem ct 1280.

Khảo dị : Chạy **ra** chốn cũ phòng hương (Qvđ)

[←1139]

Khảo dị : Thúc ông **rơi giọt** ngắn dài (KOM, Qvđ)

[←1140]

Di hài : xương khô còn sót lại.

[←1141]

Khâm liệm : lấy vải bọc thiêng người chết trước khi đặt vào áo quan.

Tang trai : làm ma, làm chay.

[←1142]

Một hai : đây ý nói đủ cả từng thứ một, không thiếu thức gì. Xem ct 341.

[←1143]

Lục trình : đi đường bộ.

[←1144]

Khảo đị : Bước vào chốn cũ lầu **thư** (KOM, BK)

[←1145]

Trung đường : gian giữa nhà.

[←1146]

Linh sàng : giường thờ.

[←1147]

Sự duyên : duyên do cái việc ấy.

[←1148]

Vật vã : trăn trọc, lăn lộn vì đau khổ. Xem câu 2000.

[←1149]

Mai trúc : xem ct 1381.

[←1150]

Vĩnh quyết : cũng như *vĩnh biệt* : từ biệt nhau mãi mãi, ý nói kẻ sống người chết.

[←1151]

Khảo dị : Kể bao xiết nỗi thảm sâu (K₆₃)

[←1152]

Khảo dị : Đoạn trường ai có qua cầu mới hay (KOM, K₆₄)

Khảo dị : Dễ ai rãp thảm quạt sầu cho hay (Qvđ)

[←1153]

Phi phù : đốt lá bùa thổi tàn cho bay đi.

Tri quỷ : gọi được quỷ thần đến.

Thông huyền : thông đến được cõi huyền bí, tức là cõi quỷ thần.

Khảo dị : **Bay** phù việc quỷ cao tay thông huyền (Qvđ)

[←1154]

Tam đảo : ba hòn đảo tiên là *Bồng-lai*, *Phương-trượng* và *Doanh-châu*. Lời chú sách *Sơn hải kinh* nói : « Ba hòn đảo to như núi là Bồng-lai, Phương-trượng và Doanh-châu ở trong bể Bột-hải. Trên đảo có tiên ở, cung thất đều làm bằng vàng ngọc, điểu thú toàn một màu trắng, xa nhìn trông như mây ».

Cửu tuyền : chín suối, tức âm phủ. Xem ct 94, 734.

[←1155]

Khảo đị : Sắm sanh lễ vật **đưa** sang (Qvđ)

[←1156]

Đạo nhân : cũng như *đạo sĩ* : ông thầy pháp, thầy phù thủy.

Tĩnh đàn : đàn chay để làm phép.

[←1157]

Xuất thần : nói thần hồn (thầy pháp) thoát ra khỏi thể xác nhập vào cõi thần linh.

Khảo dị : Xuất thần dây phút chưa tàn **triệu** hương (Qvđ)

[←1158]

Khảo dị : Người này nặng **kiếp** oan gia (Qvđ, BK)

[←1159]

Mệnh cung : cung bản mệnh chủ về thân mình, là cung đứng đầu trong mười hai cung của lá số.

Khảo dị : **Bột** cung đang mắc nạn to (KOM, Qvđ)

[←1160]

Chiên chiên : rành rành mà có ý đỗi nhau.

Khảo dị : Hai bên giáp mặt **nhiều phen** (KOM)

[←1161]

Khảo dị : **Điều đâu** nói lạ dường này (KOM)

Khảo dị : Nghe lời **thêm nỗi chua cay** (K₆₅)

[←1162]

Đồng cốt : ông đồng, bà cốt là những người làm nghề đồng bóng.
Xem câu 1162.

[←1163]

Nước trôi hoa rụng, do chữ lục *hoa lưu thủy* : nói cảnh tượng tan tác suy bại, tiêu điều ; đây chỉ ý chết.

Ý cả hai câu 1705-1706 : Thúc sinh yên trí thế là Thúy Kiều đã chết, có ngờ đâu nàng đang bị đày đọa trong cái địa ngục ở miền nhân gian (cõi đời người) này.

Khảo dị : Đành rằng nàng đã Cửu nguyên (KOM, K₆₆)

[←1164]

Khảo đị : **Đem** nàng đưa xuống để an dưới thuyền (KOM)

[←1165]

Lèo thẳng : dây buồm căng thẳng vì gió thổi buồm căng. Xem ct 1623.

Cánh suyền : cánh buồm đi nhanh. KOM chú : « *Suyễn* là đi nhanh ».

[←1166]

Khảo đị : Đè chừng **Vô-tích** băng miền vượt sang (KOM)

[←1167]

Giã đò : bỏ thuyền lại mà đi. Giã là từ giã.

Sảnh đường : chỉ dinh thự nhà quan : đây chỉ nhà cao rộng của mẹ Hoạn Thư. Xem câu 1718.

Khảo dị : **Dõ** đò, lênh trước sảnh-đường (BK)

[←1168]

Môn phòng : phòng của kẻ mòn hạ, tức là phòng của người giúp việc trong nhà.

Khảo dì : Đem nàng bỏ xuống cửa phòng (KOM)

[←1169]

Hoàng lương : tức *hoàng lương mộng* = giấc kê vàng (hoàng lương) là giấc mộng chưa chín nỗi kê ; đây chỉ giấc ngủ mê. Theo *Chẩm trung ký*, Lư Sinh trọ ở Hàm-đan, gặp đạo sĩ Lã ông. Lư sinh than vãn về cảnh khốn cùng của mình, Lã ông bèn lấy trong bọc ra một cái gối trao cho Lư sinh và bảo : « Gối đầu lên đây mà ngủ, anh sẽ được vinh hiển như ý muốn ngay ». Bấy giờ chủ quán đang nấu một nồi kê. Lư sinh kê gối nằm ngủ, mộng thấy được con gái họ Thôi đẹp lại giàu, thi đỗ tiến sĩ, làm quan đến chức tiết độ sứ, đại phá quân giặc rồi được phong làm tể tướng trong mười năm, con trai năm người đều làm quan, cháu hơn mười đứa, lấy vợ gả chồng đều là chưởng trọng tộc trong thiên hạ... Chợt khi tỉnh dậy, nồi kê vẫn chưa chín. Lư sinh bàng hoàng tự hỏi : « Há việc đó là chuyện mộng ư ? ». Lã ông cười nói : « Việc đời thì cũng như mộng vậy thôi ! ». Xem câu 2710.

Rút từ điển này, văn nôm còn có : *gối Hàm-đan* : Nào ngờ gấp gối Hàm-đan, mơ dậy giấc nồng xảy tinh (CHQNV).

Hồn mai : Theo *Long thành lục*, *Triệu Sư Hùng* đời Tùy, qua chơi núi La-phù (dải núi thuộc huyện Tăng-thành tỉnh Quảng-đông), trời chiều sắp tàn, thấy trong rừng có một quán rượu, Hùng liền ghé vào, thấy có một người con gái đẹp, trang điểm thanh nhã, bận đồ trắng ra tiếp. Hai người cùng nói chuyện uống rượu, hương thơm như phả nhẹ vào người... Sư Hùng say ngủ thiếp đi. Lúc tỉnh dậy, thấy mình nằm dưới gốc cây mai đang độ nở hoa, lòng bùi ngùi, mới nhận ra rằng việc vào quán cùng uống rượu với người đẹp chỉ là một giấc mộng. Đây, *hồn mai* dùng để chỉ hồn người đẹp đang trong cơn mê. Truyện *Kiều* còn có *giấc mai* (2727). Xem các câu 2711, 2796.

Rút từ điển này, văn nôm có : *mai La-phù* (HĐQÂ), *rượu La-phù* (QÂTT)...

Ý cả câu : Kiều nằm thiếp đi nay đã tỉnh dậy, ngụ ý nói một năm Kiều ở với Thúc sinh khác nào như giấc mộng hoàng lương.

Khảo dị : Mơ màng chợt tỉnh hồn mai (KOM)

Khảo dị : Hoàng lương **nghe** tinh hồn mai

[←1170]

Khảo đị : Cửa nhà đâu **tá** lâu dài nào đây (KOM)

[←1171]

Khảo đị : Sảnh đường **vắng** tiếng đòi ngay lên hầu (Qvđ)

[←1172]

À hoàn : đầy tớ gái trẻ tuổi các nhà quýền quý trong xã hội cũ.
Xem câu 1737.

Khảo dị : A hoàn **lên xuống** giục mau (KOM)

Khảo dị : Ả-hoàn **liền xuống** giục mau (BK)

[←1173]

Khảo đị : Hải hùng nàng mới theo sau **mọi** người (KOM)

[←1174]

Khảo đị : Nhìn trông tòa rộng dãy dài (Qvđ)

[←1175]

Thiên quan trùng tể : chức tể tướng đứng đầu các quan trong nước. Đó là theo quan chế nhà Chu. Đời Đường, Tống về sau không có tể tướng mà có sáu bộ, đứng đầu là bộ Lại. Lại bộ thương thư cũng coi như thiên quan trùng tể, nên có biển treo như thế.

[←1176]

Khảo dị : Ban ngày sáp thắp **đôi** bên (KOM)

[←1177]

Thất bảo : bảy vật quý như vàng, bạc, lưu ly, xà cừ, mã não, trân châu, san hô.

Giường thất bảo : giường có khâm các vật quý. Xem câu 2210.

Khảo dị : Giữa giường thất bảo ngồi **lên** một bà (KOM)

Khảo dị : **Trên** giường thất bảo ngồi **lên** một bà (Qvđ)

[←1178]

Khảo đị : Sự mình, nàng **đã** cứ mà gởi thưa (Qvđ, BK)

[←1179]

Trận mây mưa : đây có nghĩa *phong ba, phong lôi* là nói cơn giật dữ. Xem các ct 1470, 1389.

[←1180]

Bơ thờ : chỉ thái độ ăn bơ làm biếng, thờ ơ lạnh nhạt với công việc, ăn với chữ « khùng khỉnh làm cao » ở câu 1734.

Khảo dị : Mắng răng : **Giống khéo** bơ thờ quen thân (KOM)

Khảo dị : Quở răng : **Những giống** bơ thờ quen thân (Qvđ)

Khảo dị : Đức răng : **Những giống** bơ thờ quen thân (BK)

Khảo dị : Đức răng : **Giống khéo** bơ thờ quen thân (K₆₇)

Đây để theo bản *Trương Vĩnh Ký*

[←1181]

Thiện nhân : người lương thiện.

[←1182]

Phường trốn chúa : bọn trốn bỏ chủ mà đi, là nói hạng bất lương.

Quân lộn chồng : hạng gái hư thân mất nết tìm cách bỏ chồng này lấy chồng khác.

Khảo dị : Chẳng màu trốn chúa thì quân lộn chồng (Qvđ, BK)

[←1183]

Mèo mả gà đồng : mèo hoang sống kiếm cái ăn nơi nghĩa địa, gà hoang sống ở đồng nội, ví với hạng người vô lại, không có sở cứ nhất định.

Khảo dị : Ra tuồng mèo mả **cú** đồng (Qvđ)

[←1184]

Khủng khinh : bộ kiêu ngạo không chan hòa với người khác.

Khảo dị : Lại còn **đủng đindh** làm cao thế này(Qvđ)

[←1185]

Gia pháp : phép nhả. Xem câu 972.

Khảo dị : **Nào là roi nọc đâu bay** (K₆₈)

[←1186]

Trúc côn : gậy tre.

[←1187]

Hoa nô : người con gái giúp việc. *Nô* là người ở ; *hoa* là tiếng lịch sự nói về con gái.

[←1188]

Thị tì : người hầu gái ở các nhà quyền quý trong xã hội cũ.

Khảo dị : **Phòng đào** dạy ép vào phiên thị tì (Qvđ)

[←1189]

Thanh y : áo xanh, thứ áo hạng người nghèo hèn ngày xưa thường bận, nhân đó gọi người hầu gái là *thanh y*. Xem các câu 1921, 2668-1944.

[←1190]

Dãi dầu : phơi bày ra cho chịu mưa nắng, gió sương, là nói cảnh vất vả khó nhọc. Xem các câu 2032, 3025, 3080.

Da chì : nước da tái màu xám.

[←1191]

Quản gia : người trông coi việc nhà, cai quản số người ở giúp việc.
Xem câu 2305.

[←1192]

Phương tiện : chữ nhà Phật, nghĩa là theo và nhân việc tiện lợi mà làm. Nay phàm việc gì có ích, tiện lợi dễ dãi cho người khác đều gọi là phương tiện.

Lời phương tiện : đây là lời nói phải, lời chỉ bảo đường hơn lẽ thiệt giúp ích cho Thúy Kiều.

Hiếu sinh : chuộng sự sống, cũng như nói làm phúc tránh cho người khác phải khổ sở chết chóc.

Khảo dị : Giúp lời phương tiện mở đường hiếu sinh (KOM)

[←1193]

Liễu bồ : xem ct 746.

[←1194]

Oan nghiệp : tiền oan nghiệp chướng, là nói có oán thù và tội lỗi từ kiếp trước để lại.

[←1195]

Tng : Rừng có mạch vách có tai, ý nói đâu cũng có thể có người nghe ngóng mà biết được cả, dù ở chỗ vắng vẻ đến mấy.

[←1196]

Khảo dị : Thấy ai **quen thuộc** cũng đừng nhìn chi (KOM)

Khảo dị : **Có ai quen thuộc** cũng đừng **nhận** chi (K₆₉)

[←1197]

Giọt ngọc : giọt nước mắt. Xem ct 82 và câu 1828.

Chan : đầy dây, lênh láng. Xem câu ct 3163.

[←1198]

Khảo đị : Nỗi lòng **no** những bàn hoàn niêm tây (Qvđ)

[←1199]

Khảo dị : Phong trần kiếp **đã chịu** đầy (Qvđ, BK)

[←1200]

Lâm than : vật vả khổ sở.

[←1201]

Túc trái tiền oan : nợ xưa oán trước, tức là nợ nần oán thù từ kiếp trước, kiếp này phải trả.

[←1202]

Nương náu : ở nhờ để ẩn thân.

Khảo dị : Những **mong** nương náu qua thì (Qvđ)

Khảo dị : **Thêm xuân** nương náu qua thì (K₇₀)

[←1203]

Khảo đị : Phu nhân **lại** gọi nàng ra dạy lời (KOM)

[←1204]

Lầu trang : nghĩa như chữ *dài trang*. Xem ct 536.

[←1205]

Địa ngục : nhà ngục ở âm phủ.

Thiên đường : nơi vui sướng ở trên đời, tức là thế giới cực lạc. Tôn giáo cho rằng ai ở lành sau khi chết được lên thiên đường ; ai ở ác thì phải xuống địa ngục.

[←1206]

Khảo đị : Có **khi** êm ả chiều trời (KOM)

[←1207]

Trúc tơ : *trúc* để làm ống sáo, *tơ* để làm dây đàn ; chỉ đàn sáo, âm nhạc nói chung. Xem câu 2268.

[←1208]

Thúy Kiều đánh đàn. Xem ct 469.

[←1209]

Khuôn uy : đây nói cái cung cách ra oai, cái bộ oai nghiêm của Hoạn thư.

[←1210]

Khảo dị : Sớm **than thở** bóng, **khuya năn nỉ** lòng (KOM)

Khảo dị : Sớm **năn-nỉ** bóng, đêm **ngơ-ngẩn** lòng (BK)

[←1211]

Nước bèo : lấy ý từ chữ *bình thủy tương phùng* trong bài *Đăng vương các tự* của Vương Bột (Đường). Bèo nước gặp nhau là việc tình cờ, nói vào việc Kiều, Thúc sinh gặp lại nhau không mong có được ở kiếp này.

Khảo dị : Nước **non** để chữ tương-phùng kiếp sau (BK)

[←1212]

Mây trắng : nghĩa như chữ *mây bạc*. Xem ct 1319.

[←1213]

Cố quốc : nói nước cũ quê nhà. Xem câu 2245.

Đây là lần thứ sáu Nguyễn Du diễn tả sự nhớ nhung của Thúy Kiều (1785-1788). Xem ct 918.

[←1214]

Uyên : chim uyên. *Uyên ương* là một giống chim, con đực là *uyên* con cái là *ương*, ở từng cặp không khi nào rời nhau, chỉ vợ chồng đoàn tụ thương yêu nhau. Đây nói từ *thưở uyên bay*, nghĩa là từ thưở vợ chồng lẻ bạn, mỗi người một ngả.

[←1215]

Khảo dị : **Buồng** không thương kẻ tháng ngày chiếc thân (BK)

[←1216]

Khảo đị : Mày **xanh** trắng mới in ngắn (Qvđ, BK)

[←1217]

Khảo dị : Sen tàn cúc lại **chiêng** hoa (KOM)

Khảo dị : Sen tàn **mai** lại nở hoa (Qvđ)

[←1218]

Cố nhân : người cũ. Xem các câu 2330, 2400.

[←1219]

Câu này tả cái thường tình của người sống đối với người chết. Thúc sinh đành lấy số mệnh để tự an ủi cho lòng khuây dãn nỗi nhớ thương Kiều, cho Kiều chết như vậy là tại số !

[←1220]

Gia hương : quê nhà.

[←1221]

Vũ Trinh phê : *Khả kiến Thúc chi chung tình bất như Kim chi hậu*
: xem đó đủ thấy Thúc sinh chung tình không bằng Kim Trọng hậu
tình hơn.

[←1222]

Nhà hương : nghĩa như *hương khuê*. Xem ct 1280.

Khảo dị : Nhà **lan** cao cuốn bức là (K₇₁)

[←1223]

Khảo dị : **Buồng** trong truyền gọi nàng ra lạy **mâng** (BK)

[←1224]

Ý cǎ câu : Có phải là nắng làm quáng mắt hay đèn làm lòa mắt
đâu mà không trông rõ ?

[←1225]

Khảo dị : Rõ ràng **thiệt** lứa đôi ta (KOM)

[←1226]

Khảo dị : 10 câu 1819-1828 bản *Kinh* chép thành 12 câu :

Sợ uy ruột rồi vò tơ,
Tủi duyên đôi giọt tuôn mưa khôn hàn.
Rụt rè theo lũ liễu hoàn,
Cúi đầu cùng lạy một đoàn xa xa.
Trông tường chàng ngả cổ ra :
« Thực nàng Kiều đó sao mà ở đây ?
« Nhân làm sao đến thế này ?
« Thôi thôi hắn đã mắng tay mặt thù !
« Thương ôi ! mảnh sắt vào lò,
« Bấy lâu nay biết dày vò đến đâu ! »
Nỗi lòng chẳng đánh mà đau
Đương cười nói bỗng mặt dầu lệ sa. (K₈₃)

[←1227]

Sân mai : sân có trồng cây mai ; đây chỉ cái sân, chữ *mai* đặt thêm cho đẹp lời, cũng như *sân đào*, *sân hoa*. Xem các ct 528, 2231.

[←1228]

Khảo dị : Thương ôi, **nọ chằng** nàng Kiều ở đây (KOM)

[←1229]

Động dong : động đến dáng mặt, tức là nói biến đổi sắc mặt.

[←1230]

Hiếu phục : mặc đồ tang.

Hiếu phục vừa xong : vừa hết tang.

Khảo dị hai câu 1831-1832 :

Tìm điều chống chã cho xong (K₈₄)

Lại còn có dám nói sòng nữa ru (K₈₅)

[←1231]

Trắc dĩ : trèo lên núi dĩ, chỉ tình thương nhớ mẹ. *Kinh thi* có bài thơ *Trắc dĩ*. Lời tự nói : « Thơ Trắc dĩ là thơ nói về người con hiếu đi hành dịch ở nơi xa, trông nhớ cha mẹ mà làm ra ». Thơ có câu : *Trắc bỉ dĩ hĕ, chiêm vọng mẫu hĕ* = trèo lên đỉnh núi dĩ (tức là núi có cây cối), ngóng trông mẹ ta...

Chung thiêng : hết ngày trời, tức là suốt đời.

Khảo dị : Bản *Kinh* không có 2 câu 1833-1834.

[←1232]

Hiếu tử : người con hiếu.

[←1233]

Thù : chủ nhân rót rượu mời khách.

Tặc : khách rót mời lại chủ.

Chén tặc chén thù, đây nói vợ chồng Thúc sinh rót rượu mời mọc nhau uống.

[←1234]

Trì hồ : cầm bầu rượu. Hoạn thư bắt Thúy Kiều cầm bầu rượu đứng hầu.

Khảo dị : Bắt nàng **rót rượu chực hầu đôi nơi** (KOM, K₈₆)

[←1235]

Bắt khoan bắt nhặt : bắt bẻ từng ly từng tí.

[←1236]

Chợt nói chợt cười : nói cười thắt thắt, không tự nhiên.

Khảo thí : **Dừng** đi chợt nói chợt cười (Qvđ)

[←1237]

Khảo đị : Cáo say chàng đã kiểm bài lảng ra (Qvđ)

[←1238]

Khảo dị : Nói vào những phép già tay có đòn (K₈₇)

[←1239]

Tng : Ngậm bồ hòn làm ngọt, ý nói nuốt cay nuốt đắng mà đành phải chịu vậy.

Chén mời ráo ngay : uống cạn ngay chén rượu Hoạn thư mời.

[←1240]

Khảo dị : Tiểu thư **cười tinh nói say** (KOM)

[←1241]

Khảo dị : Ngón đàn thử dạo một bài chàng nghe (K₈₈)

[←1242]

Tán hoán : ngắn ngơ, mê mẩn.

Khảo dị : Nàng đà **choáng váng** tê mê (KOM)

[←1243]

Bình the : bức bình phong căng lụa the.

Thúy Kiều đánh đàn. Xem ct 469.

[←1244]

Tơ đồng : dây tơ và gỗ ngô đồng làm đàn.

Tiếng tơ đồng : tiếng đàn.

Khảo dị : Cùng chung một tiếng tơ đồng (KOM)

[←1245]

Người ngoài : người ngoài cuộc.

Người trong : người trong cuộc.

Khảo dì : Người ngoài cười nụ, người trong khóc **ngầm** (KOM)

[←1246]

Khảo dị : **Hạt** châu lã chã khôn cầm (KOM)

[←1247]

Giọt Tương : xem ct 238.

Khảo dị : Cúi đầu chàng nhũng gại thăm giọt **sương** (Qvđ, BK)

[←1248]

Khảo dị : Tiểu thư lại **nẹt** lấy nàng (Qvđ)

[←1249]

Khảo dị : Sinh càng **mê mẩn rụng rời** (K₈₉)

[←1250]

Khảo đị : Vội vàng **nói nói cười cười** cho qua (KOM)

[←1251]

Giọt rồng : giọt nước ở đầu rồng chiếc đồng hồ nhỏ xuống để đo thời gian ; chỉ thời khắc.

Khảo đị : Khúc rồng canh đã điểm ba (Qvđ)

[←1252]

Khảo dị : Lòng riêng **khắp khởi** mừng thăm (Qvđ)

[←1253]

Khảo dị : **Đêm** này đã bõ đau ngầm **lâu** nay (KOM)

Khảo dị : **Buồn** này đã bõ đau ngầm xưa nay (Qvđ)

[←1254]

Gan héo ruột đầy : ý nói gan phải héo hon vì buồn chán cực độ, ruột đầy lên vì uất ức.

Khảo dị : Sinh **càng** gan héo ruột đầy (KOM)

[←1255]

Loan phòng : phòng của đàn bà. *Loan* là chim phượng máí, tượng trưng người vợ. Xem ct 89.

[←1256]

Rẽ thủy chia uyên : chim phỉ thủy, chim uyên ương. Chim uyên ương là giống chim bao giờ con trống, con mái cũng ở với nhau từng cặp, không khi nào rời nhau, chỉ vợ chồng đoàn tụ thương yêu nhau. Nhân chữ *uyên*, mà thêm chữ *thủy*, chim phỉ thủy là loại chim trả. Đây nói *rẽ thủy chia uyên* tức là nghĩa chia rẽ đôi lứa, vợ chồng Thúc sinh và Thúy Kiều.

[←1257]

Khảo đị : Ai ra đường **ấy** ai nhìn được ai (KOM)

Khảo đị : **Đã** ra đường **ấy** ai nhìn được ai (Qvđ)

[←1258]

Ý cản câu : Bây giờ địa vị hai người (Hoạn thư, Thúy Kiều) khác nhau một vực một trời. Cho nên không còn so sánh được nặng nhẹ (khinh trọng) giữa hai người nữa, không còn có chuyện phải trái (thị phi) bàn tán giữa hai người nữa (vì chủ nhà nói gì mà chẳng phải). Xem ct 1016.

[←1259]

Ý cǎ câu : Cái hình phạt mà Hoạn thư bắt Thúy Kiều phải chịu ở đây, bề ngoài coi tưởng nhẹ như bãc, mà thật ra nặng như chì.

[←1260]

Khảo đị : Gõ cho ra **nữa** còn gì là duyên (BK)

[←1261]

Có tuyền được vay : có yên ổn trọn vẹn được không.

[←1262]

Đài doanh : lâu đài, dinh thự, chỉ nhà cửa hạng quýền quý.

Khảo dị : 14 câu 1885-1898, bản *Kinh* chép thành 16 câu :

Sớm khuya hầu trước đài doanh ⁽¹⁾

Nét sầu khôn gượng giọt tình khôn hoen. ⁽²⁾

Tiểu thư trông liếc quở liền :

« Sa mày nặng mặt bởi duyên cớ gì ? »

Bì tiên đem lại tức thì : ⁽³⁾

« Cậy chàng hỏi nó rằng thì làm sao ? »

Sinh đà ruột xót như cào, ⁽⁴⁾

Nói ra chẳng tiện trông vào sao đang.

Loanh quanh co rụt bò sàng,

Sợ đây thương đấy hai đường khôn xong. ⁽⁵⁾

Dưới thềm trên kỷ cùng trông, ⁽⁶⁾

Một lời chưa mở hai dòng đã sa,

Lấy lòng giả cách hỏi tra,

Thân cung, nàng đã thảo qua một tờ.

Đọc rồi đưa lại tiểu thư, ⁽⁷⁾

Thoắt xem đường cũng ngắn ngơ xót tình ⁽⁸⁾ (K₁₀₅)

Theo lời chú bản KOM, có những chỗ dị đồng sau đây : (1)

hầu hạ... (2) ...lệ tình còn hoen. (3) ...giao lại một khi. (4) ...như

bào. (5) ...thương đó, hai đường chưa xong. (6) ...đều trông. (7).

Xem rồi... (8). Thoắt trông... chút tình.

[←1263]

Đè tình : đoán chừng theo, đoán phỏng tình hình. Xem ct 123.

Khảo dì : Tiểu thư **trông** mặt đè tình hỏi tra (Qvđ)

[←1264]

Khảo dị : Tiểu thư **lại hỏi** Thúc sinh (Qvđ)

[←1265]

Khảo sát : Lấy lòng mới sẽ lựa đường hỏi tra (KOM)

[←1266]

Thân cung : khai trình ra.

Khảo dị : Thân cung nàng mới **lên** qua một tờ (Qvđ)

Khảo dị : Thân cung nàng mới **dâng** qua một tờ (BK)

[←1267]

Diện tiền : trước mặt.

[←1268]

Khảo đị : Thoắt xem dường **cũng** ngắn ngơ chút tình (KOM)

[←1269]

Nhà vàng, do chữ *kim ốc* : nói nhà lộng lẫy dành cho người đẹp ở.
Hán Vũ cố sự : Hán Vũ đế hỏi con bé, có bà cô là trưởng công chúa Quán-đào bẽ ngồi lên đầu gối, hỏi đứa : « Cháu có muốn được vợ không ? » rồi bà chỉ con gái út của mình là A Kiều và nói : « Được chứ ! » Vua cười đáp : « Nhược đắc A Kiều đương dĩ kim ốc trữ chí » = nếu lấy được A Kiều thì xin xây nhà vàng cho nàng ở. Về sau lên làm vua, Vũ đế lập A Kiều làm hoàng hậu. Thơ Lý Bạch (Đường) : *Hán đế sủng A Kiều, trữ chi hoàng kim ốc* = vua Hán yêu A Kiều, cho nàng ở nhà vàng. TS : Trộm nghe nàng kẻ hồng nhan, dọn phòng kim ốc vây màn tõ sa.

[←1270]

Khảo dị : Sinh răng : **Thiệt** có như lời (KOM)

[←1271]

Từ bi : hiền lành thương người. Xem câu 3032.

[←1272]

Cửa không, do chữ *không môn* : cửa Phật, vì đạo Phật có học thuyết cho rằng « nhất thiết giai không », nghĩa là tất cả đều là không nên gọi là không môn.

[←1273]

Khảo dị : Thôi **thôi** thôi cũng chiều lòng (KOM)

[←1274]

Khảo đị : Cũng cho **cho nghi** trong vòng bước ra (KOM)

Khảo đị : Cũng cho **nghi nghi** trong vòng bước ra (BK)

[←1275]

Quan âm các : gác thờ Phật Quan thế âm là một vị Bồ-tát hay cứu khổ cho chúng sinh.

[←1276]

Ý cǎ câu : Nói có những cây cao lớn và các giống hoa nở quanh năm.

[←1277]

Cổ thụ : cây lâu năm.

Sơn hồ : núi đắp lên và hồ đào ra để làm cảnh.

Khảo dị : Có **thảo thụ**, có sơn hồ (KOM)

[←1278]

Khảo đị : Cho nàng ra đó giữ chùa **tụng** kinh (Qvđ. BK)

[←1279]

Tâng tâng : trời tang tảng sáng, trời vừa mới rạng sáng.

[←1280]

Ngũ cúng : năm thứ đồ lễ cúng Phật là : hương, hoa, đăng (đèn), trà, quả.

[←1281]

Khảo dị : Cây chàng đưa đến Phật đường (K₁₀₆)

[←1282]

Tam quy : quy y (hết lòng tin theo) về ba chỗ : quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, nghĩa là đem cả tâm và thân mà hết lòng tin theo đạo Phật.

Ngũ giới : năm điều răn cấm : sát sinh, ăn trộm, tà dâm, nói càn, uống rượu.

Xuất gia : ra khỏi nhà, đây nói ra ở chùa.

Đây là lần đầu Thúy Kiều nương cửa Phật. Còn hai lần nữa nói ở đoạn 2053... và 2733...

[←1283]

Áo xanh : do chữ *thanh y*. Xem ct 1745 và câu 1944.

Cà sa : áo nhà sư mặc do nhiều miếng vải màu khác nhau may lại.

Khảo dị : Áo xanh đổi **bức** cà sa (KOM)

[←1284]

Pháp danh : tên đặt theo phép nhà chùa.

Trạc Tuyên : pháp danh của Thúy Kiều. Xem các câu 2344, 2726.

[←1285]

Khảo dị : Nàng từ lánh **dẫu** vườn hoa (KOM, Qvđ)

[←1286]

Rừng tía, do chữ *tử trúc lâm* : chỗ ở của Phật Quan âm, đây chỉ cảnh Phật.

Bụi hồng : nói cảnh trần tục. Xem ct 250.

[←1287]

Khảo dị : Nhân duyên đâu **nữa mà** mong (KOM)

[←1288]

Phấn : chỉ mặt phấn ; **hồng** : chỉ mà hồng.

Ý cǎ câu : Thúy Kiều không còn mong gì đến việc nhân duyên giữa nàng và Thúc sinh nữa, chỉ mong sao cho khỏi thẹn phấn tẩy hồng, tức là khỏi hổ thẹn với thân mình thì thôi.

[←1289]

Thảm lấp sâu vùi : điều thảm sâu được lấp vùi đi, tức là nói được khuây khỏa.

[←1290]

Thủ tự : chữ viết tay, đây nói pho kinh chép tay.

Tâm hương : hương dâng với lòng thành tâm.

Khảo dị : Ngày pho thủ-tự, đêm **nhồi** tâm-hương (BK)

[←1291]

Nước cành dương : nước phép của Phật dùng cành dương nhúng vào nước trong rẩy lên người chịu phép để chữa bệnh, hoặc để tẩy rửa điều phiền muộn cho chúng sinh. Theo *Pháp uyển châu lâm*, có người Thiên-trúc tên Trừng giỏi phép chữa bệnh của Phật. Thạch Lặc biết tiếng mới mời đến chữa bệnh cho con đang ốm nặng, sắp chết. Trừng lấy cành dương nhúng vào nước trong rẩy lên mình người bệnh. Một chốc người bệnh tỉnh, sống lại.

Khảo dị : Mát thay giọt nước cành dương (KOM, Qvđ)

[←1292]

Lửa lòng : nghĩa như chữ *lửa tâm*, đây nói những dục vọng ở trong lòng. Xem ct 1537 và câu 3045.

Khảo dị : Tro lòng tưới tắt mọi đường trần duyên (KOM)

[←1293]

Thiền : yên lặng. Đạo Phật lấy thanh tịnh làm gốc nên gọi là thiền gia, và phàm cái gì nói về đạo Phật đều gọi là thiền. Xem các câu 1991, 2061, 3043, 3044.

[←1294]

Quan phòng : canh phòng, đóng khóa cẩn thận. Hoạn thư canh giữ không cho Kiều và Thúc sinh gặp nhau.

Khảo dị : Cửa thiên then nhặt lưới mau (KOM)

[←1295]

Gác kinh : gác chép kinh, chỉ Quan âm các.

Viện sách : chỉ phòng sách của Thúc sinh. Xem các ct 362, 395.

[←1296]

Gang tấc : ý nói chỗ gần gũi.

Ý cả câu : Thúc Kiều và Thúc sinh, hai người ở cách nhau chỉ trong gang tấc mà thấy như gấp mươi lần xa cách núi sông. Xem ct 157.

[←1297]

Khảo đị : Những là ngậm thở **ngùi** than (Qvđ)

[←1298]

Vân an : hỏi thăm sự bình an, tức là hỏi thăm sức khỏe.

[←1299]

Khảo dị : Sụt sùi **cũng** nỗi đoạn trường (Qvđ)

[←1300]

Giọt châu : xem ct 82.

Áo xanh : do chữ *thanh sam* : áo của nho sĩ hay của hạng đàn ông lịch sự. Thơ Bạch Cư Dị (Đường) : *Tựu trung khấp hạ thủy tối đa, Giang châu tư mã thanh sam thấp* = kể trong đám ngồi ai khóc nhiều hơn cả ? có quan tư mã Giang-châu (nước mắt) đầm cà vạt áo xanh (Tư mã tức Bạch Cư Dị). Tác giả mượn ý đó để nói : Thúc sinh khóc nước mắt ướt đầm cà tràng áo. Xem câu 1921 và ct 1745.

Đượm : ướt đầm vì nước mắt.

Khảo dị : Giọt châu tăm tã **ướt** tràng áo xanh (KOM)

[←1301]

Khảo đị : Răng cam chịu bậc với tình (Qvđ)

[←1302]

Ý cǎ câu : Kiều bị vùi dập như viên ngọc trắng bị cát làm vẩn đục, làm phí cả đời trẻ trung.

Khảo dị : Cát lầm ngọc trắng thiệt **thòi** xuân xanh (KOM)

[←1303]

Khảo đị : Quản chi **trên các dưới duềnh** (Qvđ)

[←1304]

Tông đường : nhà thờ tổ tiên, đây ý nói chưa có con trai để « nối dõi tông đường ».

[←1305]

Chữ đồng, tức là chữ *đồng tâm* : cùng lòng cùng dạ với nhau. Xem ct 342.

Khảo dị : **Nghiến** răng bẻ một chữ đồng làm hai (BK)

[←1306]

Ý cǎ câu : Thúc sinh thẹn cho mình không giữ lời thề ước với Kiều, để cho lời vàng đá phải phai nát. Xem ct 352.

[←1307]

Trăm thân dễ chuộc : dù có một trăm tần thân cũng không chuộc, không đền bù lại được cái đã mất. *Kinh Thi : Bỉ thương giả thiên, tiêm ngã lương nhân ; như khả thục hề, nhân bách kỳ thân* = trời xanh kia giết sạch của ta người tài giỏi ; nếu có thể chuộc lại người đó, mỗi người chúng ta sẵn sàng đem thân mình chết thay mà chuộc lại.

Một lời tức là lời *đá vàng* với nhau mà để cho đến phai nhạt.

[←1308]

Chiếc bách : chiếc thuyền gỗ bách ; chỉ thân phận người phụ nữ trôi nổi trên mặt nước như chiếc thuyền gỗ bách. Thơ *Bách chu* (*Kinh thi*) : *Phiếm bỉ bách chu, tại bỉ trung hà* = thuyền gỗ bách trôi nổi lênh đênh, ở giữa dòng sông kia, là ví với người đàn bà ở nhà chồng tức ở đúng chỗ. Đây, *chiếc bách* chỉ thân phận lênh đênh của Thúy Kiều. Xem câu 2485.

Sóng đào : ý nói sóng to ; *đào* là sóng.

[←1309]

Khảo đị : Sống thừa còn tưởng **có** rày nữa sao (Qvđ)

[←1310]

Cầm đà bén dây : đòn với dây đã bén bên nhau, đã hợp nhau, nghĩa là ý nói hai bên đã yêu nhau nên nghĩa vợ chồng. Xem ct 3110.

[←1311]

Dông tố : mưa to gió lớn, đây chỉ cơn giật dữ dội.

Khảo dị : **Sợ** khi giông tố phũ phàng (KOM)

[←1312]

Khảo đị : Liệu mà **cao chạy xa bay** (Qvđ)

[←1313]

Lời nước non : xem ct 603.

[←1314]

Ý cǎ câu : Tấm lòng thương nhớ Thúy Kiều của Thúc sinh không bao giờ dứt. Thơ cổ : *Đáo tử xuân tàn dư ti vị tận* = con tǎm xuân dẫu đến lúc chết mỗi tơ thửa vẫn chưa hết.

Khảo dị : Con tǎm đến **chết** cũng còn vương tơ (KOM, Qvđ)

[←1315]

Hoa tì : người hầu gái ở các nhà quyền quý trong xã hội cũ. Chữ hoa là đặt cho đẹp lời. Xem ct 103.

[←1316]

Nhận ngừng : đè nén tình cảm xuống. Xem câu 2800.

Khảo dì : Nhận ngừng nuốt tủi **bước** ra (Qvđ)

[←1317]

Khảo dị : Tiểu thư đâu đã **gót** hoa bước vào (Qvđ)

[←1318]

Bút pháp : cách viết, phép viết chữ Hán.

[←1319]

Thiếp Lan-đình, do chữ *Lan-đình thiếp* : tên gọi bài tự tập Lan-đình (*Lan-đình tập tự*) do chính Vương Hy Chi viết, chữ cực đẹp. Theo *Tấn thư*, Vương Hy Chi, người đất Cõi-kê đời Tấn, tự Dật-thiếu, chữ viết cực đẹp, thường đến bên ao học viết, nước ao đen cả mực ; chữ thảo, chữ lệ quán cả cổ kim. Năm Vĩnh-hòa (niên hiệu Tấn Mục đế) thứ 9, tức vào năm Quý sửu, ngày mồng ba tháng ba, họ Vương cùng các hiền nhân danh sĩ đương thời như Tạ An, Tôn Xước... gồm 41 người hội ngộ ở Lan-đình thuộc huyện Sơn-âm đất Cõi-kê tỉnh Chiết-giang làm lễ Phất hệ (lễ gội rửa trừ yêu tà) để cùng vui chơi. Người đến dự, đủ cả các hạng già, trẻ. Nhân dịp này, Vương Hy Chi có làm bài tự tập Lan-đình nổi tiếng. Họ Vương dùng giấy kén, bút lông chuột, chính tay viết bài tự đó thành 28 hàng 324 chữ với một thể đặc biệt, đẹp vô song. QÂTT : Lan-đình tiệc họp mây huyền, Kim-ốc vườn hoang dã cày.

[←1320]

Thiên trà : trà nhà chùa. Xem ct 1933.

Nước hồng mai : nước gỗ mai già (lão mai) hương thơm như mùi sen, sắc nước đỏ hồng nên gọi là hồng mai.

Khảo dị : Thiên trà cạn **chén** hồng mai (KOM)

[←1321]

Thư trai : nhà đọc sách, nghĩa như chữ *viện sách*. Xem ct 395.

[←1322]

Khảo đị : Kẽ tai hỏi lại hoa tì trước sau (KOM)

[←1323]

Hoa : tức hoa tì chú ở câu 1980.

Khảo dị : Hoa rắng : bà đến **bấy** lâu (Qvđ)

[←1324]

Khảo đị : **Dừng** chân đứng **lại** độ đâu nửa giờ (KOM)

Khảo đị : **Dón** chân đứng **núp** độ đâu nửa giờ (BK)

[←1325]

Khảo dị : **Dặn** tôi đứng lại một bên (BK)

[←1326]

Khảo dị : Lặng nghe ngắn một giờ lâu (K₁₀₇)

[←1327]

Khảo dí : Đàn bà thế ấy **dễ hầu có hai** (K₁₀₈)

Khảo dí : Đàn bà **đến** ấy thấy âu một người (Qvđ)

[←1328]

Khảo dị : Ấy mây gan ấy mây tài (KOM)

[←1329]

Khảo đị : Nghĩ càng thêm nỗi **đắng cay** rụng rời (Qvđ)

[←1330]

Nước đời : đây nói cách thức ăn ở, xử trí công việc ở đời. Xem ct 1220.

[←1331]

Hai chữ *bó tay* đi với chữ *thúc* là một cách chơi chữ của tác giả.
Thúc : bó, *thúc thủ* : bó tay. Phàm việc gì chịu chết không làm sao
được, thì gọi là *thúc thủ*.

[←1332]

Đãi dǎng : đả động đến, nói đến. Cd : Cá buồn cá lội tung tăng, người buồn người biết đãi dǎng cùng ai. Xem ct 1025.

Khảo dị : Thể mà **êm** chẳng đãi dǎng (Qvđ)

Khảo dị : Thể mà **chẳng nói chẳng rắng** (K₁₀₉)

[←1333]

Ý cả hai câu 2013-2014 : Thực tang bắt được như vậy mà Hoạn thư nổi cơn giận dữ thì là chuyện thường tình. Đằng này Hoạn thư vẫn cười, vẫn « chào mời vui vẻ » thì bụng dạ cô ả thực khó lường được hiểm sâu ra thế nào.

KOM chú : « Ngư Triều Ân đời Đường nói : *Nộ giả thường tình, tiếu giả bất khả trắc* = có điều gì không bằng lòng mà giận là thường tình, chứ cười thì khó lường được ».

[←1334]

Khảo đị : Cười **dầu** mới thực khôn lường hiểm sâu (KOM, BK)

[←1335]

Khảo đị : Vì chǎng chấp cánh cao bay (Qvđ)

[←1336]

Khảo dị : **Trồng** cây lâu cũng có ngày bẻ hoa (Qvđ)

Khảo dị : **Trèo** cây lâu cũng có ngày bẻ hoa (BK)

[←1337]

Chỉn e : chỉ e sơ. *Chỉn* đây nghĩa là chỉ, nhưng, nhũng.

QÂTT : Tính kể chỉn còn ba tháng nữa. PT : Chỉn e từ mẫu lạc chừng. Xem ct 166.

[←1338]

Đồ kim ngân : đồ vàng bạc, chỉ chuông vàng khánh bạc nói ở câu 2048.

[←1339]

Hộ thân : giữ gìn phòng bị cho mình.

[←1340]

Cắt mình : dùng sức đưa mình vượt lên. Xem các câu 2150, 2790.

Tường hoa : chỉ bức tường ; thêm chữ hoa cho đẹp lời. Xem ct 103.

[←1341]

Điểm nguyệt : điểm cỏ dưới trăng.

Cầu sương : cầu ván có sương ướt. Thơ Ôn đinh Quân (Đường) : *Kê thanh mao điểm nguyệt, nhân tích bản kiều sương* = tiếng gà gáy nơi điểm cỏ dưới trăng, vết chân người in trên cầu ván có sương ướt.

Khảo dị : Tiếng gà **điểm cỏ** dấu giày cầu sương (Qvđ)

[←1342]

Khảo dị : Trời đông mới dựng vầng dâu (K_{110})

[←1343]

Chiêu ẩn am : ba chữ đề ở ngoài cổng chùa, nghĩa là chùa dung nạp những người nương náu. **Am** : chùa nhỏ thờ Phật. Xem các câu 2990, 3056, 3234 và ct 2053.

[←1344]

Trụ trì : nhà sư giữ chùa và tu hành ở đó.

[←1345]

Tiểu thiền : tiểu ni. Vào cửa Phật, những người mới tu gọi là *tiểu*, như *tiểu tăng* chỉ trai, *tiểu ni* hay *ni cô* chỉ gái. Xem ct 1933.

[←1346]

Bản sứ : vị sứ chùa mình tu.

[←1347]

Pháp bảo : vật quý của nhà chùa ; đây chỉ những đồ chuông vàng, khánh bạc nói ở câu 2048.

Sư huynh : bậc sư đàn anh, đây Thúy Kiều thay lời vị sư chùa mình mà tôn xưng Giác Duyên.

[←1348]

Diện hiển : đem dâng ngay trước mặt.

Khảo dị : 6 câu 2047-2052, bản *Kinh* chép thành 8 câu :

Chuông vàng khánh bạc bên mình,
Kính dâng gọi chút vi tình xin thu.
Nguyên xưa sư trưởng vân du,
Quen thầy Hăng Thủy ở chùa Bắc-kinh.
Thầy người thầy của rành rành,
Nói đà phải đáp không tình hồ nghi.
Dạy rằng : « Thiền hữu tương tri.
« Sư dẫu chưa đến, tiểu thì hãy đây ». (K₁₁₈)

[←1349]

Khảo đị : Xem **rồi** sư mới dạy qua (KOM)

[←1350]

Ni : đàn bà đi tu đạo Phật. Xem ct 2043.

Hăng Thủy : tên vị sư Giác Duyên nhận có hậu tình. *Kim Vân Kiều truyện* : Giác Duyên nói : « Bần đạo chính là Giác Duyên, còn lệnh sư phải chăng là sư huynh Hăng Thủy ở Trấn-giang ? ».

Hậu tình : chỗ có tình sâu, có lòng tốt với nhau.

Khảo dị : Phải **nơi** Hăng Thủy là ta hậu tình (BK)

[←1351]

Am mây : đây chỉ nơi tu hành của nhà sư. Xem các câu 2082, 3041, 3227.

Lần thứ hai Thúy Kiều nương cửa Phật. Xem ct 1920.

[←1352]

Đắp đổi : của cải ít phải lấy cái này bù đắp vào cái kia, lấy cái nợ thay đổi cho cái này để sống cho qua ngày tháng ; ý như chữ vá víu, đắp vá. Xem câu 383.

[←1353]

Kệ : một thể văn ở trong kinh Phật, cứ mỗi thiên kinh thường có một bài kệ, là lời tán tụng tóm tắt ý nghĩa trong kinh.

Kinh : pho sách chép giáo lý đạo Phật.

[←1354]

Trai phòng : phòng chay tịnh, nhàn nhã ; nghĩa như chữ *thư phòng*. Đây chỉ phòng các sư ở.

Khảo dì : Hương đèn việc **cũ** trai phòng quen tay (KOM, BK)

[←1355]

Lá bối, do chữ *bối diệp* : lá cây bối đa, khi xưa dùng để chép kinh.

Phướn mây : lá phướn, tức là thứ cờ riêng của nhà Phật, có vẽ mây ở viền, Tản Đà chú : « là cái cây phướn rợp khoảng mây ».

Khảo dị : Sớm khuya **ra** mái phướn mây (Qvđ)

[←1356]

Tiếng chày nện sương : tiếng dùi đánh chuông khi trời có sương, tức là đánh chuông lúc sâm sẩm tối và lúc tang tang sáng. Thơ Bà Huyện Thanh Quan : Ba hồi triêu mộ chuông gầm sóng, một vũng tang thương nước lộn trời. Xem câu 457.

[←1357]

Thông tuệ : thông minh sáng láng.

[←1358]

Cửa thiên : cửa chùa. Xe, ct 1933.

[←1359]

Khảo đị : Bóng hoa **rợp** đặt vẻ ngân ngang trời (KOM)

[←1360]

Đàn việt : người mộ đạo hay đi lễ chùa và hay bối thí làm phúc.

Cửa già : cửa chùa. Tiếng nhà Phật gọi chùa là *già lam*.

[←1361]

Khảo dị : Khen ai khéo tạc của nhà Hoạn nương (Qvđ)

[←1362]

Khảo dị : Rỉ tai **nàng mới giải** lòng (Qvđ)

[←1363]

Khảo đị : Để nàng **cho đến nỗi** thì cũng thương (KOM)

[←1364]

Thành ngữ : Nước đến chân mới nhảy, ý nói không lo xa mà liệu cách trước đi. Xem ct 801.

Khảo dị : Ngồi chờ nước đến **bằng** đường còn quê (KOM)

[←1365]

Khảo đị : Nhắn sang dặn **kết** mọi đường (Qvđ)

[←1366]

Khảo dị : Dọn nhà hãy tạm cho nàng **chứa** chân (KOM, Qvđ, BK)

Đây để theo bản *Trương Vĩnh Ký*.

[←1367]

Đồng môn : cùng một thầy, một môn phái. Ý nói Bạc bà cũng một phường buôn phẩn bán hương như Tú bà.

[←1368]

Khảo dị : Thấy nàng **lạt** phấn **phai** son (Qvđ)

[←1369]

Khảo dì : Mừng thăm được **buổi** bán buôn có lời (BK)

[←1370]

Hư không : đây ý nói không có cớ gì, bỗng dưng. Xem câu 305.

Đặt để : bịa đặt thêm ra.

Khảo dị : Hư không đặt **bỗng** nên lời (Qvđ)

[←1371]

Nhớn nhác : hoảng hốt, nhìn chõ nợ chõ kia. Xem câu 2979.

Khảo dí : Nàng đà **lớn sợ** rụng rời lăm phen (Qvđ, BK)

[←1372]

Cho nén : cho nén chuyện vợ chồng như ý đồ của mụ.

Khảo dí : Mụ càng **khua dục cho liền** (KOM)

Khảo dí : Mụ càng **xua đuổi cho liền** (BK)

[←1373]

Tng : Tiếng lành đồn xa tiếng dữ đồn xa, hay : tiếng dữ đồn ba ngày đàng.

[←1374]

Oan gia : đây ý nói nhà phải bị tội oan. Xem ct 1013.

Phá gia : làm tan nhà.

Ý cản câu : Khéo lại chẳng bị tội oan vì cái của phá gia này. Bạc bà gọi Thúy Kiều là « của phá gia » hòng dọa, bắt nạt nàng để dễ thực hiện âm mưu của mụ.

Khảo dị : Giống oan gia của phá gia (KOM)

[←1375]

Xe dây : nói việc xe duyên vợ chồng. Xem câu 2840 và ct 333.

[←1376]

Khảo đị : Có chàng Bạc Hạnh cháu nhà (KOM)

[←1377]

Khảo dị : **CÙNG** trong thân thích ruột rà chǎng ai (Qvđ, BK)

[←1378]

Châu Thai : tức Thai-châu, thuộc tình Chiết-giang. Xem câu 2921.

Khảo dị : **Cửa nhà** buôn bán châu Thai (Qvđ, BK)

[←1379]

Đơn sai : đơn bạc, sai trái.

[←1380]

Thành thân : tức lấy nhau nên vợ nên chồng. Xem câu 2135.

[←1381]

Ý cǎi câu : Bấy giờ, dù lòng muốn đi sông đi bể, đi đâu thì cũng cứ
thênh thênh tự do.

[←1382]

Khảo đị : Nàng dù **chẳng quyết** thuận tình (Qvđ)

[←1383]

Khảo đị : Trái **mình** nẻo trước lụy mình đến sau (Qvđ)

[←1384]

Khảo dị : Nàng càng **lan thâm huệ sầu** (K119)

[←1385]

KOM chú : « Thương cung chi điểu, kiến khúc mộc nhi cao phi » = con chim đã bị thương vì cung, thì thấy cái cây cong cũng sơ mà bay cao. Các bộ *Bội văn vận phủ*, *Tử Hải*, *Tử nguyên*, ý câu trên thấy chỉ dẫn *Chiến quốc sách* (Sở sách) : *Thương cung chi điểu, văn huyền âm liệt nhi cao phi* = con chim đã bị thương vì cung, thì khi nghe tiếng đàn chùng cũng sơ mà bay cao.

[←1386]

Chữ tòng : xem ct 506.

[←1387]

Khảo đị : **Sợ** khi muôn một thể nào (KOM)

[←1388]

Bán hùm buôn sói, KOM chú : « Truyện Kỳ quan : *mại lang mǎi hổ, tả khoán vô bằng* » = bán chó sói mua con hổ, viết văn tự không có bằng cứ nào. Ý Thúy Kiều muốn nói : Nếu gặp kẻ chuyên bán hùm buôn sói, thì còn tin làm sao được, nghĩa là lỡ gặp tay buôn bán người (như Tú bà, Mã Giám sinh), thì còn biết nương tựa vào đâu.

Khảo dị : Bán hùm buôn **hổ** chắc vào lưng đâu (Qvđ)

[←1389]

Sở cầu : cầu được điều gì, ý nói muốn lấy Thúy Kiều làm vợ.

[←1390]

Tâm minh : lấy lòng thực mà thề.

[←1391]

Khảo dị : **Bốn** câu 2125-2128, bản *Kinh* chỉ chép thành **hai** câu :

Mụ nghe tính đã chắc mười,
Mách tin họ Bạc tơi bời sắm sanh (K₁₂₁)

[←1392]

Khảo sát : Một nhà dọn dẹp **lạnh chanh** (KOM)

[←1393]

Trác : cái bàn.

Nhang : hương thấp. Đây phiêm âm *nhang* cho ăn văn với câu dưới theo tập quán chung. Thực ra, theo mô hình cơ cấu ngữ âm học của văn hiệp trong truyện *Kiểu*, thì hai văn *ang* và *uong* vẫn hiệp vận được, như trong các câu 2244-2245-2246.

[←1394]

Khảo dị : Ngoài sâu lòng đã **tỏ** lòng (KOM)

[←1395]

Khảo đị : Bạc sinh lên trước tìm nơi **hỏi người** (Qvđ)

[←1396]

Hành viện : nhà chứa đĩ, chốn lầu xanh. Bài từ của Mã Trang Phụ có câu : *Mạch thương khiếu thanh, hảo thị mại hoa hành viện* = tiếng gọi trên đường nhỏ, giống tiếng mặc cả « bán hoa » chốn lầu xanh.

Thúy Kiều rơi vào lầu xanh lần thứ hai. Xem ct 1380.

[←1397]

Khảo dị : Mỗi hàng một đã ra mười thì **buôn** (KOM)

[←1398]

Mặt bạc : mặt ăn ở bội bạc.

[←1399]

Số hoa đào : Theo sách số Tử vi, đàn bà có sao Đào-hoa thủ mệnh (đóng ở cung mệnh), thì phải lấy nhiều đời chồng, hoặc làm gái giang hồ. Về hai chữ *chém cha*, Tản Đà chú : « Hai chữ *chém cha*, có dùng trong văn chương, chỉ riêng thấy ở câu đây và trong thơ Hồ Xuân Hương : *Chém cha cái kiếp lấy chồng chung !* Thật là tay văn, mới dám dùng mà cũng mới dùng nỗi chữ như đó ».

[←1400]

Hồng quân : chỉ trời. *Quân* là cái bàn xoay, cái khuôn nặn đồ gốm. Người xưa ví tạo hóa, ví trời như cái khuôn đúc nặn ra muôn vật, nên gọi trời, tạo hóa là *đại quân*, *hồng quân* (cái khuôn lớn). Xem ct 343.

Khảo dị : Hồng quân **mấy** khách hồng quần (Qvđ)

[←1401]

Khảo đị : Kể từ lỡ bước, bước ra (K₁₂₂)

[←1402]

Khảo đị : Lần **lùa** gió mát trăng thanh (KOM)

Khảo đị : Lần thâu gió mát **đêm** thanh (Qvđ)

[←1403]

Biên đình : nơi biên thùy, đây nói chỗ xa xôi.

Khảo dị : Bỗng đâu có khách biên đình **đến** chơi (Qvđ)

[←1404]

Râu hầm (hùm) hàm én mày ngài, do các chữ *yến hạm, hổ dẫu, ngọt tỳ* : hàm rộng như hàm chim én, đầu to như đầu hổ, lông mày to đậm cong như con tằm, là tướng người anh hùng. Xem câu 2274.

Khảo dị : Râu hùm **cầm** én mày ngài (KOM, Qvđ)

[←1405]

Côn : môn võ đánh gậy, **Quyền** : môn đánh tay. **Côn quyền**, chỉ nghề đánh võ.

Lược thao : do chữ *lục thao tam lược* là tên những bộ binh thư thời xưa, chỉ chung phép dụng binh, kế hoạch quân sự.

[←1406]

Việt-đông : chỉ miền tỉnh Quảng-đông ngày nay.

[←1407]

Thơ Hoàng Sào (một lãnh tụ nông dân khởi nghĩa đồi Đường) :
Bán kiên cung kiếm bằng thiên túng, nhất trạo giang sơn tận địa duy = chỉ nửa vai cung kiếm mà tung hoành khắp cả gầm trời, chỉ một mái chèo mà đi khắp cả non sông.

Đàn : một loại cung, bắn đạn tròn đi rất xa.

[←1408]

Khảo dị : Qua chơi **thầy** tiếng nàng Kiều (BK)

[←1409]

Nhi nữ : người con gái.

Khảo dị : Tấm lòng nhi nữ **dẽ** xiêu anh hùng (KOM)

[←1410]

Thiếp danh : tấm thiếp ghi họ tên.

[←1411]

Khảo đị : Hai bên cùng liếc hai lòng **cũng** ưa (Qvđ)

Khảo đị : Hai bên **cũng** liếc hai lòng **cũng** ưa (BK)

[←1412]

Tâm phúc tương cờ : lầy bụng dạ cùng hứa hẹn với nhau, ý nói muốn thực bụng ăn ở với nhau.

[←1413]

Vật vờ : lăng nhăng, không nhất quyết một điều gì cả.

[←1414]

Mắt xanh, do chữ *thanh nhã* nói con mắt nhìn ai mà tỏ ý vừa lòng và kính trọng. Theo *Tấn thư*, Nguyễn Tịch người đời Tấn tự Tự-tông, học rộng chí khí hơn đời, có thể nhìn người bằng mắt xanh hay mắt trắng. Khi mẹ ông mất, Kê Hi mang đồ lễ đến viếng. Nguyễn Tịch tiếp ông ta, nhìn với đôi mắt trắng dã. Hi ra về bụng không bằng lòng. Em của Hi là Kê Khang nghe biết chuyện, mới mang rượu cắp đàn đến. Tịch tỏ ý vừa lòng lắm, liền tiếp Khang với đôi mắt xanh. Thơ Bạch Cư Dị (Đường) : *Duy yếu chủ nhân thanh nhãn đãi, cầm thi đàm tiếu tự tương lai* = duy có điều yêu cầu chủ nhân lấy con mắt xanh mà đổi xử, thì việc đánh đàn, làm thơ chuyện trò vui vẻ với nhau sẽ đến. Câu đây có ý hỏi Thúy Kiều chưa có ai đáng được nàng để ý đến phải không ?

[←1415]

Cá chậu chim lồng : chỉ hạng người tầm thường cam chịu sống trong vòng giam hãm, câu thúc.

Ý cǎ câu : Đời phần nhiều là hạng tầm thường, thì bõ chi mà chơi với họ.

[←1416]

Chọn đá thử vàng : ý nói chọn người tri kỷ, chọn người tốt cũng như lấy đá thử xem vàng tốt xấu. Xem ct 363.

[←1417]

Vào trước ra sau : ý nói đón người vào lối cửa trước, tiễn người ra lối cửa sau. Xem đoạn Tú bà khấn khi Kiều mới vào cửa hàng mù (941-946) : ...Đưa người cửa trước rước người cửa sau.

Ý cả hai câu 2189-2190 : Còn như việc đưa đón khách làng chơi, việc đó nàng có được quyền tự kén chọn khách mà tiếp đâu.

[←1418]

Bình-nghuyên quân : tên Triệu Thắng, con Linh vương nước Triệu đời Chiến quốc, hiệu Bình-nghuyên quân, là người hiền thích tân khách, tính hào hiệp, trong nhà có mấy nghìn khách ăn. Ông làm tể tướng cho Huệ-văn vương và Hiếu-thành vương, ba lần thôi không làm tể tướng, ba lần trở lại địa vị, được phong đất ở Đông-vũ thành (*Sử ký*). Thơ Cao Thích (Đường) : *Vị tri can đảm hướng thủy thị, linh nhân khước úc Bình-nghuyên quân* = chẳng biết gan mật (cũng như nói ruột gan) hướng vào ai cho phải, khiến người lại nhớ Bình-nghuyên quân. Đây nhân câu trên, Thúy Kiều nói : « Biết đâu mà gởi can trường vào đâu », nên Từ Hải lấy « câu Bình-nghuyên quân » mà đáp lại, cũng là có ý tự ví mình.

[←1419]

Tấn-dương : tên đất, nay thuộc huyện Thái-nguyên tỉnh Sơn-tây, Đường Cao tổ từ đất Tấn-dương dãy binh đánh nhà Tùy dựng nghiệp đế.

Ý cả câu : Thúy Kiều tin rằng có phen Từ Hải làm nên được nghiệp đế vương như Đường Cao Tổ.

Khảo dị : Rồng mây rõ mặt anh hùng có phen (K₁₂₃)

[←1420]

Tri kỷ : người bạn rất thân biết được bụng dạ của mình. Xem câu 3213.

Khảo dị : Cười răng : Tri kỷ **thầy âu** mấy người (KOM)

[←1421]

Trần ai : bụi băm ; đây ý nói lúc hàn vi, còn lận đận nơi thế tục chưa có sự nghiệp gì. Xem câu 1380.

Khảo dị : Anh hùng **biết** giữa trần ai mới già (KOM)

Khảo dị : Anh hùng **đứng** giữa trần ai mới già (Qvđ)

[←1422]

Muôn chung : do chữ *vạn chung* : muôn hộc (thóc). *Chung* là đồ dùng đóng lường thời xưa ở Trung-quốc, đựng được 6 hộc 4 đấu. Các quan thời xưa ăn lương bằng thóc. Ăn lương đến muôn chung, tức là hàng quan khanh tướng...

Nghìn tú : do chữ *thiên tú* : nghìn cỗ xe đóng bốn ngựa. Có nghìn cỗ xe đóng bốn ngựa, tức là nói cảnh nhà quyền quý giàu sang.

[←1423]

Ý hợp tâm đầu : ý cùng hợp nhau, lòng cùng trao cho nhau, là nói hai bên tình ý rất tương đắc.

[←1424]

Khảo sát : Sự lòng ngỏ với băng nhân (KOM)

[←1425]

Nguyên ngân : nguyên số tiền vốn đã bỏ ra mua Kiều khi trước.

Phát hoàn : đưa trả lại.

Khảo dị : **Hai** trăm lại cứ nguyên ngân **chiếu** hoàn (KOM)

[←1426]

Màn bát tiên : màn có thêu tám vị tiên. Theo *Bát tiên khánh thọ* – kịch bản đời Nguyên, thì tám vị tiên đó là : Chung Ly Quyền, Lã Động Tân, Trương Quả Lão, Lý Thiết Quái, Lam Thái Hòa, Tào Quốc Cữu, Hà Tiên Cô, Hàn Tương Tử.

[←1427]

Sánh phượng : sánh với chim phượng, tức là sánh với người chồng xứng đáng. Theo *Tả truyện*, xưa kia họ Ý thị làm quan đại phu nước Trần, muốn gả con gái cho Kính Trọng, bói một quẻ. Vợ Ý thị xem quẻ bói được và đoán rằng : « Cát, thị vị phượng hoàng vu phi, hòa minh tương tương. Hữu Quỳ chi hậu, tương dục vu Khương, Ngũ thế kỳ xương, tịnh vu chính khanh. Bát thế chi hậu, mạc chi dự kinh » = Tốt, đó là quẻ chim phượng chim hoàng cùng bay, tiếng hát nghe vang vang. Con cháu họ Quỳ (họ Kính Trọng, tức họ vua nước Trần) sẽ được nuôi dạy trong nhà họ Khương (họ vua nước Tề). Năm đời thịnh vượng, đều ở hàng quan khanh. Trải tám đời không ai hơn được cả.

Rút từ điển này, văn nôm còn có : *bói phượng, bốc phượng* (bói được quẻ chim phượng, chim hoàng cùng bay). QÂTK : Đã trồng bạch bích dành đây, còn chờ bói phượng chưa vầy bạn loan.

Cưỡi rồng, do chữ *thùa long* : chỉ việc chưa lấy được chồng tốt. Theo *Sở quốc tiên hiền truyện*. Hoàng Hiến (sách *Sơ học ký* chép là Hoàng Thượng) và Lý Ưng (tự Nguyên-lễ) là hai danh sĩ đời Hậu Hán đều lấy con gái thái úy Hoàn Yên. Người đương thời bảo hai cô gái họ Hoàn được *cưỡi rồng* (*thùa long*), là ý nói lấy được chồng tốt. Thơ Đỗ Phủ (Đường) : *Môn lan đa hỉ khí, nữ tế cận thùa long* = cửa nhà nhiều sắc vui, chàng rể như hạng cưỡi rồng. NTT : Tôi đà phận đẹp cưỡi rồng, muốn cho nàng cũng chữ đồng vinh hoa.

Rút từ điển này, văn nôm còn có *thùa long* : Gần xa nức tiếng cung trang, thùa long ai kẻ đồng sàng sánh vai (QÂTK).

Khảo dị : Phỉ nguyên **bói** phượng đẹp duyên cưỡi rồng (KOM)

[←1428]

Trương phu : người đàn ông có chí lớn, tiếng vợ gọi chồng.

Động lòng bốn phương : nói lòng nghĩ đến chuyện tung hoành làm nên nghiệp lớn. Theo tục cổ Trung-quốc, khi sinh con trai thì dùng cung gỗ dâu (tang hồ) và tên cỏ bồng (bồng thí) bắn sáu phát lên trời xuống đất và ra bốn phương, với ý mong đứa con sau này sẽ tung hoành khắp bốn phương để lo mưu việc lớn.

[←1429]

Mênh mang : rộng bao la.

[←1430]

Chữ tòng : Xem ct 506.

[←1431]

Khảo đị : Chàng đi thiếp cũng **quyết** lòng xin đi (KOM)

[←1432]

Tâm phúc tương tri : biết rõ lòng dạ của nhau. Xem ct 460.

Khảo dị : Từ rằng **tâm phủ** tương tri (KOM)

[←1433]

Nữ nhi thường tình : cái tình thông thường của đàn bà, con gái.

[←1434]

Tiếng bể : tiếng trống trận. CPN : Cổ bể thanh động Trường-an
nguyệt = tiếng trống trận dậy rung trăng Tràng-an. Thơ Bạch Cư Dị
(Đường) : Ngư-dương bể cổ động địa lai = tiếng trống trận Ngư-
dương dậy đất dội lại.

Bóng tinh : bóng cờ hiệu trong quân ngũ. Xem câu 2314.

Khảo dị : Tiếng **chiêng** dậy đất bóng tinh rợp đường (Qvđ, BK)

[←1435]

Nghi gia : chỉ con gái về nhà chồng. *Kinh Thi : Đào chi yêu yêu, chước chước kỳ hoa, chi tử vu quy, nghi kỳ thất gia* = cây đào xanh non, hoa nở đỏ hồng ; cô con gái kia về nhà chồng, chắc hòa thuận được vợ chồng và gia đình nhà chồng.

[←1436]

Câu này tả cảnh Từ Hải, thanh gươm yên ngựa ra đi. *Trang tử* : « Bể Bắc có loài cá, tên nó là côn. Bể lớn của côn, không biết mấy nghìn dặm ! Hóa ra làm làm chim tên nó là bỗng. Lưng của bỗng, không biết có mấy nghìn dặm ! Võ cánh bay, cánh nó như đám mây rủ ngang trời ! ...Khi chim bỗng dời sang bể Nam, nước sóng sánh ba nghìn dặm ! Nó liêng theo gió lốc mà lên là chín vạn dặm, đi cứ sáu tháng mới nghỉ ». Thơ Lã Định : *Bỗng trình cửa vạn phù giao cận* = đường chim bỗng bay chín vạn tiện gió lốc nên gần. *Chim bỗng* trong câu đây là ví với Từ Hải, người anh hùng « đội trời đạp đất » tung hoành với chí lớn phi thường. Xem câu 2247.

Rút từ điển này, văn nôm còn có : *cánh bỗng gặp gió* (NĐM), *côn bỗng phi sức* (PT), *chí côn bỗng* (CHQVN), *bỗng trình chín vạn* (TS), *gió bỗng chín vạn* (HT).

Dặm khơi : dặm đường xa. Xem câu 2828.

Khảo dị : Gió **mây** bỗng **đã đến kỳ** dặm khơi (Qvđ)

[←1437]

Song mai : cửa sổ có cây mai, hay chỉ cửa sổ, thêm chữ *mai* cho đẹp lời. Xem ct 1822.

Khảo dị : Nàng **thì** chiếc bóng song mai (Qvđ, BK)

[←1438]

Then mây : then cửa phòng mây. Phòng mây là do chữ *vân phòng*, đây chỉ phòng tĩnh mịch, kín đáo.

[←1439]

Tử phần, do *tang tử* và *phần du* gộp lại để chỉ quê nhà. Kinh Thi : *Duy tang dã tử tất cung kính chỉ* = duy có cây dâu và cây tử, tất là nơi cung kính ; ý nói cây dâu và cây tử do cha mẹ trồng cho nên phải cung kính. Người sau nhân đó mà gọi quê nhà, nơi cha mẹ ở là *tang tử*.

Phân, tức *Phân-du* : tên làng ở ấp Phong, quê Hán Cao tổ. *Hán thư* : « Nhà Hán hưng. Cao tổ buổi đầu nổi lên, chém rắn lớn, có quỷ thần bảo : Rắn là con Bạch đế, người giết rắn là con Xích đế. Đến khi Cao tổ cầu đảo ở nền xã Phân-du thuộc đất Phong, đất Bái, giữ chức Bái công, tức là tể Chuyên Vưu ». Lời chú họ Trịnh nói : « Phân-du là tên làng, nền xã ở Phân-du ». Thơ Mai Nghiêu Thần (Tống) : *Hương xã mộng Phân-du* = nhớ làng mộng về Phân-du. Xem các câu 2588, 2862.

Khảo dị : Đoái **thương** muôn dặm tử phần (Qvđ, BK)

[←1440]

Hồn quê : đây nói lòng mơ tưởng về quê hương.

Mây Tân : mây trên núi Tân-lĩnh (dải núi chạy dài từ tỉnh Cam-túc, vòng ra tỉnh Thiểm-tây), chỉ lòng nhớ quê nhà. Theo *Tiên truyện thập di*, khi Hàn Dũ vì can gián việc rước cốt Phật mà bị giáng chức cho ra làm thứ sử đất Triều-châu, đi đến đất Thương-sơn có làm bài thơ tiễn biệt đưa cháu gọi bằng cậu, có câu : *Vân hoành Tân-lĩnh
gia hà tại ? tuyết ứng Lam quan mã bất tiễn* = mây kéo ngang núi Tân, nhà ta ở nơi đâu ? tuyết ứng Lam, ngựa trù trừ không đi tới. Xem câu 249 và ct 1319.

[←1441]

Khảo dị : Chỗc **là** mươi mấy năm trời (KOM, Qvđ, BK)

Đây để theo bản *Phạm Kim Chi*.

[←1442]

Da mồi : màu da người già mốc lốm đốm như màu đồi mồi.

Tóc sương : tóc bạc trắng như sương.

[←1443]

Ngó ý tơ lòng : ngó sen dù bị ngắt lìa ra nhưng những sợi tơ trong lòng ngó sen không dứt hẳn mà vẫn còn vương liền nhau ; khác nào như Kiều vì cảnh ngộ mà phải lìa Kim Trọng, nhưng về tình thì lòng vẫn luôn luôn nhớ chàng, lòng luôn luôn vương vấn không dứt được với chàng.

Khảo dị : Dẫu lìa tơ ý còn vương tơ lòng (Qvđ)

[←1444]

Thúy Kiều nhớ Từ Hải. **Cánh Hồng** : cánh chim hồng, ví người anh hùng có chí lớn, tung hoành ngoài nghìn dặm như chim hồng. **Hồng** : giỗng ngỗng trời, mình xám, cánh đen, bụng trắng, tính dũng mãnh, bay cao, ví người có chí cao mưu lớn. *Kinh thi : Hồng phi tuân chữ* = chim hồng bay quanh bến nước, là ví người tài khi chưa được đắc dụng. *Sử ký* : Trần Thiệp buổi thiếu thời đi cày thuê cho người. Khi nghỉ cày, ông ngồi ra dáng buồn bã rồi ngậm ngùi nói rằng : « Nếu được phú quý không bao giờ quên nhau ! ». Mọi người đều cười mà đáp lại : « Nếu còn làm nghề cày thuê thì sao có thể giàu sang được ? ». Trần Thiệp thở dài nói « Ta hồ, yến tước an tri hồng hộc chi chí tại ! » = than ôi, loài chim én chim sẻ sao biết được chí chim hồng, chim hộc ! Xem các ct 2230, 2970.

[←1445]

Đây là lần thứ bảy (lần cuối cùng) Nguyễn Du diễn tả tâm trạng nhớ nhung của Thúy Kiều (2231-2248). Xem ct 918.

Vũ Trinh phê : Tả biệt xứ, tả tư xứ, phàm tam ngũ xứ, các biệt nhất dạng, toàn vô nhất bút giá diệp. Chân thi văn chương vô tận tàng cao thủ = Chỗ tả biệt ly, chỗ tả thương nhớ, phàm có năm ba chỗ, mà mỗi chỗ một cách, không có chỗ nào trùng lặp giống nhau. Thật là một bậc văn chương cao tay của cái kho vô tận.

[←1446]

Sát khí : cái khí chém giết, sát phạt nhau.

[←1447]

Kình ngạc : hai giống cá to dữ, đây chỉ quân lính hùng mạnh.

Giáp binh : áo giáp và khí giới, chỉ quân lính mặc áo giáp và mang khí giới. Xem câu 2259.

[←1448]

Khảo đị : Người quen **kẻ thuộc** chung quanh (Qvđ)

[←1449]

Khảo đị : **Rủ** nàng hãy tạm lánh mình một nơi (Qvđ)

[←1450]

Gởi : nói một cách lẽ phép, như trong chữ *thưa gửi*. Xem câu 2548.

Khảo dị : Đồng thanh cùng **hỏi** : Nào là phu nhân ? (Qvđ)

[←1451]

Khẩu đầu : lễ chào cúi đầu chạm đến đất. Xem câu 2364.

[←1452]

Cung nga thể nữ : chỉ chung hạng con gái đẹp hầu hạ trong cung.
Xem câu 2460.

Khảo dị : Cung nga thể nữ **theo** sau (KOM)

[←1453]

Lệnh chỉ : lệnh của vua, của quân tướng.

Châu, tức *chău bà* hay *đức chău* : tên gọi vợ vua, vợ chúa hay các vị phu nhân tôn quý.

Vu quy : về nhà chồng. Xem ct 651, 503.

[←1454]

Phượng liền loan nghi : kiệu và các đồ nghi trượng có chạm thêu hình chim loan, chim phượng.

[←1455]

Hoa quan : mũ có đính vàng ngọc, kim cương đẹp đẽ.

Chấp chới : sáng lóng lánh.

Hà y : áo đỏ tía như sắc ráng trời.

Khảo dị : Hoa quan **giấp** giới, hà y rõ ràng (BK)

[←1456]

Khảo dị : Trúc tơ **dây** trước kiệu vàng kéo sau (KOM)

Khảo dị : Trúc tơ nổi trước **đào** vàng kéo sau (Qvđ, BK)

Đây để theo bản Tản Đà.

[←1457]

Hỏa bài tiên lộ : cái thẻ bài hỏa tốc cầm đi trước để báo tin cho nhân dân biết mà lo việc phục dịch hay để dẹp đường cho quan quân đi. *Bài* là phiến gỗ vuông để viết chữ ; *hỏa* là tỏ ý việc khẩn cấp nóng như lửa.

[←1458]

Nam đinh : chỉ triều đình phương nam do Từ Hải lập ra.

Đại doanh : doanh trại lớn, chỗ đóng quân của Từ Hải.

[←1459]

Thân nghênh : tự mình ra đón.

Khảo dị : Từ công **lên** ngựa thân nghênh cửa ngoài (Qvđ)

[←1460]

Cân đai : cái mặng bịt tóc (chỉ cái mũ) và cái đai vòng quanh áo của lǚ phục vua quan phong kiến.

Ý cả câu : Vẻ cân đai của lǚ phục để vương làm người Từ Hải rực rỡ hẳn lên.

Khảo dị : Lửa mình là **vẻ** cân đai (BK)

[←1461]

Xem câu 2167-2168.

Khảo dị : Hãy còn **cầm** én mà y ngài như xưa (Qvđ)

[←1462]

Cá nước duyên ưa : duyên vợ chồng êm ấm. Cd : Đôi ta gắn bó
dải đồng, như cá gấp nước như rồng gấp mây.

[←1463]

Dây cát, bóng cây : xem các ct 902, 3238.

[←1464]

Một hai : ngày một ngày hai, tức ý nói ngày đầu mới gặp nhau.
Xem ct 341.

[←1465]

Trướng mai : màn có thêu hoa mai, đây chỉ chốn buồng the của vợ chồng. Xem ct 434.

Tự tình : chuyện trò bày tỏ tình ý.

[←1466]

Khao binh : mở tiệc thết quân sĩ.

[←1467]

Khảo dị : **Âm** thùng trống trận rập rình nhạc quân (KOM)

Khảo dị : **Om thòm** trống trận rập rình nhạc quân (BK, Qvđ)

Đây để theo lời chú bản BK : « Có bản viết : *thì thùng...* »

[←1468]

Khảo đị : Chữ tình ngày **một** thêm xuân một ngày (KOM)

[←1469]

Khảo dị : Trong quân **nhân** lúc vui vầy (KOM)

[←1470]

Hàn vi : nghèo hèn, không có thể lực gì.

Khảo dị : Thông dong mới kể **chuyện** ngày hàn vi (KOM)

[←1471]

Nghiêm quân : chỉnh đốn hàng ngũ quân lính.

Tuyển tướng : lựa chọn sắp đặt các tướng.

[←1472]

Ruồi sao : do chữ *tinh trì* : đi nhanh như sao băng.

[←1473]

Ba quân : ba đạo quân theo binh chẽ thời xưa là : tiền quân, trung quân, hậu quân ; hoặc : trung quân, tả quân, hữu quân. Đây chỉ quân sĩ nói chung. Xem câu 2395.

[←1474]

Chiếu danh tầm nã : chiếu tên mà tầm bắt.

Khảo dị : Chiếu danh **truy** nã **đem** về hỏi tra (KOM)

[←1475]

Lệnh tiễn : một loại cờ lệnh có mũi tên của các tướng để ban phát hiệu lệnh. Xem câu 2306.

Khảo dị : Lại sai lệnh tiễn truyền **ra** (KOM)

[←1476]

Thệ sự : lễ tuyên cáo và hiếu dụ quân sĩ trước lúc xuất quân.

[←1477]

Chấp uy : chấp hành uy lệnh (lệnh nghiêm).

[←1478]

Báo phục : báo trả lại ; ý nói ân thì báo ân, oán thì báo oán. Xem câu 2397.

Chỉn ghê : rất ghê, rất đáng sợ. Xem ct 166.

[←1479]

Khảo dị : Chia đi mọi ngả tóm về **đòi** nơi (KOM)

[←1480]

Vệ, cơ : các đơn vị quân đội thời xưa.

Thị lập : đứng hầu.

Song phi : dàn ra làm hai hàng.

Khảo dị : Vệ trong thị lập, **cửa** ngoài song phi (Qvđ)

[←1481]

Vác dòng : lưỡi mác và chiếc lao là những thứ binh khí thời cổ.
CPN : Mũi dòng vác đòi lần hăm hở. Xem câu 2510.

Tinh kỳ : cờ tinh là một loại cờ hiệu dùng trong quân thời xưa.
Xem các câu 2222-694.

Khảo dị : Bác-đồng chật đất tinh kỳ **dợp** sân (BK)

[←1482]

Trướng hùm, do chữ *hổ trướng* : màn da hổ, chỉ nơi làm việc của các tướng soái. *Nam Đường thư* : Từ Tri Ngạc, khi trấn đất Nhuận-châu, thường lên chơi núi Mạt-sơn, dọn đất thành bãi bằng, kết da hổ làm màn che, rồi cùng các liêu thuộc họp ở dưới gọi là *hổ trướng*. Thơ Vương Kiến (Đường) : *Hổ trướng trường khai tự giáo binh* = màn hùm mở mải để dạy quân lính. Xem ct 434.

[←1483]

Tiên nghiêm : hối trống đánh mở đầu ra oai.

[←1484]

Cửa viền, do chữ *viên môn* : cửa dựng bằng cẳng xe. *Viên* : cẳng xe. Thời xưa, vua đi tuần thú, săn bắn cõi ngoài, dừng lại ở đâu, quây các cỗ xe làm đậu, dựng cẳng xe làm cửa ra vào gọi là *viên môn*. *Chu lễ* : *Chưởng xá, chưởng vương chi hội đồng chi xá, thiết bệ hộ tái trùng, thiết xa cung viên môn* = quan chưởng xá nắm coi nơi hội đồng của vua, bày đồ hộ vệ xung quanh hai vòng, đặt xe làm viền môn. Lời sớ nói : « Vua dừng lại nghỉ nơi hiểm trở, phòng bị những việc bất thường nên lấy cỗ xe làm giậu, dựng ngược xe làm cửa. Dựng ngửa xe tức là dựng ngược hai cẳng xe mỗi bên một cái, giáp cẳng lại với nhau làm cửa gọi là *viên môn* ». Xem các câu 2380, 2512.

NLCV : Cửa xe chầu chực sớm trưa, thấy thiên võ cử đời xưa luận rắng. Cửa xe, nghĩa như *cửa viền*.

[←1485]

Khảo dị : Từ răng : Ân **oán** đôi bên (KOM)

[←1486]

Xử quyết : Xét xử quyết đoán.

[←1487]

Khảo đị : Nàng rồng : **Nhờ** cậy uy linh (Qvđ, BK)

[←1488]

Cho phu : cho bõ, cho đáng. Cd : Đôi bên ý hợp lòng ưa, mới phu công thiếp mới vừa lòng anh.

[←1489]

Khảo dị : **Sổ tên trước xương** Thúc lang (KOM)

Khảo dị : Cho gươm **đưa** đến Thúc lang (Qvđ)

Khảo dị : **Sổ danh trước xương** Thúc lang (K₁₂₄)

[←1490]

Ý cǎ câu : Mặt tái xanh như bị chàm đổ vào, người run lên như chim giẻ (vì chim giẻ, cái đuôi luôn luôn phay phảy như run). **Giẻ** : tức *giẻ cùi*, giống chim tốt mã dài đuôi (KTTĐ).

[←1491]

Khảo đị : Nàng rắng : Nghĩa **trọng** nghìn non (Qvđ, BK)

[←1492]

Sâm Thương : chỉ sự cách biệt, không gặp được nhau như sao Sâm và sao Thương ở hai vị trí đối nhau, không khi nào xuất hiện cùng một lúc trên bầu trời. **Sâm** : sao Sâm là chòm sao gồm bảy ngôi ở phía tây, một trong nhị thập bát tú, màu đỏ da cam (Bételgeuse hay Béteigeuse). *Lễ ký* : *Mạnh xuân chi nguyệt, hôn sâm trung* = tháng giêng, buổi tối sao Sâm ở chính giữa trời (Nguyệt lệnh). **Thương** : sao Thương, tức là chòm sao Tâm, gồm ba ngôi ở phía đông, nằm trong nhị thập bát tú (Antarès) màu đỏ lửa. *Lễ ký* : *Quý hạ chi nguyệt, hôn hỏa trung* = tháng sáu, buổi tối sao Tâm ở chính giữa trời (Hỏa, tức chỉ sao Tâm). Thơ Đỗ Phủ (Đường) : *Nhân sinh bất tương kiến, động như Sâm dã Thương* = đời người ta không gặp được nhau, chuyển dời như sao Sâm sao Thương.

[←1493]

Kẻ cắp bà già : ý nói tay bợm gắp phải người sành đời. Tng : Kẻ cắp gắp bà già.

[←1494]

Khảo đị : Mưu sâu **đành** trả nghĩa sâu cho vừa (KOM)

Khảo đị : Nghĩa sâu **đành trả ơn** sâu cho vừa (K₁₂₅)

[←1495]

Mụ già : tức bà quản gia nhà họ Hoạn. Xem ct 1747.

Sư trưởng : chỉ Giác Duyên.

[←1496]

Phiếu mẫu : bà lão đập vải, chỉ người có lòng tốt giúp người không cầu trả ơn. Theo *Sử ký*, Hàn Tín, người huyện Hoài-âm (tên một huyện thuộc nước Sở) khi còn hàn vi, nhà nghèo, thường theo ăn nhờ nhà người khác. Một hôm Tín câu cá ở dưới thành, trong số những bà lão đập vải, có một bà thãy Tín đói, cho Tín ăn cơm suốt mấy mươi ngày, cho đến khi đập vải xong. Tín mừng nói với bà lão : « Thế nào tôi cũng đến ơn bà xứng đáng ». Bà ta giận nói : « Kẻ đại trượng phu không có thể nuôi nổi bản thân mình, tôi thương cậu nên mời ăn, chứ có phải mong cậu báo đáp đâu ! ». Về sau Hàn Tín theo giúp Hán Cao tổ, cầm quân đánh Tần, bình định thiên hạ, dựng nghiệp nhà Hán, được Hán Cao tổ lập làm Sở vương, đóng đô ở Hạ Bì. Tín về đến nước, đem nghìn vàng thưởng cho bà lão đập vải đã cho mình ăn.

LTKN : Cơm Phiếu vàng Hàn chi dám ví, miễn xin lòng hãy tạc ghi lòng.

[←1497]

Hiến phù : dâng nộp những người tù binh bắt được : đây ý nói giải những người có tội tới.

[←1498]

Các tích : án tích kể những tội lỗi của người tù phạm.

Phạm tù : người bị bắt làm tù vì phạm tội.

Hậu tra : đợi để tra hỏi.

Khảo dì : Lại đem các tích phạm **đò** hậu tra (BK)

[←1499]

Khảo đị : Xã trông nàng đã chào thưa (KOM)

[←1500]

Khảo đị : Tiểu thư cũng **mới** bây giờ đến **nơi** (Qvđ)

[←1501]

Khảo dị : Hoạn thư **phách lạc hôn xiêu** (KOM)

[←1502]

Khảo dí : Khẩu đầu dưới trướng **liệu** điều kêu ca (Qvđ)

Khảo dí : Khẩu đầu dưới trướng, **dở** điều kêu ca (BK)

[←1503]

Khảo đị : Với **ra** khỏi cửa dứt tình chẵng theo (Qvđ)

[←1504]

Khảo dị : Lòng riêng, riêng **cũng** kính yêu (KOM, Qvđ, BK)

Đây để theo bản *Phạm Kim Chi*.

[←1505]

Khảo dị : Trót **đà** gây việc chông gai (KOM)

[←1506]

Vũ Trinh phê : Cú cú lý trực = (Hoạn Thư nói) câu nào lý lẽ cũng chính trực cả.

[←1507]

Khảo đị : Khen cho : **Khέo** đã nêu rǎng (KOM)

[←1508]

Tri quá : biết lỗi.

[←1509]

Quân lệnh : hiệu lệnh trong quân.

Trưởng tiên : trước trưởng, tức là trước chỗ xử việc lúc ấy.

Khảo dị : **Lệnh quân truyền xuống** trưởng tiền tha ngay (K₁₂₆)

[←1510]

Sân mây : đây chỉ là nói cái sân, thêm chữ mây cho đẹp lời văn.

[←1511]

Hại nhân nhân hại : hại người thì người hại lại.

[←1512]

Khảo đị : **Nào** là Bạc Hạnh Bạc bà (KOM)

[←1513]

Khảo dị : **Nào** là Ưng, Khuyển, **nào** là Sở Khanh (KOM)

[←1514]

Khảo đị : Các tên tội **đã** đáng tình còn sao (KOM)

[←1515]

Nội đao : quân đao phủ, tâm phúc của chủ tướng.

Khảo dì : Lệnh quân truyền xuống **khai** đao (KOM)

[←1516]

Nguyễn Lượng phê : *Bất tử Hoạn Thư nhì tử kỳ mẫu, dĩ cam tâm yên ! bất diệc nhẫn hổ ! Tác giả cố ẩn kỳ sự dư ? Nhiên dư vị Thúc Kỳ Tâm chính khả sát. Mã Giám sinh tối bất khả sát. Nguyên thiên hạ thâm tình nhân thi vị tư chi. Hoặc viết : vị Kim sát Mã khả giã. Nại viên ngoại ông hè ? Liệp ư hiệp kỹ truyện, lương hữu dĩ phù ! Thủ thiên địa gian bất khả thiếu chi sự, diệt bất tu tận đắc chi sự, biến địa giai thị, hè khả thăng thán ! = Không giết Hoạn Thư mà giết mẹ Hoạn Thư để thỏa lòng căm tức, thế chăng là nhẫn tâm lắm ru ! Tác giả vì thế mà giấu cái sự ấy đi chăng ?Riêng ta, ta bảo Thúc Kỳ Tâm (tức Thúc sinh) chính đáng giết, còn Mã Giám sinh thật không đáng giết một chút nào. Xin các người có thâm tình trong thiên hạ, thử nghĩ lại mà xem. Có người nói : vì chàng Kim mà giết họ Mã cũng phải. Nhưng thế thì đối với ông viên ngoại thì sao ? Cho nên đem Kiều mà liệt vào truyện hiệp kỹ (người kỹ nữ có nghĩa hiệp) thì thật cũng có lý vậy ! Đây là một việc ở giữa trời đất, không nêu thiếu, mà cũng là một việc không nêu hết thảy như thế cả. Nếu trên mặt đất này, khắp đâu cũng đều như thế cả, thì những sự than thở kẽ sao cho xiết !*

[←1517]

Pháp trường : chỗ hành hình người có tội.

[←1518]

Thanh thiên bạch nhật : giữa trời xanh mà đang lúc ban ngày, ý nói rõ ràng, không giấu giếm ai.

[←1519]

Tù quy : từ giã ra về.

[←1520]

Thiên tài nhất thi : nghìn năm mới có một lần, nói dịp hiếm có.

[←1521]

Bàn hoàn : quanh quẩn, quẩn quít vui vẻ với nhau. Xem ct 711.

[←1522]

Thúy Kiều viện cớ để giữ Giác Duyên.

Hai câu 2401-2402 ý nói : rồi đây hai người cũng phải chịu cái cảnh như bèo hợp rồi lại tan, mây tụ rồi lại tán, chia lìa mỗi người một ngã. Giác Duyên như chim hạc nội, như mây ngàn, nay đây mai đó, biết đâu mà tìm. Xem ct 770.

[←1523]

Khảo dị : Sư răng : Cũng chẳng **bao** lâu (KOM, Qvđ)

[←1524]

Hành cước : đi bộ, tiếng thường dùng của các nhà sư.

[←1525]

Tiên tri : biết trước các việc về sau. Xem câu 2413.

[←1526]

Hội ngộ chi kỳ : dịp gặp lại. Xem câu 601.

Khảo dị : Bảo cho hội **hợp** chi kỳ (Qvđ, BK)

[←1527]

Khảo đị : Đã **tin** điều trước ăn nhầm **điều** sau (Qvđ, BK)

[←1528]

Khảo đị : Còn nhiều ân **nghĩa** với nhau(KOM)

[←1529]

Cơ duyên : duyên số do máy tạo đã định. Xem câu 2973.

[←1530]

Chung thân : trọn đời, hết đời. Đây ý nói Thúy Kiều muốn hỏi cái chung cục của đời mình.

[←1531]

Khảo dị : Giác Duyên vâng **dạy** ân cần (Qvđ)

[←1532]

Khảo dị : Bể oan dường đã voi voi **cận** lòng (KOM)

[←1533]

Khảo dì : Chút thân bồ liễu **còn** mong có rày (Qvđ)

Khảo dì : Chút thân bồ liễu, **mà** mong có rày (BK)

[←1534]

Khảo dị : Khắc xương chép dạ xiết chi (Qvđ)

[←1535]

Ý cǎ câu : Dù cho chết đi, dễ cũng chưa đền đáp được cái ơn nghĩa cao cả như trời mây. Tiếng Hán có chữ *can nǎo đồ địa* = đem gan và óc trát xuống đất, là ý nói cái chết cực thảm thiết mà cũng không từ. Theo *Hán thư*, Tô Vũ nói : « Vũ phụ tử... vị liệt tướng, tước thông hầu ; huynh đệ thân cận thường nguyện can nǎo đồ địa. Kim đắc sát thân tự hiệu, tuy mông phủ việt thang hoạch, thành cam lạc chi... » = Cha con của Vũ, chức ở hàng tướng, tước ở hàng hầu. Anh em thân cận của Vũ thường nguyện đem gan gốc mà trát xuống đất. Nay được chịu chết nêu gương, tuy phải búa rìu, nước lửa, thì cũng vui lòng. (Tô Vũ truyện).

[←1536]

Quốc sĩ : kẻ sĩ tài đức nức tiếng.

[←1537]

Khảo dị : Giữa đường **khi** thấy bất bằng mà tha (KOM)

[←1538]

Thâm tạ : tạ ơn một cách sâu sắc.

[←1539]

Song thân : xem ct 430.

[←1540]

Kẻ Việt người Tân : kẻ ở nước Việt (phía đông nam Trung-quốc ngày nay) người ở nước Tân (phía tây bắc Trung-quốc ngày nay), ý nói mỗi người một nơi, cách biệt xa xôi.

Khảo dị : Bấy lâu kẻ Việt người Tân cách xa (KOM)

[←1541]

Quân trung : trong quân. Xem các câu 2311, 2456.

[←1542]

Tẩy oan : rửa hết oán thù. Từ Hải sai truyền mở tiệc trong quân, cho binh tướng cùng dự hội mừng Thúy Kiều đã rửa hết oán thù.

[←1543]

Trúc chẻ, do chữ *phá trúc* : nói về sự dễ dàng, ví như thế quân đã mạnh, đánh đâu được đấy tựa chẻ tre. *Tấn thư* : *Kim binh uy dĩ chấn, thí như phá trúc, sổ tiết chi hậu gai nghênh nhận nhi giải* = nay binh uy đã phẫn phát lên, thì ví như việc chẻ tre, đến sau mấy đốt thì tre theo lưỡi dao mà chẻ đôi ra thôi.

Ngói tan : do chữ *ngõa giải* : nói như mái ngói khi đã sụt vỡ thì cứ sụt vỡ mãi rất dễ. *Tấn thư* : *Lưu Bị dĩ trá lực lỗ Lưu Chương, Thục nhân vị phụ ; kim nhược tiến binh lâm chi, thế tất ngõa giải* = Lưu Bị lấy sức giả dối mà bắt sống Lưu Chương, người Thục chưa chịu giúp ông ta, nay nếu như tiến binh đánh, thế Lưu Bị tất như ngói vỡ.

Khảo dị : Thừa cơ trúc chẻ **khôi** tan (Qvđ)

[←1544]

Binh uy : uy thế của quân lính Từ Hải.

Khảo dị : Binh uy từ **đó** sấm ran trong ngoài (KOM)

[←1545]

Ý cả hai câu 2443-2444 : Nói thế quân của Từ Hải hùng mạnh, đánh đâu được đấy, chiếm được năm huyện phía nam. *Gió quét mưa sa*, đây ý nói đánh mạnh, quét sạch cả thế lực của nhà vua ở mấy địa phương.

[←1546]

Khảo dị : Huyện thành đạp đổ năm tòa **Hải-nam** (KOM)

[←1547]

Phong trân : chỉ đời loạn. Xem ct 986.

[←1548]

Giá áo túi cơm : do chữ *y giá phạn nang* : cái giá mắc áo, cái túi đựng cơm, chỉ hạng người vô dụng. *Nhan tử gia huấn* : *Kim thể sĩ đại phu đản bất độc thư, tức xưng vũ phu nhi, nãi phạn nang tửu ứng* = kê sĩ đại phu đời nay đến sách cũng không đọc, nên gọi là hạng vũ phu, té ra họ cũng chỉ là hạng túi cơm vò rượu.

Ý cà câu : gấp buổi loạn lạc thì mài gươm mà kiếm tạo sự nghiệp, còn những hạng người tầm thường chỉ biết có ăn biết có mặc thì kể làm gì.

[←1549]

Cô quả : tiếng khiêm xưng của các vua chư hầu, vua các nước nhỏ thời xưa. **Cô** : tức như đứa con mồ côi, không ai dạy bảo, giúp sức cho ; **quả** : tức quả nhân, ý nói khiêm là người ít đức, nhờ quần thần giúp đỡ cho. *Lễ ký* : Kỳ ư địch dĩ hạ viết quả nhân, tiểu quốc chi quân viết cô = các vua chư hầu khi nói với người hàng dưới mình, thì tự xưng là *quả nhân*, vua một nước nhỏ tự xưng là *cô* (Ngọc tảo).

Bá vương : chỉ chung cái thể lực hùng mạnh của kẻ đứng đầu các nước chư hầu, như gọi Hạng Vũ là Tây Sở bá vương. Xem ct 2, tr.140.

Khảo dị : Thiếu gì cô quả **thiếu** gì bá vương (KOM, Qvđ, BK)

[←1550]

Tranh cường : đua tranh về sức mạnh.

[←1551]

Hùng cứ : chiếm đóng vững chắc.

Hải tần : miền đất ven biển.

[←1552]

Kinh luân : lấy từng mối tơ mà gỡ ra gọi là *kinh*, so những sợi tơ cùng một loại mà kết thành con gọi là *luân*. Phàm việc sửa sang sắp đặt các việc chính trị cũng gọi là *kinh luân*.

[←1553]

Đẩy xe, do chữ *thôi cốc* : đẩy trực bánh xe, là nói giúp sức cho người khác nên việc, phó thác việc lớn cho người. Đây dùng theo nghĩa được ủy thác việc lớn. *Hán thư* : Thần nghe nói, đời thương cỗ vua sai tướng ra cõi ngoài, thì vua quỳ xuống đẩy trực xe (thôi cốc) mà nói rằng : « Niết dĩ nội quả nhân chẽ chi, niết dĩ ngoại tướng quân chẽ chi » = trong ngạch cửa ải quả nhân coi giữ, ngoài ngạch cửa ải tướng quân coi giữ (Phùng Đường truyện).

Đặc sai : phái đi làm nhiệm vụ đặc biệt.

[←1554]

Tiện nghi : tùy theo sự nghi mà làm không phải đợi lệnh trên.

Bát tiễn : dẹp giặc, đánh giặc.

Đổng nhung : trông coi, đốc xuất việc quân.

Khảo dị : Tiện nghi **phù** tiễn việc ngoài đồng nhung (KOM).

[←1555]

Chiêu an : kêu gọi, chiêu dụ giặc hàng để đặt lại an ninh.

[←1556]

Khảo dí : Phong thư đồ lĕ sai quan thuyết hàng (K₁₂₇)

Khảo dí : Phong thư mâm lĕ sai quan thuyết hàng (KOM)

[←1557]

Hồ đồ : chưa hiểu sự thể ra làm sao.

[←1558]

Bể Sở sông Ngô : Sở, Ngô là tên hai nước thời Xuân Thu nay thuộc miền đông nam Trung-quốc, là địa bàn hoạt động của Từ Hải. Xem ct 2954.

[←1559]

Hàng thần : kẻ bầy tôi nguyên đã nổi dậy chống bọn thống trị nay ra thú chịu hàng phục.

[←1560]

Ý cǎ câu : Vì xiêm áo, tức là vì quan tước mà mình bị ràng buộc vào trong khuôn khổ, không được tự do tung hoành. Xem ct 373.

Khảo dị : Áo xiêm **buộc** **trói** lẫy nhau (Qvđ, BK)

[←1561]

Công hầu : tước công và tước hầu, chỉ người có quan tước cao ở triều đình.

[←1562]

Vương thân : bồ tôt nhà vua.

[←1563]

Thanh vân : mây xanh, chỉ đường lập công danh. *Sử ký* : Thấy Phạm Thư, Tu Giả cúi đầu xin chịu tội chết nói : « Giả bất ý quân năng tự chí ư thanh vân chi thượng. Giả bất cảm phục độc thiên hạ chi thư, bất cảm phục thiên hạ chi sự » = Giả này không ngờ ngài có thể tự mình lập được công danh. Từ nay, Giả tôi không dám đọc sách của thiên hạ, cũng lại không dám dự vào việc thiên hạ. Xem câu 2867 và ct 2861.

[←1564]

Cố hương : làng cũ.

[←1565]

Mệnh phụ : đàn bà vì chồng làm quan to mà có tước phong.

[←1566]

Đắc hiếu : được tròn đao hiếu với cha mẹ.

Đắc trung : được tròn đao trung với vua.

[←1567]

Chiếc bách : Xem ct 1957.

[←1568]

Khảo đị : E dè sóng **gió** hãi hùng **cỏ hoa** (Qvđ, BK)

[←1569]

Thánh trạch : nói ơn nhà vua.

Khảo dị : Răng : Trong Thánh **đế** dõi dào (Qvđ)

Khảo dị : Răng : **Ơn Thánh đế**-đői dào (BK)

[←1570]

Bình thành, tức *địa bình thiên thành* là chữ sách *Kinh Thư* : Làm cho thủy thổ được điều hòa gọi là *địa bình* ; khiến cho ngũ hành (thủy, hỏa, kim, mộc, thổ) theo thứ tự mà ổn định gọi là *thiên thành*. Đó là lời nói công đức trị nước lụt của vua Vũ (Đại Vũ mô). Đây nhân thế mà nói công đức to lớn của vua lo sửa sang việc nước, ra ơn cho dân.

[←1571]

Đống xương Vô-định : đống xương những người chết trận trên bờ sông Vô-định ; ở tỉnh Thiểm-tây. Nước sông chảy xiết cuốn theo cát, lòng sông chỗ nông chỗ sâu không nhất định nên gọi là *Vô-định hà*. Từ thời xưa trên bờ sông này là bãi chiến trường. Thơ Trần Đào (Nam Đường) : *Khả tán Vô-định hà biên cốt, do thị xuân khuê mộng lý nhân* = đáng thương đống xương bên sông Vô-định, như còn là người trong mộng của khách chốn buồng xuân.

[←1572]

Hoàng Sào : lãnh tụ nông dân khởi nghĩa, người đất Tào-châu. Đời Đường Hi tông, ông đem quân đánh chiếm Hà-nam, Giang-nam, Phúc-kiến... lấy Lạc-dương, vây hãm kinh đô Trường-an, tung hoành trong mười năm trời, sau bị kẻ thù hạ ám hại.

[←1573]

Chỉnh nghi : chỉnh đốn nghi lễ.

[←1574]

Thúc giáp : bó áp giáp lại, tức là bó các đồ bình khí.

Giải bình : giải tán quân đội.

[←1575]

Thành hạ yêu minh : nói sự ăn thề xin hòa ở dưới chân thành vì địch đánh đến mà sức quân trong thành không chống nổi. Đây là nói làm lẽ ước hẹn « thúc giáp giải binh » ra hàng quân triều đình.
Tả truyện : *Sở phạt Giảo đại bại chi, vi thỉnh hạ chi minh nhi hoàn* = nước Sở đánh nước Giảo, đánh cho Giảo bại to, bắt Giảo phải ăn thề ở chân thành, rồi rút quân về (Hoàn – thập nhị niên).

[←1576]

Vương sư : quân của nhà vua.

Khảo dị : Vương sư **nghe** đã tò tường thực hư (Qvđ)

[←1577]

Quyết kế thừa cơ : quyết định phương kế nhằm nhân lúc đánh được (thừa cơ hội Từ Hải trễ tràng canh phòng mà đánh úp).

[←1578]

Lễ tiên binh hậu : nghi lễ chiêu hàng dàn mặt trước mà quân lính đánh úp phục sẵn mặt sau.

Khắc cờ tập công : định kỳ hạn đánh úp.

[←1579]

Chiêu phủ : gọi về mà vỗ về an ủi, tức là dụ hàng.

[←1580]

Câu này nói rõ câu *Lễ tiên binh hậu...* ở trên. Xem ct 2314.

Khảo dị : Lễ nghi giàn trước, **bác đồng** phục sau (BK)

[←1581]

Đại quan lễ phục : bận đồ lễ hàng quan to.

Ra đầu : ra đầu hàng.

[←1582]

Ám hiệu : ra hiệu riêng, hiệu lệnh kín của nhà binh.

[←1583]

Bất ý : không nghĩ đến, không chú ý tới.

Khảo sát : Đang khi bất ý **ai** ngờ (KOM)

[←1584]

Dạn dày : đã quen chịu những khó khăn trở ngại.

Gan liềng : gan góc, không nao núng.

[←1585]

Ý cả câu : Từ Hải đã chết.

[←1586]

Khảo dị : Trơ như đá **rắn** như đồng (KOM)

[←1587]

Khảo dị : Quan quân **thừa thê** đuôi dài (KOM, K₁₂₈)

[←1588]

Khảo dị : **Hầm-hầm** sát khí, ngất trời ai đang (BK)

[←1589]

Tên đá, do chữ *thi thạch* : tên đạn.

[←1590]

Khảo dị : Bởi nghe lời thiếp **đến** cơ hội này (KOM, Qvđ, BK)

Đây để theo bản *Tản Đà*

[←1591]

Khảo đị : Thà liều sống **chết** một ngày với nhau (BK)

[←1592]

Dòng thu : chỉ nước mắt. Xem các ct 25, 82.

Khảo dị : Dòng thu như **xôi** cơn sầu (BK)

[←1593]

Oan khí : cái khí oan.

Tương triền : quấn quít nhau.

[←1594]

Khảo đị : Nàng vừa phục **hở** Từ liền ngã ra (Qvđ)

[←1595]

Khảo đị : Xót nàng sẽ lại **đắt** ra dần dần (KOM)

[←1596]

Khảo dị : Dẫn vào đến trước trung quân (KOM, Qvđ)

Khảo dị : Mới đem vào nộp trong quân (K₁₂₉)

[←1597]

Binh cách : gọi chung các binh khí, các chiến cụ. *Cách* là da ; xưa quân bị có nhiều thứ làm bằng da, nên dùng binh cách với ý nghĩa ấy. Đây chỉ lúc phải dùng binh cách, tức là lúc có chiến tranh loạn lạc.

Nàn : tai nạn, hoạn nạn.

[←1598]

Thành toán miếu đường : mưu trước sắp định sẵn ở chỗ miếu đường tức là chỗ triều đình.

[←1599]

Khảo đị : **Chấp** công cũng có lời nàng mới nêu (BK)

[←1600]

Khảo đị : Mặc lòng nghĩ lấy muỗn **yên** bề nào (Qvđ)

[←1601]

Bách chiến : trăm trận đánh, ý nói thân dạn dày chốn trận mạc.

Khảo dị : **Đưa** thân bách chiến làm tôi triều đình (Qvđ)

[←1602]

Phu quý phụ vinh : chồng làm nên quan sang, vợ cũng được vinh hiển.

[←1603]

Khảo dị : Thoắt đem mình bỏ chiến trường như không (KOM)

Khảo dị : Dẫn mình đi bỏ chiến trường như không (BK)

[←1604]

Tiễn thổ : chỗ đất hèn hạ, chỗ đất xấu.

Một doi (cũng đọc *một đôi*) : một dải đất nhỏ ở rìa cửa sông hoặc dọc sông.

Khảo dị : Xin cho **thiền** thổ một **đôi** (KOM, BK)

Khảo dị : Xin cho **tiện sĩ** một **đôi** (Qvđ)

Đây để theo bản *Trương Vĩnh Ký*.

[←1605]

Người tử sinh : người đã cùng thề sống chết có nhau.

[←1606]

Cảo táng : chôn cất qua loa sơ sài.

Di hình : cái hình thể còn lại, chỉ xác Từ Hải.

[←1607]

Hạ công : mừng công thắng trận. Xem câu 2589.

[←1608]

Thị yến : đứng hầu việc ăn yến, ăn tiệc.

[←1609]

Nhặt tâu : đánh với nhịp điệu nhanh cho vui nhộn.

Khảo dí : **Giờ** say lại ép **văn** đàn nhặt tâu (KOM, BK)

[←1610]

Khảo dị : Một cung gió **tùi** mưa sầu (KOM, BK)

[←1611]

Thúy Kiều đánh đòn. Xem ct 469.

Nguyễn Lượng phê : Chỉ thử nhất cú vô hạn thương cảm, tưởng đương nhật Thúy Kiều ngũ chỉ thương huyết thanh đô tùng tác giả nhất chi bút đầu tâm huyết trung xuất lai = chỉ một câu đây mà lòng thương cảm vô hạn, tưởng ngày ấy những tiếng đầm máu trên năm đầu ngón tay của Thúy Kiều đều do từ tâm huyết của tác giả mà trào ra đầu ngọn bút.

[←1612]

Khảo dị : Thưa rằng : Bạc **phận** khúc này (Qvđ)

[←1613]

Khảo dị : **Càng nghe càng đắm** càng say (KOM)

Khảo dị : Nghe càng đắm, **đắm** càng say (BK)

[←1614]

Khảo đị : Dấu cho mặt sắt củng ngây vì tình (KOM)

[←1615]

Hương lửa ba sinh : xem các ct 257, 382.

Khảo dị : Dạy rằng : Hương **hỏa** ba sinh (Qvđ, BK)

[←1616]

Dây loan : dây đàn nối bằng keo loan. Xem ct 726.

Ý cả câu : Nói xin nối lại duyên vợ chồng.

Khảo dị : Dây **uyên** xin nối cầm lành cho ai (Qvđ)

[←1617]

Tiểu Lân : họ Phùng, hiệu Tục-mệnh, vợ Hậu chủ nước Tề đời Nam Bắc triều. Nàng thông minh, giỏi ca vũ, thạo đàn địch. Sau khi nước Tề thua nước Chu, Tiểu Lân bị bắt về Chu. Chu Vũ để gả nàng cho người khác. Nhân lúc ngồi đàn, dây đàn đứt, nàng xúc cảm mà làm thơ, có câu : *Dục tri tâm đoạn tuyệt, ưng khán tất thương huyền* = muốn biết tơ lòng đứt nát, thì nên xem sợi dây đàn trên đầu gối này.

[←1618]

Khảo dị : Rộng thương **chút** mảnh hồng quần (Qvđ)

[←1619]

Gốc phần : chỉ quê nhà. Xem ct 2235.

[←1620]

Khảo dị : Hồ công đến lúc **sáng** ngày nhớ ra (KOM)

Khảo dị : Hồ công đến lúc rạng ngày **tỉnh** ra (Qvđ)

[←1621]

Phương diện quốc gia : đây chỉ bậc tai mắt lam quan cai trị một miền của đất nước.

[←1622]

Khảo đị : Lõi lời biết tính thế nào là hay (K₁₃₀)

[←1623]

Công nha : chỗ làm việc quan. Xem ct 1378.

Khảo dị : **Tảo** nha vừa buỗi **rạng** ngày (Qvđ)

Khảo dị : Công nha vừa buỗi **rạng** ngày (BK)

[←1624]

Đoán : đây có nghĩa là quyết đoán, dứt khoát định đoạt một việc gì.

Khảo đị : Quyết tình **công** mới đoán ngay một bài (Qvđ)

[←1625]

Khảo dị : Lệnh quan, ai dám **trái** lời (Qvđ)

[←1626]

Thổ quan : viên quan người ở đất ấy, thường dùng để chỉ các quan người địa phương cai trị những vùng dân tộc ít người, Xem câu 2637.

[←1627]

Khảo đị : Xe **dây** sao khéo vơ **càn** vơ xiên (KOM)

Khảo đị : Xe tơ sao khéo vơ **càn** vơ xiên (Qvđ)

[←1628]

Khảo dị : Đành thân cát **dập**, sóng vùi (BK)

[←1629]

Tơ đào : cũng như tơ hồng. Xem ct 333.

[←1630]

Khảo đị : Nợ đâu, ai **bỗng** dắt vào tận nơi (KOM)

[←1631]

Khảo đị : Còn ngày nào **nữa như** ngày ấy thôi (Qvđ)

[←1632]

Nát ngọc tan vàng : ý nói liều chết, bỏ thân quý như ngọc như vàng.

[←1633]

Triều : nước triều. Ở cửa sông Tiền-đường mỗi lần nước thủy triều lên to có nỗi sóng lớn, tiếng đổ ầm ầm.

[←1634]

Thần mộng : Xem đoạn 995-1000 và ct 1017.

[←1635]

Khảo dị : Hẹn ta thì **phải** dưới này rước ta (KOM)

[←1636]

Một thiên tuyệt bút : tức là bài thơ cuối cùng, làm xong thì chết.

[←1637]

Cửa bồng : cửa thuyền. **Bồng** : thuyền nan to.

Khảo dị : Cửa **phòng** vội mở rèm châu (Qvđ)

[←1638]

Khảo dị : Trời cao **bể** rộng một màu bao la (Qvđ)

[←1639]

Khảo đị : Xót vì việc nước mà ra phụ lòng (BK)

[←1640]

Khảo đị : Mặt nào **mà lại đứng** trong cõi đời (KOM, BK)

[←1641]

Con nước : tiếng gọi triều nước lênh xuồng ở cửa sông.

[←1642]

Đắm ngọc chìm hương : ý nói Thúy Kiều đã chìm đắm dưới lòng sông mất rồi.

Khảo dị : Thì đà đắm ngọc chìm hương **quá** rồi (KOM)

Khảo dị : Thì đà đắm ngọc chìm hương **cho** rồi (Qvđ, BK)

Đây để theo bản *Trương Vĩnh Ký*.

[←1643]

Khảo dị : Thương thay, cõng một **thân** người (BK)

[←1644]

Khảo dị : Khéo thay mang lấy sắc tài làm chi (Qvđ)

[←1645]

Âm cực dương hồi : khí âm đã cùng cực thì khí dương lại về, là nói đạo trời tuần hoàn, mà đây dùng với ý gợi cho biết vận bĩ của Kiều đến đây là cùng cực và vận thái của nàng sắp đến.

Khảo dị : Trong cơ âm cực dương hồi khôn **thay** (Qvđ)

[←1646]

Khảo đị : Mấy người **vì** nghĩa xưa nay (Qvđ)

[←1647]

Bầu : quả bầu khô rút ruột đi để đựng nước, rượu.

Níp : cái tráp đan bằng tre đựng đồ dùng.

Vân du : đi chơi nay đây mai đó, như đám mây vô định.

Khảo dì : **Treo** bầu quảy níp rộng đường vân du (Qvđ)

[←1648]

Khảo dị : Kiếp sao **chịu** những đoạn trường thế thôi (Qvđ)

[←1649]

Khảo dị : Sư răng : **Họa phúc** đạo trời (KOM)

[←1650]

Khảo đị : **Tại** trời mà cũng tại ta (KOM)

[←1651]

Cỗi phúc : cỗi nguồn của mọi phúc lành.

[←1652]

Khảo dị : Vậy nên những **tính** thong dong (Qvđ)

[←1653]

Khảo dị : Ma đưa lối quý **đưa** đường (BK)

[←1654]

Thúy Kiều hai lần phải vào thanh lâu : một lần ở Lâm-truy, một lần ở châu Thai ; và hai lần phải làm gái hầu : một lần ở nhà Hoạn bà và một lần ở nhà Hoạn Thư. Xem các ct 809, 1745.

Khảo dị : Thanh lâu hai lượt thanh y **một** lần (KOM)

[←1655]

Khảo sát : Giữa vòng giáo dựng gươm trần (KOM, Qvđ)

[←1656]

Hùm sói : chỉ Hồ Tôn Hiến và binh tướng của hắn.

Khảo dị : Kê **lương** hùm sói, gửi thân tôi đòn (BK)

[←1657]

KOM chú : « Đỗ thi : *Ngư long tịch mịch thu giang lãnh. Vắng tanh thi* » = câu này lấy ý câu thơ Đỗ Phủ : Rồng cá lặng lẽ sông thu lạnh. Cho nên *vắng tanh* là đúng.

Khảo dị : Trước hàm rồng cá gieo mỗi **thủy tinh** (K₁₃₁)

[←1658]

Khảo đị : Một mình mình **chịu** một mình mình hay (KOM)

[←1659]

Nghiệp duyên, hay *duyên kiếp* : đây là thuyết nhân quả của đạo Phật nhận định rằng cái kết *quả* (cái kiếp hay cái nghiệp) ngày nay ra sao là do cái nguyên nhân (cái duyên cớ) trời đã định trước. Và, cái quả (cái kiếp, cái nghiệp) ngày nay lại trở thành cái nguyên nhân (cái duyên cớ) cho cái kiếp (cái nghiệp) sau này. Đây cũng là thuyết luân hồi của đạo Phật. Xem ct 201.

Khảo dị : Nghiệp duyên **nhắc** lại **cân** đi còn nhiều (KOM)

[←1660]

Tình thâm : đây nói tình sâu của kẻ làm con đối với cha mẹ. Xem các câu 2971, 3004.

Nghĩa thâm : đây nói nghĩa sâu của cha mẹ.

Khảo dị : Lấy tình thâm trả **tình** thâm (KOM, BK)

[←1661]

Khảo dị : Hại một người cứu **một** người (KOM, BK)

[←1662]

Thửa công đức ấy : công đức ấy của Thúy Kiều. *Thửa* là tiếng cổ
dịch chữ kỳ là một đại từ trong tiếng Hán cổ, đây chỉ Thúy Kiều.

[←1663]

Túc khiên : tội lỗi kiếp trước.

[←1664]

Khảo dị : Tiền-đường **đến** một bè lau rước người (Qvđ)

[←1665]

Thảo đường : nhà lợp cỏ tranh.

Khảo dị : Đánh tranh **lợp mái** thảo đường (Qvđ)

[←1666]

Ngư phủ : người làm nghề đánh cá.

[←1667]

Khảo dị : Một lòng **sá** quản mấy công (KOM)

[←1668]

Khảo đị : Khéo trong gấp gỡ **cũng** trong chuyển văn (Qvđ, BK)

[←1669]

Duền ngân : vùng bể có trăng soi... đây chỉ dòng nước nổi sóng bạc nói ở câu 2619. Xem các câu 1053, 3203.

[←1670]

Ngư ông : ông đánh cá, tức ngư phủ nói trên.

[←1671]

Khảo dị : Trên mui lướt **thướt** áo là (Qvđ, BK)

[←1672]

Bóng gương : nói vẻ mặt con tươi sáng như gương.

Khảo dị : **Dẫu** dầm hơi nước chưa lòa bóng gương (KOM)

Khảo dị : Tuy dầm hơi nước chưa lòa **màu** gương (Qvđ)

[←1673]

Giấc vàng : chỉ giấc mê là bởi chữ *hoàng lương mộng* (giấc kê vàng) chú ở câu 1715.

[←1674]

Phách quế hồn mai : đây chỉ lúc đang ngủ, hồn phách mơ màng lên tận cung trăng. *Phách quế*, tức do chữ *quế* *phách* chỉ mặt trăng. *Hồn mai*, nghĩa như chữ *giấc mai*. Xem câu 2796 và ct 1715.

[←1675]

Đây là lần thứ ba, cũng là lần cuối cùng Đạm Tiên xuất hiện báo mộng cho Thúy Kiều. Xem ct 210.

Khảo dị : Đạm Tiên **đâu** đã thấy người xưa (Qvđ)

[←1676]

Khảo đị : Mất công **đã** mấy năm thừa ở đây (Qvđ)

[←1677]

Khảo dị : Chị sao phận mỏng **đức** dầy (Qvđ, BK)

[←1678]

Khảo dị : Kiếp xưa đã vậy **kiếp** này dễ ai (KOM)

Khảo dị : Kiếp **này cũng** vậy, lòng này dễ ai (Qvđ)

[←1679]

Khảo dị : Tấm lòng đã thấu đến trời (KOM)

[←1680]

Khảo đị : Một **mình** vì nước vì dân (Qvđ)

[←1681]

Âm công : cái công đức kín người ta không thấy được, chỉ có Trời, Phật biết thôi.

Khảo dị : Dương công cất một đồng cân đã già (Qvđ)

[←1682]

Khảo dị : Đoạn trường thơ phải **đón** mà trả nhau (Qvđ)

[←1683]

Khảo dị : Còn nhiều hưởng thụ về **sau** (Qvđ, BK)

[←1684]

Khảo dị : Duyên xưa **đây đặng** phúc **lâu** dỗi dào (Qvđ)

Khảo dị : Duyên xưa **đây đặng**, phúc sau dỗi dào (BK)

[←1685]

Giắc mai, nghĩa như chữ *hổn mai*. Xem các ct 437, 1715.

[←1686]

Khảo đị : Thấy nhau mừng rõ **nhiều** bě (Qvđ)

[←1687]

Thảo lư : nhà lợp cỏ tranh.

[←1688]

Lần thứ ba Thúy Kiều nương cửa Phật. Xem ct 1920.

[←1689]

Chay lòng : giữ cho lòng trong sạch, không nghĩ đến chuyện thế tục.

[←1690]

Khảo đị : Nạn xưa **trót** sạch lầu lầu (Qvđ)

[←1691]

Phù tang : nghĩa như chữ *hộ tang*. Xem ct 534.

[←1692]

Vườn Thúy : vườn có hiên Lãm-thúy nói ở câu 280.

[←1693]

Khảo dị : Nhìn **phong cảnh cũ** nay đà khác xưa (Qvđ, BK)

[←1694]

Khảo đị : Đầy vườn cỏ mọc **lứa** thưa (KOM)

[←1695]

Khảo dị : Song **mây** quạnh quẽ vách mưa rã rời (KOM)

[←1696]

Theo *Bản sự thi*, Thôi Hộ đời Đường người đất Bác-lăng, tự Ân-công, tư chất tươi đẹp, nhân tiết Thanh minh, một mình đi chơi về phía nam đô thành, thấy một ấp trại chung quanh đầy hoa đào, Thôi Hộ gõ cửa xin nước uống. Một người con gái mở cổng, hỏi tên họ rồi bưng nước đến. Người con gái có một sắc đẹp đậm đà, duyên dáng, tình ý dịu dàng, kín đáo. Năm sau, cũng vào tiết Thanh minh, Thôi Hộ lại đến tìm người cũ, thì thấy cửa đóng then cài, nhân đó mới đề lên cánh cửa bên trái một bài thơ : *Khứ niên kim nhật thử môn trung, nhân diện đào hoa tương ánh hồng ; nhân diện bất tri hà xứ khứ, đào hoa y cựu tiểu đồng phong* = năm ngoái hôm nay trong cổng này, mặt người và hoa đào màu hồng ánh lẵn nhau, (nay) mặt người không biết đi chốn nào, (chỉ còn) hoa đào vẫn cười với gió đông như cũ. Đây nói không thấy Kiều đâu cả. Xem câu 793.

[←1697]

Khảo đị : Xập xè én liệung **rường** không (KOM)

Khảo đị : Xập xè én liệung **nền** không (Qvđ)

[←1698]

Khảo đị : Chung quanh **lạnh** ngắt như tờ (Qvđ)

[←1699]

Tụng đình : sân kiện, đây nói việc kiện cáo.

[←1700]

Khảo dị : Hỏi nàng, nàng đã bán mình **cứu** cha (KOM)

[←1701]

Khảo dị : Hỏi chàng Vương **Quan** cùng là Thúy Vân (Qvđ)

[←1702]

Khảo dị : May thuê viết **bán** kiếm ăn lẩn hồi (Qvđ)

Khảo dị : **Thuê may, bán viết** kiếm ăn lẩn hồi (BK)

[←1703]

Hạn : hỏi. Xem các câu 714, 1688, 2540, 3029.

Di trú : dời đi ở nơi khác...

Khảo dị : **Hỏi thăm** di trú nơi nao (KOM)

[←1704]

Khảo dì : **Kiếm** đường, chàng mới tìm vào tận nơi (KOM)

Khảo dì : Đánh đường **sinh** mới tìm vào tận nơi (Qvđ)

[←1705]

Khảo đị : Lau treo rèm **thấp** trúc cài phên thưa (KOM)

[←1706]

Tóc tơ : đây chỉ lời thề kết tóc xe tơ nên nghĩa vợ chồng.

[←1707]

Gia biến : tai biến xảy ra trong nhà.

[←1708]

Lang quân : tiếng tôn xưng con trai nhà khác, tiếng vợ gọi chồng cũng nói lang quân.

[←1709]

Khảo dị : Tình này dăng đặc muôn đời chưa quên (KOM)

[←1710]

Lai sinh : kiếp sau.

[←1711]

Ký chú : ghi để dặn lại.

[←1712]

Khảo dị : Gởi lòng để lại cất mình ra đi (KOM, K₁₂₃)

[←1713]

Khảo dị : Phận sao bạc **với Kiều nhi** (Qvđ)

[←1714]

Khảo dị : Chàng càng nghe nói, càng dầu như giữa (BK)

[←1715]

Khảo dị : Vật mình **bão** gió tuôn mưa (Qvđ)

[←1716]

Khảo dị : Nhận ngừng, ông mới vỗ **về lại** khuyên (Qvđ)

[←1717]

Ván đã đóng thuyền : ý nói Kiều đã lấy người khác như ván đã dùng vào việc đóng thuyền, không lấy lại được.

[←1718]

Tình chung : tình chung đúc vào một người ; đây chỉ tình Kim Trọng. Người tình chung nói ở câu 792 cũng nghĩa như vậy.

[←1719]

Khảo dị : Nghìn vàng thân ấy, **thì** hòng bỏ sao (Qvđ)

[←1720]

Khảo dị : Nặng lòng thương phận thơ đào (K₁₃₃)

[←1721]

Khảo dị : Lửa phiền **khôn** dập càng khêu mối phiền (Qvđ)

Khảo dị : Sẽ lòng đoái chút tuổi cao thân tàn (K₁₃₄)

[←1722]

Khảo dị : Răng : **Tôi trót lỡ chân ra** (KOM)

[←1723]

Vàng đá : xem ct 352 và câu 3176.

[←1724]

Khảo đị : Tạ từ sinh mới sụt sùi **bước** ra (KOM, Qvđ)

[←1725]

Dưỡng thân : nuôi cha mẹ. Xem ct 430.

[←1726]

Lâm-thanh : xem ct 626. Mã Giám sinh nói dối quê mình ở đó nên Kim Trọng mới sai người đến đấy hỏi thăm tin Thúy Kiều.

[←1727]

Héo don : héo quắt lại, héo lả đi.

Khảo dị : Ruột tắm ngày một héo **dòn** (BK)

[←1728]

Khảo dị : **Thẩn thơ**, lúc tỉnh, lúc mê (BK)

[←1729]

Khảo dị : Xuân huyên lo sợ xiết **sao** (KOM)

[←1730]

Khảo đị : Vội vàng sắm **Iĕ** chọn ngày (KOM)

[←1731]

Xe dây : nghĩa như chữ xe tơ, Xem ct 333.

[←1732]

Khảo dị : Người yếu điệu **khách** văn chương (KOM)

[←1733]

Khảo dị : Trai tài gái sắc xuân đương **gặp** thì (Qvđ)

[←1734]

Vu quy : đây chỉ việc ông bà viên ngoại cho con gái về nhà chồng.
Xem ct 651.

[←1735]

Khảo dị : Vui này đã **gác** sầu kia được nào (KOM)

[←1736]

Âu : âu yếm, thương yêu.

Dào : dạt dào.

Khảo dị : Càng **sâu** duyên mới, càng dào tình xưa (BK)

[←1737]

Khảo đị : Nỗi nàng **nghĩ** đến bao giờ (Qvđ)

[←1738]

Bè bai : buồn mà có ý phân vân về nhiều mối. Vì nhớ thương Kiều mà gảy đàn, nhưng càng gảy đàn càng buồn thêm.

[←1739]

Khảo dị : Dường như bên nóc **trước** thêm (KOM)

Khảo dị : Dường như bên **mái trước** thêm (Qvđ)

[←1740]

Tiếng kiều : tiếng người con gái mềm mỏng dễ thương, chỉ Thúy Kiều. Tản Đà chú : « Chữ *kiều* đây, các bản quốc văn và phần nhiều bản nôm đều để là *Kiều*, là tên của Thúy Kiều, song tưởng như thế nôm quá ; đây theo bản in nôm của hiệu Quảng-thịnh để là *kiều*, nghĩa là tiếng người đàn bà con gái, nghĩ có lẽ là thanh nhã và chiểu xuống chữ *bóng xiêm* giống nhau hơn ». Các bản *Kiều* nôm 1871, 1879 cũng để là *kiều*. Xem câu 146.

Khảo dị : Tiếng **Kiều** đồng vọng bóng xiêm mơ màng (BK)

[←1741]

Tạc đá ghi vàng : ghi nhớ bền chặt. Xem ct 352.

[←1742]

Chẽ khoa : khoa thi đặc biệt do ý riêng nhà vua mở ra, khác với khoa thi thường lệ.

[←1743]

Bảng xuân : bảng yết người thi đỗ vào mùa xuân. Chiếm bảng xuân tức là nói thi đỗ. Văn nôm còn có *bảng hổ*, *bảng mai* (Thơ Tú Xương), *bảng rồng* (thơ Nguyễn Đình Tân), bảng trời (Nhị độ mai), *bảng thu*, *bảng vàng* (PT).

[←1744]

Cửa trời : do chữ *thiên môn* : chỉ cửa nhà vua.

Đường mây, do chữ *vân lộ, thanh vân* : chỉ đường lập công danh.
Thơ Phan Thanh Giản : Đường mây cười tớ ham rong ruổi, trướng
liễu thương ai chịu lạnh lùng. Xem ct 2478.

[←1745]

Ngõ hạnh : tức ngõ Hạnh viên, tên một khu vườn, di chỉ nay hãy còn ở phía tây sông Khúc-giang, huyện Trường-an, tỉnh Thiểm-tây, nơi các tân khoa tiến sĩ chơi và dự yến. Chỉ cảnh thi đỗ được ăn yến, xem hoa. Theo *Du thành nam ký*, đời Đường những người mới đỗ tiến sĩ được đến đây dạo chơi và dự yến. Từ năm Thǎn-long (niên hiệu Đường Vũ hậu) trở về sau, những người đỗ tiến sĩ sau khi dự yến rồi, đều có định kỳ hạn mà đến hội họp gặp mặt nhau ở đây.

Dặm phàn : xem ct 2235.

[←1746]

Gia thân : thêm tình thân vốn sẵn có.

Khảo dị : Gia thân **lúc** mới kết duyên Châu Trần (Qvđ)

Khảo dị : Gia thân **bèn** mới kết duyên Châu Trần (BK)

[←1747]

Khảo dị : **Chàng** từ nhẹ bước thanh vân (Qvđ)

[←1748]

Kim mã : xem ct 410.

Ngọc đường : chỉ dinh thự hay nơi làm việc của quan hàn lâm học sĩ. Theo lời chú của Vương Tiên Khiêm chép trong *Hán thư* có dẫn lời Hà Chước (Thanh) nói : Đời Hán các quan đợi chiếu ở Ngọc đường điện ; đời Đường đợi chiếu ở Hàn lâm viện ; đến đời Tống trở về sau, chỗ Hàn lâm gọi là Ngọc đường. Theo *Hội yếu* : Năm Thuần-hóa (niên hiệu Tống Thái tông) thứ ba, Tô Dịch Giản, hàn lâm học sĩ, dâng hai quyển *Tục hàn lâm chí*. Thái tông ban ngự thi hai chương, lại tự tay viết bốn chữ *Ngọc đường chi thự* ban cho Tô. Về sau nhân thế, *ngọc đường* được dùng để gọi chung nhà cửa của hạng quan gia phú quý. Thơ Âu Dương tu (Tống) : *Kim mã tịnh du niên tối thiểu, ngọc đường sơ trực dạ do hàn* = nơi kim mã cùng chơi hồi còn nhỏ tuổi, chốn ngọc đường buổi đầu mới gặp đêm còn lạnh.

Ý cẩn câu : Trước kia Kim Trọng nặng lời thề thốt với Thúy Kiều, thế mà bây giờ Thúy Kiều đi đâu không chung hưởng cảnh phú quý với chàng.

Khảo dị : Bây giờ kim mã ngọc đường **mấy** ai (Qvđ)

[←1749]

Khảo dị : Rẽ bèo chân sóng lạc loài (KOM, BK)

[←1750]

Ngoại nhậm : nhận chức quan ở ngoài quận huyện.

[←1751]

Thê nhi : vợ con.

[←1752]

Cầm đường : chỉ nơi làm việc của viên quan huyện thời trước. Theo *Lã thị Xuân Thu*, Mật Tử Tiện (học trò Khổng tử) làm quan đắt Đan-phụ, ngồi gảy đàn cầm, thân không ra khỏi công đường mà đắt Đan-phụ được trị (Sát hiền). Xem ct 1378.

[←1753]

Theo *Tục thông chí*, Triệu Biện người đất Tây-an đời Tống, tự Duyệt-đạo, đỗ tiến sĩ làm quan ngự sử, thẳng thắn không sợ quyền uy, người đời gọi là *thiết diện ngự sử*. Khi đổi ra đất Thành-đô (đất Thục), ông chỉ mang theo một cây đàn, một con hạc, chính sự giản dị, được dân tin yêu (*Tống liệt truyện*). Đây nói cái cảnh thanh nhàn chốn huyện nha. TTK : Giá cầm hạc so vào Triệu Biện, thư phụng hoàng đưa đến Mao Khanh.

[←1754]

Khảo dị : Đêm xuân trướng rủ hoa đào (KOM)

[←1755]

Khảo đị : Tính ra mới **học** cùng chàng (KOM)

[←1756]

Giai âm : tin tốt lành, tin mừng.

Khảo dị : Ở đây **hoa** có giai âm chăng là (Qvđ)

[←1757]

Thăng đường : lên công đường, tức là ra chỗ làm việc quan.

[←1758]

Khảo dị : Có mua người ở Bắc-kinh đưa về (KOM)

[←1759]

Khảo dị : Đã nghệ đàn lại đủ nghệ văn thơ (KOM)

[←1760]

Kiên trinh : bền gan giữ trinh chính.

[←1761]

Nói việc Thúy Kiều tự vẫn khi mới đến nhà Tú bà, và nói đến việc Sở Khanh lừa đi trốn. Xem các đoạn 979-986, 1117-1126...

[←1762]

Khảo dị : **Dây** duyên sau lại **giá** về Thúc lang (Qvđ)

Khảo dị : **Dây** duyên sau lại **gả** về Thúc lang (BK)

[←1763]

Khảo dị : **Dứt** mình nàng phải trốn ra (Qvđ)

[←1764]

Khảo dị : Thúy Kiều **sắc sảo** ai bì (KOM)

[←1765]

Khảo dị : Hơn **người** trí dũng nghiêng trời uy linh (Qvđ, BK)

[←1766]

Tinh binh : quân tinh nhuệ.

Khảo dị : Trong tay **muôn** vạn tinh binh (Qvđ, BK)

[←1767]

Khảo dị : Tóm tắt các tích mọi **kỳ** (Qvđ)

[←1768]

Khảo dị : Song còn chưa biết họ tên (KOM)

[←1769]

Khảo dị : Tức thì **viết** thiếp mời chàng Thúc sinh (Qvđ)

Khảo dị : Tức thì **đê** thiếp mời chàng Thúc sinh (BK)

[←1770]

Khảo dị : Thúc răng : Gặp lúc **loạn ly** (KOM)

Khảo dị : Thúc răng : « **Đương buổi loạn ly** (K135)

[←1771]

Khảo dị : Gặp nàng **thời** ở châu Thai (KOM, BK)

Khảo dị : Gặp nàng khi ở **Thai châú** (Qvđ)

Đây để theo bản *Tản Đà*.

[←1772]

Động địa kinh thiên : long trời nổi đất.

[←1773]

Khảo dị : **Đại đòn** quân đóng cõi đông (KOM)

[←1774]

Vân mồng : chỉ tin tức, manh mõi.

Khảo dị : Vẽ sau chăng biết **sự công thế nào** (K136)

[←1775]

Khảo dị : Kiếp **phong trần** giũ bao giờ cho xong (KOM)

Khảo dị : Kiếp **phong trần biết bao giờ giũ xong** (K137)

[←1776]

Khảo dị : Hoa **theo** nước chảy xuôi dòng (KOM, BK)

[←1777]

Khảo dị : Mảnh **gương** còn đó phím đàn còn đây (KOM, Qvđ)

[←1778]

Bình bồng : bèo trôi nổi trên mặt nước, cỏ bồng ngả xuôi theo gió ; chỉ thân phận phiêu bạt của Thúy Kiều.

Khảo dị : Bình **bồng** còn kẻ xa xôi (KOM)

[←1779]

Định chung : cái vạc và cái chuông. Dùng vạc nấu thức ăn, đánh chuông báo giờ ăn, là nói cảnh nhà quan quyển phú quý.

[←1780]

Treo ấn từ quan : treo ấn để lại chỗ « cửa công » từ chức quan mà về.

[←1781]

Khảo dị : Mấy sông cũng lội mấy ngàn cũng **qua** (BK)

[←1782]

Can qua : cái mộc và cái mác, chỉ thời chiến tranh loạn lạc.

[←1783]

Bóng chim tăm cá : Khó tìm như bóng chim ở giữa trời thăm (mênh mông) hay tăm cá ở vực sâu, chỉ tin tức thư từ, lấy ý từ chữ *tin nhạn* (xem ct 945) và *tin cá*.

Tin cá, do chữ *ngư tín* hay *ngư thư* : chỉ tin tức, thư từ nói chung. Theo *Nhữ-nam tiên hiền truyện*, Cát Nguyên thấy một người bán con cá to, bèn nói với anh ta : « Xin tạm phiền nhờ con cá ấy đến chỗ ở cửa Hà Bá ». Người bán cá đáp cá đã chết. Nguyên bèn lấy đan thư bỏ vào miệng cá rồi thả xuống nước. Một lát, con cá ấy nhảy lên bờ nhả ra một bức thư màu xanh đen như lá cây, rồi bay mất. Theo *Lang Huyên ký*, Thí Oanh dùng giấy kén dày làm một phong thư hình cá chép, cả hai mặt đều có vẽ hình lân giáp, mặt dưới bụng có chỗ để thư. Đó là lối phong thư hình tráp, ngụ ý kín đáo của thời cổ. Thơ cổ : *Khách tùng viễn phương lai, di ngã song lý ngư, hô nhi phanh lý ngư, trung hữu xích tố thư* = khách từ xa đến, để lại cho ta đôi cá chép, gọi thằng nhỏ mổ cá chép, trong bụng có phong thư. Thơ Hồ Tăng (Đường) : *Ngọc chẩm dạ hàn ngư tín đoạn* = gối ngọc đệm lạnh tin cá đứt.

LTKN : Toan mượn thư hồng khôn néo tới, ngóng trông tin cá luống ngày qua.

[←1784]

Khảo dị : Ngôi sao biết đã mây phen đổi dời (K138)

Khảo dị : Nắng mưa **đã biết** mây phen đổi dời (BK)

[←1785]

Năm mây chiếu trời : tờ chiếu của vua có vẽ mây năm sắc.

[←1786]

Khâm ban : vua ban. Nguyên nghĩa của chữ *khâm* là kính. Theo *Kinh Thư*, từ đời vua Nghiêu, vua Thuấn có sai bảo các thần hạ công việc gì, thường hay có lời dặn : *khâm tai*, nghĩa là phải kính đó ! Người đời sau nhân thể lấy chữ *khâm* để riêng dùng cho nhà vua, như *khâm mệnh* là lệnh vua, *khâm sai* là chức quan do vua phái đi.

Sắc chỉ : tờ sắc ban mệnh nhà vua.

Khảo dị : Khâm ban sắc chỉ **tới** nơi rành rành (KOM)

[←1787]

Cải nhậm : đổi đi nhậm chức nơi khác. Xem câu 2950.

Nam-bình : tên huyện thuộc tỉnh Phúc-kiến.

[←1788]

Phú-dương : tên huyện thuộc tỉnh Chiết-giang.

Khảo dị : **Vương thì** cũng cải nhậm thành **Thư-dương** (KOM)

Khảo dị : Chàng Vương cũng cải nhậm thành **Duy-dương** (Qvđ)

[←1789]

Phó quan : đi đến chỗ làm quan.

[←1790]

Phúc-kiến, Chiết-giang : tên hai tỉnh ở phía đông nam Trung-quốc, là nơi địa bàn hoạt động của Từ Hải. Xem ct 2464.

Khảo dị : Sóng êm Phúc-kiến **tro** tàn Chiết-giang (Qvđ)

[←1791]

Hàng-châu : tên phủ, nay là thủ phủ tỉnh Chiết-giang.

[←1792]

Giao binh : binh sĩ hai bên đánh nhau.

Khảo dị : Từ ngày hôm nọ giao binh (KOM)

[←1793]

Thất cơ : thua mưu, tức là nói mắc mưu địch.

Thu linh : thu khí thiêng, tức là chết.

[←1794]

Thổ tù : tù trưởng người địa phương, như chữ *thổ quan*. Xem ct 2598.

[←1795]

Gieo ngọc trâm châu : nói Thúy Kiều trẫm mình. Xem câu 2987.

[←1796]

Chiêu hôn : gọi hồn.

Thiết vị : đặt bài vị.

Khảo dì : Chiêu hồn **đặt** vị lễ thường (Qvđ)

[←1797]

Giải oan : cởi bỏ nỗi oan.

Đàn tràng : đàn làm lễ (giải oan).

[←1798]

Non bạc trùng trùng : đây nói nước triều dâng lên thành những ngọn sóng cao như núi, bọt trắng xóa hết lớp này đến lớp khác. Xem ct 2619.

[←1799]

Cánh hồng : chỉ hình ảnh Thúy Kiều như cánh chim hồng, khi nàng gieo mình tự tử. Phú Tào Thực (Hán) : *Phiên nhược kinh hồng, uyển nhược du long = nhẹ nhàng bay vút như chim hồng* khi kinh hãi, uyển chuyển mềm mại như con rồng khi lượn chơi, là tá cái hình dáng nhẹ nhàng uyển chuyển của nữ thần sông Lạc. Lại theo *Tề đông dã ngữ*, có bài « Nhân đến thăm ông Chung tình mà làm thơ » như sau : *Thương tâm kiều hạ xuân ba lục, tầng thị kinh hồng chiếu ảnh lai = đau lòng khi thấy lớp sóng biếc dưới cầu, nơi đã từng có bóng con hồng kinh hãi rơi xuống*. Xem ct 2247.

[←1800]

Tình thâm : tình sâu ruột thịt, là nói người trong một nhà thương xót nhau. Xem ct 2683.

Khảo dị : Tình thâm bể thảm **đã nhiều** (Qvđ)

[←1801]

Tinh vê : giống chim nhỏ ở bãi biển. Theo *Thuật dị ký*, ngày xưa con gái Viêm đế đi chơi, vượt bể bị chết đuối, hóa ra chim tinh vê, ngày cứ đến núi Tây ngậm đá về lấp biển Đông cho hả giận. Đây nói *hồn tinh vê* là nói hồn oan của Thúy Kiều.

[←1802]

Khảo dị : Cơ duyên đâu bỗng **lạ thay** (Qvđ)

[←1803]

Khảo đị : Giác Duyên đâu bỗng tìm vào **tới** nơi (KOM)

[←1804]

Linh vị : bài vị thờ người chết.

[←1805]

Khảo dị : Thất kinh **vội hỏi** : Những người đâu ta ? (KOM)

[←1806]

Nhơ nhác : nghĩa như chữ *ngơ ngác*.

[←1807]

Khảo đị : Xúm quanh kể họ lên lời hỏi tra (Qvđ)

Khảo đị : Xúm quanh kể họ, rộn lời hỏi tra (BK)

[←1808]

Pháp sư : thầy pháp, nhà sư có pháp thuật cao.

[←1809]

Nhân quả : cái nhân thuở trước sinh ra cái quả báo ngày nay. Cái nguyên nhân ấy sinh ra cái kết quả kia. Xem ct 201.

Khi Thúy Kiều lần đầu bị vào lầu xanh ở Lâm-truy, sau trận đòn của Tú bà, Thúy Kiều dùng dao tự tử, Đạm Tiên báo mộng cho nàng : « Nhân quả dở dang, sông Tiền-đường sẽ hẹn hò về sau ». Câu đây là có ý nhắc lại lời báo mộng đó. Xem đoạn 2620-2624 và câu 2692.

[←1810]

Khảo dị : Đón (?) **theo** tôi đã gặp nhau rước về (Qvđ)

[←1811]

Cửa bồ đề : cửa Phật.

[←1812]

Thảo am : chùa lợp cỏ tranh. Xem ct 2036.

[←1813]

Ngày bạc, do chữ *bạch nhật* : ban ngày mà đây có ngụ ý ngày bạc bẽo. *Ngày bạc lân la* ý là nói hết ngày này sang ngày khác, nhàn rỗi quanh quẩn ở một nơi.

[←1814]

Ý cǎ câu : Từ khi Thúy Kiều lìa cửa lìa nhà ra đi.

[←1815]

Hoa rụng hương bay : ý nói Thúy Kiều đã chết.

[←1816]

Minh dương : cõi tối và cõi dương, tức âm phủ và dương gian.

[←1817]

Cửu nguyên : nơi để mộ các quan khanh đại phu nước Tấn thời Xuân Thu, nay thuộc tỉnh Sơn-tây. Chỉ âm phủ, nghĩa như chữ *cửu tuyễn*. *Lễ ký* : *Dĩ tùng tiên đại phu ư Cửu-nguyên* = đã theo các tiên đại phu ra đất Cửu-nguyên, là ý nói chết, mồ đặt ở đó. Xem ct 94.

[←1818]

Khảo dì : **Quây** nhau lạy tạ Giác Duyên (Qvđ)

Khảo dì : Cùng nhau **bái** tạ Giác Duyên (KOM)

[←1819]

Giang Tân : bến sông.

[←1820]

Khảo dị : **Buồng** trong **nàng đã vội vàng bước ra** (KOM)

Khảo dị : **Buồng** trong **vội dạo sen vàng bước ra** (BK)

[←1821]

Khảo đị : Nhìn xem đủ mặt một nhà (KOM, Qvđ)

[←1822]

Phương trưởng : khôn lớn.

[←1823]

Nguyễn Lượng phê : *Chân cá tương đối như mộng mị* = thật như
đứng trước một cảnh chiêm bao !

[←1824]

Quyện bào : quyện thăm vào áo.

[←1825]

Khảo dị : Mâng mâng tủi tủi xiết bao **sự** tình (BK)

[←1826]

Huyên : xem các ct 224,759. Thúy Kiều gieo mình dưới chân mẹ mà khóc than...

Khảo dị : Gieo mình dưới gối huyên đình (KOM, K139)

[←1827]

Khảo dì : Khóc than, **kể** lại sự tình đầu đuôi (KOM)

[←1828]

Sông nước cát lầm : nước sông cát làm vẩn đục.

Lầm : vẩn đục.

Ý cả câu : Cứ tưởng Kiều đã bỏ mình ở nơi nước sông lầm cát (vì Kiều đã trãm mình ở sông Tiền-đường – 2635-2636).

[←1829]

Dung quang : phong thái, vẻ đẹp con người. Xem ct 409.

[←1830]

Dãi nguyệt dâu hoa : Thủy Kiều như hoa bị dầu nắng, như nguyệt (trăng) bị dãi mưa, là nói nàng bị vùi dập suốt mười lăm năm lưu lạc trong xã hội cũ.

[←1831]

Khảo đị : Nỗi mừng **ông** lấy chi cân (Qvđ)

[←1832]

Khảo dị : Đứng trông **nàng đã** trở sầu làm tươi (Qvđ)

[←1833]

Khảo đị : Rủ nhau lạy trước Phật đài (Qvđ)

[←1834]

Tái sinh : làm cho sống lại. Xem câu 707.

Trần tạ : bày tỏ lòng tạ ơn.

[←1835]

Khảo dị : Tính răng mặt **sóng** chân mây (KOM)

[←1836]

Tái thể tương phùng : được sống lại gặp nhau, ý nói thân Thúy Kiều coi như đã chết rồi mà sống lại để gặp gỡ gia đình. Xem các câu 159,1786.

Khảo dị : **Thì** rày tái thể tương phùng (Qvđ)

[←1837]

Trùng sinh : đẻ ra lần thứ hai. Xem ct 3062.

[←1838]

Bỉ thứ nhất thì, tức là *bỉ nhất thì* *thứ nhất thì* : xưa là một thì nay
lại là một thì, ý nói hoàn cảnh khác nhau, xử sự khác nhau.

[←1839]

Tòng quyền : theo lẽ quyền biến. Xem các ct 600, 3118

[←1840]

Độ sinh : cứu sống lại.

[←1841]

Khảo dị : Nghe lời, nàng **đã** chiêu lòng (Qvđ)

[←1842]

Quan nha : chỗ làm việc quan. Xem ct 1378.

Khảo dị : Một **đoàn** về đến **công** nha (KOM)

[←1843]

Đoàn viên : sum họp đông đủ trong gia đình. Xem câu 3131.

[←1844]

Chén cúc : chén rượu cúc.

[←1845]

Một hai : một vài lời. Xem ct 341.

[←1846]

Tác hợp cơ trời : trời làm cho hợp lại với nhau. *Kinh Thi : Thiên tác chi hợp* = trời đã làm cho đôi bên hợp lại với nhau, tức là nói do trời tác thành cho mà nên vợ nên chồng. Xem câu 715.

[←1847]

Kết giao : kết ước giao hẹn với nhau.

Khảo dị : **Đôi** bên gặp gỡ một lời kết giao (KOM)

[←1848]

Bình địa ba đào : đất bằng (bình địa), nổi sóng (ba đào), ý nói những sự bất trắc xảy ra trong đời người ta. Xem các câu 729, 1405.

[←1849]

Khảo dị : **Phải** đem duyên chị buộc vào cho em (KOM)

[←1850]

Phận cải duyên kim : xem ct 769.

[←1851]

Gương vỡ lại lành, do chữ *phá kính trùng viên* : gương vỡ lại lành, là nói việc nỗi lại được tình xưa nghĩa cũ, nói tình nghĩa vợ chồng đã tan nay lại hợp. Theo *Bản sự thi*, Từ Đức Ngôn có yêu em gái Hậu chủ là công chúa Nhạc Xương. Gặp buổi nước Trần suy loạn, Từ Đức Ngôn nói với công chúa rằng : « Cứ như tài sắc tuyệt thế của nàng mà lại gặp khi nước nhà nghiêng đổ tất là phải vào chốn quyền hào, khi đó thì thật là cách tuyệt nhau mãi mãi ! Thảng hoặc may ra mà tình duyên chưa đến nỗi bị cắt đứt, còn hy vọng được gặp lại nhau thì nên có vật gì để sau này làm tin ». Nói đoạn Từ lấy gương đập vỡ ra làm hai mảnh, mỗi người giữ một nửa, và hẹn rằng năm sau vào ngày rằm tháng giêng đem ra bán ở chợ kinh đô. Nước Trần bị diệt, quả công chúa phải vào hầu hạ nhà Dương Tố và được họ Dương thương yêu chiều chuộng đặc biệt lắm. Từ Đức Ngôn năm sau y hẹn lên kinh, tìm đến chợ, thấy một người gái hầu đem bán một mảnh gương vỡ. Từ bèn lấy nửa mảnh của mình đem hợp lại, thì thấy đúng vừa vặn như nguyên, mới đề bài thơ, gọi là *Phá kính thi* (thơ gương vỡ) như sau : *Kính dữ nhân câu khú; kính quy nhân vị quy ; vô phục Hằng Nga ảnh, không lưu minh nguyệt huy* = gương với người đều đi, gương đã về còn người chưa về ; không làm nguyên lại được bóng Hằng-Nga, chỉ còn lưu suông lại ánh sáng mặt trăng. Công chúa được thơ, khóc lóc thảm thiết, suốt ngày không ăn uống gì cả. Dương Tố biết chuyện mới cho mời Từ Đức Ngôn đến đưa công chúa trả lại cho vợ chồng đoàn tụ. Về sau hai vợ chồng đưa nhau về đất Giang-nam, đoàn tụ êm ấm đến cảnh đầu bạc răng long. HT : Mảnh gương phá bẻ làm hai, biết đâu mà được giải bày duyên do (1277).

[←1852]

Khảo dị : Còn vầng trăng **bạc** còn lời nguyễn xưa (Qvđ, BK)

[←1853]

Ý nói : Thúy Kiều đã luống tuổi mà nay lấy chồng vẫn còn kịp, chưa muộn. Kinh Thi : *Phiếu hữu mai, kỳ thực thất hề ! Cầu ngã thứ sỹ, đãi kỳ cát hề !* Phiếu hữu mai, kỳ thực tam hề ! Cầu ngã thứ sỹ, đãi kỳ câm hề ! = (Mùa xuân sắp qua) cây mai đã có quả rụng, quả trên cây mười phần còn có bảy thỏi ! (Kể cũng khi muộn) vậy những trai lành ai muốn lấy ta, liệu chọn ngày tốt mà làm lễ cưới đi thôi ! (Mùa xuân sắp qua) cây mai quả đã rụng nhiều, quả ở trên cây, mươi phần còn có ba thỏi ! (Kể đã muộn rồi) vậy những trai lành ai muốn lấy ta, nên kíp ngay lúc này mà xin làm lễ cưới đi thôi ! Thơ Hồ Xuân Hương : Phiếu mai chi dám tình trăng gió, bồ liễu thôi đành phận mỏng manh.

Khảo dị : Quả mai ba bảy **khi** vừa (Qvđ)

[←1854]

Xe tơ : nghĩa như chữ xe dây, chú ở điển *chỉ hồng* (333). Xem ct 333.

Vũ Trinh phê : *Thúy Vân thử gian ngôn ngữ, thủy giáo tha lai* = hồi bấy giờ, những lời Thúy Vân nói đây, không biết ai dạy cho chị ta nói ra.

[←1855]

Khảo dị : Sự **trăm** năm cũ kẽ chi bây giờ (KOM)

Khảo dị : **Sự muôn năm kẽ làm** chi bây giờ (K140)

[←1856]

Khảo dị : **Thì** cho ngọn nước thủy triều chảy xuôi (Qvđ, BK)

[←1857]

Khảo dị : Chàng răng : Nói **khéo** lạ đời (KOM)

[←1858]

Thâm giao : giao ước nặng tình với nhau từ lâu.

[←1859]

Vật đổi sao dời do chữ *vật hoán tinh di* : ý nói mọi sự trên đời đều thay đổi. Thơ Vương Bột (Đường) : *Vật hoán tinh di kỷ độ thu* = vật đổi sao dời đã trải mấy thu.

[←1860]

Khảo đị : Tử sinh **phải** giữ lấy lời tử sinh (KOM)

[←1861]

Khảo dị : Duyên kia có phụ chi **mình** (KOM)

[←1862]

Khảo đị : Mà toán **chia** gánh chung tình làm hai (Qvđ, BK)

[←1863]

Gia thất duyên hài : đẹp duyên vợ chồng.

Gia thất : vợ chồng, là bởi chữ *Kinh Thi* : *Chi tử vu quy, nghi kỳ*
gia thất = người con gái ấy về nhà chồng, êm ấm cửa nhà. Xem ct
503.

[←1864]

Ý cǎ câu : Người con gái lấy chồng phải như đóa hoa còn phong kín nhị (tức là còn giữ nguyên cái nhị hoa lúc mới nở) như vững trăng sáng và tròn, chưa khuyết, tức là nói trinh tiết còn nguyên vẹn.

[←1865]

Trần cầu : bụi ghét, ý nói cái thân nhơ bẩn.

[←1866]

Khảo dị : Trông hoa đèn chǎng **tủi** mình lǎm ru (Qvđ)

[←1867]

Khảo dị : Từ rày khép cửa **buồng** thu (KOM)

[←1868]

Khảo dị : Chàng dù nghĩ đến **gần** xa (KOM)

[←1869]

Cầm sắt : đàn cầm và đàn sắt là hai thứ đàn cổ thường đánh hòa âm với nhau, chỉ cảnh vợ chồng hòa hợp, êm ấm. *Kinh Thi* : *sâm si hạnh thái, tả hữu thi chi, yếu điệu thực nữ, cầm sắt vĩ chi* = rau hạnh ngọt dài ngọt ngắn không đều nhau, (khi đã tìm được) thì hái cả ở bên phải, bên trái ; người con gái tươi tắn, dịu dàng, kín đáo (đã tìm được) ta gảy đàn cầm sắt cho nghe để tỏ tình thân mật yêu mến. Cũng *Kinh Thi* : *Thê tử hảo hợp như cổ cầm sắt* = cảnh vợ chồng hòa hợp êm ấm như tiếng đàn cầm đàn sắt đánh hòa nhau. Xem câu 3178.

Cầm cờ, tức *cầm kỳ* : cây đàn và cuộc cờ. Bầu bạn khi gặp nhau thường cùng gảy đàn, đánh cờ làm vui, nên tình cầm cờ là nói tình bầu bạn.

[←1870]

Khảo dị : Đã buồn cả ruột **lại** dơ cả đời (KOM)

[←1871]

Khảo dị : Chữ *trinh* kia cũng có ba bảy **dường** (KOM,Qvđ)

[←1872]

Quyền : tức quyền biến, nghĩa là theo hoàn cảnh mà thay đổi cách xử sự.

Kinh : kinh thường, là cách xử sự theo lẽ thường.

Chấp kinh : giữ theo đạo thường. Xem ct 600.

[←1873]

Khảo dị : Bụi nào **còn đục đèn** mình ấy vay (K141)

[←1874]

Khảo dị : Tan sương **biết ngỡ áng** mây giữa trời (Qvđ)

[←1875]

Chàng Tiêu, do chữ *Tiêu lang* : tiếng xưng hô của người con gái đỗi với tình nhân. Theo *Toàn Đường thi thoại*, Thôi Giao đời Đường có người tì thiếp yêu, đoan trang xinh đẹp, giỏi âm luật. Sau vì nghèo mà phải đem bán cho Vu Địch. Thôi Giao thương nhớ vô cùng. Nhân tiết Hàn thực, có việc nhà, nàng phải ra ngoài thì gặp Thôi Giao đứng dưới gốc cây liễu. Nàng khóc rồi cùng hẹn với Thôi là sẽ giữ trọn lời ước cũ. Thôi Giao đề thơ tặng nàng, có câu : *Hầu môn nhất nhập thâm như hải, tòng thử Tiêu lang thị lộ nhân* = cửa hầu khi đã vào khỏi thấy mắt hút sâu như bể, từ đấy chàng Tiêu thành ra người qua đường. Vu Địch thấy lời thơ đó, cho người con hầu về đoàn tụ với Giao.

H.T : Vả là rốn bể cửa hầu, ra vào vì chút thẳm sâu ngại ngùng (423).

Vũ Trinh phê : *Kim trọng giải xuất trinh tự, chân Kiều tri kỷ giã. Phù tâm tích song trinh, thượng hỷ ! Thể hữu tâm trinh, nhi tích bất trinh ; diệc hữu tích trinh nhi tâm bất trinh, ô đắc nhân nhân nhi tri chi* = Kim Trọng phân tách ra một chữ *trinh*, thật là một người tri kỷ của Kiều. Người đời cả tâm và tích hai bể đều trinh là cao quý bậc nhất. Còn như đời có người tâm vẫn trinh, mà tích không trinh, cũng có người hình tích bể ngoài thì trinh, mà tâm không trinh. Thể thì làm sao mà biết rõ điều đó của từng người được.

[←1876]

Khảo dị : Hết lời khôn lẽ **dứt** lời (KOM)

[←1877]

Khảo dị : Đoàn viên tiệc mở nhà lan (KOM)

[←1878]

Khảo dị : Hoa soi ngọn đuốc hồng **giăng** bức là (KOM)

[←1879]

Giao bái : lạy vái lẫn nhau.

[←1880]

Khảo dị : Lễ đà đù lễ đôi **đà** đù đôi (Qvđ)

Khảo dị : Lễ đà đù lễ đôi **là** đù đôi (BK)

[←1881]

Động phòng : phòng sâu kín, phòng của vợ chồng mới cưới.

Dìu đặt : ý nói khuyên mời êm ái, dịu dàng. Xem câu 3197 và ct 642.

Chén mồi : chén bằng mai đồi mồi – Loại rùa bể mai có hoa đẹp.

[←1882]

Sen ngó : sen mới mọc ngó, sen còn non.

Đào tơ : đào còn non.

Sen ngó đào tơ : là nói từ buổi đầu gặp gỡ nhau khi còn độ trέ trung.

Khảo dị : Nhữց từ **trên ngọn** đào tơ (KOM)

[←1883]

Khảo dị : Sáu câu 3139-3144, bản *Kinh* chép :

Thế gian đâu có hội này,
Bõ lòng chua xót thoả ngày khát khao.
Canh tàn gạt ngọn đèn cao,
Nhìn nhau dường giấc chiêm bao mơ màng.
Sánh vai chung gối đêm truởng,
Lạ gì yêu phẩn dấu hương thế tình. (K₁₄₇)

[←1884]

Ý cǎ câu : Kim Trọng, Thúy Kiều chuyện trò với nhau về những nỗi vui (hoan) buồn (bi) mãi cho đến khi đêm đã khuya, trăng đã cao.

Khảo dị : Bi hoan mĩ nỗi đêm **này** trăng cao (Qvđ)

[←1885]

Tỏ dạng : soi rõ dạng người, tức là dáng dấp, vóc dạo Thúy Kiều.

Khảo dị : Dưới đèn tỏ **nghĩa** má đào thêm xuân (Qvđ)

[←1886]

Khảo dị : Hoa xưa **bướm** cũ **mười** phân chung tình (KOM)

[←1887]

Xương tùy, do chữ *phu xương phụ tùy* : chồng bảo vợ theo. Đây, *xương tùy* chỉ có nghĩa là vợ chồng.

Khảo dị : Chiều lòng gọi **chút** xương tùy mảy may (KOM)

[←1888]

Mặt dạn mày dày : người đã phải chịu khổ nhục nhiều mà hóa ra liều không còn biết sợ xấu hổ nữa. Xem câu 1237.

[←1889]

Khảo dị : Những **là** âu yếm **bè** ngoài (Qvđ)

[←1890]

Khảo dị : Nhặt hương dưới đất bẻ hoa cuối mùa (KOM)

[←1891]

Khảo dị : Cũng đơ (rơ) giở nhuốc bày trò (Qvđ, BK)

[←1892]

Ý cản câu : Nói bấy giờ hai người lyny nhau là không hợp, không xứng đôi nữa. *Tả truyện* : *Giải phẫu viết phổi, oán ngẫu viết cùu* = vợ chồng tốt đôi thì gọi là sánh nhau, oán nhau mà lyny nhau thì gọi là thù.

Khảo dị : Còn tình đâu nữa mà thù đũy thôi (Qvđ)

[←1893]

Cửa nhà : chỉ việc gia đình.

[←1894]

Khảo đị : Chẳng cầm cho vững **nỡ** giày cho tan (KOM)

[←1895]

Chan chan : tràn trề, đầy dẫy. Xem câu 1759.

[←1896]

Khảo đị : Hay gì vầy **cái** hoa tàn mà chơi (KOM, BK)

[←1897]

Khảo dị : Tưởng thề thốt nặng **nên** đau đớn nhiều (KOM)

Khảo dị : Tưởng thề thốt nặng **mà** đau đớn nhiều (Qvđ)

[←1898]

Khảo dị : **CÙNG** nhau sinh tử đã liều (KOM)

Khảo dị : Thương nhau sinh tử đã **nhiều** (Qvđ)

[←1899]

Khảo dị : Gặp nhau còn **thiếu** bấy nhiêu là tình (KOM)

Khảo dị : **Mấy** nhau còn chút bấy nhiêu là tình (Qvđ)

[←1900]

Khảo đị : Nghĩ **sao cho** thoát khỏi vành ái ân (Qvđ)

[←1901]

Ý cả hai câu 3175-3176 : Bấy lâu nay tìm Thúy Kiều là một việc rất khó khăn, mất nhiều công phu lăm như mò kim đáy biển. Đó là vì đeo đuổi cho trọng lời thề vàng đá chứ không phải là tìm chuyện trăng hoa. Xem ct 352.

[←1902]

Sắt cầm : nghĩa như chữ *cầm sắt*. Xem ct 3110.

[←1903]

Khảo dị : Khẩu đầu lạy **trước** cao thâm nghìn trùng (Qvđ)

[←1904]

Gạn đục khơi trong : gạn bỏ hết phần đục, khơi lên mà lấy phần trong, tức là nói gạn bỏ điếu xấu mà nêu lấy cái hay cái tốt.

[←1905]

Khảo dị : Mấy lời tâm **phủ** ruột **già** (KOM)

[←1906]

Danh tiết : danh dự và tiết tháo, trinh tiết.

Khảo dị : Trăm năm danh tiết cũng **về** đêm nay (Qvđ)

[←1907]

Khảo dị : Thêm nến giá **đốt** hương bình (Qvđ)

[←1908]

Chén quỳnh : chén rượu quỳnh tương, ý nói chén rượu quý.

Chuốc : xem ct 1296.

Giao hoan : cùng vui với nhau.

Khảo dì : Cùng nhau lại **chúc** chén quỳnh giao hoan (BK)

[←1909]

Khôn hàn : khó ngăn lại, cầm lại được.

[←1910]

Tay tiên : đây nói tay người đẹp và giỏi đàn. Xem các câu 206, 403.

[←1911]

Tiếng huyên : tiếng đàn.

[←1912]

Dương hòa : khí dương êm hòa của mùa xuân – Nghe khúc đàn
đầm ấm như hòa với trời xuân.

[←1913]

Hồ điệp : con bướm bướm.

Trang sinh : tức Trang Chu, người huyện Mông nước Lương thời Chiến quốc. *Trang tử* : « Xưa kia, Trang Chu chiêm bao thấy mình hóa bướm ! Tự thấy thích chí chǎng, chǎng biết đến Chu nữa ! Thoắt thức dậy, thì thù lù là Chu ! Không biết Chu chiêm bao thành bướm chǎng, hay bướm chiêm bao thành Chu chǎng ? »

Rút từ điển này, văn nôm có : *giấc bướm* (QÂTK), *giấc hồ* (HT), *hổ điệp* (HĐQÂ), *hổn hồ* (LTKN), *hổn hồ điệp* (HĐQÂ), *Trang Chu hóa điệp* (CHQVN).

[←1914]

Thục đế : vua nước Thục.

Đỗ quyên : chim cuốc, cũng gọi là tử quy, hoặc đỗ vũ. *Hoàn vũ ký* : Vua nước Thục là Đỗ Vũ, hiệu Vọng đế sau khi đã nhường ngôi cho người khác, lên ẩn ở núi Tây-sơn, chết hóa thành chim đỗ quyên tiếng kêu ai oán.

[←1915]

Duennifer : vùng bể có trăng soi. Xem các câu 1053, 2703.

[←1916]

Lam-điền : tên hòn núi ở tỉnh Thiểm-tây, nơi sản sinh nhiều ngọc quý. Mấy câu tả khúc đàn ở đoạn này, lấy ý trong một bài thơ Đường. Bài *Cầm sắt* của Lý Thương Ẩn (Đường) có những câu : *Trang sinh hiểu mộng mê hồ điệp. Thực đế xuân tâm thác đỗ quyên ; thương hải nguyệt minh châu hữu lệ, Lam-điền nhật noãn ngọc sinh yên* = Trang sinh trong giấc chiêm bao buổi sáng mơ màng tưởng mình hóa bướm, vua Thục đế ký thác cái lòng thương tiếc thì xuân vào chim đỗ quyên, chỗ bể rộng bóng trăng soi hạt ngọc trai có nước mắt, Lam-điền buổi nắng ấm những hòn ngọc lên hơi.

Đây là lần cuối cùng Thúy Kiều đánh đàn. Xem ct 469.

Vũ Trinh phê : *Tả Kiều sở đàn phàm ngũ xứ, nhất xứ hữu nhất xứ tình cảnh, nan đắc nan đắc* = Tả Kiều đánh đàn cả thảy năm chỗ, chỗ nào có riêng tình cảnh của chỗ ấy. Thật khó được ngòi bút như thế.

[←1917]

Não nùng : ý nói cảm động, say đắm lòng người. Xem câu 1285.

Khảo dị : 5 câu 3206-3210, *bản Kinh* chép :

Đầu mày tươi liễu cuống lòng thoả hoa.

Răng : Này cũng lạ thay là,

Xưa sao râu rĩ nay sao vui vầy ?

Tẻ vui cũng tại lòng này,

Thôi chiều khổ tận đến ngày cam lai. (K₁₅₂)

[←1918]

Khảo dị : Thương vui bởi tại lòng này (KOM)

[←1919]

Khổ tận cam lai : cái đắng hết cái ngọt đến, ý nói vận khổ đã qua, vận sướng bắt đầu tới.

[←1920]

Khảo đị : Nàng rǎng : « Vì chút **hay** chơi... (Qvđ)

[←1921]

Khảo dị : Một phen tri kỷ **mừng** nhau (KOM)

[←1922]

Khảo dì : Cuốn dây từ **đó** về sau cũng chừa (KOM)

[←1923]

Khảo dị : Gà **vừa** gáy sáng trời vừa rạng đông (KOM)

[←1924]

Khảo dị : Tình riêng chàng lại nói **cùng** (Qvđ)

[←1925]

Khen lao : lầy lời mà khen ngợi và an ủi.

Lao : an ủi, ngợi khen.

Khảo dị : Một nhà ai cũng lạ lùng khen **khao** (BK)

[←1926]

Thục nữ : người còn gái hiền.

[←1927]

Sớm mận tối đào : sớm ấp mận tối ôm đào, ý nói sớm đi với người này tối đi với người khác, là hạng người trăng gió hư nết.

[←1928]

Hai tình : tình vợ chồng và tình bè bạn. Xem câu 860.

[←1929]

Cầm thơ : chỉ việc đánh đòn làm thơ, là nói tình bè bạn.

[←1930]

Khảo đị : Khi chén rượu **lúc** cuộc cờ (Qvđ)

[←1931]

Bạn bầy : hai người hay nhiều người kết bạn với nhau, nghĩa như chữ *bạn bè*.

[←1932]

Khảo dị : **Sai** người thân tín rước thày Giác Duyên (KOM)

[←1933]

Khảo dị : Đến **đà** đóng cửa cài then (Qvđ)

[←1934]

Khảo dị : Rêu trùm kẽ ngạch cỏ **chen** mái nhà (Qvđ)

[←1935]

Khảo dị : Nặng vì chút nghĩa **xưa sau** (Qvđ)

[←1936]

Quan giai : bực thang làm quan, cứ từng cấp mà thăng lên.

[←1937]

Thừa gia : gánh vác việc nhà.

Chẳng hết : ý nói đảm đương có thừa.

[←1938]

Cù mộc : cây to, gốc cong, là chữ sách *Kinh Thi* ví với người vợ cả. Xem ct 902.

Quế hèo : nói nhà có con cái đông đúc mà đều làm nê. Theo *Tống sử*, năm con trai của Đậu Vũ Quân đất Ngư-dương là Nghi, Nghiêm, Khản, Xứng, Hy, kế tiếp nhau thi đỗ to, đều là người có danh vọng lớn. Người đời khen, gọi là *Yên-sơn Đậu thị ngũ long* (năm con rồng họ Đậu đất Yên-sơn). Thơ Phùng Đạo mừng Vũ Quân có câu : *Linh xuân nhất châu lão, đan quế ngũ chi phƯƠng* = linh xuân một gốc thọ, đan quế năm cành thơm. HĐQÂ : Thơm tho dòng Đậu cành đan quế, ấm áp sân Điện khóm tử kinh. Văn nôm còn có : *ngũ quế* (MĐMK), *quế non Yên* (PT)... Xem câu 1257.

[←1939]

Vườn xuân : nói cảnh nhà vui vẻ, êm đẽp như vườn cây mùa xuân, chiếu lên câu « một cây cù mộc một sân quế hè » trên đây.

Đề bia muôn đời : ý nói để tiếng khen trên bia miệng muôn đời, tức là tiếng khen được người đời truyền tụng mãi.

[←1940]

Khảo đị : Ngẫm hay muôn sự **bởi** trời (KOM)

[←1941]

Nghiệp : chỉ duyên kiếp sẵn từ trước. Xem ct 2680.

[←1942]

Thiện căn : cái gốc của điều thiện, điều lành. *Thiện căn ở tại lòng ta*, Nguyễn Du muốn nói thiện hay ác là từ ở lòng ta mà ra. Lòng đây là tâm, là đức, là lương tâm, là ý thức. Tâm địa ta, ý thức ta muốn làm điều tốt, điều lành thì ta trở nên người thiện. Trái lại tâm địa ta, ý thức ta xấu thì ta có hành động xấu, ta trở nên ác. Nhưng thực ra trong các xã hội có giai cấp, có người đị áp bức bóc lột người, thì quan hệ giữa người với người là quan hệ giữa kẻ đị áp bức, bóc lột với kẻ bị áp bức, bóc lột, luôn luôn xung đột nhau, khi công khai, khi ngầm ngầm. Cho nên khó mà « thiện căn ở tại lòng ta » được. Mác nói « Phương thức sản xuất của đời sống vật chất quyết định quá trình sinh hoạt xã hội, chính trị và tinh thần nói chung. Không phải ý thức con người quyết định sự tồn tại của mình ; trái lại, chính sự tồn tại xã hội của con người quyết định ý thức con người ».

[←1943]

Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài : Tâm, tài đây có thể nói là đức, tài. Người có lòng tốt, có đức hiếu thảo thì hơn người có tài mà không có đức, không có lòng hiếu thảo. Tài như thế thì dễ thành tai.

Thực ra tâm, tài ; đức, tài phải đi đôi với nhau. Người có tâm địa tốt mà không có tài cán gì thì là người vô dụng. Và ngược lại, người có tài mà tâm địa xấu thì thành tai vạ cho xã hội và bản thân.

[←1944]

Khảo dị : Lời quê **nhặt nhạnh** dông dài (Qvđ)

[←1945]

Xem đoạn giới thiệu bản *Kiểu* này, tr.92. Nguyên đẽ : « Tân khắc Đoạn trường tân thanh Lệ ngôn thập tắc » Chúng tôi có đổi chiếu với nguyên văn mà san nhuận lại.

[←1946]

Thánh Thán người đất Trường-châu, đời Thanh có soạn lời bình các sách *Thủy hử*, *Tây sương ký*, *Tam quốc chí diễn nghĩa*... rất được đời truyền tụng. Trong số các tài liệu chúng tôi có hiện nay, không thấy nói đến việc *Thánh Thán* phê bình *Thanh Tâm Tài Nhân*. *Thanh Tâm Tài Nhân* là ai ? Hiện nay chúng ta cũng chưa được rõ. Chỉ biết rằng cuốn *Kim Vân Kiều truyện* do ông soạn và Nguyễn Du đã phỏng theo cốt truyện đó để sáng tác truyện *Kiều*.

Kim Vân Kiều truyện còn có tên *Song kỳ mộng*, vốn là một cuốn tiểu thuyết Trung-quốc, thuộc vào loại « tài tử thư » rất thịnh hành vào nửa sau thế kỷ XVII ở Trung-quốc. Nội dung loại sách này miêu tả không ngoài các chuyện « bi hoan ly hợp », chuyện các « tài tử giai nhân ». *Kim Vân Kiều truyện* chép truyện *Vương Thúy Kiều*, là một nhân vật có thực trong lịch sử Trung-quốc (*Minh sử*, quyển 205 – Hồ Tôn Hiến truyện). Truyện *Vương Thúy Kiều* được ghi lại lần đầu trong *Ký tiểu trừ Từ Hải bản mạt* của Mao Khôn (1512-1601). Đến đầu đời Thanh, Dư Hoài tự Đạm-tâm dựa trên cơ sở đó mà viết nên *Vương Thúy Kiều truyện* (*Ngu sơ tân chí*, quyển 3), nhưng ông đã miêu tả một cách cụ thể tính cách của *Thúy Kiều* và *Từ Hải*, và đã biểu lộ sự đồng tình sâu sắc của mình đối với hai nhân vật này. *Thanh Tâm Tài Nhân* lại dựa vào *Vương Thúy Kiều truyện* của Dư Hoài mà soạn nên bộ tiểu thuyết chương hồi là *Kim Vân Kiều truyện* (20 hồi) như chúng ta đã biết. Bản này hiện nay Thư viện khoa học trung ương có một bản chép tay. Ngoài ra Viện Văn học còn có một bản in giấy sáp do Học viện Sư phạm Quảng-đông gửi biếu. *Kim Vân Kiều truyện* trước đây đã được dịch ra tiếng Việt (bản dịch của Nguyễn Duy Ngung – Phan Bá Cần xuất bản, Hà-nội 1925), năm 1962 Viện Văn học đã dịch lại cho chính xác hơn và in bằng giấy sáp.

Kim Vân Kiều truyện được ấn hành ở Trung-quốc vào khoảng giữa các năm Thuận-trị, Khang-hy nhà Thanh. Các bản *Thánh Thán* nhắc đến trong bài *tổng thuyết* của Minh-mệnh, bài tựa *Kim Vân Kiều án* của Nguyễn văn Thắng, bài *tổng tử* của Tự đức... chắc là bản này của *Thanh Tâm Tài Nhân* và đã được *Thánh Thán* phê bình

như đã ghi trong *Tập văn họa kỷ niệm Nguyễn Du* (tr.49) : *Thanh Tâm Tài Nhân – Quán hoa đường bình luận Kim Vân Kiều truyện, Thánh Thán ngoại thư.*

Nguyễn Du sáng tác truyện *Kiều* trên cơ sở *Kim Vân Kiều truyện* của Thanh Tâm Tài Nhân nói đây. Song Nguyễn Du đã bắng vào thiên tài và kinh nghiệm sống phong phú của mình, chỉ dựa vào cái sườn của cốt truyện văn xuôi của Thanh Tâm Tài Nhân mà sáng tạo ra hẵn một thi phẩm của riêng mình.

[←1947]

Xem ct 3, tr.93

[←1948]

Xem ct 3, tr.93

[←1949]

Xem ct 4, tr.84 và ct 1, tr.85

[←1950]

Nguyễn Văn Thắng, người làng An-thái, huyện Vĩnh-thuận, phủ Phụng-thiên (nay là Hoài-đức, tỉnh Hà-tây), đậu tiến sĩ năm Minh-mệnh thứ bảy (1826), làm quan đến chức tham hiệp tỉnh Thanh-hóa. Mùa đông năm Canh dần (1830) phải tội bị hạ ngục và soạn ra tập *Kim Vân Kiều án*.

[←1951]

Túc Đào Nguyên Phổ, tự Tảo-bi, người làng Thượng-phán, huyện Quỳnh-côi, tỉnh Thái-bình. Ông sinh năm 1860, mất năm nào không rõ. Năm Thành-thái thứ 10 (1898), ông đậu hoàng giáp, làm thừa chỉ, sau ra làm báo, chủ bút tờ Đồng văn nhật báo (*Lược truyện các tác gia Việt-nam* tập I, tr.489, số 680).

[←1952]

Nguyễn văn : *Lư-sơn chân diện*, nghĩa là hình dáng thực núi Lư-sơn, chỉ chân tướng không thay đổi của sự việc, bộ mặt thực của sự vật. Thơ Tô Thức (Tống) : *Hoành khan thành lãnh, trắc thành phong, viễn cận cao đê các bất đồng ; bất thức Lư-sơn chân diện mục, chỉ duyên thân tại thử sơn trung* = xem ngang thành đỉnh có đường mòn, xem nghiêng thành chỏm núi cao ; ở xa hay gần (mà nhìn) thì cao thấp có khác nhau ; không biết được hình dạng thực núi Lư-sơn, chỉ tại theo thân ở trong núi đó.

[←1953]

Nguyễn văn : « ...Nhưng y quốc ngữ tây tự lánh thành nhất bản dĩ trung vu nhất, phi cảm dữ nhân tranh thị giã ». Như vậy, Kiều Oánh Mậu định phiên âm bản nôm ra một bản quốc ngữ khác. Nhưng nếu nghĩa thẽ, có chỗ ngờ : một là, từ khi viết bài *Lệ ngôn* này đến khi Kiều Oánh Mậu mất (1912), không thấy bản quốc ngữ nào được in ra cả ; hai là, câu đó không hợp với phần *Lệ ngôn* của bản *Đoạn trường tân thanh* nói đây. Phải chăng Kiều Oánh Mậu muốn chỉ cách phiên âm theo lối *phiên thiết* một số chữ nôm trong bản *Đoạn trường tân thanh* mà ông đã ghi chú ở phần chú giải ?

[←1954]

Dịch nguyên văn : Liệt truyện Nguyễn Du (do tự Quốc sử tiền biên mà lục ra).

Nguyễn Du, tự Tố-như tử, hiệu Hồng-sơn liệp hộ, người xã Tiên-diễn, huyện Nghi-xuân, tỉnh Hà-tĩnh, con xuân quận công triều Lê Nguyễn Nghiêm, và em tham tụng Nguyễn Khản.

Du, con nhà tướng văn, có tài văn chương giữ khí tiết, chăng chịu làm quan với ngụy (chỉ triều đại Tây-sơn). Đầu triều Gia-long, vua cho làm tri phủ Thường-tín, ít lâu vì đau ốm cáo về. Năm thứ 5, được triệu làm đồng các học sĩ, năm thứ 8, ra làm cai bạ tỉnh Quảng-bình, trị dân có chính tích tốt. Năm thứ 12, thăng cần chính điện học sĩ, sung chức chánh sứ sang cống nhà Thanh. Khi về, thăng hữu tham tri bộ Lễ. Năm Minh-mệnh năm đầu, lại có mệnh đi sứ, chưa đi thì mất. Vua cho hai mươi lạng bạc, hai cây gấm tầu. Việc tang lễ cho thêm ba trăm quan tiền.

Ông là người trong lòng tự phụ mà ngoài mặt cẩn hậu. Mỗi khi tiến kiến, lo sợ rụt rè như người không thể nói nǎng được. Từng được lời vua dụ rằng : « Nhà nước dùng người, duy dùng người hiền tài, vốn không phân biệt trong nam ngoài bắc. Người cùng Ngô Vị (còn có tên là Ngô Thời Hương người làng Tả Thanh-oai, huyện Thanh-oai nay thuộc tỉnh Hà-tây. Không biết ông sinh và mất năm nào. Theo *Ngô gia Thế phả*, năm Canh thìn (1820), ông được cử làm chánh sứ sang triều Thanh, mất ở dọc đường – NTG ghi chú) đã được tri ngộ, làm quan đến bậc á khanh ; nên biết điều gì cứ nói hết, cho đầy đủ chức trách. Đâu lại rụt rè e sợ chỉ những vâng dạ mà thôi ! ».

Ông giỏi thơ, lại càng tài làm văn quốc âm. Từ khi đi sứ nhà Thanh về, đem cuốn *Bắc hành thi tập* và quyển truyện *Thúy Kiều* lưu hành ở đời.

Ông lúc đầu, vì nhà đời đời làm quan với triều Lê, gặp loạn Tây-sơn, không có chí ra làm quan nữa, bèn tùy ý thích mà chơi săn cho thỏa, chín mươi chín ngọn núi Hồng vết chân gần khắp. Đến khi bị triệu, có mệnh không được từ ông mới chịu ra. Ông làm quan thường phải quan trên áp chế nên phần uất bất đắc chí. Đến khi

bệnh nặng, ông không chịu uống thuốc, bảo người nhà mở xem chân tay. Họ nói với ông đã lạnh rồi, ông nói « được ». Nói xong thì mất, không trối lại một điều gì. Ông có hai em Thảng và Sóc đều nổi tiếng có tài nghệ. Thảng chữ viết ngay ngắn, có tiếng chữ tốt, lúc đầu được sung vào viện hàn lâm, giữa triều Minh-mệnh đổi làm thị lang bộ Công. Sóc có xảo tú, khoảng niên hiệu Gia-long làm thiêm sự bộ Công, trải làm đến giám đốc vũ khố (Trần Lê Nhân dịch).

[←1955]

Văn thể : đem ra hỏi đời, nói về văn thơ đem ra công bố cho người đời khen chê.

[←1956]

Đỗ Huy Liệu, hiệu Tân-xuyên, người làng La-ngạn, huyện Đại-an, Nam-định. Năm Tự-đức thứ 32 (1879), đậu hoàng giáp, làm biện lý bộ Hộ và tham biện Nội các. Ông có tính khảng khái, xin cáo quan về nuôi dưỡng cha mẹ (*Lược truyện của tác gia Việt Nam* tập I, tr.460, số 627).

[←1957]

Trịnh, Vệ : hai thiên Trịnh phong, Vệ phong trong Kinh Thi do Khổng tử san định, có những lời thơ đậm.

[←1958]

Nguyễn văn : « Bất học thi vô dĩ ngôn » (Luận ngữ).

[←1959]

Tức là năm 1898.

[←1960]

Tức là năm 1902.

[←1961]

Khoa thi năm 1880. Xem ct 1, tr.93.

[←1962]

Tiếp sau, Kiều Oánh Mậu có ghi lời thanh minh đại để nói : Bản này tôi tìm tòi tham đính hơn vài mươi năm sau mới đem ra trình Phủ thống sứ. Ai sửa cho khắc in lại sẽ bị thu bản in và bị tội.

[←1963]

Chúng tôi đối chiếu với nguyên văn, dựa trên bản dịch của Đào Duy Anh (in trong **Tập văn họa kỷ niệm Nguyễn Du**) mà san nhuận lại.

[←1964]

Hàn Thuyên : chính tên là Nguyễn Thuyên, người làng Vụ-cầu, huyện Hạ-hòa, tỉnh Phú-thọ. Không rõ ông sinh và mất vào năm nào. Đời Trần Thái tông (1225-1258) năm Thiên-ứng-chính-bình thứ 16 (1247), ông đậu thái học sinh và làm quan đến chức thưượng thư bộ Công. Đời Trần Nhân tông (1279-1293), năm Thiếu-bảo thứ 4 (1282), tục truyền có cá sấu vào sông Lô, vua sai ông làm bài văn tế cá sấu ném xuống sông, cá sấu bỏ đi. Việc đuổi cá sấu giống việc làm của vua Hán Dũ đời Đường nên vua khen thưởng và cho ông theo họ Hàn. Ông là người có tài làm văn thơ nôm và là người đầu tiên dùng luật thơ Đường vào thơ nôm, nên đời sau gọi thơ nôm theo Đường luật là thơ Hàn luật.

Tác phẩm của ông có : *Phi sa tập*. Theo Phan Huy Chú, trong *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập này có nhiều thơ nôm, sách đã bị quân nhà Minh lấy mất (*Lược truyện các tác gia Việt Nam*, tập I, tr.203, số 39).

[←1965]

Bài tựa *Tỳ bà quốc âm truyện* đề vào năm Bính thân (1896) niên hiệu Thành-thái, Kiều Oánh Mậu cho rằng thể văn lục bát phỏng theo các câu có sẵn trong kinh sử, ví như : « Lục tam hàm chuong khǎ trinh, hoặc tòng vương sự bất thành khǎ chung » (Dịch) ; hay « Phù thủy nhất thược chi đa, cập kỳ bất trắc nguyên đà giao long » (Trung dung) vân vân (tờ 1a).

[←1966]

Hiệu sản xuất, chế biến chè ngon có tiếng ở Hà-nội.

[←1967]

Quỷ-cốc : Theo *Sử-ký*, ông là thầy học Tô Tần, Trương Nghi thời Chiến quốc, không rõ tên họ là gì, nhân chỗ ở là Quỷ-cốc, nên tự đặt tên hiệu cho mình là *Quỷ-cốc tử*. Tương truyền ông là người giỏi thuật số, thông hiểu mọi lẽ, có soạn quyển sách nói về thuật số.

[←1968]

Nguyên văn cả ba chỗ đều dùng một chữ thiên cổ : thiên cổ tuyệt
đính tình nhân » ... « thiên cổ tuyệt đính tình sự » ... « thiên cổ
tuyệt đính tình từ ».

[←1969]

Nguyên văn cả ba chỗ đều dùng một chữ thiên cổ : thiên cổ tuyệt
đính tình nhân » ... « thiên cổ tuyệt đính tình sự » ... « thiên cổ
tuyệt đính tình từ ».

[←1970]

Nguyên văn cả ba chỗ đều dùng một chữ thiên cổ : thiên cổ tuyệt đính tình nhân » ... « thiên cổ tuyệt đính tình sự » ... « thiên cổ tuyệt đính tình từ ».

[←1971]

Tức là năm 1895.

[←1972]

Xem ct 2, tr.93.

[←1973]

Nguyên văn : « *Chi quý Lạc đô* », là lối điển trong *Tấn thư* (Tả Tư truyện) : Tả Tư làm bài phú Tam đô, làm trong mười năm mới xong, bấy giờ chưa ai biết trọng. Về sau, Hoàng Phủ Mật biết giá trị bài phú mới làm bài tựa, tiếp đó Trương Tái chú thích Ngụy đô ; Lưu Quỳ chú thích Ngô đô, Thục đô ; người đời mới thấy rõ văn tài của Tả Tư. Từ đấy các nhà quyền quý tranh nhau sao chép, làm cho giá giãy ở kinh đô Lạc-dương cao vọt hẳn lên.

[←1974]

Xem ct 15, tr.499.

[←1975]

Xem ct 7, tr.496.

[←1976]

Gần đây, Thư viện Khoa học xã hội có mượn của Thư viện tỉnh Thái-bình một số sách Hán, nôm, trong đó có ba bản *Kiều* chép tay :

- *Kim Vân Kiều chú nghĩa* – Kỷ mùi niên (chắc là Kỷ mùi 1919).
- *Kim Vân Kiều lục* – Cẩm văn đường tàng bản. Tự-đức Bính tý (1876).
- *Kim Vân Kiều truyện* (thực ra là bản *Đoạn trường tân thanh* do Kiều Oánh Mậu chú thích – bản KOM).

Theo thiển ý chúng tôi, cả ba bản *Kiều* này không có gì đáng chú ý đặc biệt về mặt văn bản.

[←1977]

Đây là các bản *Báo cáo khoa học* đã trình bày trong các Hội nghị khoa học hàng năm của Khoa Ngữ văn và Khoa Tiếng Việt trường Đại học Tổng hợp Hà-nội. Tác giả mười chuyên đề đầu là đồng chí Nguyễn Thạch Giang và hai chuyên đề sau là đồng chí Nguyễn Phan Cảnh.